



NGƯỜI TÌNH LUỘNG
TRƯỜNG HỌC KỂ
LÒNG XUÂN CÁT

LÝ TỬ TRẦN
VƯƠNG LÂM

BÍ MẬT GIÁ ĐÌNH HỌ TỔNG

Chương I CHUYỆN XƯA VỀ GIA TỘC HỌ TỐNG

I. TỔ TIÊN Ở ĐẢO HẢI NAM

Quê cũ Văn Xương

Ở phía Nam Trung Quốc, có một hòn đảo hình giọt mực, bốn bề là biển bao bọc, eo biển Quỳnh Châu ngăn cách giữa đảo và đất liền, đó chính là đảo Hải Nam nổi tiếng. Ở đây một năm bốn mùa gió dứa xào xạc, sóng biển rì rào, khí hậu á nhiệt đới khiến cho hòn đảo này có một phong cảnh khác hẳn với đất liền và một nền văn hóa hải đảo rất riêng biệt. Tuy rằng con người ở đây thoát khỏi lối canh tác bới lỗ gieo hạt rất muộn, nhưng vị trí địa lý đặc biệt của nó, lại khiến nó được nền văn minh Âu – Mỹ gột rửa cho sớm hơn nhiều so với đất liền, và đời ông đời cha ra nước ngoài làm thuê, phiêu bạt bốn phương để kiếm tiền, sớm đã trở thành một nếp sống. Có thể do ít bị trói buộc bởi quan niệm về quê cha đất tổ, con người ở đây đã nhanh chóng tiếp thu và hòa nhập với nền văn hóa phương Tây, nên cũng giống như tỉnh anh em láng giềng của họ là Quảng Đông. Ở đây đã xuất hiện nhiều nhân vật lớn, có tiếng tăm lừng lẫy.

Ở bờ biển phía Đông của đảo Hải Nam, có khá nhiều hải cảng, mà đều là những nơi neo đậu tuyệt vời, trong đó, có một nơi gọi là Văn Xương, đó chính là mảnh đất cũ của gia đình họ Tống. Nơi này giáp với một vùng vịnh, ngày nay gọi là vịnh Quỳnh Lan.

Nghe nói, tổ tiên họ Tống trước đây ở tỉnh Sơn Tây. Cũng giống như bao nhiêu người Hán, trong những năm 40 của thế kỷ 17, sau khi bị tộc Mãn tràn vào đất nước, họ bị nhiều phen loạn lạc dồn ép xuống phía Nam, đến tỉnh Quảng Đông, rồi lại vượt biển ra đảo Hải Nam lánh nạn và hòa nhập, rồi gả bán cho nhau với giống người Khách sở tại, sau đó ở lại Văn Xương lâu dài, cho nên cũng có thể nói, Văn Xương là nơi khởi nguồn của gia đình họ Tống.

Văn Xương vừa là một hải cảng đẹp, lại là đầu mối giao thông trên biển, có điều kiện thiên thời địa lợi về buôn bán, kinh doanh, bởi vậy ở đây cũng là thiên đường của bọn buôn lậu. Ý vào ưu thế "trời thì cao, vua thì ở xa", việc buôn bán trên đảo này do một trong những hội kín có thế lực lớn nhất ở Trung Quốc bấy giờ là bang Triều Châu khống chế. Vòng buôn bán của các nhà buôn đảo Hải Nam vươn ra tới vùng Đông Nam Á, mà mảnh đất Văn Xương quý báu này cũng tụ họp khá nhiều các nhà buôn, nhà doanh nghiệp đóng tàu, thành viên của các hội kín, các trùm

buôn lậu. Những người làm công việc thực sự bán mặt cho đất, bán lưng cho trời lại rất ít, ai cũng muốn kiếm tiền làm giàu. Bản thân hòn đảo này rất nhỏ, chẳng có thể buôn bán được gì, nhưng cái đó không hề cản trở việc họ tận dụng đầu mối giao thông trên biển ít có trên đời này, để làm những ông trùm quốc tế.

Tổ tiên của họ Tống không cam chịu bới đất mà ăn, đã từng buôn bán, nhưng đời cha của Tống Gia Thụ, so với những gia đình lớn nổi tiếng ở đây, họ Tống chỉ là một nhà buôn tầm thường, tiền của còn chưa đến mức lóa mắt.

Tổ tiên nhà họ Tống từng có mấy chiếc thuyền buồm viễn dương loại lớn, là một loại thuyền ba cột buồm, rất ít thấy, hình dáng từ đầu đến cuối y hệt một quả chuối tiêu, ở đầu thuyền vẽ một đôi mắt rất to, nhìn ra mặt biển xa, đôi mắt đó, cộng với cánh buồm đỏ giống như một chiếc mào gà, trông tựa một con gà mắt to, người trong vùng liền đặt cho loại thuyền buồm một cái tên là "Gà mắt to". "Gà mắt to" của nhà họ Tống rời đảo Hải Nam vào mùa hè hàng năm, để bắt đầu một chuyến buôn bán mỗi năm một lần theo thông lệ. Để đề phòng bọn cướp biển lên thuyền quấy nhiễu, trên mình "Gà mắt to" còn được lắp một khẩu hỏa pháo loại nhỏ để phòng bất trắc. Đội thuyền của nhà họ Tống từng vượt biển sang tận Xu-ma-tra, nhưng nhiều hơn cả là từ Ma Cao thuộc địa của Bồ Đào Nha, đi theo phía Nam xuống buôn bán tại Hà Nội, chở những mặt hàng truyền thống của Trung Quốc như trà, tơ lụa bán sang Đông Nam Á và chở về những mặt hàng mà Trung Quốc khan hiếm.

Kiểu buôn bán với nước ngoài như thế đã nâng đỡ gia đình họ Tống, và những người đời sau của gia đình họ cũng có mối cảm tình sâu sắc đối với công lao của đội thuyền viễn dương này. Tống Tử Văn đã từng tặng tổng thống Mỹ Rôn Pho mô hình chiếc thuyền buồm, kèm một bức thư viết:

"Được biết ngài rất có hứng thú với các loại tàu thuyền đi biển, nay giao cho công sứ của nước tôi dâng tặng ngài mô hình chiếc thuyền buồm viễn dương để làm kỷ niệm. Đảo Hải Nam là hòn đảo ven biển của tỉnh Quảng Đông, gia tộc nhà tôi mấy đời ở đảo này, ai cũng biết rằng nhân dân lao động cần cù ở đây đã dùng loại thuyền nhỏ này để buôn bán và có người đã tới tận Ấn Độ".

Mô hình chiếc thuyền đó chính là "Gà mắt to".

Đương nhiên, từ đời ông cha, gia đình nhà họ Tống cũng chưa có tiếng tăm gì và cũng không đến nỗi lóa mắt như sau này, nhưng những người kế tục, đã khôn ngoan hơn người, buôn bán đã có bài bản, và không thể nói, trong đó không có những nhân tố di truyền của tổ tiên.

Thế nhưng các bậc tiền nhân của họ Tống lúc ấy có nằm mơ cũng không nghĩ

được rằng những lớp người sau của họ lại xuất hiện nhiều danh nhân đến thế. Họ Tống chẳng những đã trở thành một trong những người giàu có hàng đầu về mặt kinh tế ở Trung Quốc, mà lớp con cháu của họ Tống, người nào cũng sôi nổi hoạt động trên vũ đài chính trị Trung Quốc, trở thành một gia tộc lớn làm thế giới phải kinh ngạc.

Hình ảnh thoáng qua về gia tộc họ Tống

Ngoài những gia tộc phong kiến vương công quý tộc, vua chúa công hầu, phong quan tiến chức thế tập theo truyền thống đời con nối đời cha ra, trong những gia đình của người dân Trung Quốc bình thường, rất khó có thể tìm ra một gia đình bề thế với đủ mặt anh tài như gia đình họ Tống.

Gia đình này có ba trai ba gái. Nhắc đến "ba chị em họ Tống" mãi mãi là đầu đề của những câu chuyện lý thú không bao giờ nhàm chán. Ba chị em họ đã trở thành đối tượng hiếu kỳ, tán thưởng và bình luận của mọi người trên thế giới, trong xã hội Trung Quốc mà "con gái bất tài là có phúc", thì các con gái của nhà họ Tống lại người nào người nấy đều nổi trội khác đời, nghĩa khí cao cả, trí tuệ thông minh, chẳng ai là người không có tài sắc và cam chịu sống một cuộc đời bình thản tầm thường. Bằng đôi mắt của người sau để nhìn vào ba người con gái nhà họ Tống, ta vẫn thấy họ đáng gọi là biết bao.

Ba chị em họ Tống: Tống Ái Linh, Tống Khánh Linh, Tống Mỹ Linh, đều là những người đàn bà phi thường một thời trên vũ đài chính trị của Trung Quốc, được cả thế giới công nhận. Tống Ái Linh nổi tiếng về sự bình tĩnh, lão luyện, cay độc xảo trá, là một người cừ khôi trong quản lý tài chính, về thực tế, bà đã thao túng cuộc sống của cả gia đình họ Tống. Có người nói: "Nếu là một người đàn ông, có khi bà ta thống trị được cả Trung Quốc". Tống Mỹ Linh lại là một con người có sắc đẹp quý phái, lớn lên bằng sự giao du rộng rãi, bà nói tiếng Anh rất thạo, xuất hiện trong đủ mọi trường hợp xã giao. Ngay người Mỹ cũng cho rằng Tống Mỹ Linh "ảnh hưởng đến hai thế hệ người Mỹ, ảnh hưởng đến cả quyết định của những nhà lãnh đạo Mỹ, và thông qua những quyết định đó, ảnh hưởng cả thế giới này trong suốt ba mươi năm". Bà là nhân vật nắm quyền hành, đứng ở hậu trường của Quốc dân đảng Trung Quốc. Tống Khánh Linh lại khác với chị và em mình, bà ôm ấp một lý tưởng bao la, ngoài mặt tuy cực kỳ ôn tồn nhã nhặn, nhưng trong lòng lại chắc chắn, vững vàng, trước sau trung thành với lý tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn, yêu nhân dân, yêu hòa bình, được người Trung Quốc và nhân dân toàn thế giới tôn kính và ngưỡng mộ bởi tinh thần quên mình cao cả cũng như phong độ cao thượng và trong sáng của một nhà chính trị. Sau này bà trở thành Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ba chị em đều là những người đàn bà phi thường mặc dù họ không đi trên cùng một con đường. Bởi thế cho đến nay, mọi người vẫn thích nói một câu danh ngôn: "Ngày trước có ba chị em gái, một người yêu tiền, một người yêu quyền, một người yêu nước!".

Ngoài ba chị em gái, ba anh em trai họ Tống là Tống Tử Văn, Tống Tử Lương và Tống Tử An, cũng giống như những người chị em của họ, đều là những học trò "Tây", đi du học nước ngoài về nước, Tống Tử Văn thường được giữ những chức vụ quan trọng trong chính phủ Quốc dân Đảng như Bộ trưởng Tài chính, Viện trưởng hành chính, v.v... hai người em cũng là những nhân vật quan trọng, nắm quyền lớn trong các ngành ngân hàng, tiền tệ của chính phủ Quốc dân.

Do quan hệ hôn nhân của ba chị em họ Tống, lại càng làm cho gia tộc họ Tống lớn mạnh thêm lên. Những người con rể của gia đình này, đều là những nhân vật người người đều hay biết: Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch, Khổng Tường Hy. Gia đình họ Tống quả đúng là đã trở thành "một vương triều không vương miện của họ Tống ở Trung Quốc".

Một người Mỹ là Stecling Sco-lep, đã bình luận như sau về nhà họ Tống:

"Từ gia tộc Pao-ki-a (chỉ một nhà quyền môn ở Tây Ban Nha hồi thế kỷ 15, 16) đến nay, chưa có một gia tộc nào, có thể có một tác động xáo trộn vận mệnh của loài người, họ đã gây nên một tác dụng máu chót trong sự phát triển của cục diện châu Á và toàn thế giới".

Vậy thì Tống Gia Thụ, lãnh tụ của cái "vương triều, không mang vương miện của họ Tống ở Trung Quốc" và cũng là "người cha của ba người con gái kiệt xuất nhất trên thế giới", không nghi ngờ gì, cũng là một vị phụ huynh vĩ đại, một người cha phi thường trên thế giới. Có thể hoàn toàn khẳng định được rằng, nếu không có tư tưởng mạnh dạn và tiến bộ của ông, nếu như ông trọng nam khinh nữ hoặc như bao nhiêu người Trung Quốc trước đây là chịu theo số trời, thì ba người con gái của ông cũng sẽ dùng giẻ quần chân [\(1\)](#), âm thầm giặt áo nấu ăn tại một làng quê nhỏ bé nào đó ở ven biển, hoặc là bán tơ bán trà ở một cửa hàng nho nhỏ mở ra cho người Trung Quốc di dân trên một dãy phố nhỏ.

Làm một người cha, người trụ cột trong gia đình, Tống Gia Thụ không hề so bì phân biệt. Ông đã gợi ý giáo dục các con trai của mình giành lấy những thành tựu nổi bật, ông cũng bồi dưỡng cho các con gái của mình có vẻ đẹp và sự nền nã, và có ảnh hưởng, để họ có thể lấy được những người lãnh đạo cao nhất của các ngành quân sự, tài chính và chính trị.

Bản thân Tống Gia Thụ cũng là một trong những nhà doanh nghiệp có tầm cỡ

của Trung Quốc trong thời kỳ ấy, và cũng do đã tài trợ mạnh mẽ cho sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn nên đã trở thành một nhân vật rất nổi tiếng.

Tổng Gia Thụ, "như bao nhiêu nhân vật truyền kỳ trong lịch sử Trung Quốc, ông xuất thân nghèo hèn, nhưng đã gây dựng được một vương triều".

II. THOÁT KHỎI "VƯƠNG TRIỀU" VƯỢT BIÊN ĐẾN TÂY ÂU

Công việc ở cửa hàng

Tổng Gia Thụ còn có tên là Diệu Như, tên Anh ngữ là "Sác-li". Ông sinh năm 1866 trong một gia đình nhà buôn bình thường ở Văn Xương. Trong nhà bốn anh chị em, ông là thứ ba, trên ông là một người anh, một người chị, dưới ông là một người em gái.

Khi ông ra đời, cũng là lúc vận mệnh của Trung Quốc đang ở vào những phút bản lề, đại bác của người Anh đã nổ tung xích sắt khóa đồng của "thiên triều", lần lượt từ Nam chí Bắc, ép cho các nơi như Quảng Châu, Hạ Môn, Ninh Ba, Nam Kinh, Thượng Hải phải lũ lượt mở cửa. Nước Anh thì cắt Hong Kong; Bồ Đào Nha thì chiếm Ma Cao, sau đó các cường quốc lại ép chính phủ nhà Thanh cho phép thông thương, truyền giáo, mở trường học. Nước Nga ở biên giới phía Bắc cũng không ngừng ngấm từng miếng lớn đất đai vùng Tây Bắc, Đông Bắc.

Không đánh thắng được ở trên chiến trường, chính phủ nhà Thanh đành ngồi lại trên bàn đàm phán, khom lưng nhượng ra nhiều chủ quyền hơn, không ngừng cắt đất, nộp tiền, mở cảng, thậm chí còn không có cả cái quyền trừng phạt những người nước ngoài mắc sức phạm tội ở Trung Quốc: Trơ mắt ra ngồi nhìn người Mỹ trói thợ thuyền Trung Quốc đưa ra ngoài biên giới, bán người Trung Quốc mà chúng gọi là "lợn" như bán nô lệ da đen, nhưng quan chức các cấp đều chịu bó tay. Ngay cả tỉ lệ thu thuế Hải quan của Trung Quốc cũng đều do người nước ngoài đặt ra, mà trong suốt cả thế kỷ 19, thuế hàng hóa nước ngoài xuất khẩu sang Trung Quốc mà phía Trung Quốc thu về không quá 5%.

Nguy cơ chính trị của Trung Quốc ngày càng tồi tệ, mà ngồi trên ngai vàng hoa lệ của hoàng đế trong Tử Cấm thành ở Bắc Kinh là một người đàn bà tồi tệ hiếm thấy trong lịch sử Trung Quốc là Diệp Hách Na La. Vị Tây Thái hậu này rất bất tài và đàn độn đối với việc nước, ả bỏ hết tâm sức vào việc gạt bỏ những người không ăn cánh với mình, đả kích trung thần, áp dụng quyền thuật, đối với nhân dân thì bày đủ trò áp bức, tàn nhẫn, tàn ác đến cực điểm. Cá tính của Tây Thái hậu cũng giống như hoàng đế Ê-cat-tơ-ri-na nhị thế của nước Nga, nhưng vị quân chủ này của nước Nga trong thời gian trị vì, đã gây nên sáu cuộc chiến tranh với nước ngoài, nhúng tay vào việc chia cắt Ba Lan, giành Lý Hải, Hắc Hải, mở ra con đường biên từ

nước Nga tới miền Nam. Nhưng Diệp thị này của Trung Quốc thì chẳng những không có khả năng giữ được của cải của ông cha để lại, thậm chí để giữ được quyền lợi và vị trí của mình, ả đã gọi cướp bằng cha, không tiếc gì mà không nhận làm "hoàng đế con", làm nên "triều đình thứ hai của người "Tây"".

Tây Thái hậu rất sợ người Tây, nhưng lại khinh người Tây, bà ta công khai tuyên bố rằng, bà không tin về mặt kỹ thuật tiên tiến của phương Tây, người Trung Quốc sẽ chẳng học được cái gì. Và bà ta còn tự cao tự đại cho rằng, so với người Trung Quốc có giáo dục, người Tây chỉ là loại man di mạt hạng.

Cho đến năm 1875, khi Tống Diệp Như lên 9 tuổi, bị sức ép của sự kêu gọi của những nhân sĩ tiên bộ, và cũng để chứng minh xem tri thức của các trường học phương Tây liệu có tác dụng gì không, Tây Thái hậu mới cho phép một số nhỏ học sinh Trung Quốc đi lưu học ở nước Mỹ và cử một số ít người sang Nhật Bản khảo sát. Đó tuy là một sự nhượng bộ, nhưng cũng là một hành động khoan dung bởi vì các triều đại xưa nay trong lịch sử Trung Quốc đều qui định rất chặt chẽ: Phạm những kẻ rời bỏ thiên triều đi nơi khác, đều là phi pháp, người nào vi phạm, sẽ phải xử tội chặt đầu bêu chợ.

Pháp luật lỏng lẻo cũng thế, nhượng bộ cũng thế, đều khiến cho người Trung Quốc cận đại có dịp bước ra khỏi đất nước mình, mở rộng tầm mắt, học lấy một chút chính trị và kỹ thuật của phương Tây, mang về đem hết sức ra cho sự nghiệp cải tạo của Trung Quốc. Chỉ một thời gian sau, đã có một lớp người Trung Quốc đầu tiên đi mở rộng tầm mắt

Tống Gia Thụ ra nước ngoài trong thời gian này. Nhưng không phải đi để học lấy kỹ thuật đóng tàu hay làm đại bác, hoặc để tận tai nghe những lời biện luận của các nghị sĩ hạ nghị viện Anh. Ông ra nước ngoài chỉ đơn giản là để làm ăn. Trước ông, người anh của ông đã sang với một người họ hàng ở tận Nam Dương quần đảo để học nghề, lúc đó, đây là một phương thức tích lũy tiền của cho cá nhân một cách tương đối ổn thỏa. Khi Tống Gia Thụ lên 9 tuổi, bố mẹ ông quyết định đưa ông đi ở ba năm cho một người bà con ở quần đảo Nam Dương. Vào giữa tháng 8 nóng nực, người bà con ấy đã đưa Gia Thụ còn bé bỏng đến Tơ-ra-oa. Thế nhưng số phận một con người lại thường do tính cách quyết định.

Tống Gia Thụ từ khi còn nhỏ tuổi đã thể hiện một cá tính quật cường và có chủ kiến của mình. Cậu bé lúc đó vừa đen, vừa nhỏ thó, đôi mắt to vừa đen vừa trũng sâu lại luôn ngời sáng. Tóc của cậu vẫn tết thành đuôi sam và quấn lên đầu theo qui định của bọn thống trị nhà Hán, rồi chụp lên đầu bằng một chiếc mũ nôi. Đó là một cậu bé có vẻ đẹp bên trong, cậu làm việc với người lớn nhưng rất có ý tứ, nhanh chân nhanh tay, làm đâu gọn đấy, không hay nói nhiều nhưng lại biết tính toán sắp

đặt. Cá tính không chịu yên phận khiến cho cậu xác định rằng mình sẽ không cam chịu làm đầy tớ người khác.

Dịp ấy đã đến. Đầu năm 1878, cậu gặp được một người bà con xa, một người cậu gọi bằng "cậu". Ông này là người Quảng Đông di dân sang Mỹ làm nghề xây dựng đường sắt, bằng nghị lực kiên nhẫn của mình, và tài buôn bán, ông đã giành được ít tiền, mở được một cửa hiệu ở Pốt-ston bang Ma-xa-chu-sét của Mỹ, chuyên kinh doanh các mặt hàng của Trung Quốc, trở thành một trong số không nhiều lắm thợ thuyền Trung Quốc giàu có. Lần này ông vừa về thăm người nhà ở Quảng Đông, khi chờ đợi để chuyển tàu tại Tra-oa trên đường về Pốt-ston, ông đã gặp Gia Thụ, và lập tức thấy mến ngay cậu bé vừa nhanh nhẩu nhưng lại tỏ ra cẩn trọng này, còn Gia Thụ cũng bị hấp dẫn bởi những thành tựu làm cậu lóa mắt và hình ảnh tương lai mà ông vẽ ra cho, cũng khao khát muốn được rời bỏ khoảng trời nhỏ bé, đi để tiếp nhận sự giáo dục kiểu Mỹ và thực hiện mơ ước của mình.

Thế là cậu đã bỏ trốn, háo hức mong sao được cùng người cậu này đi một chuyến du lịch nửa vòng trái đất, tự mình bước lên con đường thênh thang.

Mấy năm sau, cậu viết thư về cho bố: "Con đã đi khỏi chỗ người anh ở Đông Ấn Độ".

Mùa hè năm 1878 Gia Thụ theo đội tàu đến Pốt-ston. Ông cậu của cậu ở đây buôn bán và mở một cửa hàng tơ lụa, trà. Người cậu này vốn không có con, bởi vậy cha mẹ Gia Thụ đã đồng ý với yêu cầu của ông: Để Gia Thụ làm con nuôi của ông. Làm cha mẹ, họ chỉ muốn Gia Thụ có được chỗ nương thân, an phận thủ thường, để sau này kế thừa và phát triển cơ nghiệp của ông cậu, đứng vững tại nước Mỹ.

So với một người thợ Hoa kiều phải vất vả làm những công việc nặng nhọc mà không có một chút quyền tự do thân thể ở nước Mỹ lúc bấy giờ, hiển nhiên là Gia Thụ may mắn hơn nhiều, cậu cũng rất quý mến và nâng niu cái dịp may hiếm có này, làm việc rất cố gắng. Trong gian hàng sắc mùi hôi mốc ấy, bắt đầu học một thứ nghiệp vụ vốn đòi hỏi nhiều tâm trí là xuất nhập khẩu và tiêu thụ tơ, trà.

Gia Thụ tuy không được học hành nhiều, nhưng đối với việc nhập hàng vào sổ, cậu lại nắm được rất nhanh. Trong gian hàng không lấy gì làm rộng ấy, lần đầu tiên cậu học cách buôn bán. Người cậu rất ưa bản tính nhanh nhẹn, ôn hòa và cử chỉ nhanh tay thông minh của cháu mình, thường khích lệ rằng miễn là cứ chịu khó làm ăn, cái cửa hàng này về sau sẽ giao lại cho cậu kinh doanh, mấy năm sau sẽ hỏi cho cậu một cô vợ Hoa kiều, đảm bảo cho cậu một cuộc sống đầy đủ.

Số trời đã định, tiền đồ đã được sắp đặt như thế. Nếu như Tống Gia Thụ an phận thủ thường ôm lấy gian hàng ấy thì tương lai của ông cho đến tương lai của lớp

người sau trong gia đình họ Tống sẽ là một khung cảnh khác.

Ở Pôt-ston, người Trung Quốc không nhiều, trong đó phần lớn là những nhà giàu, sang đó để tiếp nhận nền giáo dục phương Tây. Ở đây, Tống Gia Thụ đã làm quen được hai người là lưu học sinh ở Thượng Hải sang, đó là Ôn Bình Trung và Nguu Thương Chu. (Về sau, ba người họ không những là bạn bè mà còn là anh em đồng hao với nhau), họ thường đến cửa hàng uống trà và thường tranh luận với nhau xem cải tạo Trung Quốc theo kiểu cách gì. Gia Thụ ngồi nghe câu được câu chẳng, lòng ngẫm khâm phục tài học uyên bác và cách nói trôi chảy của những thanh niên này và nảy ra một đòi hỏi mãnh liệt, là phải đi học.

Hai người bạn Ôn, Nguu cũng rất quan tâm đến Gia Thụ, họ khích lệ cậu đến trường, học lấy một nghề có ý nghĩa. Thế là, Gia Thụ mạnh dạn xin cậu cho đi học, nhưng người cậu chỉ nghĩ đến thu lời trước mắt và không muốn gánh vác thêm chi phí cho cậu con nuôi nên rất buồn bực, trách mắng Gia Thụ là suy nghĩ viển vông, nói rằng buôn bán ở cửa hàng chẳng cần đến thứ học vắn vút đi ấy. Mùa đông năm 1879, để được đi học, Tống Gia Thụ lại cố gắng thêm lần nữa, nhưng bị ông cậu từ chối. Cậu quyết định bỏ trốn, lúc ấy cậu mới chưa đầy 14 tuổi.

Lên tàu học việc

Sau khi hết thời gian học việc chừng ba năm, Tống Gia Thụ đã làm một việc mà trong những người thanh niên Trung Quốc lúc ấy đến nghe cũng chưa từng nữa là khác. Cậu đã bỏ trốn, việc đó gây nên một sự ồn ã rất ghê gớm ở vùng này.

Tống Gia Thụ hàng ngày làm lì ít nói, dần dần đã được ông cậu tín nhiệm. Một hôm, ông cậu sai con nuôi đến một cửa hàng khác trong vùng để làm một số công việc, thế là anh thừa dịp này trốn biệt, hầu như không mang theo bất kể thứ gì. Khi ông cậu biết ra, Tống Gia Thụ đã lén leo lên con tàu "Skai Con-phat" đi từ Pôt-ston tới Bắc Cla-rai-na. Cậu chưa thể xác định mình sẽ làm gì, nhưng cậu khẳng định rằng nhất định sẽ phải làm một cái gì đó, cái thói không cam chịu sống tầm thường trong cá tính con người cậu, khiến cậu không bằng lòng sống mãi thế này, và như vậy, với tuổi đời còn non trẻ của mình, cậu đã xa rời cuộc sống bình ổn, được sắp đặt sẵn, bắt đầu bước vào cuộc sống mạo hiểm kiểu Cô-lông-bô.

Đó là chiếc tàu bắt buôn lậu, tối hôm ấy tàu ra khơi, chạy được một lúc, người ta phát hiện ra Tống Gia Thụ đang núp ở đằng sau khoang và dẫn lên gặp thuyền trưởng. Thật may cho cậu, thuyền trưởng Sac-li Xông bề ngoài có vẻ là một thủy thủ cục cằn, kỳ thực ông là một con chiên có tấm lòng rất chất phác, hiền lành. Lúc bấy giờ, thuyền trưởng có quyền xử phạt bất cứ ai xuống trộm dưới tàu, hoặc là chỉ định người đó đến cảng sau phải lên bờ, hoặc là như cậu bé này, sẽ đưa trả về cho người cậu để làm việc vặt. Thế nhưng sự thực là thuyền trưởng đã cảm động trước gan dạ

của một cậu bé phương Đông. Cho nên cả hai trùng phạp đó, ông đều không áp dụng cách nào, mà đồng ý để Tống Gia Thụ ở lại dưới tàu, và trong danh sách thuyền viên, ông đã khai man cho cậu hai tuổi, sửa tuổi của cậu ra thành 16 tuổi, bởi đó là tuổi hợp pháp ít nhất của một thuyền viên.

Tàu lại quay về cảng Pôt-ston, cậu bé Trung Quốc này đã được mọi người trên tàu yêu mến, đến khi tàu cập bến cảng Pôt-ston, cậu lại núp vào một chỗ dưới tàu, thuyền trưởng vờ như không biết. Khi tàu nhỏ neo lần nữa, cậu lại ở đâu chui ra và làm thực mạng đủ mọi việc.

Được thuyền trưởng Sác-li Xông quan tâm giúp đỡ, Gia Thụ đã trở thành một nhân viên tạp dịch của tàu "Skai Con-phet", tuy không phải là một thủy thủ chính thức, nhưng Tống Gia Thụ đã trở thành một thuyền viên chính thức có danh sách lương của Cục thuế vụ, bộ Tài chính Mỹ.

Lúc này Gia Thụ đã khoác lên mình bộ đồng phục rất bảnh của thủy thủ, cắt phẳng cái đuôi sam đi, so với những thủy thủ cao lớn, anh càng tỏ ra thấp bé và có dáng dấp trẻ con, nhưng những cái đó không hề cản trở sự giúp đỡ, săn sóc của thuyền trưởng và các bạn bè khác ở đây đối với anh, trong cuộc sống trôi giạt trên biển hơn một năm sau. Diệu Như đã học được ở những thủy thủ từng trải và nói năng thẳng thắn kia nhiều hiểu biết, mở rộng được tầm mắt và phạm vi suy nghĩ.

Thuyền trưởng Sác-li Xông là một con chiên trung thành của đạo Cơ đốc. Không những bản thân rất tin và ngoan đạo, ông còn muốn bồi dưỡng cho chàng thanh niên phương Đông này trở thành một tín đồ. Bởi vậy bất kể là đang lênh đèn trên biển hay ngồi bên lò sưởi trong nhà sưởi ấm, thuyền trưởng đều tranh thủ mọi thời cơ truyền giáo cho Tống Gia Thụ, kể cho anh nghe những chuyện về thượng đế đã tạo ra thế giới, con chiên của đạo sau khi chết có thể lên thiên đường... Những chuyện đó khiến Tống Gia Thụ thấy hết sức mới mẻ.

Vào mỗi ngày chủ nhật, thuyền trưởng lại dẫn anh tới nhà thờ của công hội Vê-ri để làm lễ. Đến nhà thờ, dĩ nhiên là phải ăn mặc tươm tất, để coi và trang trọng, đó là một bộ com-lê bằng nỉ hoa thô của Scot-len, phía trước có 4 khuy. Mỗi chủ nhật Gia Thụ mặc bộ com-lê đó, đeo chiếc cổ áo màu trắng được hồ cứng, thắt chiếc cravat rộng màu đen, trông có vẻ rất oách. Lúc này anh đã là một chàng thanh niên đẹp trai, tóc rẽ ngôi giữa, mượt mà chải lật ra phía sau, để lộ vàng trán cao và rộng, dưới đôi lông mày rậm, là đôi mắt sáng và nhiệt tình giống như của người Địa Trung Hải, chốc chốc lại chớp ra những tia sáng thông minh. Sống mũi thẳng, đôi môi dày và có đường nét rãnh rãnh, lộ ra nét vẻ tự tin và quật cường, so với tuổi đời của anh tỏ ra chừng chạc già dặn, y như một chàng trai đã trưởng thành.

Số mệnh không hiểu rồi sẽ áp đặt cho chàng trai phương Đông phiêu bạt quê

người này một con đường sống như thế nào?

Cuộc sống có qui luật ở dưới tàu và trên đất liền này kéo dài hơn một năm, thuyền trưởng Xông bị điều tới cảng Uê-min-tơ bang Cla-rai-na. Gia Thụ bỗng như mất đi một chỗ dựa quan trọng, anh muốn đi theo thuyền trưởng, nhưng người thuyền trưởng tốt bụng viết thư lên Oa-xinh-tơn xin với cấp trên của ông cho chàng thanh niên Trung Quốc này được thôi việc.

Theo đạo Cơ đốc

Dưới sự giúp đỡ của thuyền trưởng Xông, mùa xuân năm 1880, Tống Gia Thụ lại len lén trốn lên con tàu đi từ Pốt-stơn đến Uê-min-tơn, xuống phía Nam để đoàn tụ với thuyền trưởng ân nhân của mình. Chẳng hết bao nhiêu thời gian và công sức, cậu đã tìm ra thuyền trưởng của mình, thuyền trưởng đã xếp anh làm chân loong toong ở nhà bếp.

Ở miền Nam nước Mỹ, rất hiếm thấy người Trung Quốc, cho nên sự có mặt của Tống Gia Thụ ở đây, đã gây nên một sự xôn xao. Rất nhiều người đã có hứng thú nồng nàn với chàng trai Trung Quốc, một đất nước thần bí xa xôi và trong ánh mắt người Mỹ lúc đó, cũng rất là tươi đẹp. Trong số đó có cả những nhân sĩ xã hội thượng lưu ở trong vùng. Một nhân vật hàng đầu của nhà thờ công hội Vê-ri, một quân nhân của thời kỳ chiến tranh Nam Bắc Mỹ, thượng tá Rô-giết Mun, sau khi gặp Tống Gia Thụ, đã dẫn anh đến nhà thờ của khu phố thứ 5, và giới thiệu anh với vị mục sư tên là Rây-khốt.

Chính nhờ sự cố gắng của vị mục sư này, đã quyết định tín niệm của cả đời Tống Gia Thụ, và ở một chừng mực nào đó, đã ảnh hưởng đến cả phương hướng đời anh.

Mục sư Rây-khốt được mọi người gọi là "được luyện từ trong lò của thượng đế", là một vệ sĩ tôn giáo làm việc nghiêm khắc theo thánh kinh, ông không giây phút nào lơ là sứ mạng truyền giáo của mình. Khi gặp Tống Gia Thụ, vị mục sư hiền rộng thấy nhiều này lập tức nhận ra rằng đây là "một cơ hội mang lại cho Ki tô", qua những câu chuyện riêng, mục sư đã nhạy bén cảm nhận ra sự giác ngộ và sự chắc chắn của chàng trai phương Đông này. Ông nghĩ rằng nếu có thể để Tống Gia Thụ tiếp thu được nền giáo dục phương Tây, sau này sẽ làm một giáo sĩ truyền giáo, thậm chí làm một giáo sĩ làm nghề y và truyền giáo, thì anh có thể mang sự tín ngưỡng và tri thức về Trung Quốc để chữa trị tâm linh và thể xác cho đồng bào của mình, vận mệnh của anh, thậm chí cả vận mệnh của Trung Quốc nữa sẽ có thể thay đổi. Mục sư Rây-khốt cảm động bởi những ý tưởng lớn lao của mình, bởi vậy, ông quyết tâm cải tạo chàng thanh niên Trung Quốc phiêu bạt và không có mục đích này thành một tín đồ của thượng đế có hoài bão lớn lao và có ý thức về sứ mạng.

Trong một khóa lễ chiều tại nhà thờ vào đầu mùa đông năm 1880, Tổng Gia Thụ – người Trung Quốc duy nhất có mặt ở vùng này, đã bước vào giáo đường trang nghiêm và vắng lạnh, rồi đi thẳng lên phía trên cùng và quỳ xuống. Tất cả mọi người có mặt đã nhìn thấy một người "thiên triều" cúi đầu trước tượng thánh của họ, ai ai cũng đều lấy làm kinh ngạc.

Cũng chính giờ phút ấy, Tổng Gia Thụ bị hấp dẫn bởi một sức mạnh thần bí từ thiên quốc, nhìn lên đỉnh nóc giáo đường nhọn hoắt như cắm vào giữa chín tầng mây, nghe tiếng giảng kinh của mục sư sang sảng vang lên và mỗi lúc lại giội lại âm vang trong giáo đường, anh cảm thấy có một sự rung động trào lên từ một cõi sâu thẳm của tâm hồn.

Sau khi kết thúc buổi giảng phúc âm, Tổng Gia Thụ tuyên bố với người ôm ấp hy vọng lớn lao ở anh, rằng anh đã thay đổi tín ngưỡng, đã tìm thấy Chúa cứu thế, mong muốn được trở thành một tín đồ cơ đốc, và ao ước sau này được trở về truyền giáo ở Trung Quốc, để càng có nhiều người Trung Quốc cũng theo đạo cơ đốc. Những lời nói đó của anh đã làm cho mục sư Rây-khốt và những người quan tâm đến anh hết sức vui mừng. Họ lập tức bắt tay vào một sự nghiệp có quan hệ đến vận mệnh của Tổng Gia Thụ, thế là, người truyền trưởng lại viết thư lên bộ tài chính, một lần nữa xin cho Tổng Gia Thụ được thôi việc, để cho chàng trai Trung Quốc này được đi học.

Tiếp theo đó, buổi sáng ngày chủ nhật 7 tháng 11 năm 1880, trên tờ báo "Sao sáng" ở Uê-min-ton đã đăng một thông báo ngắn về "nhà thờ cộng hội Vê-ri ở khu phố thứ 5": "Nghỉ thức lễ rửa tội sáng hôm nay sẽ được diễn ra tại nhà thờ này, một người Trung Quốc sẽ là một trong những người được hưởng quyền trang trọng này, có thể nói cho đến nay đây là người "thiên triều" đầu tiên được cơ đốc rửa tội ở bang Cla-rai-na. Mục sư Rây-khốt sẽ chủ trì buổi lễ".

Cảnh tượng lúc 11 giờ sáng ngày chủ nhật ấy thật xúc động:

Mục sư Rây-khốt mặc chiếc áo choàng lễ phục hai hàng khuy kiểu hoàng thân, trên đầu mang một bộ tóc giả, rải một chiếc khăn ở bậc lên xuống trước thánh đàn, rồi quỳ xuống cầu chúc, Tổng Gia Thụ là người được rửa tội quỳ một bên, các nhân sĩ tai to mặt lớn trong vùng và những người vô công rồi nghề, lại hiếu kỳ, đứng một bên để tham gia buổi lễ khác với mọi lần là rửa tội cho một người Trung Quốc. Sau đó, mục sư Rây-khốt đã đứng dậy, đưa tay xoa nhẹ lên mái tóc của Tổng Gia Thụ, vị giáo sĩ truyền giáo này đã trang nghiêm rửa tội và đặt giáo danh cho Tổng Gia Thụ là Sác-li – Tổng.

Cái tên Sác-li này sẽ đi đôi với Tổng Gia Thụ suốt đời. Cái tên ghép giữa Trung Quốc và phương Tây, cũng xác định rằng Tổng Gia Thụ là một nhân vật kết hợp giữa

Trung Quốc và phương Tây.

Sau khi Sác-li Tổng tiếp nhận lễ rửa tội, cái ý tưởng đưa một tín đồ từ tôn giáo khác được cứu vớt trở về truyền giáo lại cho đồng bào ở tôn giáo khác của anh ta, đã làm nảy sinh trong các tín đồ của công hội Vê-ri ở Uê-min-ton một ảnh hưởng mà người ta có thể dự đoán được. Lúc này họ đang nắm lấy cơ hội này, để qua Sác-li làm thay đổi lịch sử cho một nơi xa xôi mà trên thế giới này người ta còn chưa hiểu biết mấy. Huống chi đây lại cho chính người Trung Quốc đi truyền giáo, nên càng có thể dễ học tiếp thu một cách trực tiếp và dễ dàng?

Cho nên, việc trước hết là phải để cho Sác-li được đi học.

Sinh viên Trung Quốc của đại học Đu-khơ

Trải qua sự tàn phá của chiến tranh Nam – Bắc, ở miền Nam Mỹ chỉ còn giữ lại được một số ít trường đại học. Đại học Đu-khơ là một trong số mấy trường đại học đó, học viện Thánh Tam nhất là một viện thần học vào loại có tiếng ở Mỹ. Để Tổng Gia Thụ học tập những tri thức về tôn giáo một cách hệ thống, năm 1880, sau khi Sác-li tiếp nhận lễ rửa tội mấy tuần, mục sư Rây-khốt đã viết thư cho viện trưởng học viện Thánh Tam nhất Plat-stôn Clây-uân nêu ra lời đề nghị: Học viện Thánh Tam nhất có thể tiếp nhận một chàng trai người Trung Quốc vào học vì sự nghiệp lớn lao của anh ta không?

Để giải quyết vấn đề học phí cho Sác-li, thượng tá Rô-ghết Mun đã viết thư cho một trong những người giàu có nhất ở Nam Mỹ là tướng quân Tờ-ru-li Can tại Đa-lơ-mô miền Bắc bang Cla-rai-na, ông ta kinh doanh thứ thuốc lá con trâu vàng nổi tiếng của Đa-lum mà trở nên giàu có. Nhà từ thiện đã cao tuổi này mời Sác-li tới nhà ông, để tận mắt quan sát chàng trai Trung Quốc xem có đáng giúp đỡ hay không. Kết quả là Tổng Gia Thụ đã phải trải qua hàng loạt trắc nghiệm và tướng quân Can đã đồng ý tài trợ để Tổng Gia Thụ tiếp thu được một nền giáo dục cần thiết, đăng sau khi về nước, chàng có thể "truyền bá phúc âm đến từng người". Chính do tướng quân Can đã khảng khái cởi hầu bao ra như thế, nên chẳng những quyết định được vận mệnh của chàng trai này mà cũng khiến cho Can sau này trở thành đại ân nhân của gia đình họ Tổng uy phong hiển hách.

Đời người, cơ ngộ là vô cùng quan trọng, nếu như trong những giờ phút mấu chốt có cát tinh chiếu dọi, quý nhân phù trợ, con đường đi của anh ta sẽ suôn sẻ hơn nhiều, dựa vào sự phấn đấu của mình, sẽ có thể dễ dàng đi tới bến bờ mộng tưởng.

Thế nhưng, cơ hội không phải đến với tất cả mọi người. Sở dĩ trong thời gian phiêu bạt ở nước Mỹ, Tổng Gia Thụ luôn luôn được những người không quen biết

đờ đàn, chính vì trong con người anh có một thứ tinh thần nội tại mà người Mỹ thấy mến mộ. Thiên tính của Tống Gia Thụ là con người không chịu an phận thủ thường, vâng vâng dạ dạ, anh giống như một con ngựa sông cương, tràn trề nhựa sống, rất dễ thích nghi, lại sẵn có tinh thần mạo hiểm và không sợ khó khăn. Những thứ đó là tố chất cần thiết của người Mỹ để xây dựng lại quê hương và khai phá miền Tây sau thời kỳ nội chiến, cho nên trong tính cách của Sác-li Tống, có một ma lực thu hút mọi người. Thuyền trưởng Xông, mục sư Rây-khốt và tướng quân Can, những con người rất giỏi trong xử thế, đều nhìn thấy ở con người anh những phẩm chất tốt đẹp như thông minh, nhiều tài nghệ và nhanh nhẹn, bởi vậy họ cảm thấy đáng chia bàn tay cứu giúp ra cho chàng thanh niên phương Đông này, mà điều hấp dẫn họ thực sự có trong con người Sác-li là tinh thần táo bạo gan dạ, bất chấp mọi người, dám phá vỡ nếp cũ, không cam thủ cựu.

Một buổi chạng vạng tối của một ngày tháng 4 năm 1881, Sác-li được mục sư Rây-khốt đi kèm, lên tàu hỏa từ Uê-min-ton đến Đa-lum. Tướng quân Can đã đưa một chiếc xe tứ mã ra nhà ga để đón anh và nhà truyền giáo.

Vợ chồng ông Can đã nhiệt tình tiếp nhận Tống Gia Thụ, để anh ở lại trong nhà mình với gian phòng riêng biệt. Anh đã sống thật thoải mái mấy tuần lễ liền trong gia đình ông Can, về sau, mỗi khi được nghỉ, anh đều về sống với gia đình Can và thân thiết gọi ông là "bố Can". Trong những năm Tống Gia Thụ bôn ba trên đất Mỹ, chịu ảnh hưởng nhiều nhất có lẽ là con người này. Thậm chí cho đến mấy chục năm sau, Tống Gia Thụ vẫn còn giữ lại những gì mình học được ở vị tướng này và nhân rộng nó ra trong gia đình mình. Ông Can còn cho anh một sự giáo dục có hiệu quả về thương nghiệp, một năng lực phán đoán trong cách làm ăn, bồi dưỡng cho anh những bản năng cần có của một nhà doanh nghiệp.

Nếp sống tiết kiệm và đầu óc kinh doanh của Tống Gia Thụ đã được thể hiện ngay khi còn ở Đa-lum, nhưng tài sản duy nhất mà anh mang từ Uê-min-ton tới, là con thoi bằng gỗ mà anh luôn dùng ở trên tàu để đan võng. Ông không hề thừa dịp này để lợi dụng sự rộng rãi khảng khái của ông Can, mà vẫn miệt mài dệt những chiếc võng sợi rồi đem bán, để thêm cặp vào khoản chi phí trong đời sống và học tập. Nghề đan võng này, anh học được của một thủy thủ trên tàu, nghe nói ở vùng Đa-lum, ở tất cả các vườn hoa đều có loại võng này.

Mùa hè năm 1881, Tống Gia Thụ bắt đầu vào học viện Thánh tam nhất của đại học Đu-khơ, trở thành một sinh viên nước ngoài duy nhất của học viện này. Do trước đó không có sự chuẩn bị cho việc học tập ở một học viện chính qui, ở học viện Thánh tam nhất này, Tống Gia Thụ được coi là một sinh viên "cá biệt". Các giáo sư đồng ý để anh vào lớp dự bị với một giáo trình rất sít sao, dồn chương trình đọc, viết, số học mà học sinh khác học trong mười năm lại để cho anh học xong trong

mấy tháng. Mọi người đều rõ, đối với Sác-li, chỉ cần dạy và học nghiêm về những môn truyền giáo, nhiều trí thức trong giáo dục chính khóa khác, có thể giản lược đi. Thí dụ chỉ cần dạy cho anh hiểu sơ qua về tiếng La-tinh, tiếng Hy-lạp là được, các giáo sư tập trung lực lượng vào dạy anh học Anh văn cho thật tốt và để anh luôn chìm đắm vào "thánh kinh".

Trong thời gian học tập ở học viện Thánh tam nhất, Tổng Gia Thụ ở nhà một vị giáo sư, nhưng lại học tập ở nhà hiệu trưởng Clây-uân. Với Tổng Gia Thụ mà nói, đây là một sự xếp đặt có ích nhất, hiệu trưởng phu nhân là một vị gia sư ưu tú, bà rất nhanh chóng có cảm tình với chàng trai thanh niên Trung Quốc này. Có rất nhiều buổi tối bà đã cùng ngồi với anh, bèn bí giúp anh chuẩn bị bài vở.

Đối với Sác-li, việc đòi hỏi anh hoàn toàn hiểu biết và thông thuộc với văn hóa phương Tây và thần học, không phải là một việc dễ dàng, nhưng Sác-li lại là một người bất chước rất nhạy bén và tài tình, trí nhớ của anh cũng rất nổi bật, chỗ nào cho dù khó hiểu đến đâu anh cũng nhớ máy móc, học thuộc lòng và tiếp thu hết rồi có thể kể lại một cách lưu loát những câu anh đọc được trong "thánh kinh" và những lời thuyết giáo lật vạt manh mún mà anh nghe được trong các buổi giảng đạo. Trong đó có nhiều chỗ anh thực ra cũng chưa hiểu hẳn, giống như bắt kê một đứa bé nào vẫn đọc thuộc lòng "thánh kinh". Có điều, anh đã biết cách thường xuyên viện dẫn "thánh kinh" một cách lổ mổ, chỗ này một chút, chỗ kia một chút.

Các giáo sư rất khen ngợi tài năng mô phỏng của anh, chỉ sau khi anh vào trường được một hai tháng, tiến sĩ hiệu trưởng Clây-uân trong báo cáo hàng năm của mình đã đánh giá như sau: "Về mặt nào anh cũng tỏ ra xuất sắc, chăm chỉ học tập, nhất định sẽ thành công".

Trong thời kỳ học tập ở học viện Thánh tam nhất, Sác-li bỗng trở nên hoạt bát, cởi mở, hay nói hay cười, tính tình vui vẻ. Thời gian này, trong thư gửi về cho cha mình, anh đã bày tỏ lòng tin thành kính, bức thư này, anh viết bằng Anh văn.

"Thưa cha kính yêu!

Con viết thư này là để cha biết giờ này con đang ở đâu. Năm 1878 con xa anh con ở Tây Ấn Độ, để đến nước Mỹ, con may mắn đã phát hiện ra Ki tô là chúa cứu thế của chúng ta. Thượng đế đã vì Ki tô mà gặp mặt trên đường. Hiện nay trường Chúa nhật Đa-lum và học viện Thánh tam nhất đang giúp đỡ con gấp rút học tập, để sau này về Trung Quốc sẽ kể lại cho cha nghe về lòng tốt của những người bạn ở Đa-lum và ân huệ của Thượng đế. Thượng đế đã cho người con trai của mình xuống trần thế để chuộc tội lỗi cho những người có tội. Con là một người có tội, nhưng do có ân huệ của Thượng đế nên con đã

được cứu giúp. Con còn nhớ khi còn nhỏ được cha dẫn lên một ngôi chùa lớn để lễ Bồ Tát bằng gỗ. Cha ơi, lễ Bồ Tát bằng gỗ chẳng có gì tốt cả. Cha có lẽ cả đời cũng không có lấy một may mắn gì tốt đẹp. Trước đây, mọi người chưa hiểu biết chút gì về Ki tô, nhưng đến nay, con đã tìm ra được một vị chúa cứu thế. Bất kể là con đi đến đâu, Người cũng đều an ủi con. Xin cha hãy lắng tai nghe, cha sẽ có thể nghe thấy tiếng thần linh đang nói chuyện. Xin cha hãy ngẩng mặt nhìn lên, cha sẽ thấy ánh vinh quang của Thượng đế.

Con tin vào Thượng đế, con mong rằng bằng ý chí của Thượng đế, con có thể nhìn thấy cha một lần nữa trên thế giới này. Hiện nay chúng con đang nghỉ hè, ở tại nhà của ngài Can ở Đa-lum".

Không biết Sác-li có tôn kính Thượng đế như anh đã nói trong thư viết về nhà hay không, nhưng những ân nhân của anh không lúc nào quên cái vận mệnh nghiêm túc mà họ đã chọn anh, dựa vào yêu cầu là sẽ phải truyền giáo cho người ở tôn giáo khác để huấn luyện và cải tạo anh, không những ở chỗ riêng tư mà ngay cả những trường hợp công khai, đều để anh luôn luôn nhớ kỹ sứ mạng của mình.

Ngày Noel năm 1881, ở một giáo đường nho nhỏ trong học viện Thánh tam nhất đã tiến hành cho Sác-li một buổi lễ để lại cho người ta một ấn tượng sâu sắc. Hiệu trưởng Clây-uân thân chinh kiêm nhiệm mục sư của giáo đường. Chủ đề giảng đạo của ngày chủ nhật ấy là "đi khắp thế giới", "tuyên truyền phúc âm đến từng người". Đồng thời cũng tuyên bố nhiệm vụ của Sác-li. Trong buổi giảng đạo hôm ấy đã hát rất nhiều thánh ca, mọi người lần lượt bắt tay Sác-li.

Tổng Gia Thụ đã cảm thụ sâu sắc về sứ mạng của mình.

Cuộc tình không kết quả

Tổng Sác-li sống một mình nơi đất khách quê người, đã dần dần quen với cuộc sống trong viện thần học. Lúc đầu, chàng sinh viên nước ngoài duy nhất khác với mọi người này bị bè bạn coi là một người kỳ cục. Ở trên lớp, một số bạn trai nghịch ngợm thường đem Sác-li ra để trêu chọc, cười anh là một gã "sai nít" (người Tàu) còn mang cả tên anh ra để làm trò cười. Sác-li cũng không tiếc sức mình đánh trả lại những trò tai ác đó và cũng luyện cho mình trở nên sắc bén, đáo dể. Đối với cái tên họ bị đưa ra làm trò cười đó, anh đã phản bác lại rằng:

- Ta mang họ Song (Tổng) ta nguyện sẽ "soon" (cùng âm với "song" nhưng có nghĩa là sớm, là nhanh) chứ quyết không chịu chậm trễ. Tuy nhiên, bạn bè của anh cũng rất nhanh chóng thấy ra rằng, một nhân vật như Tổng Gia Thụ không thể coi thường được. Những người bạn trẻ đó thấy rằng anh là người sôi nổi, đầy sức hấp dẫn và rất nhiệt tình. Quả thật, anh là người rất nhiệt tình và chịu khó, cho nên hễ

có bất kể một hoạt động gì, mọi người thường nói: "Ày, để Sác-li nó làm cho".

Tổng Gia Thụ với vẻ ngoài xinh xắn, thanh thoát và tính cách cởi mở chan hòa cũng rất có duyên với các cô gái. Bằng cách nói hài hước và dí dỏm, anh thường gây nên cho các cô gái những trận cười. Một số cô bạn gần bằng tuổi anh nói:

– Bạn thấy không, anh ấy chẳng giống người Trung Quốc chút nào. Ăn mặc cầu kỳ, cử chỉ khoáng đạt thoải mái, thực sự là anh ấy rất lễ độ, cứ y như là một thần sĩ ấy thôi!

Đối với các cô gái Mỹ, chỉ cần đừng bắt họ phải lấy người "sai nít", họ rất vui lòng giao du và với một tâm lý hết sức hiếu kỳ chờ nghe Gia Thụ kể về một đất nước xa xôi và thần bí đó cũng như cuộc sống thủy thủ mạo hiểm và đầy kịch tính. Các cô gái thậm chí nhìn người hùng phương Đông với tư thế hiên ngang này bằng ánh mắt và tình cảm khâm phục và cảm thấy anh là người rất đáng gờm.

Tuy nhiên, sự trống trải cũng nhiều lúc ập đến với chàng trai này, anh mong nhớ người thân, rồi cũng có lúc thấy lo lắng cho sứ mạng của một giáo sĩ truyền giáo trong tương lai, bởi vì đó cuối cùng là một sự nghiệp mang sẵn tinh thần phụng hiến rất mạnh mẽ. Anh thường bị chìm đắm trong trạng thái trầm tư. Có lẽ là để tránh nỗi lẻ loi buồn tẻ, Sác-li bắt đầu đi lại ngày càng nhiều với các cô gái, cũng có thể là muốn tìm thấy từ trong sự đồng tình và tế nhị của các cô gái một cảm giác được an ủi chẳng. Khi kết thúc năm học đầu tiên ở viện thần học, Sác-li đã viết thư cho một người bạn về nghỉ hè ở nhà là Cac-đăng Hác, kể lại những chuyện lý thú trong những ngày hè anh sống ở viện thần học, trong đó phần lớn là những đầu đề có liên quan đến các cô gái:

"... Hai cô bạn Phen-tơ vẫn còn đang ở đây. Sáng thứ 6 tuần sau, họ sẽ về nhà. Mình muốn nói với bạn, họ là những cô gái hết sức đáng yêu, mình rất thích họ... Tu viện này hiện nay khiến người ta thấy vui, nhưng mình không biết sau khi các cô gái này ra về hết, thì nó sẽ như thế nào... Cô Pi-tơ Gút vẫn còn đang ở đây, mình tin rằng cô ấy sẽ ở đây luôn tới tháng sau, cô ấy vẫn xinh đẹp như xưa. Mình cũng có lúc đi thăm cô và cô Cat-xi, khi nói chuyện, cô ấy tỏ ra rất hoạt bát... Bạn ạ, mình sống chung với các cô gái này luôn luôn thấy vui vẻ, suốt ngày ở với nhau một chỗ, từ hôm bắt đầu nghỉ hè đến nay, ngoài "Thánh kinh" ra mình hầu như chưa lúc nào xem sách. Bây giờ tất cả đều trở nên trống trải.

Cô Ma-mi và hai cô bạn khác hôm qua đã đến thăm chỗ mình. Bọn mình và tất cả các cô bạn khác quả thực sống rất hay... bọn mình sống vui đến mức nào tin rằng xưa nay cậu chưa nghe nói thế bao giờ".

Chẳng có gì lạ, thanh niên chớm nở tình yêu bao giờ cũng rất hiếu kỳ đối với

người khác giới. Trong những ngày hè dài đằng đẵng ấy, cũng giống như các bạn trẻ khác, Sác-li muốn tìm cho mình một chút kích thích của tình yêu lãng mạn. Trái tim thanh xuân đang đập rộn ràng.

Trong đông đảo các cô gái mắt xanh tóc vàng, ánh mắt của Sác-li dần dần tập trung vào một cô gái có tên là Ai-la Con. Cha của cô gái là giáo sư Con, dạy tiếng Hy-lạp và tiếng Đức, là một trong những người anh em nghèo của tướng Tru-li-an Con. Sác-li luôn luôn đến nhà giáo sư Con để chơi bời, cả nhà Con đều rất thích anh chàng Trung Quốc này. Ai-la Con là một thiếu nữ người gầy, cao, có cặp đùi khá dài, cô chơi đàn piano rất hay. Sác-li thường ngồi mấy giờ liền trong phòng khách để nghe cô đàn.

Trong kỳ nghỉ hè, Sác-li cũng rạo rục nóng lên như khí hậu mùa hè, nhìn những ngón tay nõn nà lướt thoăn thoắt như chân nai, trong tim anh bất giác trào lên một niềm khao khát, lại nhìn đôi mắt to màu nâu nhạt của Ai-la Con nhấp nháy dưới cặp lông mày rậm và dài, anh cảm thấy tình cảm dồn chứa trong lòng như muốn trào ra.

Cô Ai-la cũng vô cùng yêu thích chàng trai phương Đông sáng sủa và khoáng đạt thoải mái. Họ đã cùng nhau nói chuyện phiếm, uống cà phê. Nhưng cô cũng không dám giả định xem bố mẹ mình và những người xung quanh sẽ nhìn nhận sự việc này như thế nào, cô hết sức kìm nén, không dám để cho người khác thấy mình đang yêu một anh chàng người Trung Quốc tóc đen da vàng.

Tuy nhiên, con mắt là cửa sổ của tâm hồn. Trong những ngày hè khó quên đó, một đóa hồng cuối cùng cũng đã nở trong đôi bạn trẻ khác màu da và đất nước này.

Cuối cùng, Sác-li đã mang hết lòng dũng cảm, nắm chặt lấy hai tay của Ai-la, nhìn vào ánh mắt xúc động của nàng, đôi bạn trẻ ôm chặt lấy nhau và hôn nhau đắm thiết.

Đúng lúc đó, mẹ của Ai-la đẩy cửa bước vào, làm giật mình đôi trẻ đang chìm đắm trong yêu đương. Ai-la mặt đỏ bừng, chạy như bay ra cửa. Tổng Sác-li đáng thương đứng như một pho tượng gỗ, bị Con phu nhân mắng cho một trận như tát nước vào mặt. Bà kiên quyết không cho chàng thanh niên phương Đông này, có bất cứ một cử chỉ vụng trộm nào đối với con bà. Trong cơn tức giận, bà đuổi Sác-li ra khỏi nhà và tuyên bố không cho phép anh lui tới cũng như càng không được gần gũi Ai-la.

Sự việc này cũng gây nên sự xôn xao ở Uê-min-ton, và cũng gây nên sự áy náy của những người từng trông đợi nhiều ở Sác-li. Và lại những tín đồ của công hội Vê-ri chỉ một lòng mong sao sau này Sác-li có thể về Trung Quốc truyền giáo, để uốn

nấn lại Trung Quốc "đã làm đường lạc lối bốn ngàn năm". Và với ý tưởng đó, họ có thể cung cấp cho Sác-li ăn mặc ở mức giản đơn và học một chương trình được rút gọn. Ngoài những thứ đó ra, họ không hề nghĩ tới việc để Sác-li có thể hưởng thụ nhiều hơn như cuộc sống của họ, nhất là không thể cho phép anh chàng "Tàu" này có một mối quan hệ gì vượt quá giới hạn với con gái của họ.

Kết quả là với danh nghĩa tôn giáo, Công hội Vê-ri quyết định để Sác-li chuyển đi học nơi khác là trường đại học Phan-tơ của tỉnh Na-cơ Oen thuộc bang Then-nat-xi xa xôi, và tuyên bố: Ở Phan-tơ Pin-thơ, chàng thanh niên Trung Quốc này sẽ có thể tiến bộ hơn nhiều, ở đó, anh vừa có thể tiếp tục được dạy dỗ, vừa có thể tiếp xúc với hội đồng quản trị và các giáo sĩ đi truyền giáo về, để được huấn luyện thêm về mặt truyền giáo.

Sác-li buộc phải rời xa Uê-min-ton, rời xa học viện Thánh tam nhất. Đối với anh lúc này, phải chào tạm biệt những gia đình mà anh đã ở quen rồi, cũng như phải chia tay với những người bạn đã thân quen, cũng lưu luyến bịn rịn chẳng khác gì buổi phải xa quê.

Ngày cuối cùng trước khi đi xa, Sác-li rất buồn. Khi anh đến chào người bạn lớn trung thực và là gia sư của mình là bà Clây-uân, anh làm theo tập quán của Trung Quốc, đứng ngay ngắn ở trước mặt bà nói rành mạch từng câu từng lời đã được chuẩn bị sẵn để chào bà, và tặng bà món quà là chiếc võng do tự tay anh dệt. Mới nói được nửa câu, anh bỗng dang tay ra ôm lấy bà, òa lên khóc nức nở.

Bất kể là ngoài mặt Sác-li đã để cho người ta ấn tượng gì, nhưng từ trong cốt lõi, anh vẫn chỉ là một đứa trẻ xa cửa xa nhà, sống qua ngày bằng sự nhân từ của những người xa lạ, có lúc anh cũng tỏ ra rất yếu đuối.

Sau khi Sác-li đi tàu hỏa đến No-xơ-sen, chải chuốt một hồi rồi đi ra hiệu ảnh chụp một kiểu rất chân phương, rồi nhờ bạn bè gửi cho cô Ai-la của học viện Thánh tam nhất. Hơn nửa thế kỷ sau, tấm ảnh đó vẫn là một trong những báu vật của Ai-la được cất giữ đến những năm cuối đời, lúc đó bà đã là bà Đơ-rây Pich-khơ.

Chuyển tới học ở Phan-tơ Pin-thơ

Tuy chỉ trong một đêm đã phải rời xa Uê-min-ton, thế nhưng trường Phan-tơ Pin-thơ đã tiếp nhận Tống Sác-li bị tiếng xấu bao quanh với thái độ không lấy gì hữu hảo cho lắm. Thậm chí sự đánh giá sau này của nhà trường với anh cũng không lấy gì làm tốt. Từ năm 1883 đến 1885, Sác-li đã học tập ở đây ba năm trời, quyền hiệu trưởng của nhà trường đã nhận xét như sau về Tống: "Anh là một chàng trai lỗ mãng, tràn trề sức sống, hay pha trò cười, nhưng không phải là một học sinh tốt. Chưa thấy được anh có một chút hứng thú gì thực sự đối với chữ nghĩa, đối với công

việc truyền giáo lại càng như thế". Nghe nói những người lãnh đạo khác của giáo hội cũng có nhận xét chung như thế.

Xem ra, Sác-li cũng là người thẳng thắn không biết tô vẽ cho mình. Anh thích để lộ tính cách của mình, cũng như thể hiện cá tính của mình, điều đó gây nên ác cảm cho một số người, nhưng cũng lại có thiện cảm với một số người khác. Trong mấy năm sống ở trường Phan-tơ Pin-thơ, Tổng Sác-li đã có những tiến bộ rõ rệt, đồng thời cũng kết giao được một số bạn tốt. Bằng cách thức riêng của mình, anh đã được một số người đánh giá tốt.

Bạn học cùng lớp với Tổng Sác-li ở trường Phan-tơ Pin-thơ, mục sư Jôn Ao, đã nhận xét về anh thế này: "Mới đầu, các bạn trẻ không chú ý lắm đến Tổng, anh chẳng qua chỉ là một người kỳ cục, một "chú Khách". Nhưng tình trạng đó đã có thay đổi. Đầu óc anh nhạy bén, cố gắng dùng tiếng Anh một cách lưu loát và chuẩn xác, thường thường rất tinh khôn và trầm lặng, tính nết tốt, các bạn trẻ bắt đầu yêu mến anh, đưa anh đi tham gia tất cả các hoạt động xã giao trong nhà trường. Nét bút của anh viết ra y hệt chữ in, không sai sót, rất công phu. Anh viết cả danh thiếp cho các bạn. Tuy do hạn chế về Anh ngữ mà nhiều chỗ ở vào thế bị bất lợi, nhưng anh chuẩn bị bài rất cẩn thận, tất cả các bài thi đều đủ điểm, khi tốt nghiệp, anh được xếp hạng ưu toàn lớp về môn thần học".

Bạn bè bắt đầu yêu thích anh. Người bạn tên là Giêm Bân-cơ nhớ lại:

– Đối với bạn, anh hết sức hòa nhã, dễ gần và tốt bụng.

Bạn chung phòng với Tổng Sác-li là mục sư Lai-thơ cũng xác nhận rằng: "Anh là con người lúc nào cũng cười hơ hớ, thích vui đùa. Trong tất cả các bạn học, ở đâu anh cũng được đón nhận. Anh là một học sinh trên trung bình, đầu óc rất thông minh".

Tuy rằng trong ba năm học ở đại học Phan-tơ Pin-thơ, về căn bản, Sác-li thấy thoải mái và hài lòng, nhưng vẫn luôn nhớ nhà. Anh càng ngày càng nhớ Trung Quốc, xa nhà đã nhiều năm, nhưng rất khó liên hệ được với gia đình, anh thường nhớ lại hình ảnh cuộc sống ở đảo Hải Nam khi anh còn nhỏ tuổi và chỉ mong sao cho chóng được trở lại với Tổ quốc xa xôi.

Một buổi sáng chủ nhật, theo lệ thường, tất cả các sinh viên trường thường tập hợp ở trước nhà thờ vào lúc trước ăn sáng để trao đổi kinh nghiệm về tôn giáo. Buổi sáng hôm ấy, sau khi ngủ dậy, Sác-li đứng trầm ngâm ở đấy giờ lâu, rồi môi anh bỗng run run lên nói:

– Tôi cảm thấy mình quá ư nhỏ bé, quá ư trống trải, xa cách người thân, bao

năm đất khách quê người. Tôi thấy mình như một tấm gỗ nhỏ theo dòng trôi dạt trên sông Mit-xit-xi-pi.

Nói xong, nước mắt anh giàn giụa, mười mấy người bạn trẻ vây lấy anh, dang rộng vòng ôm lấy anh, bảo đảm với anh rằng, họ sẽ đối xử với anh như anh em.

Thông cảm với Sác-li nhất, đồng thời cũng giữ được quan hệ bạn bè với Sác-li nhất là người bạn học Bồ Uây Liam, quan hệ của họ vì có chuyện Bồ Uây Liam đến Thượng Hải truyền giáo, nên được kéo dài mãi tới trước khi Sác-li qua đời.

Bồ Uây Liam lúc đầu khi ở nhà trước cũng rất coi khinh "chú Khách" Sác-li, thậm chí còn dùng những trò tai quái để tiếp đón người bạn học Trung Quốc này nhưng cuối cùng, họ lại trở nên bạn tốt của nhau, không trách người ta bảo: "Không đánh nhau thì không nhận ra họ"

Một hôm, Bồ Uây Liam cao lớn hẹn với mấy người bạn bày cho Sác-li một trò chơi, lấy chiếc chậu rửa mặt thông thường đựng đầy nước, đặt lên trên chiếc bàn viết bằng gỗ, mặt bàn phủ bằng một tấm chăn len, trong chậu nước có một đồng tiền bạc sáng loáng. Bên cạnh chậu nước, đặt một chiếc bàn là có tay cầm bằng thép. Ở dưới gầm bàn có giấu một bình ác qui, nối với chậu nước và cái bàn là bằng một sợi dây đồng nhỏ hầu như không nhìn thấy xuyên qua tấm chăn len.

Bồ Uây Liam tuyên bố:

– Hôm nay tôi sẽ làm cho mọi người xem một trò mới lạ. Đó là cái bàn là đặt trên bàn, cái bàn là có ma, lấy từ hành động của thầy phù thủy Tát-ki-mô. Bất kể là ai, chỉ cần sờ vào nó thì sẽ mất đi sức ý chí. Để chứng tỏ điều này, tôi sẽ cho bất kỳ bạn nào đồng tiền bạc kia, nếu như bạn cùng một lúc mó vào bàn là và mó vào nước lấy tiền ra. Mấy người láu lỉnh đưa mắt cho nhau, nhưng chẳng có ai động đây.

Bồ Uây Liam chậm rãi nói:

– Sác-li, cậu thử làm xem thế nào?

Sác-li rón rén thận trọng bước lên, anh nhìn kỹ cái bàn là và đồng tiền chìm dưới đáy chậu, hầu như không thấy có gì khả nghi. Anh liền nắm ngay lấy tay cầm của cái bàn là và mó lấy đồng tiền. Khi ngón tay anh vừa đụng vào nước, dòng điện bỗng giật anh lùi ra phía sau một bước, anh giật bắn người và biết rằng mình đã bị mắc lừa. Bồ Uây Liam ôm bụng cười rữ, tiếp đó, Sác-li cũng cười vang cùng mọi người.

Hai năm cuối cùng ở Viện thần học, Sác-li luôn được cử đi công tác cùng với các giáo sĩ trong các kỳ giảng đạo, giúp họ truyền phúc âm đi các nơi ở miền Nam để mở hội phục hưng tín ngưỡng và những dịp đó, thường được đi diễn thuyết. Trình

độ diễn thuyết của anh nhờ vậy được nâng lên rất nhanh, thái độ cũng ung dung dàng dàng, tiếng Anh càng lưu loát hơn. Mục sư Thất-ton sau khi nghe anh giảng đạo mấy lần đã cho rằng việc giảng đạo của anh "đối với tất cả mọi cử tọa, đều có tác dụng gợi mở".

Trong một hai năm đó, với các hoạt động tôn giáo, Sác-li tỏ ra hết sức nhiệt tình, hầu như đã mang hết sức mình vào vai trò của một giáo sĩ truyền giáo. Anh còn chan chứa nhiệt tình, dùng những câu văn trôi chảy viết bài cho tờ "Báo hướng dẫn Cơ đốc giáo" của bang Bắc Cla-rai-na, giới thiệu những thành tựu trong phục hưng tín ngưỡng ở miền Nam. Người chủ biên của báo này khi giới thiệu Sác-li với bạn đọc, đã có lời chú thích: "Sự bày tỏ tín ngưỡng của anh có tiến bộ rõ rệt".

Năm 1885 Tổng Gia Thụ sắp sửa hoàn thành việc học tập ở học viện Phan-to Pin-thơ, hiệu trưởng nhà trường lúc ấy là giáo chủ Hôt-lan Mac-ti-dê đã quyết định cử Sác-li đi Thượng Hải, bởi lẽ bản thân ông là giảng đạo của công hội Vê-ri ở miền Nam phụ trách khu vực Thượng Hải. Nhân vật vừa là giáo chủ vừa là hiệu trưởng nhà trường này, đã thông báo quyết định trên cho tiến sĩ Lâm Nhạc Tri đang truyền giáo ở Thượng Hải. Lâm Nhạc Tri tỏ ý muốn để Tổng Gia Thụ về làm một giảng viên ở Đại học Anh – Hoa do giáo hội lập ở Thượng Hải. Về việc này Tổng Gia Thụ đã viết một bức thư.

Ngày 27 tháng 7 năm 1885

Kính thưa tiến sĩ Lâm Nhạc Tri.

Nhận được thư của ngài đã mấy hôm nay rồi, quả thật là vô cùng sung sướng. Tôi thấy ngài đã hoàn toàn hiến dâng công việc, tính mạng và tinh thần cho Thượng đế. Tôi mong được Thượng đế ban thưởng, để tôi sớm được gặp ngài. Tôi không hiểu tôi còn phải ở lại nước Mỹ bao nhiêu lâu nữa, nhưng tôi đang tìm cách cố gắng chuẩn bị thật tốt về mọi mặt cho mình, miễn là dịp này cho phép tôi được làm như thế. Sau khi kết thúc khóa học này, tôi mong muốn được mang ánh sáng về cho người Trung Quốc. Mục đích của cuộc đời tôi là làm việc thiện, kính yêu con người và ca ngợi Thượng đế; Làm điều thiện cho người khác, cứu thoát họ khỏi sự trừng phạt vĩnh hằng. Cầu mong Thượng đế hãy giúp tôi. Mấy hôm trước, có một nữ giáo hiệu ở công hội Vê-ri hỏi tôi một vấn đề kỳ cục. Bà ta nói: Anh Tổng, anh là một giáo sĩ truyền giáo, anh có bị đau khổ vì bất kỳ một đức tin nào không? Anh có thể hy sinh cho sự nghiệp của Ki tô được không? Lúc đó tôi cho rằng đối với tôi đó là một câu hỏi kỳ cục. Nhưng để bày tỏ lòng thành thực của mình, tôi đã trả lời theo sự cảm thụ của mình. Tôi trả lời rằng, đúng vậy, thưa phu nhân, tôi bằng lòng chịu khổ cho Ki tô trong bất cứ trường hợp nào, nếu như thượng đế giúp tôi. Bà ta lại nói, đó chính là cảm thụ mà chúng ta cần phải có, bởi

thượng đế nhất định sẽ giúp chúng ta, nếu chúng ta tin ở người. Cầu mong Thượng đế hãy giúp mọi người chúng ta, đưa cái của chúng ta đến Thiên đường, chúng ta chờ đón người với nhiệt tình cao cả nhất. Cuối cùng chúng ta mới có thể nói: Ta đã trung thành với đức tin, ta đã chiến đấu hết sức mình, bởi vậy từ nay về sau, ta sẽ tiếp nhận niềm vinh quang của cuộc sống. Thượng đế phù hộ ngài và những cố gắng của người

Tổng Sác-li.

Từ bức thư này ta có thể nhận thấy tư tưởng của Tổng Gia Thụ ngày càng chín muồi, đức tin cũng ngày một vững vàng, đã chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lý để hiến thân cho sự nghiệp của Thượng đế. Nhưng khi sắp đến ngày tốt nghiệp, Tổng Gia Thụ lại không muốn đi, không muốn về Thượng Hải nữa, ít nhất thì cũng tạm thời không muốn đi. Anh muốn trước hết hãy đi học nghề y. Người tài trợ cho anh là ông Can cũng bằng lòng giúp anh đi tìm thầy học y.

Nhưng giáo chủ kiên quyết không đồng ý. Ông nói rằng, giáo sĩ truyền giáo làm nghề y ở bên ấy đã "quá nhiều" rồi, nhưng nguyên nhân chính là điều ám chỉ trong thư của giáo chủ gửi Lâm Nhạc Tri.

"... Tôi hy vọng mùa thu năm nay, Tổng và tiến sĩ Bá Nhạc Văn cùng được cử đến Thượng Hải chỗ ngài. Tôi tin rằng ngài sẽ lập tức cử ngay được họ đến làm việc ở khu giảng đạo, ngay cả không thể đi xe đến, cũng phải đi bộ mà đến. Tổng mong được ở thêm một hai năm để học nghề thuốc, để mình có đầy đủ những năng lực có ích cho con người... nhưng tôi cho rằng tốt nhất là trước lúc anh ta chưa cố gắng làm việc giữa những người Trung Quốc, không nên để cho anh ta tiêu hao hết tinh lực của một "chú Khách". Anh ta sớm đã nếm mùi hưởng lạc – hơn thế, còn không phản đối sự hưởng thụ niềm dễ chịu của văn minh cao cấp. Nhưng đó thực ra không phải là sai lầm của anh ta... Chúng ta hãy để cho chàng trai chịu khó chăm chỉ làm việc vì những mục đích đó, cũng bắt đầu nếm mùi cay đắng đi. Hãy để anh ta vào trận, không có vị trí dự khuyết.

Từ trong lời lẽ đó thấy rằng, các nhà dẫn dắt cho Tổng Gia Thụ mong muốn rằng trước khi anh có thể bị cuộc sống dễ chịu ở nước Mỹ làm cho hư hỏng mục ruỗng, trở về Trung Quốc sớm nhất, để cử đến nơi sử dụng anh. Đồng thời cũng thấp kém nhất, anh phải lần lượt đến từng thành phố thị trấn một để giảng đạo.

Tháng 7 năm 1885 Tổng Gia Thụ tốt nghiệp đại học ở Phan-tơ Pin-thơ, được Công hội Vê-ri bổ nhiệm làm chấp sự, lúc đó anh 19 tuổi. Trước khi về nước, tranh thủ những dịp tổ chức đại hội phục hưng đức tin ở một loạt các thành phố, Tổng Gia Thụ đã kết hợp làm một cuộc du lịch chia tay long trọng. Anh đã tới Đa-lum, Uê-min-tơn... thăm lại thuyền trưởng Xông đang về nghỉ ở nhà cũng như gạt lệ chia tay

với gia đình ông Can ân nhân của mình. Đã là tháng 12 rồi, Tống Gia Thụ cùng giáo sĩ truyền giáo, tiến sĩ Bá Lạc Văn từ Na-cơ Oen đi tàu hỏa tới Tan-dát. Sau họ lại từ thành phố này chuyển sang đi chuyển tàu xuyên lục địa.

Lúc này ở Mỹ đang dấy lên làn sóng "họa da vàng" xua đuổi, tàn sát người Hoa nổi tiếng trong lịch sử. Do cuộc suy thoái kinh tế vào những năm 80 của thế kỷ 19, gây nên nguy cơ thất nghiệp, các nhà tư bản Mỹ quay sang thuê mướn thợ thuyền người Hoa với giá ngày công rẻ mạt, để trả đũa lại, phần lớn các nhà văn, chính khách phân biệt chủng tộc đã dấy lên làn sóng cuồng nhiệt xua đuổi màu da vàng, coi người Hoa thuộc giống da vàng là một tai họa. Phổ Khách bị đốt cháy trụi, các thành viên của hội duy trì an ninh người da trắng đã tổ chức "hội cắt đuôi sam", chẳng những cắt phăng đuôi sam, còn cắt luôn cả đầu người ta, khắp nơi đều xảy ra những vụ chặt đầu người Hoa.

Hàng ngàn hàng vạn người Trung Quốc lũ lượt trốn chạy khỏi nước Mỹ. Trên đường Tống Gia Thụ trở về Trung Quốc, cuộc thảm sát này đang ở vào đỉnh cao. Anh vượt ngang qua đất nước này trong tình hình có thể bị mất mạng bất kể lúc nào. Rất may là anh đã bình yên đến được San Fran-xit-cô, xuống tàu của hãng tàu Bưu điện Thái Bình Dương đi qua Hoàn Tân (Nhật Bản) để về Thượng Hải. Qua mười năm sống bôn ba, cuối cùng anh đã về đến đất nước của mình.

Tống Gia Thụ lúc này đã khác xa so với cậu bé trốn xuống tàu 10 năm trước đây. Anh trở về nước với tư cách là một giáo sĩ truyền giáo. Phải nói rằng cuộc xông pha của anh ở nước ngoài đã thành công. Là người từ hạng bình dân lớp dưới ở Trung Quốc như Tống Gia Thụ, vừa không phải là lưu học sinh được mang hộ chiếu của chính phủ nhà Thanh cấp cho, cũng chẳng phải con nhà giàu được đặc quyền bảo hộ, anh đã tự tìm ra con đường sống bằng chính sức mạnh và sự cơ ngộ của mình, hơn thế, anh đã giành được những thành tựu vào giữa lúc người Hoa ở Mỹ chịu đủ nỗi giày vò mà một người bình thường khó có thể đạt được. Bản thân việc đó cũng đã là một kỳ tích.

Nhân vật truyền kỳ Tống Gia Thụ sau khi về nước còn sáng tạo nên những kỳ tích gì mới nữa?

III. "CON NGƯỜI CHẲNG TÀU CHẲNG TÂY" ĐÃ TRỞ VỀ

"Vị giáo sĩ chẳng Tàu chẳng Tây"

Sau cuộc chiến tranh Nha phiến, theo đà hợp pháp hóa việc truyền giáo của nước ngoài vào Trung Quốc, đạo Cơ đốc đã tiến vào Trung Quốc với khí thế chưa từng có từ trước đến nay. Các nhà truyền giáo của các nước Anh, Pháp, Mỹ tay cầm thánh kinh, cổ quạt thánh giá, lênh đênh vượt biển lũ lượt kéo nhau tới, gót chân

họ in khắp vùng đô thị, nông thôn, đất liền, biên cương, hải đảo. Họ đã xây nhà thờ, trường học, sáng lập nên báo chí và tạp chí ở Trung Quốc bằng chữ Trung văn, để truyền bá "Phúc âm" của Thượng đế cho 400 triệu người Trung Quốc nghèo khổ, và cải tạo sự tín ngưỡng cho họ.

Trong số những giáo sĩ đó không thiếu gì những giáo sĩ "Tây" thích làm việc thiện lại hay bố thí, cứu người ốm giúp người nghèo với chủ nghĩa nhân đạo rất mạnh mẽ. Nhưng một số nhiều hơn những giáo sĩ nước ngoài đến Trung Quốc với mục đích là "dùng cây thánh giá để chinh phục Trung Quốc", cho nên người Trung Quốc cũng ý thức được rằng đạo Cơ đốc cũng giống như đại bác, hàng hóa, thuốc phiện của người nước ngoài, đều là lưỡi rìu để xâm lược Trung Quốc.

Một số nhà truyền giáo ác độc đa đoan tích cực cam tâm làm kẻ dẫn đường và đóng vai trò khuyến khích cho đội quân xâm lược, có kẻ đã thu thập tình báo cho bọn xâm lược, có kẻ thô bạo can thiệp vào nội chính của Trung Quốc, và một số nhiều hơn lôi kéo đông đảo bọn địa chủ, ác bá vào trong tôn giáo, tự ý lập công đường, giúp bọn này hà hiếp đồng bào của mình. Cho nên người Trung Quốc hiện đại phổ biến là căm ghét tôn giáo nước ngoài, căm ghét các cố đạo, những cuộc do người Trung Quốc không chịu nổi sự nhục mạ của giáo sĩ nước ngoài mà vùng dậy chống lại "nhà thờ" được ghi chép rõ ràng đã có tới hàng mấy trăm vụ.

Trước và sau khi Tống Gia Thụ về nước là đúng vào lúc làn sóng căm phẫn của nhân dân Trung Quốc chống lại tôn giáo nước ngoài (đạo Tây) nổi dậy bùng nổ. Đó là một sự thách thức mạnh mẽ đối với sự nghiệp truyền giáo mà Tống Gia Thụ sẽ phải đương đầu.

Năm 1886, con tàu chở Tống Gia Thụ đã đi vào lòng sông Hoàng Phố đục ngầu, neo lại ở bến cảng bên cạnh âu thuyền của Liên hiệp Anh ở Hồng Khẩu.

Tống Gia Thụ và tiến sĩ Bá Nhạc Văn cùng xuống một chiếc thuyền câu do một phụ nữ chèo vào cửa sông Tô Châu để tới Bãi ngoài. Lãnh sự quán Anh ở ngay trên bờ. Sác-li sắp phải lên chào tiến sĩ Lâm Nhạc Tri.

Lâm Nhạc Tri là nhân vật có tầm cỡ của công hội Vê-ri ở Mỹ, năm 1860 đã được cử sang Trung Quốc, là một người rất thông thạo Trung Quốc. Nhiệm vụ chủ yếu của ông ta là lập trường học, ra báo, đã từng sáng lập nên báo "Vạn quốc công báo" và đại học Anh Hoa ở Thượng Hải, trường đại học Đông Ngô ở Tô Châu. Đối tượng truyền giáo của ông chủ yếu là tầng lớp trí thức. Ông ta suy đoán là nếu như có thể dùng khoa học của phương Tây tác động tới tầng lớp danh lưu trong xã hội, họ sẽ càng say sưa lĩnh hội tư tưởng của Ki-tô và văn hóa phương Tây, bởi vậy mà bản thân ông ta không thuộc vào diện phải đi làm những việc gian khổ và nhỏ nhặt, hoặc đi sâu vào đông đảo quần chúng để truyền giáo.

Lâm Nhạc Tri thừa biết địa vị ưu việt của mình nên đối với các giáo sĩ trong đoàn giảng đạo không tránh khỏi có thái độ lộng hành, võ đoán. Trong số sáu giáo sĩ do ông ta lãnh đạo, có tới ba người do không chịu nổi thái độ chuyên chế của ông ta, đã xin điều ra khỏi Trung Quốc. Trong tình hình đó, tiến sĩ Lâm Nhạc Tri ngạo mạn này đương nhiên cũng chẳng thích gì Tổng Gia Thụ vốn là người Trung Quốc. Ông ta đã từng bày tỏ lời dị nghị đối với vị giáo sĩ người Trung Quốc này, cho rằng Tổng "quyết không thể nào trở thành một học giả Trung văn, nhiều lắm thì cũng chỉ là một "chú Khách mất gốc".

Tổng Gia Thụ lòng đầy hào hứng muốn làm một phen lừng lẫy, vừa mới tới Thượng Hải đã bị kỳ thị. Trước khi Tổng Gia Thụ về nước, Lâm Nhạc Tri từng hứa sẽ đưa anh về trường đại học Anh Hoa làm giảng viên, kết quả là lúc này, ông ta lại lấy cớ rằng giáo sư của đại học Anh Hoa so với Tổng Gia Thụ còn ưu tú hơn nhiều, nên đã nuốt trôi lời hứa.

Chẳng những thế, tiền lương mà ông ta trả cho Tổng Gia Thụ cũng rất thấp, mỗi tháng chỉ có mười lăm đô-la. Nếu như là một nông dân Trung Quốc, cũng còn có thể sống tạm được ở mức bình thường, nhưng đối với một người không cam chịu tầm thường và cũng không cam chịu để người khác giật dây như Tổng Gia Thụ, thì cảm nhận rất sâu sắc sự lạnh nhạt của một giáo hữu trong cùng một giáo hội. Điều đó khiến anh hết sức bất mãn. Anh nêu ra đề nghị trước khi chính thức đi làm việc, xin nghỉ phép vài tuần, đi đảo Hải Nam thăm bố mẹ anh từng xa cách mười năm, nhưng Lâm Nhạc Tri từ chối lời đề nghị đó, kiên quyết nói rằng lần đi phép này cần phải lùi lại một tháng, đến ngày tết của Trung Quốc, bởi vì lúc ấy mọi giáo sĩ đều được nghỉ phép.

Va chạm với nhau nhiều lần như vậy, khiến cho Tổng Gia Thụ hết sức thất vọng, tình cảm sôi nổi mong rằng sau khi về nước sẽ mở mang thật tốt sự nghiệp của mình giờ này đã giảm đến cực điểm. Anh rung rung nước mắt buồn bã viết thư cho một người bạn Mỹ rằng:

Với thái độ ngang ngược đó, tôi cảm thấy rất buồn, nhưng tôi cần phải nhẫn nại. Nếu như tôi áp dụng hành động lỗ mãng thực sự, thì những người ở nhà (nhất là các bạn của tôi ở Đa Lum) sẽ cho rằng tôi là một tín đồ không trung thành của Công hội Vê-ri, là một người không theo pháp luật, vì thế mà tôi phải nín nhịn như nhịn cơm sống. Nhưng khi thời cơ chín muồi, tôi sẽ đánh bại cái thái độ tự coi mình là quyền uy của vị thượng cấp ngạo mạn này, mặc cho họ dị nghị thế nào cũng được... Ông ấy chính là người không nhìn nhận những quyền lợi mà tôi đáng được hưởng và địa vị bình đẳng".

Trong con người của Tổng Gia Thụ, thái độ chịu thuần phục và thật thà truyền

thống của người Trung Quốc thực ra không nhiều lắm, ngược lại trong anh đang đầy dũng khí tự chủ và quyết đoán.

Sau khi anh đưa ra nguyện vọng được cử sang Nhật Bản cùng làm việc với ba giáo sĩ khác của công hội Vê-ri nhưng bị từ chối, thì công việc đầu tiên Lâm Nhạc Tri giao cho Tống Gia Thụ là đến Ngô Tùng ở gần ngoại ô Thượng Hải để truyền giáo và dạy học. Đó là một vùng quê đồng trũng, nhà ở trong làng phần lớn là tường gạch trát mái bằng bùn xám, nhiều nhà đã bong vôi, sạt tường. Tống Gia Thụ bắt đầu cuộc đời của một mục sư ở một vùng quê nghèo như thế đó.

Thực sự đi sâu vào giữa những người đồng bào của mình, Tống Gia Thụ thấy rằng mình quan hệ với những người anh em cùng cơ duyên máu mủ mà sao vất vả thế, bởi vì họ vốn không có thiện cảm đối với các giáo sĩ, vậy mà bây giờ lại có một giáo sĩ "nửa Tàu nửa Tây" thế này, cách mặc và cách sống đều tỏ ra chẳng giống ai. Đàn ông Trung Quốc thời đó vẫn còn để đuôi sam, mặc áo thụng đen hay quần áo màu chàm, nhưng Tống Gia Thụ lại mặc đồ Tây, cắt tóc ngắn, chải tóc kiểu Tây bóng mượt... Hai mươi năm trước cách mạng Tân Hợi, đàn ông Trung Quốc mà không tết tóc đuôi sam bị coi là quái vật. Tống Gia Thụ thậm chí còn không thích ăn cơm Á mà lại thích ăn cốt lết, giăm bông và những món ăn Âu. Đi ở ngoài đường người ta đều gọi anh là "con quỷ Tây".

Mới đầu, thói quen tiếp xúc của Tống Gia Thụ vẫn còn mang kiểu Mỹ, có một hôm, ở nhà thờ anh thấy một cô gái thẹn thò nhìn anh, anh bèn chủ động ra làm quen với cô gái đó. Nhưng anh lại quên mất rằng đây là Trung Quốc với nếp sống "nam nữ thụ thụ bất tương thân", con trai con gái lạ nói với nhau một câu còn không được phép nữa là. Sau này anh dò hỏi biết được cô gái đó là giáo viên một trường của giáo hội tại Nam Tường ở phía tây Thượng Hải, bèn xăm xăm đến thăm, kết quả thế nào chắc ai cũng đoán ra được, anh đã bị bà hiệu trưởng đuổi ra khỏi cổng.

Xem ra đối với người đã bị Mỹ hóa như Tống Gia Thụ lúc này, muốn được đồng đạo người Trung Quốc đón nhận, thế tất là phải qua một phen đau đớn và phải gột rửa.

Ở Ngô Tùng, ngoài việc giảng đạo, Tống Gia Thụ còn phải dạy học ở nhà trường do giáo hội mở. Những học sinh quê mùa ở đây rất thích trêu chọc ông thầy vừa trẻ vừa xem ra ngô ngố. Ông Hồ Thích tên tuổi lẫy lừng sau này, đã từng ở đây làm học trò của Tống Gia Thụ. Theo ông nhớ lại, khi Tống Gia Thụ xuất hiện trên bục giảng, cái vóc dáng to bè của anh cùng với mái tóc cắt ngắn và vẻ mặt người Hoa Nam hoàn toàn khác với người vùng này, đã làm cho học trò phải khúc khích cười, lại do anh nói tiếng địa phương, mọi người nghe không hiểu, đành phải giảng bài bằng

tiếng Anh, điều đó lại càng làm cho người thầy giáo Trung Quốc này giống như một người nước ngoài hơn.

Nhưng không lâu sau, đám học trò nghịch ngợm ấy đã bị Tống Gia Thụ hút lây, bọn họ cảm thấy trong con người ông có cái gì đó không bình thường. Sau khi kết thúc học kỳ một, anh trở thành một giáo viên được ưa thích nhất, tiếng lành đồn xa, sĩ số của lớp học này tăng lên gấp đôi.

Trong thời gian này, anh cuối cùng đã xin được phép về Hải Nam thăm cha mẹ, anh không báo trước cho người nhà mà xuất hiện ngay trước cửa nhà mình. Xa cách nhau hơn chục năm rồi, người trong nhà quả thực không dám nhận anh, khi ra đi anh còn là đứa trẻ con, đến nay đã trở thành một chàng trai tuấn tú, hơn thế, còn là một giáo sĩ được học ở viện thần học nước Mỹ rất đáng kính nể. Người anh của anh đã trở về nhà, trông coi nhà cửa thay cho người cha đi giữ chức vị lãnh đạo ở bang Triều Châu.

Lần này về đến nhà, Tống Gia Thụ mới biết sáu năm trước đây, tiến sĩ Lâm Nhạc Tri không hề đưa thư của anh gửi ông ta cho gia đình.

Láy Nghê Quế Trân

Về nước nửa năm sau, Tống Gia Thụ đã nói sõi tiếng địa phương của vùng Ngô Tùng, Thượng Hải. Bởi vậy anh lại được cử vào đất liền, đến Côn Sơn làm một giáo sĩ đi giảng đạo lưu động. Côn Sơn cách Thượng Hải hơn ba mươi dặm, là một thành phố cổ lúc đó mới có hơn ba chục vạn dân, phần lớn thị dân theo đạo Phật, đạo giáo hoặc đạo It-xlam, đạo cơ đốc rất ít.

Với nguồn thu nhập ít ỏi, Tống Gia Thụ đã thuê một căn nhà nhỏ ở trong xóm, sống ở Côn Sơn, đối với anh cũng là một thử thách gay go. Anh nhanh chóng phát hiện ra bà con ở đây rất dè chừng đối với anh, không thích gần anh, nhìn thấy anh là trốn. Ngay hai giáo sĩ da trắng ở hai nhà thờ của thành phố này cũng không muốn quan hệ với anh, vì anh là người Trung Quốc, cái dạng "chẳng Tàu chẳng Tây" thế này đã khiến Tống Gia Thụ ném đủ mùi lạnh nhạt.

Để gần gũi mọi người, Tống Gia Thụ đã thay bộ quần áo nửa Tàu nửa Tây đang mặc bằng áo dài thụng của Trung Quốc và đội mũ múi dưa. Anh cố gắng thay đổi diện mạo, nhưng vẫn không thoát ra khỏi sự cô đơn nặng nề. Anh thường xuyên nhớ đến những người đỡ đầu và bạn bè ở Mỹ, và luôn luôn viết thư cho họ, thổ lộ nỗi trống trải về tinh thần của mình.

Cuối cùng rồi thời vận cũng đến. Có một hôm anh đang dạo trên phố, bỗng gặp một người, và hai bên đều nhận ra nhau ngay, người đó là Ngưu Thượng Chu lưu

học ở Mỹ mà Tống Gia Thụ làm quen và nhận bạn khi mở cửa hiệu buôn trà ở Pốt-ston. Hai người truyện trò thân mật. Tống Gia Thụ coi như đã tìm được một người để làm tri kỷ trao đổi tâm tình. Sau khi nghe Gia Thụ kể về những nỗi khổ của mình, Ngu Thượng Chu tỏ ra rất thông cảm và ngay sau đó nêu ra một cách giải quyết rất đơn giản là lấy vợ, sinh cơ lập nghiệp, sinh con đẻ cái. Ngu Thượng Chu tự nhận sẽ làm mối, giới thiệu cho Tống Diệu Như cô em vợ 19 tuổi mà anh cho rằng là một người con gái hoàn hảo nhất, đồng thời nhận sẽ tìm cách tác thành việc này.

Cô gái ấy tên là Nghê Quế Trân, sinh ra trong một gia đình cổ kính và nổi tiếng ở Trung Quốc. Gia tộc họ Nghê là hậu duệ ngành dưới của tể tướng triều nhà Minh Từ Quang Khởi. Dòng họ này ngay từ năm 1601 dưới sự giúp đỡ của giáo sĩ truyền giáo tiên phong Ri-mat-đô đã bỏ đạo thiên chúa, là một trong những gia đình đầu tiên theo đạo Cơ đốc.

Cha mẹ của Nghê Quế Trân đều là tín đồ trung thành của Công hội Thánh, người cha là một giáo viên. Nghê Quế Trân có ba chị em gái, hai người chị từ nhỏ đã bó chân, trở thành người đẹp cổ điển của Trung Quốc với "gót sen ba tấc". Từ lúc còn nhỏ Quế Trân cũng được mẹ bó chân, nhưng bị phản ứng không tốt, cứ hay bị sốt, cuối cùng mẹ cô đành chịu, như thế Quế Trân lại giữ được đôi chân trời phú cho, trở thành một người con gái "chân to" thực sự. Vào thời đại phong kiến ở Trung Quốc, bàn chân của đàn bà càng nhỏ càng đẹp, còn đàn bà mà có chân to, là thứ đàn bà xấu, thậm chí không ai thèm lấy.

Nghê Quế Trân từ nhỏ đã thông minh hiếu học, suốt ngày quán lấy cha hỏi hết chuyện này chuyện khác, vì cô là con nhỏ nhất trong nhà nên cha mẹ cũng dành ra nhiều thời gian và tâm sức để bồi dưỡng và giáo dục cô. Lúc lên 5 tuổi, cô đã bắt đầu học chữ Hán, luyện thư pháp [\(2\)](#) đọc kinh thư. Năm 8 tuổi vào học trường nữ học Pô-lít-man. Năm 14 tuổi, do thành tích học tập nổi bật nên được đưa vào trường nữ trung học Bội Văn ở cửa tây Thượng Hải, năm 17 tuổi tốt nghiệp trung học, học toán rất khá, lại biết chơi cả piano.

Tuy Nghê Quế Trân không đi du học ở nước ngoài, thế nhưng lại có dịp tiếp thu ngay tại Trung Quốc một nền giáo dục phương Tây mà chị em phụ nữ bình thường không dám nghĩ tới. Khi cô đọc "Tân ước toàn thư", đàn bằng nhạc cụ phương Tây, thì các chị em khác cùng tuổi còn đang vui đùa vào học thêu thùa hay nhẩm đọc "kinh con gái", để sau này trở thành những nàng dâu lý tưởng trong các gia đình Trung Quốc truyền thống. Tuy rằng Nghê Quế Trân có tài học hơn người, và cũng có thể coi là bậc nữ tài tử, nhưng chỉ vì đôi chân to kia nên đã khiến cho nhiều thân sĩ Trung Quốc chỉ đứng xa mà ngắm, bởi vậy có thể kiếm được ở Trung Quốc một người chồng xứng đáng hay không cũng là chuyện khó.

Sau khi Ngưu Thượng Chu ở Pốt-ston về nước, đã lấy chị gái lớn của Quế Trân, tổ chức cưới theo kiểu văn minh thời thượng. Sau đó Ôn Bình Trung (anh họ của Ngưu) cùng du học với Ngưu Thượng Chu về nước, đã lấy người chị thứ hai. Bây giờ hai người Ngưu và Ôn đang nhiệt tình gắn bó cuộc hôn nhân giữa cô em vợ với Tống Gia Thụ và đang tìm cách để hai người được gặp mặt nhau. Một chủ nhật Ngưu Thượng Chu, Ôn Bình Trung hẹn Tống Gia Thụ cùng đến nhà thờ, làm lễ là giả, gặp Nghê Quế Trân mới là thật. Lúc ấy Nghê Quế Trân đang ở trong ban đồng ca của nhà thờ hát thơ ca ngợi. Làm thân với nhau trong không khí trang nghiêm thần thánh của giáo đường, khiến cho Tống Gia Thụ cảm thấy có một niềm xúc động rất thiêng liêng. Cuối cùng anh đã gặp được người con gái khiến người ta phải đổi mới cách nhìn. Khuôn mặt cô đầy đặn với đôi mắt dịu dàng, mái tóc đen chải ngược ra phía sau, tóc bờm để ngang mày, trên đầu cài một loại trâm trâm châu nho nhỏ, toàn thân lộ ra một khí chất và phong độ tao nhã đoan trang.

Hiển nhiên là mới nhìn qua cô gái này, Tống Gia Thụ đã tỏ ra ưng ý. Lúc ấy Gia Thụ 21 tuổi, Quế Trân 19 tuổi, tuổi tác cũng rất tương xứng. Sau đó không lâu, qua sự giới thiệu của người khác, Gia Thụ đã đến chào bố mẹ của Quế Trân, hai người cũng tỏ ra hài lòng.

Giữa mùa hè năm 1887, đôi trai gái ấy đã tổ chức lễ cưới. Giáo sĩ truyền giáo Cla-rôn Ritor chủ trì buổi lễ và tổ chức một bữa tiệc gia đình cổ truyền kiểu Thượng Hải. Sau lễ cưới, Tống Gia Thụ đã đưa cô dâu về Côn Sơn, hai vợ chồng trẻ sống với nhau rất hạnh phúc, chỉ có điều là với số lương tháng ít ỏi, hai vợ chồng họ thường rơi vào cảnh khôn quẩn thu không đủ chi. Cũng may mà cô dâu lại có khá nhiều của riêng, nên cũng bù đắp được những khó khăn trong đời sống.

Trong thời gian từ 1889 đến 1907, Tống Gia Thụ sinh hạ được sáu người con, ba trai, ba gái. Cô chị lớn nhất là Ái Linh, ngoài tên Trung Quốc, Tống Gia Thụ còn muốn kỷ niệm cho bà vợ của tướng Can, ân nhân của mình là Nan-xi Can, nên lấy thêm một cái tên trong nhà thờ bằng tiếng Anh là Nan-xi. Người thứ hai là Khánh Linh, tên trong nhà thờ bằng tiếng Anh là Ro-sa-mông-dơ, là để kỷ niệm con gái ngài mục sư Rây-khốt là Ro-sa Rây-khốt. Người thứ ba là Tử Văn, khi rửa tội được đặt tên là Pao-lô; người thứ tư là Mỹ Linh, người thứ năm là Tử Lương, và người thứ sáu là Tử An.

Trong gia đình này, người cha, người mẹ lần lượt gánh vác trách nhiệm giáo dục khác nhau. Tống Gia Thụ ôn hòa, cởi mở, rất dân chủ đối với các con, tôn trọng thiên tính của họ, luôn luôn đùa vui, cười ha hả với các con. Có lúc con gái chơi đàn, ông đứng ngay bên cạnh, dùng giọng mũi rất nặng hát những bài dân ca bằng thổ âm của Mỹ, hoặc là cùng các con cưỡi xe đạp đuổi nhau trên con đường nhỏ.

Tổng phu nhân thì lại nghiêm khắc với các con, sinh hoạt rất có quy luật, hàng ngày đều làm lễ vào một giờ nhất định, bà coi nhảy múa và đánh bài là hành vi trụy lạc, cho nên nghiêm cấm các con đắm say vào những thú chơi bời dờ. Sau khi người con thứ tư là Mỹ Linh ra đời, từ một thiếu phụ dồi dào sức sống, bà đã trở thành một quý phu nhân hết sức tin vào tôn giáo; từ một người vui vẻ, cởi mở trở nên nghiêm túc, trịnh trọng. Cá tính của các con cũng thể hiện sự thay đổi này của bà một cách rõ rệt. Bốn người con đầu, tính tình hoạt bát, nghịch ngợm, sức sống dồi dào và có tinh thần sáng tạo. Hai người con sau là Tử Lương và Tử An, tính tình lại ôn tồn, cẩn thận.

Điều đó có quan hệ rất lớn đối với Tổng Gia Thụ. Bốn người con đầu thì ông chiều chuộng buông thả, muốn gì được nấy, khiến cho họ tin tưởng sâu sắc rằng trên đời này chẳng có việc gì là khó, chỉ sợ người có lòng, đại thiên thế giới cũng đều do họ chi phối. Ông đã mở rộng mong muốn của các con, để cho họ xây dựng được một ý chí lớn lao là chỉ có tinh thần tiến thủ và lòng hăng hái mãi mãi vô biên, mới thực hiện được lý tưởng, và đối với các con, bản thân ông đã là tấm gương sống về "kẻ bạo dạn việc gì cũng thành".

Nhưng về sau, khi hai người con sau này ra đời, Tổng Gia Thụ bận rộn suốt ngày với buôn bán và công việc cách mạng, không thể bỏ nhiều thời gian ra săn sóc cho họ như những người con lớn, lại thêm cuộc sống luôn xáo trộn, cho nên tính cách những người con này trở nên hoàn toàn khác nhau.

Tổng Gia Thụ và Nghê Quế Trân có cảm tình sâu sắc với nhau, ông thường theo các con, gọi vợ là "ma mi", đây là cách xưng hô của ông Can tướng quân với vợ mình. Vợ chồng họ Tổng sống êm ấm với nhau như thế suốt đời.

Chuyển sang kinh doanh buôn bán

Sau khi Tổng Gia Thụ lấy vợ, lập tức phải ghé vai gánh vác việc nuôi sống gia đình. Ông vẫn tiếp tục làm công việc truyền giáo, đồng thời mong sao "so với tất cả mọi lúc, làm được nhiều công việc hơn và làm tốt hơn". Tuy cuộc sống gia đình còn làm cho tâm tư của ông ổn định hơn, nhưng không hề kìm nén thiên tính không an phận, với sức sống tràn trề, ông vượt mọi chông gai mở ra con đường sinh tồn cho mình.

Sau khi về truyền giáo mấy năm, ông bỗng nảy sinh hoài nghi về cái nghề truyền giáo. Hoặc là ông đã ý thức được rằng Ki tô không thể truyền phúc âm tới cho đông đảo quần chúng si mê của Trung Quốc, hoặc là do không hài lòng với Lâm Nhạc Tri, hoặc là do đồng lương ít ỏi không đủ nuôi sống gia đình... Tổng Gia Thụ đã dần dần xa lánh chức trách của một giáo sĩ truyền giáo mà đặt tâm mắt sang một lĩnh vực khác.

Nhưng có lẽ nguyên nhân chủ yếu hơn là ở chỗ, ông là "con người phá vỡ những chế độ, qui định mà không phải là xây dựng chế độ qui định", ông không muốn giữ mãi nếp cũ, không muốn an phận thủ thường, sống theo ý của người khác, cuộc đời của ông đầy những sáng tạo tân kỳ. Người bạn trước đây cũng học đại học ở Mỹ lúc này đến Trung Quốc để truyền giáo là Bô Uây Liam là người đầu tiên cảm nhận rằng cuộc sống của một nhà truyền giáo của Tổng Gia Thụ đã sắp kết thúc.

Một buổi tối, ông đã nói với Uây Liam:

– Có những lúc, tôi cảm thấy rằng nếu tôi thực sự bỏ được nhiệm vụ đi giảng đạo, thì tôi sẽ làm cho nhân dân tôi được nhiều việc hơn. Anh biết được cảm thụ của tôi trước cái gánh nặng vật chất và tinh thần mà tôi phải chịu đựng... thế nhưng, xin hãy cứ tin ở tôi, nếu đúng là tôi có xa đoàn giảng đạo, cũng không có nghĩa rằng tôi vứt bỏ việc đi truyền giáo cho Ki tô bị giày vò dưới cây thánh giá.

Năm 1890 Nghe Quê Trân sinh cho họ đứa con đầu lòng, Tổng Gia Thụ cảm thấy sâu sắc nỗi túng thiếu của gia đình, cho nên đã nghĩ mọi cách tìm việc để kiếm tiền. Hai năm sau, khi đứa con thứ hai ra đời, về mặt kinh tế, Tổng Gia Thụ đã qua được đận khó khăn, bắt đầu có chuyển biến. Ông đã bỏ số của hồi môn của vợ, cộng thêm với khoản giúp đỡ của hai người anh đồng hao, mua được mấy cỗ máy in và căn nhà cũ ở đường Sơn Đông, tô giới của Pháp, lập nên một xưởng in lấy tên là Hoa Mỹ thư quán.

Ông đã tận dụng điều kiện thuận lợi trong công tác của giáo hội, nhanh chóng tìm được công việc như in "thánh kinh" bản tiếng Trung Quốc lo cho hội thánh kinh của Mỹ, in những cuốn sổ tay của công hội Vê-ri và các tập thơ ca ngợi cho các tổ chức truyền giáo khác, những công việc đó rất nhanh chóng làm cho xưởng in của ông sống động hẳn lên. Tận dụng nguồn giấy in, bìa cứng làm phong bì sản xuất tại chỗ rẻ tiền hơn cũng như giá công rẻ mạt ở địa phương, các công nhân bận rộn suốt ngày đêm nên việc làm ăn của Tổng Gia Thụ đã sôi động lên rất nhanh.

Theo sự phát triển và ngày càng mở rộng của xưởng in, Tổng Gia Thụ đã đầu tư phần lớn thời gian cho kinh doanh, mà việc truyền giáo gần như chỉ là một kiêm nhiệm. Mùa xuân năm 1891, ông đã xin thôi hẳn công việc trong đoàn giảng đạo Trung Quốc của công hội Vê-ri phía Nam.

Ở nước Mỹ các nhân sĩ tôn giáo xưa nay vốn trông đợi rất nhiều ở Tổng Gia Thụ đều hết sức giận dữ, loan tin đi các nơi: "Tổng Sác-li lại sùng bái tượng gỗ".

Về việc này Tổng Gia Thụ đã viết một bức thư cho tờ báo "Người hướng dẫn đạo Cơ đốc", nói lên những suy nghĩ, sự tự tin rất chắc chắn của mình vào tương lai, lời lẽ cũng rất chân thành:

Trung Quốc – Thượng Hải ngày 8 tháng 9 năm 1892.

Anh Li-tơ thân mến!

Trong một số nhân sĩ ở Bắc Ca-lô-rai-na đã lan truyền một tin đồn hết sức vô căn cứ về tôi. Tôi muốn nhờ một góc của quý báo nói lên vài lời để nghe cho đúng, không biết anh có thể cho đăng được không. Qua thư của một người bạn, tôi được biết trong thành phố anh ta ở, có tin đồn rằng "tôi theo tập tục của tôn giáo khác sùng bái tượng gỗ". Tôi viết thư này tức là muốn chỉ ra rằng những lời nói đó là hoàn toàn không có đầu có cuối. Từ ngày tôi quay sang theo tôn giáo đến nay, trong óc tôi bất kỳ lúc nào cũng chưa hề nảy sinh ra ý nghĩ xa rời chúa cứu thế, đi tin tưởng lại thần gỗ đá không có sinh mệnh. Một con người vứt bỏ cái sống mãi để tôn sùng cái chết mãi, là hành động ngu xuẩn.

Thế nhưng những kẻ tung ra những tin đồn ăn không nói có đó có thể nói, Sô-la-môn là người thông minh nhất từ khi có lịch sử đến nay, thế mà về sau cũng đi sùng bái tượng gỗ. Tại sao người khác không làm thế? Sự trả lời của chúng ta là: Chúng ta không thông minh bằng Sô-la-môn, mà cũng không ngu xuẩn như ông ta thế. Có điều bản thân tôi chính xác cho rằng đầu óc vẫn còn tỉnh táo, thừa biết rằng phải đem hết sức ra dốc lòng vì chúa, đang còn sống một phút nào, cũng sẽ tiếp tục như thế.

Nguyên nhân mà tôi phải rời bỏ giảng đạo vì tiền lương 15 đô-la một tháng họ trả cho tôi không đủ nuôi sống tôi và vợ con tôi. Tôi mong các bạn bè hãy thông cảm với tôi, tôi ra khỏi đoàn giảng đạo, không có nghĩa là tôi dừng công việc tuyên truyền Ki-tô và Giê-su bị đóng lên cây thánh giá.

Hiện nay, tôi có quan hệ với hội Thánh kinh của Mỹ, nhưng tôi vẫn làm công việc giảng đạo có liên quan đến giáo hội của chúng ta. Các giáo hữu ở công ty Pang-nai-ơ chứng minh cho tôi điều này. Cho nên, tôi ra khỏi đoàn giảng đạo chỉ có nghĩa rằng, hiện nay tôi là một nhân viên công tác độc lập của đoàn giảng đạo của công hội Vê-ri miền Nam; hoặc có thể nói là một nhân viên công tác mang hết sức mình làm việc cho đoàn giảng đạo, mà không dựa vào giáo hội trong nước Mỹ để duy trì cuộc sống.

Hiện nay tôi phụ trách ở một nhà thờ mới của công hội Vê-ri, đó là một nhà thờ đẹp nhất ở vùng này do anh Liêu - O của thành phố Tan-dát (Mỹ) quyên tặng.

Trong nhà thờ của chúng tôi, có một trường học chủ nhật rất to, với đội ngũ giáo viên ưu tú. Bản thân tôi cũng phụ trách một lớp học trong trường chủ nhật đó, lớp học này có nam nữ thanh niên và có cả người già, chúng tôi rất thích "chương trình trường học chủ nhật quốc tế". Nếu như trong số các bạn có ai đó

ngẫu nhiên đến thăm đây vào buổi sáng chủ nhật, chúng tôi sẽ dành cho các bạn một sự đón tiếp suốt đời không quên, và để cho các bạn thấy bọn trẻ ở đây thuộc bài đến chừng nào.

Tôi mong rằng những người từng nghe nói tôi "quay trở lại với tập tục tôn giáo và sùng bái tượng gỗ", hãy bớt chút thời gian đọc lá thư này của tôi, tự mình xem giùm, tôi đang đứng ở đâu. Tôi yêu thích với tín ngưỡng tôn giáo của tôi, và mong rằng tất cả các bạn bè của tôi cũng yêu thích tín ngưỡng của họ.

Sau cùng, thưa các bạn, tôi xin các bạn một điều, đó là, trước hết, xin hãy cầu chúc cho tôi được trở thành một công cụ có ích có thể tranh thủ tâm linh con người hướng về với Ki tô, thứ đến, xin hãy cầu chúc cho công việc của đoàn giảng đạo trên đất nước ngu muội này, xin hãy cầu chúa của tôi, xin Người hãy cho nhiều người lao động hơn nữa để đến làm việc ở cánh đồng này, bởi vì mùa màng đã chín, đang chờ thu hoạch.

Sác-li Tóng

Tổng Gia Thụ đã thăng thấn hàng hoàng, chủ kiến rõ ràng từ bỏ đoàn giảng đạo để đi mở mang sự nghiệp xuất bản của ông.

Thế kỷ 19 tới, Trung Quốc dấy lên cao trào Tây học, cần phải phiên dịch, in ấn một số lớn sách vở phương Tây để thỏa mãn cho nhu cầu của phong trào duy tân sắp sửa tới gần. Bởi vậy Tổng Gia Thụ đã bám chắc lấy thời cơ này, chẳng mấy chốc mà phát tài, khiến cho ông nhanh chóng bước vào giới kinh doanh của Thượng Hải.

Ngày ấy, giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc mới bắt đầu trỗi lên rất cần có những nhân vật làm con thoi để nối liền giữa hai nền văn hóa Đông – Tây. Sau khi bước vào giới kinh doanh, Tổng Gia Thụ tận dụng ưu thế thông thạo tình hình các nước phương Tây, lại nói tiếng Anh rất lưu loát, rất nhanh trở thành nhân vật liên hệ giữa các nước Đông – Tây. Cùng với việc kinh doanh ngành xuất bản của mình, ông lại được gia tộc Phó Phong tiếng tăm lừng lẫy, mời làm giám đốc một nhà máy sản xuất bột mì với lương cao. Nhà máy bột mì này, về sau phát triển lên thành một trong những nhà máy bột mì lớn ở châu Á, cung cấp cho khu vực thị trường từ Nhật Bản đến In-đô-nê-xia.

Đồng thời, ông còn làm tổng giám đốc tiếng Anh cho các nhà máy của nhà họ Phó, mà về sau trọn đời đều gánh vác các chức vị với số lương rất hậu và là một cổ đông quan trọng của công ty này. Ông trở thành mại bản của những công ty đó, đàm phán với người phương Tây, giới thiệu cho họ tình hình biến động và thái độ của phương Tây và khi nhà máy, công ty của họ mua thiết bị, máy móc của Mỹ, thì đứng ra làm người môi giới.

Ân nhân của Tống Gia Thụ khi ở nước Mỹ là tướng quân Can rất tán thành việc ông chọn lựa vào ngành kinh doanh, đồng thời cũng giống như xưa kia từng tài trợ cho ông đi học, mang hết sức mình ra giúp đỡ ông làm kinh doanh. Ở Mỹ, ông Can có những nhà máy xay xát có giá trị hàng triệu đô-la, dưới sự giúp đỡ của ông, Tống Gia Thụ trở thành một trong những người đầu tiên làm nghề nhập khẩu các loại thiết bị nặng.

Ở thời kỳ ấy, nhiều mại bản đều phát tài, làm giàu, nhất là ở Thượng Hải – thành phố có ưu thế về thiên thời địa lợi. Tống Gia Thụ cũng không ngoài số đó. Hơn thế, ông còn nhanh nhạy, ưu việt hơn người khác, nói tiếng Anh rất lưu loát, lại hiểu được căn kẽ về những sự vật tôn giáo phương Tây, trong câu chuyện thường ngày, còn biết viện dẫn cả "thánh kinh" ra tranh thủ những nhà buôn trong giáo hội. Đặc biệt là chất giọng Nam Mỹ nặng chịch của ông, lại khiến cho người Mỹ thấy vô cùng thân thiết, chỉ cần ông nói ra, là người nghe đã hết nghi ngại. Ông còn thông qua quan hệ với ông Can, có quan hệ rất khăng khít với giới nhà buôn Mỹ.

Ở Thượng Hải, thời ấy nhà thờ là nơi giao tiếp quan trọng, bởi vì nhân sĩ các giới đều tụ họp ở đây, nhất là các nhà buôn nước ngoài thường xuyên đến thăm nom những chỗ này. Người ta đến đây để trò chuyện, buôn bán, Sác-li tận dụng cái cương vị hai mè của mình, để trở thành một nhân vật nổi bật – vừa là mục sư lỗi lạc của một nhà thờ ở tô giới công cộng, lại là một nhà doanh nghiệp của Thượng Hải. Chỉ có mấy năm trời, Sác-li đã trở thành một nhân vật tiếng tăm, người phương Tây không còn coi ông là một "nhà truyền giáo nội địa" đáng khinh nữa, mà người Trung Quốc cũng trầm trồ khoe khoang về nhân vật đang lên như điều này.

Giống như những người giàu có ở Nhật Bản, Tống Gia Thụ cũng xây dựng ở ngoại ô khu nhà ở kiểu biệt thự, bản thân thì ngồi xe tay màu vàng do các vệ sĩ kéo đến nhà xuất bản làm việc. Đã từng bị coi là "chẳng Tây chẳng Tàu", Tống Gia Thụ rốt cuộc đã tìm ra con đường sống và phát triển thích hợp nhất cho mình. Sự thực đã chứng minh, con đường mà ông chọn cho mình mới sáng suốt làm sao.

Cũng chính vào lúc mà sự nghiệp cá nhân của ông phát triển rầm rộ, Tống Gia Thụ cũng trở thành thành viên hội đỏ của xã hội bí mật có thế lực nhất ở Thượng Hải lúc ấy, bắt đầu bước quá độ từ nhà truyền giáo – nhà buôn – nhà cách mạng chống Mãn Thanh.

Mục đích ban đầu tham gia hội đỏ là muốn đứng vững được ở Thượng Hải, nhất là cắm rễ sâu vào giới kinh doanh cạnh tranh kịch liệt. Ở Thượng Hải, ngoại trừ anh tham gia hội đỏ, nếu không anh sẽ chẳng là cái gì, rất khó mà xen chân vào vòng thế lực. Tống Gia Thụ được người anh đồng hao giới thiệu vào hội và vì thế mà mở rộng được tầm mắt, đồng thời khiến cho nửa sau của cuộc đời ông có sự thay đổi lớn

lao.

IV. NHÀ CÁCH MẠNG

Quen biết với Tôn Trung Sơn

Nếu như Tống Gia Thụ cứ đi mãi theo con đường của một nhà doanh nghiệp thì có thể ông sẽ trở thành một triệu phú tiền bạc đầy người, nhưng chưa hẳn đã trở thành một nhà cách mạng tích cực trong hoạt động chống Mãn Thanh. Gia đình họ Tống cuối cùng bước lên con đường tiền tài kết hợp với thế lực cũng là do Tống Gia Thụ đã dấn thân vào hoạt động cách mạng bí mật, rồi từ đó mà trở thành nhân vật có ảnh hưởng trong đảng phái cách mạng.

Trong khi Tống Gia Thụ say sưa tính toán chuyện kinh doanh của mình, thì ông gặp một người, và cũng từ đó đã đổi quỹ đạo sống cho nửa sau của cuộc đời ông. Người ấy chẳng những khiến ông thành nhà cách mạng và kẻ lưu vong, và còn do quan hệ hôn nhân khiến họ liên hệ chặt chẽ lại với nhau. Người đó chính là Tôn Văn (Tôn Trung Sơn).

Một ngày chủ nhật của năm 1894, tại nhà thờ của công hội Vê-ri ở tô giới công cộng Thượng Hải, qua người khác giới thiệu, Tống Gia Thụ lần đầu tiên gặp con người cũng trạc tuổi, không cao lắm và có bộ ria mép rất phẳng phiu đó. Hai người vừa gặp nhau đã chuyện trò rất tâm đắc. Họ có rất nhiều điểm giống nhau, đều cùng một tuổi, đều là người Quảng Đông, cùng nói một thổ ngữ. Hai người đều nói tiếng Anh rất thạo, lại đều được học hành ở nước ngoài. Hai người đều là thành viên của một hội kín của bang Triều Châu là "Tam hiệp hội"; họ đều là tín đồ Cơ đốc, nhưng một điểm quan trọng hơn là họ đều có một hoài bão lớn lao, dám thách thức với tất cả những gì xưa cũ. Những sự từng trải và nhận thức giống nhau khiến cho cả hai người đều nhìn thấy ở người kia hình bóng của mình với cùng nguồn cùng loại.

Đương nhiên, ở một mặt nào đó, giữa họ cũng có những điểm khác nhau, đó là sự theo đuổi và tinh thần phấn đấu cho sự nghiệp Cách mạng. Tống Gia Thụ tuy cũng ghét cay ghét đắng sự thối nát và bất lực của triều đình Mãn Thanh và khâm phục dũng khí phi phạm của Tôn Trung Sơn, ông lại không trông đợi nhiều lắm với hoạt động cách mạng mà ông theo đuổi.

Một lần Tống Gia Thụ hỏi Tôn Trung Sơn:

– Ông tin tưởng vào cách mạng, tại sao còn phải đến nhà thờ?

(Đạo Gia tô nêu ra thuyết: "Chịu đựng, trung dung, thuận theo hiện tại, sau khi chết sẽ lên thiên đàng và không lấy bạo lực chống cái ác).

Tôn Trung Sơn trả lời:

– Tôi không thuộc đạo Cơ đốc do các giáo hội lập nên, mà là đạo Cơ đốc của Giê-su cách mạng.

Tôn Trung Sơn cũng phiêu bạt sang Hô-nô-lu-lu từ năm 12 tuổi. Năm 17 tuổi, trở về Quảng Châu, Hong Kong để học nghề thuốc. Năm 1892 tốt nghiệp ở Thư viện Tây y Hong Kong. Thế nhưng những khoa mục mà ông học được ở thư viện Tây y Hong Kong lại không hợp với tiêu chuẩn nước Anh, cho nên tấm bằng tốt nghiệp chẳng có tác dụng gì, đành mở một hiệu thuốc Đông y ở Ma Cao. Sau này, hiệu thuốc Đông y cũng bị nhà cầm quyền ép phải đóng cửa, Tôn Trung Sơn đành lại quay về Quảng Châu kiếm kế sinh nhai, phụ trách pha chế tân dược và làm phẫu thuật ở các nhà thuốc. Vận may trên con đường kinh doanh thì khác xa Tống Gia Thụ, nhưng cũng từ đó, ông nảy ra tư tưởng chống Mãn Thanh, bước vào đội ngũ cách mạng sớm hơn Tống Gia Thụ một bước và thanh thân bước lên con đường tạo phản.

Khi làm nghề thuốc, Tôn Trung Sơn bắt đầu nghiên cứu thuốc nổ và đã bàn tính xây dựng tổ chức bí mật chống Mãn Thanh, đồng thời còn có mơ ước là đánh vào Chính phủ Mãn Thanh, tranh thủ một chức vị quan trọng trong chính phủ hiện nay, sau đó thừa cơ lật đổ triều đình nhà Thanh

Bởi vậy, Tôn Trung Sơn mới bất chấp sự nguy hiểm của việc bình dân áo vải bàn chuyện triều đình sẽ mang họa giết người, năm 1894 với sự gan dạ hiếm thấy, đã viết "Thư gửi Lý Hồng Chương", tự tiến cử mình: "...Vấn tôi từ nhỏ từng du học ở nước ngoài, có học hỏi được về ngôn ngữ, chủ nghĩa, lễ tục chính trị, thiên văn địa lý cũng như vật lý hóa học... Nhưng đặc biệt lưu ý về cái đạo làm sao cho nước mạnh dân giàu, đưa dân vào sống trong qui định của tập tục..." Ông mong muốn xây dựng một chính phủ do những người Hán như Lý Hồng Chương, Lương Khải Siêu... cấu tạo nên để thay thế cho triều đình nhà Thanh.

Để đưa được lá thư này, Tôn Trung Sơn đã quyết định đi Thiên Tân một chuyến, chỉ để xin gặp Lý Hồng Chương, khi đi ngang qua Thượng Hải, đã gặp và quen Tống Gia Thụ, và ở ngay trong nhà Tống. Tống Gia Thụ không trông đợi gì lắm ở chuyến đi của Tôn Trung Sơn đến Thiên Tân, nhưng ông hết sức gắn bó việc này và hứa với Tôn Trung Sơn, nếu chuyến đi này không thành công, ông có thể thông qua thế lực của các hội đồ để hỗ trợ cho sự nghiệp của Tôn. Tống Gia Thụ còn giới thiệu Tôn Trung Sơn làm quen với một người có thế lực rất lớn trong giới kinh doanh lúc đó là Trịnh Quang Ứng và nhà hoạt động chính trị Vương Thao. Vương Thao viết cho Tôn Trung Sơn một bức thư tiến cử, giới thiệu ông đến gặp một người bộ hạ cũ ở dưới trướng của Lý Hồng Chương. Với bức thư đó Tôn Trung Sơn bắt đầu cuộc hành

trình lên phía Bắc.

Kết quả ai cũng có thể đoán ra là Tôn Trung Sơn đợi công toi mất khá nhiều ngày, Lý Hồng Chương cũng không muốn gặp con người vô danh tiểu tốt này, lá thư tiến cử Tôn Trung Sơn còn chưa được ông ta để ý đến. Tôn Trung Sơn đành trở về Thượng Hải, ở nhà của Tống Gia Thụ. Tống Gia Thụ tìm cách cho đăng "Thư gửi lên ngài Lý Hồng Chương" của Tôn Trung Sơn, như một bài văn bàn về cải cách, trên báo "Tân giáo hội" do tiến sĩ Lâm Nhạc Tri chủ biên, đó cũng là lần đầu tiên, quan điểm của Tôn Trung Sơn được nêu ra trước công chúng.

Trong nhà in của Tống Gia Thụ, những người như Tôn, Tống... qua việc thảo luận một thời gian dài, mới dần dần nhận ra rằng: Cải cách xã hội quyết không có hy vọng thành công, bây giờ phải làm theo các xã hội bí mật, tổ chức ra một phong trào chính trị mới, để làm cách mạng.

Sau khi quen với Tôn Trung Sơn, Tống Gia Thụ không ngừng giúp đỡ Tôn Trung Sơn rất nhiều. Ông chẳng những giữ Tôn Trung Sơn ở lại trong nhà mình, mà còn sắp xếp cả thư phòng làm nơi hội họp bí mật. Bất kể Tôn Trung Sơn đi hoạt động ở đâu, Tống Gia Thụ đều hết sức quan tâm dõi theo từng việc làm của ông, rồi lại dốc hầu bao của mình ra trang trải các khoản chi phí.

Việc viết thư xin cải cách xã hội không thành, Tôn Trung Sơn vì nghĩa không cho phép chối từ, đã bước lên con đường vũ trang chống Mãn. Qua một thời gian chuẩn bị khẩn trương, "Tam hợp hội" gồm ba chữ tôn chỉ là thiên, địa, nhân phát triển nhanh chóng, đồng thời không ngừng liên hệ với các hội, nhóm bí mật khác như hội Thiên Địa, hội Ca Lão... Các tổ chức loại này trên cả nước, đã có tới gần 35 triệu thành viên, Tôn Trung Sơn cho rằng đây là một lực lượng cách mạng tiềm ẩn. Ông từng bày tỏ một cách rõ ràng rằng ông nguyện hiến thân cho việc lật đổ Mãn Thanh, sáng lập nên "một châu Á đầy cơ hội". Ma lực của sự nhiệt tình phấn đấu và hành động phi thường của Tôn Trung Sơn đã khích lệ các hội viên các đoàn thể bí mật. Tôn Trung Sơn trở thành một trong những người sáng lập ra các tổ chức bí mật của Tôn Trung Sơn.

Tháng 11 năm 1894 sau khi Tôn Trung Sơn thành lập Hưng Trung hội, tổ chức Cách mạng tư sản đầu tiên tại Hô-nô-lu-lu, ông lập tức về nước, bắt tay vào vạch kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Tháng 12 năm 1894 đúng vào lúc Trung Quốc bị thua to trong cuộc chiến tranh Giáp Ngọ với Nhật Bản, Tôn Trung Sơn lãnh đạo đảng phái cách mạng phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Mãn đầu tiên ở Quảng Châu, nhưng bị chính phủ của triều đình nhà Thanh trấn áp rất tàn khốc, rất nhiều nhà cách mạng bị giết hại. Tôn Trung Sơn từ đó buộc phải lưu vong ra nước ngoài tới 16 năm, để lãnh đạo cách

mạng. Trong thời gian này, Tôn Trung Sơn chủ yếu sống dựa vào sự tiếp tế của Tống Gia Thụ và một số Hoa kiều. Các đảng phái cách mạng trong nước cũng chủ yếu dựa vào các Hoa kiều yêu nước và nguồn tài trợ của các nhà tư sản trong nước, không ngừng phát động hàng loạt cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Năm 1905 Tôn Trung Sơn thấy rằng các đoàn thể nhỏ của cách mạng tư sản ở trong nước hoạt động còn lẻ tẻ, chưa đủ để lãnh đạo cuộc cách mạng trong phạm vi cả nước, cho nên quyết định triệu tập Quang Phục hội, Hoa Hưng hội... cùng liên hợp với Hưng Trung hội, thành lập một chính đảng cách mạng tư sản thống nhất là "Đồng Minh hội". Đến tháng 7, lực lượng ở các nơi tụ tập đến Nhật Bản, bàn về việc thành lập Đồng Minh hội. Cùng thời gian đó, Tống Gia Thụ cũng rời Thượng Hải đi tàu thủy sang Nhật Bản, tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ Tôn Trung Sơn tiến hành hoạt động cách mạng. Tháng 8, Đồng Minh hội được thành lập, chỉ ra rất rõ ràng là sẽ "Đuổi Đạt-Lư đi, khôi phục Trung Hoa, sáng lập ra Quốc dân, chia đều ruộng đất" và mượn đó làm chiêu bài Cách mạng, đẩy cuộc cách mạng tư sản sang một giai đoạn mới. Tống Gia Thụ trở thành một trong những hội viên vào hội sớm nhất.

"Người tay hòm chìa khóa"

Sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang lần thứ nhất ở Quảng Châu thất bại, Tống Gia Thụ đã liên hệ chặt chẽ với sự nghiệp Cách mạng của Tôn Trung Sơn.

Ông không phải là một dũng sĩ khua đao múa kiếm xung phong vào trận, cũng chẳng phải nhà tư tưởng cầm bút thay gươm đao để đánh đổ triều đình nhà Thanh, ca ngợi cách mạng, nhưng ông vẫn là một nhà dân chủ tư sản yêu nước. Sự giúp đỡ của ông cho sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn là ở chỗ, ông là "người quản lý tài chính của cách mạng".

Tôn Trung Sơn lưu vong ở nước ngoài. Tống Gia Thụ vẫn tiếp tục lấy việc kinh doanh xuất bản làm nghề nghiệp công khai. Thời gian này, nghề xuất bản của Tống Gia Thụ lại phát triển nhanh chóng như măng mọc sau mưa. Hoa Mỹ thư quán tiếp tục xuất bản rất nhiều sách đạo và sách đời, trong đó bao gồm cả cuốn "sách thánh ước bằng thổ ngữ Tô Châu", là một trong những cuốn thánh kinh sớm nhất của Trung Quốc được biên soạn và in ra theo ý định của tiến sĩ Bá Nhạc Văn, người bạn cũ của ông.

Theo sự phát triển của sự nghiệp, tiếng tăm của Tống Gia Thụ ở vùng Thượng Hải ngày một nổi như cồn, người phương Tây đều gọi ông là "Sác-li Thánh kinh". Ông lại góp vốn với người khác, sáng lập ra "Thương vụ ấn thư quán" ở Thượng Hải, in sách giáo khoa phương Tây cho Trung Quốc và in hàng loạt lớn sổ sách và biểu mẫu dùng trong buôn bán. Thế là "ấn thư quán" trở thành một trong những nhà xuất bản lâu đời nhất và ưu việt nhất của Trung Quốc. Doanh nghiệp lớn lao đó của

Tổng Gia Thụ lớn lên từng ngày, sản phẩm cũng nhiều loại, từ "thánh kinh" cho chí truyền đơn cách mạng, từ sách giáo khoa cho chí tác phẩm văn học nổi tiếng của tướng quân Can, ông lại đầu tư xây dựng nhà máy thuốc lá, nhà máy sợi bông và nhập thiết bị về cho những nhà máy ấy. Qua gần chục năm sau, đến năm 1904, sự nghiệp của Tổng Gia Thụ lại tiến thêm một bước, sản nghiệp cá nhân ông cũng tương đối vững vàng.

Cùng với việc kinh doanh, Tổng Gia Thụ đã lấy ở trong số vốn lưu động khá nhiều của mình ra một ít, để đóng góp vào sự nghiệp cách mạng.

Để giúp cho các nhà cách mạng có một nơi kín đáo an toàn để hoạt động, Tổng Gia Thụ lập ra hội thanh niên đạo Cơ đốc của người Hoa ở Thượng Hải. Các thành viên nói chung của các đảng phái cách mạng thường xuyên họp hành và tụ tập ở đây, không đến nỗi gây sự chú ý của bọn mật thám của triều đình Mãn Thanh. Ngoài ra những người lãnh đạo cao cấp của Đảng Cách mạng vẫn có thể hội họp được ở nhà ông tại khu Hồng Khẩu hay ở xưởng in tại đường Sơn Đông.

Lúc này Tổng Gia Thụ đã vào tuổi trung niên nên người đã già đi, và chẳng hiểu sao, trên mặt lúc nào cũng vương vãn một nét buồn. Ông mặc một chiếc quần thụng nhàu nát và chiếc áo sơ mi trắng cũng rộng, trên cổ áo, thắt lỏng lẻo chiếc cravat sọc chéo màu lam, tía, nhìn ông, giống như một gã biên tập nghèo, mặt lúc nào cũng khó đăm đăm. Trong số những người bạn phương Tây của ông, chỉ có một số người như Uây Liam là biết tâm sự và nỗi niềm của ông. Tuy ông có cuộc sống giàu có và danh vọng, nhưng lúc nào cũng thắc thỏm và quan tâm theo dõi đến phong trào cách mạng; bề ngoài xem ra ông có vẻ an toàn, nhưng không thể không phải luôn luôn đề phòng tai họa chết người. Đã chủ động ghé vai gánh một phần trách nhiệm cho cách mạng, thì cần phải vứt bỏ cuộc sống vô tư lự sang một bên.

Thế nhưng để đề phòng vạn nhất, ông đã mua sẵn một tấm hộ chiếu Bồ Đào Nha, tự nhận mình sinh ra ở Ma Cao. Tuy lúc bấy giờ trên thế giới còn chưa dùng hộ chiếu một cách rộng rãi, thế nhưng có quốc tịch Bồ Đào Nha, là có thể tránh được luật Bài Hoa mới ban hành, một khi xảy ra chuyện gì, ông có thể mang vợ con sang lánh nạn ở Mỹ. Tổng Gia Thụ là con người hết sức coi trọng cuộc sống gia đình, nhất là Tử Lương, Tử An đều còn rất nhỏ, ông không thể không lo lắng cho cái gia đình lớn ba con trai, ba con gái này.

Sau khi Đồng minh hội thành lập, Tổng Gia Thụ tìm trăm phương ngàn kế trừ bị kinh phí cho Đảng Cách mạng, bởi vậy, mùa thu năm 1905, ông đã vượt mọi trùng dương, sang nước Mỹ đi lạc quyền cho Cách mạng. Sau hai mươi năm rời xa nước Mỹ, đây là lần ông lại được đặt chân lên đất nước từng cho ông bao hy vọng và tạo nên vận mệnh cho ông. Khác với đứa trẻ 20 năm trước phải bôn ba đất khách quê

người, lần này ông đến nước Mỹ với cương vị một nhà doanh nghiệp có nhiều thành tựu.

Chuyến đi của ông lần này hoàn toàn là phong thái của một kẻ giàu sang, một mình thuê riêng một khoang trên con tàu của công ty tàu bưu điện Thái Bình, khí thế khác người. Ông bệ vệ trong bộ com-lê sang trọng, đội chiếc mũ dạ đắt tiền mà ông rất thích. Khi con tàu cập bến cảng San Fran-xít-cô, ông được các thành viên của "Chí công đường" nhiệt tình đón tiếp. Đồng thời qua sự giới thiệu, ông dần dần làm quen được với các nhà doanh nghiệp, nhà ngân hàng người Hoa có tiếng ở Mỹ.

"Chí công đường" là một tổ chức hội kín của người Hoa trên đất Mỹ, trụ sở đặt tại số 36 Spac-phôt, biển treo ngoài cửa là "Hội cộng tế tự do của người Hoa thế giới". Do địa vị của người Hoa ở nước Mỹ rất thấp hèn cho nên bị kỳ thị, Hoa kiều không ai là không mong cho Tổ quốc giàu mạnh. Bởi vậy có rất nhiều người Mỹ gốc Hoa lung giắt vạn quan tiền, chan chứa tình yêu nước, khảng khái thu thập cho đảng cách mạng một khoản kinh phí khả quan, điều đó khiến Tống Gia Thụ vô cùng phấn khởi.

Trong thời gian ở nước Mỹ lần này, Tống Gia Thụ còn sắp xếp thì giờ đến Bắc Cla-rai-na thăm ân nhân của mình là Tờ-ru-li Can. Khi Tống Gia Thụ gặp lại ông Can trên ga xe lửa, hai người đã ôm chặt lấy nhau. Can vui mừng nhận thấy rằng, Tống Gia Thụ đứng trước mặt ông lúc này, đã không phải là cậu bé con người Trung Quốc vẻ mặt ngây ngô từ trên xe lửa Uê-min-ton bước xuống hồi năm 1881 nữa, mà nay đã là một nhà triệu phú tinh lực dồi dào và có đầy đủ lòng tin. Địa vị chính trị và kinh tế của anh ta lúc này cũng chẳng kém gì mình. Điều đó khiến cho ông Can là người từng chu cấp cho Tống Gia Thụ ăn học xưa nay được an ủi và sung sướng.

Tống Gia Thụ và ông Can cùng ngồi trên chiếc xe Mã Lai mui trần, đi qua các phố chính, đến khu nhà ở hào hoa như cung điện. Xung quanh nhà là những công viên rộng 5 mẫu Anh, trong khoảng rậm rạp xanh rì đó là cảnh nguy nga tráng lệ, đó là khu nhà ở nổi tiếng xa gần của tướng Can.

Trong mấy tuần lễ sau đó, Tống Gia Thụ thường cùng với tướng Can đến "câu lạc bộ cũ". Tướng quân Can đã mời những bạn học cũ khi ông còn học ở viện Thánh tam nhất và đại học Phan-tơ Pin-thơ cùng đến đây, họp mặt ở căn phòng mà bốn phía tường đều ghép bằng những tấm ngà voi. Theo sự nhớ lại của người thư ký riêng của tướng quân Can là Can-man, thì Tống Gia Thụ lúc đó tỏ ra rất chững chạc đàng hoàng, khi ở câu lạc bộ đã ứng phó rất tự nhiên, nói chuyện với các nhà triệu phú trong vùng rất say sưa, tâm đắc.

Nhưng mấy tuần tiếp theo sau đó, Tống Gia Thụ ở trong nhà tướng quân Can, đã tỏ lộ riêng với ân nhân của mình mục đích chính của chuyến đi Mỹ lần này, đồng

thời nói tỉ mỉ, tường tận về sự thối nát của chính phủ Mãn Thanh và diễn biến thất bại của mấy lần khởi nghĩa vũ trang, lâm li cận kề vạch trần tội ác của triều đình Mãn Thanh đã tàn khốc, ngược đãi và giết hại những người Cách mạng bị bắt. Ông cũng nói rõ nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa, ngoài sự chuẩn bị vội vàng, không cẩn thận kín đáo, cái chính là còn do kinh phí không đủ, thiếu nguồn tài chính và trang bị. Ông nói rằng, nếu lật đổ được triều đình Mãn Thanh, cách mạng được thành công thì hàng trăm triệu nhân dân Trung Quốc sẽ có cuộc sống mới, và văn minh của phương Tây mới thực sự truyền bá vào Trung Quốc được, đạo Cơ đốc mới có thể thực sự mang được phúc âm cho Trung Quốc...

Can là người giàu có, bẩm tính lại là nhà từ thiện. Khi nghe nói hàng loạt những người cách mạng bị chôn sống, đâm chết, chặt đầu, ông bất giác tỏ ra cảm phần, và xuất phát từ tinh thần cứu trợ nhân đạo và sự tin tưởng vốn có xưa nay với Tống Gia Thụ, ông lập tức đồng ý sẽ chu cấp cho một khoản kinh phí với số lượng lớn. Ông già đáng kính này đã giúp cho chú bé Gia Thụ được đi học, ủng hộ về nước kinh doanh, bây giờ lại khảng khái vô tư giúp đỡ cho sự nghiệp Cách mạng của ông.

Sau khi kết thúc chuyến đi Đa-lum, Tống Gia Thụ đáp xe lửa lên phía Bắc, tới New York, sau đó rồi mất tăm mất tích. Ông bôn ba khắp nơi ở Bắc Mỹ để thu gom kinh phí cho Cách mạng. Lần này ông đã bỏ ra nửa năm trời để đi quyên góp ở Bắc Mỹ.

Sau khi về Thượng Hải, Tống Gia Thụ đã trao cho Đồng Minh hội do Tôn Trung Sơn lãnh đạo hai triệu đô-la, khoản tiền này do sự đóng góp của rất nhiều người, trong đó một phần lớn là từ bạn bè và ân nhân của Tống Gia Thụ là ông Can.

Do Tống Gia Thụ thành công rất lớn trong việc thu gom kinh phí, Đồng Minh hội đã giao cho ông nhận chức Tư khố. Trước đây ông đã giữ chức này không chính thức, từ nay, chính thức trở thành người "tay hòm chìa khóa" cho cách mạng. Đồng thời, ông vẫn đảm nhiệm chức vụ bí thư chấp hành đảng bộ Thượng Hải của Tôn Trung Sơn. Để cho Tôn Trung Sơn trong những ngày lưu vong hải ngoại không có gì phải bận tâm lo nghĩ về đời sống, Tống Gia Thụ đã thường xuyên rút ra từ chi phí kinh doanh, lấy tiền gửi cho Tôn Trung Sơn, về căn bản, đảm bảo được cho Tôn Trung Sơn trong bất kể trường hợp nào cũng có đủ tiền tiêu.

Và như thế, bất kể là bí mật làm việc cho đảng Cách mạng trước cách mạng Tân Hợi hay là công khai tiếp tục cố gắng cho cuộc Cách mạng dân chủ sau khi cách mạng thất bại, Tống Gia Thụ đều là người gắn bó chặt chẽ và theo đuổi đến cùng sự nghiệp của Tôn Trung Sơn, đồng thời đã cùng chung sống chết với Tôn Trung Sơn. Từ đó, đã thêm những trang không bình thường vào cuộc sống nhiều màu sắc ly kỳ của cuộc đời ông.

Chương II CON EM HỌ TỐNG SANG MỸ DU HỌC

I. CON DÊ ĐẦU ĐÀN TRONG NHÀ

Vỡ lòng trong nước

Ngày 15 tháng 7 năm 1889, Tống Diệu Như và Nghê Quế Trân đã sung sướng đón nhận đứa con đầu lòng của họ ra đời, đó là một cô gái, đặt tên là Tống Ái Linh.

Sự ra đời của cô con gái đầu lòng, mang lại niềm vui lớn lao cho gia đình này. Ông bố rất thích cô, đi đâu cũng mang cô đi theo, để cô được xem tình hình sản xuất ở bên trong xưởng in, xưởng chế biến bột mì, nhà máy thuốc lá và nhà máy dệt. Có lúc còn cho cô lên ngồi trên xe tay của mình đi dạo phố, vạch ra cho cô biết dưới cái bề ngoài phồn hoa của Thượng Hải, đang ngấm ngấm tiềm ẩn một lớp sóng ngầm cá lớn nuốt cá bé. Những cái đó, đều bồi dưỡng cho Ái Linh các thiên tính nhạy bén. Tống Diệu Như có chất giọng tốt, có tiếng hát hay. Ngay khi Ái Linh còn rất nhỏ, ông đã dạy con gái hát những bài hát trong nước và nước ngoài. Những buổi tối mùa hè, hai cha con thường cùng ngồi hát với nhau. Tống Diệu Như còn thích ngồi xe đạp là thứ rất thời thượng lúc bấy giờ. Hôm sinh nhật 10 tuổi của Ái Linh, ông đã tặng con gái chiếc xe đạp đặt mua từ nước Mỹ. Từ đó trở đi, hai cha con thường đạp xe ra ngoài hóng gió, mỗi lần đạp xe ra đến bãi ngoài ở đầu nút của đường Nam Kinh, Ái Linh thế nào cũng đạp xe vòng quanh cái bùng binh có cảnh sát giao thông nước ngoài đứng đó, người cha cuống lên gọi, nhưng cô lại tỏ ra rất đắc ý.

Ái Linh được lớn lên trong một gia đình đầy sự yêu mến và không khí dân chủ như thế, ý thức tự chủ rất mạnh, không thích đi theo đường mòn. Chẳng hạn như cô đã không chịu học những nghề xưa nay mà con gái phải học như nấu nướng, khâu thùa, may vá, và được sự đồng tình của cha cô, chiến thắng quan niệm của người mẹ; Riêng với việc học hành, cô hứng thú ra mặt, mới 5 tuổi đã cấp sách đến lớp học.

Trước 5 tuổi, Tống Diệu Như thường mang con gái vào nhà thờ tham gia các buổi lễ, ban đồng ca của nhà thờ là do các cô gái của tuổi trên dưới 16 của trường nữ học tổ chức nên, tiếng hát mỹ miều của họ đã làm cho Ái Linh hết sức mê say. Từ đó trở đi, cô một lòng một dạ ao ước trường nữ học Mac-ti-dê đó như chốn thiên đường. Trường này còn có tên là trường "Trung Tây nữ thực", là trường nữ học có thu học phí đầu tiên do giáo hội nước ngoài sáng lập ở Trung Quốc tháng 3 năm

1892. Nhà trường theo tôn chỉ và nội dung giáo dục của giáo hội nước Mỹ, đào tạo ra những nhân tài vừa Trung vừa Tây, bởi vậy có sắp đặt những giáo trình như ngữ văn, Anh văn, lịch sử, địa lý, tôn giáo, may vá, nấu ăn. Ngoài môn ngữ văn, các môn còn lại đều giảng dạy bằng tiếng Anh, thậm chí đến bài vở về lịch sử và địa lý của Trung Quốc, cũng do người Mỹ biên soạn, xuất bản tại Mỹ và do các thầy giáo Mỹ giảng dạy.

Năm 1894, Ái Linh 5 tuổi, cô đòi đi học. Bà mẹ cho rằng con gái còn quá ít tuổi, nói chơi mà thôi. Ai ngờ cô rất kiên quyết, thế là ông bố phải đưa con đến gặp cô Hai-lon Ri-sác-xon, hiệu trưởng trường nữ học Mac-ti-dê, hỏi cô có thể nhận một em bé 5 tuổi vào học được không. Cô Ri-sác-xon nhìn cô gái mặc áo ca rô, quần xanh, chải hai búi đuôi gà chống ngược, nói vui một câu bằng tiếng Anh:

– Nhà trường không phải là nơi chơi trò ú tim đâu, em muốn đi học thật không?

Ái Linh gật đầu rất kiên quyết, trả lời bằng tiếng Anh:

– Em muốn đi học hơn mọi thứ khác.

Cô Ri-sác-xon ngạc nhiên:

– Cô bé này nói chuyện bằng tiếng Anh được sao?

Tổng Diệu Như không lấy làm lạ:

– Không có gì, khi cháu mới học nói, tôi đã dạy cho cháu nói tiếng Anh.

Cô Ri-sác-xon đồng ý thu nhận Ái Linh vào học, để cô bé học thử dưới dạng nội trú, nhà trường không hề có khoản qui định này.

Từ trường Mac-ti-dê về nhà Ái Linh mừng không sao tả hết. Cô để hẵn một tuần chuẩn bị mọi thứ để đi học. Gia đình cho cô chiếc va li nông đấy, rất đẹp, đen bóng, chiếc va li riêng đầu tiên trong đời cô. Cô bỏ hết quần áo mới vào đó, nhưng vẫn còn chưa đầy, thế là cô đòi bỏ cả quần áo mùa đông vào đó luôn, tới khi đầy tới mức không nhét được nữa mới thôi.

Trường nữ học Mac-ti-dê khai giảng. Ái Linh chào tạm biệt mọi người trong nhà, theo cha đến trường. Mọi việc sắp đặt đâu vào đấy, người cha chia tay con ở trong thư phòng của cô Ri-sác-xon, bỗng nhiên Ái Linh ôm chặt lấy cổ cha khóc òa lên rất thương tâm. Vì trong trường không có trẻ em nào khác, cho nên Ái Linh được cô Ri-sác-xon chuyên trách dạy dỗ; lên lớp cho một mình cô, mãi hai năm sau mới cùng lên lớp với các học sinh khác. Thế nhưng so với các học sinh cùng lớp, Ái Linh vẫn là cô học sinh ít tuổi nhất, bàn ghế vừa vặn đối với người khác, cô lại cảm thấy

cao, một buổi sáng ngồi trong lớp như vậy, hai chân cô tê dại đi, rất khó chịu. Lúc ăn cơm, tay cô ngắn quá, không gấp tới những món ăn đặt ở giữa bàn, lại quen ăn chậm nên có lúc đành chịu đói. Buổi tối, khi đi ngủ, nằm một mình trên giường, nhiều lúc cô thấy cô đơn và sợ hãi. Nhưng Ái Linh vốn có tính tự lập và quật cường nên đã khắc phục được những mặt đó, trở thành một thần đồng được cả trường yêu mến. Khi lên lớp, nhìn vẻ mặt chăm chú của cô bé, cô giáo bỗng nhớ đến khúc đồng dao xưa cũ: Có một cô bé, có mái tóc xoắn, trên đầu lặn quăn, là cô nào đó?

Ái Linh lại có tính dí dỏm. Có một thời kỳ, cô đang thay răng sữa, hai chiếc răng cửa vừa rụng mất, có những bạn lớn hơn trêu cô:

– Thừa cụ Tổng, răng cụ làm sao đấy ạ?

– Cụ ơi! – Cô ra điều lệ phép trả lời – Răng của tôi bị người ta lấy trộm mất rồi.

Diện yêu thích của Ái Linh rộng, nào là ca hát, đọc sách, diễn giảng, làm báo, môn gì cô cũng thích, nhất là đọc sách. Cha cô đã từ nước Mỹ mua về cho cô rất nhiều sách thiếu nhi, qua những cuốn sách đó, một nước Mỹ sống động hiện ra trước mắt cô. Cô dần dần nảy ra ý định sang du học ở nước Mỹ.

Năm 1903, Tổng Ái Linh đã là thiếu nữ 13 tuổi. Tổng Diệu Như thấy trường nữ học Mác-ti-dê khó mà thỏa mãn được cô con gái có trí tuệ phát triển của mình. Sau khi được sự đồng ý của con gái, ông quyết định đưa con sang Mỹ học.

Tổng Diệu Như được tiếp thu nền giáo dục cao đẳng của Mỹ, mong muốn cho con mình cũng nhận được sự giáo dục kiểu Mỹ. Ông tìm được Bô Uây Liam là người bạn Mỹ cùng học ở viện Thần học trường Phan-tơ Pin-thơ hiện là mục sư truyền giáo ở Thượng Hải, nhờ ông giúp làm các thủ tục cho Tổng Ái Linh sang Mỹ du học. Bô Uây Liam đồng ý và viết thư cho Đu-băng-cơ-li hiệu trưởng trường nữ học Wet-li-an thành phố Hê-gân bang Têch-dát. Trường học này là một trường nữ học đặc hứa đầu tiên ở Mỹ, hiệu trưởng nhà trường lại là bạn thân của Bô Uây Liam. Bô Uây Liam đã viết cho ông một lá thư dài, giới thiệu về Tổng Gia Thụ và cô con gái của ông, Tổng Ái Linh.

Cuối mùa hè năm 1903, Bô Uây Liam nhận được thư trả lời của Cơ-li, trong thư tỏ ý vui lòng khi được tiếp nhận con gái một vị mục sư người Trung Quốc và cho biết Ái Linh có thể vào học với tư cách là học sinh dự bị. Ông hiệu trưởng này còn đề nghị sau khi Ái Linh sang Mỹ, hãy ở tạm tại nhà ông đợi khi nào thích nghi với hoàn cảnh rồi hãy đi học.

Nhưng Ái Linh sẽ đi Mỹ như thế nào? Với một tí tuổi như thế dù sao cũng không thể để một mình cô lênh đênh trên biển cả được, Tổng Diệu Như rất lúng túng chưa

biết làm sao. Người bạn tốt Bô Uây Liam của Tống Gia Thụ lại một lần nữa chìa bàn tay cứu trợ, tháng 5 tới, khi ông về nghỉ hè, ông sẽ có thể mang Ái Linh cùng đi.

Ngày sang Mỹ xác định là 28 tháng 5 năm 1904. Tống Ái Linh mong mỗi ngày ấy sớm đến với mình, cô bắt đầu bận rộn tíu tít cho việc này. Cả nhà cũng làm mọi công việc chuẩn bị cho cô. Cha cô lo mua cho cô tấm vé của tàu "Cao Ly", hãng tàu bưu điện Thái Bình Dương, sau đó đến lãnh sự quán của Bồ Đào Nha, nộp một khoản "phí đặc biệt", mua cho con gái một tấm hộ chiếu, cái động tác làm giả làm dối này lúc đó rất thịnh hành. Để cho con gái mình sau khi đến đất Mỹ, sớm thích nghi với một xã hội hoàn toàn khác lạ với xã hội Trung Quốc, người cha cẩn thận và chu đáo này, còn bỏ ra mỗi ngày hai ba tiếng đồng hồ để dạy cho Ái Linh về lịch sử, địa lý, phong tục và tình cảm con người của nước Mỹ, họ nói đùa với nhau đây là "trường học chuẩn bị đi Mỹ của gia đình". Lúc ấy tòa hội thẩm của Cục công bộ Thượng Hải đang mở phiên tòa xét xử vụ "Tô Báo" nổi tiếng một thời, Tống Diệu Như hai lần đưa Ái Linh đi dự thính, ông nói với con gái rằng: "Tuy đi nghe người nước ngoài thi hành quyền pháp của họ trên đất nước Trung Quốc là điều sỉ nhục đối với người Trung Quốc. Nhưng về mặt hình thức, nó thể hiện pháp luật của một đất nước phương Tây, đi nghe như vậy để hiểu biết thêm về trình tự luật pháp của phương Tây."

Ngày 28 tháng 5 năm 1905, lịch trình sang Mỹ du học chờ đợi từ lâu đã bắt đầu. Hôm đó, Tống Ái Linh mặc âu phục, để một chiếc đuôi sam vừa dài vừa to, phần cuối thắt một cái nơ con bướm màu đen, trên đầu cũng đính một cái nơ đen như vậy. Sau khi mọi người trong nhà đã chia tay tiễn biệt cô ở nhà, cha cô đã đưa cô ra bến tàu đưa lên tàu "Cao Ly". Tống Ái Linh 15 tuổi bắt đầu quãng đường đi Mỹ lâu dài và đầy trắc trở.

Ái Linh cùng đi với gia đình Bô Uây Liam. Vợ ông là Ai-đích đang bị ốm, Ái Linh đã giúp ông săn sóc cho bà. Tàu bưu chính chạy ba ngày liền, hành khách bình an vô sự, nhưng trước khi cập bến cảng Kô-bê một ngày, trong khoang tàu, có một hành khách Trung Quốc bị chết vì viêm phổi cấp tính. Đến Nhật Bản, các nhân viên kiểm dịch của Nhật ào lên tàu như ong, họ cho rằng người chết mắc chứng bệnh dịch hạch, tất cả mọi người trên tàu đều phải lên bờ để kiểm dịch và phải tắm khử trùng ở một bể thuốc đậm đặc và rất khó ngửi. Bà Ai-đích đang ốm cũng không được loại trừ. Sau khi tàu dừng ở cảng Kô-bê để kiểm tra 10 ngày, bắt đầu chạy tới Hoàn Tân, Ai-đích ốm rất nặng, cần phải lập tức vào bệnh viện. Họ tạm thời phải dừng lại không thể đi tiếp.

Thế nhưng Ái Linh phải đến Mỹ trước mùa thu để kịp khai giảng năm học mới. Bô Uây Liam gửi cô cho vợ chồng một giáo sĩ ở công hội Vê-ri đi cùng trên tàu.

Một hôm, Ái Linh thấy buồn tẻ không chịu nổi, bèn lên khoang loại một để thăm vợ chồng ông này. Khi đi đến gần gian phòng của họ, cô nghe thấy bên trong có tiếng nói:

– Đi khỏi được những đất nước này mới thấy nhẹ người đi. Em thấy ghê tởm những người Tàu bản thú và những người Nhật đáng gờm, em mong rằng sẽ không bao giờ thấy họ nữa.

Đó là giọng của bà vợ ông giáo sĩ.

Ái Linh vội quay về chỗ của mình.

Cô quyết định sẽ một mình chịu đựng hành trình dài dằng dặc này. Thế nhưng không lâu sau, tiểu thư con gái giáo sĩ Ron-man đã thể hiện tình bạn chân thành với Ái Linh, hai người kết bạn suốt trên hành trình còn lại.

Ngày 1 tháng 7 năm 1904, tàu "Cao Ly" cập bến cảng San Fran-xit-cô. Các quan chức về di dân kiểm tra giấy tờ của hành khách nhập cảnh. Ái Linh đã xuất trình hộ chiếu Bồ Đào Nha, một quan chức di dân đã chặn ngay cô lại:

– Cô định giờ trò lập lờ này để quá cảnh chẳng? Nhiều người Trung Quốc đã thử cái trò này, cô bé ơi, không thiêng nữa rồi! Cô hãy đợi đây, chờ chúng tôi làm việc xong sẽ đưa cô về nơi giam giữ. Ái Linh trừng mắt nhìn viên quan chức di dân:

– Ông không thể đưa tôi về nơi giam giữ được. Tôi là hành khách ở gian loại một, không phải là hành khách ở boong hạng bét đâu!

Viên quan chức di dân bị khí thế của cô gái áp đảo lại. Ái Linh không bị bắt, mà từ một chiếc tàu đang đậu trên cảng, chuyển sang một chiếc tàu khác. Sau thời gian ba tuần phiên phức và bức bối chuyển qua bốn con tàu, cô mới được phép lên bờ. Việc này cũng cần phải cảm ơn tiểu thư Ron-man, cô đã tỏ ra công phần trước sự đối xử thô bạo của quan chức di dân với một cô gái phương Đông, thế sẽ cùng ở lại với người bạn của mình, cho đến lúc cô được lên bờ nhập cảnh vào Mỹ mới thôi. Thái độ kiên quyết của Ron-man khiến một quan chức di dân khác phải thay đổi thái độ ban đầu, ông ta không tán thành việc tạm giam giữ Tống Ái Linh ở San Fran-xit-cô. Ron-man lại qua điện thoại nói với tiến sĩ Cơ-la Rôn-xơ Ri-tơ về cảnh ngộ của Tống Ái Linh, ông này trước kia từng chủ trì lễ cưới cho Tống Diệu Như. Qua con đường tôn giáo, Ri-tơ đã liên hệ được với Oa-xinh-ton để tiến hành giao thiệp, cuối cùng Ái Linh mới được thả ra. Nước Mỹ tiếp nhận cô. Bị hành hạ như vậy, nên Tống Ái Linh hết sức buồn chán và phẫn nộ, và luôn luôn áy náy trong lòng. Mùa đông năm 1905, người chú rể của Ái Linh là Ôn Bình Trọng được học bộ của chính phủ Mãn Thanh cử sang Mỹ để khảo sát giáo dục. Ông đã đón Ái Linh đến

Oa-xinh-ton, mang cô cùng đến dự tiệc ở tòa nhà trắng, giới thiệu cô với tổng thống Rôn-pho. Trong bữa tiệc Rôn-pho đã trò chuyện với cô, hỏi ấn tượng của cô về nước Mỹ thế nào, Ái Linh đã nói thẳng ra:

– Nước Mỹ có thể nói là rất đẹp, tôi sống ở đây rất vui, nhưng nếu như không có những ký ức đau buồn của những ngày tôi mới đến nước Mỹ, có thể tôi còn vui sướng hơn.

Tiếp đó cô kể lại những gì đã vấp phải khi mới vào đất Mỹ hồi năm trước, và nói không chút khách khí: – Tôi luôn luôn cho rằng Mỹ là một đất nước tự do, thế mà quan chức của các ngài đã đẩy một cô gái 15 tuổi này ra. Đó hoàn toàn khác với thái độ đãi khách của người Trung Quốc, tôi rất thất vọng!

Nghe nói, Tổng thống tỏ ý xin lỗi.

Tổng Ái Linh và tiến sĩ Ri-tơ bước lên bờ biển nước Mỹ, ở lại San Fran-xit-cô ba ngày. Lúc đó Bô Uây Liam và bốn người con đã đến San Fran-xit-cô, còn Bô Uây Liam phu nhân thì chết tại Nhật Bản. Bô Uây Liam làm theo lời hứa cũ, cùng Tổng Ái Linh đi lên tàu đi từ bang Ca-li-fooc-nia đi tới trường nữ học Dét-li-an thành phố Hê-gân bang Téch-dát.

Cuộc sống lưu học năm năm của Ái Linh bắt đầu.

Những tháng năm lưu học

Trường nữ học Dét-li-an nằm ở thành phố Hê-gân bang Téch-dát. Ba chị em gia đình họ Tống đều học tập ở đây, trường học này cũng nổi tiếng được là nhờ có ba chị em họ.

Trường thành lập từ năm 1836, nguyên tên là Học viện con gái Tuốc-da, năm 1843 đổi tên thành Học viện nữ học Dét-li-an, thuộc nhà thờ liên hiệp công hội Vê-ri. Trong trường lúc đầu chỉ có một tòa nhà, sau này mới xây dựng thêm những công trình phối hợp đồng bộ. Trước khi bước sang thế kỷ 20, tòa nhà chính từ phong cách kiến trúc thời phục hưng của Hi-lạp, sửa lại thành những nhà lầu hoa mỹ kiểu Vich-to-ria, xây thêm nóc nhà nghiêng hai lớp, khiến nó trở thành "một tòa lầu đài hoàn mỹ nhất chuyên dùng cho giáo dục". Ký túc xá của học sinh ở các gian trên cùng, tiện nghi bên trong khá đầy đủ, có phòng rửa mặt, phòng thay quần áo, mỗi tầng lại có một gian nhà tắm, bên trong có bồn tắm, có bệ hó xí bằng sứ. Năm 1900, nhà trường lại xây thêm một công trình phụ để thỏa mãn nhu cầu của học sinh nội trú mới tăng thêm.

Ái Linh học ở đây. Trong ngày đầu tiên cô đến trường, tờ "Thông tấn báo" của

thành phố Hê-gân đã đưa tin như sau:

"Tống Ái Linh trên đường đến trường Dét-li-an, bị bắt giữ trên tàu của cảng San Fran-xít-cô. Cô gái Trung Quốc này, có mục sư Bô Uây Liam đi kèm đã đến Hê-gân vào hồi 0 giờ 30 phút sáng nay. Trên đường từ Thượng Hải trở về Mỹ, ngài Uây Liam bị chậm lại một thời gian. Mọi người còn chưa quên phu nhân Bô Uây Liam trên đường về nước đã bị chết tại cảng Hoàn Tân Nhật Bản. Cô gái Trung Quốc này bị trục trặc ở San Fran-xít-cô, cô chờ ngài Bô Uây Liam tới.

Tiểu thư họ Tống này lớn lên ở Thượng Hải, bà mẹ của cô là một tín đồ Cơ đốc ở Trung Quốc, người cha của cô mong muốn cô học thành đạt ở Mỹ, khiến cho cô có đủ tư cách làm việc cho đạo Cơ đốc trong nhân dân nước mình.

Hôm qua, hiệu trưởng Cơ-li của trường nữ học Dét-li-an nói: "Từ nhỏ đến giờ, cô được sự hun đúc của giáo hội chúng ta, giáo sĩ truyền giáo của chúng ta là ngài Bô Uây Liam mùa hè năm nay về nước nghỉ ngơi, nên đã mang theo cô cùng đến nước Mỹ, vì thế nên tỏ ra hết sức vui mừng. Ông đương nhiên mong muốn cho cô được vào trường nữ học Dét-li-an học tập, anh chị em và các cháu ông có nhiều người đã tốt nghiệp trường này.

Ngài Bô Uây Liam đã gửi thư cho hiệu trưởng Cơ-li, vui mừng làm công việc dàn xếp cho cô con gái của mục sư người Trung Quốc này được đến trường học tập, đồng thời theo qui định của nhà trường, đã chuẩn bị trước về mọi mặt cho cô.

Sau khi ngài Bô Uây Liam đến San Fran-xít-cô, cô gái Trung Quốc này đã kết bạn đường cùng đi. Như vậy, cô không đơn độc vượt qua đại lục đến trường nữ học Dét-li-an. Được biết cô gái này rất thông minh.

Đương nhiên, tiểu thư họ Tống không phải gượng ép đi lại với các nữ sinh khác, người khác cũng không ép buộc cô phải làm như vậy. Hiệu trưởng Cơ-li còn nói: "Họ sẽ được hưởng tự do, họ sẽ được tiếp xúc với nhau như thế nào, là do họ tự quyết định. Cô sẽ được mọi người đối xử hòa nhã và có lịch sự, tôi không có gì phải bận tâm".

Đúng như hiệu trưởng Cơ-li đã dự đoán, chỉ qua mấy tuần lễ, các cô gái trong trường đã đón nhận Ái Linh, cho rằng cô không nên gây nên điều gì đe dọa họ. Dần dần, họ còn phát hiện Ái Linh đối xử với mọi người rất thẳng thắn và tốt bụng, lại rất có tài hoa về âm nhạc và biểu diễn.

Trong đêm kịch của nhà trường, Ái Linh và các bạn đã diễn một vở kịch vui về nhà trường "mưa gió sân trường". Đây là vở kịch do ba bạn học sinh lớp trên cải biên theo tác phẩm nổi tiếng của Bê-ti-u-ot mà Ái Linh là một trong số những chủ

biên. Trong buổi lễ tốt nghiệp, cô đã diễn vở kịch nói cải biên theo lời của vở "Hồ điệp phu nhân" của Pô Jê-ni. Để diễn vở kịch này, Ái Linh đã viết thư về cho cha mình xin ông gửi cho cô tờ lụa để đủ may một bộ ki-mô-nô của Nhật Bản, vì cô đóng vai một cô gái Nhật trinh tiết. Tống Diệu Như đã gửi đến cho con gái bốn trượng gấm tía.

Thành tích học tập của Tống Ái Linh cũng rất xuất sắc, cô đã tích lũy được rất nhiều phương ngôn tục ngữ của Mỹ, có thể sử dụng tiếng Mỹ một cách thoả mái nhẹ nhàng nhàng. Cha cô lại thường biên thư giới thiệu những thứ sách báo mà cô nên đọc. Ái Linh chịu khó chịu khổ luôn luôn nghe lời cha, đọc kỹ lưỡng những loại sách báo đó.

Trong thời gian lưu học ở Mỹ, Tống Ái Linh có gặp cha mình ở New York một lần. Năm 1906, cô được phép đặc biệt của nhà trường cho đi chơi ở phía Bắc. Trong lần đó ông chú rể Ôn Bình Trung đã dẫn cô tới làm khách mời của tòa nhà trắng, sau đó lại đi New York gặp cha cô. Lúc này cha cô nhìn thấy không phải là cô con gái lúc ở nhà ra đi hai năm trước, mặc âu phục, tết một chiếc đuôi sam giản dị đứng trước mặt mình, mà là một cô gái mặc thời trang thịnh hành của Mỹ, tóc chải ngược từ dưới lên tạo thành mái đầu bông, miệng nói tiếng Anh hết sức lưu loát. Hai năm sống tự lập, rõ ràng làm cho cô gái chín chắn lên nhiều, trong lòng người cha tràn đầy niềm hân hoan sung sướng.

Năm năm qua đi trong chớp mắt, năm 1909, Tống Ái Linh đã tốt nghiệp với số điểm cao hơn hẳn mọi người. Trong sổ lưu niệm, bạn bè đã ghi lại cho cô những lời dự đoán tốt đẹp như sau: "Đọc được tin kinh người trên hàng đầu, cuộc cải cách lớn lao nhất của Trung Quốc chưa từng thấy trên thế giới. Bà vợ của lãnh tụ là chỗ dựa và lực lượng chân chính, do sự nhìn xa trông rộng của bà, Trung Quốc đã tiến một bước dài. Đến nay chúng ta mới hiểu được khi một vị giáo sư của trường nữ học Dết-li-an gọi cô là công dân ưu tú của nước Mỹ, cô đã thấy nhục nhã như thế nào..."

Tống Ái Linh không trở thành "bà vợ của lãnh tụ", nhưng trở thành một người đàn bà giàu có nhất Trung Quốc. Bước đầu tiên là từ năm 1910, khi bắt đầu làm thư ký Anh văn cho Tôn Trung Sơn.

II. CÔ HAI THÙY MỊ

Thông minh vốn sẵn tính trời

Khánh Linh là người con thứ hai trong gia đình họ Tống. Sau khi cô ra đời, do buôn bán kinh doanh đúng cách, Tống Diệu Như dần dần giàu có lên, thế là ông mua một mảnh đất ở khu Hồng Khẩu ngoại ô Thượng Hải, tự thiết kế và xây dựng một tòa nhà ở đó. Tòa nhà nửa Tây nửa Tàu, kết hợp giữa phương Đông và phương

Tây. Phía sau tòa nhà chính là những phòng nhỏ, làm nơi ở cho người hầu hạ, làm bếp và kho chứa. Đằng sau nữa là một mảnh vườn rau, ở đó có trồng cây ăn quả và rau xanh. Khi nhàn rỗi, Tống Diệu Như thường yêu thích thứ lao động này.

Trong môi trường tốt đẹp đó, Tống Khánh Linh đã sống những ngày thơ ấu rất vui vẻ, cô thường vui đùa với chị và các em ở đây hoặc chạy nhảy nơi đồng ruộng, chơi đủ các trò chơi hết sức thoải mái. Có một lần, họ chơi trò kéo xe, Ái Linh làm phu xe, Khánh Linh làm khách ngồi trên xe. Kết quả là "phu xe" kéo mạnh quá đến nỗi không giữ nổi càng xe, hất cả "khách" ra ngoài, "khách" nhè mồm ra khóc.

Khánh Linh còn thích nghe mẹ chăm chú và thành thạo chơi đàn piano, im lặng nghe cha hát những bài ca Nam Mỹ với chất giọng trầm và nhịp điệu nhanh nhẹ theo tiếng đệm đàn piano. Cuộc sống gia đình sang trọng và hài hòa đã bồi dưỡng cho Tống Khánh Linh một lòng yêu âm nhạc, nhất là đàn piano, quả là đã yêu đến trọn đời.

Năm lên 7 tuổi, tiếp theo người chị gái, Khánh Linh vào học trường nữ học Mác-ti-dê. Tống Diệu Như đã trải qua du học nước Mỹ ngay từ rất sớm nên đã hoàn toàn vứt bỏ truyền thống phong kiến "tam tông tứ đức", mà áp dụng phương thức dân chủ, coi con trai, con gái đều như nhau, quan tâm như nhau và giáo dục kiểu mới rất đúng cách; đồng thời bồi dưỡng cho các con tinh thần trách nhiệm như nhau với xã hội. Ông thường xuyên dạy con gái: "Làm thân con gái, không nên cản trở đến việc làm cho mình thành một công dân có ích, có thành tựu đối với Tổ quốc". Ông kiên trì lần lượt cho ba người con gái đều vào học ở trường Mac-ti-dê, một trường nữ học đã dạy dỗ trẻ em đúng theo nền giáo dục phương Tây, đồng thời để các con nội trú trong trường để bồi dưỡng nếp sống tự lập và tinh thần phấn đấu.

Khánh Linh rất ham học và học rất chăm. Thường thường mãi đến lúc trời tối, ánh sáng mờ nhạt rồi, cô vẫn không rời cuốn sách. Thầy giáo khuyên cô nghỉ, cô nói:

– Chuẩn bị xong bài vở rồi mới có thể vui được!

Đối với những gì chưa hiểu hoặc những quan niệm truyền thống mà mình thấy khó hòa đồng, Khánh Linh đều mạnh dạn nêu ra câu hỏi, nói ra sự hoài nghi của mình. Mỗi tuần nhà trường đề ra ba buổi tối, mời những người khách có danh vọng ở bên ngoài vào chủ trì. Trong buổi thảo luận, người ta khích lệ trẻ em nêu vấn đề ra thảo luận công khai, để giải quyết những điều nghi hoặc của các em về tôn giáo. Vấn đề nào cũng được coi là chính đáng, không bị người chủ trì phê bình. Tống Khánh Linh là người nêu vấn đề ra nhiều nhất trong các buổi thảo luận. Đối với việc đó, cô em gái Mỹ Linh thấy rất khó hiểu. Một lần, buổi thảo luận kết thúc, cô em đã bức dọc hỏi chị:

– Tại sao chị lại nêu câu hỏi ra với mục sư Lý, chẳng lẽ chị không trung thực với tín ngưỡng của mình sao?

Những người con gái của nhà họ Tống rất hăng hái trong những sinh hoạt tập thể, lại có nhiều tài nghệ. Có một lần Khánh Linh tham gia biểu diễn vào dịp cuối học kỳ của lớp dưới trường nữ học Mac-ti-dê, cô đóng vai công chúa trong vở diễn. Nàng công chúa đó sau này lấy một ông vua, ông vua tuần tú chụp vương miện lên đầu công chúa nói:

– Ta trao vương miện cho hoàng hậu!

Lúc đó, một người bạn cùng đến xem biểu diễn với Tống Diệu Như bỗng quên khuấy đi, thốt lên:

– A ha! Thế này thì Tống sẽ thành bố của hoàng hậu, thành bố vợ của vua rồi!

Sau này Tống Khánh Linh đã lấy Tôn Trung Sơn, đó cũng là sự trùng hợp lý thú vậy!

Tống Khánh Linh sớm tỏ ra thông minh. Chịu ảnh hưởng của cha mình và Tôn Trung Sơn, sự đỉnh ngộ của bà sau này càng nổi bật và mạnh mẽ.

Người thầy đầu tiên khơi nguồn tư tưởng yêu nước cho Tống Khánh Linh là cha bà, ông Tống Diệu Như. Khi Khánh Linh còn rất nhỏ, ông thường xuyên kể cho con gái mình nghe về những gì ông đã trải qua ở Mỹ, về sự nhiệt tình, hữu hảo của người Mỹ, về những nỗi khổ cực đầy máu và nước mắt của người Hoa tại Mỹ, về nỗi lòng da diết nhớ quê hương và người thân khi ở đất khách quê người, về sự kỳ thị, ngạo mạn của những nhân vật tầng lớp trên trong giáo hội... Trong những câu chuyện kể miên man đó, ông đã hòa quyện quan niệm bình đẳng bác ái của đạo Cơ đốc với tư tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn: Chỉ có làm cho đất nước thoát ra khỏi số phận nghèo nàn lạc hậu, Trung Quốc mới có thể bình đẳng, tự lập sánh vai cùng thế giới. Những lời dạy đó như mưa dầm thấm đất, từng giọt một thấm sâu vào lòng Khánh Linh.

Năm 1900, Khánh Linh lên 7 tuổi, bắt đầu chịu ảnh hưởng của một người bạn tốt của cha mình là Tôn Trung Sơn. Năm ấy, phong trào Nghĩa Hòa đoàn ở phía Bắc phát triển rầm rộ, liên quân 8 nước bắt đầu xâm lược, bọn thống trị của chính phủ Mãn Thanh đang trong vòng khốn đốn. Ở phía Nam, phái cải lương của Đường Tài Thường thành lập ra Tự Lập hội ở Thượng Hải, tổ chức ra Tự Lập quân, chuẩn bị "thảo tặc cần vương". Tôn Trung Sơn ở Thượng Hải, quyết định nắm lấy thời cơ này, toàn diện lật đổ vương triều nhà Thanh, xây dựng nước Cộng hòa. Ngày 28 tháng 8, ông từ Nhật Bản về Thượng Hải, trong thời gian này mấy lần vào ra nhà họ Tống

bàn luận vấn đề chống nhà Thanh, Tống Khánh Linh gặp được một người khách có khí độ khác người, đồng thời bị hấp dẫn bởi câu chuyện giữa người khách đó với cha mình. Lý tưởng cứu nước và tinh thần "đau xót đồng cảm với nỗi bất bằng trong nhân gian mà suốt đời hiến thân cho cách mạng" của Tôn Trung Sơn đã để lại trong lòng cô gái. Một hôm, cô nghe thấy Tôn Trung Sơn nói rất hiên ngang: "Trung Quốc không làm cách mạng không được, chúng ta phải lật đổ chính thể quân chủ hiện nay, xây dựng một chính phủ cộng hòa. Nhân dân nước ta có quyền lựa chọn người cai quản họ, chọn lựa những người thay mặt họ chế định ra pháp luật. Chúng ta phải có tất cả mọi quyền lợi, chúng ta hãy sống vì mục đích đó, chết vì mục đích đó". Khánh Linh đứng nghe từ lâu, đến lúc này khẽ nói: "Tôi cũng sẽ làm như ông".

"Tôi cũng sẽ làm như ông", đó là chí khí ngút trời của Khánh Linh, là sự theo đuổi suốt đời của bà. Sau này lớn lên bà đã kết thành đôi bạn cách mạng với Tôn Trung Sơn, kề vai dốc lòng vì sự nghiệp cách mạng của Trung Quốc. Sau khi Tôn Trung Sơn ốm chết, bà đã trung thực chấp hành đường lối cách mạng của ông, khắc phục mọi gian nan hiểm trở, cho đến hơi thở cuối cùng.

Nữ sinh viên yêu thích chính trị

Tháng 7 năm 1907, Tống Khánh Linh tốt nghiệp trường Mac-ti-dê. Mùa hè cùng năm ấy được chú rể là Ôn Bình Trung sang Mỹ khảo sát giáo dục lần thứ hai hộ tống, Khánh Linh và cô em gái Mỹ Linh xuống tàu "Mãn Châu Lý", theo gót người chị cả là Ái Linh bước lên đường du học ở Mỹ. Cho cả ba người con gái ra nước ngoài học tập, đối với mọi người lúc đó, tưởng như một chuyện không thể hiểu nổi. Với tư cách một nhà ngoại giao, Ôn Bình Trung có thể che chở cho hai chị em Khánh Linh để không gặp phải cảnh ngộ như Ái Linh trước đó, đã nhập cảnh ở San Fran-xit-cô một cách dễ dàng.

Những ngày đầu tiên, Khánh Linh và Mỹ Linh được bố trí bỏ túi bài vở tại một trường tư, thuộc thị trấn nhỏ Sa-mít-thơ bang Xing-trốt. Ngôi trường do cô Cla-ra Bôt-tơ-wan sáng lập, khung cảnh rất đẹp, chân phương và nền nã. Năm 1906, khi Tống Diệu Như sang Mỹ lạc quyền kinh phí, đã từng cùng Ôn Bình Trung đến tham quan ở đây và có một ấn tượng tốt đẹp về trường học này, lúc đó đã có liên hệ với cô Bôt-tơ-wan cho hai con gái sau này sang đây học tập. Cô Bôt-tơ-wan vui vẻ nhận lời.

Khánh Linh ôn tập tiếng Pháp và tiếng La-tinh tại ngôi trường ở Sa-mít-thơ này để chuẩn bị thi vào đại học. Cô vẫn tỏ ra hết sức chăm chỉ. Sau này, giám đốc thư viện của thị trấn này, ông Lu-it Mô-ri-xơ đã nhớ lại: Khánh Linh – "Cô gái nghiêm trang" – luôn tham lam đọc những tiểu thuyết, truyện ký, lịch sử... mà người lớn đọc, "vượt xa khẩu vị của những cô gái bình thường cùng trang lứa". Bạn học của

Khánh Linh lúc đó là Ê-mi-li-đô-nan thì nhớ lại: "Cô bé có tuổi hơi lớn hơn, nhưng không hiểu sao, chúng tôi luôn gọi cô là "Rô-sa-mông-tai"... chúng tôi ít gặp cô, vì do quan hệ về lứa tuổi, cô luôn lảng tránh những trò chơi và sự vui nhộn ấu trĩ của chúng tôi, đó cũng là chuyện rất tự nhiên thôi". Cứ như thế, qua một năm ôn tập, ngày 5 tháng 9 năm 1908, Khánh Linh đã chính thức thi được vào học viện nữ học Dét-li-an nơi Ái Linh đang học tập. Lúc ấy Ái Linh đang học năm thứ tư.

Ở trường học này, tinh thần cạnh cù phấn đấu được rèn luyện từ bé của Khánh Linh, một lần nữa lại được biểu hiện ra nhất là môn triết học, cô học say sưa nhất. Trình độ văn học và viết lách của cô khá cao, lại hăng say hoạt động xã hội, cho nên cô đã gánh vác trách nhiệm biên tập văn học cho tờ tạp chí "Dét-li-an" của trường và là cộng tác viên cho Văn học xã hội Ha-ri-xơ.

Khi thảo luận vấn đề gì trên lớp, Khánh Linh luôn có thái độ ôn hòa, giọng nói dịu dàng, nhưng lại thao thao hùng biện, tỏ ra rất hiểu biết và được bạn bè hết sức khâm phục.

Khánh Linh luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ với gia đình, cha mẹ lại càng quan tâm đến ba đứa con gái ở xa xôi đến nửa vòng trái đất. Bạn bè của Khánh Linh tận nhiều năm sau còn nhớ được, cô và em cô đến thành phố Sa-mít-thơ không lâu sau, đã nhận được một gói bưu phẩm từ trong nước gửi sang, bên trong toàn là quần áo hoa lòe loẹt của hai chị em. Họ may quần áo kiểu Mỹ, cũng đều dùng vải vóc từ Thượng Hải gửi sang để may. Khi chỉ có hai chị em với nhau, họ lập tức thay bằng áo dài Trung Quốc.

Thế nhưng, Khánh Linh quan tâm nhất là tình hình trong nước của Trung Quốc và sự phát triển của cách mạng. Người cha rất rõ ý nghĩ của con, thường viết sang cho cô những bức thư dài, nói cho cô biết những tình hình đó, đồng thời còn gửi cả cho cô những mẫu tin từ trong báo. Bởi vậy, tuy ở bên kia đại dương, nhưng Khánh Linh vẫn hiểu rất rõ sự phát triển gập ghềnh của con đường cách mạng Trung Quốc và thường luôn luôn vì thế mà âu lo, áy náy. Bạn bè hỏi cô tại sao cứ phải quan tâm đến công việc của nhà nước như thế, mà không chơi bời vô tư lự như mọi người, cô nói:

– Tôi không thể quên Trung Quốc, cũng không thể quên lời nói của ông Tôn Trung Sơn, nếu như quên đi, thì cuộc sống mất hết ý nghĩa của nó.

Trung Quốc cần phải có sự thay đổi. Nhưng rốt cuộc thay đổi như thế nào? Tống Khánh Linh bắt đầu thăm dò, tìm kiếm. Tống Khánh Linh đã đăng mấy bài viết trên tập san của nhà trường, là "Bốn điểm nhỏ", "Mẹ", "Phụ nữ Trung Quốc hiện nay", "Ảnh hưởng của lưu học sinh chịu nền giáo dục nước ngoài đối với Trung Quốc". Những bài văn đó đã nêu cao chủ nghĩa dân chủ tư sản và tư tưởng tự do, bình đẳng,

bác ái. Có một lần, trong giờ học lịch sử, Khánh Linh đã bộc lộ rõ tư tưởng này không một chút che giấu. Thầy giáo môn lịch sử để cho học sinh thảo luận về vấn đề "cảm tình đối với Tổ quốc". Khi đến lượt Khánh Linh, cô đã kể các bạn nghe tình cảm và mong ước của mình đối với Tổ quốc. Khi kể, tiếng nói của cô vẫn dịu dàng, ngọt ngào như mọi lúc, thái độ ôn tồn hòa nhã, thế nhưng mọi người lại nhìn thấy trong mắt cô đang cháy lên "ngọn lửa đủ thiêu cháy trái đất này". Về sau, trong một lần kiểm tra bài, thầy giáo môn lịch sử xem lại thấy một bài làm giải bày tư tưởng đó. Ông bất giác kinh ngạc kêu lên: "Đây là điều khiến người ta không ngờ tới, từ một học sinh Trung Quốc xem ra rất ôn hòa, lại là một cô gái mà lại có thể thấy được một ý kiến như thế này!" Ông tìm gặp Khánh Linh, trước hết, khen ngợi bài làm của cô "là một luận văn tốt, rất xúc động", nhưng ngay sau đó lại nói, đây là những kiến thức không nên học trong bài lịch sử. Khánh Linh thẳng thắn trả lời:

– Đúng vậy, tôi đã rõ, nhưng tôi nghĩ rằng bài làm đó là sự giải bày của cá nhân, sự nhìn nhận của một học sinh, đương nhiên sẽ không bị có người hiểu lầm sang một ý khác! Tôi chẳng qua là chỉ muốn theo đuổi chân lý!

Chính trong lúc Khánh Linh còn đang khỏ sở dĩ mảy mò chân lý cách mạng, thì ở trong nước Trung Quốc nổ ra cuộc cách mạng Tân Hợi. Vương triều nhà Thanh thối nát đến tột độ đã sụp đổ tan hoang, từ trên đồng đổ nát của phong kiến, lực lượng cách mạng xây dựng nên Trung Hoa Dân quốc mới mẻ, Tôn Trung Sơn nhận chức đại tổng thống lâm thời khóa một. Tống Diệu Như đã báo cho Khánh Linh con gái của mình biết tin mừng xúc động lòng người này, và gửi cho con cả lá cờ màu của nước cộng hòa vừa may dệt đầu tiên. Nhận được thư và cờ, Khánh Linh xúc động khôn tả, cô chạy ra sân trường, kéo tuột lá cờ rồng vàng của triều đình nhà Thanh xuống, treo lá quốc kỳ mới lên và hô lớn:

– Đả đảo chuyên chế! Hãy giương cao cờ cộng hòa! Tiếp sau đó cô viết bài văn chính luận chan chứa nhiệt tình "Sự kiện vĩ đại nhất trong thế kỷ 20" đánh giá cao ý nghĩa lớn lao của cách mạng Tân Hợi.

"Cuộc cách mạng này giành được thành tựu vẻ vang, nó nói lên rằng bốn trăm triệu người đã được giải phóng khỏi ách nô lệ của chính thể chuyên chính quân chủ. Chế độ chuyên chế này đã tồn tại hơn bốn ngàn năm, dưới ách thống trị của nó "quyền sống, quyền tự do và sự theo đuổi hạnh phúc", hoàn toàn bị tước đoạt. Nó còn đánh dấu sự sụp đổ của một vương triều. Sự đè nén tàn khốc và tự tư tự lợi của vương triều này, khiến cho một đất nước từng có thời phồn vinh, hưng thịnh trở thành một đất nước bần cùng. Chính phủ nhà Thanh bị lật đổ cũng nói lên rằng vương triều có một chế độ đã man lại suy đồi về đạo đức ấy đã bị tiêu diệt và loại bỏ".

Thế nhưng nhiệt tình sôi nổi của Tống Khánh Linh còn chưa kịp lắng đọng, cách mạng Tân Hợi đã bị thất bại. Tháng 8 năm 1913, Tôn Trung Sơn lại buộc phải lưu vong sang Nhật Bản. Cả nhà Tống Diệu Như sau đó cũng phải di cư sang Hoàn Tân, tiếp tục phối hợp giúp đỡ Tôn Trung Sơn hoạt động cách mạng.

Mùa xuân năm ấy, Khánh Linh đã tốt nghiệp đại học viện Mỹ học Dét-li-an với thành tích nổi trội nhất, giành học vị thạc sĩ văn chương.

Từ năm 1907 đến 1913, tại nước Mỹ, Tống Khánh Linh đã sống một thời tuổi trẻ quan trọng nhất trong cuộc đời. Sáu năm đó, từ một cô gái ngây thơ, cô đã lớn lên thành một phụ nữ chín chắn, đầy đặn, tư tưởng của chủ nghĩa yêu nước cũng ngày càng nồng cháy đến mức có thể hiến thân cho cách mạng. Sau khi tốt nghiệp, cô thấy tình thế trong nước biến đổi dữ dội, đành vứt bỏ ý định học thêm một hai năm nữa, lập tức về nước, dấn thân vào dòng thác cách mạng cứu dân cứu nước.

III. KHÔNG PHẢI ÚT MÀ CÒN HƠN ÚT

Cô bé nghịch ngợm

Mỹ Linh là út trong ba chị em gái nhà họ Tống, sinh tại Thượng Hải ngày 23 tháng 3 năm 1899, lúc này Tống Diệu Như đã ra khỏi công viên Vê-ri, trở thành triệu phú có tiền có thế ở Thượng Hải, tổng thư ký ban chấp hành Hưng Trung hội.

Mỹ Linh là một cô bé béo tròn đáng yêu, và nói như lời của Mỹ Linh sau này: "Khi tôi còn là một cô bé con tôi đã béo, đến nỗi một ông chú của tôi đã nhanh trí đặt cho tôi cái biệt hiệu là "cái đèn lồng ". Mùa đông, mẹ tôi gói tôi vào trong cái áo bông dày bịch, tôi mặc nó lên người, bước chân cứ lắc la lắc lư. Tôi còn nhớ, khi tôi ba bốn tuổi, cứ bước đi hai ba bước thế nào cũng ngã một cái, bởi vì quần áo dày quá, cồng kềnh quá. Thế nhưng cũng do tôi béo tròn như thế, quần áo lại ních chặt như thế, tôi không nhớ được tôi có ngã đau bao giờ không. Đỉnh đầu tôi tết hai cái đuôi sam nho nhỏ, buộc lại bằng nơ đỏ, sau đó cuộn thành một cuộn tròn, đây là kiểu tóc "mắt cua" mà ai cũng biết, một kiểu tóc khá thịnh hành trong con gái thời bấy giờ. Mẹ luôn luôn cho tôi mặc áo hoa, đó là loại áo ngắn mở vạt ở sau lưng và thắt bằng dây. Giày tôi đi là độc nhất vô nhị, mới nhìn qua như cái đầu mèo, hai bên lại nhô ra hai cái tai mèo, phía trên còn thêu râu và mắt mèo. Sau khi lớn hơn một chút nữa, mẹ còn cho tôi mặc quần áo con trai, có lẽ bởi tôi là đứa con gái nghịch ngợm. Thêm nữa, mẹ tôi cho rằng cử chỉ của tôi như một đứa con trai như thế, thì cứ mặc quần áo của anh tôi còn tự nhiên hơn là mặc của các chị tôi, cho nên bà làm như thế chẳng phải là nhất cử lưỡng tiện hay sao. Nhưng trên thực tế, quần áo của anh trai Tử Văn của tôi chẳng bao lâu đã chật, đến nỗi cứ hai ba tháng đã lại phải may quần áo mới cho anh ấy, như thế, tôi bỗng trở thành kẻ thừa kế những quần áo anh ấy mặc chật bỏ ra. Đến khi tôi lên chín (tuổi暮) đi sang Mỹ, phần lớn

thời gian tôi đều mặc quần áo con trai".

Mỹ Linh nghịch ngợm và ham chơi. Thời ấy, con gái Trung Quốc giỏi giang là phải biết thêu thùa. Tổng phu nhân không thích việc may vá, nên muốn các cô con gái của mình phải tinh thông môn nữ công này. Bà đã đón một bà góa chẳng biết chữ nghĩa gì dạy các cô con gái thêu thùa. Mỹ Linh thấy rất đẹp, suốt ngày cười khanh khách, hai người chị cũng cười theo cô. Bà dạy thêu bực bội nói:

– Còn cười nữa, tôi không thêm dạy đâu!

Các cô gái nghe nói "không thêm dạy" như người được ân xá, sung sướng lao ra ngoài cửa.

Phía sau tòa nhà có một vườn rau, hai phía giáp tường đều có trồng cây. Phía bên này là cây cảnh, phía bên kia là cây ăn quả của dân quê. Lúc ấy đang vào tháng 5 giữa lúc đào thủy mật chín rộ, những quả đào vừa to vừa tươi lộ ra, như má của thiếu nữ, kêu gọi đến nỗi cả ba chị em đều tứa cả nước miếng. "Cái đèn lồng" liền tháo ngay giày ra, để chân trần leo lên hàng cây làm cảnh, trèo qua tường và trèo lên cây đào ở bên đó, hái đào mật tung cho các chị. Hai người chị ngồi ngay dưới đất gặm đào ăn liền, Mỹ Linh ở trên cây cũng ngoạm lấy ngoạm để. Bỗng nghe có tiếng quát, người chủ vườn chạy lại. Mỹ Linh cúi xuống nhìn, cành cây khá cao, cô không kịp tụt xuống nữa, miệng còn đang ngậm nửa miếng đào, cô bỗng òa lên khóc.

Tiếng khóc làm cho Tống Diệu Như giật mình, ông vội chạy ra, vừa lấy tiền bồi thường cho chủ vườn và luôn mồm xin lỗi, vừa đưa tay đón Mỹ Linh từ trên cây xuống. Tống phu nhân nuôi dạy các con rất nghiêm khắc, bà trách rằng ba cô con gái không chịu học nữ công, bỏ đi nghịch ngợm như thế, phải phạt thật nặng mới phải. Tống Diệu Như lại nói: "Đã là lúc chỉ cần bỏ ra vài đô là có thể mua được bức thêu đẹp nhất, vậy thì lấy cái công việc tũn mủn này để làm hại mắt lũ trẻ là hoàn toàn không cần thiết, mắt tốt nhất là giành để đọc sách".

Ba chị em được giải phóng, họ đã ra khỏi bức tường vây, đi khắp thôn xóm. Họ trở thành bạn thân của rất nhiều trẻ nhỏ, thường xuyên chơi đùa với nhau. Mỹ Linh là đứa trẻ nhỏ nhất trong đám trẻ em đó. Khi chơi trò ú tim bọn chúng không thích chơi với Mỹ Linh nhất, bởi vì khi đến lần cô phải trốn thì lại trốn kỹ quá, đến mức không có cách nào tìm ra; đến khi phải đi tìm người khác, thì cô lại tìm không ra. Thế nhưng Mỹ Linh lại cứ nằng nặc đòi được chơi, thế là lũ trẻ nghĩ ra một cách, giả vờ cười và ngọt ngào dỗ Mỹ Linh: "Cái đèn lồng" rất tinh khôn nên phải đứng giữa vườn hoa, đếm đủ 100 câu rồi mới đi tìm người, khi chưa đếm đủ một trăm chưa được mở mắt ra nhìn.

Mỹ Linh đành chịu khó vát vả đếm từng câu, cô còn chưa nhớ số, đếm mãi thành lẫn lộn lung tung. Cô thường đếm tới mười rồi là 20 nhảy lên 30 thậm chí 40, cho nên thoáng cái đã đến 100. Thế nhưng lại có một đứa trẻ khác đứng cạnh theo dõi, nó bảo Mỹ Linh đếm sai rồi, phải đếm lại từ đầu. Mỹ Linh lấy hai tay mũm mĩm đưa lên bung lấy mắt, ngoan ngoãn đếm lại từ đầu. Lúc này, bốn phía đã im phăng phắc, Mỹ Linh chú ý và đếm nhiều quá không chú ý đến điểm đó "50, 60, 80, 100" cô đặc chí cho rằng mình đã đếm xong, mở mắt ra nhìn, trong vườn chỉ còn lại mỗi mình cô.

Một thứ tình cảm bị bỏ rơi, bị coi rẻ, bị trêu chọc bao vây lấy Mỹ Linh, lòng tự trọng bé nhỏ của cô gái bị tổn thương, cô đứng đấy khóc nức nở.

Lúc ấy Ái Linh đã chạy tới lau khô nước mắt nước mũi cho cô. Mỹ Linh nức nở hỏi chị:

- Chị ơi! Em có lớn lên được không?
- Được! Em nhất định sẽ thành một người lớn.

Lời nói quả quyết của chị khiến cô bé Mỹ Linh được khích lệ rất nhiều. Từ đó trong lòng Mỹ Linh nảy sinh một sự sùng bái như anh hùng và về sau tình cảm đó biến thành thứ tình yêu, tình yêu đó đã gắn bó với Mỹ Linh suốt đời.

Mỹ Linh lên 5 tuổi. Cô bắt đầu phải trải qua những gì mà chị cả, chị hai đã từng trải qua, tức là vào học ở trường nữ học Mác-ti-dê. Vì vậy, nhà trường lại phải có sự sắp xếp đặc biệt để Mỹ Linh vào học ở lớp đồng ấu và ngủ chung với chị thứ hai Khánh Linh một phòng.

Mỹ Linh hoạt bát, nghịch ngợm, nhưng lại rất bạo dạn và cứng rắn. Gian cầu thang nối phòng học với phòng ngủ có một quãng tối đen, rất nhiều em học sinh gái không dám đi lối đó, nhưng Mỹ Linh đã qua lại lối đó mấy lần. Khi thầy giáo phê bình những học sinh nhút nhát thường nói:

– Tại sao các em không dám đi qua lối ấy như Mỹ Linh? Được các thầy cô giáo khen ngợi, Mỹ Linh rất tự đắc, vẻ mặt hớn hở hẳn lên. Thế nhưng thực ra trong bụng cô cũng rất sợ đi lối ấy, mỗi lần đi qua đấy, lưng đều toát mồ hôi hột, đêm nằm ngủ đều bị những cơn ác mộng bao vây.

Có một lần, Mỹ Linh đã vùng dậy thoát ra từ một cơn ác mộng, mắt mở to rồi không dám ngủ lại nữa, cả người run bắn lên. Lúc ấy, các bạn học sinh khác đều đang ngủ say. Thế là cô len lén ra khỏi giường, quay mặt vào tường nhắm bài. Khi thầy giáo đi tua trực ban đêm phát hiện ra cô, bèn bế cô lên giường và nhẹ nhàng dỗ

cho cô ngủ lại. Hôm sau, thầy giáo đã nói lại với Tống Diệu Như tình hình đó. Mỹ Linh lại được đón về nhà để gia sư dạy dỗ, mãi cho đến ngày ra nước ngoài mới thôi.

Mười tuổi đã đi học nước ngoài

Năm 1907, Mỹ Linh mười tuổi, chị thứ hai Khánh Linh 14 tuổi. Gia đình quyết định đưa Khánh Linh sang Mỹ học, Mỹ Linh cũng đòi đi. Cha mẹ đều cho rằng cô còn bé quá, không đồng ý. Thế là Mỹ Linh vin vào lời hứa của bố mẹ lúc cô bị ốm (lúc ấy bố mẹ đồng ý để cô làm bất cứ việc gì cô muốn) nằng nặc đòi đi cùng với chị hai, kết quả là cô được toại nguyện.

Xuống con tàu "Mãn Châu Lý", nhìn mặt biển mênh mang sương trắng, Mỹ Linh nhảy tâng tâng mừng hết chỗ nói. Những du khách cùng đi, thấy một cô gái Trung Quốc đáng yêu như thế, đều tới đùa vui với cô. Một hôm, Mỹ Linh đang đi dạo trên boong tàu với một cô gái người Mỹ cùng lên tàu ở Thượng Hải về Mỹ, cô gái Mỹ hỏi:

– Lớn lên, em sẽ làm gì?

– Em sẽ làm bác sĩ! – Mỹ Linh buột miệng nói ngay.

– Bác sĩ! Trời ơi! Chị nghĩ em không nên làm nghề đó, làm bác sĩ có lúc phải cưa chân người ta đi, hiểu chưa?

– Đúng vậy sao? – Mỹ Linh thấy kinh ngạc – Thế thì em không làm bác sĩ nữa, thế thì bản lắm!

Hành trình lâu dài và thú vị trên biển rồi cũng kết thúc, Mỹ Linh bắt đầu cuộc đời du học dài tới 10 năm ở Mỹ.

Mỹ Linh và chị hai trước hết là vào học ở trường tư ở thị trấn Sa-mít, bang Xing-trót. So với Khánh Linh "trang trọng từ tốn", thì trong ấn tượng của các bạn, "Mỹ Linh lại hoạt bát đầy sức sống, vui tươi hiếu động và có chút tinh nghịch... Là một cô gái vui tính, béo múp míp, tròn như cục pho mát", đối với tất cả những gì xung quanh đều cảm thấy thích thú.

Một hôm, có một gói bưu phẩm từ Trung Quốc gửi tới. Ngoài những thứ đồ chơi đủ màu sắc gửi cho hai chị em, trong đó còn một bộ quần áo nhỏ rất đáng yêu làm cho Mỹ Linh: một cái váy bằng lụa đen và chiếc áo cánh có thêu mấy con rồng xanh. Mỹ Linh mặc bộ quần áo mới này vào đi leo cây. Leo lên cao quá, rồi không tự xuống được. Sau đó, một người anh của một cô bạn phải leo lên dìu cô xuống. Cũng may là bộ quần áo mới không bị rách.

Đến nước Mỹ rồi, Mỹ Linh mới biết thế nào là nhớ nhà. Lúc nào nhớ nhà, cô lại đến cô giáo Ma-co-lit Pen-xơ nói chuyện cho đỡ buồn.

"Buổi tối, cô thường đến phòng tôi, nói với tôi chuyện gia đình cô hoặc nói về tình hình có liên quan đến đời sống của người Trung Quốc. Hai cô gái này đều không thích chải tóc kiểu Trung Quốc, bảo tôi dạy cho cách làm đầu giống người Mỹ. Bởi vậy, họ đã mua băng lụa đỏ, mỗi buổi sáng, Mỹ Linh đều tết lên mái tóc đen bóng của cô hai con bướm thật to.

Sau khi ở thị trấn Sa-mít-thơ một năm, Khánh Linh thi được vào viện nữ học Dét-li-an. Mùa thu năm 1908 sau khi khai giảng, Khánh Linh đã bố trí cho em mình đến ở nhà phu nhân Met-xơ là mẹ của một người bạn của Ái Linh, học ở trường Pi-tơ Mông-đơ ở thành phố nghỉ mát trên núi Do-mô-léch của bang này.

Mỹ Linh sống ở thành phố này 9 tháng. Nhiều năm sau, bà đã nhớ lại quãng đời ở đây với một tình cảm vô cùng quyến luyến:

"Ở trường Pi-tơ Mông-đơ tôi học lớp 8. Tôi ở Pi-tơ Mông-đơ 9 tháng, sống rất vui. Điều khiến tôi thú vị nhất là tôi phát hiện ra rất nhiều học sinh học lớp 8 với tôi thực tế đều là những chàng trai và những cô gái đã lớn. Họ từ những miền núi xa xôi đến đây, trong đó có rất nhiều người phải đi dạy tiểu học mấy năm mới có tiền vào xin học ở Pi-tơ Mông-đơ. Tất cả những người này, đối với tôi đều tỏ ra thích thú. Còn tôi, tôi đã bắt đầu đi sâu hơn tìm hiểu cuộc sống những con người đã phải phấn đấu để sinh tồn, thậm chí phấn đấu cho những khoản chi phí để có được sự giáo dục sơ đẳng. Tôi cho rằng sự gần gũi của tôi với những con người này lúc tôi còn nhỏ, đã ảnh hưởng đến sự quan tâm của tôi sau này tới số phận những con người xuất thân bần hàn đó. Nếu như không học ở Pi-tơ Mông-đơ, tôi mãi mãi chẳng gần gũi họ. Bởi vì nói cho cùng, họ và những người như họ, mới là chủ thể của bất kỳ dân tộc nào.

Cũng chính ở Pi-tơ Mông-đơ, tôi mới sơ bộ hiểu được điều thần bí trong cách phân tích câu. Lúc đó Anh ngữ của tôi nhiều lắm chỉ thuộc loại a b c bởi tôi mới chỉ ở Mỹ có hai năm. Trong việc sử dụng từ ngữ của tôi, đã gây nên không biết bao nhiêu chuyện cười, làm cho cô giáo dạy ngữ pháp của tôi cũng phải cảm thấy khó khăn. Để sửa những cái tật đó cho tôi, bà đã buộc tôi thử phân tích những câu đó về mặt ngữ pháp. Sự cố gắng đó của bà phải nói là cũng có hiệu quả bởi vì bây giờ mọi người đều bảo rằng tôi viết tiếng Anh rất tốt... Những người trong làng luôn coi tôi như một thứ quái vật. Thế nhưng bất chấp quái vật hay không, miễn là tôi cũng được như các bạn khác được ăn thứ kẹo cao su 5 xu một thỏi bán ở cửa hàng của ông Hăng-tơ. Tôi hay mua thứ kẹo đó ăn. Tôi còn nhớ trong số ba bốn đứa bạn gái của chúng tôi, ai đó có một đồng năm xu, là có thể mời các bạn khác ăn bích-quy

sữa hoặc những thanh kẹo lớn, chúng tôi cho rằng đó là một khoản đãi rất ghê gớm. Những thứ kẹo đó được bày trong ngăn tủ kính ở cửa hàng nho nhỏ của ông Hăng-tơ, sao mà hấp dẫn thế. Mặc dù lúc bấy giờ trong ngăn tủ đó ngoài những thứ hàng đó ra, thì cũng ở những vị trí đập vào mắt mọi người còn đặt cả những tờ giấy bầy ruồi lốm đốm chấm đen, thế nhưng chúng tôi cũng chẳng hiểu mấy về sự nguy hại của ruồi và vi trùng và cũng chẳng hề để tâm đến những thứ đó. Tuy nhiên, tôi vẫn sống đến ngày nay, để mà kể với mọi người câu chuyện xa xưa này. Trước Noel mấy hôm, Fò-lo-rôn-xơ, Hai-ti Hăng-đơ-ri-cát-xân, Phờ-lo-xi-ai-đi-ton và tôi quyết định làm một việc khiến người khác được vui lòng. Bởi vì ý nghĩa ngày Noel đòi hỏi chúng tôi phải làm thế. Vì trong đời tôi, đến lúc đó còn chưa thấm thía được cử chỉ làm việc thiện sẽ khiến người ta vui sướng đến mức nào. Chúng tôi cùng nhau làm một việc tốt, ai cũng đem hết sức mình ra, mỗi người bỏ ra 25 xen, góp đủ một đô la để mua khoai tây, bánh thịt bò, táo và cam cho một gia đình nghèo khổ ở bên kia đường sắt. Chúng tôi phải cố gắng làm sao tỏ ra khiêm tốn, không kiêu ngạo, không để cho người khác biết cử chỉ cao thượng của mình. Nhưng vì chúng tôi quá vui mừng nên ngay cả ông Hăng-tơ ở trong cửa hàng còn nghe thấy tiếng chúng tôi chí chóc cãi nhau xem mua thứ gì thích hợp nhất. Tôi còn nhớ – vì sinh lý học là tôi yêu thích nhất, cho nên cứ giữ ý định là sẽ mua kẹo, đường, mà nên mua nhiều một chút, bởi tôi cho rằng trong đường có nhiều hợp chất các bon, có thể làm cho những đứa trẻ gầy gò của nhà họ ấm áp lên, làm cho bà mẹ có thêm sức khỏe. Thế nhưng một bạn có lòng "hảo tâm" quyết góp và sẵn sàng làm việc thiện khác thì lại cứ khẳng khẳng giữ ý định là sẽ mua khoai tây. Bạn ấy bảo là khoai tây dễ làm no bụng nhất, là thứ thực phẩm sinh nhiều nhiệt lượng nhất. Ông Hăng-tơ hiếu kỳ và cảm thấy thú vị được nghe cuộc tranh cãi kịch liệt của chúng tôi. Cuối cùng ông đã khẳng khái quyết tặng mỗi thứ một ít mới giải quyết được cái khó của chúng tôi... Khi chúng tôi ôm bọc quà vất vả bước qua cầu phao, chúng tôi đều có cảm giác mình như những thánh nữ đi giữa muôn loài hoa đẹp trên đường đi thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình. Tuy nhiên, khi chúng tôi bước đến túp lều nát bằng gỗ của người mà chúng tôi định tặng quà, chúng tôi thấy trước mặt mình là một bà mẹ đứng chờ dẫn ra với thân hình khô khốc gầy guộc, một bầy con của bà đang bấu lấy tay mẹ đứng bên cạnh, nấp bên váy mẹ nhìn trộm chúng tôi. Chúng tôi sợ ngẩn cả người ra, chẳng ai nói được câu nào. Chúng tôi vớt gói quà xuống đất rồi co cẳng chạy; chạy được một đoạn, mới lại thấy bạo dạn lên, chúng tôi mới đi chậm lại, một người trong bọn chúng tôi lấy lại can đảm gọi to lên: "Chúc mọi người ngày Noel vui vẻ". Sau đó chúng tôi lại chạy nhanh hơn.

"Một trong những trò tiêu khiển mà chúng tôi thích nhất là đi lượm hạt dẻ. Đến bây giờ tôi còn nhớ như in con đường dài dằng dặc và mờ mịt bụi đất đỏ. Mỗi buổi chiều chủ nhật, chúng tôi đều đi bộ trên con đường ấy để vào rừng. Có lúc chúng tôi gặp may, gặp những nông dân tốt bụng đang đánh xe ngựa đi tới, đã để cho chúng

tôi lên xe, đến trưa còn nhường cả thức ăn cho chúng tôi. Tôi là một trong những đứa mà họ thích trêu chọc một cách thiện chí. Chắc ít ai biết rằng những người dân miền núi này chúa là thích dùng những câu đùa cười đến đứt ruột ra để trêu đùa cô gái Trung Quốc như tôi: Này! Quả khô ở đâu ra? Đương nhiên, câu trả lời gọn lỏn của tôi sẽ là: Đương nhiên là ở trên cây ra. Khoanh bánh mì rán (tiếng Anh là doughnut có phần cuối "nut", nếu là một đơn từ thì "nut" có nghĩa là quả khô) thì ở cây gì mọc ra? Hỏi thế thì tôi chịu – Mọc từ trong bếp ra! (nhà bếp Pantry có đuôi "try" cùng âm với tree là cây). Và thế là họ cười ầm lên.

"Tôi đọc rất nhiều sách, tôi thích nhất là ngồi trên các ghế băng ở giữa hai thân cây mọc cạnh phòng ngủ để đọc sách. Đó cũng là phòng của bà Mut-xơ. Bà là người phụ trách của ký túc xá con trai, tôi với bà ngủ ở gian phòng kín ở dưới nhà gồm có bà và hai người con gái Rô-xi-na và Rô-wat... Khi nào bà Mút-xơ muốn tỏ ra thân thiết với tôi, bà cho phép tôi làm bánh mì. Nhưng bánh mì tôi đem nướng lên trông chẳng ra cái gì. Hình như trời sinh ra không phú cho tôi cái tài làm bếp...".

Cuộc sống chín tháng trời làm cho Mỹ Linh có mỗi cảm tình chan chứa với thị trấn nhỏ này; cách phát âm tiếng Anh của cô cũng mang nặng âm điệu của khẩu ngữ Nam Mỹ. Có một năm vào mùa hè, Mỹ Linh học ở lớp ôn tập hè tại miền Bắc, cô giáo lịch sử bảo Mỹ Linh hãy kể lại diễn biến cuộc tấn công xuống phía nam của tướng quân Sen Man trong cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ, Mỹ Linh đã buồn rầu đáp:

– Xin hãy tha lỗi cho tôi! Vấn đề này làm tôi rất buồn, bởi vì tôi là người miền Nam.

Mùa mưa không buồn

Năm 1909, Mỹ Linh 12 tuổi, vào học ở học viện nữ học Dét-li-an. Ba chị em họ Tổng sum họp với nhau ở đây. Mỹ Linh còn quá ít tuổi, chưa đủ để trở thành một sinh viên chính thức. Hiệu trưởng An-sơ Uóc-xơ đã để cô ở tại nhà mình, cùng chơi với con gái ông là Ai-rô-it-xơ, Ai-rô-it-xơ nhỏ hơn Mỹ Linh hai tuổi, gầy gò nhưng rất hoạt bát, hai đứa trẻ lúc ấy trở thành bạn thân của nhau như hình với bóng. An-sơ Uóc-xơ phu nhân sau này đã viết một bản hồi ký đầy chất trữ tình, kể lại tình hình lúc ấy.

"Ai-rô-it-xơ hết sức vui mừng vì có một người bạn xấp xỉ tuổi mình cùng chơi với mình. Ngay từ lúc đầu, Mỹ Linh đã chung sống với chúng tôi hết sức thoải mái, không có gì tỏ ra gò bó. Phần lớn thời gian không lên lớp cô đều chơi với Ai-rô-it-xơ. Một hôm, do không hài lòng với Ai-rô-it-xơ, Mỹ Linh bầu môi giận dữ. Tôi nghĩ rằng hai đứa trẻ đã làm lành với nhau rồi, nhưng Mỹ Linh vẫn còn dữ. Vì Ai-rô-it-xơ rất lo lắng sẽ làm bạn phiền lòng, cho nên tôi quyết định phải nói với Mỹ Linh

những cái tốt khi tỏ ra rộng lượng với người khác. Tôi hỏi cô bé có cảm thấy xấu hổ khi tỏ ra mình có bụng dạ hẹp hòi như thế không? Hai mắt cô sáng lên, trả lời ngay:

– Ô, không! An-sơ Uóc-xơ phu nhân, cháu lại thấy hay hay.

Hai cô bé này thích qua chớp cửa sổ của phòng khách, nhìn trộm đám con gái lớn tuổi hơn gặp gỡ các bạn nam. Nhìn thế xong, chúng khúc khích cười với nhau rồi vội vàng chạy về kể cho tôi nghe tất cả những gì chúng nhìn thấy. Thật không còn tìm đâu ra bọn ranh con quỉ quái và ngây thơ hơn chúng nữa! Khi một trong số nữ sinh đó có ai đính hôn, hai đứa nhỏ cũng mừng vui như tất cả mọi người.

"Hai đứa con trai của tôi Uy-li-am và Man-cơ-mô thường dùng xe đẩy, đẩy hai con bé chạy đi chạy lại trên hành lang của nhà trường, chúng tỏ ra rất thích thú. Xe vừa mới chạy, chiếc đuôi sam đen bóng của Mỹ Linh từ đỉnh đầu trượt xuống, bay bay trong gió nhẹ. Khi có bạn trai đẩy xe cùng chơi, tính khí cô ta tốt hẳn lên. Về mặt xã giao Mỹ Linh luôn luôn có sự thành công".

Sau này, nhà trường lại có thêm một học sinh thứ ba tuổi cũng xấp xỉ với hai đứa trẻ, tên là Cơ-mac-xen. Thế là Tổng Mỹ Linh, Ai-rô-it-xơ, Cơ-mác-xen tự trở thành một lớp học không chính thức. Bắt chước các chị lớn tổ chức các hội bạn bè, chúng cũng thành lập một tổ chức gọi là "ba người bạn". Để cho cái tổ chức đó cũng có nơi hội họp, chúng phát triển và mời cả hiệu trưởng cùng là hội viên, hội mới được phép dùng một căn phòng trống ở trên phòng hòa nhạc lớn. Không lâu sau, nhiều giáo viên trong trường cũng trở thành hội viên trung thực của tổ chức này. Để kiện toàn tổ chức của mình, họ đặt ra khẩu lệnh, ám hiệu bí mật và những qui tắc của tổ chức. Chẳng hạn qui định khi hội họp, không được nhai kẹo cao su. Nói chung các thầy cô giáo không chú ý được điều này, vẫn cứ thoải mái nhai kẹo khi bước vào phòng họp, thế là "ba người bạn" ấy lập tức la lối lên để phản đối.

"Ba người bạn" còn ra một tờ báo, trong đó Mỹ Linh làm biên tập văn học, hai người kia làm biên tập mỹ thuật và phóng viên. Báo chép bằng loại giấy thường của học sinh, mỗi số ra năm tờ, nhưng mỗi tờ lại khác nhau, giá bán là 5 xen một tờ.

Nội dung của báo rất độc đáo, rất được các bạn học ưa thích, cho nên ngày nào cũng bán hết sạch. Chẳng hạn cột bình luận xã hội của một số báo nói:

– "Đô-lô-xi Đin là một cô gái thông minh nhất trường". Tờ báo đó, bán cho Đô-lô-xi Đin.

Một tờ báo khác, cũng ở mục ấy viết rằng:

"Tất cả các cô gái trong sân trường đều nói Bét-ti Bran rất xinh đẹp, hôm qua, có

người đã gặp gỡ cô..."

Bét-ti Bran vui mừng bỏ ra năm xu để mua tờ báo đó.

Qua lao động vất vả, ba cô bé mỗi ngày kiếm được 25 xen. Họ dùng số tiền đó để mua kem, mua lạc hay mua kẹo ăn với nhau rất thoải mái.

Tờ báo quả thật là đã nổi tiếng. Một hôm họ nhận được một bức thư của sinh viên một trường đại học miền Đông, trong thư nói họ được biết ba cô gái ra được một tờ báo rất độc đáo nên muốn có được một số, để ghi một kỷ lục cho một ban biên tập trẻ tuổi nhất của nước Mỹ. Được tôn trọng như thế, "Ba người bạn" dĩ nhiên rất sung sướng.

Ai-rô-it-xơ nói:

– Chúng ta hãy mau mau gửi cho họ một số đi!

– Không! – Mỹ Linh nhìn nhận khá sâu sắc – Họ không gửi cho ta năm xu tiền đặt báo. Nếu gửi báo cho họ với cách rẻ rúng như thế, hóa ra chúng ta chẳng có giá trị gì hay sao?

– Đúng, chúng ta cần bảo họ gửi tiền tới – Cơ-mác-xen lập tức phụ họa.

Thế là cô biên tập văn học Mỹ Linh được phân công viết một bức thư gửi đi, chỉ ra chỗ sơ suất nghiêm trọng đó, gửi thư đi chi phí của họ mất hai xu.

Không lâu sau, miền Đông nhận được thư và gửi tới cho họ 5 xu. "Ba người bạn" lúc ấy mới gửi báo của họ đi. Lần này lại tốn mất hai xu cước phí nữa.

Mỹ Linh ham chơi và đùa nghịch như vậy, lại rất nhiệt tình trong hoạt động xã hội, nhưng trong học tập cô không hề tỏ ra lơ là, năm 10 tuổi, cô đã đọc hết toàn bộ tác phẩm của Đích-ken. Năm 12 tuổi, cô thi vào viện nữ học Dét-li-an và trở thành sinh viên chính thức. Cô là nữ sinh viên thứ ba của gia đình họ Tống học tập ở đây.

Thế nhưng Mỹ Linh chỉ học tập ở đại học có một năm. Cuối mùa xuân 1913, Tống Khánh Linh tốt nghiệp về nước, Tống Ái Linh cũng về nước ngay từ mấy năm trước đó, lúc này chỉ còn trơ trọi một mình Mỹ Linh ở trường này. Năm 1913, Tống Mỹ Linh chuyển trường Oen-xơ-ri của bang Ma-sachu-set, trở thành sinh viên năm thứ nhất của trường này.

Một nguyên nhân khác khiến Mỹ Linh phải chuyển học là trường cô chuyển đến gần với trường của anh cô là Tống Tử Văn đang học, như vậy hai anh em có thể liên hệ với nhau khi cần thiết.

Tử Văn là con trai của Tống Diệu Như và Nghê Quế Trân, sinh sau Ái Linh và Khánh Linh, cũng là con trai đầu tiên của họ. Người cha và người mẹ đã cho con gái học hành với nền giáo dục văn minh như thế, thì đối với Tử Văn là con trai – lại càng không lo ngại. Năm 1912, sau khi Tử Văn tốt nghiệp đại học tại trường Xanh – Jôn do Thánh công hội lập ở Thượng Hải, cha mẹ liền cho cậu sang học tại trường đại học Ha-vớt nổi tiếng thế giới để học môn kinh tế học. Tử Văn lớn hơn Mỹ Linh 5 tuổi, đương nhiên trở thành người che chở cho cô.

Từ mùa thu năm 1913 đến mùa hè năm 1917, Tống Mỹ Linh đã trải qua 4 năm ở trường Oen-xơ-ri, cô yêu sâu sắc mái trường này. Thế nhưng, ngày đầu khai giảng năm 1913, cô bước vào văn phòng hiệu trưởng đã tuyên bố với giọng miền Nam nhanh nhẹn:

– Tôi dự tính, tôi sẽ ở đây không lâu.

Khi vào đại học năm thứ nhất, Mỹ Linh đã ở trong làng Oen-xơ-ri cách trường không xa. Ở đây "cây cỏ xanh tươi, tầm nhìn thoáng đãng, cánh đồng hoa bao la" khiến người ta mê say. Khung cảnh tươi đẹp này đã rất nhanh làm thay đổi ý định "không ở đây lâu" của Mỹ Linh. Cô bắt đầu miệt mài học tập, chơi với các bạn trai và tham gia hoạt động thể dục thể thao. Cô chủ yếu học văn học Anh và học thêm triết học. Nghe nói, cô rất thích những trận chiến đấu kịch liệt trong truyện truyền kỳ về kỵ sĩ Ac-sơ-wang. Môn này do giáo sư nổi tiếng lúc bấy giờ là Wây-đa Scác-dơ phụ trách. Trong các môn thể dục, cô thích bơi lội và đánh cầu lông. Có một lần trong lễ phục sinh, Mỹ Linh đã đi bơi ở gần Cơ-rô-xích, một con sóng bất ngờ suýt nữa chìm cô, may có người bạn gái cùng bơi túm được tóc cứu lên bờ, cô mới thoát chết.

Sau khi học hết năm thứ nhất, Mỹ Linh đã dọn vào trường, "ở nhà gỗ" cho đến lúc tốt nghiệp rời trường. Các bạn trai hay đến "nhà gỗ" tìm cô, bởi lúc đó cô là "một thiếu nữ xinh đẹp thon thả, có cặp mắt mê hồn". Trong số bạn trai đến chơi đó, có bạn là người Mỹ mắt xanh tóc vàng và nhiều hơn cả là lưu học sinh Trung Quốc ở đại học Ha-vớt và đại học công nghiệp Mac-xăng-ri. Mỹ Linh vốn nhiệt tình lại thạo về xã giao, chẳng những được bạn học và những người bạn này yêu mến, cô còn quan hệ rất thân với các giáo viên trong trường. Một giảng viên rất thân với cô trong 4 năm học ở trường, về sau đã từng viết một bản giám định nội bộ cho phòng lưu trữ hồ sơ của trường về Mỹ Linh như sau:

"Trong ấn tượng của tôi, Mỹ Linh là con người có tâm hồn dí dỏm và có sức mạnh tiềm ẩn, không phải đa sầu đa cảm như người ta thường miêu tả, đối với quyền uy, cô vẫn mang sẵn trong lòng sự thuần phục, tuy nhiên, điều thú vị hơn là tính cách độc lập suy nghĩ của cô – đối với tất cả mọi thứ, cô đều có cách nhìn nhận rất ghê gớm. Cô lúc nào cũng hỏi những vấn đề thuộc bản chất của tư tưởng. Hôm

nay chạy đến hỏi một định nghĩa này về văn học, ngày mai – lại hỏi định nghĩa kia về tôn giáo. Cô suy nghĩ những vấn đề về đạo đức luân lý và tự mình lại xác định ra một số quy phạm về đạo đức, mà đối với những người lớn lên trong sự giáo dục bởi những quy định thông thường đó, đối với những gì về vi phạm đạo đức thường không hay hỏi đến cùng mà chỉ biết tiếp nhận nguyên xi. Cô là người luôn giữ vững chân lý. Một khi phát hiện ra trước đây mình đã làm tin vào những luận điệu sai lầm có tính truyền thống, cô thường tỏ ra rất bức dọc".

"Tôi không như người khác cho rằng cô có nhiều tài trí và ma lực... Cõi lòng cô thường thâm lặng và u uất. Cùng với sự trôi đi của năm tháng, chuyện trở về nước ngày càng trở nên một nỗi khó cho cô. Tôi cho rằng, cô và Tử Văn đều có cảm giác như thế. Một khi trở lại với cái thế giới và phạm vi mà cô không thể quen thuộc ấy, cô sẽ phải gặp những khó khăn như thế nào. Tuy cô rất thích giao thiệp, mà còn hay chơi trội nữa, nhưng luôn giữ một khoảng cách nhất định với chúng tôi, dò xét chúng tôi. Lúc thì tỏ ra nghi ngờ, lúc lại phê bình, khiêu khích, rồi có lúc lại tỏ ra tán thưởng, cảm thấy mình ít nhiều cũng là một người khách..." "Cũng giống như hai cô chị, Mỹ Linh rất được mọi người khen ngợi, đó tuyệt nhiên không phải vì cô xinh đẹp, mà chủ yếu là cô nhiệt tình, thành thật với mọi người, thường để lộ một sức mạnh nội tại".

Một bạn học từng được Mỹ Linh giúp đỡ thừa nhận rằng, nếu không có sự giúp đỡ của một người bạn cùng lớp là Mỹ Linh, cô sẽ không qua được kỳ thi của trường đại học Oen-xơ-ri. Trong môn học triết học do Ma-ri-hót-ton Can-kinh-xơ làm giảng viên, hai cô ngồi gần bàn nhau. Cô gái Mỹ này rất chậm hiểu về môn học đó, cho nên tỏ ra chán chường không muốn học. Mỹ Linh đã chủ động tìm cô để giúp đỡ, mua tặng cô cuốn sách "triết học luôn luôn tồn tại vấn đề" do chính cô giảng viên này viết ra và động viên bạn hãy chịu khó đọc. "Hễ chỗ nào còn chưa hiểu, thì tới đến hỏi mình". Và như thế, cô gái Mỹ đó đã vượt qua được kỳ thi, nắm được học phần trong tay.

Có thể giúp người khác học tập được, thì trước hết tự mình phải chăm chỉ học và có thành tích hơn hẳn người khác. Trong suốt bốn năm học đó, Mỹ Linh chủ yếu học Pháp văn, âm nhạc (lý luận, violon và piano) ngoài ra còn học thêm thiên văn học, lịch sử, thực vật học, sáng tác Anh văn, lịch sử và diễn giảng thánh kinh. Mùa hè năm 1916 cô lại học thêm môn giáo dục học ở đại học Phốt-mong-đơ và cũng giành được chứng chỉ học phần. Cũng năm đó, cô được chọn làm thành viên của T.Z.E "đây là một trong những đoàn thể của 6 nơi ở Oen-xơ-ri, chỉ mở ra cho sinh viên ở các lớp cao, làm công việc hoạt động nửa xã hội nửa học thuật, trong thời gian hoạt động học thuật thì nghiên cứu thêm về âm nhạc, nghệ thuật". Khi học đại học năm thứ tư, Mỹ Linh đã giành được danh hiệu cao quý nhất của trường này tặng cho sinh viên.

Bốn năm học đại học đã vô tình trôi đi mau chóng, sắp tốt nghiệp tới nơi rồi! Tống Mỹ Linh bỗng cảm thấy lo ngại, bản thân mình đã Mỹ hóa đến mức "chỉ còn bộ mặt của tôi là giống người phương Đông". Sau này về nước, làm thế nào để thích nghi với một cuộc sống hoàn toàn xa lạ.

Tuy thấy lo ngại như thế, nhưng hứng thú của cô với Tổ quốc thì ngày càng tăng lên, cô bắt đầu nghiên cứu lịch sử xán lạn huy hoàng của Trung Quốc. Và càng ngày càng cảm thấy tự hào về nền lịch sử đó. Một lần, trong khi trò chuyện với cô Ê-li-da-bet En-uốt của khoa tiếng Anh, Tống Mỹ Linh kể thao thao bất tuyệt về những đóng góp của Trung Quốc với thế giới văn minh và cảm thấy đáng tiếc trước sự lạnh nhạt coi thường của thế giới phương Tây với những đóng góp đó.

Mang trong mình một nền văn hóa Mỹ và cảm tình nồng nàn với văn hóa phương Đông, năm 1917 Tống Mỹ Linh đã tốt nghiệp đại học ở trường Oen-xơ-ri và quay về nước, bắt đầu cuộc sống huy hoàng của cô ở Trung Quốc.

Chương III TỔ TIÊN ANH TA LÀ KHỔNG TỬ

I. TUỔI TRẺ

Chữa bệnh gặp may

Khổng Tường Hy là hậu duệ đời thứ 75 của Khổng Tử, sinh ngày 11 tháng chín năm 1880 trong một gia đình dòng dõi thế duệ ở Trình gia trang, huyện Thái Cốc tỉnh Sơn Tây. Người ông là Khổng Khánh Lâm, từng lập ra "Nghĩa Thịnh Nguyên Phiếu Hiệu", mua thêm được "Tam Tấn Nguyên Phiếu Hiệu", ở Bắc Kinh còn lập ra "Chí Nhất Đường Tiêu Cục" và những liên hiệu như "Hội Thông Thịnh", "Hội Thông Viễn"; ở Quảng Châu, Kỳ Châu, Thái Cốc, cũng lập ra "Quảng Mậu Hưng"; ngoài ra còn "Nguyên Tuyên Phổ" ở Thẩm Dương. Những cơ cấu thương nghiệp và kinh doanh tiền tệ nói trên khiến họ Khổng trở thành cự phú ở Sơn Tây, nổi tiếng một thời.

Năm 1880 sau khi Khổng Tường Hy ra đời, ngành kinh doanh tiền tệ phát đạt hàng trăm năm của nhà họ Khổng, do đất nước tao loạn, do bản thân thủ cựu, tầm mắt nông cạn... nên ngày càng suy thoái. Nhưng "trâu gầy vẫn lớn hơn bò béo", so với người khác, cuộc sống vật chất của nhà họ Khổng vẫn rất dư dật. Được sự yêu mến của cha mẹ, Khổng Tường Hy đã được hưởng trọn niềm sung sướng của tuổi thơ.

Cha của Khổng Tường Hy là Khổng Phồn Tử, đỗ công sinh đời Thanh, tự học rất nghiêm túc, lại sành văn chương, viết chữ rất đẹp, suốt đời tôn sùng cổ đại á thánh Mạnh Tử và chí sĩ duy tân Khang Hữu Vi, mang đầy đủ khí chất của một thư sinh. Năm 18 tuổi kết duyên với con gái Bàng Thăng là một gia đình danh giá ở phủ Khánh Sơn, huyện Thái Cốc.

Mẹ của Khổng Tường Hy là Bàng thị, xuất thân từ một gia đình vừa là nho học vừa là buôn bán, khi còn trẻ, người phúc hậu đầy đặn, đoan trang xinh đẹp, lại thông thuộc thơ Đường, từ Tống, chữ viết như thêu như vẽ. Năm 18 tuổi, trong tiếng kèn trống thanh la rộn ràng, đã bước lên kiệu hoa vào Tỉnh nhi viện của Trình gia trang, kết duyên với con trai thứ ba nhà họ Khổng là Khổng Phồn Tử môn đăng hộ đối, tài mạo song toàn. Vợ chồng Khổng Phồn Tử làm thơ viết chữ, chồng ngâm vợ họa, cảm tình sâu sắc. Một năm sau, họ rất đổi vui mừng đón nhận một thành quả mỹ mãn của cuộc tình duyên là cậu con trai Khổng Tường Hy ra đời.

Từ đó Bàng thị đã lãnh lấy trách nhiệm nuôi nấng, chăm lo dạy dỗ con trai. Khi Tường Hy mới bắt đầu ê a học nói, bà mẹ ấy đã thường xuyên kể cho con nghe

những câu chuyện ngây thơ, lý thú nhưng lại đầy nội dung triết học. Bắt đầu từ năm lên 4, bà mẹ đã dạy vỡ lòng và ngày ngày cầm tay dạy cậu viết chữ. Quyển sách đầu tiên Khổng Tường Hy đọc là cuốn "Tam tự kinh", tiếp sau đó là "Luận ngữ". Cậu bé không hoàn toàn hiểu hết nội dung ngay. Bà mẹ còn định dạy cho cậu cả "Tứ thư", "Ngũ kinh", mong cho con mình sau này mở mày mở mặt, làm rạng rỡ tổ tiên. Thế nhưng một cơn bệnh đã giáng xuống, tử thần đã vô tình cướp đi cuộc đời ngắn ngủi của bà. Năm ấy là năm 1886, Khổng Tường Hy mới lên sáu, cô em gái Khổng Tường Hy mới lên ba.

Sự ra đi bất ngờ của Bà mẹ, khiến cho Khổng Phồn Tử đau khổ, chán chường, tiêu tụy dần dần. Những bạn bè thân nhất tốt bụng khuyên ông tục huyền, nhưng ông làm sao nỡ quên đi tiếng nói giọng cười của người vợ còn in trong lòng mình, làm sao nỡ để con trai con gái mình sống dưới sự ghẻ lạnh, lờn nguýt của người vợ kế. Sau khi lo liệu xong mọi công việc hậu sự cho vợ, ông từ giã nghề buôn với tiền đồ đen tối, dời nhà về ở thôn Nam Trương cách huyện lỵ 15 dặm, mở ngôi trường tư dạy học, sống cuộc đời tiêu dao của anh giáo viên tư thực trường làng. Lúc mới đầu, học trò đến học còn chưa đông, chỉ có 8, 9 người, sau tăng lên tới hơn ba mươi người. Khổng Tường Hy cũng là một học trò của trường tư thực đó, mà là học sinh ít tuổi nhất.

Khổng Tường Hy khắc khổ học tập ở mái trường tư thực đó bốn năm, dưới sự dạy dỗ và uốn nắn của cha mình, đã đặt một nền móng cho văn hóa cổ truyền. Trong thời gian đó, Khổng Tường Hy có hứng thú nhất và bỏ nhiều công sức nhất là "Kinh thi" và "Lễ ký". Sau này khi đã vào trường đại học của giáo hội, mỗi lần tan học về nhà, cậu vẫn học thêm thi, lễ, cho đến khi lưu học ở Mỹ quay về, Khổng Tường Hy vẫn tự tiến cử xin dạy hai môn học này.

Theo lẽ thường, Khổng Tường Hy cũng sẽ trở thành một bậc thông nho như cha mình, thế nhưng một chứng bệnh nặng đã làm thay đổi hẳn con đường sống sau này của ông.

Năm 1889, trên cổ của Khổng Tường Hy bỗng mọc ra một cái nhọt. Đã lần lượt mời thầy lang thầy thuốc đông y tới chẩn đoán và chữa trị, nhưng cái nhọt vẫn loét ra và phát triển thêm. Cậu bé Khổng Tường Hy lúc ấy rất đau đớn khó chịu. Khổng Phồn Tử yêu con hơn cả bản thân mình, thấy con mình bị đau đớn giày vò như thế, ông mất ăn mất ngủ. Nhưng cái khó ló cái khôn, ông đột nhiên nghĩ ra một điều là đưa con tới nhà thương Nhân Thuật của giáo hội Cơ đốc mở ở huyện Thái Cốc, may ra có thể chữa khỏi. Thế là mặc cho người trong họ kịch liệt phản đối, ông đã đưa Khổng Tường Hy đến nhà thương Nhân Thuật.

Mới đầu Khổng Tường Hy rất sợ những "ông Tây bà đầm" kỳ quái ở đây, không

chịu vào chữa trị. Những "ông Tây bà đầm" này cũng rất hiểu ý nghĩa đặc biệt của việc chữa trị cho cháu chắt của Khổng Tử. Đối với Khổng Tường Hy, họ tỏ ra hết sức ôn tồn hòa nhã, thậm chí còn miễn cả tiền thuốc men. Dần dần, Khổng Tường Hy không còn sợ sệt nữa và đã chịu ở lại chữa trị. Trong thời gian chữa trị ở nhà thương, các bác sĩ, các nhà truyền giáo và hộ lý đều rất thích gần gũi cậu bé này, bạn rôn luôn tay vì cậu, có ý thu hút cậu bé hậu duệ nhiều đời của bậc "chí thánh tiên sư". Một tuần sau, Khổng Tường Hy khỏi bệnh về nhà và cũng đã kết bạn với những người ở đây. Những người ở nhà thương này đã mở ra cho cậu một thế giới mới mẻ, và cái thế giới đó đã thu hút cậu rất sâu sắc.

Bạn bè phần lớn là mũi lõ

Mùa xuân năm 1890, trường công Hoa Mỹ của giáo hội Cơ đốc mở tại Thái Cốc chiêu sinh lớp mới. Tôn chỉ mở trường của trường học này là đào tạo ra một lớp trí thức phục vụ cho giáo hội, thông qua họ liên hệ với xã hội tầng lớp trên của Trung Quốc. Thầy giáo ở đây, ngoài việc mời ông Lưu Phong Trì là người có gốc cổ học để giảng dạy "tứ thư ngũ kinh" ra, còn lại đều do các giáo sĩ phụ trách. Chương trình gồm có các môn thiên văn, địa lý, toán học, vật lý, hóa học, triết học, thể dục và trích đoạn thánh kinh... Ngoài ra, buổi sáng sớm hàng ngày đều phải làm lễ một lần, thứ tư mỗi tuần có một buổi cầu chúa và giảng Thánh kinh. Vào học một trường như thế này, không những gây nên sự phẫn nộ của dòng họ Khổng, mà còn làm cho các thân sĩ cũ trong vùng tức giận. Nhưng Khổng Tường Hy và cha đã bất chấp chuyện đó, vẫn hết sức giữ vững ý định.

Sự việc trên đời xưa nay vẫn thế, chỉ cần ta giữ vững trận địa của mình thì chẳng ai đánh đổ được ta. Khổng Tường Hy vào học trường công Hoa Mỹ, cũng từ đó bắt đầu sự chuyển biến từ chỗ tin theo nho học đi tới chỗ tin theo đạo Cơ đốc.

Khổng Tường Hy học ở trường công Hoa Mỹ 5 năm, về tín ngưỡng và nhận thức thế giới đã có sự thay đổi lớn. Năm 1895, Khổng Tường Hy đã tốt nghiệp trường này với điểm số rất cao, lại một lần nữa trái lời dạy của tổ tiên là "bố mẹ còn sống, không được đi chơi xa", xin vào học tại học viện Lộ Hà do giáo hội Mỹ mở ra tại Thông Châu trực thuộc tỉnh. Tại học viện trên, cũng giống như ở trường công Hoa Mỹ, Khổng Tường Hy bỗng thành đối tượng giành giật của các thầy cô giáo. Cậu sinh viên này nhờ danh tiếng của dòng họ và sự ưu ái của giáo hội, dưới sự thôi thúc của tình cảm chủ nghĩa dân tộc yêu nước chất phác, mạnh mẽ công kích triều đình nhà Thanh chính sự thoái nát, làm mất quyền làm nhục nước, vương công đại thần ngu muội trong công việc, nếu không nghĩ đến cải cách, Trung Quốc sẽ bị cấu xé gần hết. Những lời lẽ tùy tiện như thế, rất có thể nguy hiểm đến tính mạng, các giáo sĩ hết sức khuyên ngăn, nhưng Khổng Tường Hy cứ cố ý làm bừa.

Năm năm học tập thoáng cái đã sắp hết. Khổng Tường Hy vốn có sự tích anh hùng khuyến can được liên quân không đánh vào Sơn Tây, mưu sát Từ Hy... đang chuẩn bị tốt nghiệp. Trong lần thi tốt nghiệp cuối cùng ở học viện, Khổng Tường Hy đã đạt thành tích số 1. Theo qui định của trường này, những học viên tốt nghiệp ưu tú nhất của nhiều khóa học tại đây, nhà trường sẽ đài thọ cho sang Mỹ du học. Đầu đầu kỳ thi tốt nghiệp là Khổng Tường Hy và người đồ thứ hai là Phí Khởi Hạc, được coi là học sinh ưu tú của khóa này, được nhà trường tài trợ đưa sang học tại đại học Ao-pô-lin bang Ô-hai-ô nước Mỹ.

Mùa thu năm 1901, thầy giáo Mai-méch đã hộ tống Khổng Tường Hy và Phí Khởi Hạc từ bến đường Cô của Thiên Tân, đi tàu biển tới Thượng Hải, qua Nhật Bản chuyển tàu sang Mỹ đến đại học Ao-pô-lin nhập học.

Từ 1901 đến 1904, Khổng Tường Hy đã học ở đại học nói trên 4 năm. Hai năm đầu chủ yếu là học về khoa học tự nhiên và chuyên sâu vào lý, hóa mong rằng sẽ đạt thành tựu trong hai môn này, sẽ mang nghề nghiệp ra cứu nước. Hai năm sau, lại chuyển sang nghiên cứu về khoa học xã hội, mong muốn tìm trong chế độ xã hội của Mỹ để có được "liều thuốc tiên" mang về cứu nước cứu dân. Do không ổn định vào một môn học nào khiến cho Khổng Tường Hy bị hạn chế rất nhiều trong sự tiến bộ và phát triển học nghiệp. Năm 1905, sau khi tốt nghiệp Đại học, Khổng Tường Hy quyết định ở lại nước Mỹ để tiếp tục học thêm. Mùa thu năm ấy, Khổng Tường Hy đã thi được vào viện nghiên cứu của đại học Dê-ru có lịch sử lâu đời và nổi tiếng thế giới; đi sâu vào học ngành mỏ và khai khoáng với mục đích là sau này về nước sẽ khai nguồn tài nguyên ngầm giàu có ở Trung Quốc.

Trong thời gian này, Khổng Tường Hy đã gặp con người mà mình ao ước gặp mặt từ lâu là Tôn Trung Sơn. Lần gặp gỡ này có rất nhiều bổ ích cho việc lập thân cả đời của Khổng Tường Hy sau này. Mùa thu năm 1907, học sinh của đại học Ao-pô-lin, thạc sĩ lý hóa của đại học Dê-ru Khổng Tường Hy ôm ấp một nguyện vọng lớn lao, vượt muôn trùng sóng biển, trở lại Thái Cốc tỉnh Sơn Tây.

Khổng Tường Hy quyết tâm khôi phục sự nghiệp của giáo hội ở Thái Cốc từ Canh Tý trở về trước, muốn thế thì trước hết phải bắt đầu từ giáo dục. Được sự tài trợ của trường đại học Ao-pô-lin nước Mỹ, Khổng Tường Hy mở một trường tiểu học tại Viện Minh Đạo, hội công lý đạo Cơ đốc ở phố Cửa Nam Thái Cốc. Sau này lại chuyển đến Hoa Viên họ Mạnh ở Dương gia trang bên ngoài Đông quan và tăng thêm hệ trung học, đó tức là Danh Hiền học hiệu.

Danh Hiền học hiệu dưới sự tài trợ của nước ngoài, phát triển rất nhanh đến mức có thể sánh với trung học Nam Khai của Thiên Tân, trung học phụ thuộc đại học sư phạm Bắc Kinh. Như vậy người sáng lập ra "Danh Hiền" là Khổng Tường Hy

làm sao mà chẳng tự hào và vừa lòng?

Sự nghiệp mới bắt đầu có kết quả, Khổng Tường Hy cũng đến lúc lập gia đình. Năm 1908, Khổng Tường Hy đã gần đến tuổi "nhi lập", theo phong tục của quê nhà ở Thái Cốc, đã làm lễ cưới với một cô gái tên là Hàn Ngọc Mai. Hàn Ngọc Mai là một cô bé mồ côi, từ nhỏ đã được nhà trường của giáo hội ở Thái Nguyên nhận nuôi dạy, là một cô gái thanh tú đoan trang, thon thả yếu điệu, tính tình lại nhu mì, có học và biết lễ nghi. Hai người cưới nhau xong, chung sống với nhau rất hạnh phúc, kính nể nhau, chồng nói vợ nghe, vô cùng hòa hợp. Thế nhưng, ngày vui chẳng dài, Hàn Ngọc Mai vốn lâu ngày sống trong sự ép buộc của lễ nghi tôn giáo, cơ thể lại gầy yếu, nên mắc bệnh lao, chưa kịp sinh cho họ Khổng mụn con trai con gái nào, năm 1912 bỗng từ giã cõi đời. Khổng Tường Hy đau đớn không sao kể xiết, tinh thần bỗng trở nên hốt hoảng hụt hẫng. Nhưng lý tưởng cứu nước lớn lao và công việc bận rộn trong tay không cho phép ông được có thì giờ mà hả nỗi đau thương. Tháng 7 năm 1913, Tôn Trung Sơn lãnh đạo và phát động cuộc "Cách mạng lần thứ hai", dấy quân trừng phạt Viên Thế Khải. Từ Sơn Tây xa xôi Khổng Tường Hy cũng lên tiếng trả lời và hưởng ứng lời mời của Tôn Trung Sơn, giao lại công việc của trường "Danh Hiền", một mình đi Thượng Hải gánh vác công việc cách mạng.

Thế nhưng cuộc "Cách mạng lần thứ hai" lại nhanh chóng bị thất bại, những người theo Quốc dân đảng đã không còn chỗ đứng ở trong nước. Tôn Trung Sơn, Hoàng Hưng, Lý Liệt Quân, Hồ Hán Dân... đều trốn ra lánh nạn ở Nhật Bản. Khổng Tường Hy vì quan hệ rất mật thiết với "tên tội phạm quan trọng bị truy nã" Tôn Trung Sơn nên cũng bị vây cánh của Viên Thế Khải chú ý. Ông cũng quyết định trốn sang Nhật Bản, tiếp tục theo Tôn Trung Sơn.

Cũng đúng vào lúc đó, hội trưởng Hội thanh niên Cơ đốc giáo Trung Hoa là một người nước ngoài, ông Jôn Rô-môt, đã mời Khổng Tường Hy sang Nhật làm Tổng cán sự của Hội thanh niên Cơ đốc giáo Trung Hoa tại Nhật Bản. Khổng Tường Hy bị đau đớn nặng nề cả trong hôn nhân và sự nghiệp, nên đã chấp nhận lời mời đó.

Qua biển lớn mênh mông trời nước một màu, Khổng Tường Hy đến Tôkyô Nhật Bản, nhận chức tổng cán sự Hội thanh niên Cơ đốc giáo Trung Hoa tại Nhật Bản, làm công tác giáo hội. Đồng thời, còn dưới cái vỏ bọc này, ngầm làm công tác lạc quyền kinh phí cho Quốc dân đảng.

Sau khi "Cách mạng lần thứ hai" thất bại, Tôn Trung Sơn nhận thức ra nguyên nhân chính của sự thất bại là do đảng Cách mạng "tán mạn không thống nhất", "đảng viên đều độc đoán riêng rẽ, ai làm việc nấy". Ông chủ trương cải tổ Quốc dân đảng thành lập Trung Hoa Cách mạng đảng, "phàm những ai vào đảng phải viết đơn hứa hẹn, không hề thối mác và chấp nhận hậu quả" và lăm tay điểm chỉ, biểu thị sự

chân thành. Lúc đó nhiều người phản đối cách làm gần như chuyên chế và làm nhục nhân cách này. Nhưng những người như Trần Kỳ Mỹ, Trương Tĩnh Giang lại tỏ ra ủng hộ, xin thẻ gia nhập Trung Hoa Cách mạng đảng. Khổng Tường Hy cũng chủ động ký tên xin thẻ tham gia. Ông là một tín đồ trung thực của Tôn Trung Sơn.

II. KHÔNG TUỜNG HY VÀ TÔN TRUNG SƠN THÀNH ANH EM ĐỒNG HAO

Tôn Trung Sơn hỏi vợ bị trục trặc

Năm 1910, cầm trong tay tấm bằng tốt nghiệp của học viện nữ học Dết-li-an, Tống Ái Linh chia tay hai người em gái của mình đang học ở các lớp dưới trường này, mặc bộ âu phục kiểu Mỹ rất hợp thời trang, trở lại với Tổ quốc đang trong cơn gió bụi khôn lường. Lúc đó, người cha của cô gái này đang là thành viên của một đảng bí mật đang ra sức giải thích, trình bày cho chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Ông chẳng những che đậy cho mọi hoạt động bí mật của Tôn Trung Sơn bằng những hoạt động tôn giáo, hơn nữa còn dùng số tiền kiếm được qua hoạt động xuất bản, tài trợ cho mọi công việc cách mạng của Tôn Trung Sơn.

Sau khi bùng nổ cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, Tôn Trung Sơn từ nước ngoài trở về Thượng Hải, ở ngay trong nhà của Tống Diệu Như. Khi ông đi Nam Kinh nhận chức tổng thống lâm thời, cả nhà Tống Diệu Như đã cùng đi với ông. Trong buổi lễ nhậm chức tổng thống, Tống Diệu Như, Nghê Quế Trân, Tống Ái Linh, Tống Tử An... đều ngồi trên hàng ghế đầu.

Không lâu sau, thành quả của cách mạng Tân Hợi bị Viên Thế Khải cướp không, Tôn Trung Sơn được giao cho làm đốc biện của ngành đường sắt toàn quốc, Tống Diệu Như làm vụ trưởng vụ tài vụ của đường sắt toàn quốc, Tống Ái Linh lãnh nhiệm vụ làm thư ký Anh văn cho Tôn Trung Sơn. Cả nhà họ Tống công khai liên kết chặt chẽ với Tôn Trung Sơn.

Tôn Trung Sơn ngây thơ cho rằng thời cơ phát triển thực nghiệp ở Trung Quốc đã đến, ông dự tính trong 10 năm sẽ xây dựng 100.000 km đường sắt. Thế là ông đã ngồi lên toa tàu đặc biệt mà Từ Hy thái hậu vẫn chuyên dùng bắt đầu chu du trong nước để khảo sát tình hình đường sắt và quy hoạch việc xây dựng đường sắt. Nhân viên tùy tùng đương nhiên không thể thiếu cô thư ký Anh văn Tống Ái Linh của ông, ngoài ra còn cả nhà báo quốc tịch Ôt-trây-lia.

Với Tôn Trung Sơn, xây dựng đường sắt là con đường duy nhất để Trung Quốc thoát ra khỏi nghèo nàn lạc hậu. Nước Mỹ trước khi xây dựng đường sắt cũng rất nghèo, nhưng sau khi vay vốn xây dựng 200.000 dặm Anh đường sắt, bỗng vượt hẳn lên thành một nước giàu có hàng đầu thế giới. Trung Quốc muốn giàu, muốn vươn lên mạnh mẽ, cũng cần phải vay vốn mà xây dựng đường sắt. Ông bắt đầu ra

tay.

Ông cử người đi các nước Âu Mỹ du thuyết các chủ ngân hàng, các nhà giàu có, các nhà tài phiệt, để mong qua họ mà gom góp được ít vốn liếng. Nhưng ngoài việc ký được với một công ty ở Luân Đôn một bản hợp đồng ngoài ra chẳng có kết quả gì. Không lâu sau, đại chiến thế giới lần thứ nhất bùng nổ, mọi cố gắng đều tan tành hết. Sự phấn đấu nhiệt tình của Tôn Trung Sơn ngày càng suy giảm, tính nóng nảy thì ngày càng tăng. Một hôm, Đôn-na bước vào phòng làm việc của Tôn Trung Sơn ở Thượng Hải, lúc ấy, Ái Linh đưa tới một ít văn bản, sau đó đi ra. Tôn Trung Sơn nhìn mãi theo sau, nói:

– Tôi muốn lấy cô ta.

– Tốt nhất, ông hãy nên bỏ ý định đó đi – Đôn-na lạnh lẽo khuyên – Ông là người đã có cửa nhà, có nơi có chốn rồi.

– Tôi sẽ ly dị với vợ tôi trước.

– Xem ra ông đã sớm có tình ý với Ái Linh.

– Nhưng Ái Linh là con gái của Tống Sác-li, mà Sác-li lại là bạn thân nhất của ông. Không có ông ta, ông làm gì có ngày hôm nay, còn nói đến Ái Linh và mấy người con khác của ông ta, ông là bậc cha chú của chúng, họ như con của ông vậy.

– Tôi biết, tôi biết, nhưng tôi cứ muốn lấy cô ấy.

Hôm ấy, Tôn Trung Sơn yêu cầu Đôn-na cùng đến nhà họ Tống. Ông định nói toạc ra việc muốn cầu hôn với Ái Linh.

Tống Diệu Như không thể nào nghĩ được rằng người bạn ông luôn kính trọng và hết lòng tin tưởng, ủng hộ này lại nêu ra một vấn đề như thế, ông ngạc nhiên đến ngẩn người, một lúc sau, ông mới ngả đầu vào lưng ghế, hạ thấp giọng xuống nói:

– Dật Tiên, tôi là tín đồ Cơ đốc, tôi luôn luôn cho rằng anh cũng thế. Tôi nuôi con lớn lên, không phải để chúng tùy tiện như anh muốn, tôi không thích giao du với hạng người coi hôn nhân như một thứ trò đùa. Cả vợ tôi đều là tín đồ Cơ đốc giáo, nếu như thượng đế không vứt bỏ, chúng tôi sẽ mãi mãi như thế.

Tôn Trung Sơn hình như không tính tới chuyện này, hốt hoảng không biết làm thế nào cho phải.

– Anh đi đi, Dật Tiên, sau này đừng đến đây nữa, mãi mãi đừng bao giờ đặt chân đến cửa nhà này!

Tổng Diệu Như uể oải đưa tay làm động tác đuổi Tôn Trung Sơn ra cửa. Lời của người bạn thân như tát một chậu nước lạnh vào đầu Tôn Trung Sơn, nhưng cuối cùng người khiến cho đầu óc ông tỉnh lại là Ái Linh mà ông từng theo đuổi.

Tổng Ái Linh là người thuộc phái hiện thực, bà muốn theo đuổi một ngành doanh nghiệp nào đó. Nhưng Tôn Trung Sơn lại luôn sống bằng ảo tưởng, luôn chạy theo một cách khở sở một thứ tín ngưỡng xa vời, cuối cùng chẳng đi đến một kết quả gì và gia đình họ Tổng cũng bị liên lụy, không yên ổn. Bà cũng đã nói với Tôn Trung Sơn bà sẽ không bao giờ lấy ông.

Năm 1913, với một dã tâm đen tối, Viên Thế Khải bắt đầu phản công lại những đảng viên cách mạng như Tôn Trung Sơn và hàng loạt người khác cũng trở thành mục tiêu bị chém giết, họ phải chạy trốn sang Nhật Bản. Vì có quan hệ mật thiết với Tôn Trung Sơn, Tổng Diệu Như cũng đang ở trong vòng nguy hiểm, cũng cần phải trốn tránh ra nước ngoài. Thế là ông mang cả bầu đoàn thể tử: Nghê Quế Trân, Ái Linh, Tử An, Tử Lương, (Khánh Linh, Tử Văn và Mỹ Linh đang học ở Mỹ) trốn ra tô giới ở Thượng Hải, lên một chiếc tàu của phái đỏ, sang cảng Cô Bê của Nhật Bản.

Cả nhà họ Tổng thành ra dân tị nạn chính trị.

Tổng Ái Linh vẫn làm thư ký Anh văn cho Tôn Trung Sơn.

Thái sơn đất mới, nói duyên lành

Sau khi Không Tường Hy sang Nhật làm tổng cán sự cho hội thanh niên Cơ đốc giáo, chủ yếu là hoạt động cách mạng dưới sự che chở của cái vỏ đó, nhưng ông cũng không quên "ở vị trí này, mưu chính sự cho tổ chức ấy". Để khôi phục lại thanh thế cho hội thanh niên này, ông mang hết những điều đã học trong đời, cố gắng giành giật, nay chỗ này mai chỗ khác, đi khắp các nơi trong đảo để hoạt động "làm đến nơi đến chốn, khai thác mọi tiềm tàng". Hội thanh niên Cơ đốc giáo Trung Hoa tại Nhật Bản, được Không Tường Hy chấn chỉnh lại, đã thay đổi được không khí chìm đắm trước đây bằng một sức sống nổi mới.

Hội thanh niên chấn hưng, làm cho tiếng tăm của Không Tường Hy trong cộng đồng người Hoa nổi như cồn, người hâm mộ tìm đến hỏi han nói nhau không dứt. Một hôm, Tổng Diệu Như mang cả nhà chạy trốn sang Nhật cũng tìm đến hội thanh niên. Không Tường Hy đã ân cần tiếp đãi ông già được mọi người yêu mến đó. Trong lúc chuyện trò, Không Tường Hy đã nhắc lại một câu chuyện cũ. Năm 1906, trong một lần gặp gỡ xã giao ở New York, Không Tường Hy đã từng gặp Tổng Ái Linh. Lúc ấy, Không Tường Hy đang vui đầu ở viện nghiên cứu đại học Dê-ru để giành học vị thạc sĩ, còn Tổng Ái Linh đang học ở viện nữ học.

Lúc đó, họ chẳng để lại cho nhau ấn tượng gì sâu sắc. Nhưng lúc này nghĩ đến, lại cảm thấy rất có duyên phận.

Tổng Diệu Như vốn rất hâm mộ Không Tường Hy, nghe thấy anh nói thế, bỗng cảm thấy con người dòng dõi cao môn vọng tộc này lại rất hợp với cô con gái lớn của mình. Ông bắt đầu nhìn Không Tường Hy bằng con mắt của bố vợ nhìn con rể: Không Tường Hy hơi thấp béo, nhưng đôi mắt sáng lại để lộ ra tài năng quản lý tài chính, lời nói cử chỉ nho nhã khiêm nhường song lại không mất đi sức sống và lý tưởng của tuổi trẻ. Ngoài ra, Không Tường Hy lại là tín đồ Cơ đốc giáo và cũng du học ở Mỹ. Bất kể mặt nào, đều tương xứng với Ái Linh. Có ý nghĩ như vậy rồi, Tổng Diệu Như liền nhiệt tình mời Không Tường Hy tới nhà chơi. Không Tường Hy vui vẻ nhận lời. Chẳng có ngờ đâu chỉ một buổi nói chuyện phiếm mà vô hình trung, chàng đã bén nhân duyên cho cả cuộc đời.

Theo lời hẹn, Không Tường Hy tới nhà họ Tổng. Khi gặp lại người con gái lớn của nhà họ Tổng đã xa nhau 8 năm trời, chàng mới phát hiện ra cô học sinh then thò e lệ năm nào, sớm đã trở thành một cô gái đoan trang có phong tư tuyệt diệu đến mê người, và chàng bỗng thấy thảng thốt và xúc động.

Bữa cơm tối bắt đầu, người trong nhà vây quanh bàn ăn, Không Tường Hy và Tổng Ái Linh lần lượt ngồi ở hai bên phải, trái của Tổng Diệu Như. Họ vừa ăn vừa nói chuyện. Từ buổi đầu gặp nhau trong buổi họp mặt xã giao, họ nói đến quá trình lưu học ở Mỹ của từng người, rồi lại nói đến những công tác cách mạng sau khi về nước, cuối cùng họ còn nhắc lại cả chuyện thú vị ở trường học của giáo hội những năm còn bé. Hai người càng nói càng say sưa và hợp chuyện nhau, y như họ đã gặp nhau từ lâu. Ăn cơm xong, phải chia tay nhau họ tỏ ra lưu luyến.

Trái tim lạnh lẽo của Không Tường Hy đã ấm trở lại.

Trái tim non trẻ của Ái Linh bắt đầu xao động.

Lúc ấy, Tổng Ái Linh vẫn làm thư ký cho Tôn Trung Sơn, công việc khá bận rộn. Khi rảnh rỗi, Không Tường Hy lại đến giúp Ái Linh xử lý các văn bản giấy tờ, tiếp xúc ngày càng nhiều, hiểu biết nhau cũng sâu sắc hơn, Tổng Ái Linh nhận thấy Không Tường Hy khiêm nhường với mọi người, có năng lực công tác, và "kiếm tiền cũng rất đúng cách", "hầu như có bản lĩnh quản lý tài chính trời cho". Không Tường Hy thì cho rằng cô tiểu thư họ Tổng ôn hòa, nhã nhặn, giải quyết công việc nhanh chóng và thành thạo, là bậc hào kiệt trong đám chị em mà ông "thực sự khâm phục". Với sự mến phục và yêu thương của cả hai bên, hai người rất nhanh chóng bước tới đỉnh cao của tình ái và nói đến chuyện cưới nhau. Mùa xuân năm 1914, Không Tường Hy và Tổng Ái Linh đã theo đúng nghi lễ của đạo Cơ đốc, làm lễ cưới tại một ngôi nhà thờ lọt vào giữa vùng núi đá ở đảo Hoàn Tân. Hôm ấy, Ái Linh

mặc bộ đồ cưới bằng gấm hồng bên trên có thêu hình bông mai đỏ sẫm. Trên đầu cài chiếc nơ hình hoa mai rất đẹp. Quy mô lễ cưới không lớn lắm, chỉ có người nhà họ Tống, người anh họ của Khổng Tường Hy và một vài người bạn thân của ông đến dự.

"Buổi sáng sớm hôm làm lễ cưới, cả đảo Hoàn Tân mưa như trút nước. Mưa đã làm những cánh hoa anh đào phớt hồng rụng đầy mặt đất, trôi cả xuống cống rãnh, rồi chúng tụ lại với nhau từng mảng, quay cuồng theo xoáy nước, đổ ra vịnh Tokyo, trôi dập dờn trên mặt biển trắng như bạc. Bầu không khí cũng nồng nàn mùi đất ẩm". Thế nhưng đến lúc cô dâu chú rể cất bước đi ra nhà thờ, mặt trời ở đâu hiện ra tươi cười như trong một kỳ tích. Đến lúc nhà họ Tống ăn xong bữa tiệc cưới, Ái Linh lại đổi sang mặc bộ đồ lụa màu xanh da táo, trên có thêu chim bay màu vàng, hai vợ chồng ngồi xe tới những thắng cảnh nổi tiếng là Liêm Thương để hưởng tuần trăng mật. Ánh mặt trời như vàng lọc qua kẽ lá của những hàng cây mọc ở hai bên đường, rải trên mũ xe cưới. Họ bước ra khỏi xe, đang định bước vào khách sạn Liêm Thương, mưa rào lại trút nước xuống như thác đổ. Thời tiết làm đẹp cho người như thế, bỗng nhiên Khổng Tường Hy phải thốt lên: "Đây là điềm đại cát đại lợi". Người đời sau còn vì thế mà làm một câu đối:

Mưa thuận gió hòa, bởi trời kia làm đẹp giúp ta.

Mối duyên vàng ngọc, nhờ non Thái xe giùm chỉ thắm.

Chị ra đi, dì lại đến

Khi Tống Ái Linh sắp sửa cưới, đã đề nghị với Tôn Trung Sơn, để em gái mình là Khánh Linh thay thế công tác của mình. Tôn Trung Sơn vui vẻ đồng ý ngay. Được làm việc bên cạnh người mà mình luôn luôn ngưỡng mộ, Khánh Linh cũng rất vui mừng và đã tiếp nhận công việc đó. Từ đó, Tống Khánh Linh bắt đầu làm việc bên cạnh Tôn Trung Sơn, sau khi Tôn Trung Sơn được Tống Khánh Linh hỗ trợ, văn bản giấy tờ ngày càng trở nên ngăn nắp gọn gàng. Sự kết hợp hài hòa trong công việc, cùng với lý tưởng chung đã khiến hai người rất mau chóng đến với nhau, và tới năm 1915 họ đã kết thành đôi bạn cách mạng.

Tống Khánh Linh rời thành phố Mai-con vào tháng 6 năm 1913, qua Pôt-ston, cắt ngang lục địa nước Mỹ đến San Fran-xit-cô ở bang Ca-li-fooc-nia. Đến ngày 29 tháng 8 tới Hoàn Tân của Nhật Bản. Tống Diệu Như đang lánh nạn ở đây đã ra tận cảng đón. Tống Khánh Linh nghĩ tưởng rằng do tình hình trong nước loạn lạc nên cha mình và cả nhà sang đón tận Nhật Bản, như vậy thì thời gian ở lại Nhật Bản sẽ không lâu. Lúc đó Khánh Linh không thể ngờ được rằng, lần này về đến Nhật Bản lại phải ở đây đến hơn hai năm, và đặt nền móng cho sự phấn đấu suốt đời mình, rồi cùng từ đây hiến thân cho cách mạng, kết hợp chặt chẽ với Tôn Trung Sơn.

Buổi tối thứ hai sau khi đến Hoàn Tân, Tống Khánh Linh được cha mẹ và chị mình đưa tới thăm Tôn Trung Sơn tại chỗ ở của ông, đây là từ sau khi lớn lên đến lúc này "họ gặp nhau lần đầu". Sự quen biết này, đối với bà có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với Tôn Trung Sơn. Đã khá lâu rồi, Tống Khánh Linh thường xuyên nghe nói Tôn Trung Sơn là một vị anh hùng dân tộc và lại là người bạn thân nhất của cha mình cho nên nhiệt tình cháy bỏng đối với Trung Quốc và cuộc đấu tranh vĩ đại, vốn dồn chứa trong tim bà, rất nhanh chóng trở thành sự sùng kính cá nhân đối với một nhân vật anh hùng. Đúng vậy, thấy nhân vật anh hùng mà mình hằng ngưỡng mộ đang ở ngay trước mặt, Khánh Linh đã vô cùng xúc động chào ông, thăm hỏi ông và trao cho ông một thùng trái cây Ca-li-fooc-nia và một bức thư tay của một người đồng tình với ông nhờ chuyển tới.

Lúc đó tình hình cách mạng trong nước của Trung Quốc đang lâm vào nghịch cảnh, rất nhiều đảng viên cách mạng hoặc là thôi chí nằm yên, hoặc đầu hàng chia rẽ, Tôn Trung Sơn đang cần có người ủng hộ. Lúc này Tống Khánh Linh đến giúp cha mình và chị gái phối hợp với Tôn Trung Sơn. Theo sự ghi chép trong hồ sơ của ngoại vụ Nhật Bản, trong vòng 10 ngày từ 16 đến 25 tháng 9 năm ấy, Tống Khánh Linh đã 8 lần được cha và chị dẫn tới chỗ ở của Tôn Trung Sơn và tiếp xúc với những nhân vật quan trọng của Quốc dân đảng như Trương Kế, Mã Tổ. Hiển nhiên là họ đang bồi dưỡng để Khánh Linh quen thuộc với công việc của một thư ký.

Năm 1914, vì Ái Linh bận rộn với những công việc trước khi làm lễ cưới với Khổng Tường Hy, Khánh Linh đã gánh vác ngày càng nhiều phần việc của một thư ký, đến tháng 9, được sự đồng ý của Tôn Trung Sơn, bà chính thức tiếp nhận phần việc của người chị.

Thời gian này, Tôn Trung Sơn đang đúc kết những bài học thất bại của "hai lần cách mạng", bắt đầu làm lại công việc một cách chắc chắn, sáng lập ra tạp chí "Dân quốc" chống lại Viên Thế Khải, mở trường chính trị để đào tạo cán bộ, tăng cường sự lãnh đạo của cơ quan cách mạng. Ngoài ra còn lãnh đạo trong nước đẩy lên hàng loạt cuộc khởi nghĩa vũ trang và các hoạt động ám sát. Nhưng những hoạt động mạo hiểm về quân sự xa rời quần chúng này liên tục bị thất bại. Con đường đi lên lại bị một lớp mây mù che phủ.

Trong những ngày nguy nan này, Tôn Trung Sơn đã nhận được ở Tống Khánh Linh sự ủng hộ và cổ vũ lớn lao. Bà đã tích cực phối hợp làm việc với Tôn Trung Sơn, gánh vác mọi công việc như chỉnh lý văn bản, xử lý giấy tờ, cung cấp tư liệu, quản lý kinh phí cách mạng và chia sẻ với ông nhiều công việc nặng nhọc hằng ngày... trở thành một người trợ thủ đắc lực và không thể xa rời trong sự nghiệp của ông. Tôn Trung Sơn cũng rất tin tưởng bà, giao cho bà quản lý tất cả mọi mặt mã cơ yếu, còn giao cho bà đảm nhiệm cả một số công việc liên lạc đối ngoại. Cùng làm

việc với Tôn Trung Sơn, Tống Khánh Linh luôn luôn thấy trong lòng có mối cảm tình nồng cháy, bà ý thức được rằng mình đang dần thân vào một mục tiêu có tính chất lịch sử. Bà viết thư cho Mỹ Linh đang học ở Mỹ, nói rằng: "chị chưa bao giờ thấy vui vẻ như thế này, chị nghĩ rằng, công việc này chị đã muốn làm ngay khi còn là một cô bé. Chị quả thực là đang đến gần trung tâm của phong trào cách mạng". Cùng chung sống với Tôn Trung Sơn, Tống Khánh Linh còn được cảm nhận và hun đúc bởi phẩm chất cao quý và tinh thần cách mạng của ông, nâng cao được nhận thức về nhiều vấn đề hiện thực và lý luận, tăng cường lòng tin và tích cực cách mạng, họ ngấm ngấm yêu nhau, và đến đầu năm 1915 đã nói đến chuyện cưới nhau.

Thế nhưng, trong nhà Tôn Trung Sơn còn có vợ, có con. Bà vợ Lư Mộ Trinh là một phụ nữ cũ kỹ không được ăn học, được cha mẹ sắp đặt, từ lúc còn nhỏ đã gả sang nhà họ Tôn, chỉ biết đẻ con và lo liệu công việc gia đình. Nhưng sau khi cưới, Tôn Trung Sơn lại đi học ở thư viện trung ương Hong Kong, chỉ có lúc nghỉ hè nghỉ đông mới về sum họp. Năm 1895 sau khi khởi nghĩa Quảng Châu thất bại, Tôn Trung Sơn bị chính phủ triều đình nhà Thanh truy nã nên phải lưu vong nước ngoài một thời gian dài, rất ít có dịp về thăm quê. Lư Mộ Trinh chỉ chung sống với ông có mấy tháng tại Hô-nô-lu-lu sau này họ cũng ít dịp được chung sống với nhau. Ngoài ra, Lư Mộ Trinh là người vốn ít được học hành, không thông cảm và hiểu được lý tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn, lại càng phản đối cuộc sống nay đây mai đó vất vả của ông, trên con đường cách mạng, họ là hai người xa lạ, cũng từ đó đã xảy ra sự rạn nứt và xa cách trong tình cảm.

Sau khi cách mạng Tân Hợi thắng lợi, khi Tôn Trung Sơn nhậm chức tổng thống lâm thời, Lư Mộ Trinh có đến Nam Kinh săn sóc chồng một thời gian. Sau khi "Cách mạng lần thứ hai" thất bại, tình hình sức khỏe của Tôn Trung Sơn ngày càng trở nên tồi tệ, trong khi công tác ngày một nặng nề hơn, ông mong muốn luôn có phu nhân ở bên cạnh để săn sóc an ủi. Nhưng Lư Mộ Trinh lại muốn sống yên ổn, không muốn long đong nay đây mai đó với chồng, thế là trong khi Tôn Trung Sơn sống lưu vong ở Nhật Bản, bà Lư Mộ Trinh đã quay về Ma Cao, hai người bắt đầu thật sự sống ly thân.

Tống Khánh Linh cũng bị cả nhà cực lực phản đối. Tháng 6 năm 1915, Tống Khánh Linh đã về Thượng Hải hỏi ý kiến gia đình về chuyện hôn nhân của mình. Tất cả mọi người đều cho rằng việc này rất không thích hợp, bởi vì tuổi tác hai bên chênh lệch nhau quá nhiều, Tôn Trung Sơn còn có vợ là Lư Mộ Trinh và ba người con cả trai cả gái, Khánh Linh nên dẹp bỏ ngay ý nghĩ không thiết thực ấy đi. Nhưng Khánh Linh vẫn kiên trì nói:

– Niềm vui sướng nhất của tôi, chỉ có được khi cùng làm việc với bác sĩ Tôn. Tôi tình nguyện làm tất cả những gì mà ông yêu cầu tôi làm, cũng như phải trả bằng

mọi giá kể cả sự hy sinh.

Người cha không còn cách nào xoay chuyển được ý nghĩ cố chấp của con gái mình, bèn ép Khánh Linh lên một căn phòng ở tầng hai, rồi vội vàng đi tìm một chàng rể khác và tuyên bố với bên ngoài: "Khánh Linh đã chính thức đính hôn với một người con nhà dòng dõi".

Khánh Linh rất phẫn nộ trước sự can thiệp thô bạo đó của gia đình, đã ngầm viết thư cho Tôn Trung Sơn mong được trở lại Nhật Bản. Lá thư do một người hầu gái lén mang đi gửi giúp. Tôn Trung Sơn lập tức trả lời thư nói rằng đang rất cần Khánh Linh. Nhưng cha Khánh Linh không cho đi, khóa trái cửa nhốt con gái trong phòng ngủ. Khánh Linh đã nhờ người hầu giữ thang, leo qua cửa sổ trốn ra, ngay đêm ấy đã xuống tàu sang cảng Kobe Nhật Bản.

Tháng 6 năm 1915 sau khi Khánh Linh về Thượng Hải, Tôn Trung Sơn đã đón vợ là Lư Mộ Trinh từ Ma Cao sang Tokyo, phối hợp làm thủ tục ly hôn. Bởi vì ông đã không quên nỗi Khánh Linh, khi gặp lại nhau, ông mới cảm thấy từ khi ra đời tới giờ đây mới là lần đầu gặp được tình yêu. Để đảm bảo địa vị cho Lư Mộ Trinh, Tôn Trung Sơn áp dụng cách sống ly thân, danh nghĩa là ly thân sống mỗi người một nơi, nhưng thực chất là ly dị. Sau khi ly dị, Lư Mộ Trinh vẫn trở về Ma Cao sống một mình, Tôn Khoa và con phụng dưỡng như trước.

Tổng Khánh Linh trốn ra khỏi nhà, đến cảng Kobe, "Đến được Kobe mới biết ông đã làm xong thủ tục ly dị, chuẩn bị làm lễ cưới tôi. Ông giải thích rằng, nếu không ly dị, người khác sẽ bảo tôi đi lấy lẽ, và những tin tức thêu dệt đó sẽ có hại cho cách mạng. Tôi đồng ý và cũng không có gì hối tiếc".

Ngày thứ hai sau khi đến Kobe, họ tìm đến nhà luật sư nổi tiếng của khu vực Ngưu Đạt là Đại Đình Ngũ phân địa và nhà Điền Đoan để làm mọi thủ tục. Và chính vị luật sư này đã dẫn họ đến tòa nhà thị chính Tokyo để đăng ký kết hôn và buổi ký kết "thư thệ ước".

Thư thệ ước

Lần này Tôn Trung Sơn và Tổng Khánh Lâm (*âm trệch đi nhưng dễ viết hơn chữ Linh trong từ Hán – Tác giả ghi chú*) đã ký kết hôn ước và lập ra những điều thệ ước sau đây:

1- Nhanh chóng làm thủ tục hôn nhân chính thức phù hợp với pháp luật Trung Quốc.

2- Trong tương lai, mãi mãi bảo vệ quan hệ vợ chồng, cùng cố gắng để tăng thêm

hạnh phúc giữa hai người.

3- Không may có xảy ra hành vi trái ngược với những điều thệ ước, dù có bị pháp luật hoặc xã hội phán xử thế nào cũng không được có bất kể một điều gì dị nghị; hơn nữa, để giữ được danh dự của mỗi người, mặc dù những người thân thuộc của bất kể bên nào, áp dụng bất kỳ biện pháp gì, cũng không được tỏ ra bất kể một lời oán giận nào. Những điều thệ ước trên đây, đều là lời thề của mỗi bên trước mặt người làm chứng và Điền Đoan. Việc thi hành lời thề ước cũng được sự giúp đỡ và đôn đốc của Điền Đoan.

Thệ ước này viết thành ba bản, mỗi bên giữ một bản.

Người thệ ước Tôn Văn (*ký, đóng dấu*)

Người thệ ước Tống Khánh Linh [\(1\)](#)

Người làm chứng và Điền Đoan (*đóng dấu*)

Ngày 26 tháng 10 năm 1915 [\(2\)](#)

Tất cả mọi thủ tục đã xong. Chiều hôm ấy, họ đi xe đến nhà Mai Ốc trang kết ở số nhà 350 phố Bách nhân khu Đại Cử Bảo, để làm một lễ cưới đơn giản.

Khánh Linh đội mũ rộng vành kết hoa, mặc bộ váy nền xanh hoa phốt hồng, riềm váy thêu ren trắng, tay ôm một bó hoa, vẻ mặt rạng rỡ xinh tươi. Tôn Trung Sơn thì mặc com-lê, vẻ mặt cũng tươi cười rạng rỡ và chững chạc đàng hoàng. Buổi lễ diễn ra trong căn phòng ở gác hai của nhà Mai Ốc. Khách mời có tới năm sáu chục người trong đó có rất nhiều nhân sĩ danh tiếng trong chính giới của Nhật Bản, đồng chí và bạn bè. Họ đã chúc mừng đôi vợ chồng mới. Vợ chồng Mai Ốc đã đứng ra làm chủ hôn để cô dâu, chú rể uống rượu chéo tay nhau trong tiếng "hát chúc phúc". Sau đó bắt đầu vào tiệc cưới.

Vì một lý tưởng cách mạng chung, Tôn Trung Sơn và Tống Khánh Linh đã tìm đến với nhau. Những người ủng hộ và đồng tình vì sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn ở trong và ngoài nước không ai là không lên tiếng tán thành. Ngoài ra, mỗi nhân duyên Tôn – Tống về mặt khách quan, còn mang lại sự thực không ai nghi ngờ được là một "vương triều không vương miện" của nhà Tống bắt đầu từ đây.

Nhà giàu nứt đổ đổ vách

Sau khi Tống Ái Linh lấy chồng, đã xin thôi công việc làm thư ký, đến ở nhà của Khổng Tường Hy tại Tokyo. Khổng Tường Hy lúc này đang dốc toàn lực phối hợp với Tôn Trung Sơn phát triển tổ chức đảng Cách mạng Trung Hoa, công việc hết sức

bận rộn. Ngoài việc xem sách báo hoặc thỉnh thoảng tiếp xúc xã giao ra, Tống Ái Linh còn giúp chồng mình chỉnh lý văn kiện giấy tờ, thanh toán sổ sách. Cứ như thế, hai người đã sống rất ngọt ngào ở một năm đầu mới cưới.

Đến năm 1915, sau khi lên ngôi tổng thống, Viên Thế Khải mạnh mẽ khua chiêng gióng trống diễn trò hồng hiền bỉ ối, gây nên sự phẫn nộ trong nhân dân cả nước. Những đảng viên cách mạng lưu vong ở Nhật Bản đã chú ý đến sự thay đổi về cục diện có lợi cho cách mạng này ở trong nước, quyết định cử người về nước, gây nên cuộc đấu tranh chống Viên Thế Khải. Không Tường Hy được điều về làm phái viên đặc biệt của đảng cách mạng Trung Hoa.

Không Tường Hy mang theo cả vợ mới cưới về nước. Hai năm trước khi mang theo một tâm hồn ám đạm trước cảnh gia đình và sự nghiệp đến với đất nước Phù Tang, thật không thể ngờ cuộc trốn chạy bắt buộc đó lại là một bước ngoặt quan trọng cho cuộc đời mình. Lần này về nước, Không Tường Hy mang cái vỏ là tăng thêm trang bị cho trường học Danh Hiền ở quê hương Thái Cốc, dự định nâng lên thành đại học. Trước khi về nước, ông đã có ý mua sắm số lớn sách báo tư liệu, đồ dùng dạy học... để làm vật nguy trang. Nhưng sau khi về đến nước, ông lại không về ngay Thái Cốc mà nhiều lần ra vào nhà các nhân vật quan trọng về quân sự và chính trị ở Thượng Hải, bí mật chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa vũ trang trong lục quân và hải quân đóng tại Thượng Hải. Hành động của Không Tường Hy rất nhanh chóng gây nên sự chú ý cho chính phủ Bắc Dương. Tình thế ép buộc, bất đắc dĩ vợ chồng họ Không đành phải tạm gác việc tổ chức khởi nghĩa vũ trang và sứ mạng đánh Viên bằng quân sự, quay về quê cũ ở Thái Cốc.

Từ Thượng Hải đi Thái Cốc, là một cuộc hành trình dài dằng dặc và đầy thú vị. Lúc bấy giờ đi Thái Cốc, đến đường bộ tử tế cũng còn chưa có. Hai người tìm mọi cách để đi được bằng xe lửa. Sau khi đến Du Thử, Ái Linh phải ngồi vào cái kiệu do 16 người khiêng, Không Tường Hy cỡi ngựa đi kèm ở bên cạnh để đi nốt quãng đường tới Thái Cốc.

Đây cũng là lần đầu tiên Ái Linh vào sâu trong nội địa thế này.

Trước khi đi, Ái Linh đã chuẩn bị sẵn mọi mặt để chịu đựng thử thách gian khổ trong cuộc sống, bởi vì cô luôn được nghe người ta nói về cuộc sống ở nội địa thô thiển và nguyên thủy đến mức nào. Thế nhưng, những căn phòng ở ưu việt của nhà họ Không đã làm cho Ái Linh sửng sốt. Nhà họ Không ở chín tòa nhà, tòa nào cũng được chạm trổ rất cầu kỳ và đẹp đẽ. Tiện nghi trong nhà phần lớn đều đóng bằng loại gỗ gụ cứng rắn từ Quảng Châu chở đến bằng xe ngựa. Vòng ngoài của khu nhà ở là một trang viên rộng tám chín chục mẫu đất do 500 người làm thuê trông coi. Ái Linh có nằm mơ cũng không thể thấy, ở một nơi thôn trại xa vắng tại vùng sâu Sơn

Tây lại có thể nhìn thấy một nơi thoáng đãng xinh đẹp như thế. Trước hết, vợ chồng Khổng Tường Hy lần lượt đi chào những người bề trên trong gia đình, sau đó dọn đến ở tại công quán giành cho hiệu trưởng trường Danh Hiền. Thầy trò trường Danh Hiền được tin thầy hiệu trưởng xa vắng hai năm nay đã trở về lo công việc nhà trường, sớm đã làm thay đổi khung cảnh nhà trường, trang trí lại phòng hiệu trưởng cho thật đẹp để sẵn sàng đón đợi.

Sau khi ổn định mọi việc, vợ chồng Khổng Tường Hy bắt đầu bận rộn với công việc tăng thêm phương tiện để dự định nâng thành đại học. Nhưng vừa đến lúc mọi công việc chuẩn bị đều cơ bản hoàn thành, sắp khai giảng, thì vị giáo sư đại học Ao-pơ-lin vẫn mời dạy từ trước, đột nhiên giờ què tỏ ý không muốn đến Trung Quốc dạy học nữa. Điều đó làm cho nhà trường vốn đã thiếu giáo viên lại càng lún sâu thêm vào trong khung cảnh quẩn bách, nay nếu muốn nhờ giảng viên ở nước ngoài, bắt buộc phải hoãn việc khai trương lại; ngay như có định mời một giáo sư ở các tỉnh ven biển để tạm thay vào đó, cũng không còn đủ thời gian nữa. Làm thế nào bây giờ?

Lúc khó lại ló cái khôn, tại sao không mời một vị giáo sư sò sò ngay trước mặt, vị hiệu trưởng phu nhân từng tốt nghiệp ở một học viện của Mỹ là Tống Ái Linh ra làm giảng viên cho nhà trường. Đó là một ý nghĩ rất mạnh dạn. Thái Cốc suy cho cùng không giống như Thượng Hải rộng lớn. Ở Thượng Hải, Tống Ái Linh từng du học ở nước ngoài, xuất hiện trong những trường hợp xã giao, luôn được mọi người hoan nghênh và kính trọng. Thế nhưng ở Thái Cốc, một người con gái trẻ, muốn có địa vị được mọi người tôn kính trong ngôi trường toàn là con trai này, quả thật khó khăn và là điều không ai chấp nhận.

Thế nhưng nhà trường đang thiếu người dạy, thế là Ái Linh đã mạnh dạn bước lên bục giảng. Ái Linh chủ yếu dạy tiếng Anh, đồng thời giám thị về vệ sinh và dạy môn vệ sinh môi trường. Cách giảng bài sinh động, hoạt bát và hấp dẫn của Ái Linh rất được học sinh yêu thích.

Sau này, nhớ lại quãng đời làm cô giáo ở đây, Tống Ái Linh khiêm nhường nói: "Tôi không xứng đáng làm công việc ấy, tôi tin rằng ngay như dạy ở một trường học rất bình thường tôi cũng không đủ tư cách. Sở dĩ tôi có thể dạy học được, cũng chẳng qua là do tình hình đặc biệt lúc bấy giờ, cũng là muốn chia sẻ nỗi lo âu với chồng tôi. Tôi nhớ lại có một lần trong giờ dạy tiếng Anh, một học sinh hỏi tôi, tại sao trong một câu phức hợp của tiếng Anh, có lúc lại không được lặp lại một danh từ? Tôi đã trả lời: "Ô! Điều đó tự nhiên rồi sẽ hiểu!". Đối với tôi, những vấn đề mà cả tôi lẫn học sinh đều không hiểu, thì đó là câu trả lời hay nhất. Từ đó trở đi, mỗi khi gặp vấn đề gì khó, tôi đều nói: "Ô! Điều đó tự nhiên rồi sẽ hiểu!".

Khi Tống Ái Linh lên bục giảng bài, bụng đã mang thai 6 tháng, nhưng hàng ngày vẫn chịu khó lên lớp, cho đến ngày 19 tháng 9 năm 1915, khi Khổng Lệnh Nghi oa oa chào đời, Tống Ái Linh mới rời khỏi bục giảng, chấm dứt quãng đời làm giảng viên đại học.

Khi Khổng Lệnh Nghi ra đời, Tống Ái Linh bị đẻ khó, bởi từ sau khi ở Nhật trở về, sức khỏe của Tống Ái Linh luôn luôn không được tốt, chẳng khác nào một con người thoát chết sau một tai nạn, tư tưởng thường có những chuyển biến đột ngột. Sau khi con gái Khổng Lệnh Nghi ra đời, Tống Ái Linh "mới lần đầu tiên tự đẩy lòng mình, cảm ơn thượng đế đại từ đại bi đã phù hộ cho cả hai mẹ con được bình an", từ đó "trở thành một tín đồ thực sự của đạo Cơ đốc". Mà trước đó, không hề có một sự thành tâm tin tưởng như thế.

Khổng Tường Hy sau khi chấm dứt một thời kỳ làm nhiệm vụ của trường Danh Hiền, bắt đầu trở lại với công việc chính trị.

Trong thời kỳ ở Sơn Tây, Khổng Tường Hy đã nhận lời mời của đốc quân Sơn Tây là Diêm Tích Sơn, ra nhận chức tham nghị, giúp Diêm trong việc tiếp xúc với người phương Tây, đẩy mạnh việc "cải cách chính quyền nông thôn" (thôn chính cải cách), rất được Diêm Tích Sơn tín nhiệm. Ngoài ra Khổng Tường Hy còn vươn tay cả tới miền Bắc, miền Đông, giao du với bọn quân phiệt như Trương Tác Lâm, Ngô Bồi Phù, gây mối quan hệ hết sức mật thiết. Năm 1922, Khổng Tường Hy từ chức tham nghị, nhận lời mời của Lỗ An Thiện hậu đốc biện của chính phủ Bắc Dương là Vương Chính Bình, tháng ba năm ấy đã đi Tế Nam nhậm chức trưởng phòng thực nghiệp văn phòng hậu đốc biện Lỗ An Thiện phối hợp với Vương giải quyết công việc thu hồi chủ quyền Thanh Đảo. Đầu tháng 12 lại từ Tế Nam đi Thanh Đảo, nhận chức cục trưởng cục điện thoại Giao Âu Thương Phụ, giải quyết công việc tiếp nhận. Đây là lần đầu tiên Khổng Tường Hy nhận một chức vụ của Chính phủ Bắc Dương và cũng là bước đầu ông bước vào con đường kẻ sĩ. Nhưng văn phòng hậu đốc Lỗ An Thiện chuyên môn giải quyết việc thu hồi chủ quyền Thanh Đảo chỉ là một cơ cấu tạm thời. Ngày 10 tháng 12 năm 1922, sau khi tiếp thu xong đã giải thể và rút đi. Khổng Tường Hy trở thành một nhân sĩ nhàn chức. Mùa xuân năm 1925, Vương Chính Bình lại đề nghị ông đến nhận chức "tọa biên" ở văn phòng đốc biện hội nghị Trung – Nga tại Bắc Kinh phụ trách việc lập lại quan hệ ngoại giao với Liên Xô, phối hợp làm việc với đốc biện Vương Chính Bình.

Bất kể là khi ở Sơn Tây, Sơn Đông hay khi nhận chức ở Bắc Kinh, Khổng Tường Hy luôn giữ quan hệ chặt chẽ với Tôn Trung Sơn, thực hiện trung thực mọi chỉ thị của Tôn Trung Sơn. Căn cứ vào tư tưởng chiến lược của Tôn Trung Sơn, ông đã tăng cường liên hệ với Trương Tác Lâm, mong xây dựng một liên minh chống lại chính phủ trung ương Bắc Kinh không chế trực hệ. Ông còn tuyên truyền cho Phùng Ngọc

Tường về "đại cương kiến quốc" của Tôn Trung Sơn, thúc giục cho Phùng càng thêm nghiêng về chính phủ cách mạng ở phía Nam, và năm 1924 đã làm cuộc "đảo chính Bắc Kinh", đuổi Tuyên Thống ra ngoài Hoàng cung. Trong thời kỳ Tôn Trung Sơn ốm nặng, Khổng Tường Hy lại luôn luôn săn sóc bên giường bệnh, trở thành người chứng kiến di chúc của thủ tướng, đã xây dựng nền móng cho địa vị chính trị không thể bị lung lay của Khổng Tường Hy trong Quốc dân đảng sau này.

Sau khi Tống Mỹ Linh lấy Tưởng Giới Thạch, Khổng Tường Hy lại là anh em đồng hao với Tưởng Giới Thạch, theo đà không ngừng được củng cố, địa vị Tưởng Giới Thạch trong quốc dân đảng, tiền đồ vẻ vang của Khổng Tường Hy cũng dần dần được mở ra.

Chương IV THỰC HU VỀ MỐI NHÂN DUYÊN TUỞNG

I. NGƯỜI CON GÁI KHÔNG NÉM NHE TÚ CẦU

Mối tình đầu của thiếu nữ không như bài ca

Năm 1915, khi Tống Khánh Linh lấy Tôn Trung Sơn, gây nên một làn sóng phản đối kịch liệt trong gia đình họ Tống, thì Tống Mỹ Linh đang du học ở Mỹ. Ông bố đã viết thư cho Mỹ Linh, tỏ ra rất giận và rất đau lòng. Vốn là một cô gái thông minh, Mỹ Linh đã đoán ngay được rằng cuộc hôn nhân này của chị hai mình sẽ mang tới một ảnh hưởng là: sau này bố mẹ sẽ bao biện làm thay cô trong việc hôn nhân để khỏi xảy ra một Khánh Linh thứ hai. Từ đó về sau Mỹ Linh bắt đầu chú ý đến những chàng trai ở bên cạnh mình.

Một hôm, cô đến đại học Ha-vớt để thăm anh trai là Tử Văn. Khi ngồi chờ ở phòng vẽ, một chàng trai Trung Quốc tuấn tú hào hoa đã nhìn thấy cô và bị sắc đẹp của cô hút lấy, hai người vừa gặp nhau đã phải lòng nhau, chuyện trò hết sức thoải mái. Đến khi Tử Văn bước ra giới thiệu, hai bên mới biết nhau: Một bên là Lưu Kỷ Văn, bạn thân của Tử Văn, một bên là Mỹ Linh, em gái yêu của Tử Văn. Một câu chuyện tình bắt đầu từ đây...

Lưu Kỷ Văn sinh ngày 19 tháng 10 năm 1890 tại huyện Đông, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, đời cha đời ông về trước sống bằng nghề sông nước. Vì cảnh nhà nghèo hèn nên bị xã hội khinh miệt. Nhưng Lưu Kỷ Văn từ bé vốn thông minh hiếu học và cũng học giỏi. Lúc này, Trung Quốc đang ở trong những năm tháng bị đe dọa nguy vong bởi sự chia cắt. Để cứu vãn sự trường tồn của đất nước, theo tiếng gọi của phong trào, nhiều chí sĩ, nhân sĩ của Trung Quốc đã xả thân vì nước. Những lời gào thét, hô hào cùng nghĩa cử của họ, đã thức tỉnh một tầng lớp thanh niên. Hoạt động yêu nước, cứu nước trong thanh niên học sinh ngày một sôi nổi. Trong dòng thác cách mạng đó, Lưu Kỷ Văn đã kết thân với một số thanh niên có tư tưởng tiến bộ, họ đã nắm tay nhau bước vào hàng ngũ đấu tranh cứu nước. Năm 1909 Lưu Kỷ Văn gia nhập Trung Quốc Đồng minh hội, được lệnh cùng với Đặng Trọng Nguyên, mở một cửa hàng gọi là "Khánh Lợi thương điểm" ở Thạch Chi Quả Lan, quê cũ của Tôn Trung Sơn để làm vỏ che cho một cơ quan cách mạng, khai triển các hoạt động bí mật.

Năm 1911 cách mạng Tân Hợi bùng nổ, năm 1912 Trung Hoa Dân quốc được thành lập. Một số lớn thanh niên cho rằng thời cơ tốt đẹp để "thực nghiệp cứu

nước" đã đến, họ lũ lượt ra du học ở nước ngoài, để học tập kỹ thuật của phương Tây. Mùa hè năm 1912, Lưu Kỳ Văn cũng lìa bỏ quê hương, vượt biển Đông sang đất nước Phù Tang vào học ở trường Thành Chí Tôkyô. Năm 1915 sau khi tốt nghiệp, lại thi vào đại học Tảo Đạo Điện, không lâu sau lại chuyển sang đại học Pháp chính, chuyên học môn chính trị kinh tế học. Lúc này, ở trong nước "cuộc cách mạng lần thứ hai" mong giành lại thành quả của cách mạng Tân Hợi cũng bị thất bại, Tôn Trung Sơn và một số người khác lại một lần nữa lưu vong sang Nhật Bản, tổ chức lại đảng Trung Hoa Cách mạng, định trỗi dậy một lần nữa. Lưu Kỳ Văn đang học tập ở Tôkyô đã tham gia hoạt động cải tổ của Tôn Trung Sơn và kiêm chức bí thư của ban liên lạc Đảng Trung Hoa Cách mạng tại Tôkyô.

Tháng 9 năm 1917 Tôn Trung Sơn trở về Quảng Châu tổ chức chính phủ quân sự hộ pháp, Lưu Kỳ Văn tốt nghiệp đại học Pháp chính của Nhật, cùng về nước với Tôn Trung Sơn. Không lâu sau đã nhận chức tư thư dưới trướng của Cố Ứng Phần trưởng ty chính vụ tỉnh Quảng Đông của chính phủ quân sự.

Lưu Kỳ Văn làm việc chuyên cần, nhanh nhẹn và sáng suốt, rất được Cố Ứng Phần tín nhiệm. Không lâu sau được thăng chức làm khoa viên. Cố Ứng Phần thấy Lưu chịu khó lại lễ phép, thông minh nên cũng có ý muốn ven vén xây dựng cho nên đã hứa gả con gái là Uyển Nghi cho Lưu. Lưu Kỳ Văn được sủng ái thành ra kính nể, vội vàng tuân lệnh. Nào ngờ đâu tiểu thư Uyển Nghi hồng nhan bạc mệnh, còn chưa tới buổi động phòng hoa chúc, đã đau ốm liên miên, rồi xuôi tay từ giã cõi đời. Lưu Kỳ Văn đứt ruột đứt gan, không sao tìm được cách để cứu vãn tính mạng cho Uyển Nghi, nhưng việc đó lại làm cho Cố Ứng Phần cảm động. Từ đó, đường công danh của Lưu Kỳ Văn nhẹ bước thang mây. Năm 1918 – 1919 nhậm chức giám đốc ngân hàng tỉnh Quảng Đông (Kim khó giám lý). Năm 1920 – 1921 làm trưởng ty quân nhu của Bộ lục quân, quân Quốc dân cách mạng; năm 1921 – 1922 nhậm chức trưởng phòng thẩm kế của thành phố Quảng Châu. Năm 1923 được thăng Cục trưởng thẩm kế đại bản doanh. Cuối năm 1925, với danh nghĩa khảo sát viên thị chính của chính quyền tỉnh Quảng Đông biệt phái sang Âu Mỹ, đã đến các thành phố và thủ đô các nước Âu Mỹ để khảo sát về xây dựng. Năm 1926 sau khi về nước, được bổ nhiệm làm ủy viên của ủy ban hành chính tỉnh Quảng Đông, kiêm trưởng ty Nông công cho đến ngày được bổ nhiệm làm thị trưởng đặc biệt của thành phố Nam Kinh.

Lưu Kỳ Văn chỉ có niềm cảm kích với tiểu thư Cố Uyển Nghi, còn ở nơi sâu thẳm của tình cảm, thì điều khắc khoải khó quên là câu chuyện tình với Tống Mỹ Linh mà hai người đan díu với nhau khi đến thăm người bạn thân ở Mỹ hồi năm 1916.

Trong căn phòng vẽ hôm ấy, Lưu Kỳ Văn và hai anh em họ Tống đã sống một buổi tối vô cùng thoải mái. Lưu Kỳ Văn đã kể những mẩu chuyện thú vị của mình

trong những ngày ở Nhật Bản cũng như phong tục tập quán của người Nhật Bản; Tử Văn và Mỹ Linh thì kể những điều tai nghe mắt thấy của mình trên đất Mỹ cùng cảm nghĩ khi sống xa đất nước. Ba người chuyện trò hết sức cởi mở. Cuối cùng, khi bịn rịn chia tay nhau trong tiếng dương cầm như suối chảy của Mỹ Linh, hai bên Lưu, Tống đã trở nên khó quên về nhau.

Mùa hè năm 1916, Tống Mỹ Linh định nghỉ một vụ hè cuối cùng ở Mỹ với hình thức du lịch. Cô muốn mời Lưu Kỳ Văn cùng đi. Lưu Kỳ Văn đã vui vẻ nhận lời mời.

Cuộc du lịch bắt đầu. Trước hết, họ đi tham quan khu phố Khách ở San Fran-xit-cô, đã nhìn thấy những kiến trúc cổ Trung Quốc với những mái đao, những vòm cong và như đã về tới Trung Quốc. Tiếp đó, họ lại đến thăm rạp chiếu bóng Lót-xan-phan, đi thăm công viên Hoàng Thạch, với qui mô lớn nhất và lịch sử lâu đời nhất nước Mỹ, đi thăm thác nước Niagala kỳ quan của Bắc Mỹ... Giữa cảnh thiên nhiên, Lưu Kỳ Văn mặc bộ quần áo thể thao màu ghi sọc trắng, khuôn mặt rám nắng ngồi lên dưới mái tóc trần hơi buông xõa xem ra có vẻ rất khỏe khoắn và hoạt bát. Chàng không hề bỏ lỡ thời cơ, luôn tay bấm máy ảnh, đưa vào ống kính của mình hình ảnh của Tống Mỹ Linh với khung cảnh như tranh như thơ, như mơ như mộng, như huyền ảo trong cảnh tiên. Sau khi trở về, trên mỗi tấm ảnh, lại đề thêm một bài thơ, ca ngợi nữ thần trong trái tim mình.

Trong lòng Mỹ Linh đang trào lên những đợt sóng ngầm, nó nói với cô đó là tình yêu, nhưng cô hơi e sợ. Khi học văn học Anh cô rất thích những cảnh chiến đấu dữ dội trong những truyền kỳ về kỵ sĩ của vua Ác-xơ, khi kỵ sĩ bung cái đầu bê bê máu của tình địch đến cầu hôn, thì tình yêu đã nảy sinh... Thế mà bây giờ, tất cả mọi thứ đều êm ả như vậy? Thế mà cũng gọi là tình yêu?

Cuộc du chơi mùa hè đã kết thúc, nhưng những kỷ ức tốt đẹp lại luôn luôn sôi động trong tim, tình cảm tốt đẹp vẫn tiếp tục sinh sôi. Không lâu sau, trước mặt anh trai Tống Tử Văn, Tống Mỹ Linh và Lưu Kỳ Văn đã "chính thức đính hôn". Lưu Kỳ Văn vui mừng nói:

– Điều này quả thực là đã cứu sống tôi! Chàng trông đợi: "Đến lúc nào thì làm lễ cưới".

Trung Quốc có câu ngạn ngữ: "Lời hứa ngàn vàng". Nhưng cũng lại có câu: "Lời nói gió bay, một xu chẳng đáng!". Những lời hẹn biển thề non lãng mạn ngây thơ của các cô gái chàng trai thanh tân, thường chỉ để lại những kỷ ức êm đềm của tuổi xuân.

Năm 1917, Tống Mỹ Linh đã học xong về nước, trở lại sống bên cha mẹ và dần dần thân vào các hoạt động của xã hội bạn rạn. Lời hứa hôn suông nơi cửa miệng dần

dần đã tan vào mây khói.

Năm 1917, Lưu Kỳ Văn từ Nhật Bản trở về, ngay sau đó cũng bước vào hoạt động chính trị. Không lâu sau Cổ Ứng Phần đã quyết định gọi anh về để gả con gái cho, Lưu Kỳ Văn nghe theo.

Câu chuyện tình xảy ra trên đất Mỹ, đã dừng lại ở đây!

Gái lớn đợi chờ ở phòng khuê

Tổng Mỹ Linh đã sống ở Mỹ 10 năm, mười năm có ý nghĩa quyết định nhất trong việc hình thành tính cách con người ở cô. Tổng Mỹ Linh từng nói mười năm đó "tôi đã đi khắp đất nước Mỹ, trên thực tế, bang nào của Mỹ, tôi cũng đều đi qua. Những dịp nghỉ hè hàng năm, nếu không đến với những người bạn của cha tôi, thì cũng đến thăm các bạn học của tôi", sống thoải mái và hài lòng. Mười năm sau, năm 1917, cô sinh viên du học ở Mỹ thân hình thon thả, nhanh nhẹn giỏi giang "chỉ còn mặt là giống người phương Đông" đã trở về Tổ quốc.

Còn lúc này, Tổng Mỹ Linh đã về nước được 8 năm "8 năm nay, những nữ sinh viên du học nước ngoài về dần dần đã trở nên quen mắt đối với người Thượng Hải, mấy năm sau, các cô gái du học trở về này lại lập nên một câu lạc bộ ở Thượng Hải. Tuy nhiên, hành vi của Mỹ Linh vẫn khiến cho mọi người ở đây cảm thấy khó hiểu". Trước hết là cô mặc toàn đồ Tây, hoặc đội trên đầu một cái mũ có vành, hoặc mặc một bộ trang phục Thượng Hải bó sát sát mình; hoặc thân nhiên mặc một bộ đồ kỵ sĩ may cắt rất cầu kỳ. Thứ đến, cô hào hứng sôi nổi trong các hoạt động xã hội. Cô đã tham gia hội Nữ thanh niên Cơ đốc giáo; phối hợp với hội này làm công tác xã hội, đồng thời cô còn là một ủy viên của Ủy ban thẩm tra điện ảnh toàn quốc. Hội đồng nghị sĩ của thành phố Thượng Hải còn mời cô tham gia Ủy ban công tác nhi đồng. Trước đó, chưa từng có một phụ nữ nào được có những chức vụ này.

Sau khi về nước, Tổng Mỹ Linh còn mời một thầy giáo người Trung Quốc dạy cô môn Hán ngữ. Mười một tuổi đã rời khỏi Trung Quốc và ra đi một mạch hơn 10 năm cho nên chữ Hán với cô trở nên rất xa lạ. Thầy giáo được mời đến là một thầy giáo làng, nhưng trình độ văn học rất cao. Chịu ảnh hưởng của ông, khi Mỹ Linh học tập văn học cổ điển Trung Quốc, luôn luôn vừa ngâm vịnh, vừa dùng đưa thân mình, y như một đứa trẻ học bài học thuộc lòng vậy. Hàng ngày Mỹ Linh học đến mấy giờ liền, dẻo dai như vậy liền trong mấy năm. Lúc bấy giờ, ở Thượng Hải có mấy trường học mời cô ra giảng dạy, nhưng để học Trung văn, Mỹ Linh đã từ chối hết. Mấy năm liền như vậy về mặt Trung Văn, Mỹ Linh cũng có những thành tích rất lớn lao.

Ngoài việc bận rộn với công tác xã hội và học Trung văn, Mỹ Linh còn rất yêu

thích các hoạt động xã giao. Cô chẳng những rất thích tổ chức những buổi vũ hội, các buổi tiệc sinh nhật ngay tại nhà mình, cô còn thích đến vui chơi thỏa thích trong các buổi tiệc, các đêm dạ hội tại nhà các bạn bè.

Đầu tháng 12 năm 1922, trong nhà của Tôn Trung Sơn trên đường Mô-li-ai Thượng Hải có tổ chức dạ hội Cơ đốc giáo; người chủ trì là Tống Tử Văn. Buổi dạ hội bắt đầu, không khí thật tung bừng náo nhiệt. Bỗng nhiên, cả đám đông chợt nổi dậy tiếng trầm trồ kinh ngạc, mọi ánh mắt đều dồn về tiểu thư Tống Mỹ Linh đang ung dung bước tới. Cô mặc chiếc áo dài Thượng Hải bằng gấm tía, chiếc thắt lưng xanh bó sát lấy vòng lưng thon thả, lồng ngực tròn căng lên xuống nhịp nhàng theo hơi thở. Cả thân hình ấy, từ mái tóc đen bóng, đến gót giày như bị che phủ không nhìn thấy đều toát lên một vẻ đẹp mê hồn.

Tưởng Giới Thạch, con người quen thói bốc trời, còn đang vui duyên mới hôm ấy cũng có mặt trong dạ hội, đã thốt ra lời thán phục tự đáy lòng. Nhưng ông ta không chỉ tâm tặc khen ngợi rồi thôi, mà đã thâm thê ước trong lòng:

– Con mẹ nó chứ! Kiếp này đây ta phải lấy được nàng, để cả thế giới biết tay Tưởng này như thế nào!

Từ đó đã mở ra cuộc săn đuổi tình yêu năm năm trời.

II. TÌM TRỊ SỐ LỚN NHẤT CỦA TÌNH YÊU

Thần thoại về trai anh hùng, gái thuyền duyên

Năm 1922, khi Tưởng Giới Thạch mới biết Tống Mỹ Linh, thì mới lấy Trần Hạo Như vừa chẵn một năm, vị ngọt ngào của buổi tân hôn vẫn còn chan chứa trong lòng, vậy nhưng ông ta vẫn quyết định theo đuổi Tống Mỹ Linh. Với quyết tâm lớn như thế, với ý vững vàng như thế của ông, quyết không chỉ giản đơn có việc docks lòng vì tấm thân thon thả và vẻ mặt như nguyệt như hoa của Tống Mỹ Linh.

Một trong những người sáng lập ra tờ "Đại công báo" là Hồ Lâm đã từng phân tích chuyện này như sau:

"Việc tái hôn của Tưởng Giới Thạch là một hành động chính trị được tính toán lâu dài và kỹ lưỡng. Ông ta muốn làm em rể của họ, nhằm tranh thủ Tôn Trung Sơn phu nhân và Tống Tử Văn. Tưởng Giới Thạch lúc đó đã bắt đầu cảm thấy cần phải được sự ủng hộ của phương Tây. Nếu lấy Mỹ Linh, ông sẽ có "một cái mồm và cái tay" để quan hệ với người phương Tây. Ngoài ra, ông cũng rất coi trọng chuyên gia về tiền tệ là Tống Tử Văn. Thế nhưng bảo rằng Tưởng Giới Thạch không yêu Tống Mỹ Linh thì cũng không công bằng. Tưởng Giới Thạch hiển nhiên cho mình là anh

hùng, Trong lịch sử Trung Quốc, anh hùng khó qua được cửa ải mỹ nhân. Cần nhắc về chính trị, Tưởng Giới Thạch có thể làm bất cứ chuyện gì. Trong trường hợp này, Tưởng Giới Thạch lấy một bà vợ mới, hầu như đã là một lẽ đương nhiên".

Tưởng Giới Thạch lúc này là một ngôi sao quân sự và chính trị muốn mau được vươn lên, để nhanh chóng leo tới địa vị làm chúa của một nước, ông 'khao khát được thừa kế toàn bộ di sản của Tôn Trung Sơn', đúng như nhà văn Mỹ Stec-ling Sclây đã viết trong "Vương triều họ Tống":

"Không được đánh giá thấp tầm quan trọng của hình tượng Tôn Trung Sơn. Số đông người Trung Quốc coi ông gần như thần thánh. Những người đã từng trực tiếp tiếp xúc với ông thầy thuốc hạng xoàng này chẳng có là bao. Nhưng những tuyên truyền hiện nay đã gán Tôn với tất cả mọi kỳ tích. Khắp nơi đều có treo chân dung ông ta. Bởi vậy những chính khách hoặc tướng lĩnh dù chỉ có một chút dính dáng đến Tôn Trung Sơn cũng trở nên hơi thần kỳ. Các chính khách đã dùng hình tượng Tôn Trung Sơn để trang điểm cho mình, trong đó có cả Uông Tinh Vệ. Theo âm mưu của Thanh bang, Tưởng Giới Thạch phải đóng vai đại biểu của Tôn Trung Sơn ở trên đời, gánh vác sự ủy thác thần thánh, siêu nhiên của ông ta".

"Nếu nói rằng kết nhân duyên với gia đình họ Tống, là điểm quan trọng chí cốt để giành lấy quyền uy thần bí của Tôn Trung Sơn như thế nào thì việc giành sự viện trợ về vật tư của phương Tây mà ông ta rất cần có để chống đỡ chính quyền và nền tài chính của nó, cũng quan trọng như thế. Thanh bang không thể chu cấp cho toàn bộ chi phí của ông, bóp nặn thì chỉ có mức độ đó thôi. Mặc dù lúc này, qua việc chinh phạt và mua chuộc bọn quân phiệt địa phương,

ông ta muốn nhanh chóng mở rộng địa bàn khống chế về quân sự của mình, nhưng trên thực tế ông không nắm được nguồn tài chính của Trung Quốc. Chừng nào Bắc Kinh vẫn là thủ đô được mọi người công nhận, thì Tưởng Giới Thạch không thể có cách gì dựa vào nguồn thu thường xuyên là thuế và các khoản thu nhập của chính phủ Trung ương để duy trì chính quyền Nam Kinh của ông ta. Ông đã dùng một khoản tiền khá lớn chỉ cho các cuộc chinh phạt bằng quân sự, thuê lưu manh tiến hành đàn áp cũng như bỏ ra mua chuộc các đối thủ... Chỉ dựa vào số tiền hàng triệu mà ông bòn vét được, căn bản không đủ dùng. Ông cần có một nguồn thu thực sự có bảo đảm chắc chắn. Mặc dù chỉ dựa vào nguồn tài trợ từ bên ngoài không thể nào đủ để chống đỡ cho chính quyền của ông, nhưng tài trợ từ bên ngoài vẫn là một trong những nguồn quan trọng để duy trì được Nam Kinh." "Cách thuận tiện nhất để Tưởng Giới Thạch nhận được sự tài trợ ở bên ngoài là thông qua gia đình họ Tống, nhất là Tống Tử Văn. Nguồn viện trợ bên ngoài vừa bao gồm sự đầu tư của một số cá nhân từ nước ngoài và cả nguồn tài trợ nhà nước của các chính phủ nước ngoài. Trong các nhà băng, công ty, chính phủ nước ngoài và cả những tập đoàn có

ảnh hưởng ở khu vực Oa-sinh-ton như các đoàn thể trong giáo hội nước Mỹ, Tử Văn đều có uy tín nhất định..." Xuất phát từ suy nghĩ sâu xa đó, Tưởng Giới Thạch đã vạch ra chiến lược lâu dài để theo đuổi Tống Mỹ Linh. Trước hết ông định cầu cứu đến sự giúp đỡ của Tôn Trung Sơn, Mỹ Linh là em vợ của Tôn Trung Sơn. Làm sao để Tôn Trung Sơn gây ảnh hưởng qua người vợ của mình có lẽ là con đường đẹp nhất.

Có một hôm, Tưởng Giới Thạch nêu chuyện này ra với Tôn Trung Sơn:

– Tôi đã chẳng có vợ con gì, xin hỏi ngài, Tống tiểu thư, liệu có nghe lời ngài khuyên bảo để lấy tôi không? Đương nhiên là ông ta giấu biệt vợ cả, vợ lẽ và cả phu nhân mới cưới đi.

Tôn Trung Sơn còn đang phải suy nghĩ kỹ, bởi ông đã biết được ý đồ của Tưởng Giới Thạch, mãi sau mới nói:

– Việc này cái chính là phải xem ý định của Mỹ Linh thế nào, cô ta có vẻ kênh kiêu thế, ông phải nhẫn nại chờ đợi một chút.

Ngay tối hôm ấy, Tôn Trung Sơn nói chuyện này với vợ. Khánh Linh đã nói trắng ra:

– Tôi thà nhìn thấy Mỹ Linh chết, chứ không muốn nhìn thấy nó phải gả cho con người tự xưng là chưa vợ con đó! Riêng ở Quảng Châu, ông ta cũng tăng tịu với mấy người.

Xem ra chỗ Tôn Trung Sơn cũng không ăn thua gì, Tưởng Giới Thạch lại quay sang chọn Tống Ái Linh làm người thực thi kế hoạch "thông qua hôn nhân để tạo nên đại liên minh". Lần này, ông đã nhằm đúng đối tượng!

Trước hết Tưởng Giới Thạch kết nhân duyên với nhà họ Tống, đã khiến ông ta có thể trực tiếp liên hệ chặt chẽ với Tôn Trung Sơn, và sẽ có được nguồn tài trợ bên ngoài, còn được Tống Tử Văn và Khổng Tường Hy giúp đỡ về mặt tài chính, và như thế, Ái Linh có thể đảm bảo được ảnh hưởng của bà đối với Nam Kinh.

Sau nữa, gả em gái mình cho một tổng tư lệnh rất có thế lực của quân Quốc dân cách mạng, là phù hợp với lợi ích của mọi người, phù hợp lợi ích của gia tộc họ Tống. Ái Linh nói, chúng ta phải lợi dụng con người này!

Thế là Ái Linh dùng mọi thủ đoạn khiến cho Mỹ Linh tin rằng Tưởng Giới Thạch tất sẽ được vẻ vang, sung sướng suốt đời, khiến Tử Văn nhận ra rằng nếu ngăn cản cuộc hôn nhân này thì bản thân ông sẽ chẳng làm được việc gì; khiến bà mẹ được an ủi rằng Tưởng Giới Thạch tất sẽ làm vẻ vang gia đình họ Tống, từ đó mà hai họ

Tướng, Tổng sẽ được như ý nguyện. Có thể nói, Tướng Giới Thạch chọn Tổng Ái Linh là người mạnh mỗi, cũng có một tầm mắt chiến lược như việc chọn Mỹ Linh làm vợ.

Lễ cưới với hàng ngàn người tham gia

Tướng Giới Thạch hiểu rất rõ những gian nan vất vả phải trải qua trên con đường đi đến cuộc nhân duyên Tướng – Tổng, tuy nhiên Tướng vẫn bản sắc quân nhân, quyết đoán trong công việc, đáng làm là làm, không chần chừ do dự... được Tổng nữ sĩ thương yêu, biết đây là người bạn lý tưởng suốt đời mà xưa nay những sở cầu nhưng chưa được, nên không hề do dự, đã ngỏ ý cầu hôn... Năm năm tiếp theo đó, Tướng đã dồn hết cho sự nghiệp cách mạng, mang quân Bắc phạt; trong thời gian đó vẫn thường xuyên trao đổi thư từ với Tổng Mỹ Linh để ngỏ lời.

Chiến tranh Bắc phạt bùng nổ mạnh mẽ, đã tăng nhanh tiến trình công phá vào trái tim của Tổng Mỹ Linh. Ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng đã bổ nhiệm Tướng Giới Thạch làm thống soái tối cao của quân Bắc phạt và giao toàn bộ quyền chỉ huy các cơ quan quân sự, chính trị, dân sự, tài chính v.v... cho Tướng Giới Thạch nắm giữ. Trung tuần tháng 7 năm 1926, quân Bắc phạt đã công phá được Trường Sa. Tháng 9, chiếm lĩnh Hán Khẩu, chính phủ Quốc dân từ Quảng Châu chuyển đến đây làm việc. Tháng 11 Nam Xương cũng bị hạ; quân Bắc phạt thừa thắng truy kích, lại đánh bại quân Tôn Truyền Phương ở Hàng Châu, Tướng Giới Thạch phát đi mệnh lệnh tác chiến tiến công vào Nam Kinh. Lúc đó Tổng Mỹ Linh nhận được bức điện báo:

Thân mến gửi tiểu thư Mỹ Linh – Thượng Hải: "Xin chuẩn bị trước, cuối tháng ba có tàu hỏa đặc biệt đón lên Nam Kinh gặp mặt". Người gửi: Tướng Trung Chính – 25 tháng 2.

Những thắng lợi liên tục của quân Bắc phạt, chiến tích vẻ vang của Tướng Giới Thạch, đã làm cho trái tim luôn hướng về quyền thế của Tổng Mỹ Linh bắt đầu xao động và nảy nở tình yêu, bức điện báo này, lại càng đánh trúng vào tâm trạng của Mỹ Linh. Thế nhưng rồi Tổng Mỹ Linh lại cảm thấy nhà quân sự đầy dã tâm và kiêu căng này hơi có chút huênh hoang. Nam Kinh là đại bản doanh của Tôn Truyền Phương, được hơn 30 vạn quân chống giữ, vững như bàn thạch, bảy vạn binh mã của Tướng Giới Thạch chỉ đánh có một tháng mà đã thắng?

Tuy nhiên, Tướng Giới Thạch chỉ cần chưa tới một tháng, đã công phá được Nam Kinh. Ngày hôm sau (25-3) đã chiếm lĩnh được Thượng Hải.

Tướng Giới Thạch đã đi tàu hỏa quân sự đến Thượng Hải, cũng là đến đón Tổng Mỹ Linh lên thăm Nam Kinh.

Tiểu thư Tống Mỹ Linh kênh kiêu và kiêu kỳ đã phải cúi rạp dưới chân "anh nhà quê Ninh Ba" ngày nào, nay đã là "Napôlêông của Trung Quốc".

Nhà họ Tống mở cuộc họp gia đình, thảo luận chuyện nhân duyên giữa Tống Mỹ Linh và Tưởng Giới Thạch.

Ái Linh vẫn ra công bác bỏ ý kiến mọi người, giữ vững ý kiến của mình. Những hành động chơi trội của Tưởng Giới Thạch trong cuộc Bắc phạt, càng khiến cho bà tin rằng con người này có một tiền đồ vô hạn. Sau thời Tôn Trung Sơn, gia đình họ Tống muốn mở mày mở mặt, chỉ có họ Tưởng là có thể nhờ cậy được.

Khánh Linh và Tử Văn thì cực lực phản đối. Họ cho rằng Tưởng Giới Thạch mang nặng thói lưu manh, tiếng đồn về chuyện trong nhà đã có vợ có con, vẫn còn đa mang tăng tị với dĩ dĩ dĩ... lan đi; mà thói dĩ dĩ dĩ là thứ mà nhà họ Tống không thể chấp nhận được. Ngoài ra trong đầu óc Tưởng Giới Thạch luôn chứa đầy thứ tư tưởng an bang định quốc thói nát của vua chúa, không có điểm nào giống với Tống Mỹ Linh, ngoài việc lợi dụng về chính trị ra, căn bản không có chút gì gọi là tình yêu ở trong đó.

Tổng lão phu nhân cũng kiên quyết phản đối Tưởng Giới Thạch làm con rể mình. Trong quan niệm truyền thống của bà, Tưởng Giới Thạch là một quân nhân, mà địa vị xã hội của quân nhân trong con mắt của người Trung Quốc có văn hóa trước đây là rất thấp hèn. Thứ nữa, Tưởng Giới Thạch trước đây đã từng có vợ, mặc dù cuộc hôn nhân ấy do cha mẹ sắp đặt cho ông từ khi mới 15 tuổi, thì Tổng phu nhân cũng luôn áy náy trong lòng về cái quá khứ đó của ông ta, hướng hồ chỉ trong xã hội đang đồn đại những chuyện xấu xa về ông ta có quan hệ với những người đàn bà khác. Và một điểm quan trọng nhất là ông ta không phải là tín đồ đạo Cơ đốc. Chỉ riêng điểm đó thôi, cũng đủ cho bà càng vững vàng hơn trong quyết tâm không tán thành cuộc hôn nhân này.

Giữa lúc đó, Tưởng Giới Thạch đã gây nên ở Thượng Hải một "cuộc đảo chính 12-4" chống cộng sản và bài trừ Nga-xô; xây dựng nên chính phủ Quốc dân Nam Kinh ngay trên vũng máu của nhân dân Cách mạng, công nhiên đối lập với Chính phủ Bắc Kinh và Chính phủ Quốc dân Vũ Hán. Sau khi Tưởng Giới Thạch xây dựng Chính phủ Nam Kinh, Chính phủ Quốc dân Vũ Hán vẫn kế thừa ý chí của Tôn Trung Sơn, tiếp tục Bắc phạt, tiêu diệt thế lực phụng hệ [1](http://tieulun.hopto.org); ở quan nội; đấu tranh yếu ớt với hành động phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch.

Nhưng dưới sự bao vây và công kích mạnh mẽ của Tưởng Giới Thạch, chủ nghĩa đế quốc và bọn quân phiệt trong nước, đã rất nhanh chóng đi ngược lại cách mạng. Nguyên bộ trưởng tài chính của chính quyền Vũ Hán Tống Tử Văn với biện pháp vừa mềm mỏng vừa cứng rắn của Tưởng Giới Thạch, đã chịu quay về dưới trướng

của ông ta, quy thuận Chính phủ Quốc dân Nam Kinh.

"Ăn của người khác rồi thì há miệng mắc quai". Tống Tử Văn thôi không khăng khăng chống lại cuộc hôn nhân của em gái mình và Tưởng Giới Thạch nữa, nhưng cũng khó có thể bẽ mặt thu về những lời lẽ gay gắt trước đây, đành lặng im chẳng nói câu gì ra miệng. Ái Linh là người hết sức tinh ý, làm gì mà chẳng nhìn nhận rõ em trai mình lúc ấy. Để tạo cho Tử Văn có một bậc thềm mà bước xuống, bà đã mời người bạn thân của Tôn Trung Sơn khi còn sống là Đàm Diên Khải, nhờ ông tháo gỡ giúp cho. Đàm Diên Khải đã tìm đến Tống Tử Văn, khuyên ông không nên ngăn cản cuộc hôn nhân này, bởi vì "chuyện hôn nhân của con cái không nên can thiệp vào nhiều quá, hướng chỉ là anh trai với em gái, vừa sút mẻ tình cảm, vừa để người khác có cơ lợi dụng". Tống Tử Văn không nói sao được, đành im lặng đồng ý.

Cuộc khủng bố trắng do Tưởng Giới Thạch gây nên và cả việc lập ra chính phủ Nam Kinh càng làm cho Tống lão phu nhân tăng thêm ác cảm với "tên" đao phủ này. Ngoài ra, cô con gái thứ hai mà bà thương yêu nhất là Tống Khánh Linh đã nhiều lần ngay trước mặt bà chỉ trích Tưởng Giới Thạch phản bội Tôn Trung Sơn, tàn sát các nhân sĩ cách mạng. Bà tin ở lời người con gái thứ hai này! Cho nên, mỗi lần Mỹ Linh biện bạch với bà về tài thao lược sự giỏi giang của Tưởng Giới Thạch, bà thường phản đối theo bản năng:

– Liệu con có hiểu Tưởng Giới Thạch bằng chị Khánh Linh của con không? Với lại, mẹ quyết không bao giờ gả con cho cái hạng đã có vợ lớn vợ bé đầy nhà còn giờ thói trăng hoa ong bướm ấy.

Ái Linh thấy thái độ của mẹ không những không hòa hoãn, ngược lại càng thêm cứng rắn hơn, bèn chợt nghĩ ra một diệu kế khác, nói với mẹ là không khí trong nước rất căng thẳng, không có lợi cho sức khỏe, sao mẹ không sang Nhật nghỉ ngơi? Đến Nhật Bản, có thể đến Trường Kỳ thăm lại bạn bè xa cách lâu nay hoặc đến Liêm Thương là nơi phong cảnh đẹp để tắm suối nước nóng. Người già tuổi đã cao nên bảo thế nào cho thư thái thì làm theo thế ấy. Tống lão phu nhân không thể ngờ rằng đó chính là kế diệu hổ ly sơn của cô con gái lớn của mình, nên đã vui vẻ nhận lời. Nhưng bà lại đòi để cô con gái út cùng đi!

Mỹ Linh đã đồng ý.

Mỹ Linh đi, là muốn thử thách tình yêu của Tưởng Giới Thạch với mình. Lúc này Tưởng Giới Thạch đang bị Lý Tôn Nhân và Hà Ứng Khâm của quân đoàn Một o ép, ngày 13 tháng 8 năm 1927 phải áp dụng thủ đoạn lấy lui làm tiến, tuyên bố về vườn, quay về quê cũ ở Phụng Hóa. Ông ta muốn triệt để mối liên hệ giữa ông và Mao Phúc Mai, sớm kết duyên với Tống Mỹ Linh để thực hiện dã tâm trắng trợn của mình. Nhưng Mao Phúc Mai là người vợ có hòi có cưới đành hoàng, "tao khang

chi thê bất khả hạ đường", xưa nay đã có lời dạy rành rành như thế. Hơn nữa, hai người anh của Mao Phúc Mai là Mao Di Khanh và Mao Mậu Khanh sớm đã theo lệnh của cha mình, tuyên bố với Tưởng Giới Thạch: "Phúc Mai là con gái đã gả chồng, như nước đã hắt đi, gả cho người nào, thì phải theo người ấy, sống làm người nhà họ Tưởng, chết thì làm ma nhà họ Tưởng". Tưởng Giới Thạch cũng không dám làm quá đà, gây ra án mạng thì có nghĩa là bôi lên sinh mạng chính trị của ông ta một vết nhơ mãi mãi không xóa sạch. Đang suy nghĩ khổ sở, bỗng nghĩ được ra một cách dễ dứt tình: Mao Phúc Mai vẫn là vợ cả của ông ở Phong Hạo, những người xung quanh Tưởng bèn tôn bà ta là "đại mẫu su", đồng thời Tưởng cũng đổi cách xưng hô, gọi Mao bằng "chị nuôi", danh phận vợ chồng đã chuyển sang gọi nhau bằng chị em. Mao Phúc Mai đau khổ không thiết sống nữa, nhưng tình thế như thế, đành phải nhận lời cho qua. Tưởng Giới Thạch đã được mãn nguyện.

Vừa mới thu xếp xong câu chuyện rắc rối này, Tưởng Giới Thạch lại nhận được thư của Tống Mỹ Linh nói sẽ đi Nhật Bản. Ông ta cay cú chửi: "Con mẹ nó chú! Sao mà đến đúng lúc thế!". Chửi thì cứ chửi, Tống Mỹ Linh đời nào nghe thấy được, mà trong tay Mỹ Linh lúc này, lại là một lá thư cầu hôn nóng hổi:

"Gần đây buộc phải bận rộn với hoạt động chính trị, duy vẫn nhớ người mà tôi hằng ngưỡng mộ trong đời, mẹ người đi vì nhớ nữ sĩ. Trước đây khi ở Quảng Đông, từng cho người đến nói thêm với lệnh huynh và chị, đều không được chấp nhận; lúc đó vì quan hệ chính trị, vì nghĩ đến ngày nay mà phải rút về vườn, bị người đời ghét bỏ, rất nhớ mà không làm sao được. Ngày xưa chiến thắng lẫy lừng, tự mình ra oai với mình, bây giờ nghĩ mới thấy công danh sự nghiệp, chỉ là cơn mơ hão. Chỉ có hình dung đức hạnh và tài hoa của nữ sĩ, là điều canh cánh bên lòng chẳng phút nào quên. Không biết một gã nhà binh ngang tàng bị người đời ghét bỏ như tôi, nữ sĩ sẽ nhìn nhận như thế nào?". Tống Mỹ Linh chỉ thấy máu nóng rân rân bùng lên, tim đập thình thình, đầu vầng mắt hoa...

Ngày 16 tháng chín, căn nhà của Tống Ái Linh ở Tây Ái Thịnh Tây lộ náo nhiệt khác thường; ở đây đang có cuộc họp báo. Tống Ái Linh đã giới thiệu Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh với các nhà báo và nhiếp ảnh rồi tuyên bố:

– Tưởng tướng quân và em gái tôi sẽ vui mừng kết duyên vợ chồng.

Thế là đèn ma-nê chớp liên tục. Ngày hôm sau, nhiều báo chí trên thế giới đã đăng ảnh hai nhân vật Tưởng Tống sánh vai nhau dắt tay nhau, và chú thích rằng Tưởng Giới Thạch và em gái của Tôn phu nhân sẽ cưới nhau. Phóng viên thường trú của "New York thời báo" ở Thượng Hải là Mitxon Uych-xơ còn đưa tin: một thợ may nước Anh đang may lễ phục chính thức cho Tưởng Giới Thạch.

Cả thế giới đều biết cô gái út nhà họ Tống sẽ kết hôn với Tưởng tổng tư lệnh, chỉ

riêng có Tống lão phu nhân vùi đầu vào "Thánh kinh" là không hề hay biết gì. Bà vẫn cứ đinh ninh rằng cô con gái luôn ở bên cạnh lại sắp đi Nhật với bà vẫn ở trong vòng tay của bà.

Tống Mỹ Linh theo mẹ sang Nhật, ở Trường Kỳ miền Tây nước Nhật. Nhưng vừa mới âm chỗ, qua tin tức, Tống lão phu nhân biết được Tưởng Giới Thạch cũng vừa đến đây. Theo phản ứng bản năng, bà cho rằng Tưởng Giới Thạch sang đây chuyến này là xin bà cho phép lấy Mỹ Linh làm vợ. Bà hết sức tức giận. Bà tránh sự quấy rầy của Tưởng Giới Thạch, ép Tống Mỹ Linh cùng với mình xuyên ngang nước Nhật, sang cảng Kobe ở miền Đông, vào ở một khách sạn lớn.

Vừa mới đặt chân tới nơi thì Tống Tử Văn con trai bà cũng đến đó, lão phu nhân vừa mừng vừa hết sức lo và cũng khó hiểu: Tử Văn sao đến nhanh thế? Đến để làm gì?

– Mẹ ơi, con đến để làm mối cho ông Tưởng – Tử Văn tỏ ra thẳng thắn.

Bà mẹ vừa nghe thấy thế đã không vui rồi. Thế nhưng ông con trai còn trâng tráo trở mặt phân tích cho mẹ mình, nào là Tưởng Giới Thạch tuy trước mắt thấp hèn như thế, nhưng đó chỉ là cách ông ta lùỉ để rồi tiến, lần này sang Nhật, là ông ta muốn có được sự giúp đỡ của chính phủ Nhật Bản, cái đóng đồ nát ở trong nước, không có Tưởng không ai thanh toán được, chiếc ghế bành thứ nhất của Trung Quốc, không phải Tưởng thì không còn ai vào đấy nữa. Họ Tống ta kết thân với Tưởng, bất kể là đối với chị cả Ái Linh, với bản thân Tử Văn hay em gái, nhất là em gái đầu tiên sẽ có trăm điều thuận lợi mà chẳng có một điều gì hại. Ngoài ra, em gái con đã 28 tuổi rồi chứ không còn ít nữa!...

Những câu trước, bà đã nghe chán cả tai rồi, còn câu sau cùng, lại bỗng khiến bà chột dạ, đúng vậy, đúng là Mỹ Linh đã là cô gái sắp lỡ thì chờ đợi nơi khuê các.

Bà trầm ngâm hồi lâu, rồi mới bảo con trai:

– Ngày kia riêng ta sẽ gặp thủ tướng Tưởng Giới Thạch xem sao. Bảo nó hãy mau đến đây.

– Vâng, ngay bây giờ con sẽ đi báo cho ông ta biết, ông ta đã cùng đến với con, đang nói chuyện với em gái con ở phòng bên cạnh.

Tử Văn vui mừng khi thấy mình đã ghi được trang đầu tiên trên cuốn sổ ghi công của Tưởng Giới Thạch.

Tống lão phu nhân không thể ngờ được rằng con trai, con gái bà đã câu kết với nhau để lừa bà, trong lòng bỗng có cảm giác mình bị đem ra làm trò cười. Nhưng

chuyện đã đến nước này, thôi thì việc trăm năm của con gái vẫn là quan trọng hơn.

Ngày 3 tháng 10, Tổng lão phu nhân luôn từ chối gặp Tưởng Giới Thạch, đã nhận lời gặp Tưởng Giới Thạch ở khách sạn Hữu Mã thành phố Kobe Nhật Bản và nhận lời cầu hôn của Tưởng. Quá trình liên quan đến cuộc đàm hỏi này, báo "Buổi sớm" của Thượng Hải đã đưa tin như sau: "Tưởng Giới Thạch đã tới gặp Thái phu nhân vào ngày 3 tháng 10, trước đó Tưởng đã gửi điện báo, và được Thái phu nhân cho phép. Khi gặp mặt, Thái phu nhân đang ở trong phòng nghiên cứu kinh Tân ước. Bà vốn là một tín đồ hết sức trung thành của đạo Cơ đốc. Khi gặp Tưởng, bà đã khích lệ Tưởng làm tín đồ. Tưởng nói với Thái phu nhân, có được biết đạo Cơ đốc, gần đây cũng có tín ngưỡng, sau đó xin cầu hôn. Lúc đó Thái phu nhân cho rằng Tưởng đã làm hết mọi thủ tục để kết duyên với con mình, không còn vấn đề gì mắc mớ nữa, nên đã nhận lời, cho cưới con gái mình là Mỹ Linh làm vợ".

Năm năm theo đuổi thật là vất vả, nhưng cuối cùng đã thành công! Tưởng Giới Thạch vui sướng như điên dại, ông đã muốn bà chủ khách sạn đang đi lại phía mình chia sẻ với ông niềm vui chan chứa này, hơn hờ nói:

– Bà chủ ơi! Thành công rồi! Thành công rồi! Cuộc hôn nhân thành công rồi! Ồ! Đúng rồi! Tôi sẽ viết chữ cho bà! Mau! Hãy mài mực cho tôi!

Ông đã đem tất cả sức lực, tinh thần viết tặng bà năm bức chữ. Ngày hôm sau, Tưởng Giới Thạch gửi đến cho Tổng lão phu nhân chiếc nhẫn đính hôn với Tống Mỹ Linh. Tưởng Giới Thạch đã hoàn thành nhiệm vụ thứ nhất của chuyến đi sang Nhật Bản.

Ngày 13 tháng 10, Tưởng Giới Thạch tới thủ đô Tôkyô của Nhật Bản, trước hết đến thăm tướng quân Linh Mộc Trinh Nhất, người bạn thân thiết khi còn học ở trường Trần Vũ, sau đó lại giúp ông mở trường sĩ quan Hoàng Phố và phát dậy cuộc đảo chính "12 tháng 4". Tưởng Giới Thạch mong muốn rằng sẽ được ông tiến cử với Đầu Sơn Mãn, nhân vật đầu sỏ của hội Hắc Long, hội ngộ với thủ tướng Điền Trung Nghĩa Nhất, ông muốn thay đổi đường lối phụng hệ ủng hộ Trương Trác Lâm của nội các Nhật Bản, quay sang ủng hộ ông là Tưởng Giới Thạch thống nhất Trung Quốc. Linh Mộc Trinh Nhất đã đồng ý.

Ngay tối hôm ấy, Tưởng Giới Thạch đã được Linh Mộc Trinh Nhất dẫn đến với tư cách một bậc hậu sinh đàn em tới chào Đầu Sơn Mãn, tỏ ý muốn làm thân với ông này, và nói mình hiện còn chưa có chỗ ở, xin hãy tìm giúp cho nơi nghỉ ngơi yên tĩnh. Đầu Sơn Mãn đã hiểu được ngay, vui vẻ sắp đặt nơi ăn nghỉ cho "ngôi sao mới của chính giới Trung Quốc" không thể xem thường này. Bởi vậy, Tưởng Giới Thạch lại tự tay viết bức trướng với bốn chữ "Thân như một nhà" để bày tỏ lòng biết ơn và ý muốn kết thân với Đầu Sơn Mãn và tổ chức đen của ông ta. Họ đã mật đàm với

nhau một đêm, đi đến sự hiểu biết và nhận thức chung. Sau việc này, Đào Sơn Mãn đã nói những lời sau đây:

"Họ Tưởng dù thế nào đi nữa cũng nhất trí với Nhật Bản. Đối với Đảng Cộng sản, dù ở trong nước hay ngoài nước, nhất định ông ta sẽ bài xích. Khi ông ta bày tỏ quyết tâm như thế, ý kiến của tôi và ông ta đi đến nhất trí".

Tiếp đến, Tưởng Giới Thạch đã bắt đầu "tiết mục đi thăm gần như một cuộc hành quân". Ông ta đi chào hỏi các quan viên của chính giới, các bậc có tiếng tăm trong xã hội Nhật Bản, tham gia các buổi chiêu đãi của quan chức Nhật Bản. Đồng thời, còn bí mật hội đàm với Lãng quân đại thần Bạch Xuyên Nghĩa Tác, tổng trưởng tham mưu Kim Tinh Phạm Tam v.v... Cuối cùng, cũng là tiết mục cao trào nhất trong chuyến đi Nhật Bản lần này là tiến hành hội đàm với thủ tướng nội các Nhật Bản Điền Trung Nghĩa Nhất.

Tưởng Giới Thạch mong mỏi nội các Điền Trung của Nhật sẽ thay ngựa giữa đường, ủng hộ ông ta thống nhất Trung Quốc. Điền Trung lại nói:

"Nhân giữa lúc cách mạng có khó khăn, phải nhìn suốt đại cuộc, trước hết nên coi việc giải quyết phía nam Trường Giang là nhiệm vụ cấp bách. Mà trong lúc này, người làm việc đó, không ngài thì còn ai, rất mong ngài hãy tự coi trọng. Nếu nam Trường Giang không được giải quyết, thì lúc đó Đảng Cộng sản mới bị bẻ đi mầm móng trước đây sẽ lớn mạnh trở lại. Sao bằng nay có dịp chỉ thanh toán một cục diện nhỏ mà không chế được toàn cuộc, như thế Đảng Cộng sản mới không ngóc đầu lên được, nếu không, mối nguy hại sẽ lớn vô cùng... Trước mắt ngài chưa nên nóng vội Bắc phạt, có thể trước hết hãy nên củng cố địa bàn của mình. Đối với cuộc tranh chấp giữa Trương Diêm, Phùng ở phía Bắc cũng có thể dừng nên nhúng tay vào, cuộc tranh chấp ấy của họ, mỗi người đều có chỗ để co lại, cho nên cứ để mặc họ là đắc sách... Trong các cường quốc, nước có quan hệ lợi hại nhất với quý quốc là Nhật Bản. Đối với những cuộc tranh giành trong nội bộ quý quốc, Nhật Bản thường không can thiệp. Nhưng với sự ngang ngược của Đảng Cộng sản, thì không thể ngồi nhìn; trên ý nghĩa đó, đối với người chống Cộng như ngài muốn củng cố phía Nam, đó cũng là nguyện vọng bức thiết của Nhật Bản. Bởi vậy, chỉ cần trong phạm vi quan hệ quốc tế cho phép mà không phải hy sinh lợi quyền và những thứ khác của Nhật Bản, thì sẽ chẳng tiếc gì không viện trợ đầy đủ cho sự nghiệp của ngài. Duy có điều này cần nói thêm, tức là thái độ với Trương Tác Lâm, người đòi hễ động đến là y như bảo rằng Nhật Bản ủng hộ Trương, nhưng sự thực thì hoàn toàn trái lại, Nhật Bản tuyệt nhiên chưa khi nào ủng hộ Trương, bất kể là về vật chất, đề nghị hay một thứ gì khác đều chưa ủng hộ ông ta, điều mong muốn của Nhật Bản, là chỉ làm sao duy trì được việc trị an ở Mãn Châu mà thôi. Mong hãy cứ yên tâm.

Tướng Giới Thạch nãy nói toạc ra như thế, giờ đây được lòng mà bỗng chột dạ, vội vàng biện bạch vuốt đuôi:

– Thủ tướng vừa nói đến việc không được hy sinh lợi quyền của Nhật Bản, tôi tin rằng sự an toàn và lợi ích của Nhật Bản ở Trung Quốc, cũng tức là sự an toàn cho lợi ích quốc gia và hạnh phúc của dân chúng Trung Quốc, cuối cùng thì lợi ích của hai nước cũng đã gắn bó với nhau. Sở dĩ Trung Quốc tẩy chay Nhật, chỉ vì Nhật giúp đỡ Trương Tác Lâm, nay tuy có hiểu và thông cảm với thái độ của Nhật Bản, nhưng đông đảo dân chúng Trung Quốc vốn rất căm ghét quân phiệt thì lại cho rằng quân phiệt dựa vào Nhật Bản. Bởi vậy, Nhật Bản cần phối hợp giúp đỡ tôi và những người cùng chí hướng sớm hoàn thành cuộc cách mạng để xóa bỏ được sự hiểu lầm của dân chúng. Như thế thì vấn đề Mãn Mông cũng dễ được giải quyết, chuyện bài xích Nhật Bản cũng sẽ hết!".

Hai bên trò chuyện hết sức tâm đắc. Sau khi kết thúc buổi hội đàm, Điền Trung tiễn chân Tướng Giới Thạch ra tận cổng, biểu lộ lòng kính trọng của mình.

Mấy ngày sau, Tướng Giới Thạch lại hội đàm với Điền Trung lần nữa, hai bên không hề giữ kẽ, trao đổi hết mọi ý kiến và đi đến sự thông cảm và lượng thứ cho nhau, tức là Quốc dân cách mạng mà thành công, khi Trung Quốc hoàn thành việc thống nhất, Nhật Bản sẽ công nhận địa vị và quyền lợi đặc biệt của Nhật ở Mãn Châu, Trung Quốc cũng sẽ công nhận.

Nhiệm vụ thứ hai trong chuyến đi Nhật lần này của Tướng Giới Thạch, thế là cũng được hoàn thành trọn vẹn và đầy đủ.

Ngày 10 tháng 11 năm 1927, Tướng Giới Thạch mang theo vợ chưa cưới là Tống Mỹ Linh, vênh vang tự đắc trở lại Trung Quốc. Đến Thượng Hải, vừa lên bờ, Tướng Giới Thạch đã cho họp báo, tuyên bố:

1.- "Chúng ta không được coi thường lợi ích về chính trị và kinh tế của Nhật Bản ở Mãn Châu. Ngoài ra cũng nên có nhận thức đầy đủ về tinh thần đáng kính nể mà nhân dân Nhật Bản đã phát huy được trong chiến tranh Nga – Nhật. Về việc này, Tôn tiên sinh cũng đã có sự thừa nhận, đối với địa vị đặc biệt của Nhật ở Mãn Châu, từng bảo đảm là sẽ cân nhắc".

2.- Bỉ nhân và Tống nữ sĩ không lâu nữa sẽ tính chuyện trăm năm, nắm tay nhau cùng chăm lo cho cách mạng. Khi các nhà báo hỏi đến chừng nào thì ông phục chức, Tướng Giới Thạch đáp:

– Tướng tôi tuy là hạng tầm thường, nhưng vẫn vì quốc dân đồng bào, nguyện sẽ vì cách mạng mà bôn ba khắp nơi hô hào. Còn khi nào phục chức, tôi không có ý

định ấy. Lúc này, tôi tập trung hết sức lực để chuẩn bị thành hôn với Tống nữ sĩ.

Kỳ thực, Tướng Giới Thạch làm như thế là để đề cao mình. Sau khi ông rút lui, mũi nhọn của các bè phái trong Quốc dân đảng vẫn công kích ông sẽ bị mất mục tiêu. Kết quả là bọn họ sẽ diễn ra cái trò công kích nhau và tranh giành quyền lợi lẫn nhau. Lý Tôn Nhân, Ung Tinh Vệ, Đường Sinh Trí, Trương Phát Khuê, Lý Tề Thâm v.v... lúc thì đối lập nhau, lúc lại liên kết nhau, đấm đá nhau, giành giật nhau...

Nghi thức lúc hành lễ ngày mai của hai họ Tướng Tống được đặt ra theo thứ tự chính thức như sau: 1) Khách vào chỗ ngồi (tấu nhạc). 2) Cô dâu, người làm chứng và người chủ hôn vào chỗ. 3) Cô dâu vào chỗ. 4) Tất cả mọi người vái ba vái làm lễ quốc kỳ, đảng kỳ và ảnh thủ tướng. 5) Người làm chứng đọc giấy chứng nhận hôn thú. 6) Cô dâu, chú rể, người chứng hôn đóng dấu (ký tên). 7) Chú rể, cô dâu lễ nhau một lễ. 8) Chú rể, cô dâu lễ tạ người chứng hôn và chủ hôn một lễ. 9) Chú rể, cô dâu lễ tạ những người đến dự một lễ. 10) Lễ tất (tấu nhạc).

Mẫu giấy chứng nhận hôn thú:

Giấy chứng nhận mua tại Cửu Hoa Đường, bì bọc gấm in chữ vàng chế tác hết sức cầu kỳ, trên đầu viết: "Giấy chứng nhận hôn thú của Tướng Giới Thạch tiên sinh và Tống Mỹ Linh nữ sĩ, sau đó là đến lời tựa của Thái Nguyên Bồi, sau nữa là tên họ người kết hôn, dưới nữa là tên họ người chủ hôn, rồi đến tên họ người làm chứng, cuối cùng là ngày tháng năm. Giấy chứng nhận hôn thú do người thư ký của bộ trưởng tài chính trước đây là Trương Áu Thạc viết sẵn từ hôm trước.

Lời tựa trong giấy chứng nhận hôn thú viết:

Đã nghe cây quý thêm chồi, màu sắc lạ chiếu lên gương ngọc đài, mai sớm tỏa hương thơm, xe đẹp ngựa hay đón chờ ngoài cửa, hai họ sum vầy, một nhà kết ước, nay Tướng Trung Chính tiên sinh và Tống Mỹ Linh nữ sĩ, cử hành hôn lễ tại lễ đường Đại Hoa ở Xuân Giang, ngày lành tháng tốt, sáu lễ đã lành, nên duyên cảm sát. Hai lòng ngậm ước cùng nhau.

Lúc này Ung Tinh Vệ bị đánh thua, rút lui từ Vũ Hán về Quảng Châu và tuyên bố "sẽ thiết lập lại chính phủ Quốc dân tại Quảng Châu", như thế là xúc phạm đến lợi ích của phe Quảng Đông. Phe Quảng Đông bỗng chốc biến bạn thành thù.

Tướng Giới Thạch, một mặt giữ thái độ "các người làm loạn lên đi, rồi sau đó Tướng này sẽ thanh toán các người một thể", cứ để mà tọa sơn quan hổ đấu, một mặt vẫn ráo riết chuẩn bị cho đám cưới của mình. Ngày 1 tháng 12, Tướng – Tống đã tiến hành lễ cưới làm xôn xao trong ngoài nước.

Ngày 26 tháng 11 năm 1927, các báo Thượng Hải đều đã đăng thông báo về đám cưới của Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh:

Trung Chính bốn ba vì cách mạng, nhiều năm xuôi ngược khắp nơi, chưa nghĩ đến chuyện gia thất cho riêng mình. Nay tuy từ chức, nhưng gánh cách mạng trên vai còn chưa thành, vẫn phải còn trách nhiệm, bạn bè trong quân ngũ có người còn đói rét, dân chúng lưu ly cơ nhỡ, nỗi lòng nào có thể quên đi, lại nhớ những người con đất nước, chiến đấu đến nay thành tàn phế, nghĩ hổ thẹn với lời dạy xưa rằng sướng khổ có nhau. Nay định đến ngày 1 tháng 12 sẽ làm lễ thành hôn với Tống nữ sĩ tại Thượng Hải. Song muốn tiết kiệm chi dùng cho hôn lễ, khoản kinh phí dùng để đặt tiệc tiếp đãi bạn bè, sẽ phát cho bệnh viện phế binh, để làm tròn sở nguyện riêng của Trung Chính khi còn trong quân ngũ, mong Tống nữ sĩ cũng sẽ đồng tình. Nếu bạn bè đồng chí còn có lòng thương mến, muốn để lại chút kỷ niệm về lễ cưới của Trung Chính và Tống nữ sĩ, xin hãy tiết kiệm nghi lễ, giúp tôi xong công việc, thật vô cùng biết ơn. Phàm là ai định cho quà tặng quý giá, kính xin cho được miễn nhận và cảm ơn, hôn lễ đơn giản, nên không gửi thiệp mời (quy hoạch bệnh viện phế binh, đang còn bàn thêm với các đồng chí, nay nhờ ông Kim Dũng Bàn ở phòng quân sự Triết Giang trừ bị), vậy thông báo rộng rãi để mọi người cùng xem.

Ngày 30 tháng 11 tờ "Thân báo" ở Thượng Hải đã đăng mọi chi tiết của đám cưới của Tưởng Tống vào ngày hôm sau:

+ Tuần tự buổi lễ cưới.

Nay nhớ lời nguyện ước thề bồi, có chứng kiến làm thông điệp lứa đôi, chọn ngày đẹp để sánh vai cho đẹp niềm vui loan phượng, có Nguyên Bồi và mọi người làm chứng.

+ Người chủ hôn và người làm chứng.

Người làm chủ hôn khi Tưởng, Tống kết hôn, bên nhà trai có Tưởng Tích Hậu, nhà gái là Tống Tử Văn. Người làm chứng là 6 người gồm Đàm Diên Khải, Thái Nguyên Bồi, Vương Nho Đường, Du Nhật Chương, Hà Hương Ngưng, Lý Đức Tuyên nữ sĩ (Lý nữ sĩ là phu nhân tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân Tây Bắc Phùng Ngọc Tường). Phù rể là Lưu Kỳ Văn. Phù dâu là con gái của Vương Nho Đường

+ Chiêu đãi viên trong lễ cưới.

Tưởng Tích Hậu, Tống Tử Văn có thư mời những người làm chiêu đãi viên trong lễ cưới viết: Ngày một tháng 12 em trai Trung Chính và em gái Mỹ Linh của chúng tôi làm lễ thành hôn. Kính mời đến dự và tiếp khách, Tưởng Tích Hậu; Tống Tử Văn. Kính chào. Danh sách chiêu đãi viên như sau: Hà Kiệt Tài, Hoàng Minh Đạo,

Trần Kiện An, Mã Thiệu Lương, Ngô Khải Đình, Chu Trung Đạo, Trình Đốc Độ, Trương Viễn Đông, Trương Phúc Vận, Lý Điều Sinh, Ngưu Huệ Sinh, Quách Thừa Chí, Ngưu Huệ Lâm, Chu Dật Dân, Trần Lập Phu, Tôn Hạc Phụ, Trần Hy Tăng, Chu Thủ Mai, Trương Quân Mưu, Hà Tuyết Trúc, Tạ Vĩnh Lâm, Tăng Tử Ô, Quách Đức Hoa, Trần Bồi Châm, ngoài ra còn 12 người gồm Quách Tiêu nữ công tử Quách Bảo Chu nữ sĩ v.v... đảm nhiệm việc tiếp đãi khách mời nữ giới.

Giấy mời dự buổi hôn lễ của Tưởng, Tống phát đi rất thận trọng, đến tối hôm trước ngày cưới, đã phát đi hơn 1500 tấm, trên mỗi tấm thiệp chỉ đề tên ngài x.x. Khách vào theo thiệp mời, ở phía sau tấm thiệp đã ghi số thứ tự, có đóng dấu tên của Tống Tử Văn, nên mỗi thiệp chỉ được vào một người. Duy tối hôm trước theo tin tức Tống công quán, trên thiệp không có đề là tên ngài x.x. và phu nhân, nhưng rất hoan nghênh khách mời có mang phu nhân cùng tới dự lễ.

+ Cuộc du lịch trăng mật sau lễ cưới:

Cuộc du lịch trăng mật sau lễ cưới của Tưởng, Tống có lúc bảo sau khi cưới thì đến Hàng Châu, có người bảo họ Tưởng còn chờ sau cuộc hội nghị toàn thể lần thứ 4 của Trung ương, rồi mới đi du lịch trăng mật. Nhưng lại có tin nói sau khi Tưởng họp xong hội nghị Trung ương lần thứ 4 sẽ cùng Tống Mỹ Linh đi du lịch dài ngày ở Mỹ.

+ Tranh nhau đưa tặng phẩm.

Từ sau khi Tưởng đưa ra bản thông báo kết hôn, bạn bè và đồng bào ở các nơi tranh nhau đến đưa tặng phẩm, ai đưa tặng phẩm bằng vàng, bằng tiền, đều đưa lên gác nhà bằng trung ương ở đường Hoàng Phố nhờ nhận giúp; Ai đưa tặng phẩm thì đưa đến Tống công quán trên đường Tây Ma. Tối hôm trước ngày cưới khi các phóng viên đến Tống công quán, trong nhà đã bày chật những quà tặng, xem ra thứ nào cũng đắt tiền và có giá trị. Ở Ngân hàng Trung ương, trước đó một ngày đã bắt đầu nhận thu, một mặt Tưởng nhờ hai ông Trâu và Lý tới ngân hàng phát thiệp mời và thiệp cảm ơn, một mặt nhờ nhân viên của cục nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương đến thu tiền, suốt ngày những người đến ngân hàng đưa tiền tặng nói nhau, hết sức đông đảo, nhân viên nhận tiền không một phút ngơi tay, qua đây mới thấy nhiệt tình của Quốc dân đồng bào với công việc từ thiện đến mức như thế nào? Nghe nói chỉ trong hai ngày trước hôm cưới, số tiền thu được đã khá lớn, có người như ông Trương Tinh Giang mừng 400 đồng tiền ngoại, hai ông Diệp Trác Đường và Tôn Hằng Phủ mỗi người mừng 200 đồng, các ông Chu Bồi Châm, Chương Liệt, Hùng Khắc Vũ v.v... cũng mỗi người mừng 100 đồng. Ban trù bị định một vài ngày tới sẽ đăng báo công bố số tiền và danh sách những người mừng tiền lên trên báo.

Nhưng Tưởng, Tống cho rằng: Lời tựa trong giấy chứng nhận hôn thú đăng trên

tờ "Thân báo" không phù hợp với thân phận của nó nên lệnh bắt phải sửa chữa. Ngày 1 tháng 12 tờ "Thân báo" cho đăng lại lời tựa đã sửa chữa:

Mừng nối tình hai họ, xe bên trăm năm, nay Tường Giới Thạch tiên sinh cùng Tống Mỹ Linh nữ sĩ, cử hành hôn lễ tại lễ đường Đại Hoa ở Xuân Giang, cảm sát hòa vui, hai lòng thâm hẹn, ngày lành tháng tốt, sáu lễ cáo thành, một là uy lừng khắp chốn, đức làm bè bạn thêm tin, hai là tiếng vang hải ngoại, tài sánh Đường Ngu. Con trai con gái anh hùng thần tiên quyến thuộc, ngày nay mặt trời lại sáng, chính là xoay chuyển càn khôn. Phải biết rằng bài học xưa nay, hãy tề gia rồi mới trị quốc, Liễu doanh chờ khuya trống Mộc Lan, nên giúp cho Bắc phạt thành công, lấy thẻ tre truyền sách cho mọi người, dùng để đón tin vui từ phương đông tới, hợp thành khuôn khổ gia đình, tăng vinh dự cho Đảng của ta.

Cũng trong ngày đó Tường Giới Thạch còn cho đăng thông báo ly dị và một bài viết "Hôm nay của chúng ta".

Thông báo viết:

Mao thị không còn là vợ, sớm đã bỏ nhau; Còn hai thị Diêu, Trần vốn chẳng có gì ràng buộc.

Bài văn như sau:

Hôm nay được kết hôn với người kính yêu nhất là Tống Mỹ Linh nữ sĩ, thật là ngày vẻ vang nhất trong đời và cũng là ngày sung sướng nhất trong đời. Từ khi đi theo Cách mạng, luôn luôn tích cực tiến hành, song đôi lúc chợt có ý thoái lui tiêu cực. Đến một ngày, lãnh tụ tiên bối hỏi rằng: "Ngày nào mới có thể chuyên tâm dốc lòng làm cách mạng?" Những đồng chí thân yêu khác, cũng thường bảo nhau làm thế nào để Giới Thạch yên tâm làm tròn trách nhiệm với Cách mạng. Phàm những điều nghi vấn đó vốn rất dễ trả lời, vậy nhưng lúc ấy không thể nói ra, đến nay mới có câu trả lời trọn vẹn. Bởi tin chắc rằng từ hôm nay sau khi kết hôn với Tống nữ sĩ trở đi, công việc cách mạng nhất định sẽ có nhiều tiến bộ, tôi có thể yên tâm hết trách nhiệm vì cách mạng cũng sẽ là từ hôm nay. Tôi thường ngày có nghiên cứu về triết học nhân sinh và vấn đề xã hội, tin sâu sắc rằng cuộc đời con người không có hôn nhân mỹ mãn, thì làm người tất cả đều không có ý nghĩa gì, xã hội không có gia đình yên vui, thì dân tộc ấy cũng chẳng hòng tiến bộ. Người vì sự nghiệp cách mạng nếu không chú ý đến việc cải cách xã hội, thì không phải là cách mạng thực sự, thì cuộc cách mạng ấy không thể triệt để. Gia đình là nền tảng của xã hội, muốn cải tạo xã hội Trung Quốc, thì trước hết nên cải tạo gia đình Trung Quốc, tôi và Tống nữ sĩ thảo luận vấn đề cách mạng Trung Quốc, đối với điểm này quả thật đã có một niềm tin giống nhau. Hai người chúng tôi kết hôn lần này, sẽ có ảnh hưởng thế nào với xã hội cũ và có đóng góp gì cho xã hội mới,

thực đấy mới là sở nguyện lớn lao. Hai người chúng tôi hôm nay, chẳng những tự mừng cho sự mỹ mãn của cuộc hôn nhân của cá nhân mình, hơn thế nữa còn muốn thúc đẩy cuộc cải tạo xã hội Trung Quốc. Tôi tất sẽ mang theo chí nguyện đó, cố gắng không mệt mỏi, trước hết là hoàn thành cách mạng Trung Quốc rồi sau mới nghĩ đến mình, cho nên việc kết hôn hôm nay giữa hai chúng tôi, thực ra là xây dựng nền móng cho sự nghiệp cách mạng của hai người. Lần đầu tiên khi tôi gặp Tống nữ sĩ, đã nảy sinh ra cảm tưởng về sự gặp gỡ đẹp đẽ này trong lý tưởng của tôi, mà Tống nữ sĩ cũng từng có lời thề, không lấy được Tưởng tôi làm chồng, thì sẽ suốt đời ở vậy. Sự kết hợp thần thánh giữa hai người chúng tôi, thực không phải tầm thường chút nào. Ngày hôm nay, sự đủ đầy khiến hai người chúng tôi sung sướng vô cùng và cho rằng đây là ngày kỷ niệm có ý nghĩa nhất trong đời, bởi thế mà sự chúc mừng của bè bạn cũng vì kính yêu mà không dám chối từ".

"Sự gặp gỡ đẹp đẽ trong lý tưởng" đã vào tận phòng của Tưởng Giới Thạch, làm gì mà chẳng khiến ông ta sung sướng phát điên lên!

Ngày 1 tháng 12 năm 1927 Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh đã làm lễ cưới ở Thượng Hải.

Lễ cưới tiến hành làm hai đợt. Đợt thứ nhất là lúc 3 giờ 5 phút tiến hành lễ cưới theo nghi thức tôn giáo tại Tổng công quán trên Tây Ma Lộ, hai bên trao nhẫn cưới cho nhau; đợt thứ hai là vào lúc 4 giờ 20 làm lễ cưới có tính xã giao với qui mô đồ sộ tại khách sạn Đại Hoa trên đường Các-Đặng. Các yếu nhân của quốc dân Đảng và nhà nước cũng như trên 1000 khách mời trong và ngoài nước đã tham gia lễ cưới này. Tờ "Thời báo Thượng Hải" đưa tin: Đây là một hoạt động lớn lao và vẻ vang của cả năm lại đây, cũng là một buổi lễ hiển hách của người Trung Quốc.

Vậy thì buổi lễ cưới cho đến nay cũng còn làm cho người ta thấy hay thấy lạ rốt cuộc là vẻ vang tới đâu, hiển hách đến mức nào?

Chúng ta có thể nhìn từ những mặt sau đây:

+ Việc bài trí ở lễ đường.

Lễ cưới của Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh diễn ra ở hai lễ đường: Một cái ở Tổng công quán trên Tây Ma Lộ, một ở khách sạn Đại Hoa. Ở Tổng công quán, lễ đường đặt tại hoa sảnh phía Tây, chính giữa treo chân dung của Tống phụ Diệu Như, giữa nhà đặt chiếc bàn dài bằng gỗ đỏ, bên trên để hai lẵng hoa, từ nhà khách số 1 đến Tây hoa sảnh, hai bên lối đi bày kín những lẵng hoa của các giới đưa mừng, chính giữa chùa một lối đi trên có trải vải đỏ. Bên phải lễ đường là nơi bạn bè và quan khách đứng xem nghi thức lễ cưới, phía phải bên ngoài sảnh là nơi dành cho

dàn nhạc. Lễ đường ở khách sạn Đại Hoa thì đặt ở vũ trường. Chính giữa phía Đông vũ trường, dùng vải đỏ và hoa tươi tạo nên một cái đình, phía sau đình treo cờ Quốc dân đảng, quốc kỳ, trong đình, phía chính điện treo chân dung của Tôn Trung Sơn, giữa đình gần phía sau dùng vải đỏ và hoa tươi tết thành một quả chuông treo. Phía trước đình, ở giữa đặt một chiếc bàn dài bằng gỗ đỏ, trên bàn có hoa tươi, giấy chứng nhận hôn thú và hộp dầu v.v.. Trước đình đặt một số ghế đặc biệt để gia đình hai họ ngồi, xung quanh đó đều là ghế ngồi với bàn tiệc trà. Phía đối diện là dàn nhạc. Từ cửa lớn đến lễ đường, ở giữa chừa ra một lối đi trải thảm đỏ, cô dâu chú rể từ đây vào lễ đường.

+ Khách mời của các giới.

Những yếu nhân của Quốc dân Đảng, mỗi người mang một tâm trạng khác nhau đến dự lễ cưới này. Chính giới gồm: Ôn Tinh Vệ, Ngô Nhã Huy, Hà Hương Ngưng, Chủ Dân Nghị, Đới Quý Đào, Diệp Sở Thương, Trần Quả Phu, Trương Đào Dung, Mậu Bân, Thiệu Lực Tử, Thiệu Nguyên Xung, Ngô Thiết Thành, Thẩm Quân Nho, Trần Bồ Lô, Chu Gia Hoa, Phan Công Triễn, Chu Phật Hải, Tăng Dưỡng Phụ, Hàn Sĩ Nguyên (đại biểu đặc biệt thành phố Nam Kinh) v.v... Giới quân sự có: Bách Văn Úy, Trần Danh Khu, Mã Phúc Tường, Hùng Khắc Vũ, Tiêu Dị Đường, Trần Gia Đình (thay mặt cho Hạ Diệu Tổ, Diệp Khai Hâm) Lý Tác Huy (thay mặt cho Triệu Hằng Thích), Dương Chấn Xuân (thay mặt cho Lý Cảnh Lâm) v.v...

Các lãnh sự, phóng viên của các nước cũng đến dự lễ cưới Tưởng Tổng. Trong đó có: Vợ chồng tổng lãnh sự Mỹ Kên Han, vợ chồng án sát sứ của Mỹ Fan-Con. Phóng viên báo "Mi-lơ" Pao Wen, hội liên hiệp thanh niên toàn quốc Uên Pao, vợ chồng Bai-lan – Con của chúng nghiệp công sở, vợ chồng Ao-ơ-men của công quán luật sư Lễ Minh; vợ chồng án sát sứ Anh Lót – Tăng; tổng giám đốc công ty Mac-ti, Mác-ti phu nhân, vợ chồng Xai-y của báo "Thái Ngô sĩ" Thượng Hải, Pao Uyên của vạn quốc thương đoàn, vợ chồng ông tổng lãnh sự Nhật Bản và ông tổng lãnh sự của Đức v.v...

Đông đảo quan khách nước ngoài như thế có mặt trong lễ cưới, nói lên rằng xã hội quốc tế đã thừa nhận Tưởng Giới Thạch, đó là một thu hoạch lớn ngoài lễ cưới.

+ Canh phòng cho lễ cưới.

Từ sáng ngày 1 tháng 12 đến tối hôm đó, bên ngoài Tổng công quán, có một số mật thám của tô giới, một số cảnh sát người Hoa, người Tây, giới nghiêm rất chặt, ai vào công quán đều phải được chủ nhà cho phép.

Ở khách sạn Đại Hoa, từ một giờ chiều trở đi, bọn vệ binh mặc thường phục của Tưởng Giới Thạch và thủ hạ Hoàng Kim Vinh ở Tô giới khoảng hơn chục người,

canh giữ ngoài cửa. Hễ có khách đến xét đúng giấy mời mới cho vào, nếu không tất cả đều ở bên ngoài. Sở cảm cũng cử thêm bốn tên cò Tây đến cửa khách sạn để giữ trật tự.

+ Nghi thức lễ cưới của giáo hội trong nhà họ Tống.

Tống lão phu nhân là một tín đồ rất trung thành của đạo Cơ đốc, bà khẳng khái giữ ý định làm lễ cưới theo nghi thức tôn giáo, và định mời mục sư Giang Trường Xuyên làm chủ trì lễ cưới. Nhà họ Tống là giáo hữu của nhà thờ Cảnh Lâm, mà Giang Trường Xuyên là mục sư của nhà thờ này, lại có quan hệ rất tốt với gia đình họ Tống. Người chủ trì lễ cưới, đương nhiên không phải ông thì chẳng còn ai khác. Thế nhưng mục sư Giang lại khẳng khái một mực từ chối lời yêu cầu của nhà họ Tống. Bởi vì ông cho rằng việc ly dị của Tưởng Giới Thạch chỉ là đơn phương, không có căn cứ pháp luật, thủ tục còn chưa rõ ràng, theo quy định của đạo Cơ đốc, ông không thể làm chủ hôn cho một kẻ trùng hôn. Lão phu nhân hết sức đau lòng, nài nỉ mãi với mục sư và nói rõ tình hình, nhưng mục sư vẫn từ chối như cũ, không hề lay chuyển. Không còn cách nào, gia đình họ Tống chuyển sang mời tổng cán sự của Hiệp hội thanh niên Cơ đốc giáo Dư Nhật Chương làm chủ trì.

Ba giờ chiều, trong nhà họ Tống âm vang tiếng nhạc, một ca sĩ lên giọng cất tiếng hát. Tiếng hát vừa dứt, tiếng đàn lại dội lên, trong tiếng nhạc rộn ràng Tưởng Giới Thạch và người phù rể là Lưu Kỷ Văn đi tới lễ đường dừng lại bên chiếc bàn dài, sau đó cô dâu cũng từ từ bước vào phòng, người chủ hôn Dư Nhật Chương bắt đầu có lời chúc mừng tân hôn:

"Thưa tất cả anh chị em thân mến! Hôm nay, trước mặt Thượng đế và thân hữu của hai gia đình Tưởng, Tống, chúng ta làm thánh lễ thành hôn cho Tưởng Giới Thạch tiên sinh và Tống Mỹ Linh nữ sĩ. Hôn nhân là việc lớn nhất trong vòng đời của người Trung Quốc chúng ta, trong Kinh Dịch cũng đã nói, có vợ chồng sau đó mới có phụ tử quân thân, sự thần thánh cao quý ấy không gì sánh nổi. Khi Ki-tô còn sống trên đời, đã có ý đến với lễ cưới ở Ga-na, cũng là có ý coi trọng việc hôn nhân. Thánh Phau-lô cũng nói việc hôn thú vô cùng quan trọng, không thể qua loa được. Chúng ta hãy kính cẩn tuân theo ý chỉ của Thượng đế, để tác thành cho công việc lớn này!

Chúc mừng xong, Dư Nhật Chương đưa lời thề ước đã được viết sẵn tới tay cô dâu chú rể. Cô dâu chú rể đã lần lượt đọc:

– "Tôi là Tưởng Trung Chính, tình nguyện theo ý của Thượng đế, lấy Tống Mỹ Linh làm vợ. Từ nay về sau bất kể yên vui hoạn nạn, khỏe mạnh hay ốm đau, tất cả cùng nhau gắn bó. Tôi sẽ mang hết sức ra yêu kính nàng, bảo vệ nàng, suốt đời không rời lỏng, xin Thượng đế hãy chứng giám đó là lòng thành thực của tôi với

nàng. Nay sẽ tặng nàng chiếc nhẫn này để giữ vững lời nguyên".

– "Tôi là Tống Mỹ Linh, tình nguyện tuân theo ý của Thượng đế, lấy chồng là Tưởng Trung Chính, theo chàng làm vợ. Từ nay trở đi, bất kỳ là yên vui hay hoạn nạn, khỏe mạnh hay ốm đau, tất cả cùng chàng gắn bó. Tôi sẽ mang hết sức ra yêu kính chàng, bảo vệ chàng, suốt đời không lời lỏng. Xin Thượng đế hãy chứng giám, đó là lòng thành thực của tôi với chàng. Nay sẽ tặng chàng chiếc nhẫn này để giữ vững lời nguyên".

Tiếp đó hai người trao nhẫn cho nhau và cảm tạ. Khi Tưởng Giới Thạch đeo nhẫn vào ngón tay cô dâu, đã cúi xuống hôn nhẹ vào trán nàng, rồi khẽ nhoẻn miệng cười. Cô dâu đỏ bừng hai má, ngược nhìn lại, cũng mỉm cười đáp lại.

Trao nhẫn xong, người chủ hôn Dư Nhật Chương lại đọc lời tuyên cáo: "Tưởng Giới Thạch tiên sinh và Tống Mỹ Linh nữ sĩ, hôm nay trước mặt Thượng đế và thân hữu hai gia đình Tưởng Tống đã trao nhẫn cho nhau cùng nhau nguyện ước kết làm vợ chồng. Nay ta trình trọng tuyên cáo hai người họ đã chính thức nên vợ nên chồng".

Sau đó lại đọc lời cầu nguyện và chúc phúc:

"Cha chúng con ở trên trời. Người là đại chúa tể thống trị muôn dân trên thế giới, là ngọn nguồn tình yêu của loài người. Hôm nay chúng con được sáng danh Người kết cho Tưởng Giới Thạch tiên sinh và Tống Mỹ Linh nữ sĩ nên duyên vợ chồng. Chúng con xin cảm ơn Người, xin Người hãy làm cho tình vợ chồng của họ ngày thêm nồng thắm, để họ gặp điều gì cũng thương yêu giúp đỡ nhau để có hạnh phúc đầy đủ trong cuộc đời. Xin Người hãy làm cho họ tổ chức được một gia đình lý tưởng và hoàn thiện, xây dựng một nền tảng tốt đẹp cho xã hội Trung Quốc. Ngày nay nhân dân Trung Quốc đang đắm chìm trong đau khổ, xin Người hãy rủ lòng thương, để vợ chồng họ từng giờ từng phút cảnh giác và dốc lòng tiến hành công tác cách mạng. Xin Người hãy làm cho họ có lòng dũng cảm lớn lao hy sinh vì nước, có thể phấn đấu tiến lên, vượt qua mọi gian nan. Xin Người hãy làm cho họ từ nay về sau trên con đường xây dựng nước Trung Quốc mới, có những đóng góp lớn lao hơn, để nhân dân cả nước được hưởng niềm hạnh phúc và chúc phúc cao cả. Xin Thượng đế và Cha trên trời hãy phù hộ cho họ, ban hạnh phúc cho họ, dẫn dắt họ để cho suốt đời họ luôn làm sáng danh Người. A-men!".

Chúc phúc xong chú rể cô dâu vái tạ người chủ hôn.

Nghi thức lễ cưới theo tôn giáo thế là kết thúc. Lúc đó là 3 giờ 20 phút.

Sau khi kết thúc lễ cưới ở nhà họ Tống, Tưởng Giới Thạch cùng người phù rể là

Lưu Kỷ Văn ngồi xe đến khách sạn Đại Hoa. Người đứng xem chật ních hai bên đường, choán hết cả lối xe đi. Mọi người đều muốn nhìn thấy mặt Tướng Giới Thạch, ai ngờ Tướng và mọi người đã lên vào theo lối cửa nách chùa Tĩnh An, ngồi yên trí trong lễ đường của khách sạn, mãi đến lúc buổi lễ bắt đầu, có nhiều người ngoài phố vẫn còn nghển cổ ngóng trông!

+ Tình hình khi chính thức làm lễ cưới.

4 giờ 10 phút buổi chiều, người xướng lễ Thiệu Lực Tử hô to mời quan khách vào chỗ, các nhạc sư cử nhạc và ca hát, nội dung cũng như trước. Hát xong, chủ hôn, người làm chứng vào chỗ. Thái Nguyên Bồi đứng giữa, bên trái là Hà Hương Ngung, Vương Chính Diên, Tướng Tích Hầu v.v... Bên phải có Lý Đức Toàn, Đàm Diên Khải, Dư Nhật Chương.

Tiếp đó, cô dâu, Tướng Giới Thạch cùng phù rể khoan thai bước vào nhà, tiếng đàn lại dội lên, du dương như rót vào tai. Trong khúc nhạc tân hôn êm dịu, một đôi gái đồng trinh đẹp như tiên ôm hoa bước ra, tay họ xách làn hoa, vừa đi vừa rắc lên lối đi tạo bằng từng bách. Sau đó lại có hai đôi phù dâu bước ra. Phía trước là tiểu thư Quách Bảo Chu và tiểu thư của Vương Chính Đình, phía sau là tiểu thư Nghê Cát Trinh và tiểu thư lớn của nhà họ Khổng. Họ nhẹ nhàng chuyển bước, yếu điệu thướt tha. Cô dâu Mỹ Linh ôm một bó hoa Thạch trúc màu hồng nhạt, do người anh là Tử Văn dìu đi, theo tiếng đàn khoan thai bước tới, lặng lẽ mà đoan trang, trang sức cực kỳ mới mẻ và đẹp mắt: Trên đầu choàng mạng che màu hoa đào trong suốt, một vành hoa tết bằng nụ hoa màu tía cài lên đầu. Toàn thân gọn gàng trong chiếc áo dài màu bạc. Một dải voan màu trắng có cài thêm những đóa hoa vàng vắt chéo qua vai, một vạt thân váy bên ngoài bằng đoạn mềm màu trắng kéo dài ở phía sau, chùng xuống cùng đung đưa với lớp voan mỏng... Mọi người nhìn vẻ đẹp của cô dâu mà tuồng như nín thở... Sau khi cô dâu chú rể đứng yên, mọi người đứng nghiêm, làm lễ chào cò và chào chân dung thủ tướng. Sau đó người chủ hôn Thái Nguyên Bồi đọc tờ chứng nhận hôn thú, đọc xong đóng dấu tên. 4 giờ 37 phút, cô dâu chú rể đứng quay vào nhau, trong tiếng hô của người xướng lễ, vái chào lẫn nhau. Tất cả mọi người vỗ tay. Tướng Giới Thạch tươi tắn mỉm cười, trước hết vái chào cảm tạ chủ hôn và người làm chứng, sau đó vái chào cảm ơn các quan khách. Lúc ấy dàn nhạc lại nổi lên, nam ca sĩ người Mỹ hát bài hát "Ôi! Hãy bằng lòng đi em!".

Lễ cưới đợt hai tuyên bố kết thúc, lúc đó là 4 giờ 40 phút.

Cô dâu chú rể bước đi trong tiếng hát vang lừng, len lỏi giữa rừng người, ngồi lại giữa những làn hoa thắm. Từ trong một dây hoa rút ra một băng lụa, hàng ngàn hàng vạn cánh hoa hồng bay ra rơi trên mình họ. Chú rể gật đầu cảm ơn, lui vào

phòng tạm nghỉ, 5 giờ chiều ra xe để trở về nhà họ Tống.

Tướng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh về tới nhà họ Tống, lập tức tới chào Tống lão phu nhân và mọi người thân thuộc. Nhà họ Tống lúc này đã yên ắng trở lại, họ đã mời thợ ảnh ở hiệu ảnh Trung Hoa về chụp ảnh lễ cưới bù cho lúc ở khách sạn Đại Hoa vì đông người chật không chụp được ảnh. 8 giờ tối, nhà họ Tống mở tiệc khoản đãi hai người.

Trong bữa tiệc, vợ chồng chị cả Ái Linh tặng cô dâu chú rể bốn bộ Bị yếu. Bốn bộ Bị yếu từ tập 1 đến tập 5 do Trung Hoa thư cục phát hành, chữ nhả nhận, in đẹp, chọn lựa kỹ càng, đối chiếu thẩm định đã nổi tiếng trong cả nước. Chiều tối ngày 29 tháng 11 vợ chồng Ái Linh đã thân chinh đến nhà xuất bản bàn bạc. Giám đốc nhà xuất bản dùng bốn hòm sách bằng gỗ bửi (5 tập đóng làm 10 hòm) ngay trong đêm đã khắc chữ lưu niệm, chữ do Đường Đà viết: "Giới Thạch huynh, Mỹ Linh muội kết hôn lưu niệm", dưới ghi "Trường Hy – Ái Linh kính tặng". Vợ chồng Tướng Giới Thạch vui mừng đón nhận món quà này.

Sau bữa tiệc, chú rể cô dâu lên xe về nhà mới ở đường Kỳ Trai. Ngay đêm ấy, họ cùng 200 vệ binh lên tàu rời Thượng Hải, đến đèn miếu của Thanh bang ở Mạc Can Sơn.

Vừa đến đây được mấy ngày, Tướng Giới Thạch bị triệu tập đi họp hội nghị dự bị toàn thể chấp hành trung ương lần thứ 4 khóa 2 Quốc dân đảng, trong hội nghị đã thông qua nghị quyết phục chức cho Tướng Giới Thạch. Cái đám bê bối của Quốc dân đảng lại phải đến Tướng Giới Thạch mới thanh toán nổi. Ngày 9 tháng 1 năm 1928, Tướng Giới Thạch gửi điện văn tuyên bố phục chức.

Phu quý phụ vinh, sau lễ cưới 40 ngày, Tống Mỹ Linh trở thành "đệ nhất phu nhân"

CHƯƠNG V SỰ CHIA RẼ TRONG GIA ĐÌNH HỌ TỐNG

I. NGƯỜI BẢO VỆ TRUNG THÀNH SỰ NGHIỆP CỦA CHỒNG

Mười năm vợ chồng – mười năm trên đường chinh chiến.

Vấp vấp và thất bại là những thử thách nhất đôi với ý chí một con người, nó cũng phơi bày rõ nhất bản chất một con người.

Đứng trước việc Viên Thế Khải tước đoạt thành quả của cuộc cách mạng Tân Hợi; trước việc ngọn lửa "Cách mạng lần thứ hai" vừa nhen lên đã bị dập tắt; đứng trước cuộc sống sau 16 năm lênh đênh hải ngoại (từ 1895 – 1911) và vẫn đang còn phải tiếp tục lưu vong; đứng trước cái tuổi "tri thiên mệnh" đang dần tới và cuộc đời đang bước sang buổi hoàng hôn... Tôn Trung Sơn vẫn vững chắc tin vào lý tưởng của mình là đấu tranh không mệt mỏi để xây dựng nền cộng hòa dân chủ.

Đó là một ý chí kiên cường biết bao!

Đó là một phẩm chất cao cả biết bao!

Chính ma lực sáng ngời đó của nhân cách, đã cuốn hút Tống Khánh Linh rất sâu sắc. Bà đã không chấp nệ gì chuyện chênh lệch rất lớn về tuổi tác, không chấp cả cách nhìn sai lệch của người đời, không nghĩ gì đến sự chống lại của gia

đình, hoàn toàn vô tư, không mong đền đáp, đến với Tôn Trung Sơn, cùng ông đón đợi vô vàn thách thức, mở đường đến tương lai.

Bánh mì rồi sẽ có, hy vọng rồi cũng sẽ có, nhưng tất cả vẫn còn mờ mịt và xa xôi quá.

Mười năm Tống Khánh Linh và Tôn Trung Sơn chung sống với nhau, diễn đàn chính trị đã trải qua nhiều phen mưa gió, nhiều phen lên xuống tựa thủy triều. Giác mộng bá vương sừng sững trong hoàng bào của Viên Thế Khải vừa mới bắt đầu, đã phải như chuột cống ra đường, người người đuổi đánh, Viên bị ốm liệt giường, rồi bỏ mạng. Là những người khai hoàn, Tôn Trung Sơn và Tống Khánh Linh kết thúc cuộc sống lưu vong, trở về Tổ quốc.

Kẻ độc tài dù có chết đi, nhưng vẫn để lại cho lịch sử nhiều di chứng – những học trò được hấn nuôi dạy, o bế như bọn Đoàn Kỳ Thụy, Phùng Quốc Chương đều là

một bọn vũ phu không một chút liêm sỉ, chúng ngang ngược hống hách, vênh vác hung hăng, tàn hại dân chúng, làm càn làm bậy.

Để thu dọn cái đồng rác chính trị này, Tôn Trung Sơn tiên sinh đã giương cao ngọn cờ bảo vệ pháp luật tiến hành cuộc đấu tranh gian khổ. Tống Khánh Linh luôn ở bên cạnh chồng, cố hết sức tạo cho chồng một không khí gia đình đầm ấm, để cho thần kinh quá căng thẳng vì trăm công ngàn việc của chồng được thư thái. Tôi tôi, họ cùng nhau "đọc sách, xem báo, nói chuyện phiếm". Thỉnh thoảng Tống Khánh Linh lại chiếu ở trong nhà cho Tôn Trung Sơn xem một bộ phim, hay cùng ông đánh bóng chày giải trí. Được sự săn sóc của Tống Khánh Linh, con người "khô khan" ít sôi nổi như Tôn Trung Sơn cũng thanh thản được ít nhiều. Nhưng đến khi Tôn Trung Sơn làm việc, Tống Khánh Linh không bao giờ quấy rầy, hơn thế, còn chia sẻ với ông nhiều công việc, bà là phiên dịch, là nhân viên cơ yếu và còn là cố vấn chính trị rất gần gũi của Tôn Trung Sơn.

Lý tưởng chung, sự nghiệp chung đã làm cho hai người sống với nhau rất hòa thuận và thân mật. Sau ngày cưới, trong thư gửi cho bạn học ở đại học Mỹ, Tống Khánh Linh đã kể rằng: "Mình rất hạnh phúc, hết sức giúp chồng mình giải quyết những văn bản bằng Anh văn. Pháp văn của mình cũng có tiến bộ rõ rệt, hiện nay đã xem được báo tiếng Pháp, không phải vát vả vừa đọc vừa dịch nữa. Đủ thấy rằng với mình lấy chồng cũng như đang đi học, chỉ có khác là không còn phải lo "thi cử" nữa mà thôi!".

Con đường Cách mạng vốn gập ghềnh và đầy dẫy chông gai. Bọn quân phiệt ở phía Nam một thời bảo vệ pháp luật (Đường Kế Nghiêu, Lạc Vinh Đình v.v...) cũng chỉ là những con điếm về chính trị, không có chút gì là tiết tháo. Bọn họ rất nhanh chóng quay lưng lại với tôn chỉ ủng hộ pháp luật. Tôn Trung Sơn đã bực bội mà từ chức, trở về Thượng Hải, viết sách nêu học thuyết của mình.

Ngày 25-11-1920 do yêu cầu của quân đội Quảng Đông Tôn Trung Sơn đã rời Thượng Hải đến Quảng Châu, tổ chức lại Chính phủ "ủng hộ pháp luật". Đến ngày 5 tháng 5 năm sau, ở Quảng Châu, Tôn Trung Sơn đã nhậm chức tổng thống bất thường, như thế có nghĩa là có hai Chính phủ – Một cái ở Bắc Bình, một cái ở Quảng Châu, cái nào cũng tự xưng là tiêu biểu cho toàn thể đất nước Trung Quốc, cũng có nghĩa là Tống Khánh Linh cả thẹn và nhay cảm, từ đây cũng trở thành "đệ nhất phu nhân", hoặc ít nhất ra với những người thừa nhận Chính phủ Quảng Châu, thì sự thể sẽ là như thế! Thời gian này Tống Khánh Linh hay cùng đức ông chồng thường xuyên đi lại Quảng Châu, Thiệu Quan, Quế Lâm, Ngô Châu v.v... vát vả bôn ba, tính toán ngược xuôi... Đến khi Bắc phạt được khai triển rầm rộ thì Trần Quýnh Minh – Tổng Tư lệnh quân đội Quảng Đông "bạn chiến đấu thân thiết" ngày nào của Tôn Trung Sơn bỗng công khai trở mặt. Ngày 16 tháng 6 năm 1922, hấn hạ

lệnh cho quân đội bao vây, nã pháo vào phủ Tổng thống và nơi ở của Tôn Trung Sơn và Tống Khánh Linh là lầu Việt Tú trên núi Quan Âm. Cuối tháng 6, Tống Khánh Linh thoát chết từ những trận pháo kích đó về đến Thượng Hải. Ngày 28 và ngày 29 trên tờ "Dân quốc nhật báo" đã đăng bài "Thoát nạn ở Quảng Châu" của Tống Khánh Linh, chân thực ghi lại những nỗi nguy hiểm mà bà và Tôn Trung Sơn đã vấp phải và quá trình thoát nạn ra sao.

"Hai giờ đêm ngày 15 tháng 6, tôi đang ngủ say, bỗng bị Tôn Trung Sơn tiên sinh lay dậy và giục tôi thu xếp hành lý để chạy trốn với ông. Ông vừa nhận được một cú điện thoại nói quân của Trần sẽ đánh tới nhà chúng tôi, phải trốn ngay ra ngoài chiến hạm, từ trên chiến hạm có thể chỉ huy dẹp bằng bọn phản loạn. Tôi đề nghị ông đi trước, bởi vì cùng đi, sẽ có những điều bất lợi cho ông, hơn nữa tôi thấy rằng đi lẻ từng người một, không nguy hiểm bằng cùng đi. Nói khéo mãi, ông mới chịu đi trước một mình, thế nhưng lại lệnh cho tất cả 50 người bảo vệ ở lại, một mình ông trốn ra".

Nửa giờ sau khi ông trốn đi... xung quanh âm vang tiếng súng, quân phản loạn từ trên cao bắn tới tấp vào nhà chúng tôi, và hô lớn: "Bắn chết Tôn Văn đi, bắn chết Tôn Văn đi!". Trời tối như bưng lầy mắt, không nhìn thấy quân địch đâu, đội vệ binh của chúng tôi chỉ còn cách án binh bất động, trong bóng tối, tôi chỉ thấy mờ mờ hình ảnh những vệ binh ngồi phục ở đó.

Lúc tảng sáng, đội vệ binh bắt đầu bắn trả lại quân địch bằng súng trường và súng máy. Quân địch lại dùng dã pháo nã vào nhà chúng tôi, một quả đạn rơi trúng và làm hỏng phòng tắm. Đội vệ binh đã chết và bị thương tới một phần ba, những người còn lại vẫn chiến đấu rất dũng cảm, không hề tỏ ra run sợ. Có một người cận vệ đã leo lên chỗ cao, một mình chiến đấu hiên ngang, liền một lúc diệt không biết bao nhiêu tên địch. Đến 8 giờ đạn dược của quân ta gần như đã dùng hết, đội vệ binh đã dùng chống trả, chỉ còn để lại mấy thùng đạn, dành cho những đợt chiến đấu sau cùng". "Tình thế lúc này, có ở lại cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Đội trưởng khuyên tôi xuống núi, đó là kế duy nhất an toàn. Những vệ binh còn lại, cũng khuyên tôi nên trốn đi, hơn thế, còn đồng ý ở lại phía sau phòng địch truy kích... Nghe nói 50 vệ binh đó, không có một người nào thoát nạn.

"Cùng đi với tôi, có hai vệ binh và phó quan trưởng Diêu Quan Thuận. Bốn người chúng tôi, trong tay cầm mấy thứ lật vật, bò theo những lối đi gồ ghề trên mặt đất. Quãng đường này, lại đúng vào tầm đạn bắn, chúng tôi thấy tiếng đạn réo bốn bề, có hai lần đạn sạt qua mang tai tôi, suýt nữa thì bị trúng đạn..."

Từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều, chúng tôi thực sự chìm trong cái địa ngục mịt mờ đạn khói. Đạn vẫn bay về bốn phía. Có một lần, tôi vừa ra khỏi một căn nhà mây

phút, nóc nhà bị trúng đạn, cả căn nhà đổ sập".

"Đến 4 giờ chiều, sư trưởng Ngụy Bang Bình vốn giữ thái độ trung lập, đã cử một sĩ quan tới nêu điều kiện. Điều đầu tiên vệ binh nêu ra là để tôi được an toàn ra khỏi vòng nguy hiểm, nhưng người sĩ quan đó lại nói rằng ông ta không đảm bảo được an toàn cho tôi, bởi vì những người bắn phá đó không phải là quân đội của ông, mà ngay cả đến chỉ huy của họ cũng chẳng ràng buộc được họ. Đang lúc nói với nhau như thế, hai lần cửa thép ở phía trước bật mở ra. Quân địch ồa vào, lính tráng của chúng ta không còn một viên đạn nào, đành phải buông súng xuống. Tôi thấy bọn địch ở bốn phía lăm lăm súng ngắn dao găm trong tay chĩa về phía chúng tôi. Ngay sau đó giật lấy những gói đồ trên tay chúng tôi dùng dao găm rạch ra rồi chúng tranh nhau cướp lấy những thứ đó. Nhân dịp đó, chúng tôi trốn đi, xông vào giữa đám đông của hai đội quân đối lập nhau, một đằng là những binh lính trốn ra, một đằng là đám quân địch vừa ồa ra từ cổng vào. Cũng may trên đầu tôi đội cái mũ lá của Diêu phó quan, trên người lại khoác cái áo mưa của Tôn Trung Sơn, mới trốn ra được từ trong đám người nhốn nháo đó... Tôi bước không nổi nữa, nhờ có hai vệ binh, mỗi người xóc một bên nách dìu đi. Tôi nghĩ bụng rằng không thể chịu đựng được nữa rồi, bảo họ hãy bắn chết tôi đi. Xung quanh ngồn ngộn là xác chết, có người là đảng viên, có người là dân chúng, người bị cắt đầu, người bị cụt chân cụt tay nằm giữa những vũng máu trên đường phố. Lúc ấy, tôi thấy một hình tượng rất lạ lùng là có hai người ngồi xỏm đối diện nhau dưới hiên nhà bên đường phố, chúng tôi chạy ngang qua, thấy mắt họ không hề chớp, mới biết rằng họ đã chết, có thể là họ đã bị một loạt đạn bắn qua".

"Đang đi như vậy, bỗng nhiên một toán lính từ trong ngõ phố lao ra, nổ súng vào chúng tôi. Những người cùng đi bảo thềm với nhau nằm ra đất giả chết. Bọn lính phi đó quả nhiên chạy lướt qua, đi ngả khác để cướp bóc. Chúng tôi nhóm dậy chạy, các vệ binh bảo tôi không nên nhìn vào những thân người ở ven đường vì họ sợ rằng tôi sẽ ngất xỉu. Khoảng nửa giờ qua đi, thấy tiếng súng thưa và nhỏ dần, chúng tôi trốn vào một căn nhà dân lụp xụp, người chủ nhà xua đuổi chúng tôi ra vì sợ liên lụy. Đứng vào lúc đó, tôi ngất xỉu ra đất".

"Khi tôi tỉnh lại, thấy hai người vệ binh vẫn còn xối nước lạnh vào tôi, rồi dùng quạt để quạt. Một trong hai người chạy ra cửa xem động tĩnh thế nào, trong nháy mắt đó, một loạt đạn nổ, người vệ binh trong nhà vội đóng cửa lại và báo nhỏ với tôi rằng người vệ binh ở bên ngoài đã trúng đạn, có lẽ đã chết".

"Sau khi im tiếng súng, tôi cải trang thành một phụ nữ nhà quê, người vệ binh thì đóng giả một lái buôn, rồi khỏi căn nhà đó. Dọc đường, tôi nhặt được cái làn và một ít lá rau, xách ở tay. Không biết đã đi được bao nhiêu đường đất, cuối cùng đến được nhà một đồng chí và nghỉ đêm lại đó. Căn nhà này, buổi sáng sớm đã bị quân

của Trần Quýnh Minh sục sạo một lần vì chúng thấy khả nghi, nhưng tôi không còn sức để đi nữa nên liền dừng lại đấy. Suốt đêm ấy nghe tiếng đạn pháo nổ liên tục... Cuối cùng mới nghe thấy tiếng đạn pháo nổ từ chiến hạm, lúc ấy tôi mới như trút được gánh nặng, vì được biết như thế là Tôn Trung Sơn đã an toàn...".

"Táng sáng ngày hôm sau, tôi vẫn cải trang thành người đàn bà nhà quê, và trốn được ra Sa Điện, một đồng chí làm nghề thợ rèn đã kiếm được một chiếc xuồng máy, tôi và vệ binh mới đến Lĩnh Nam ở nhờ nhà một người bạn. Trên sông, chúng tôi đã gặp những chiếc tàu chở những đồ đạc cướp được và những người con gái bị bắt đi theo, do quân của Trương Quýnh Minh chở đi nơi khác. Sau này nghe nói có hai người có khuôn mặt giống tôi bị bắt bỏ tù. Tôi rời Quảng Châu thật đúng lúc, vì ngay chiều hôm đó, nhà người bạn mà tôi tạm ở nhờ cũng bị sục sạo".

"Đêm hôm ấy, qua những phen vật lộn với sóng chết, cuối cùng tôi đã gặp lại Tôn Trung Sơn ở trên tàu. Về sau lại cải trang sang Hồng Kông rồi đi tàu thủy về Thượng Hải".

Trên đường chạy loạn, Khánh Linh đang mang thai, nhưng cuối cùng bị sảy thai, mất đi người con duy nhất của bà.

Sự phản loạn của Trần Quýnh Minh khiến Tôn Trung Sơn rất đau lòng, ông đã ý thức được sâu sắc rằng, Quốc dân đảng với tổ chức rệu rã, kỷ luật lỏng lẻo, cần phải qua một cuộc "mổ xẻ", cần phải "truyền máu" mới có thể phát triển lành mạnh được. Thế là lại càng khiến ông phải tăng nhanh bước đi tới việc liên Nga, liên cộng – Đó cũng lại là một lần nhảy vọt, một lần thăng hoa mới trong tư tưởng của Tôn Trung Sơn. Đối với việc này, Tống Khánh Linh chẳng những thông cảm hết mức, mà còn ủng hộ triệt để. Quốc cộng hợp tác đã mang lại cho sự nghiệp Cách mạng quốc dân ở Quảng Châu một không khí mới mẻ. Công nông là lớp người xưa nay vẫn bị đẩy ra ngoài không gian chính trị đã bước lên vũ đài chính trị. Năm 1924, đại hội nông dân toàn tỉnh Quảng Đông lần thứ nhất đã họp ở Quảng Châu, có khá nhiều nông dân chân đất, đi mấy ngày đường để đến Quảng Châu, quần áo họ lam lũ, có người còn đem theo cả quang gánh. Tình cảnh đó, khiến cho vợ chồng Tôn Trung Sơn hết sức cảm động. Đó là lần đầu họ thấy nhân dân Trung Quốc – những người tất nhiên sẽ thành lực lượng mới của Trung Quốc đã tham gia cách mạng.

Tôn Trung Sơn – con người càng đánh càng thua – cuối cùng, ở cuối cuộc đời mình đã nhìn thấy ánh sáng của hy vọng. Nhân dân, chỉ có nhân dân, mới là người sáng tạo ra lịch sử.

Tống Khánh Linh đã đem hết mình phụng sự cho sự nghiệp cao cả mà chồng mình hằng theo đuổi. Bà học cách sống cuộc sống như công chúng. Bà viết thư cho một người bạn của mình ở Mỹ rằng:

"Các bạn biết mình chúa không thích xuất đầu lộ diện, nhưng từ sau ngày lấy chồng, mình không thể không tham gia vào những công việc mà mình vốn định lẩn tránh nó. Khác với người Âu châu, người Trung Quốc không giành tên gọi và vinh dự lớn lao cho những người lớn lao, không hề thấy hổ thẹn, mà lại giành cho những con người bé nhỏ bình thường... Hàng ngày mình gặp gỡ rất nhiều người, sự thực là hoàn cảnh xã hội đã buộc mình phải bước ra khỏi cái vùng trời bé nhỏ của mình".

Là một phụ nữ cùng với chồng mình xuất hiện giữa đông đảo công chúng, là một phụ nữ duy nhất xuất hiện trên ghế chủ tịch đoàn của đại hội, Tống Khánh Linh đã có tác dụng mở đường cho phụ nữ Trung Quốc vượt khỏi gia đình, bước ra ngoài xã hội, gánh vác lấy tác dụng tiên phong. Vào những năm hai mươi, nước Trung Quốc được cuộc vận động "Ngũ Tứ" gột rửa, bước chân giải phóng của phụ nữ vẫn khoan thai đến chậm. Một số phụ nữ ở thành phố vẫn còn quán chân, còn chưa dám xuất hiện trước công chúng, vợ không được cùng tham gia các hoạt động xã giao với chồng. Sự xuất hiện ở các trường hợp đông người của Tống Khánh Linh, đã mang lại niềm hưng phấn lớn lao và niềm kinh ngạc lẫn vui mừng cho hàng ngàn hàng vạn chị em khác. Bà đã để lại cho đông đảo mọi người ấn tượng tốt đẹp. Phóng viên của hãng thông tấn quốc tế đã tả Tống Khánh Linh như sau:

"Khi bà nói chuyện với ông (Tôn Trung Sơn) trong đôi mắt sáng lên niềm ngưỡng mộ, thái độ e dè, dịu dàng và sùng kính. Người ta bảo với tôi rằng Tôn phu nhân rất đáng yêu, nhưng tôi không nghĩ được rằng bà lại ngời ngời sắc đẹp, cao sang nên nã đến như thế, lý tưởng của bà lại càng nồng cháy nữa! Một người phụ nữ đẹp như hoa thê, mặc chiếc áo dài màu xanh rất cầu kỳ, mới cao sang, giàu ma lực và đoan trang làm sao! Thật khó có thể tưởng tượng được rằng đây lại là một nhà lãnh đạo Cách mạng. Vậy mà, bà đã hiến thân cho chồng mình... hiến thân cho sự nghiệp cách mạng mà mình đang phấn đấu cho nó."

Thế rồi năm tháng chẳng được là bao, số mệnh chẳng ai lường, ngày 12 tháng 3 năm 1925, Tôn Trung Sơn chưa tròn hoa giáp đã buông tay từ giã cõi đời. Trong giờ phút chót của cuộc đời, ông vẫn nhớ đến sự nghiệp ông đã phấn đấu suốt đời mà chưa thành, trong di chúc đã nói với mọi người rằng: "Hiện nay Cách mạng còn chưa thành công, những ai là đồng chí của tôi, cần phải tiếp tục cố gắng để quán triệt làm theo những điều tôi đã viết "Các phương lược dựng nước", "Đại cương dựng nước", "Chủ nghĩa tam dân" và "Tuyên ngôn của đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất".

Đứng trước người chồng đang muốn níu kéo số mệnh và quỵn luyến với sự nghiệp mà mình sắp phải từ giã như thế, Tống Khánh Linh như đứt từng khúc ruột, bà không thiết sống làm gì. Bà ngồi sấn sọc chồng bên giường bệnh, ba ngày liền không rời nửa bước, ăn không thấy ngon, khát không thiết uống. Tôn Trung Sơn

nhìn về mặt tiêu tụy của vợ mà thấy trong lòng quặn đau. Chết là điều không may của người phải chết, mà cũng là điều bất hạnh cả với người đang sống. Trong lời di chúc của mình, Tôn Trung Sơn đã trút hết tình yêu cho người đã cùng làm bạn và gắn bó với mình trên đoạn đường sau chót của cuộc đời là Tống Khánh Linh như sau: "Ta vì tận tụy với công việc của nhà nước, cho nên tài sản chẳng có gì. Những sách vở, quần áo, nhà ở hiện có mà ta để lại, tất cả sẽ giao cho vợ ta là Tống Khánh Linh để làm kỷ niệm. Con trai con gái ta đều đã trưởng thành, có thể tự lo liệu lấy được, mong rằng ai tự lo lấy cho mình, nối dõi theo chí hướng của ta".

Tay cầm tay nhau lặng nhìn trong mắt lệ, muôn ngàn lời chỉ còn là tiếng nấc nghẹn ngào... 9 giờ 30 sáng ngày 12 tháng 3 năm 1925 đối với Tống Khánh Linh là một giờ phút vô cùng nghiệt ngã, chồng bà, người anh hùng mà bà hằng tôn thờ mãi mãi bỏ bà mà ra đi, để lại cho bà một nỗi đau vô xé tâm can, một niềm thương xót không bao giờ nguôi cạn.

Theo phong tục cổ truyền, Tống Khánh Linh đã chọn cho chồng một cỗ áo quan bằng gỗ nam cực tốt và cử hành đám tang theo nghi thức của Cơ đốc giáo. Phóng viên Mỹ Eto Ma-ri Boke tham gia lễ tang và đã viết:

"Một đoàn người hát thánh ca mặc đồ trắng bước tới phá vỡ sự im lặng, họ là sinh viên đại học Yên Kinh, tay cầm những ngọn nến đã được thắp sáng, miệng hát bài ca mà lúc sinh thời Tôn Trung Sơn hằng yêu thích: "Hòa bình dịu ngọt – món quà của Thượng đế". Họ đứng thành hàng bên linh cữu, trong quá trình tiến hành thủ tục đơn giản, trang nghiêm và đẹp đẽ này, họ vẫn cứ đứng im như thế. Ở bên ngoài, hàng ngàn hàng vạn người chen chúc nhau chật kín đang đứng chờ, cho đến lúc ban thánh ca dẫn đầu đoàn người đến đưa tang bước ra. Tôn phu nhân mình mặc đồ tang, mạng trắng che kín mặt, trông bà thật đau khổ và gầy yếu, em gái bà là Tống Mỹ Linh và người con trai vợ trước của Tôn Trung Sơn là Tôn Khoa, mỗi người một bên dìu bà đi. Theo sau, còn có vợ chồng Khổng Tường Hy và thân bằng cố hữu khác. Phía sau là 24 người đô tùy khiêng bộ linh cữu đồ sộ.

Ngày 2 tháng 4, linh cữu của Tôn Trung Sơn đặt tại chùa Bích Vân, Hương Sơn ở Bắc Kinh. Dọc đường, hàng ngàn hàng vạn người đứng mặc niệm ở ven đường, tỏ lòng thành kính với bậc vĩ nhân của một thời. Mấy hôm sau, Tống Khánh Linh rời Bắc Kinh đến Nam Kinh, lên Tử Kim Sơn tìm nơi đặt phần mộ cho chồng.

Lúc đó có nhiều người cho rằng, sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, với 32 tuổi đời, Tống Khánh Linh sẽ buồn bã mà lui về phía sau. Vậy mà, trong hoàn cảnh còn khó khăn hơn nước Nga nhiều, bà đã nhanh chóng phát huy được tác dụng còn kiệt xuất hơn nhiều so với Crup Skai-a vợ góa của Lenin. Trong những tháng năm mưa gió và đen tối từ sau đó, bà trước sau vẫn giữ được một thứ quyền uy về đạo nghĩa riêng

của mình, đã dung hòa và thực hiện thành công được hai sứ mạng thiêng liêng là giữ mãi đờ ngọn đuốc lý tưởng của Tôn Trung Sơn không bao giờ tắt và rèn luyện mình thành một lãnh tụ của dân tộc. Trong sự nghiệp của mình, bà cần phải vượt qua muôn ngàn trở ngại, trước hết, một phụ nữ trong cái xã hội mà trung tâm là đàn ông, tôn pháp và Khổng giáo. Tống Khánh Linh là người phụ nữ vốn không ưa xuất đầu lộ diện, thế nhưng về sau, bà bỗng trở thành một nhà hùng biện và một lãnh tụ của công chúng.

Đường dài mới hay sức ngựa

Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, hành động lớn lao đầu tiên của Tống Khánh Linh là ra lời tuyên bố lên án người Anh ngày 30 tháng 5 năm 1925 bắn giết những người dân Trung Quốc không tác sát ở Thượng Hải, ủng hộ phong trào "30-5". Đây là lần đầu tiên kể từ sau ngày lấy Tôn Trung Sơn và chính thức tham gia cách mạng, Tống Khánh Linh đã phát biểu tuyên bố chính trị với tư cách cá nhân mình. Hành động này nói lên rằng, sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, Tống Khánh Linh đã dựng lên một ngọn cờ mới – kế thừa di chí cách mạng của chồng mình, tiếp tục đẩy mạnh cách mạng ở Trung Quốc.

Tháng 1 năm 1926, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Quốc dân đảng họp ở Quảng Châu, Tống Khánh Linh tham gia đại hội này và được chọn vào thành viên của chủ tịch đoàn đại hội.

Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, một số người thuộc cánh hữu trong đảng công khai chống lại ba chính sách lớn của Tôn Trung Sơn là liên Nga, liên Cộng và nâng đỡ công nông. Tống Khánh Linh và những người cánh tả trong đảng đã chống trả rất kiên quyết. Quân Bắc phạt do Tưởng Giới Thạch lúc này còn chưa lộ rõ bộ mặt thật của mình trực tiếp chỉ huy, đã phá thành cướp đất, thế tựa chẻ tre, đánh tan bọn quân phiệt Ngô Bồi Phù, Tôn Truyền Phương khét tiếng một thời, tiến từ lưu vực Chu Giang lên lưu vực Trường Giang. Chiếm lĩnh ba thị trấn của Vũ Hán, vùng đất chiến lược của Trung Quốc, nơi bắt nguồn của Cách mạng Tân Hợi. Chính phủ Quốc dân cũng theo đó mà dời từ Quảng Châu về Vũ Hán. Cuối năm 1926, các lãnh tụ phái tả của Quốc dân đảng và một số người của Đảng cộng sản trong đó có Tống Khánh Linh mới 34 tuổi, bộ trưởng ngoại giao Trần Hữu Nhân, Tôn Khoa 36 tuổi (con trưởng của Tôn Trung Sơn với Lư Mộ Trinh), Tống Tử Văn 32 tuổi, Đặng Diên Đạt, Từ Khiêm, Ngô Ngọc Chương, Đồng Tất Vũ, Vu Thụ Đức tổ chức ra "Ủy ban liên hiệp lâm thời" làm cơ cấu quyền lực cao nhất tạm thời của Đảng và Chính phủ. Ủy ban liên hiệp do Từ Khiêm chủ trì, Tống Khánh Linh làm ủy viên. Đây là lần đầu tiên bà được giao làm quan chức chấp chính cao cấp của Chính phủ, lần đầu tham gia công việc của Chính phủ. Dưới sự chỉ đạo và ủng hộ của Chính phủ Vũ Hán lấy Quốc Cộng hợp tác làm nền tảng, phong trào công nông vùng Lương Hồ ⁽¹⁾ ngày

càng lên cao, làn sóng phản đế mỗi ngày một mạnh mẽ. Màu sắc cách mạng có tính thúc đẩy đó đã đưa đến sự rung chuyển và lo sợ của mọi thế lực phản động trong và ngoài nước, cũng hấp dẫn sự nhìn nhận của các phóng viên nước ngoài. An-na Lu-it, Oen-xon Xi-ân và phóng viên tờ tuần báo "Dân tộc" của Anh là Lân-đơn Côn-tơ đều đến Vũ Hán để săn những nguồn tin nóng hổi nhất. Ở Vũ Hán, họ đã bị khuynh đảo bởi tinh thần cách mạng kiên cường và khí chất cao sang của Tống Khánh Linh, ngôi bút họ cũng luôn viết ra những lời sùng kính, tốt đẹp về Tống Khánh Linh.

Lân-đơn Côn-tơ đưa tin: "Sự hấp dẫn mọi người nhất ở Vũ Hán không gì hơn là phẩm chất ôn hòa nhã nhặn nhưng lại hàm chứa sự cháy bỏng của Tôn phu nhân. Bất kể người nào, hề gặp bà đều thấy yêu mến bà và kính trọng bà sâu sắc". An-na Lu-it Stơ-răng thì tả rằng: "Nếu nhìn bề ngoài, bà nhàn nhã đến mức gần như yếu đuối, nhưng bà lại có một ý chí rắn như thép. Đứng trước những áp lực của gia đình và xã hội, trước những người khách đôi mắt chằm chằm, chỉ khẽ đung vào là có sự bùng nổ cũng như cả một hạm đội đang đậu ở cạnh nhà bà rình rập suốt ngày đêm, Tống Khánh Linh vẫn tỏ ra ung dung tự tại, khôn ngoan điêu luyện...". "Tôi còn nhớ buổi chiều đã được tổ chức trong vườn hoa của nhà bà để quyên góp cho Hội chữ thập đỏ của Quốc dân Đảng. Đây là một hoạt động xã hội tổ chức ở Hán Khẩu cách mạng, lại có người nước ngoài tham dự. Tôn phu nhân đã nhạy bén nhận thấy không khí căng thẳng đang dòn chứa... Trên mặt sông ngoài kia đang có hơn 20 pháo hạm neo đậu, lăm le nã đạn vào thành phố này bất kể lúc nào. Ở trong vườn hoa này, đại biểu của những pháo hạm đó lại đang quyên góp cho những thương binh mà họ vốn coi như kẻ thù và cùng ngồi ăn kem, uống nước ngọt với các quan chức Quốc dân đảng đại biểu cho thương binh. Người chủ trì buổi chiều đãi là Tôn phu nhân thừa biết những sự khập khiễng và đôi chọi gay gắt đó, thế nhưng ma lực của bà khiến cho ngay kẻ thù cũng không thể không thò tay vào ví tiền và làm dịu đi sự xung đột khó tránh khỏi đó, đồng thời tạo cho đội quân cách mạng có dịp xả hơi một chút trên đường lên phía Bắc".

Oen-xon Xi-ân miêu tả bà còn sinh động và cảm kích hơn:

"Ở đầu tận cùng của gian phòng khách tối tăm trên lầu hai của bộ tài chính, cánh cửa bỗng mở ra, một phụ nữ Trung Quốc nhỏ nhắn, e lệ mặc đồ lụa đen bước vào, bà nắm trong bàn tay mềm mại và thanh thoát của mình chiếc khăn nhỏ có dưa riềm trắng... Khi bà cất tiếng nói, chất giọng của bà khiến tôi muốn nhảy lên, sao mà lại nhẹ nhàng, êm ả và ngọt ngào đến ngoài cả sức người ta tưởng tượng đến như thế! Để tránh nóng, các cánh cửa chớp đều khép kín, cho nên mãi tới lúc bà đến gần, tôi mới nhìn rõ bà. Trong giây phút đó, tôi bỗng thấy mê li, luống cuống, thật không biết rằng người phụ nữ lả lướt thướt tha đó lại chính là bà, nhà nữ cách mạng cả thế giới đều biết tiếng... Tôi cứ nghĩ rằng mình sẽ gặp một con người mới nhìn đã thấy khiếp sợ, ai ngờ đứng trước mặt tôi hôm nay lại là một cô gái yêu kiều diễm lệ đến

nhường này..." Sự việc phát triển theo mấy tháng sau đó là hàng loạt đảng viên cộng sản bị hãm hại, phong trào lao công bị chìm trong bể máu. Sự căm giận của Khánh Linh bày tỏ ra lúc này khiến hình ảnh của bà trong con mắt mọi người như đã lớn lao hơn. Bà không hề có một thể lực hay trí lực gì ghê gớm hơn người, nhưng chỉ vẹn vẹn nhờ có sự kiên cường của phẩm cách, một động cơ trong sáng và sự thành thực hết sức vô tư mà trở thành nhân vật anh hùng. Khi cách mạng Trung Quốc gặp phải bước gieo neo, hiện tượng đó lại càng trở nên không bình thường. Các tướng lĩnh và các nhà diễn thuyết theo nhau tan rã, đầu hàng hoặc giữ thái độ im lặng, chỉ có một người cách mạng không hề bẹp nôi, và mãi mãi không bao giờ bị đè bẹp, đó là bà vợ góa mảnh mai của Tôn Trung Sơn".

Tháng 3 năm 1927, trời hơi âm song vẫn đang còn lạnh, hội nghị Trung ương lần thứ ba khóa 2 của Quốc dân đảng diễn ra ở Vũ Hán, Mao Trạch Đông và một số đảng viên Cộng sản cũng họp hội nghị này. Trong cuộc họp, Tổng Khánh Linh và em trai bà là Tống Tử Văn đều được bầu vào ủy viên ban chính trị trung ương của Quốc dân đảng (gồm 15 người) và Ủy viên Ủy ban chính trị quốc dân (gồm 28 người). Hai chị em họ Tống đã dấn thân làm hạt nhân quyết sách của Chính phủ Vũ Hán. Vậy nhưng lúc đó, cùng với mức độ vào sâu của cuộc chiến tranh Bắc phạt, ý thức chính trị của tầng lớp công nông đã bật dậy mạnh mẽ, sự tranh chấp trong nội bộ Quốc dân đảng ngày càng ác liệt và hình thành hai doanh lũy rõ rệt: một bên là Trung ương Quốc dân đảng và chính phủ quốc dân ở Vũ Hán; một bên là bộ tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân luôn nắm báng súng do Tưởng Giới Thạch cầm đầu. Đây là sự đọ sức giữa Đảng quyền và quân quyền, là cuộc đối kháng giữa Văn với Võ, lại càng là cuộc giao tranh giữa thế lực tiến bộ và thế lực phản động. Trong thời đại và một đất nước mà báng súng để ra chính quyền thì sự thành bại của cuộc đối chọi này thật rõ ràng vô cùng. Thế nhưng Tống Khánh Linh và chính quyền Vũ Hán vẫn lấy Cách mạng quốc dân làm tôn chỉ, quán triệt ba chính sách lớn của Tôn Trung Sơn, vẫn lấy Đảng trị quân, lấy văn áp đảo võ mà kiên trì đấu tranh.

Cuối cùng thì Tưởng Giới Thạch đã phoir bày hết dã tâm mà hăn che giấu đã lâu cũng như bản tính giết người không ghê tay của hăn.

Hàng ngày hàng vạn đảng viên cộng sản và phần tử tích cực của công nông trong những ngày tháng 4 năm 1927, giữa lúc chúa xuân trở về với đất trời, muôn vật đều tươi tỉnh lại, đã phải ngã xuống trên từng vũng máu. Cuộc khủng bố trắng bao trùm khắp các nơi như Thượng Hải, Nam Kinh, An Huy, Giang Tây. Tiếp ngay sau đó, tên quân phiệt Trương Tác Lâm ở Bắc Kinh cũng đã đưa những người như giáo sư nổi tiếng của đại học Bắc Kinh là Lý Đại Chiêu v.v... lên giá treo cổ. Vì cuộc sống mới của Trung Quốc, Lý Đại Chiêu mới vừa 39 tuổi, đã chịu đủ mọi cực hình và cuối cùng đã hiến dâng cả tính mạng cao quý của mình.

Máu tanh của những cuộc tàn sát cũng như bóng đen của cái chết không hề khiến cho những người cách mạng run sợ. Tống Khánh Linh vô cùng căm giận trước những hành động của con người mà bà quen thuộc hơn ai hết, đã do Tôn Trung Sơn tự tay gây nên, cho đến nay vẫn luôn xoen xoét cái mòm là "tín đồ trung thực" của thủ tướng. Chính quyền Vũ Hán cũng phản ứng rất nhanh chóng và mạnh mẽ trước việc chém giết lan tràn của Tưởng Giới Thạch để "làm trong sạch Đảng". Ngày 16 tháng 4, Ủy ban Vệ đã gửi thông điện tới khiển trách Tưởng Giới Thạch: "Đã vi phạm mệnh lệnh của Trung ương, lại làm phương hại đến sách lược nâng đỡ công nông của thủ tướng. Hành động trắng trợn như thế, không còn nghi ngờ gì rằng đã coi dân chúng là kẻ thù", "hành động độc ác và ngu xuẩn đến cực độ ấy, là tự tách mình ra khỏi đảng, tách mình ra khỏi dân chúng, kỷ luật vẫn còn, tội này không trốn đâu cho thoát". Ngày 17, Trung ương Quốc dân đảng ra lệnh khai trừ Tưởng Giới Thạch ra khỏi Đảng, cách mọi chức vụ đảng nắm giữ. Theo toàn thể tướng sĩ và đoàn thể cách mạng của dân chúng bắt về Trung ương trừng trị theo tội phản cách mạng. Đồng thời cũng quyết định: Các phương diện quân thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư thuộc tập đoàn thứ nhất và đội tổng dự bị của quân cách mạng quốc dân, đều trực thuộc ủy ban quân sự.

Ngày 22 tháng 4, hơn 40 người gồm Ủy ban Vệ, Tống Khánh Linh, Đặng Diên Đạt, Hà Hương Ngưng, Trần Hữu Nhân, Từ Khiêm, Cố Mạnh Dư và những người cộng sản như Mao Trạch Đông, Ngô Ngọc Chương, Lâm Tổ Hàm, Uẩn Đại Anh v.v... đã liên danh lên án Tưởng, kêu gọi: "Theo mệnh lệnh của Trung ương, trừ bỏ tên phản bội của thủ tướng, kẻ xấu xa trong Đảng, tên giặc cướp của dân chúng", chỉ trích tội ác phản nghịch của Tưởng Giới Thạch là "chống lại Trung ương, lập ra một trung ương khác" và "thỏa hiệp với đế quốc, không ngại gì nhại lại luận điệu của Ngô Bội Phủ, Tôn Truyền Phương, Trương Tác Lâm, Trương Tôn Xương; với khẩu hiệu chống cộng, để được vui lòng họ, càng không thương tiếc gì tàn sát dân chúng, để làm lễ ra mắt bọn chúng"... đây là một cú tát rất mạnh vào bộ mặt chính trị của Tưởng Giới Thạch. Thời kỳ đầu đối chọi giữa Nam Kinh và Vũ Hán, có một đạo Tống Tử Văn tỏ ra bi quan thất vọng trước phong trào cách mạng quốc dân. Ông đã từng nói với giáo sư Hách Trinh của viện pháp học đại học Ha-vớt tại Thượng Hải rằng, tôn chỉ chính của cách mạng quốc dân là lấy Đảng trị quân đội, tức là lấy kẻ có văn trị kẻ có võ. Đến giờ thì hết rồi! Cục diện kẻ có văn trị kẻ có võ bị lật đổ hoàn toàn mất rồi. Thật vậy, chả là đại học Ha-vớt là một trường đại học đứng hàng đầu thế giới. Tống Tử Văn lại là con người uống mực Tây hàng mấy năm trời, chẳng những rất quen tai thuận mắt với chính thể dân chủ của phương Tây, hơn thế còn vô cùng hâm mộ, đó cũng là mối tình đầu ông ôm ấp khi dần thân vào phong trào cách mạng quốc dân. Khi Nam Kinh – Vũ Hán chia sẻ nhau, Tống Tử Văn còn đang ở lý tại Thượng Hải, do hoàn cảnh bó buộc khiến ông không dám chỉ trích công khai Tưởng Giới Thạch theo cái giọng của phía Vũ Hán, nơi có chị ông ở đó. Ông đã

nói với phóng viên Mỹ Oen-xon Xi-ân khi nhà báo này tới thăm: mặc dù ông chán ghét những phong trào quần chúng, chẳng hạn như những cuộc hô hào hoặc bãi công của thợ thuyền, nhưng ông cho rằng chính quyền Nam Kinh chỉ là thứ chính quyền độc tài cá nhân được thay họ đổi tên mà thôi; Vũ Hán mặc dù có người của Đảng cộng sản, nhưng vẫn tiêu biểu cho truyền thống trong sạch của Quốc dân đảng.

Thế nhưng đứng trước phong trào công nông ngày một dâng cao, Tống Tử Văn và không ít người trong Quốc dân đảng, đã từ chỗ bàng hoàng, giao động đi đến nhút nhát, e sợ, thế là khoảng cách giữa họ với Tưởng Giới Thạch mỗi ngày một ngắn lại, đi tới chỗ cùng hội cùng thuyền với Tưởng. Tống Khánh Linh luôn mong sao em mình chịu được cơn thử thách sóng gió này, có thể cùng chiến đấu với bà trên một dinh lũy của cách mạng, bởi vậy bà từng đã viết thư cho Tử Văn, làm công tác tư tưởng với Tử Văn.

Thế nhưng xuất phát từ chỗ lo sợ trước phong trào công nông ngày càng lên cao, Tống Tử Văn không thể và cũng không dám tỏ ra tán thành khuynh hướng cách mạng của chính quyền Vũ Hán. Nỗi lẩn cẩn trong tư tưởng khiến ông không thông cảm được với chị mình. Tháng 6 năm 1927, ở Thượng Hải, ông đã buồn bã nói với phóng viên Xi-ân rằng:

"Ôi! Chị tôi... chị tôi không thông cảm. Mà cũng chẳng ai thông cảm được khó khăn của tôi như thế nào.

Tôi làm sao mà biết được sau khi về Vũ Hán, liệu có thoát khỏi bị đám bạo dân kia họ lôi cổ ra khỏi bộ tài chính mà xé ra hàng trăm mảnh hay không? Tôi làm sao có thể biết được mình có kìm giữ nổi sự mất giá của đồng tiền hay không? Nếu như bọn họ cứ tiếp tục khuyến khích bãi công và tập hợp quần chúng, thì làm gì cũng đều vô ích. Họ để cho nhân dân ở trạng thái bị kích động mà mơ ước hão huyền, họ nhất định sẽ thất bại thôi..." "Tôi không có lý do để đến đó,... sự thực là, tôi không phải một nhà cách mạng xã hội, không tin tưởng cách mạng".

Giương lá cờ to lên, rồi mượn oai hỏ, Tưởng Giới Thạch muốn núp dưới bóng ngọn cờ của Tôn Trung Sơn, đương nhiên hiểu rất rõ giá trị của Tống Khánh Linh – bà vợ góa mang theo di chí của Tôn Trung Sơn, lại đang có uy tín cao trong nhân dân Trung Quốc như thế nào, bèn bằng nhiều con đường, tính chuyện "tán công" vào Tống Khánh Linh, hòng lôi kéo bà về phía mình, để làm sự chứng nhận và trang sức cho nền thống trị "hợp truyền thống pháp luật" của mình. Đồng thời con người từng theo đuổi Mỹ Linh gần 6 năm trời và đang ở trong tầm tay này, lại càng hiểu rõ sự "trở giáo" của Khánh Linh sẽ bất lợi cho sự gắn bó giữa mình và Mỹ Linh, trước hết, Tưởng để cho Khổng Tường Hy – anh rể của Khánh Linh đến Hán Khẩu,

đến tận nơi để khuyên nhủ, nhưng Khánh Linh đã nghiêm khắc từ chối. Thế là Tường lại phải tự tay viết thư cho Khánh Linh: "Thưa phu nhân tôn kính! Trước đây có nhờ ông anh (chỉ Tường Hy) mang một lá thư, chắc đã đưa tới tay phu nhân, không hiểu ông anh nay còn ở Hán Khẩu hay không? Trung Chính tôi mong phu nhân về Thượng Hải như đại hạn mong mưa, xin mời phu nhân hãy cùng về Thượng Hải với anh Tử Văn, tất cả mọi sự chia rẽ trong Đảng, cần phải có sự bàn bạc của phu nhân để giải quyết". Tổng Khánh Linh không mấy may giao động trước sự lôi kéo của Tường.

Nhưng đến mùa hè năm 1927, sự phân hóa tan hợp của các thế lực chính trị, biến hóa khôn lường như ông kính vạn hoa, khiến cho người ta chóng mặt. Đi kèm theo đó là mùi tanh nhức mũi của máu, là sự thù hận, sự mạnh động của những người cộng sản dâng lên khi họ đứng trước cảnh đồng chí, bạn bè của mình bị tàn sát, chính quyền Vũ Hán thành lập chưa lâu, nền tảng chưa vững vàng, tiền đồ lại mờ mịt... nên dần đi đến chỗ rệu rã phân tán. Một số người run sợ, lùi ra khỏi vực xoáy của cách mạng, một số người lo lắng, họ ngã sang hoặc theo hần phái hữu. Chỉ có Khánh Linh và một số ít nhà Cách mạng là vẫn giữ thái độ núi Thái Sơn đề đầu vẫn không chịu cong lưng, kiên quyết bảo vệ đường lối liên Nga liên Cộng, nâng đỡ công nông của Tôn Trung Sơn.

Giữa lúc Tường Giới Thạch vùng dao đàn áp, Tổng Khánh Linh chỉ có hai bàn tay trắng cũng chống chọi đến cùng, như thế thì cần phải dũng cảm và gan dạ đến chừng nào? Chính sự trung thành với sự nghiệp của chồng mình, chính lòng yêu nồng nàn với đồng đảo những người lao khổ, chính niềm khát khao một xã hội chính nghĩa... đã khiến bà có đầy đủ đại trí và đại dũng, khiến bà đã gạt tính mạng mình sang một bên, khiến bà đã không tiếc gì phải quyết liệt với gia đình, không tiếc gì khi phải cắt lìa tình máu mủ chân tay với anh em của mình...

Những người trong gia đình căn bản không thể hiểu nổi sự gan dạ và kiên quyết đó của Tổng Khánh Linh, cũng căn bản không tiếp thu nổi chủ trương cách mạng xã hội của những người cộng sản, họ lau mồ hôi trán và lo thay cho số phận và tính mạng của Khánh Linh, trông mong Khánh Linh hãy mau mau "dừng ngựa trước bờ vực thẳm", chớ có lấy trứng chọi với đá.

Ngày 12 tháng 7, Tổng Tử Văn dự hội nghị trung ương ủy viên, ông đã đến thăm bà chị hai, chuyển tới nỗi lo lắng của mẹ già và lời yêu cầu của Ái Linh, Mỹ Linh và Khổng Tường Hy, mong bà đừng chống lại Tường Giới Thạch và chú ý giữ gìn tính mạng của mình. Khánh Linh vẫn vững vàng không nhúc nhích, không hề chịu quay đầu và nói với em rằng: không, bà không thể hợp tác với Tường được. Nếu chính phủ Vũ Hán cuối cùng sụp đổ, thì bà sẽ về Thượng Hải, tiếp tục ở đó để đấu tranh với Tường Giới Thạch.

Rồi chính phủ Vũ Hán cũng theo đuôi Tưởng Giới Thạch, phản đối Quốc Cộng hợp tác. Ngày 14 tháng 7, Ôn Tinh Vệ con người lá mặt lá trái cũng lộ bộ mặt thật ở Lư Sơn ra, ông ta đã triệu tập cuộc họp kín ngay tại nhà mình ở Vũ Hán, quyết định tuyên bố "phản Cộng". Trần Công Báo là người có tham gia cuộc họp này, về sau nhớ lại: "Buổi chiều, tôi đến Ôn công quán, họ đã đang họp... Đến lúc này, việc tách ra với Cộng sản là việc không thể chần chừ giây phút nào... Những người có mặt, trừ ông Trần Hữu Nhân là đang còn chần chừ ra, tất cả đều tán thành. Ủy viên trung ương có ba người không tán thành tách ra với Cộng sản. Người thứ nhất là Tôn phu nhân, bà nói đi với cộng sản là một chính sách của thủ tướng, nay muốn thay đổi chính sách của thủ tướng, bà không thể tán thành".

Giữa lúc Ôn Tinh Vệ và chính quyền Vũ Hán chống Cộng, Tống Khánh Linh không còn cách nào có thể ngồi yên được nữa, với tư cách ủy viên ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng bà đã ra một bản tuyên bố nghiêm trang:

"Một số ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng ta đã có những giải thích về nguyên tắc và chính sách của Tôn Trung Sơn, theo tôi, đó là đi ngược lại tư tưởng và lý tưởng của Tôn Trung Sơn".

... "Tất cả mọi cuộc cách mạng đều phải là cách mạng xã hội, lấy sự biến đổi cơ bản của xã hội làm nền tảng, nếu không thì không thể gọi nó là cách mạng, chỉ là sự thay đổi chính phủ mà thôi. Để chỉ đạo chúng ta trong cách mạng Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã trao cho chúng ta chủ nghĩa tam dân và ba chính sách lớn, hiện nay một vấn đề đang tồn tại là chủ nghĩa dân sinh, nó là chủ nghĩa giải đáp vấn đề cải cách xã hội cơ bản của Trung Quốc. Từ chủ nghĩa này, chúng ta có thể thấy nó phân tích giá trị xã hội và xác định địa vị công nông như thế nào. Hai giai cấp này, trong cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa đế quốc cũng như phá bỏ điều ước bất bình đẳng nô dịch chúng ta và thống nhất toàn quốc một cách có hiệu quả... đều là nền tảng lực lượng của chúng ta. Họ là trụ cột mới để xây dựng đất nước Trung Quốc mới. Nếu như chúng ta áp dụng bất kể một chính sách gì làm suy yếu họ, tức là chúng ta đã làm lung lay nền móng của Đảng, bán rẻ quần chúng, hơn thế nữa, là không thực sự trung thành với Tôn Trung Sơn..."

"Thế nhưng hiện nay lại có người nói chính sách thì cần phải thay đổi theo nhu cầu của thời đại, hiểu lập luận này tuy rằng cũng có lý đấy, nhưng nếu có thay đổi, cũng không thể đến mức như thế này. Đến nỗi thành một thứ chính sách trái hẳn lại, làm cho chính đảng Cách mạng mất hẳn tính cách mạng đi, biến thành một cơ quan tuy cầm cờ cách mạng nhưng thực tế lại ủng hộ chế độ xã hội cũ, mà đảng của chúng ta xây dựng nên là để làm thay đổi chế độ đó".

... "Cuộc sống của nông dân Trung Quốc ngày nay còn khổ hơn nhiều so với thời

kỳ đầu Tôn Trung Sơn do cảm thông nổi bất bình trên đời mà suốt đời đi bảo hộ lao động. Vậy mà những người tự xưng tín đồ của Tôn Trung Sơn ngày nay, ngoài miệng thì nói giai cấp, nhưng trong bụng nghĩ, lại là một thứ "cách mạng" mà trên thực tế đã không thấy nổi cơ khổ của hàng chục triệu nông dân nghèo khổ của Trung Quốc".

"Hiện nay còn có người đổ cho phong trào công nông là sản phẩm của nước ngoài mới có gần đây. Đó là nói bậy bạ. Hai ba chục năm trước đây, khi Tôn Trung Sơn bàn luận về tư tưởng đã chỉ ra rằng phải dùng cách mạng để cải thiện địa vị của nông dân Trung Quốc..."

"Những năm gần đây, mục đích đó của ông lại càng rõ rệt. Thế nhưng ngày nay người ta lại nói rằng đó là ảnh hưởng từ bên ngoài mới có gần đây. Khi nước Nga còn đang ở dưới gót sắt của Sa hoàng, Tôn Trung Sơn đã đề xướng ra cuộc cách mạng ruộng đất ở Trung Quốc. Chẳng lẽ ông là công cụ của âm mưu nước ngoài sao? Chính sách của Tôn Trung Sơn là rõ ràng như ban ngày. Nếu lãnh tụ trong đảng không quán triệt chính sách của ông, họ sẽ không còn là tín đồ chân thực của Tôn Trung Sơn nữa; Đảng cũng không còn là đảng cách mạng nữa, mà chỉ là một cánh quân phiệt này nọ mà thôi..."

"Hiện nay, tôi cho rằng chúng ta đang xa rời và đi ngược lại chính sách lãnh đạo quần chúng và làm mạnh mẽ quần chúng của Tôn Trung Sơn. Bởi vậy chỉ còn cách tạm lui lại để chờ sự xuất hiện một chính sách sáng suốt hơn".

"Với cách mạng, tôi không hề nản lòng. Nhưng điều làm tôi thất vọng là những người đã từng lãnh đạo cách mạng lại bước lầm đường".

Lời tuyên bố có sức mạnh vang dội đó, đã bóc trần trò hề của bọn Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ, định mượn tiếng "tín đồ của thủ tướng" để lừa bịp người khác, khiến cho bọn họ như ngồi lên đồng lửa, như nắm phải gai nhọn; lời tuyên bố dũng dạc và nghiêm túc ấy đã thể hiện đầy đủ tinh thần không khiếp sợ, kiên cường, đại trí đại dũng của một người phụ nữ. Các nhà báo nước ngoài đều tấm tắc khen rằng:

Tôn phu nhân sẵn có một đạo nghĩa và dũng khí hiem thấy, chính nó đã khiến cho bà không hề giao động trong những lúc khó khăn. Sự trung thành của bà đối với tên tuổi của Tôn Trung Sơn và trách nhiệm của mình gánh vác sẽ chịu được mọi thử thách... Những bức dọc trong câu chuyện gia đình của mình cùng những mất mát đau thương do cuộc đời này mang lại không thể làm lay chuyển được ý chí của bà và cũng không chịu khuất phục trước những hành động mà bà cho là sai lầm. Bà thực đã rất phù hợp với cái tên là "đức trinh của Trung Quốc". Tác giả của các bài báo mới chỉ tả bà với một đức trinh bằng xương bằng thịt, như thế là chưa đủ... giữa những lúc cách mạng Trung Quốc lâm nguy, các tướng lĩnh, các nhà chính khách

đều lần lượt chẳng đánh mà tan, hoặc đầu hàng khuất phục, hoặc ôm đầu chạy trốn, hoặc co vòi trùm chần... chỉ có một nhà cách mạng vẫn sừng sững không bị đè bẹp và vĩnh viễn không bị đè bẹp, đó là bà vợ góa nhỏ nhắn và dịu dàng của Tôn Trung Sơn.

"Thà giết làm một ngàn người, còn hơn để sót một người", không khí khủng bố trắng bao trùm khắp Trung Quốc. Không biết bao nhiêu nhà cách mạng đã phải chịu những cực hình man rợ thời trung cổ như thiêu trên lửa, chém ngang lưng, mổ bụng moi gan, móc mắt cắt lưỡi, xâu vú v.v... Vì cân nhắc đến vấn đề an toàn, giống như Tôn Trung Sơn năm nào, Tống Khánh Linh cũng phải lên đường sống lưu vong. Mục tiêu mà bà chọn là Liên Xô.

Hạ tuần tháng 8, bà cùng với một số người như Trần Hữu Nhân bí mật đi tàu thủy xuôi theo dòng sông, giữa mùa hè oi bức mà năm ngày liền mồ hôi như tắm, nằm dưới khoang tàu, sau khi tới Thượng Hải, họ lại len lén lên một con tàu chở hàng của Liên Xô, đặt chân lên đường đến nơi đất khách.

Đúng vào lúc Tống Khánh Linh đang sống lưu vong ở Liên Xô, bà đã nhận được tin đau buồn từ Trung Quốc truyền tới: Em gái Mỹ Linh sắp kết hôn với Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch, đã từng chung sống với ba người đàn bà (Mao Phúc Mai, Diêu Di Thành, Trần Hạo Như) lại đã luống tuổi, sở dĩ muốn theo đuổi Tống Mỹ Linh đến cùng, thì động cơ "ngâm chứa chính trị" của hắn không nói cũng đã rõ – trong truyền thống văn hóa Trung Quốc vốn coi trọng bối cảnh gia đình, lại vốn thực tế không chế "Quốc dân đảng nay Tưởng Giới Thạch lại có Tôn Trung Sơn – người tổ chức ra Quốc dân đảng, lãnh tụ quá cố của cách mạng quốc dân – làm anh em đồng hao, khỏi phải nói là sẽ tăng được tính chính thống và tính khả thi, đồng thời cũng tăng được vốn liếng chính trị cho Tưởng Giới Thạch đến mức nào!

Thấy động cơ hôn nhân ti tiện như thế của Tưởng Giới Thạch, Tống Khánh Linh hết sức phản đối nhằm làm cho Tưởng không thực hiện được âm mưu của hắn, nhưng Mỹ Linh và những người trong gia đình đã bỏ ngoài tai những ý kiến của bà, vẫn kết thân với Tưởng, khiến bà đau lòng đến cực độ. Bà không thể để cho em gái mình gắn tên tuổi của gia đình họ Tống và của chính bà với con người đạo đức bản thủ là Tưởng Giới Thạch. Cuộc hôn nhân này cũng có ý rằng bà đã có tình chọn con đường quyết liệt với Tống Mỹ Linh và đã khoác cho Tưởng Giới Thạch một lớp ngụy trang để thành người kẻ tục hợp pháp của Tôn Trung Sơn.

Cuộc hôn nhân này cũng có ý nghĩa rằng bốn gia đình lớn thao túng lịch sử Trung Quốc suốt 22 năm, mang cho dân chúng vô vàn tai nạn... đã chính thức hình thành. Cụm Tống, Khổng hình thành khi Tống Ái Linh lấy Khổng Tường Hy; cụm Tưởng, Trần vào thời kỳ trước và sau cách mạng Tân Hợi. Để đền đáp ơn tri ngộ với

Trần Kỳ Mỹ, Tưởng Giới Thạch đã trọng dụng hai người cháu của Trần là Trần Quả Phu và Trần Lập Phu. Hai người này đã khống chế cả văn phòng Trung ương Đảng lẫn bộ phận tình báo, trở thành người đại diện của Tưởng Giới Thạch về mặt Đảng. Đến lúc này Tưởng, Tống lại kết duyên, bốn gia tộc lớn gắn bó làm một với nhau, tạo thành một mạng lưới vừa dày đặc lại vừa lớn rộng. Không nghi ngờ gì rằng họ Tống là khâu nhỏ yếu duy nhất trong sự hình thành bốn đại gia tộc này. Mà Tống Khánh Linh lại là người đi đầu phản đối lại gia tộc này. Thế là sự công kích của những đối thủ này với bà, thường là rất dữ dội. An-na Lu-it Stơ-răng nói: Những người cộng sự với bà trước đây định bằng cách nói xấu mà hủy hoại thanh danh của bà, luôn luôn có người bịa ra những tin đồn rằng bà đã lấy người này ở nước Đức hoặc người kia ở nước Nga. Bất kể một nhà cách mạng có tiếng nào ở Trung Quốc đến cộng sự với bà, đều có thể bị đồn thổi lên thành người chồng mới của bà... Sự nói xấu này có thể không khiến bà tức giận bằng kiểu đơm đặt khác. Có người lại tung tin đồn rằng bà căn bản không có khả năng phán đoán độc lập... Ở Paris, bà đã nói với tôi: Mỗi lần tôi phát biểu một bài tuyên bố, họ đều cho rằng hạng đàn bà con gái như tôi không thể có sự nhìn nhận độc lập của mình, cứ làm như tất cả mọi quan điểm của tôi đều chịu ảnh hưởng của Mat-xơ-va".

Những lời nói xấu đó mới đề tiện làm sao. Từ trong đó Khánh Linh không cảm thấy đau lòng mà thấy sự chính nghĩa và sự cần thiết trong cuộc đấu tranh với thế lực tàn ác này.

Chôn chồng ở lăng Trung Sơn

Năm 1912, khi Tôn Trung Sơn nhậm chức đại tổng thống lâm thời của Trung Hoa dân quốc, trong một chuyến đi săn, ông đã bị hấp dẫn bởi cảnh sắc tươi đẹp của Tử Kim Sơn ngoại thành Nam Kinh, và ông ao ước sau khi chết, được chôn ở nơi này. Năm 1925 sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, song do Bắc Kinh và Nam Kinh đều dưới sự thống trị của quân phiệt Bắc dương, niềm ao ước được chôn cất tại Nam Kinh của ông lúc đó không có cách nào thực hiện được, linh cữu của ông đành chôn ở chùa Bích Vân tại Tây Sơn Bắc Kinh.

Năm 1928, Tưởng Giới Thạch tiến quân Bắc Bình, sơ bộ hoàn thành đại nghiệp thống nhất Trung Quốc, Tưởng liền cho bắt đầu việc xây dựng lăng Trung Sơn, và muốn nhân dịp an táng Tôn Trung Sơn, tăng thêm tính chính thống cho mình và kiểm soát ít vốn liếng chính trị, nhằm làm vững hơn địa vị pháp thống của hắn trong Chính phủ. Có cái chiêu bài "người thừa kế của thủ tướng", là có thể danh chính ngôn thuận, với danh nghĩa của Trung ương ép phe thực lực xuất hiện ở các nơi từ hồi cách mạng Tân Hợi đến lúc này phải thần phục. Thế là ngày 14 tháng 1 năm 1929, chính thức thành lập "Ủy ban an táng thủ tướng Quốc dân đảng Trung Quốc", Tưởng thân chinh nhận làm "chủ tịch ủy ban", ông anh cộc chèo của Tưởng

là Khổng Tường Hy được giao cho làm "Tổng cán sự ban điều hành", cụ thể phụ trách chỉ huy di chuyển linh cữu, đón linh cữu và chôn cất. Khổng còn đồng thời kiêm cả chức "tổng chỉ huy đón tiếp".

Lăng Trung Sơn được coi là công trình trọng điểm cấp nhà nước quan trọng nhất của Chính phủ Nam Kinh, là một công trình kiến trúc đồ sộ và hùng vĩ. Địa chỉ của lăng do những người như Lâm Sâm, Đặng Trạch Như, Tống Khánh Linh, Tôn Khoa v.v... thăm dò và quyết định. Phía đông bắt đầu từ chùa Linh Cốc, tây kéo dài đến tận lăng Minh Hiếu, phía nam lấy Chung Thang Lộ làm ranh giới, ngang dọc mỗi bề tới 2 dặm Hoa, toàn bộ khu vực lăng chiếm đất khoảng hơn 6000 mẫu (sau mở rộng đến hơn 4 vạn mẫu Trung Quốc). Phương án xây dựng do Lã Nhan Trục thiết kế và được chọn từ trên bản thiết kế gửi đến. Hình mặt bằng của lăng tâm giống như một quả chuông cảnh tỉnh, có ý là luôn đánh thức dân chúng phấn đấu đến cách mạng thành công. Mộ đặt tại sườn phía nam của Tiểu Mao Sơn ở đỉnh thứ 2 của Tử Kim Sơn, bố cục của kiến trúc như sau:

Đi ra khỏi Trung Sơn của Nam Kinh, qua đường của lăng viên, đến quảng trường hình bán nguyệt ở trước lăng Trung Sơn; ven theo con đường mộ dài 323m rộng 70m qua bức tường bia đá có khắc hai chữ "bác ái" bằng chính bút tích của Tôn Trung Sơn, lại đi qua quảng trường lăng viên thì đến cửa lăng, ở trên cửa giữa của lăng có khắc 4 chữ bút tích của Tôn Trung Sơn là "thiên hạ vi công", từ cửa lăng đến tế đường là 10 đoạn 339 bậc thang mỗi đoạn lại có một sàn phẳng, trong đó trên sàn phẳng thứ hai có xây dựng một nhà bia. Trên bia có khắc Đảng huy của Quốc dân đảng và dòng chữ do Đàm Diên Khải viết "Trung Quốc Quốc dân đảng táng tổng lý Tôn tiên sinh ư thử" (Quốc dân đảng Trung Quốc chôn thủ tướng Tôn tiên sinh ở đây). Đầu cùng của bệ đá là một sàn phẳng dài 126m rộng 38m, phía trên là tế đường. Tế đường là kiến trúc chủ thể của khu lăng là một ngôi nhà phỏng theo kết cấu cung điện, dài 27m rộng 22,2m, bên trong cao 25,8m, trên ba cửa vào lần lượt khắc 3 cặp chữ "dân tộc", "dân sinh", "dân quyền". Trong sảnh đường là 12 cột tròn bằng đá hoa cương màu đen của Thanh Đảo, hai mặt tường đá hoa cương màu đen ở hai đầu đông và tây, ở trên mặt có khắc "Quốc dân Chính phủ kiến quốc đại cương" (Đại cương xây dựng đất nước của Chính phủ quốc dân) do Tôn Trung Sơn viết. Ở phần giữa phía sau của tế sảnh là tượng Tôn Trung Sơn ngồi với áo choàng khoác trên người. Phần bệ có khắc phù điêu giới thiệu cuộc đời của Tôn Trung Sơn, lần lượt là các điển tích "như bao xích tử, ra ngoài nước tuyên truyền, bàn việc cách mạng, thụ án ở quốc hội, nói to cho người điếc cũng nghe thấy, thảo việc giữ nước". Phòng mộ hình vòm tròn ở phía sau tế đường có đường kính 18m cao 11m, trên tường đá hoa cương đen khắc bút tích của Tôn Trung Sơn gồm bốn chữ "hạo khí trường tồn" (khí thiêng còn mãi), bên trái cửa ngoài có khắc "di chúc của thủ tướng", bên phải khắc bài quốc ca, bên trên phía trong là hàng chữ "Tôn Trung Sơn tiên sinh chi mộ", trên giữa cửa vòm là Đảng huy của Quốc dân đảng, phần giữa mặt

nền là hố sâu hình tròn bằng đá hoa cương đường kính 4m, ở giữa hố là áo quan bằng đá hoa cương, trên nắp áo quan là tượng nằm toàn thân của Tôn Trung Sơn, quan tài đồng chôn cất Tôn Trung Sơn đặt huyết sâu 5m dưới quan tài. Trong những năm tháng sau này, một số Hoa kiều lại quyên cúng tiền bạc để xây dựng những kiến trúc mang tính kỷ niệm như ngưỡng chỉ đình, đài âm nhạc, hành kiện đình, quang hoa đình, lầu chứa kinh v.v... Toàn bộ công trình tốn kém khoảng bốn triệu lạng bạc. Vùng phụ cận của lăng là rừng cây xanh tốt, sóng lá từng đợt nhấp nhô.

Tướng Giới Thạch coi việc an táng Tôn Trung Sơn như một trận đá bóng chính trị, hẳn biết rất rõ sự có mặt của bà vợ góa của Tôn Trung Sơn, sẽ có lợi cho hẳn rất nhiều, thế nên đã đánh điện báo cho Tống Khánh Linh, mời bà về nước để tham dự buổi lễ long trọng này.

Xung quanh việc có nên về hay không, Tống Khánh Linh đứng trước một sự chọn lựa lớn lao: Nếu từ chối không về, sẽ không được tham gia buổi di táng cho chồng theo thể thức quốc lễ, với một người mang nặng lòng yêu kính chồng như Tống Khánh Linh, sự khó nghĩ về mặt cảm tình là điều không tiếp thu nổi; nếu về nước, sẽ có vấn đề là mình có quan hệ với chính quyền Nam Kinh mà mình vốn không thừa nhận, Tướng Giới Thạch có thể sẽ vin vào đây tuyên truyền rùm beng để chọn nền thống trị phản động của mình được hợp pháp hóa. Đó là việc Tống Khánh Linh muốn từ chối không thêm nhìn thấy. Làm thế nào? Tống Khánh Linh đang rơi vào cảnh hai đường đều khó.

Qua sự cân nhắc rất thận trọng, cuối cùng Tống Khánh Linh đã chọn phương án vừa về nước tham gia tang lễ, lại vừa không để cho chính quyền Nam Kinh có dịp lợi dụng.

Dưới sự thúc giục của Tướng Giới Thạch, nhà họ Tống đã cử một người duy nhất còn quan hệ với Khánh Linh là người con trai thứ hai Tống Tử Lương đi Béc-lin đón chị về. Tống Khánh Linh thừa biết Tướng Giới Thạch đã có sự tính toán riêng, cho nên trước khi rời nước Đức, bà đã ra một bản tuyên bố công khai, vạch rõ ranh giới với chính quyền Nam Kinh của Tướng Giới Thạch.

"Tôi đang trở về nước chuẩn bị tham gia buổi lễ mai táng bác sĩ Tôn Dật Tiên ở Tử Kim Sơn, là nơi chôn cất mà ông ao ước từ ngày còn sống.

Để tránh mọi sự hiểu lầm có thể xảy ra, tôi thấy cần phải nói rõ, tôi vẫn quả quyết giữ vững những lời tuyên bố của tôi ngày 14 tháng 7 năm 1927, tức là đứng trước chính sách và hành động phản cách mạng của ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng, tôi tuyên bố không tích cực tham gia công việc của Quốc dân đảng nữa. Bởi vậy việc tôi tham gia tang lễ hiển nhiên không tỏ ra và cũng không hề có ý

gì rằng tôi đã bỏ hẳn được hoặc thay đổi quyết tâm của mình trong việc không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia công việc của Quốc dân đảng nữa. Chừng nào lãnh đạo Quốc dân đảng còn đi ngược lại ba chính sách lớn của bác sĩ Tôn tức là chính sách tích cực chống đế quốc, chính sách liên hợp với Liên Xô và công nông... chừng đó tôi vẫn quyết không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia bất kỳ hành động nào của Quốc dân đảng".

Tổng Tử Lương mới ba mươi tuổi thấy bản tuyên bố này của chị hai, sợ hết cả hồn bảo chị thật là ngốc nghếch. Nhưng Khánh Linh đã đáp rằng:

– Nhà họ Tống ta sống vì Trung Quốc, chứ không phải Trung Quốc còn là vì nhà họ Tống.

Lời giải đáp rất đơn giản mà hàm ý rất sâu xa, đã thể hiện tình cảm chí công vô tư xả mình vì nước của đứa con phản nghịch của nhà họ Tống là Tống Khánh Linh.

Khi lợi ích của nước và của nhà có mâu thuẫn với nhau, giữa Tống Khánh Linh và anh chị em trong nhà, do có sự khác nhau một trời một vực trong phạm vi tư tưởng nên đã có những sự lựa chọn khác, từ đó đã bước sang hai dinh lũy đối lập nhau, không đội trời chung, một mất một còn. Và đến cuối cùng, có người chết đi nặng tựa Thái Sơn, nhân dân đời đời ghi nhớ, có người chết đi nhẹ như lông hồng, nhân dân coi họ chỉ là cát bụi.

Từ sự chọn lựa khác nhau của những người anh em chị em cùng mẹ đẻ ra, và đi đến kết cục khác nhau, người ta cảm nhận được ra rằng: với chính nghĩa lịch sử thật vô tình.

Tháng 5 năm 1929, Tống Khánh Linh đáp xe lửa xuyên Xibêri về Cáp Nhĩ Tân. Một nhà báo đã tả tỉ mỉ như sau về cảnh đón tiếp này:

Từ biên giới ở các ga dọc đường đều có người đón đợi. Đúng giờ, tàu đến Cáp Nhĩ Tân. Một lô một lốc đủ các loại người đón đợi ở sân ga, trong đó có quan chức chính phủ, có người phụ trách ngành đường sắt, có nhà buôn, nhà tài chính và đại biểu các giới trong xã hội, trong số người có mặt, còn có cả tổng lãnh sự của Liên Xô và Nhật Bản. Tôn phu nhân rất nhanh chóng đi từ toa xe đến phòng đợi của quý khách tại nhà ga, trong đó có trầu thơm và hoa quả chiêu đãi. Sau khi chụp ảnh, bà liền đứng dậy để về khách sạn. 7 giờ tối, có tiệc tẩy trần mời bà tại khách sạn Ma-đăng. 10 giờ 40 phút bà lại ra nhà ga, đáp tàu hỏa đi Bắc Kinh. Người đi tiễn còn đông hơn người đi đón rất nhiều, người ta tặng cho bà rất nhiều hoa, đoàn tàu từ từ rời ga trong bóng cờ vẫy và trong tiếng quân nhạc vang lừng.

Tống Khánh Linh biết rằng nghi thức đón tiếp long trọng này có giá trị tuyên

truyền rất lớn đối với Tưởng Giới Thạch, cho nên bà đã nhiều lần nhắc lại với các nhà báo quan điểm trước sau như một của mình: do chính quyền Nam Kinh của Quốc dân đảng đi ngược lại ba chính sách lớn của Tôn Trung Sơn, tôi kiên quyết không hợp tác với họ.

Ngày 22 tháng 5 Tổng Khánh Linh đến chùa Bích Vân ở Tây Sơn, thân chinh theo dõi việc khâm liệm lại thi hài Tôn Trung Sơn và chuyển đổi áo quan. Bốn năm đằng đẳng, thời gian đã làm cho thi thể hoàn toàn đổi khác; thế nhưng mưa gió bốn năm trời không gột rửa được gì mà chuyện cũ vẫn hiện về sờ sờ trước mặt – Tuy vợ chồng họ chỉ chung sống với nhau có vỏn vẹn mười năm, nhưng hơn ba ngàn ngày đó mới êm ả, mới sâu lắng và đáng nhớ làm sao! Đưa tay vuốt nhẹ lên di cốt của chồng mình mà sao Khánh Linh phảng phất như thấy ông đang ở bên.

Tất cả đã qua đi, tất cả lại vẫn còn mãi mãi!

Tiếng còi như xé không gian, đoàn tàu mang theo linh cữu của Tôn Trung Sơn nặng nề chuyển bánh đi về hướng Nam. Ngày 28, Tưởng Giới Thạch và Tổng Khánh Linh tới ga Bạng Phụ đón đợi ở đó. Sau khi lên bờ ở bến phà Trung Sơn, (ngày ấy còn chưa có cầu Trường Giang), Khổng Tường Hy dẫn 32 người đô tùy lên "chiến hạm Hàm Thắng" chuyển linh cữu. Ba chị em họ Tống và nhiều nhân sĩ nổi tiếng lên xe hộ tống về lễ đường của trụ sở trung ương Đảng. Khi dừng linh cữu ở trụ sở trung ương Đảng, các ủy viên chấp hành trung ương Quốc dân đảng có mặt, các ủy viên giám sát, quan đặc nhiệm của Chính phủ quốc dân đã thay nhau túc trực bên linh cữu, các lãnh sự và quan chức ngoại giao cũng đến dự lễ. 6 giờ chiều ngày 31, lễ công tế kết thúc, hai người anh em đồng hao của Tôn Trung Sơn là Khổng Tường Hy và Tưởng Giới Thạch cùng con trai trưởng của Tôn phủ là Tôn Khoa đã trang điểm thi hài [\(2\)](#).

Hai giờ sáng ngày 1 tháng 6, Khổng Tường Hy và Chu Bồi Đức mới được bổ nhiệm làm tổng chỉ huy việc phụng an đã đến trụ sở. Trung ương Đảng sắp xếp lễ phụng an trong ngày hôm đó. Bốn giờ sáng, dưới sự chủ trì của ủy viên thường vụ ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng, viện trưởng viện lập pháp Hồ Hán Dân, đã cử hành lễ di chuyển linh cữu. Lễ xong, Khổng Tường Hy cầm cờ chỉ huy, dẫn ủy viên quốc phủ, các ủy viên trung ương đảng, thân bằng cố hữu chuyển sang linh xa chở đến lăng Trung Sơn. Lúc này trên đồi Sư Tử ở Nam Kinh đã bắn 101 phát đại bác để chào Tôn tiên sinh. Trong tiếng nhạc bi ai, đoàn đưa linh cữu từ từ chuyển bước, dân chúng đứng nghiêm ở hai bên đường. Đến quảng trường trước lăng, Khổng Tường Hy chỉ huy các đô tùy đưa linh cữu của thủ tướng đến tế đường và phụng an mộ. Cùng lúc đó, lại nổ 101 phát đại bác nữa, dân chúng cả nước dừng mọi công việc, mặc niệm ba phút.

Ngày 1 tháng 6, đúng vào ngày lễ nhĩ đồng, ý nguyện ngày nào của Tôn Trung Sơn là "ước ao sau khi chết được chôn ở thành phố Nam Kinh, nơi Trung Hoa Dân quốc ra đời" đã được thực hiện. Tổng Khánh Linh đã cùng chị gái, anh rể, em gái, em rể cùng các quan chức và các bậc trung lưu của chính quyền Nam Kinh đã tham gia buổi lễ quốc táng này.

Tôn Trung Sơn là người tiên phong của Cách mạng tư sản Trung Quốc, ông đã hết lòng hết sức, dốc trọn tâm can, phấn đấu suốt đời cho sự tiến bộ và mạnh giàu của dân tộc Trung Hoa. Ông rất khoan dung và chân thành với mọi người, cái thiếu ở ông là thủ đoạn của một chính khách, cái thừa có ở ông là tấm lòng hiền lành, bác ái. Việc ra đi quá sớm của ông, quả thực là một tổn thất lớn lao cho dân tộc Trung Hoa. Để kỷ niệm bậc vĩ nhân này và làm lễ quốc táng long trọng thế này cho ông là điều rất nên làm. Có điều những người đóng vai trò chủ chốt trong cuộc táng lễ này như Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh, Tống Ái Linh, Không Tường Hy, Tống Tử Văn v.v... muốn tìm thấy hiệu quả chính trị từ trong buổi lễ này, theo đuổi màu sắc chính trị – bởi họ có quan hệ thân thích rất gần gũi với Tôn Trung Sơn, họ an táng cho thủ tướng, cũng lại là tín đồ của thủ tướng tức là những người đi thực hiện chủ nghĩa tam dân nên có tính chính thống không thể thay thế được trong việc nắm quyền thống trị của Quốc dân đảng.

Còn như làm bà vợ góa của Tôn Trung Sơn và trong buổi lễ là người có quyền phát ngôn nhất, Tống Khánh Linh vô cùng căm ghét và ghê tởm cái trò lừa bịp này của Tưởng Giới Thạch, cũng như thủ đoạn của hần biến buổi táng lễ thành cơ hội để tăng thêm đồng cân chính trị cho mình. Trong buổi lễ bà từ chối việc đi lại thân tình với những chị em của mình, và ngày thứ hai sau khi kết thúc buổi lễ, mặc cho chính quyền Nam Kinh dùng đủ mọi cách cám dỗ bằng tiền bạc và quan chức, Tống Khánh Linh quay về nơi ở cũ của mình ở Thượng Hải.

Khẩu chiến với lý luận quyền uy

Cuộc táng lễ của Tôn Trung Sơn vừa kết thúc, mâu thuẫn giữa chính quyền Nam Kinh với Liên Xô về vấn đề Trung đông lộ ở Đông Bắc ngày càng gay gắt.

Liên Nga, liên Cộng là cốt lõi tư tưởng của Tôn Trung Sơn những năm cuối đời. Để bảo vệ đường lối đó của Tôn tiên sinh, ngày 1 tháng 8 năm 1929, Tống Khánh Linh đã phát đi Béc-lin cho Đại đồng minh phản đế một bức điện, lên án đường lối ngoại giao chống Liên Xô của Tưởng Giới Thạch:

"Hiện nay, các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang kết thành mặt trận thống nhất kiên cường để phản đối chiến tranh và chủ nghĩa quân phiệt của các nước đế quốc. Vậy mà lúc này, chính quyền phản động Nam Kinh lại câu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc, trấn áp rất dã man đông đảo quần chúng Trung Quốc.

Bản chất bội tín bội nghĩa của bọn Quốc dân đảng phản cách mạng chưa bao giờ lại phơi bày ra trước mặt người đời một cách vô liêm sỉ như hiện nay. Sau khi phản bội lại cuộc cách mạng quốc dân, chúng đã không thể tránh khỏi việc truy lạc thành công cụ của chủ nghĩa đế quốc, hòng gây nên một cuộc chiến tranh với nước Nga. Thế nhưng đông đảo quần chúng nhân dân Trung Quốc sẽ không chịu khuất phục bởi sự trấn áp đó, cũng không bị lừa gạt bởi sự tuyên truyền giả dối của chúng, họ sẽ chiến đấu để bảo vệ cách mạng..."

Nội dung bức điện văn đó còn được dịch và in ra thành truyền đơn rải khắp Thượng Hải. Sau khi chính quyền Nam Kinh biết được việc này, đã tỏ ra hết sức tức giận và tăng cường theo dõi chặt chẽ nơi ở của Tống Khánh Linh. Về vấn đề này, Tống Khánh Linh – một con người vì nghĩa quên mình – đã nói: "Từ sau khi phát đi bức điện đó, tôi thấy trong lòng rất vui. Tôi nghĩ mình cần phải bày tỏ niềm tin của mình, còn như cá nhân tôi có gặp hậu quả thế nào, điều đó hoàn toàn không quan trọng".

Sự "ngang bướng" của Tống Khánh Linh, nhất là bức điện phát đi lời tuyên bố đó làm cho Tưởng Giới Thạch hết sức đau đầu. Tưởng sai Đới Quy Đào "nhà lý luận" số một trong nội bộ quốc dân đảng và được mệnh danh là "cây bút số một của Quốc dân đảng" đi "tẩy não" cho Tống Khánh Linh.

Đây là một cuộc đấu khẩu không ai chịu ai giữa một đôi bạn cùng tuổi quen biết nhau từ lâu, là cuộc luận chiến ở trình độ cao và hết sức hấp dẫn, thể hiện hai luồng tư tưởng trong đục phải trái rõ ràng – hai luồng tư tưởng trái ngược hẳn với nhau này sẽ dẫn Trung Quốc đến hai tiền đồ, hai thứ vận mệnh hoàn toàn khác nhau. Tống Khánh Linh còn ghi nhớ được hoàn chỉnh lần nói chuyện này, đáng để chúng ta đọc lại:

Qua một lúc hàn huyên rất tình cảm, ông Đới nói rằng sức khỏe ông đã tồi tệ lắm rồi, nhiều lần muốn đi biệt ra nước ngoài. Năm ngoái, khi ông đã dứt khoát với ý định đi sang châu Âu, Tưởng Giới Thạch và nhiều bạn bè khác lại yêu cầu ông cùng gánh vác công cuộc xây dựng đất nước, ngăn lại kế hoạch mà từ lâu ông đã tính sẵn trong lòng. Ông Đới còn nói, ông không phải vì tiền bạc, cũng không phải vì tham quyền hám vị, tham gia Chính phủ chẳng qua là chia sẻ một phần trách nhiệm trong công cuộc đầy khó khăn của Đảng và đất nước, chứ không hề có một động cơ gì khác. Tôi biết rõ rằng ông Đới đến gặp tôi là có mang theo sứ mệnh của Tưởng Giới Thạch giao phó, đến thăm dò tin tức về tôi. Tôi ngắt lời ông, nói rằng ông không ra được nước ngoài thật là điều đáng tiếc. Ông lúng túng trước câu nói của tôi, lặng im giây lâu. Bà vợ của ông ta phá tan sự im lặng, hỏi tôi tại sao chưa tới Nam Kinh. Tôi trả lời rằng: "Lễ mai táng đã xong rồi, tại sao tôi còn phải tới Nam Kinh?" Bà đã ân cần kể lại với tôi: "Khu lăng viên rất đẹp, nơi ở của Tôn phu nhân

mọi thứ thiết bị đều sắp đặt hết cả rồi, chúng tôi đều muốn người hãy về đó. Những ngày gần đây, người có thể nêu ra lời đề nghị với Chính phủ". Với những lời lẽ thô lỗ đó của bà, tôi đã trả lời thẳng thắn, tôi không hợp với cuộc sống của chính khách, hơn nữa ở Thượng Hải tôi không có tự do ngôn luận, chẳng lẽ đến Nam Kinh có thể mong có được hay sao?

Đang lúc ấy, từ chỗ ngồi của mình, ông Đới đứng thẳng dậy, áp úng trong miệng, hình như có vật gì đó muốn đưa cho tôi xem, đồng thời, tay ông thò vào túi áo mò mẫm một lát, cuối cùng rút ra một trang giấy đã được gấp nhỏ lại. Ông đang định đưa nó vào tay tôi, tôi đã nhìn rõ ra là cái gì, và rất chắc chắn bảo với ông rằng đó hình như là bản điện văn tôi đã đánh đi cho đại đồng minh chống đế quốc, chính phủ Nam Kinh không cho phát biểu.

Đới : Bức điện này có đúng là từ chỗ bà phát đi không? Tôi thật không dám tin, ở địa vị như bà, mà lại có thái độ như thế, quả thật là có gì đó không thể hiểu nổi. Đây rõ ràng là một việc hết sức nghiêm trọng.

Tổng : Đó là thái độ thành thực duy nhất có thể có, ngay như Tôn tiên sinh ở trong hoàn cảnh này, cũng sẽ có thái độ như thế. Ông tung ra lời đồn nhảm coi bức điện báo của tôi là sự bịa đặt của Cộng sản, có chút gì đó thật đáng cười! Tôi có quyền có thể chứng minh rằng, từng chữ từng lời trong đó đều do chính tay tôi viết ra.

Đới : Đảng Cộng sản có dám nhận hết mọi trách nhiệm tội ác đó không, nhất là hiện nay, đảng Cộng sản chịu sự lãnh đạo của Mascova, gây nên trong cả nước tình hình rối loạn, giết người, cướp của, đốt nhà... tại sao bà lại có thể phát đi bức điện đó để công kích Chính phủ? Chúng ta hãy gác quan hệ cá nhân sang một bên, đối với loại lầm lỗi nghiêm trọng ấy, Chính phủ sẽ không coi nhẹ đâu. Cho rằng Chính phủ có sai lầm, bà cũng không có quyền nói toạc ra như thế. Bà nên giữ nghiêm kỷ luật của đảng. Hơn nữa, cái dở nhất của sự việc này, là đánh điện báo cho nước ngoài, điều này làm mất mặt Chính phủ và dân tộc – dân tộc của chính bà đấy!

Tổng : Giữ nghiêm kỷ luật của đảng! Cám ơn! Tuy rằng các ông ghi tên tôi vào ủy ban chấp hành trung ương của các ông, tôi không thuộc cái đảng quý hóa đó của các ông. Ông đã có đủ gan dạ bảo tôi rằng tôi không có quyền nói chuyện. Vậy thì các ông định dùng tôi làm chiêu bài đi lèo bịp công chúng hay sao? Ý tốt của ông, chính là một điều sỉ nhục. Hãy cứ tin đi, không có một người nào lại cho rằng Chính phủ Nam Kinh lại đại biểu cho nhân dân Trung Quốc đâu! Tôi thay mặt cho dân chúng bị áp bức của Trung Quốc nói chuyện. Điều này chắc là ông biết. Nhân dân cả thế giới này rất dễ dàng phân biệt được cái "đoàn thể nước ngoài" mà tôi đánh điện cho họ đó, là có lợi hay là có hại cho lợi ích của Trung Quốc và nhân dân Trung

Quốc. Đại đồng minh chống đế quốc mà ông vừa viện dẫn ra với "nhiệt tình yêu nước" đó, hiện nay đang tích cực làm mọi việc cho chủ quyền của Trung Quốc và độc lập của dân tộc. Bức điện báo của tôi là sự biểu hiện của việc giữ gìn sự vẻ vang của người Trung Quốc. Các người đầu hàng Nhật Bản và đế quốc nước ngoài, sỉ nhục Nga Xô cách mạng, mới chứng tỏ các người là một lũ chó săn, mang lại sự nhục nhã cho đất nước và nhân dân. Tay sai của các người là Dương Hổ, đã tố cáo với sở mật thám của Pháp là tôi có điện đài bí mật, bố trí đặc vụ nước ngoài để đối phó với tôi, thế thì không mất mặt hay sao! Các người đã để lại bao nhiêu vết nhơ trong lịch sử cách mạng Trung Quốc, sẽ có một ngày rồi dân chúng sẽ tính sổ với các người!".

Đới : Bà đừng có nóng ả, thưa Tôn phu nhân! Cách mạng không thể một ngày mà có thể thành công, xin bà đừng bỏ phí sức lực của mình vào những hoạt động phá hoại công kích chính phủ và mấy người lãnh đạo, hợp tác với chúng tôi mới là nghĩa vụ của bà. Sự phần nộ và tình cảm của bà, tôi hết sức thông cảm, đó là kết quả kinh nghiệm đau khổ của những năm trước đây. Nhưng Tôn tiên sinh không phải là một kẻ tầm thường, ông vượt xa tất cả mọi người, trời phú cho ông có một trí tuệ và tài năng khác thường, lý tưởng của ông đã đi trước hàng mấy thế kỷ. Bà tất là rất rõ, chủ nghĩa tam dân không thể dựa vào sự tưởng tượng suông rồi mấy đời người có thể hoàn thành được, có thể phải cần tới ba trăm hoặc bốn trăm, ai mà có thể đoán định được?

Tổng: Rất rõ ràng, những điều mà ông dẫn ra làm căn cứ đều là chủ nghĩa tam dân mà các ông đã xuyên tạc đi. Tôn tiên sinh đã từng nói rằng, giả thử đảng viên có thể giữ vững chủ nghĩa, cách mạng có thể thành công trong vòng hai ba chục năm. Sự thực, khi soạn thảo "đại cương xây dựng đất nước", người đã có ý nghĩ này, cách mạng nhất định sẽ thành công vào lúc người đang còn sống. Có điều, ông là người có thể đoán biết được, một con người vốn có trí tuệ trời cho như vậy lại sau nhiều lần bị bọn quân phiệt trong đảng phản bội, Tôn tiên sinh sẽ tán thành thời kỳ quân chính hay sao? Ông Đới ả, lời lẽ của ông rất rõ ràng là đang mang bệnh hoạn, đó là do sức khỏe ông tồi tệ dẫn đến việc ông trở nên bi quan. Ông không còn là Đới Quý Đào trẻ trung sôi nổi với cách mạng, chính nghĩa với cải cách nữa rồi, ông đã không tránh được phải trở thành một tín đồ Phật giáo mất rồi! Nhưng tôi cũng phải nhắc để ông rõ, ông đừng có biến Tôn tiên sinh thành tượng gỗ, thành một Không phu tử khác hay một thánh nhân, đó là sự ô nhục tên tuổi của Tôn tiên sinh, vì tư tưởng và hành động của người là một nhà cách mạng. Tôi rất lấy làm tiếc, tư tưởng của ông đã bị trụ lạc mất rồi!

Đới : Ngược lại thế, tư tưởng của tôi lại tiến bộ lên cùng tuổi tác. Cải tiến hiện trạng của xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đó không phải cách mạng hay sao?

Tổng: Quốc dân đang được xây dựng như một tổ chức cách mạng, tuyệt nhiên

không phải là một đảng xã hội cải lương, nếu không chỉ nên gọi nó là đảng tiến bộ thôi.

Đới : Vậy thì xin hỏi bà nên hiểu một nhà Cách mạng như thế nào? Hình như có rất nhiều định nghĩa khác nhau?

Tổng : Người cách mạng không hài lòng với chế độ xã hội trước mắt, cố gắng để xây dựng một trật tự xã hội mới có lợi cho đông đảo quần chúng, để thay thế cho xã hội cũ. Xin hỏi: Cho đến nay các người đã có những thành tích cải cách gì?

Đới : E rằng bà còn chưa chú ý tới sự tiến bộ của các bộ môn trong chính phủ. Công tác xây dựng đang được tiến hành, nhà cửa mục nát tồi tàn đang được thay bằng những kiến trúc mới, kế hoạch sẽ xây dựng đường sắt mới, cải cách giao thông của nhà nước, cứu tế cho nhân dân nghèo khổ, thí dụ như con đường Trung Sơn rộng lớn mà bà nhìn thấy ở Nam Kinh, những cái đó lại chẳng phải là những thành tích lỗi lạc mà chúng tôi đã làm được trong hoàn cảnh khó khăn đầy dẫy đó sao?

Tổng : Ngoài việc tôi nhìn thấy các người điên cuồng tàn sát hàng trăm triệu thanh niên cách mạng mà sau này có thể thay thế cho bọn quan liêu thói nát ra, chẳng còn gì nữa cả. Ngoài nhân dân đau khổ và tuyệt vọng ra, chẳng có gì khác nữa. Ngoài chiến tranh quân phiệt tranh quyền đoạt lợi ra, chẳng có gì khác nữa; ngoài việc cướp bóc dân chúng đang đói khổ ra, chẳng có gì khác nữa. Sự thực, các người chẳng làm được một cái gì cả mà chỉ có tiến hành hoạt động phản cách mạng mà thôi! Còn như nói đến những công tích khác của các người, con đường Trung Sơn rộng lớn ấy là cái được cho ai? Duy chỉ có tiện cho các người chạy xe trên đó. Tôi e rằng những người dân cùng khổ, chỉ vì sự tiện lợi đó của các người mà phải dờ bỏ túp lều tranh duy nhất để che thân của họ.

Đới: Đó chỉ là những lời chỉ trích vớ vẩn và không hợp lý; xin bà hãy nói cho tôi biết không dờ bỏ những căn nhà tranh tồi tàn và những kiến trúc cũ đi làm sao mà sửa sang lại được?

Tổng : Nhưng sửa sang vì lợi ích của ai? Có phải ông cho rằng Tôn tiên sinh tổ chức và xây dựng Quốc dân đảng là muốn để người giàu thì càng giàu thêm và hút cạn máu của hàng ngàn hàng vạn người dân Trung Quốc đang hấp hối hay sao. Người đã cố gắng phấn đấu không mệt mỏi bốn chục năm trời là vì như thế hay sao?

Đới : Bất kỳ người nào cũng đều có lương tâm, đó không phải là của riêng của cá nhân ai, bà biết rằng trong triết học...

Tổng: Xin ông đừng nói những đạo lý huyền diệu xa xôi, tôi chỉ có biết sự thực.

Đới: Vậy thì ý bà là muốn mọi người đều không cần nói đến cầu tiến bộ, quay trở lại thời xưa, vẫn cứ đi bộ, mà không dùng xe hơi sao? Ôi!

Tổng : Tôi không yêu cầu những thứ hoang đường, tôi chỉ yêu cầu các người hãy chấm dứt đề cao cuộc sống vật chất của các người. Thế này đã là quá xa hoa rồi, vượt xa hàng vạn lần những người bình thường nói chung rồi. Tôi biết rằng có khá nhiều tên quân phiệt quan liêu mấy năm trước đều rất nghèo khổ. Hôm nay bỗng nhiên ngồi trên xe hơi cao cấp hiển hách, huênh hoang, bỏ tiền ra mua nhà lầu ở tô giới cho vợ bé mới cưới. Tôi xin hỏi ông, tiền của họ lấy ở đâu ra? Ông thử nghĩ xem, nếu Tôn tiên sinh còn sống người có chấp nhận hiện trạng này không? Giả sử, ông là người vẫn còn chút lương tâm, ông không thể không thừa nhận rằng Quốc dân đảng ngày nay đã hoàn toàn mất đi ý nghĩa cách mạng của nó rồi.

Đới : Sao khi mới về, bà lại không phát biểu những ý kiến của mình ra.

Tổng : Chẳng phải là ý kiến của tôi thường thường đều bị áp chế đó sao? Thế nhưng tôi đã từng tự do phát biểu ý kiến của tôi với chủ tịch của các người, chính ông ta không để mọi người biết ý kiến của tôi, chuyện đó ông ta phải chịu trách nhiệm.

Đới : Tưởng Giới Thạch đang đem hết sức mình thực hiện "đại cương xây dựng đất nước" của Tôn tiên sinh. Ông ta chịu trách nhiệm rất lớn lao, ông phải khắc phục vô vàn trở ngại; tất cả những đồng chí trung thực, đều nên phò trợ ông. Nhưng tình hình hiện nay vừa rất khó khăn lại vô cùng phức tạp. Rõ ràng, cho rằng Tưởng Giới Thạch có trao Chính phủ cho bà hoặc Uông Tinh Vệ, thì tôi dám chắc rằng, tình hình cũng vẫn không thể xấu đi nhưng cũng chẳng khá hơn chút nào.

Tổng : Nói thực tôi không ước ao gì được thay cho ông Tưởng, thế nhưng ông cho rằng tình hình của Trung Quốc, ngoài Tưởng Giới Thạch ra chẳng lẽ không còn ai khác có thể làm cho nó khá hơn sao? Đó cũng chỉ là cái nhìn sai lệch của ông thôi. Phúc lợi của một nhà nước không phải là thứ đặc hượng, hay là của riêng của bất kỳ ai. Sai lầm căn bản của ông, chính là chỗ này. Còn như nói đến thực hiện "đại cương xây dựng đất nước" của Tôn tiên sinh, tôi không hiểu ông Tưởng và những người dưới quyền ông ta đã thực hành được cái gì và ở đâu. Cho rằng có là di chúc cuối cùng của Tôn tiên sinh, hàng ngày các người cũng chỉ đem ra để đọc thuộc lòng thôi, chứ các người đã bán đứng nó đi rồi! Các người định cấm ngôn luận, cấm hội họp, cấm xuất bản, cấm xây dựng tổ chức để thực hiện việc thức tỉnh dân chúng hay sao?

Đới : Chắc bà còn chưa quên, khi phong trào của dân chúng đang nổi lên, Hồ Nam, Quảng Đông đã xảy ra những sự kiện gì? Đúng vậy, những sự khủng bố ấy còn mới như vừa hôm qua! Bà đã thấy tự do bị người ta lạm dụng như thế nào, những

cuộc hội họp đó chỉ có một kết quả duy nhất là mất trật tự và rối loạn. Về mặt này, nhân dân Trung Quốc lạc hậu mất mấy trăm năm. Ngay trong những đảng viên của Quốc dân đảng, họ đã qua sự huấn luyện nhất định, có lúc tập hợp lại, cũng còn khó tránh khỏi bị mất trật tự và tranh cãi ồn ào. Tôn tiên sinh rất thất vọng về chuyện đó mới phải đưa ra "quy tắc thông thường về hội nghị". Làm sao bà có thể trông đợi những quần chúng chưa được giáo dục ấy có thể tập hợp lại! Còn như bảo họ tổ chức lại, lại càng là chuyện khó bàn tới. Họ nhất định trước hết phải qua thời kỳ huấn luyện chính trị.

Tổng : Ông có biết rằng ông đã áp dụng thứ vũ khí mà bọn đế quốc dùng để phản đối chúng ta, thủ tiêu quyền trọng tài lãnh sự và xóa bỏ hiệp ước bất bình đẳng, để chống lại dân chúng của mình không? Bọn đế quốc bảo chúng ta lạc hậu bao nhiêu thế kỷ, không hiểu gì về pháp luật và trật tự, cho nên không tự cai trị nhau được, cần phải có thời kỳ huấn luyện chính trị. Các người không để cho quần chúng có dịp đi thực tập "quy tắc thông thường về hội nghị" do Tôn tiên sinh nêu ra mà ông vừa nói tới, thì làm sao có thể trông mong dân chúng biết tổ chức và tập hợp được chứ. Làm gì có cái thứ không xuống nước bao giờ mà lại biết bơi được. Ông Đới ạ! Có phải ông đã tự mâu thuẫn với chính mình?

Đới : Tôi e rằng chính bà mới là tự mâu thuẫn với mình. Bà muốn tăng phúc lợi cho dân chúng, giảm nhẹ đau khổ cho mọi người, thế mà bà lại phản đối việc tuyên chiến với kẻ thù của nhân dân – Quê Hệ và bọn quân phiệt khác như Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn v.v... chúng đều là vật cản của tiền đồ cách mạng.

Tổng : Trong cuộc chiến tranh quân phiệt, ngoài việc tăng sưu thuế, áp bức và làm mất sinh mạng ra, nhân dân được cái lợi gì nào?

Đới : Thế thì bà rõ ràng là cũng khát khao hòa bình, nhưng bà lại công kích những người cố gắng làm việc cho nhà nước và nhân dân, giờ đây chúng ta hãy tôn trọng ý kiến của nhau, chúng tôi sẽ nghe ý kiến của bà, nhưng bà cũng phải nghe ý kiến của đa số người...

Tổng : Đối với cái thứ hòa bình đã chôn sâu dưới mồ, và sự du thuyết làm mất thì giờ của tôi, đều không còn một chút ảo tưởng nào!

Đới : Bà không thể đến Nam Kinh sống một thời gian sao? Ở đó có thân tộc của bà, ở trong môi trường ấy, bà sẽ thấy dễ chịu hơn một chút. Chúng ta đều là những con người, những con người mang theo nhĩa ý và sự đồng tình.

Tổng : Nếu như khoái lạc là mục đích sống của tôi, thì tôi không bao giờ trở lại môi trường đau khổ như thế này. Mất nhìn thấy niềm ao ước và tính mạng của chúng ta bị chôn vùi, tôi đồng tình và cảm thông với dân chúng còn hơn cả với

chính mình.

Đới : Thừa Tôn phu nhân! Tôi mong rằng bà không nên phát biểu tuyên ngôn thêm nữa!

Tổng : Biện pháp duy nhất để tôi không nói, là đem bán tôi, hoặc giam cầm tôi, giả như không thế, thì chẳng hóa ra các người thừa nhận rằng các người bị chỉ trích thế này là không oan uổng tí nào. Thế nhưng bất kể làm việc gì, các người cũng cần phải công khai đảng hoàng như tôi, không nên dùng những quỷ kế vụng trộm, dùng trình thám để bao vây tôi.

Đới : Tôi đi Nam Kinh, sau khi trở lại sẽ tới thăm bà.

Tổng : Lại đến nói chuyện nữa cũng vô ích thôi, cái hố ngăn cách giữa chúng ta sâu quá mất rồi!

Trước một bậc quân thoa như Tổng Khánh Linh, nhà lý luận quyền uy "cờ Đới Quý Đào", chỉ còn cách ra công chống đỡ, không còn hơi sức đâu mà đánh trả, thế nhưng ông ta lại có cảm giác tự ngã rất tốt, vẫn cho rằng chân lý là ở trong tay mình. 20 năm sau, khi quân giải phóng nhân dân với khí thế dõng dạc non lấp biển, tuyên bố chính quyền Quốc dân đảng diệt vong, tuyên cáo mớ lý luận hoang đường mà ông tận lực với nó một đời, vất vả một đời đã phá sản, cái lâu đài lý tưởng nhân sinh của ông ta bị sụp đổ. Ông ta đã tự sát, ông đã dùng đôi tay của mình hạ cho cuộc đời mình một dấu chấm hết gọn lỏn và chắc nịch! Trước lúc tự vận, không biết rằng ông có nghĩ lại cuộc đấu khẩu giữa ông và Tôn phu nhân 20 năm trước hay không. Chuyện cũ vẫn còn, thời gian thật hững hờ!

II. VƯƠNG TRIỀU HỌ TƯỚNG CHUNG VỐN KINH DOANH

Thành Phủ Châu thần tính nát thần hồn

Mùa thu năm 1927, Tưởng Giới Thạch tuổi đã trung niên tận dụng thời gian ngắn ngủi khi lui quân sống chui lủi, đã làm lễ cưới với Tống Mỹ Linh đang ở cái tuổi đã "toan về già". Không lâu sau, Tưởng trở lại hoạt động, giữ chức tổng tư lệnh quân đội và Chủ tịch chính phủ quốc dân. Do có cuộc hôn nhân này, mà chỉ trong một đêm, phạm vi hoạt động chính trị của Tống Mỹ Linh đã mở rộng hẳn ra. Nào là sự bảo vệ nghiêm ngặt và cảnh giác cao độ, nào là những vương mắc rắc rối về phái hệ hết sức phức tạp, nào là chuyện làm mưa làm gió ở chốn quan trường, nào là lời lẽ thớ lợ giả dối lừa lọc của chính khách, những thứ đó bắt đầu không ngừng cuốn vào cuộc sống của Mỹ Linh. Sự thông cảm của bà với chồng cũng do khoảng cách đã gần lại mà sâu thêm một chút. Đó là sự kết hợp của những mối khác biệt rất lớn vốn có về bối cảnh, về thói quen sinh hoạt, về sở thích tính cách... giữa hai gia tộc.

Tuy cũng từng sống ở Nhật Bản mấy năm, nhưng tỷ lệ "Âu hóa" trong con người của Tưởng Giới Thạch không nhiều lắm, từ mỗi một việc làm, lời nói hay cử chỉ của ông ta, cái biểu lộ ra ngoài với mọi người là thứ "đặc điểm Trung Quốc" rất đậm đà và khuôn khổ quân nhân rất nghiêm ngặt. Quần áo gọn gàng, đi đứng đồng dục, không hay cười đùa. Cởi quân phục và khí giới ra là mặc áo dài hay quần áo Trung Sơn. Ông ta còn không hút thuốc, không uống rượu, không uống trà, không ăn vặt, không uống sữa, cà phê, chỉ uống nước lã đun sôi. Sau giấc ngủ trưa chỉ uống một cốc cam tươi. Ông ta chỉ thích ăn bữa ăn trưa là chính, nhưng lại không ăn được ớt.

Xuất thân trong một gia đình Âu hóa nặng nề, 11 tuổi đã sang sống 9 năm ở Mỹ, Tống Mỹ Linh rất thiếu sót trong việc tìm hiểu văn hóa Trung Quốc, mỗi cử chỉ hay cách suy nghĩ của bà ta đều rất "Tây", không hề có tình tạo ra "mất Tây". Bà không quen ăn "com Tàu" và không thể bỏ com Tây, bà thích ăn điểm tâm kiểu Tây, uống ứt-ki có bỏ đá, thích uống sữa bò, cà phê, thích hút thuốc lá bạc hà chuyên giành cho phụ nữ của Mỹ sản xuất. Đòi một người đàn bà như thế làm vợ hiền dâu thảo và luôn phải nhớ câu phu xướng phụ tùy, thật còn khó hơn bắt mèo ra ruộng!

Năm 1927, Tưởng Giới Thạch trở lại vũ đài chính trị, đã gặp ngay phải sự thách thức của thế lực các bè phái như Hồ Hán Dân, Ưng Tinh Vệ, và quan phiệt Bắc Dương, Phùng Ngọc Tường, Trương Phát Khuê, Đường Sinh Trí, Lý Tôn Nhân, Diêm Tích Sơn, Thạch Hữu Tam v.v... nhưng Tưởng Giới Thạch đã rất nhanh chóng chinh phục được các đối thủ. Trong những cuộc đọ sức đó, Tống Mỹ Linh càng cảm nhận được đầy đủ thủ đoạn và bản lĩnh của đức ông chồng về mặt khéo lợi dụng mâu thuẫn, dùng ngay mâu thuẫn để xoay chuyển thời cuộc, xoay xở dọc ngang để thắng thế. Qua những cuộc đấu trí đấu dũng kinh thiên động địa đó, khiến cho người vừa bước vào quan trường như Tống Mỹ Linh đã hết sức thiết thực thể hội được rằng, tất cả mọi hoạt động, không có hoạt động nào lại giàu tính kích thích, giàu sự thách thức như hoạt động chính trị; không có thứ đấu tranh nào tàn khốc và vô tình và không cho phép chân thành, từ tâm như đấu tranh chính trị. Hứng thú của con người ưa hoạt động như Tống Mỹ Linh với sóng gió chính trị ngày một mãnh liệt hơn, bà khao khát muốn được hô phong hoán vũ trên vũ đài chính trị. Nhưng thời cơ rồi cuộc vẫn chưa chín muồi. Một là, bà mới làm lễ cưới không lâu, nếu vội đứng ra, sẽ gây cho người ta một cảm giác rằng bà là con người có ham muốn và dã tâm chính trị quá mạnh, ảnh hưởng sẽ không tốt; thứ hai là lúc đó trên vũ đài chính trị của Quốc dân đảng còn chưa có bóng dáng đàn bà con gái; nếu như nhảy vào "đơn độc", khó tránh khỏi bị người ta ghê lạnh. Nghĩ đến đây, con người xưa nay chưa hề biết kìm giữ ham muốn này cũng đành trở nên một Tống Mỹ Linh biết kiên nhẫn đợi chờ. Bà áp dụng sách lược vu hồi, về vấn đề này, bà đã có những lời thú nhận rất rõ ràng: "Tôi cho rằng các quan chức đều cảm thấy tôi là một phụ nữ, sau này tôi cũng quên phất cả cho chính mình, một lòng một dạ giúp việc cho chồng tôi, họ cũng thôi không nhìn nhận tôi là một phụ nữ, mà coi như một người trong số họ."

Tổng Mỹ Linh sống trong cung điện, trong thư viết cho bạn nước ngoài của mình, đương nhiên không thiếu được những dòng giới thiệu tình hình chính trị Trung Quốc và tâng bốc đức lang quân của mình: "Quân phiệt ở Trung Quốc còn chưa bị đánh đổ. Để bảo vệ phạm vi lợi ích của mình và thỏa mãn mong muốn cá nhân, họ đã công nhiên đối kháng lại chính phủ Trung ương mà không hề nghĩ gì đến chuyện duy chỉ có thống nhất mới có thể cứu được Trung Quốc. Với tư cách là chủ tịch chính phủ quốc dân và tổng tư lệnh quân quốc dân cách mạng, chồng tôi đã cố gắng đến mức cao nhất ngăn chặn những vị tướng phản bội như Diêm Tích Sơn và Phùng Ngọc Tường nổi loạn. Thế nhưng các vị tướng đó ý thức phong kiến còn nặng nề, chỉ biết tư lợi mà không nghĩ đến gì khác. Bởi thế chính phủ trung ương đành phải công bố mệnh lệnh dẹp phản loạn". Trong thư đương nhiên cũng không quên đề cao mình một chút: "Hễ cứ nghĩ đến đất nước tôi đang đứng trước muôn ngàn tai họa, tôi lại thấy đau lòng xót dạ". Sau khi chinh phục được bọn quân phiệt ở các nơi, Tưởng Giới Thạch chuyển trọng tâm công tác của mình vào vùng căn cứ địa của Hồng quân – đây là mối họa chí tử của ông ta. Thế nhưng Hồng quân với sách lược giương Đông kích Tây, xuất quỷ nhập thần của Mao Trạch Đông, lấy ít thắng nhiều thu được thắng lợi trong cuộc chống vây hãm hết lần này đến lần khác. Tưởng Giới Thạch muôn phần khôn đốn, đành tự mình cầm quân chiến đấu.

Tổng Mỹ Linh chịu không nổi sự tĩnh mịch của khuê phòng đã đi cùng chồng ra phía trước ở tỉnh Giang Tây, đã trải qua một phen nguy hiểm hết hồn hết vía ở thành phố Phủ Châu. Trong thư gửi cho bạn mình, Tổng thị đã kể lại rằng: "Tôi từ một bộ tư lệnh dã chiến của chúng tôi ở phía trên, ngồi trên một chiếc thuyền tam bản đi bốn ngày đường, đến ngày 4 tháng này thì đến được Cát An. Tôi chỉ huy đội cứu thương, một lòng một dạ hết sức cố gắng, chỉ đạo phụ nữ Giang Tây tìm mọi cách an ủi thương binh của chúng ta, để cho họ được vui. Tuy cuộc sống rất gian khổ, cùng với bộ đội của chúng ta tiến sâu một bước vào nội địa, tôi vẫn luôn luôn thấy rất vui vẻ, bởi vì tôi rất khỏe, rất có sức chịu đựng, như thế, tôi luôn được ở bên chồng tôi, cùng góp được sức mình. Nếu như tôi cứ ngồi ở nhà chờ cho Trung Quốc thực sự có hòa bình, thì chúng tôi phải chờ đợi nhau rất lâu mới được đoàn tụ. Cho nên tôi luôn quyết định ở cùng một chỗ với chồng tôi. Chúng tôi chưa bao giờ dừng lại ở đâu lâu quá hai tuần, bởi vì quân đội của chúng ta đột phá rất nhanh. Bất kể chúng tôi phải vứt bỏ những hưởng thụ gì về vật chất, chúng tôi đều không để tâm, bởi vì chúng tôi luôn ở bên nhau và có công việc của chúng tôi".

"... Tôi nghĩ đến một chuyện xảy ra trong một trận chiến đấu ở Phủ Châu, Giang Tây hồi tháng trước. Giữa đêm khuya, chúng tôi đột nhiên nghe thấy từ phía tường thành dội lên hàng trăm tiếng nổ chát chúa. Có chuyện gì xảy ra vậy? Chồng tôi vội giục tôi mặc quần áo vào, còn ông sai trinh sát đi tìm hiểu tình hình. Cùng lúc đó, tiếng súng lại càng dày hơn, dồn dập hơn. Lúc đó trời rét như cắt, tôi lạnh đến run bắn cả người, dưới ánh nến mờ nhạt, tôi luống cuống mặc quần áo vào, và chọn

ngay lấy những văn kiện không thể để lọt vào tay địch, nhằm chẳng may chúng tôi buộc phải rời khỏi văn phòng này, thì có thể kịp thời ném ngay chúng vào lò sưởi cho cháy đi. Tiếp đó, tôi đã cầm khẩu súng lục cỏi xay ra nơi tay và ngồi xuống chờ đợi những gì có thể xảy ra. Tôi nghe thấy tiếng chồng tôi ra lệnh cho những vệ binh lúc đó có thể tập hợp được tổ chức đánh bùng ra. Chồng tôi đã cho gần hết số binh lính có trong tay mình ra mặt trận, chỉ để lại một đội vệ binh nho nhỏ, bởi vậy trên thực tế, nếu có bị đánh vào, chúng tôi sẽ không chống đỡ nổi. Chồng tôi xưa nay chưa bao giờ để quá nhiều quân lính ở bên mình, ông luôn luôn lấy tính mạng của mình ra hứng chịu những mối hiểm nguy đáng sợ, đó là sự thực mọi người đều biết. Nếu có tôi ở bên, chồng tôi tỏ ra thận trọng một chút, nhưng ông thường nói với tôi rằng, một lãnh tụ chân chính, không được tiếc thân mình quá mức, bởi vì quá chú ý đến yên nguy cho cá nhân mình, sẽ làm giảm sĩ khí của bộ đội tác chiến. Ông nói rằng, chúng ta chiến đấu cho đất nước, bởi vậy, Thượng đế nhất định sẽ phù hộ chúng ta. Nếu chúng ta bị bắn chết, thì có gì vinh dự hơn là chết trong chiến đấu?".

"... Nhưng lại hãy trở về câu chuyện ở Phủ Châu, khoảng một tiếng đồng hồ sau biết tin rằng lính gác cổng thành, trong đêm tối đã làm hỏng mấy xe cam-nhông binh lính của ta là quân địch, thế là lên tiếng cãi nhau. Một người trên xe đã nổ súng làm cho những người khác nổi nóng lên theo, thế là tất cả lính gác trên thành đã nổ súng đánh trả những người bị nhận lầm là địch thật. Việc ấy dẫn đến chuyện những người đã gây nên chuyện này ngay sớm hôm sau đã bị xử theo quân pháp. Tôi rất lấy làm đau buồn, tuy nhiên tôi cho rằng, để giữ nghiêm kỷ luật, làm như vậy là cần thiết".

"Hôm giao thừa, tôi và chồng tôi đi dạo trên những quả núi quanh đó. Chúng tôi gặp một cây mận nở đầy hoa trên cành. Đúng là điềm lành báo vận may sắp đến!... Chồng tôi nhẹ nhàng ngắt lấy mấy cành, chúng tôi về đến nhà trời đã quá chiều. Chúng tôi thấp nển lên, chồng tôi đặt những cành hoa vào lẵng và đưa tặng tôi. Món quà đầu năm đẹp biết bao. Tôi nghĩ từ trong này, bạn có thể rõ rằng tại sao tôi lại thích gắn bó số phận với chồng tôi như thế. Ông có dũng khí của một quân nhân và sự nhạy cảm của một nhà thơ".

Giữa chốn tiền tuyến khói lửa ngút trời của cuộc chiến tranh, điều mà Tống Mỹ Linh nghĩ tới lại là thứ tình cảm lãng mạn, thi tình họa ý trong việc vợ chồng tặng mai cho nhau, còn với bao nhiêu đồng ruộng, thôn xóm, với những nạn nhân không cửa không nhà, những đôi mắt nhắm nghiền, những khuôn mặt còn chưa có ria mép, và bầu không khí sặc mùi máu tanh... Tống Mỹ Linh lại chẳng hề có cảm giác gì, chẳng hề có một sự phản ứng gì. Sự lạnh lùng ấy, nỗi chai lỳ ấy, cùng với cách sống sung sướng xa hoa trên nỗi đau và tính mạng của những người bị áp bức ấy, chỉ một thoáng là phơi bày ra hết.

Người cộng sản bình thường cũng không biết khuất phục ai, họ chôn cất xong thi thể của liệt sĩ, lau sạch máu trên mình, lại tiếp tục phấn đấu, người trước ngã người sau nối bước, chưa triệt để chôn vùi vương triều họ Tưởng, họ quyết không chịu ngồi nghỉ.

Đời sống mới trò hề cũ

Thời kỳ trước thế kỷ 20, Trung Quốc từ chính quyền thân – quân mấy ngàn năm, biến thành chính quyền quân – thân, bọn vũ phu bắt tài vô học nhưng lại ngạo mạn tự phụ, đẩy Trung Quốc vào vực thẳm.

Tưởng Giới Thạch luôn mồm hô "đả đảo quân phiệt" cũng không thoát khỏi cái lò trị quốc bằng quân phiệt ấy, dùng độc tài để thi hành chính sách. Được biết Hitler, Mút-xô-li-ni đã thực hiện quân sự hóa trong toàn xã hội, xây dựng nên quyền uy tuyệt đối của lãnh tụ, điều đó tạo cho Tưởng Giới Thạch sự đồng điệu rất mạnh mẽ, thế là, năm 1934, một phong trào đời sống mới lan tràn trong cả nước.

Để cho phong trào này có hiệu quả rõ rệt, Tưởng Giới Thạch đi diễn thuyết đủ mọi nơi, với giọng nhà quê khó thay đổi của mình, hắn nói: "Phong trào đời sống mới mà tôi nêu ra đây là gì? Nói cho giản đơn tức là quân sự hóa toàn diện xã hội và toàn thể nhân dân, để mọi người có thể được mài luyện về lòng dũng cảm và sự nhanh nhạy, tăng thêm lòng kiên nhẫn với sự đau khổ và khó khăn trong công việc, đặc biệt là gây cho mọi người thói quen và khả năng liên hợp hành động, nhằm để cho họ sau này có thể hy sinh cho dân tộc vào bất kỳ lúc nào". "Tất cả mọi tổ chức, tư tưởng và hành động đều phải quân sự hóa... ở trong nhà, ở nhà máy hay trong cơ quan của chính phủ, hành động của mọi người đều phải giống như trong quân đội... Nói cách khác, tức là phải phục tùng, hy sinh, nghiêm khắc, gọn gàng, chính xác, chăm chỉ, và biết giữ bí mật... hơn nữa, mỗi người đều phải kiên định và anh dũng, hiến thân cho đất nước và tập thể của mình". Hiển nhiên là Tưởng Giới Thạch đã mang thứ quan niệm chủ nghĩa phát xít của mình mà thực chất là bê nguyên xi nó vào phong trào đời sống mới. Vạch trần những ngôn từ đẹp đẽ mũ áo đảng hoàng của Tưởng Giới Thạch ra, thì sẽ thấy ngay điều mà Tưởng khao khát chính là một xã hội quân sự hóa, tất cả phải phục tùng vô điều kiện ý chí của kẻ thống trị cao nhất. Thế là tất cả những gì có được lần lượt tung ra, như việc đề xướng phạm qui đạo đức cũ "lễ, nghĩa, liêm, sỉ" v.v... Tháng 7 năm 1934, chính phủ Nam Kinh còn ra lệnh trong toàn quốc, quy định hàng năm lấy ngày sinh của Khổng Tử là 27 tháng 8 làm ngày kỷ niệm do Nhà nước quy định, các cơ quan trường học đều phải tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Khổng. Ngày 15 tháng 11, hội nghị lần thứ 147 của ban thường vụ trung ương Quốc dân đảng thông qua đề án "Tôn sùng Khổng Tử, phát huy văn hóa". Sửa Diễn thành công thành Đại thành thánh tiên sự phụng tự quan, được hưởng mức đãi ngộ quan đặc nhiệm cấp bộ trưởng. Cháu chất lớp hậu duệ của Nhan

Hồi, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử v.v... cũng lần lượt được gọi là Phúc thánh, Tôn thánh, Thuật thánh, Á thánh phụng tự quan, được hưởng mức đãi ngộ như quan giám nhiệm. "Khổng Tử lại gặp may rồi", theo sự phục hồi Khổng Tử của Viên Thế Khải, Tưởng Giới Thạch còn bày đầy hương hoa trước bia Khổng Tử. Tuy nhiên hẳn tể tự người chết là giả, phục vụ cho nền thống trị của mình mới là thật.

Trong phong trào rầm rộ, với tư cách là đệ nhất phu nhân, Tống Mỹ Linh tha hồ chơi trội, nhiều lần liên tục diễn thuyết nói về tính tất yếu, tính bức thiết của phong trào:

"Hiện nay, trạng thái tinh thần của tuyệt đại đa số người Trung Quốc là mù mịt, không có một chút sinh khí nào, trong hành động thể hiện rõ ràng không biết tốt xấu, không phân biệt được đúng sai, không rạch ròi được riêng chung. Thế cho nên quan chức của chúng ta giả dối nguy hiểm, tham lam hủ bại; nhân dân của chúng ta ý chí không hăng hái, không hề quan tâm gì đến phúc lợi của đất nước, thanh niên của chúng ta đồi bại trụy lạc, không có tinh thần trách nhiệm; những bậc thanh niên của chúng ta thì dâm tà hiểm ác, mà lại ngu muội tối tăm; kẻ có tiền thì ham muốn phóng đãng chơi bời xa hoa; người nghèo thì ốm yếu bần thủ, chìm đắm trong vòng u tối. Tất cả những cái đó dẫn đến quyền uy và kỷ luật của chính phủ vô cùng thấp kém, mơ hồ như không có, cuối cùng dẫn đến xã hội động loạn, làm cho chúng ta đứng trước thiên tai và ngoại xâm đành chịu bó tay không làm gì nổi".

Thế nhưng những tệ đoan đó lại định đẩy mạnh bằng đời sống mới, những lời thuyết giáo đạo đức trống rỗng, giải quyết bằng sự khống chế chặt chẽ xã hội, như thế có phải là ông chẳng bà chuộc hay không?

Gió thổi thì mây bay. Các quan chức mạnh đầu ầu đầy làm cho phong trào này thêm sôi nổi hơn, có nhiều khẩu hiệu lạ mắt lạ tai lan truyền khắp nơi như "Nhỏ đờm xuống đất, là điều cấm kỵ; đi đường hành động, an toàn hàng đầu; Cử chỉ chắc chắn, bước đi chỉnh tề; đi đường sát bên trái, lên xe không được chen; Cửa sổ năng mở, sáng sủa thoáng khí; Đánh chuột diệt ruồi, diệt đầy sướng đầy; Súc miệng đánh răng, tẩy sáng nên dạy; Ăn uống dưỡng sinh, đừng ham mỡ màng; Giúp nhau hoạn nạn, chan hòa xóm làng; Nhìn trước ngó sau, đi đường chớ vội; Trẻ nhỏ sạch sẽ, ăn vặt đừng ham; Bép núc hớ xí, quét dọn phong quang."

Đồng thời, các phương thức vận động đầy hình thức chủ nghĩa cũng xuất hiện la liệt trên đường phố: Quân nhi đồng tay xách các hòm gỗ đứng canh trên đường phố. Khi có một người nào đó đội mũ lệch hay miệng phì phèo điếu thuốc đi ngang, lập tức có một tên quân nhi đồng ra chặn lại, sau đó đứng lên cái hòm gỗ xoay cho cái mũ người đó ngay ngắn lại, và lấy điếu thuốc trên miệng người đó xuống, ném vào rãnh nước bên lề đường, sau đó cúi chào, bước từ trên cái hòm gỗ xuống, đứng chờ

một người đen đui nào khác đi ngang qua...

Những cô gái mắt xanh môi đỏ, những chàng trai mặc quần áo Tây, đội mũ Tây, đều bị cảnh sát bắt giữ không chút nể nang, dùng thứ mực đỏ xóa không đi đóng lên da người ta cái dấu có mấy chữ "quần áo nhố nhăng". Ông "thợ cạo" nào mà cắt tóc rồi sấy tóc quần cho khách hàng, cô bán hàng nào mà bán quần áo bơi hờ hang, đều bị sỉ nhục trước đông đảo mọi người đứng xem. Khẩu hiệu, biểu ngữ: "Phong trào đời sống mới" dán khắp các hang cùng ngõ hẻm. Các nơi đều có thêm một nha môn mới – Tân thúc hội, họ đi đến đâu là tuyên truyền rùm beng đến đấy rằng phải cải cách tang lễ thật triệt để làm cho tang lễ không phô trương tốn kém. Thực hành đám cưới tập thể, từ đó tiết kiệm được khoản tiền lễ ra làm đám cưới riêng lẻ. Phê bình mê tín, gồm những phong tục tập quán cũ như thắp hương đốt pháo cũng như khi đưa tang đốt tiền giấy để làm tiền mãi lộ cho người chết v.v... Khuyến khích mọi người mỗi ngày rửa tay ba lần, rửa mặt ba lần, mỗi tuần tắm một lần, rau xanh phải rửa sạch làm chín mới ăn, triển khai bỏ thuốc lá..

. Chuyện đời rồi đâu lại hoàn đấy. Người ta thấy phong trào đời sống mới ở các nơi, người ta tỏ thái độ với nó cũng giống như phong trào của các quan chức đầu voi đuôi chó, tốn sức mất công. Trong khi đó trong xã hội thì tham ô vẫn còn, giàu nghèo phân biệt vẫn còn...

Phong trào đời sống mới là thất bại ném thủ của đệ nhất phu nhân định làm thay đổi bộ mặt tinh thần của Trung Quốc. Nó chẳng có ích lợi thực chất gì đối với dân chúng, mà chỉ tạo cho Tống Mỹ Linh một cái sân khấu mà bà ta đóng vai kỳ thủ cải cách tập quán cũ của Trung Quốc. Trong thời gian mở phong trào đời sống mới, Tống Mỹ Linh đã hết sức chơi trội, và cũng thông qua môi giới trong và ngoài nước, xây dựng nên một thần tượng "thân dân". Tháng 2 năm 1934, nhà báo Ai-tơ-na Li Bộc đã thăm Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh và cùng với họ thảo luận về phong trào đời sống mới. Nhà báo này đã dùng "bút hoa vẽ vờ", tả như sau: "Bà hòa nhã đáng gờn, chan chứa nhiệt tình, trầm chắc mà tự tin, vô cùng bận rộn... Trong mấy năm trời sau khi làm lễ cưới, cô dâu trẻ đẹp đến mê hồn này đã trưởng thành và là đệ nhất phu nhân xinh đẹp của Trung Quốc. Bà có nét mặt tươi sáng, có ma lực thu hút người khác và ý chí tiến thủ rõ ràng. Ở Nam Kinh, bà đã tranh thủ được một địa vị quan trọng số 1".

"Vợ chồng họ Tưởng sống rất đầy đặn, và rất có qui luật. Họ cùng nhau cố gắng làm việc. Một ngày của họ, bắt đầu từ lúc trước 6 giờ để đọc thánh kinh và làm lễ cầu nguyện. Trong nhà của Tưởng Trung Chính, không có người tự bạo đánh mạt chược, cũng không có những hoạt động xã giao mất công sắp đặt như những buổi dạ hội hay đánh bài. Họ cũng không đi đâu tham gia các hoạt động xã giao, vì họ không có thời gian.

Tuy nhiên, Tưởng phu nhân lại luôn có thời gian phát biểu diễn thuyết ở những cuộc họp do giáo hội nước ngoài tổ chức ở Nam Kinh, hoặc đi lập trường tiểu học hay trại trẻ mồ côi, nuôi dạy con em những người bị chết trận; rồi dịch các điện văn của Tưởng Trung Chính, cùng bàn bạc với họ; hoặc làm phiên dịch cho Tưởng trong những cuộc hội nghị quan trọng, soạn thảo văn bài cho các báo và tạp chí trên thế giới; tổ chức đoàn thể phụ nữ, tiếp đãi rất nhiều khách quý của nước ngoài tới thăm Trung Quốc, tham gia ủy viên của hết ủy ban này đến ủy ban kia của Chính phủ. Trong thời gian chồng bà cầm quân đánh nhau với Hồng quân, bà cùng chồng bay đến chỗ này chỗ nọ, mục đích là thực hiện cùng sống chết, chung gian lao".

Thế là đệ nhất phu nhân của Trung Quốc đã vì quốc dân đến mức một ngày trăm công ngàn việc, quên ngủ quên ăn. Khoác lác cũng đến thế là cùng, nhưng có biết đâu rằng cũng như con khỉ leo cây, càng lên cao thì cái đít đỏ xầu xa lại càng dễ thấy (bà phóng viên này càng bốc lên bao nhiêu thì bà ta lại càng được khoản đãi tốt hơn bấy nhiêu, bởi thế cho nên bà càng tăng bốc càng hăng).

Trên thực tế, nhân dân Trung Quốc lúc đó đang bị đe dọa bởi chiến tranh, đói kém, lụt lội, hạn hán, dịch bệnh, sâu hại v.v... họ còn bụng dạ đâu mà đi nghe những lời về lễ, nghĩa, liêm, si... nói những là nếu dùng dùng tay áo để quạt mũi, không đái bậy ra đường hoặc không tham ô ăn hối lộ, thì cuộc sống sẽ được cải thiện v.v... đúng là thẳng ngốc nói mê.

Đối với phong trào đòi sống mới có bé xé ra to, hoang đường nực cười mà lại đi ngược với những chuyện nước sôi lửa bỏng của Trung Quốc lúc đó, Tống Khánh Linh đã thẳng tay phê phán không chút nể nang. Bà nói: "Phong trào đòi sống mới chẳng có lợi ích gì cho nhân dân, bởi vậy tôi đề nghị hãy dẹp bỏ ngay cái phong trào này đi... cái chúng ta cần ngày nay là nhân sinh quan cách mạng, chứ không phải đạo lý của Phu tử".

Cứu chồng ở Tây An

"Quốc phá sơn hà tại, thành xuân thảo mộc thâm". Đứng trước cảnh ba tỉnh miền Đông tươi đẹp lần lượt nằm dưới gót giày của quân giặc Nhật, đứng trước cảnh quân Nhật ngày càng áp sát, dân tộc Trung Hoa đúng thật là đang ở phút giây nguy hiểm nhất. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch vẫn còn đang tôn thờ chính sách phản động "muôn đẹp ngoài trước hết phải yên trong", điều đó gây nên sự bất mãn cho biết bao nhiêu nam nhi tràn nhiệt huyết.

Ngày 9 tháng 12 năm 1936, nước nhỏ ra thành băng, gió bắc như cắt thịt, hơn một vạn học sinh của cổ thành Tây An biểu tình thị uy kỷ niệm một năm ngày 9 tháng 12, đội ngũ tuần hành tiến về phía Hoa Thanh Trì. Nước suối nóng rửa sạch ghét bẩn, Tưởng Giới Thạch đang ở đây hưởng lạc thú của Dương quý phi tại suối

nước nóng.

Đề đề phòng bất trắc, tướng quân Trương Học Lương đã chặn đoàn học sinh ở Thập Lý Phố, và bảo đảm sẽ có sự trả lời trong vòng một tuần lễ.

Ngày 12 tháng 12, Trương Học Lương 36 tuổi và Dương Hồ Thành 43 tuổi đã gây ra sự biến Tây An.

Kẻ thống trị cao nhất Trung Quốc bỗng trở thành "tù nhân dưới thêm", cả nước thấy vậy đều kinh hãi.

Cổ đô 13 triệu bỗng trở thành điểm nóng về tin tức và trung tâm chú ý của cả thế giới.

Được tin đức ông chồng 47 tuổi bị cầm tù, sống chết chưa tường, bà vợ 39 tuổi Tống Mỹ Linh bỗng bị tăng huyết áp. Bà bồn chồn, lo sợ. Một ngày là nghĩa phu thê ở đời, "đệ nhất phu nhân" Tống Mỹ Linh lại có đến 9 năm chung sống với Tưởng, nên đã có một mối cảm tình nhất định với chồng. Khi được tin này, ý nghĩ duy nhất của bà là bất kỳ giá nào cũng phải giữ tròn tính mạng cho chồng, để cho ông có thể an toàn thoát nạn được sớm nhất.

Tối 12, thường vụ ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng và hội đồng quản trị trung ương triệu tập hội nghị khẩn cấp tại Nam Kinh, bàn bạc cách giải quyết cuộc đảo chính này như thế nào. Bọn Đới Quý Đào, Cư Chính, Ngô Trĩ Huy, Chu Bồi Đức, Diệp Sở Thương, Hà Ứng Khâm v.v... chủ trương tổ chức quân đi đánh dẹp, vận động sang Thiểm Tây, ép Trương, Dương phải thả lãnh tụ của họ ra. Còn Không Tường Hy, Tống Tử Văn, Phùng Ngọc Tường v.v... lại yêu cầu đàm phán để giải quyết vụ đảo chính quân sự với Tây An, trước hết là nguy hại đến tính mạng của Tưởng Giới Thạch, có khả năng bị máy bay phía Nam Kinh thả bom chết, cũng có khả năng bị "quân phản loạn" cho rằng không thể trông mong gì ở việc hòa bình giải quyết sự biến này mà đem giết Tưởng Giới Thạch, con tin vô giá này đi. Đàm phán tuy rằng có nghĩa như khuất phục Trương, Dương, mất thanh danh của Chính phủ Trung ương, thế nhưng lại giữ được tính mạng cho Tưởng và cả nhà. Phái chủ chiến thì cho rằng, chính phủ Trung ương không thể không có hành động tương ứng với hành động dùng binh để chia cắt, gây rối phạm thượng của phái thực lực và các tướng lĩnh, đem quân đánh dẹp, là đánh để giữ địa vị nguyên thủ của Tưởng Giới Thạch. Như vua một nước đang bị cầm tù, mà lại không động đến một viên đạn một người lính, không đem quân đi đánh dẹp, thì uy tín của Tưởng Giới Thạch, của chính phủ Trung ương là ở chỗ nào? Chỉ có tăng sức ép về quân sự thì Trương, Dương mới không dúc sức cuối cùng, mới chịu từ bỏ cái cố gắng hòa bình giải quyết sự biến này.

Tổng Mỹ Linh lo rằng đem quân đi đánh sẽ nguy hiểm cho an toàn của chồng, cho nên ra sức phản đối, vì thế mà chạy ngược chạy xuôi gặp các yếu nhân về quân sự và chính trị nói rõ tầm quan trọng giải quyết sự biến Tây An bằng phương pháp hòa bình để cứu sống Tưởng Giới Thạch. Bà nhấn mạnh, ngoài Tưởng Giới Thạch ra, không ai có thể thay cho ông ta lãnh đạo toàn quốc. Nếu không thể dùng biện pháp hòa bình để giải quyết sự biến, một khi gây nên thành cuộc nội chiến với qui mô chưa từng có, tức là đã tạo cho Nhật Bản cái thế có thể lợi dụng để mở rộng việc xâm lược Trung Quốc, bà yêu cầu các bên "hãy kiềm chế và nhẫn nại", "đừng để hòa bình tuyệt vọng", trước khi áp dụng biện pháp "đem quân trừng phạt hãy cố gắng giải thoát cho ủy viên trưởng".

Với tâm lòng nôn nóng muốn cứu chồng, Tổng Mỹ Linh đòi thân chinh vào "hang cọp". Kết quả là "mọi người đều ngăn, cho là không được, nhiều lời phản đối đến tai. Lúc ấy lại có nhiều tin đồn, Tây An ngập trong máu và lửa, nơi đó đã thành một thế giới khủng bố máu đỏ, hơn nữa những người bị quan còn cho rằng ủy viên trưởng nếu chưa chết cũng khó mà tránh khỏi. Cho nên có người đã nói với tôi, không bảo rằng tôi đi chẳng có ích gì, thì cũng khuyên tôi đừng có làm những chuyện hy sinh không cần thiết; không bảo tôi mà đi là bị bỏ tù, để cho bọn phản loạn thêm một cái cớ nữa ép buộc chồng tôi, thì cũng bảo tôi tự mang thân ra làm con tin để làm tăng sự chia rẽ quanh sự kiện này. Bị quan thất vọng quán lấy tôi, muốn tìm ra một lẽ phải cũng khó, muốn giữ vững lòng tin của tôi càng khó hơn. Tôi tuy không bị ảnh hưởng của những kẻ bị quan nhưng không tránh khỏi phải thờ dài ngao ngán".

"Rồi tôi lại tự hỏi: ta cố gắng cứu dân ra khỏi cơn nước lửa, đã đến bước tuyệt vọng cuối cùng chưa? Chẳng lẽ kế hoạch phục hưng dân tộc, xây dựng đất nước của chúng ta bắt đầu tan vỡ từ đây sao? Suy nghĩ mãi cuối cùng vẫn chưa tìm ra câu trả lời, mà tôi thì muốn giữ mãi không rời lòng tin của mình, thế là mơ mộng bót dần đi, bắt đầu tin chắc ở niềm tin có thể dời được núi! Tôi muốn sửa chữa lại những sai lầm của mình, chỉ tin vào Thượng đế và toàn nhân loại mà thôi".

"Niềm tin của tôi càng vững chắc, tôi biết rằng sự phấn đấu để tránh cho một cuộc chiến tranh, với tôi lúc này là một việc cần đẩy mạnh, bởi thế tôi hết sức cố gắng để tới Tây An. Bộ trưởng Khổng (Trường Hy) và chị tôi, em tôi đều muốn cùng đi, điều ấy càng làm tôi cảm động. Những người chủ trương đánh dẹp vẫn cố tìm cách ngăn cản không cho tôi đi, song tôi trước sau không hề lay chuyển, trong khi tranh luận dữ dội khó ngăn được lòng mình, không còn nghĩ được cả đến thái độ của mình khi phát ngôn nữa".

"Lòng tin tôi giữ vững trước sau, nên thề quyết tử để phấn đấu cho hòa bình đến ngày thành công. Bởi vậy tôi quyết chí đi Tây An".

Đối với yêu cầu của Tổng Mỹ Linh, phía Nam Kinh không đáp ứng, chỉ đồng ý để cho Đôn-na đi Tây An tìm hiểu tình hình. Đôn-na là người Ôt-trây-lia, đã từng làm cố vấn cho Trương Học Lương, Tưởng Giới Thạch, nên chắc chắn là người thích hợp nhất chọn ra để chuyển giao tin tức và chấp mối giữa hai bên.

Ngày 14 Đôn-na đến Tây An.

Ngày 16, Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Trung Quốc do Chu Ân Lai 38 tuổi dẫn đầu đã đến cố thành. Ngày 20, Tống Tử Văn 40 tuổi cũng từ Nam Kinh bay đến cố thành với "tư cách cá nhân".

Các bên đều đi lại với nhau như con thoi liên tục để hòa bình giải quyết sự biến Tây An. Đường dây điện báo từ Tây An đến Diên An, từ Tây An đến Nam Kinh luôn ở trong trạng thái bận rộn.

Tống Tử Văn vốn có mối quan hệ riêng tây rất mật thiết với Trương Học Lương đến Tây An lần này, đối với Tưởng Giới Thạch mà nói là một việc vô cùng quan trọng. Sau khi Tưởng bị bắt giữ, đã từ chối mọi cuộc đàm phán có tính thực chất với Trương Học Lương, Dương Hổ Thành và đoàn đại biểu của Đảng cộng sản Trung Quốc. Sở dĩ Tưởng không đàm phán, chủ yếu là không vứt bỏ được "vai vế" vị quốc dân. Ông ta nói đi nói lại rằng: Cấp dưới phải phục tùng cấp trên, cấp trên không thể cùng đàm phán với cấp dưới. Thế nhưng ông ta lại không muốn giải quyết sự biến, cũng không phải hoàn toàn phản đối việc đánh nhau với Nhật, chỉ mỗi tội thái độ không đàm phán "đã tỏ ra rồi, bây giờ lại thay đổi thì mất giá, mất sĩ diện quá" mà người Trung Quốc là hay ưa sĩ diện nhất. Tống Tử Văn đến lúc này, đã tạo cho Tưởng Giới Thạch một cơ hội và một bậc thềm. Tưởng đã im lặng nhận để Tống Tử Văn và ba phía ở Tây An tiến hành đàm phán, phá vỡ được cục diện căng thẳng "không đàm phán".

Sau khi Tống bàn bạc với ba phía, đã đi đến chỗ chấm dứt nội chiến, cùng nhau chống Nhật; ép Tưởng chống Nhật, để Tưởng cùng có nhận thức chung chống Nhật. Việc giải quyết sự biến Tây An bằng hòa bình đã cơ bản hình thành.

Khi "trái đào" đã sắp chín, ngày 22 Tống Mỹ Linh ngồi chuyên cơ bay lên phía Bắc mang theo người hầu gái vẫn luôn ở bên bà và người đầu bếp. Trước lúc ra đi, Đới Lập biết tin, cho rằng đây là dịp tốt nhất để thể hiện sự gan dạ và trung thành với chủ, xin được cùng đi. Tống Mỹ Linh rất e ngại tên quan thông đầu sỏ giết người như ngóe này, để hấn đi Tây An, việc thành thì chưa biết chứ việc hỏng thì chắc chắn, cho nên không đồng ý. Đới vẫn cải trang nấp trong nhà vệ sinh trên máy bay, chờ sau khi máy bay cất cánh mới bước ra. Tống Mỹ Linh khóc dở mếu dở nói thôi thì để làm một tùy viên, nhưng không được làm vậy.

Chuyên cơ bay gần đến bầu trời Tây An, "gần quê lòng càng khiếp sợ, không dám hỏi người đến bên". Tống Mỹ Linh trong lòng hốt hoảng không yên, đưa khẩu súng ngắn của mình cho Đôn-na ngồi bên, kiên quyết yêu cầu ông ta, khi quân đội lộn xộn mà không cách nào không chế được, phải lập tức nổ súng bắn chết bà, không được chần chừ! Đôn-na cười nhận lấy súng nói: "Tôi nhận lời bà, có điều, tôi e là không có lúc dùng đến nó!".

Buổi chiều, Tống Mỹ Linh rút cuộc đã gặp được đức ông chồng mà mười ngày nay bà lo lắng thấp thỏm và luôn luôn sợ hãi. Theo sự ghi chép lại của Tống Mỹ Linh thì cuộc gặp gỡ này cảm động như gặp người từ cõi chết trở về.

"Khi tôi bước vào phòng của chồng tôi, ông thảng thốt kêu lên: "Vợ tôi đến thật sao? Bà đã vào hang cọp", nói xong ngao ngán lắc đầu, nước mắt tuôn trào. Tôi cố kìm giữ tình cảm, nói với ông bằng thái độ bình thường: "Thiếp đến thăm phu quân đây!". Chồng tôi lại nói: "Tuy là nhiều lần căn dặn phu nhân chớ đến Tây An làm gì, nhưng ta lại cảm thấy sâu sắc rằng sẽ không có gì ngăn nổi phu nhân. Sáng sớm nay ta đọc thánh kinh, đến câu: "Thần Dê-hô-va nay sẽ làm nên một chuyện mới, sẽ lệnh cho con gái hộ vệ cho con trai. Hôm nay quả nhiên phu nhân đến thật".

Nước mắt nam nhi đâu dễ nhỏ, chẳng qua chưa đến lúc thương tâm, không ai ngờ rằng một kẻ đang tay tàn sát hàng ngàn hàng vạn đảng viên cộng sản và những người yêu nước như Tưởng Giới Thạch mà cũng có thể rơi nước mắt, dưới bộ mặt cứng rắn bên ngoài, lại còn có một bộ mặt như nữ nhi thường tình nữa hay sao. Có thể tin được hay không?

Sau khi Tưởng Tống gặp nhau, Tưởng đã kể lại cho Tống nghe về diễn biến nổi mình bị bắt. Ông ta nói rằng nhân cách của mình đã bị làm nhục đến thậm tệ, rằng trong thời gian bị bắt giữ ông ta không hề hứa hẹn một điều gì và cũng yêu cầu Tống Mỹ Linh đừng có ký một văn kiện gì, hoặc chấp nhận bất kể điều kiện gì. Tống Mỹ Linh kể lại cho Tưởng nghe những phản ứng trong 10 ngày nay ở phía Nam Kinh cũng như thái độ của mọi tầng lớp trong cả nước. Bà ta nói rằng từ sau khi ủy viên trưởng bị bắt giữ "nhân dân cả nước lo âu hốt hoảng chưa bao giờ như thế, ngay cả những người vẫn phản đối chính sách của ông cũng tỏ ra đồng cảm, người cầu mong cho ông thoát vòng nguy hiểm có lẽ khắp hoàn cầu đâu cũng có, học sinh thơ ngây thường khóc như khóc ông cha, binh lính nghe thấy tin ông, có người đã tự sát". Sau đó bà khuyên chồng: "Từ nay về sau, phu quân không nên nghĩ đến việc chết hoai chết phí, trách nhiệm của phu quân là ở chỗ giữ gìn tính mạng của mình". Nghe xong những lý lẽ đó của vợ, Tưởng Giới Thạch thấy "tình cảm dao động, khó bề tự chủ".

Qua một hồi bàn bạc, Tưởng quyết định để Tống Tử Văn, Tống Mỹ Linh đứng ra

đàm phán. Cuộc đàm phán đã diễn ra rất thuận lợi. Nhưng đối với những điều kiện đã bàn bạc, Tưởng chỉ đồng ý lấy nhân cách của lãnh tụ ra đảm bảo, mà không ký tên vào đâu hết.

Thế nhưng quân Đông Bắc và Dương Hổ Thành cũng như các tướng lĩnh của lộ thứ 17 đều rất hiểu bản tính tàn nhẫn độc ác và lịch sử giết người không ghê tay của Tưởng Giới Thạch, lo rằng Tưởng không giữ được lòng tin và lời hứa rồi quay ra trả thù cho nên muốn rằng trước khi Tưởng đi khỏi đây, phải để lại lời hứa có giấy tờ làm bằng cứ. Trương Học Lương thấy việc này rất khó xong, bèn nói:

– Tưởng có ký tên hay không, điều đó không có gì quan trọng. Miễn là về nguyên tắc thừa nhận điều kiện của chúng ta là có thể để ông ta đi.

Về vấn đề điều kiện để thả Tưởng Giới Thạch ra, Trương Học Lương và những người cấp dưới của ông xảy ra sự bất đồng. Trương cảm thấy gánh trên vai mình quá nặng, chẳng may bị sơ xuất điều gì, ông biết nói thế nào với nhân dân cả nước, e rằng đêm dài thì lắm mộng, sự việc để lâu sẽ nhiều chuyện rắc rối thêm nên đã quyết định đưa Tưởng ra khỏi Tây An càng sớm càng tốt.

Ngày 25 tháng 12, lễ Noel. Tín đồ Cơ đốc Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh bay khỏi Tây An. Tống Mỹ Linh lúc này như người đã trút được gánh nặng, bắt đầu ngời nhớ lại mười ba ngày đêm đằng đằng đã trải qua từ sau hôm có sự biến – Mười ba ngày đó mới lê thê và căng thẳng làm sao, nó như một thử thách và thách thức mà bản thân bà trăm năm khó gặp trong đời – Với ba tác lược Kim Lăng đối chọi với trăm quan, mạnh dạn bay đến có đô, oai nghiêm quở trách thiếu soái, phá lệ gặp gỡ Chu Ân Lai... Trước những công trạng đó của mình Mỹ Linh thấy lòng tràn ngập sung sướng và bỗng dâng lên niềm tự hào.

Máy bay đang sải cánh trên cao. Mỹ Linh nhắm mắt ngời nghĩ lại cuộc sống vợ chồng gần 10 năm nay với Tưởng Giới Thạch. Nghĩ lại khi mới cưới nhau với Tưởng, mình chỉ là một cô thư ký Anh văn tâm thương mà nay đã trở nên một anh hùng không sợ lâm nguy gan dạ cứu chồng. Bà chẳng những hài lòng vì sự biến Tây An đã tạo cho bà một dịp tốt trời cho để nhào nặn hình tượng của mình, mà còn cảm ơn sâu sắc sự biến này đã cấp cho bà một khoản vốn chính trị dày để từ nay có thể nhúng tay vào những công việc lớn của đảng và nhà nước, làm cho giá trị của bà tăng lên gấp bội. Nghĩ đến đây bà bỗng thấy lòng xôn xang và hăng hái thêm nhiều. Là một đệ nhất phu nhân của Trung Quốc nên không có một chuyện kín gì ở sau màn, không có một cuộc mặc cả chính trị bản thủ nào mà bà không biết đến chân tơ kẽ tóc, thế nhưng bà còn thiếu một lý lịch "cách mạng" như những quan chức khác của Đảng và Nhà nước, cho nên lời nói của bà chẳng những thiếu trọng lượng, mà quyền phát ngôn cũng không nhiều – chỉ có thể thăm thì được với phu quân ở

chôn khuê phòng mà thôi. Đối với một kẻ tham quyền còn hơn cả mạng sống của mình như Tống Mỹ Linh thì đó quả là một sự tù túng quá đáng. Nhưng lúc này sự tù túng đó rồi sẽ không tồn tại nữa, mọi xiềng xích được phá tung ra rồi. Bà sẽ được nói rộng chân tay trên vũ đài chính trị Nam Kinh, bà sẽ được tha hồ lớn giọng để thi thố oai phong, để phô diễn ma lực của mình... Thật đúng là việc xấu lại bỗng trở thành việc tốt, bất cực thái lai! Nghĩ như vậy, trong lòng Tống Mỹ Linh bỗng dâng lên một sự hàm ơn với cổ thành Tây An.

Nhà chính trị thì phải biết trang điểm cho mình, cũng phải biết tự thổi phồng mình. Tống Mỹ Linh như đã thuộc lòng điều đó. Thế là đầu năm 1937, hai cuốn sách: "Nửa tháng ở Tây An" (Tây An bán nguyệt ký) của Tưởng Giới Thạch, và "Hồi ký về sự biến Tây An" của Tống Mỹ Linh ra đời.

Trong những cuốn hồi ký này của các đương sự, một số điểm mâu chốt bị lược bỏ (như việc Chu Ân Lai tham gia đầu thấy ăn năn; nếu xử lý khéo, chưa biết chừng lại giải quyết được ngay. Trước mắt chúng ta phải biết tự kiềm chế, biết kiên nhẫn chờ đợi. Khi kể đến diễn biến của buổi sáng ngày 12, tình cảm chồng tôi tỏ ra xao động, không tự chủ được mình, tôi đã tìm lời an ủi, tôi lấy thánh kinh ra vừa đọc vừa quạt một lúc, mới thấy chồng tôi ngủ say".

Thật là một bức tranh vợ chồng yêu kính nhau như khách, đẹp đẽ quá chừng! Thật là một bậc quân thoa yêu nước hơn yêu nhà, lỗi lạc quá chừng! Nhưng mà khi lấy giả để làm thật thì thật cũng hóa giả, do người đọc ban đầu cũng không tránh khỏi băn khoăn: Một người chưa học qua tam tự kinh, bách gia tính, thiên gia văn (3) như Tống Mỹ Linh làm sao có thể viết ra tác phẩm cả kim lẫn cổ, đầy dẫy những "chi, hồ, giả, dã" (4) như thế? So với văn chương trữ tình tản văn như "chuyện nguy hiểm ở Phủ Châu" có vẻ sở trường của bà, thì thấy thay đổi nhanh quá – khiến người ta không thể hiểu nổi, và cũng không thể tin được.

Chân tướng rồi cũng có ngày lộ ra. Thì ra những tác phẩm này đều được gia công, mà phần lớn là qua sự gọt đẽo của Trần Bó Lôi, ông "thợ văn" của Tưởng Giới Thạch. Sau sự biến Tây An, Tưởng Giới Thạch lệnh cho ông này phia ra cho mình cuốn "Nửa tháng ở Tây An". Trần Bó Lôi dáng gầy như thầy ký, đi ba bước đã thành thơ, vậy mà lần này ngồi trước bàn viết, cả ngày không viết nổi một chữ, trong lòng bỗng phát hiện ra nỗi đáng thương của một kẻ đi làm bồi bút cho người khác, bất giác hổ thẹn xen lẫn tức giận, cầm cây bút lông dầm bừa vào nghiên mực, liền một lúc làm hỏng mấy cây bút mà vẫn chưa hả nỗi u uất trong lòng. Trong nhật ký của mình ông ta than thở: "Lời nói và ý nghĩ của tôi bây giờ không thể chủ động theo ý mình được. Thể xác và linh hồn, đã dần dần thuộc về người khác. Con người sinh ra vốn có bản năng, sao có thể chịu mãi được như thế này ư". Thế cho nên chúng ta cũng chẳng khó gì không rõ "Hồi ký sự biến Tây An" của Tống Mỹ Linh có bao

nhiều điều chân thực có thể tin được.

Của đảng tội, biện pháp cứu chông của Tống Mỹ Linh quả là có tác dụng nhất định trong việc ngăn trở tranh quyền cướp lợi trong nội bộ Quốc dân đảng, ngăn chặn hành động của phái thân Nhật hòng đục nước béo cò, chấm dứt những cuộc hỗn chiến có khả năng xảy ra giữa các thế lực quân phiệt mới... chứ còn lập trường, lý trí, tình cảm, trình độ thì còn xa bà ta mới đạt tới tầm cao và có thể giải quyết nổi mối nguy vong cho dân tộc, và cũng không thể thoát ra khỏi sự tư lợi của một đảng như Quốc dân đảng và sự hạn chế cho sự thống trị của Tưởng Giới Thạch là trên hết.

III. TRÌNH ĐỨC THÁNH NỮ CỦA TRUNG QUỐC

Bảo vệ dân quyền

Trong lịch sử loài người, những năm ba mươi của thế kỷ 20, sẽ được viết nhiều viết kỹ, bởi các quái thai phát xít gây ra bao nhiêu tai ương cho loài người được sinh ra ở những tháng năm này. Phát xít – một cụm từ khiến người ta run sợ, một hình ảnh khiến người ta phải sởn gai ốc – những người vô tội bị kết oan vu vợ kiêu "có thể có" rồi bị tổng giam và bị giày vò, hàng chục triệu dân thường chết trong bom đạn của chiến tranh.

Thế nhưng chủ nghĩa phát xít khi vừa mới ra đời, trừ một số người có hiểu biết ra, phần lớn người trên thế giới này còn hiểu biết chưa đầy đủ, còn thiếu cảnh giác đối với những nguy hại sau này của nó, ngược lại còn bị bung mắt bởi một vài "ưu điểm" của nó.

Thế là bọn độc tài tranh nhau bám cẳng. Tưởng Giới Thạch là một trong số đó. Ông ta bày trò lập ra một đoàn thể kiêu phát xít – "Trung Hoa phục hưng xã" và thân chinh làm xã trưởng, tên quý giết người Vương Đới Lập làm trưởng phòng đặc vụ của tổ chức này, từ đó gây nên một không khí khủng bố trắng với mật thám hoành hành, văn bản cấm đoán như bướm bướm, bắt bớ xảy ra khắp nơi, nhà tù đầy đặc...

Cũng vì cả cái thế giới này như điên cuồng lên rồi, lịch sử quay trở lại thời trung cổ. Chiến tranh, tàn sát, khủng bố, cấm đoán, phá hoại, cộng với sự múa may của ma quỷ, sự rên khóc của nô lệ, khiến cho cả thế giới này như điên dại... "giết" thay thế cho "tự do", bắt bớ và giam cầm đã làm tù túng mọi ý chí... văn minh bị phá sản để cho dã man sống lại, sương mù dày đặc che phủ toàn thế giới.

Tháng 8 năm 1931, Nghê Quế Trân, bà mẹ vợ của hai đời tổng thống Trung Quốc ở thế kỷ 20 qua đời. Sau khi nhận được tin buồn, Tống Khánh Linh từ Liên Xô xa xôi ngàn dặm, về nước để chịu tang.

– Thế là từ nay chúng ta không còn mẹ nữa rồi – Câu nói ấy của Tống Tử Văn đã làm cho anh chị em trong nhà họ Tống bung mắt và khóc, nước mắt ướt đầm vạt áo.

Đứng trước thi hài người mẹ, Khánh Linh như muối xát trong lòng. "Mẹ ơi, trước khi người nhắm mắt, con không hề được gặp mẹ lần cuối, thật là đáng tiếc, và điều đáng tiếc này sẽ bám lấy con suốt đời. Mẹ ơi! Sao mẹ lại vội vã ra đi, không đợi con về để gặp mẹ một lần; Mẹ ơi! Từ nay trên đời này con không còn thấy mẹ nữa, nhưng sau này chết đi con sẽ mãi mãi ở bên để săn sóc mẹ". (Trong 6 chị em nhà họ Tống, đã có 4 người qua đời. Nhưng chỉ có Tống Khánh Linh là được chôn bên mộ mẹ).

Tống mẫu qua đời không lâu, một sự kiện lớn đã xảy ra trên đất nước Trung Quốc, đó là sự kiện ngày 18 – 9. Nó khiến cho đất đai tươi đẹp của ba tỉnh miền đông cùng với mấy chục triệu đồng bào phải nằm dưới gót sắt của bọn Nhật Bản. Nhân dân đang lâm than, nhân dân đang rên xiết. Phong trào cứu nước nổi dậy rầm rộ. Các học sinh lên Nam Kinh để kêu xin, biểu tình, mít tinh, thậm chí nằm ngang đường sắt cản đường, họ xin người thống trị cao nhất thân chinh cầm quân... Thế nhưng Tưởng Giới Thạch lại giơ dao ra với những học sinh này.

Tống Khánh Linh nổi giận. Bà thôi không sang Liên Xô nữa, bà muốn ở lại Trung Quốc để chiến đấu.

Trong cuộc chiến đấu với Quốc dân đảng, đã nổi lên một nhân vật lỗi lạc, đó là Đặng Diển Đạt.

Sinh ra trong một gia đình nông dân ở huyện Huệ Dương tỉnh Quảng Đông, người tầm thước với gương mặt hơi dài, Đặng Diển Đạt có một lịch sử khá vẻ vang: 14 tuổi tham gia Đồng minh hội, 24 tuổi tốt nghiệp trường quân sự Bảo Định và được Tôn Trung Sơn biết tiếng, phụ trách giáo dục trưởng của trường quân sự Hoàng Phố. Thời kỳ Bắc phạt, Đặng Diển Đạt 31 tuổi là chủ nhiệm cục chính trị của bộ tổng tư lệnh của quân Cách mạng quốc dân. Ông tích cực ủng hộ ba đại chính của Tôn Trung Sơn, cho rằng Cách mạng Trung Quốc cần phải dựa vào công nông, phát động công nông kiên quyết phản đối sự phản bội cách mạng của Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ. Tư tưởng giống nhau, sự kiên quyết, dũng cảm đã khiến cho ông và Tống Khánh Linh trở thành đôi bạn chiến đấu thân mật và đồng chí của nhau.

"Năm 1927, mặt trận liên hiệp quốc cộng bị phá vỡ một cách thảm hại, Đặng Diển Đạt buộc phải rời Vũ Hán, lưu vong ra nước ngoài. Lúc bấy giờ, tất cả những đồng chí cách mạng chân chính, do không khí đen tối bao trùm nên đã chìm đắm trong im lặng, riêng tinh thần ông vẫn rần rỏi vững vàng, không gục ngã trước bất kỳ một ngoại lực nào, trước sau vẫn sống cuộc sống giản dị nhất có thể lấy làm mẫu mực, hàng ngày hàng giờ khích lệ tập hợp những người đồng chí do vấp ngã đã tan

tác đi các nơi, để cùng dồn sức cho việc nước". Tống Khánh Linh – con người khi lưu vong nước ngoài, thường xuyên gặp gỡ và trao đổi tình hình hiện thực và vạch tương lai cho đất nước v.v... với Đặng Diễm Đạt, nên bà lại hiểu Đặng Diễm Đạt thêm một chút nữa:

"Vì ông có hiểu biết sâu rộng và nhận biết vô cùng nhạy bén với các mặt lịch sử, kinh tế, triết học, khiến cho những người gần gũi ông đều thu được những điều bổ ích lớn lao và càng hiểu biết thêm sâu sắc hơn hàng loạt vấn đề mà cách mạng Trung Quốc có thể vấp phải trên đường đi lên của mình. Ông phân tích quan hệ giữa tình thế của thế giới với những vấn đề khác sao rõ ràng đến thế và không ai có một chút nghi ngờ, hoặc khi giải thích tiền đề Cách mạng quốc dân của Trung Quốc lại thực tế và khiến người ta phải thán phục đến thế!".

Trong cuộc đấu tranh với địch, Tống Khánh Linh với Đặng Diễm Đạt đã xây dựng nên mối quan hệ rất khăng khít. Về vấn đề này, nhà văn Mỹ nghiên cứu "vương triều họ Tống" Stec-ling Sco-lep đã phân tích như sau:

"Theo như tài liệu ít ỏi đã thu lượm được, thấy rằng năm năm sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, Khánh Linh hình như đã tìm được một người tâm đầu ý hợp; hơn thế cùng với sự tiếp xúc ngày càng mật thiết với Đặng Diễm Đạt ngoan cường và dũng cảm, rất có thể bà đã yêu ông này. Điều này có thể biết được qua lời lẽ hàm xúc bóng gió của Ai-con-nit Mot-thơ-lay và Ha-lat Ai-dắc. Hai người này lúc đó đều ở Thượng Hải, lại thường giao du với những người bạn ở quanh Tống Khánh Linh. Tình yêu này, là thứ tình yêu tinh thần kiểu Pla Tut hay là một thứ tình lịch sử lãng mạn chính quy. Từ trước đến giờ cũng chưa ai khẳng định. Bởi đó chỉ là một sự đoán ngầm chứ không phải là sự thực. Nhưng muốn nói thế nào thì quan hệ đó cũng không giữ được lâu".

Sự phân tích trên của Sco-lep quá nặng nề về ý tưởng, nên cũng khó để cho người ta tin ngay. Còn như Tư Mã Xuân Thu, một nhà văn Đài Loan có nhiều cảm tình với Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh, đã tổng kết một cách thực tế về Tống Khánh Linh, ông viết: ợp "Tống Khánh Linh là một người đàn bà rất chủ quan và có thành kiến rất sâu, với một sự việc gì, bà thường có quan niệm đi trước người khác, rồi bất kể thế nào, cũng không thay đổi thành kiến của bà. Khi Tôn Trung Sơn chết bà mới ngoài 30 tuổi, phong tư vẫn chẳng thay đổi bao nhiêu. Lẽ ra bà có thể tái giá, nhưng bà không làm thế. Đối với bà, đó là một vai trò rất khó, nhưng bà đã lấy sự tôn nghiêm để đóng vai này, đến đối thủ của bà cũng vì thế mà phải tỏ ra khâm phục và tôn kính".

Tháng 5 năm 1930, Đặng Diễm Đạt về nước, tổ chức ra "Đệ Tam đảng" – tức là một Đảng không giống Quốc dân đảng, song cũng không tán thành Đảng cộng sản.

Ảnh hưởng của "Đệ Tam đảng" trong những bận bề ngày càng rõ ràng, trực tiếp đe dọa vai trò thống trị của Tưởng Giới Thạch. Tưởng tất sẽ đặt Đặng Diễn Đạt vào diện cần phải giết để sau được rảnh tay. Tháng 8 năm sau, do bị tên phản bội bán rẻ, Đặng bị bắt ở Thượng Hải, ngay sau đó bị giải về Nam Kinh. Đến 29 tháng 11 đã bị bí mật thủ tiêu.

Khi hay tin Đặng Diễn Đạt hy sinh, Tống Khánh Linh vô cùng thương xót. Điều này bà đã viết trên tờ "Hoa Thương báo" ở Hồng Kông nhân kỷ niệm 10 năm ngày Đặng gặp nạn:

"Ấn tượng về đồng chí Đặng Diễn Đạt vẫn còn đang sống động trong tâm khảm mỗi người cách mạng quốc dân của Trung Quốc, mặc dù ông đã non yếu 10 năm nay rồi! Nhà cách mạng nổi bật hơn mọi người và hiếm có trên đời này. Vì ông sớm đã coi thường cái chết nên ông mới dám kiên định và quyết không chịu thỏa hiệp như thế. Ông chưa hề có giây phút nào bị dao động vì vật chất, địa vị, quyền thế và giàu sang, bởi chỉ cần ông muốn, là rất dễ dàng có được; nhưng ông đã khinh miệt không bao giờ thêm để ý đến".

Sự hy sinh của Đặng Diễn Đạt cũng khiến cho Tống Khánh Linh căm giận đến cực điểm. Ngày 19 tháng 12 năm 1931 bà đã ra tuyên bố, vứt bỏ bằng hết cớ xí của Quốc dân đảng, chỉ mặt chỉ tên quả trách Tưởng Giới Thạch:

"Với một lực lượng chính trị mà nói, Quốc dân đảng không thể tồn tại được nữa. Đó là một sự thực không thể nào che giấu được. Đưa Quốc dân đảng đến chỗ diệt vong không phải là những người chống lại ở ngoài đảng, mà chính là lãnh tụ ở trong đảng..."

"Sự tàn sát và khủng bố tàn bạo ép buộc cách mạng phải chuyển vào bí mật. Quốc dân đảng với danh nghĩa chống cộng để che giấu cho hành động phản cách mạng của nó và tiếp tục tiến hành những hoạt động phản động. Trong chính phủ Trung ương, các đảng viên Quốc dân đảng, cố leo cao để tìm chỗ béo bở, hình thành tự tư, bè phái để củng cố địa vị của họ... Còn những người cách mạng trung thực và chân chính lại bị cố ý đánh đập đủ kiểu, đến nỗi có người bị đánh chết. Đặng Diễn Đạt bị giết một cách thảm hại, là một ví dụ gần đây nhất".

"Tôi không nhớ thấy thành quả công tác 40 năm của Tôn Trung Sơn bị một dùm quân phiệt, chính khách tự tư tự lợi của Quốc dân đảng tàn phá. Bởi vậy tôi không thể không thẳng thắn tuyên bố rằng, mục đích tổ chức ra Quốc dân đảng đã là lấy nó làm công cụ cho cách mạng, nó lại đã không hoàn thành được nhiệm vụ mà nó sáng tạo ra, thì nó có bị diệt vong, chúng ta cũng chẳng nên tiếc rẻ làm gì".

Đặng Diễn Đạt chết rồi nhưng tân bi kịch vẫn còn chưa kết thúc.

Năm 1931 lại thêm 5 nhà văn trẻ là Nhu Thạch, Ân Phu, Hồ Dã Tàn, Lý Vĩ Thâm, Phùng Kiên – bị giết hại. Họ "bị buộc phải tự mình đào lấy huyết, sau đó bị trói lại và vớt xuống huyết chôn sống, đây là cách xử tội kẻ phản nghịch rất cổ điển của Trung Quốc". Sau đó không lâu, khi Si-rô nói với Khánh Linh về vụ tàn sát này, bà đau xót nói rằng: "Đó tức là ủy viên trưởng của chúng ta, một tín đồ Cơ đốc giáo đã chôn sống những thanh niên ưu tú nhất của chúng ta. Rõ ràng, khi đọc "thánh kinh", ông ta còn chưa đọc đến sách Co-lin-đô" (Co-lin-đô là một chương trong "Thánh kinh", nội dung là Giê-xu môn đồ Phau-lô dạy dân vùng Co-lin-đô biết đoàn kết, hòa bình. Xem ra Tổng Khánh Linh hết sức thông thạo "Thánh kinh").

– Bà cho rằng bản thân ông Tưởng biết chuyện này không? – Si-rô hỏi.

– Ông ta phải chịu trách nhiệm về tất cả các cuộc tàn sát. Trách nhiệm của ông ấy bắt đầu từ những năm ông ta chống cách mạng (1927) kia! Ông ta là một tên độc tài, đó là lý do tại sao tôi không bao giờ giữ một chức vụ gì trong Chính phủ Quốc dân đảng. Nếu ông ta là tín đồ Cơ đốc, thì tôi quyết không phải, nguyên nhân cũng là như vậy!".

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nhân dân, chỉ viện cho những văn nhân của Trung Quốc đang trong vòng lao lung, "Đồng minh bảo vệ dân quyền Trung Quốc" đã được thành lập. "Đồng minh" đã lập ra ủy ban chấp hành trung ương lâm thời, Tổng Khánh Linh làm chủ tịch, Thái Nguyên Bồi xuất thân là tiến sĩ, đã từng làm tổng trưởng giáo dục, hiệu trưởng đại học Bắc Kinh, từng làm chứng hôn nhân cho Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh, tuổi đã 64, được Đảng và Nhà nước trọng vọng... đứng ra làm phó chủ tịch; Tổng cán sự là Dương Hạnh Phát, từng lưu học ở Can-nai Ha-vớt của Mỹ và từng làm thư ký cho Tôn Trung Sơn.

Hội viên của Đồng minh hội này đều là những nhà văn, học giả, giáo sư đại học, phóng viên nhà báo... rất có tiếng tăm như Lỗ Tấn, Lâm Ngũ Đường, Trâu Thao Phán, Mao Thuấn, Uất Đại Phu, Vương Tạo Thời, Hồ Thích, Tưởng Mộng Lân, Thiên Gia câu v.v... chỉ một thời gian sau, Tổng Khánh Linh đã tập trung được quanh mình một số lớn những trí thức có ảnh hưởng lớn nhất. Đạo đức kêu gọi, và sự khát khao dân chủ khiến họ trở thành những người phê phán chính quyền đương thời, gánh vác chính nghĩa của xã hội. Sau khi hội này được thành lập, nhiệm vụ đầu tiên của nó là phải chỉ viện cho những chính trị phạm đang bị giam cầm. Với việc họ bị đối xử tàn tệ do họ từng phấn đấu cho dân chủ, Tổng Khánh Linh vô cùng cảm thông và đồng tình với họ và từng nói:

– Điều tôi quan tâm là những thanh niên Trung Quốc đang bị nhét chặt trong các nhà giam... Những tinh hoa của Trung Quốc đó, bị tuyên phạt bao nhiêu năm ngồi trong những nhà lao bẩn thỉu đó, ăn thì toàn những thứ không thể nuốt được...

hết ngày này sang ngày khác, tháng này sang tháng khác, họ bị khóa chặt bởi xiềng xích nặng nề, họ không có cách nào chống lại cực hình. Không còn sức để chống lại bọn cai ngục ngang ngược, chỉ còn dựa vào những người ở bên ngoài như chúng ta cứu họ ra khỏi chỗ chết. "Đồng minh bảo vệ dân quyền" còn phải đấu tranh không thỏa hiệp với một tội ác khác đáng sợ hơn, đó là chế độ tàn sát thủ tiêu chính trị phạm, chế độ này trên thế giới thật không có cái gì đáng sợ hơn...

Đồng minh này chẳng những chú trọng đến chính trị phạm, mà còn vận dụng sức mạnh của dư luận, sự phản ứng của dân chúng để tăng sức ép với bọn cầm quyền Quốc dân đảng; buộc chúng hoặc thả một số chính trị phạm ra, hoặc giảm nhẹ sự đối xử tàn nhẫn với chính trị phạm. Quốc dân đảng thì đàn áp hết trận này đến trận khác, "Đồng minh" thì cứu hết trận này đến trận khác, đã cứu bí thư cũ của đảng Cộng sản là Trần Độc Tú tuổi ngoài 50; lên tiếng ủng hộ thầy trò ở Bắc Bình và những người yêu nước như Hứa Đức Hoàn, Hầu Ngoại, cứu những người cộng sản như Trần Canh, La Đăng Hiền, Liêu Thừa Chí; giải thoát cho những nhà văn cảnh tả bị giam cầm như Đinh Linh; đề nghị nhà cầm quyền cho điều tra nhà giam ở Bắc Bình về những vụ giết hại các nhà báo Lưu Dục Linh, Vương Ủy Tam v.v...

Các hoạt động giải thoát của Đồng minh dân quyền làm cho chính quyền Quốc dân đảng trở nên trở trớn và tồi tệ trước dư luận xã hội. "Đồng minh dân quyền trở thành cái gai trước mắt, cái dằm trong thớ thịt họ. Đối với chủ tịch của "Đồng minh" là Tống Khánh Linh, vì tiếng tăm và uy danh cao cả cũng như địa vị đặc biệt của bà cho nên bọn phản động Quốc dân đảng có muốn ra tay cũng phải kiêng nể, thế là bọn họ chuyển mục tiêu sang người chủ chốt của "Đồng minh" là Dương Hạnh Phát. Ngày 18 tháng 6 năm 1933, hồi 6 giờ sáng, Dương Hạnh Phát – người chiến sĩ đấu tranh dân chủ lỗi lạc ấy bị ám sát ở tô giới Thượng Hải, lúc ấy ông vừa 40 tuổi!

Thế là sau Đặng Diên Đạt, lại một người bạn trung thành nữa của Tống Khánh Linh bị chết bởi những tay súng đê tiện và vô liêm sỉ ấy. Tống Khánh Linh vô cùng đau đớn và phẫn uất. Bà vạch ra rằng:

– Lũ người ấy cùng với bọn hung thủ mà họ bỏ tiền ra thuê mướn cứ tưởng rằng chỉ có dựa vào bạo lực, bắt bớ, cực hình và ám sát là có thể dập tắt được cuộc đấu tranh giành tự do là yếu ớt nhất, và coi đó là vũ khí để họ thống trị nhân dân và cũng nói rõ bộ mặt của cả một chính quyền của họ... Thế nhưng chúng ta chẳng những không bị đè bẹp; cái giá mà Dương Lãnh (tức Dương Hạnh Phát) phải trả cho tự do, ngược lại sẽ làm cho chúng ta đấu tranh kiên quyết hơn, tiếp bước nhau đến chừng nào chúng ta đạt được những mục tiêu mà chúng ta cần đạt mới thôi.

Nhìn lần cuối về mặt của liệt sĩ, lại nghe tiếng khóc nghẹn ngào của vợ con người đã khuất, Tống Khánh Linh, Thẩm Quân Nho càng cảm thấy cuộc đời đen tối, kiếp

sống bi ai và số mệnh trớ trêu của con người.

Nào có hăng say như thuở

Hoa nở hoa tàn chẳng sá chi

Giang Nam mấy buổi mưa như khóc.

Dân nhớ anh hùng lệ đẫm mi

Với nỗi lòng đau thương và phần uất khôn nguôi, Lỗ Tấn đã viết ra mấy câu ghi lại đến muôn đời.

"Đồng minh bảo vệ dân quyền" thành lập chưa đầy một năm đã bị bọn phản động bóp chết từ trong nôi như thế đó!

Yêu mến Lỗ Tấn

Lỗ Tấn, nhà văn thấp bé, vẻ mặt cũng không có gì đặc biệt, nhưng với trí tuệ hơn người, với tài hoa tràn đầy, với sự quan sát xã hội sâu sắc, ông đã viết được một khối lượng thơ văn lớn lao, xác định địa vị vững vàng như Thái Sơn của ông trong giới văn học, giới tư tưởng và giới học thuật của Trung Quốc.

Ông ăn cỏ vào bụng, để rồi vắt ra sữa, ông ngược mắt coi khinh ngàn lực sĩ, biến ngọn bút của mình thành lưỡi lê, xiên thẳng vào mọi thế lực tàn ác và đen tối. Đe dọa, khủng bố, ông không hề run sợ, bởi ông có một con tim nồng cháy và một hình hài vô cùng cứng rắn.

Đối với tài hoa và dũng khí của Lỗ Tấn, Tống Khánh Linh tỏ ra khâm phục tận đáy lòng. Họ là những người bạn cùng chung chí hướng cùng đi một đường, có một tình bạn thiết tha cùng hội cùng thuyền.

Năm 1935, khi được tin Lỗ Tấn lúc này đã 53 tuổi, mang bệnh nặng mà vẫn quên mình bền bỉ làm việc, từ chối không chữa bệnh, Tống Khánh Linh hết sức bồn chồn. Bà viết thư thăm Lỗ Tấn, lá thư này thể hiện đầy đủ lòng tôn kính và yêu quý của bà với Lỗ Tấn, nghĩ cũng cần được chép ra đây:

Đồng chí Châu! [\(5\)](#)

Mới rồi được tin đồng chí ốm rất nặng, tôi hết sức lo lắng cho bệnh tình của đồng chí. Tôi chỉ muốn làm sao đến ngay được để thăm đồng chí, khôn thay vết mổ cắt ruột thừa của tôi còn chưa lành, không thể ra khỏi giường mà đi được, bất đắc dĩ, đành phải viết thư này cho đồng chí.

Tôi mong và xin đồng chí hãy vào bệnh viện để chữa bệnh này, vì kéo dài một ngày là nguy hiểm thêm cho tính mạng đồng chí một ngày. Mà tính mạng của đồng chí lúc này không phải là cá nhân đồng chí nữa mà là của chung của Trung Quốc và cách mạng Trung quốc!!! Vì tiền đồ của Trung Quốc và cách mạng Trung Quốc, đồng chí cần phải săn sóc và giữ gìn sức khỏe của mình bởi vì Trung Quốc đang cần có đồng chí, cách mạng đang cần đồng chí.

Một người ốm, thường không biết được tình trạng sức khỏe của mình. Khi tôi bị viêm ruột thừa, vì rất ghét vào bệnh viện, nên tôi đã để dài mấy tháng trời, tận đến lúc không thể không cắt đi để chữa trị, mới vội vàng vào viện. Lúc đó đã ở thời kỳ rất nguy hiểm, cũng chính vì thế, mà tôi phải nằm thêm những 6 tuần lễ nữa. Giá như tôi vào bệnh viện sớm chút nữa thì có phải chỉ hai tuần lễ đã có thể khỏi bệnh và ra viện được rồi không? Bởi vậy tôi tha thiết ngàn lần mong đồng chí hãy tiếp nhận lời cầu khẩn của những người bạn đang lo lắng và cảm thấy vô cùng không yên tâm cho sức khỏe của đồng chí, mà vào bệnh viện để chữa bệnh ngay. Nếu đồng chí e rằng sẽ không biết tin tức gì, thì bà Châu vợ đồng chí có thể cùng vào nằm viện để cung cấp cho đồng chí những tin tức bên ngoài v.v...

Tôi mong rằng đồng chí đừng coi nhẹ sự lo lắng của bạn bè vốn yêu mến đồng chí mà từ chối lời khẩn cầu của chúng tôi.

Chúc đồng chí mau khỏi bệnh và bình an.

Tổng Khánh Linh

Đoàn kết chặt chẽ với tất cả các lực lượng tiến bộ, đấu tranh không khoan nhượng với tất cả các thế lực phản động, với sự kiên trì bất khuất, lòng dũng cảm chân thành và vẻ đẹp tinh thần, bà tượng trưng cho một Trung Quốc sống động, lỗi lạc và vẻ vang nhất.

Trong những năm mưa gió đen tối nhất ấy, tất cả những ai đã từng gặp Tổng Khánh Linh đều hết sức cảm động trước tinh thần quên mình đấu tranh cho Trung Quốc đổi mới và thái độ bình tĩnh ung dung trong đời tư đầy khốc liệt, hay vấp vấp khó khăn trong chính trị. Đúng như Hai-lon Si-rô đã thấy:

"Trong cuộc sống, bà luôn gặp phải sự vấp vấp và đánh trả, bạn bè của bà không bị hãm hại, ám sát thì cũng căng thẳng quá độ, mệt mỏi mà là khỏi cuộc đời nay. Bà không hề gì tất cả những thứ đó mà mát thẳng băng về mặt tư tưởng – đó quả là một kỳ tích. Nhưng bà không hề đứng ngoài tất cả những khó khăn của mọi người. (Ở Trung Quốc, một yếu tố để người ta tồn được hàng trăm hàng ngàn năm nay là tỏ ra chai lì với đau khổ).

Những năm ba mươi, nhà báo Mỹ Si-rô này đã quen biết Tống Khánh Linh rồi dần dần xây dựng nên một mối cảm tình rất nồng thắm. Nhà báo này cũng cảm động trước tinh thần bất khuất theo đuổi chính nghĩa của Tống Khánh Linh, và đã viết rằng:

"Tôn phu nhân không phải là một nhân vật đáng sợ. Bà rất khiêm nhường với người khác và luôn giấu mình. Đối với bà, gạt bỏ được các sức ép khiến bà từ bỏ niềm tin ban đầu để đi đến thỏa hiệp, cần phải có một chí khí lớn lao cả về mặt thể xác lẫn tinh thần. Bà không phải là cái gì cao không thể với tới, giao du với những người chân thành, bà luôn tỏ ra bình dị dễ gần, nhưng đối với những kẻ đạo đức giả, bà luôn tỏ ra sắc bén và ráo riết. Bà nói tiếng Anh rất thạo và nói được cả một ít tiếng Pháp và tiếng Đức, những thứ ngoại ngữ đó, chủ yếu là học được thời gian bà ở Mỹ.

Nước Trung Quốc mà bà hằng gắn bó, là nước Trung Quốc của người nghèo, bà tin rằng những "cu li" thấp hèn nhất đó của Trung Quốc, rồi sẽ hành động như những con người; Ngoài ra, bà tin rằng một Trung Quốc tự đứng lên với thế giới chứ không phải một Trung Quốc luôn đối địch với láng giềng, bắt mọi người phải vì mình."

Để cho người nghèo được vươn mình giải phóng, những người cộng sản đã phải trải qua cuộc trường chinh hai vạn năm ngàn dặm, đến vùng Thiểm Bắc suối khe chằng chịt, họ sẽ làm nên những chuyện thần kỳ ở trên mảnh đất vàng hoang vu cằn cỗi này. Qua sự giới thiệu của Tống Khánh Linh, nhà báo Mỹ này đã vượt qua sự phong tỏa của Quốc dân đảng, đến biệt khu phỏng vấn những "trùm thổ phỉ" mà thường người nước ngoài không được tìm hiểu, thế là nhà báo này mới có được một tác phẩm làm xôn xao thế giới – "Sao đỏ chiếu rọi Trung Quốc".

Vào tù cứu nước

Tưởng Giới Thạch – con người xưa nay chưa biết rút tay với ai mà chỉ biết tàn bạo vô tình, đã đến mức "không thể nhịn được nữa", bèn chuẩn bị ám sát Tống Khánh Linh, để khỏi cãi vã với nhau mãi. Một đương sự trong vụ này là Thẩm Túy, sau này được đảng cộng sản cải tạo, đã khai về sự việc này như sau:

"Trong nhiều hành động tội ác mà Tưởng Giới Thạch chỉ thị cho Đới Lập tiên hành đối với Tống Khánh Linh, đều có phần tôi. Lúc ấy, tôi cảm thấy rằng bà ở trong tô giới của Pháp, là một gánh nặng cho tô giới Pháp chúng tôi, ngoài việc hàng ngày chúng tôi phải viết "báo cáo giám thị", còn phải cho người đi theo dõi cả những ai tiếp xúc với bà. Cho nên tôi đã từng hai lần gửi súng ngắn và đạn, để đe dọa bà, chỉ mong làm cho bà rời khỏi tô giới Pháp; như thế, tôi sẽ bớt đi được rất nhiều việc. Đới Lập còn luôn luôn ra lệnh cho tôi: nhất định phải cử người đánh

vào trong nhà và để mua chuộc những người ở bên cạnh bà. Thế là trước hết Thẩm Túy cử ngay một nữ điệp viên tìm cách để gần gũi một cô hầu gái luôn ở cạnh Tống Khánh Linh, kết quả là thất bại, sau này ông ta lại dùng "mỹ nam kế", nhưng vẫn không xong. Thế là Đới Lập và Thẩm Túy cùng bàn nhau tạo ra một cuộc "tai nạn xe hơi" khiến cho Tống Khánh Linh bị thương và phải nằm bệnh viện, lại thông qua các nhân viên y tế làm cho bà phải nằm bệnh viện lâu dài, sống không ra sống, chết không ra chết, từ đó triệt để giải quyết được con người không cách gì đối phó được này.

Một năm sau kế hoạch này phải chấm dứt. Bởi vì họ chẳng tìm ra cách gì gây tai nạn cho người trong xe mà lại không bị chết – Nếu làm chết Tống Khánh Linh, dân chúng sẽ đòi hỏi phải tìm ra nguyên nhân và hung thủ, như thế thì Tưởng Giới Thạch cũng không thoát được mối liên quan.

Tuy Tống Khánh Linh không rõ kế hoạch ám sát mình do Tưởng Giới Thạch vạch ra, nhưng bà biết rằng trong cái xã hội bọn đặc vụ hoành hành như thế này, dám nổi giận và dám nói năng như bà rất có thể bị bỏ mạng bất kể lúc nào. Nhưng bà vẫn mặc kệ!".

Mùa đông năm 1936 Tưởng Giới Thạch lại một lần nữa vung dùi cui lên bắt giam 7 người hiền đạt trong xã hội, đó là:

Thẩm Quân Nho: 63 tuổi, tiến sĩ đời nhà Thanh, du học Nhật Bản – luật sư.

Chương Nãi Khí: 40 tuổi, sinh viên loại cao tại trường thương nghiệp tỉnh Triết Giang – nhà ngân hàng.

Trâu Thao Phán: 41 tuổi, tốt nghiệp đại học Xanh Jôn Thượng Hải – nhà báo.

Lý Công Phác: 34 tuổi, tốt nghiệp đại học Hộ Giang, lưu học ở Mỹ – nhà báo.

La Thiên Lý: 35 tuổi, tốt nghiệp đại học pháp luật Thượng Hải – luật sư.

Vương Tạo Thời: 34 tuổi, tiến sĩ chính trị học - giáo sư đại học.

Sử Lương: 36 tuổi – nữ – tốt nghiệp đại học luật Thượng Hải – luật sư.

Để cứu bảy người này ra khỏi nhà lao, ngày 25 tháng 6 năm 1937, Tống Khánh Linh cùng với Hà Hương Ngưng, Hồ Dũ Chi v.v... đã khơi dậy phong trào vào tù cứu nước, họ từng làm đơn lên tòa án cấp cao của Tô Châu kêu rằng: yêu nước vô tội, thì cùng được hưởng tự do với Thẩm Quân Nho và những người nói trên; nếu yêu nước có tội, thì cùng chịu tội với Thẩm Quân Nho và những người nói trên. Đồng thời họ đã phát đi bản "Tuyên ngôn vào tù cứu nước": "Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để

vào tù! Chúng tôi tự nguyện vào tù để cứu nước,... các ông Thảm Quân Nho v.v... còn chưa được tha ra ngày nào, thì ngày ấy chúng tôi còn bị lương tâm thúc giục, nguyện mãi mãi cùng ở tù với ông Thảm Quân Nho và mọi người nói trên". Ngay sau đó, rất nhiều nhà văn, diễn viên, giáo sư đại học, sinh viên học sinh, công thương gia lần lượt liên danh làm đơn yêu cầu được ngồi tù. Tòa án tối cao tỉnh Giang Tô một ngày mấy bận điện báo cho Tưởng Giới Thạch, cho Trần Quả Phu (chủ tịch Giang Tô) báo cáo về nhận được đơn xin đi tù. Tưởng Giới Thạch luôn mồm chửi "con mẹ nó", Trần Quả Phu tức giận đến bị lao ho ra máu, Trần Bó Lô mở hết mọi sổ sách trong ngoài nước xưa nay chưa thấy bao giờ lại có việc hàng ngàn hàng vạn người vì yêu nước mà xin ngồi tù, thế thì làm gì mà bọn chúng chẳng brou đầu sút trán.

Nói là làm. Buổi sớm ngày 5 tháng 7 năm 1937. Trong toa tàu hạng ưu của đoàn tàu Thượng Hải đến Tô Châu, có một thiếu phụ Trung Quốc ăn mặc sang trọng, dáng vẻ ung dung, tay cầm chiếc quạt lông có nan trầm hương khê phe phẩy quạt, mỗi khi bên ngoài toa xe có người qua lại, bèn lấy quạt che lấy nửa mặt. Ngồi đối diện với bà là một phụ nữ trẻ tuổi hơn, mặc áo ngắn và váy nhiều, chân đi giày xăng đan cao gót.

Họ chính là "quốc mẫu" Tống Khánh Linh và người giúp việc cho bà là Hồ Tử Anh.

Thực hiện lời tuyên bố của mình, họ đến Tô Châu xin được ngồi tù.

Cùng đi với họ, còn có tới 10 người nữa như Hồ Dĩ Chi, Bành Văn Ứng, Phan Đại Quý... Họ chia nhau lên ngồi trên những toa xe hạng hai thành từng nhóm với nhau làm như không biết nhau. Họ không thể không đề phòng, nếu bọn mật vụ phát hiện ra họ, nhất định sẽ không để đến được Tô Châu một cách dễ dàng thuận lợi.

Tàu đến ga Tô Châu, 12 người "tù bỏ sung" này, mỗi người mang theo một cái hòm con đựng quần áo thay và đồ dùng cá nhân, lần lượt lên xe kéo để đến tòa án tối cao Giang Tô.

Mười hai người khách không mời mà đến này, khỏi phải nói là một ngón đòn, là một ngọn sóng xô vào tòa án tối cao, hướng hồ dẫn đầu lại là Tôn phu nhân Tống Khánh Linh. Họ không dám chậm trễ. Tất cả các báo đã đưa tin về việc này, tờ "Thân báo" nêu đề bài: "Tôn phu nhân vẫy tay kêu gọi trăm ngàn người tranh nhau vào tù".

Cuộc vào tù cứu nước nổi tiếng một thời đó làm cho chính quyền Quốc dân đảng mất mặt, bầy lãnh tụ cứu nước, tù trong ngục tù được bước ra trong tiếng reo mừng

của dân chúng.

CHƯƠNG VI GIA TỘC HIỂN HÁCH CẢ CHÍNH TRỊ LẤN KINH DOANH

I. QUỐC CỬU HAI TRIỀU – GẶP VẬN GIÀU TO

"Đũa mốc" chòi "mâm son"

Năm 1917, sau một năm tên giặc dân tộc độc tài tàn ác Viên Thế Khải đi đòi, chính sự Trung Quốc chịu ảnh hưởng di hại do Viên để lại, càng nát như tương. Trước hết là "Tổng trấn thủ" của Lê Nguyên Hồng và "quốc vụ viện" của Đoàn Kỳ Thụy, không giúp gì được nhau, lần lượt sụp đổ, rồi đến mấy ngàn "quân đuôi sam" của Trương Huân Suất diễn một trò hề phục hồi, đến thì hấp tấp, đi cũng vội vàng. Trong những ngày tháng tối tăm không bến bờ ấy, Tống Tử Văn đã kết thúc năm năm sinh nhai ở nước ngoài, tìm đường về nước.

Sau khi về nước, trước hết Tống Tử Văn nhận lời mời làm thư ký cho văn phòng Thượng Hải của công ty trách nhiệm hữu hạn về mỏ và luyện kim Hán Dương Bình, một công ty lớn nhưng ít ỏi đếm trên đầu ngón tay ở những năm 20. Tổng giám đốc của công ty này là Thịnh Trạch Thừa, con của Thịnh Tuyên Hoài là người sáng lập ra công ty này và là cốt cán của phái sùng ngoại. Công ty này là một xí nghiệp liên hợp về mỏ và luyện kim cỡ lớn và sớm nhất ở Trung Quốc, chủ yếu là khống chế khai thác mỏ sắt Hán Dương, mỏ sắt Đại Dũ và mỏ than Bình Hương. Tống Tử Văn vừa rời khỏi ghế nhà trường nên nhiệt tình và cẩn thận với công việc, giải quyết công việc đâu ra đấy, rất được Tổng giám đốc tin cậy, thêm vào đó, Tống Tử Văn rất thạo tiếng Anh, nên Tổng giám đốc đã mời Tống Tử Văn về làm gia sư dạy tiếng Anh cho em gái mình là Thịnh Bản Như (tiểu thư thứ 7 của Thịnh Tuyên Hoài).

Vừa gặp được cô Bảy xinh đẹp hơn người lại đang tuổi dậy thì, Tống Tử Văn trở nên nghiêng ngả, lợi dụng gặp nhau trong "công tác", hạt giống tình yêu của họ bắt đầu nảy mầm đâm rễ. Đang giữa lúc đôi tình nhân đắm say trong mộng đẹp, chìm ngập trong tình yêu, gia đình họ Thịnh tuyên bố phản đối cuộc yêu đương này.

Đề tình cảm của mình không bị tổn thương và cuốn trôi, lại có mấy năm ăn cơm Tây ở Mỹ, Tống Tử Văn đã đem những quan niệm nhân quyền phương Tây như tự do luyện ái, tự do hôn nhân v.v... tranh cãi với gia đình họ Thịnh. Lúc đó, phong trào "ngũ tứ" còn chưa nổ ra, gia đình họ Thịnh chưa bị luồng tư tưởng mới dội tới bao giờ, nếp nghĩ lại vô cùng xưa cũ, chẳng những không thể hiểu nổi luyện ái quan của Tống Tử Văn, ngược lại còn thêm lời ác độc, nói Tử Văn là "đũa mốc chòi mâm son" rồi điều Tử Văn từ văn phòng Thượng Hải về trụ sở công ty ở Hán Dương làm

trưởng phòng kế toán, từ đó làm cho đôi tình nhân không còn dịp nào để gặp nhau.

Cách nhìn nhận đó của nhà họ Thịnh, đã làm tổn thương rất lớn đến lòng tự trọng của Tống Tử Văn. Tống Tử Văn vốn tự nghĩ rằng chuyện này quá là tốt, điều kiện các mặt của nhà mình không chê vào đâu được. Thứ nhất chị em nhà họ Tống ngay từ nhỏ đã được du học nước ngoài, đó là điều rất hiếm thấy ở Trung Quốc thời bấy giờ. Thứ hai là mức sống của gia đình họ Tống "xấp xỉ" với mức sống tiên tiến trên thế giới hồi bấy giờ, từ nội dung thư của Tống Ái Linh gửi cho bạn bè ở Mỹ đủ thấy: "Cuộc sống của chúng mình ở đây giống như các bạn. Phòng ở và quần áo của chúng mình cũng chẳng khác gì với châu Âu, thậm chí cách bài trí trong phòng cũng Âu hóa. Bởi vậy bạn có lúc có thể không nghĩ rằng tôi là một người bạn Trung Quốc xa xôi với đầy vẻ phương Đông mà nghĩ rằng tôi cũng như những người bạn Mỹ sống giữa thành phố đông vui. Bởi vì Thượng Hải quả thực hiện đại hóa nhiều lắm, có nhiều mặt, còn phồn hoa hơn cả Át-lan-ta. Phòng ở của mình rộng và rất dễ chịu, tất cả các thiết bị hiện đại cần gì có nấy, có rất nhiều phòng ngủ, bồn tắm và nhà vệ sinh hiện đại". Thứ ba là chị cả của Tống Tử Văn lấy Không Tường Hy, chị thứ hai lấy Tôn Trung Sơn, mà Tôn Trung Sơn lại là tổng thống nhiệm kỳ đầu tiên của Trung Hoa dân quốc. Tuy nhiên lúc này Tống Tử Văn còn chưa gặp vận, phải lánh mình một nơi, nhưng vẫn đang mong đợi có ngày vùng dậy từ đầu. Với một điều kiện hơn hẳn như thế, nhà họ Thịnh lại còn nhìn nhận rằng chưa phải chỗ môn đăng hộ đối, mà lại nỡ lòng rẽ thúy chia uyên. Tình hình về sau đã chứng tỏ nhà họ Thịnh có ôm khư khư quan niệm môn đăng hộ đối phong kiến cũ rích tự cho mình là cao sang là tầm nhìn nông cạn, nhìn người qua kẽ cửa – nàng Bảy của họ chẳng phải là "mâm sơn" và Tống Tử Văn cũng chẳng hề là "đũa mốc".

Tình duyên không thành, trong cơn uất hận, Tống Tử Văn đã bỏ công ty Hán Dã Bình, đến làm việc ở Ngân hàng thương nghiệp Liên Hoa, một thời gian sau lại nhảy sang công ty thực nghiệp Đại Châu, và ở đây chàng vẫn tỏ ra âu sầu, bất đắc chí, lại đến công ty tín dụng Thần Châu làm phó giám đốc, tự mình mua bán cổ phiếu của công ty mình, chưa được một năm thì công ty phá sản.

Năm năm đầu khi Tống Tử Văn mới về nước, lặn lội vào giới sản nghiệp, giới tiền tệ, biết bao nhiêu gieo neo. Tuy Tống có tiếp xúc với người chị thứ hai và anh rể thứ hai, nhưng không hề bị cuốn vào chính trị. Tôn Trung Sơn bấy giờ chí lớn còn chưa đền đáp, không những là cái gai trong mắt của bọn quân phiệt Bắc dương mà còn là đối tượng cho các phe nhóm ở phía nam lợi dụng, bài xích, không có cách nào tạo cho cậu em được có một không gian chính trị.

Sau khi từ bỏ Thịnh Cẩm Như, Tống Tử Văn quay sang lấy tiểu thư Trương Lạc Di, con gái nhà phú thương Trương Mưu ở Cửu Giang, Giang Tây còn trẻ đẹp hơn Thịnh Cẩm Như nhiều. Họ chung sống đến già, sinh được ba người con gái.

Năm 1923, sau khi Trần Quýnh Minh phản bội bị đuổi ra khỏi Quảng Châu, Tôn Trung Sơn từ Thượng Hải về Quảng Châu, xây dựng chính quyền cách mạng, ra làm đại nguyên soái hải lục quân. Đến tháng 3, sau khi thành lập soái phủ của đại nguyên soái, rất cần nhân tài đủ mặt, Tống Khánh Linh liền tiến cử với Tôn Trung Sơn người em trai lớn của mình. Lúc đầu Tôn Trung Sơn giao cho Tống Tử Văn chức thư ký Anh văn của đại bản doanh đại nguyên soái. Bởi thế, Tống Tử Văn mới mở đầu cuộc đời hoạt động chính trị hơn 20 năm.

Được Tôn Trung Sơn cất nhắc, Tống Tử Văn đã có đất dụng võ. Tháng 5 năm 1923, Tống Tử Văn được đề bạt làm phó giám đốc ngân hàng Trung ương đang trụ bị. Tháng 10 lại được giao làm giám đốc sở quản lý muối Lưỡng Quảng. Tháng 8 năm 1924, Ngân hàng Trung ương được thành lập, Tống Tử Văn đang ở tuổi nhi lập để đảm nhiệm Giám đốc ngân hàng. Ngoài ra, thời kỳ ở Quảng Đông, ông còn lần lượt làm ủy viên ủy ban tài chính của đại bản doanh, ủy viên ủy ban đầu tư thực nghiệp, ủy viên ủy ban chính lý thuế vụ, trưởng chi cục thuế Ấn Hoa Quảng Đông, ủy viên chính quyền tỉnh Quảng Đông, Trưởng ty thương vụ, chuyên viên hành chính các vùng phụ thuộc Quảng Châu.

Thời kỳ ở Quảng Châu, Tống Tử Văn sức lực dồi dào và vô cùng đặc chí. Ông dựa vào uy thế của người chị, học có chỗ dùng, phát huy được sở trường thể hiện đầy đủ năng lực quản lý tài chính của mình. Cùng với việc đã đạt được những thành tích nổi bật, Tống Tử Văn còn giành được danh vọng và tiền tài cho cá nhân mình, làm cho chức vụ quan tước của mình cứ lên vèo vèo như tên lửa.

Ngày 12 tháng 3 năm 1925 Tôn Trung Sơn còn chưa đến 60 nhưng mệt mỏi nên thành bệnh, nằm liệt giường. Săn sóc bên cạnh ông có phu nhân Tống Khánh Linh và người con cả là Tôn Khoa, có đại biểu Quốc dân đảng là Ưng Tinh Vệ, Ngô Trĩ Huy, Trâu Đỗ, Đới Quý Đào; có người anh đồng hao là Khổng Tường Hy và người em vợ là Tống Tử Văn. Tống Tử Văn cũng là đại biểu duy nhất của gia đình họ Tống ký tên vào "di chúc của thủ tướng", sau đó lại trông coi, phụ trách toàn bộ buổi công tế cho thủ tướng, và quá trình chuyển di bài ra khỏi chùa Bích Vân ở Tây Sơn.

Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, phủ đại nguyên soái đã sửa đổi, thành lập chính phủ Quốc dân. Chính quyền tỉnh Quảng Đông cũng được điều chỉnh theo. Tống Tử Văn được đảm nhiệm chức trưởng ty thương vụ, đến tháng 9 lại kiêm trưởng ty tài chính; đồng thời được thăng nhiệm bộ trưởng tài chính của chính phủ Quốc dân. Tháng 1 năm 1926 trong "Hội nghị trung ương lần thứ 2" của Quốc dân đảng, đã được bầu vào ủy viên trung ương và bộ trưởng Bộ thương vụ; tháng 6 kiêm chức ủy viên thường vụ của ủy ban quân sự trung ương và ủy viên thường vụ chính phủ Quốc dân đảng. Tháng 3 năm 1927, trong hội nghị trung ương lần thứ ba của Quốc dân đảng lại chuyển sang giữ chức ủy viên chủ tịch đoàn hội nghị chính trị trung ương,

ủy viên thường vụ của quân ủy trung ương và chính phủ Quốc dân.

Trong thời gian ba năm ngắn ngủi Tống Tử Văn từ một phó giám đốc công ty tiếng tăm mờ nhạt thăng lên đến chức tổng quản công tác tài chính cả nước tiếng tăm vang dội, từ dạng tép riu trong giới kinh doanh trở thành nhân vật khét tiếng làm mưa làm gió trong chính trị và kinh tế. Ông ta thăng tiến nhanh đến mức người ta phải tấm tắc ngạc nhiên – Đương nhiên trong đó cũng có sự vun vén của người anh rể, cũng có năng lực và tài hoa cả bản thân. Chính là cộng cả hai mặt đó, mới khiến cho Tống Tử Văn trở hết tài hoa mà lên thẳng một mạch.

Tống Tử Văn trong thời kỳ ở Quảng Châu, đã chủ trì và tham dự việc chế định và thực thi nhiều chính sách tài chính và tiền tệ quan trọng, nêu ra nhiều đề nghị để tăng nguồn thu tài chính

Đối với cao su, cotton, nguyên liệu hóa chất làm ra phân đạm như anhydric sunfuaric, nên trưng thu thuế nhập khẩu đặc biệt.

Yêu cầu mỗi nhà buôn ở Quảng Châu phải quyên góp cho nhà nước 500 đồng.

Tất cả những người vào ăn ở các tiệm ăn, khách sạn đều phải trả thêm 10% thuế phụ thu.

Thu thuế các đồ uống giải khát.

Trưng thu thuế cho người chuyên bán dược phẩm, đồ mỹ phẩm, đám cưới, đám ma và các nghi lễ tôn giáo.

Những biện pháp trên, thu được hiệu quả rõ rệt. Năm 1924 là bảy triệu chín trăm tám sáu ngàn đồng; năm 1925 tăng lên tới hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi hai ngàn (25.182.000). Và từ tháng 10 năm 1925 đến tháng 9 năm 1926, trong một năm Tống Tử Văn làm bộ trưởng tài chính, thu nhập tăng vọt lên hơn 80 triệu 200 ngàn đồng. Sở dĩ xuất hiện được cục diện tốt đẹp trước hết là do công của cuộc cách mạng Quốc dân lần thứ nhất đã triển khai thuận lợi. Đến 1925, Chính phủ Quốc dân đang thực sự thống nhất được tỉnh Quảng Đông, về mặt chính trị và quân sự đều có những uy quyền không thể tranh giành được, càng đảm bảo cho những biện pháp quản lý tài chính của Tống Tử Văn. Thứ đến cũng có nhân tố con người của Tống Tử Văn. Tống Tử Văn lúc đó không phải là nhà cách mạng chức nghiệp, cũng không phải quan liêu kiêu cử. Ông chẳng những thông thuộc những lý luận kinh tế tài chính cận đại của phương Tây mà còn có nhiều năm thực tiễn với cơ cấu tiền tệ trong và ngoài nước cũng như giới doanh nghiệp trong nước, đó là điều mà các thành viên khác trong chính phủ Quốc dân không sẵn có. Khi Tống Tử Văn làm bộ trưởng tài chính kiêm trưởng ty tài chính tỉnh Quảng Đông, đã từng nêu ra

việc không kiêm nhiệm cả trưởng ty thương vụ, nhưng chính phủ Quốc dân đã cân nhắc đến trong số người đông đảo để chọn lựa đó "người nào gần gũi các nhà buôn lại không có hiểu biết về chính trị, thương nghiệp", "người có học vấn lại chẳng dính dáng gì đến nhà tư bản và tình hình thương nghiệp", cân nhắc rất nhiều lần vẫn không chọn được người thích hợp, đành vẫn phải để Tống Tử Văn kiêm cả chức trưởng ty thương nghiệp. Cái ưu thế độc đáo đó, khiến cho ông ở trong cùng một hoàn cảnh nhưng có thành tựu lớn lao hơn so với người khác. Ngoài ra do sự thôi thúc của cao trào cách mạng lúc đó, Tống Tử Văn còn có một bầu máu nhiệt tình cách mạng, một tấm lòng hăng hái tràn trề và một tâm hồn trong sạch, vô tư, ông chẳng những nhờ vào thực tiễn của công việc từng gánh vác, lại dám mạnh dạn mở mang tiến thủ, bỏ cái cũ lập cái mới. Ông có quan hệ mật thiết với thương nhân, nhưng trong giao tiếp lại có nguyên tắc nhất định. Ông đã xác lập địa vị quyền uy của mình trong quyết sách về tiền tệ tài chính và hết sức tận dụng nó. Ông rất quan tâm đến hiệu suất, và kiểm tra theo dõi cấp dưới rất chặt chẽ, nhưng cũng rất chú trọng chế độ hóa cho các biện pháp. Ông chú trọng về hiệu quả thực tế, không ưa nói suông. Tháng 9 năm 1925 khi ông nhận chức bộ trưởng Tài chính của chính phủ quốc dân, đã từng nói với báo giới: "Xưa nay các quan chức tài chính, khi mới nhậm chức, không ai là không tuyên bố hứa hẹn hàng thoi dài những câu cũ rích không gì khác hơn là hứa sửa đổi thuế khóa lương bổng, xóa bỏ những gì chưa tốt đang còn rơi rớt lại v.v... một ngàn câu như một, nhưng khi bắt tay vào việc, xem đến sự thực của anh ta, chỗ nào cũng thấy còn rất xa những gì đã tuyên bố, hiệu lực của những lời tuyên ngôn của họ, chẳng khác là người phương Tây gọi là quyết tâm mới trong ngày tết, không lâu quá được 24 tiếng đồng hồ. Nay kẻ hèn này đã ôm ấp một tôn chỉ là gần bó với dân, nếu có thể làm được, cũng chẳng cần phải tuyên ngôn, mà cần có sự trợ giúp của công chúng trong xã hội, nếu không làm được, thì dù có tuyên ngôn, lẽ nào lại để thất hứa với người?".

Tống Tử Văn quản lý tài chính rất có hiệu quả, bởi vậy mà được chính phủ Quốc dân nhiều lần khen thưởng. Cuối năm 1925, trong lệnh khen thưởng Tống Tử Văn của chính phủ Quốc dân có những lời ca ngợi như: "Bộ trưởng này nhậm chức chưa đầy ba tháng, thu nhập tăng lên rõ rệt so với trước đó, cả hai lộ Đông và Nam đều không huy động quân lính, quân sự vẫn được dựa nguồn tiếp tế, đã tự chỉnh lý có hiệu quả, thu được thành tích tốt đẹp như vậy".

Thế nhưng theo đà tiến hành cuộc Bắc phạt và đẩy tới lưu vực Trường Giang, Tưởng Giới Thạch bắt đầu phản lại cách mạng, giết hại đảng viên cộng sản, trận tuyến cách mạng xuất hiện sự rạn nứt. Bởi vậy Tống Khánh Linh thề sẽ bảo vệ lý tưởng của chồng mình, tiến hành đấu tranh ráo riết và gay gắt với Tưởng Giới Thạch, còn Tống Tử Văn thì không chịu nổi sự căm dỗ của quyền lực và danh lợi, chia tay với chị hai của mình, trở thành tay sai của Tưởng Giới Thạch chống lại nhân dân.

Sự thay đổi phương hướng làm cho tính chất về vật chất trong quản lý tài chính của Tổng Tư Văn đã nảy sinh sự bất đồng về chất của vấn đề.

Làm bộ trưởng tài chính chẳng khác gì làm chó săn cho Tưởng Giới Thạch

Tháng 4 năm 1927 Tưởng Giới Thạch lập ra một chính phủ trung ương riêng ở Nam Kinh, tự phong là người đứng đầu trong đảng. Điều đó gây nên sự méch lòng rất lớn ở những người lâu năm hơn trong Quốc dân đảng (như Uông Tinh Vệ), "chống Cộng" sớm hơn Tưởng như các bậc đàn anh ở "phái hội nghị Tây Sơn", họ nhao nhao lên kéo bè kéo cánh, thành lập mặt trận, đấu đá nhau để tranh quyền đoạt lợi. Lúc đó hình thành ba trái núi, ba đảng bộ trung ương, tức là phía Nam Kinh, phía Vũ Hán và phía Thượng Hải. Đối với việc đó, Tưởng Giới Thạch – con người cầm báng súng nhưng lại rất thạo các ngón trò chính trị, đã lấy lui để tiến, đến ngày 13 tháng 8 năm 1927 thông báo bằng điện văn là sẽ rút vào hoạt động riêng lẻ. Trong thời kỳ này cuộc chạy đua luyến ái của Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh qua nhiều phen ngang ngựa, đã về đến đích. Tổng Tư Văn đã thay đổi thái độ phản đối trước đây, quay sang tán thành Tưởng Giới Thạch sắp thành chú rể út của gia đình họ Tống. Ngày 1 tháng 12 Tưởng Giới Thạch vào tuổi 40, mai nở đến lần thứ tư, lại làm "chú rể" lần nữa. Và chú rể đã chẳng có thì giờ để cặp kè với cô dâu sống trong tuần trăng mật được vì còn bận tâm vào việc chuẩn bị ngóc cổ ngoái đầu, vươn dậy một lần nữa. Qua một loạt các hoạt động, ngày 4 tháng 1 năm 1928, Tưởng Giới Thạch lại trở về tòa thành đá đã xa cách gần 5 tháng trời, để chủ trì công việc ngóc đầu dậy. Ngày 2 tháng 2, Quốc dân đảng họp hội nghị trung ương lần thứ 4 khóa 2, Tưởng Giới Thạch trở lại chức vụ cũ: Tổng tư lệnh quân đội cách mạng Quốc dân, Chủ tịch thường vụ trung ương Quốc dân đảng, Chủ tịch quân ủy trung ương, Chủ tịch hội đồng chính trị trung ương, Tổng tư lệnh tập đoàn quân số 1.

Trong quá trình Tưởng Giới Thạch tạm rút lui cho đến lúc ngóc đầu dậy, Tống Tư Văn đã gắn bó chặt chẽ với Tưởng, góp công sức nhiều cho Tưởng.

Sau khi Tưởng Giới Thạch phục chức, quyền lợi ở trong tay, lập tức trọng dụng ông anh vợ này. Từ năm 1928 trở đi, Tống Tư Văn làm bộ trưởng tài chính cho chính quyền Nam Kinh 6 năm. Trong thời gian ấy, ông ta còn kiêm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng khác: tháng 2 kiêm nhiệm chức ủy viên quốc phủ, tháng 4 kiêm nhiệm ủy viên thanh tra tài chính, ủy viên ủy ban ngoại giao, tháng 8 kiêm chức ủy viên dự toán, tháng 9 kiêm ủy viên cấm thuốc phiện, tháng 10 kiêm thống đốc ngân hàng trung ương. Tháng 1 năm 1929 kiêm chức ủy viên ủy ban xây dựng thủ đô, ủy viên ủy ban trị thủy Hoàng Hà, ủy viên ủy ban xây dựng nhà nước, ủy viên hội đồng quốc phòng, ủy viên thường trực ủy ban biên khiển quân đội Quốc dân, tháng ba được bầu làm ủy viên trung ương khóa 3 của Quốc dân đảng, tháng 5 làm ủy viên hội đồng chính trị Trung ương. Tháng 1 năm 1930 kiêm ủy viên quốc phủ và phó

viện trưởng Viện hành chính. Tháng 8 năm 1931 kiêm ủy viên trưởng ủy ban cứu tế nạn lụt, ủy viên ủy ban kinh tế toàn quốc. Tháng 8 năm 1932 kiêm quyền viện trưởng Viện hành chính, nắm toàn bộ quyền về tài chính. Trong một loạt những chức vụ đầu hàm đó, chẳng khó khăn gì mà chẳng nhận ra ngay quyền thế hiển hách như thế của Tổng Tử Văn với sự dễ mất, thiên vị của Tưởng Giới Thạch cho ông anh vợ.

Từ đầu năm 1928 đến cuối năm 1933, trong 6 năm Tổng Tử Văn làm bộ trưởng tài chính, chính là giai đoạn chính quyền Nam Kinh mới được xây dựng nên củng cố và mở rộng phạm vi thống trị của nó. Địa vị của Tưởng Giới Thạch không vững vàng, đôi lúc cũng bị thách thức khiêu khích. Những sự thách thức đến từ ba phía: một là phái chống lại trong đảng Hồ Hán Quân, Uông Tinh Vệ, Phái hội nghị Tây Sơn như Tôn Khoa v.v... không chịu sống dưới trướng của Tưởng Giới Thạch, nhiều lần muốn lật đổ Tưởng; hai là bọn quân phiệt địa phương như Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn, Thạch Hữu Tam, Đường Sinh Trí, Trương Phát Khuê, Lý Tôn Nhân, Trần Tế Đường v.v... không ít lần dấy binh lật Tưởng; ba là Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn thực hiện lý tưởng lúc ấy của mình – muốn cho người nghèo khổ trong thiên hạ được giải phóng triệt để, xây dựng căn cứ địa ở vùng núi khô cằn, Tưởng tuy biết rằng đó là mối hiểm họa chí tử, nhiều lần vây quét, đều không thành công. Đứng trước sự thách thức và khiêu khích ấy, Tưởng Giới Thạch vốn mê tín vũ lực, chưa từng giải quyết vụ nào qua đàm phán hòa giải mà chỉ dùng chiến tranh. Thế là mấy năm Tổng Tử Văn làm bộ trưởng tài chính, chiến tranh cứ như cơm bữa, năm nào cũng có tiếng súng đạn, tiếng than khóc. Tổng Tử Văn nắm khâu tài chính, bỗng trở nên một "sĩ quan quân nhu" cho Tưởng. Ông ta không ngừng tạo cho Tưởng nguồn "lương hưởng", thủ đoạn đó là:

1- Tăng thuế. Tháng 1 năm 1928, với danh nghĩa là "tăng giá muối quân dụng" thực hiện cân muối ở các bến của hai tỉnh Giang Tây và Triết Giang, ngoài chính khóa và thuế phụ thu, mỗi gánh còn tăng giá 1 đồng.

Theo sự tính toán của Tổng Tử Văn, như thế hàng năm cũng tăng thu được bốn năm triệu đồng. Ngày 15 tháng 2, qui định muối chở từ Hoài Bắc đi bán ở An Huy, Hà Nam mỗi gánh tăng 1,5 đồng thuế. Ngày 1 tháng 3, áp dụng biện pháp này ở khắp mọi nơi, qui định thống nhất, muối buôn ở các bến mỗi gánh tăng giá 1,5 đồng.

2- Thực hành cải cách thuế quan và thuế mới. Tháng 6 năm 1928, sau khi quân cách mạng Quốc dân đánh Bình Tây, đuổi thế lực Phùng Trương ra ngoài, Tổng Tử Văn cho rằng, điều kiện để Trung Quốc thực hiện tự chủ về quan thuế đã chín muồi dần, bởi vậy ông ta đã triển khai hàng loạt cố gắng về ngoại giao, ký với các cường quốc Mỹ, Anh, Pháp, Đức những điều ước về quan thuế, ở mức độ nhất định nào đó,

đã tự chủ về quan thuế, tìm ra được kẽ hở trong thể chế chặt chẽ của các cường quốc ở Trung Hoa. Ngoài ra Tống Tử Văn còn khôi phục và cải tiến quản lý nghề muối, khiến cho nguồn thu về thuế muối tăng lên rõ rệt.

3- Chấm dứt chế độ thu thêm, đánh giá chính ngạch. Chế độ thu thêm xuất hiện từ Thái Bình Thiên Quốc, kéo dài 80 năm dẫn đến chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị rất nặng nề, trở ngại lớn đến lưu thông hàng hóa, ảnh hưởng đến sự phát triển của sản xuất. Thí dụ chợ hàng bằng đay gai từ Huỳnh Xương của Tứ Xuyên đến Trùng Khánh cách nhau hơn 30 dặm, ngoài thuế chính ngạch ra, dọc đường còn phải nộp 15 khoản hà quyền tạp thuế khác; tơ ươm trên máy ở Tứ Xuyên, giá thành mỗi thùng hơn 500 lạng, nếu theo giá bán ra mỗi thùng 800-900 lạng, cũng còn có lãi, thế nhưng, "vẫn những nguyên nhân đủ loại hà quyền lạm thuế chồng chất lên, giá gốc lên đến một ngàn và một ngàn một trăm lạng, đến nổi lỗ vốn, nghề kéo tơ sắp phải đóng cửa. Thế là nghề nông nghề buôn cũng như làm thợ đều bị thiệt hại nặng nề, tài chính của nhà nước cũng bị thiệt hại". Thấy rõ mối nguy hại ấy, bèn bằng mọi cách vượt qua trở lực, cuối năm 1930 đã phát động chấm dứt tình trạng thu thêm.

4- Đẩy mạnh Ngân hàng trung ương, hạn chế ngân hàng thương nghiệp. Tháng 10 năm 1928, phía chính quyền Nam Kinh tuyên bố tổ chức ngân hàng trung ương, Tống Tử Văn được bổ nhiệm làm thống đốc, rút ra 10,4 triệu tiền mặt; 11,1 triệu tiền công trái. "Trung ương Ngân hàng" hưởng quyền phát hành phiếu hối đoái, đúc và phát hành tiền bạc, kinh doanh quản lý kho bạc nhà nước, kêu gọi mua bán kinh doanh công trái trong và ngoài nước v.v... trở thành ngân hàng nhà nước của chính phủ Quốc dân. Khi giới ngân hàng nhà nước ở vào địa vị Người cầm đầu được Tống Tử Văn hết sức nâng đỡ và cố gắng, ngân hàng trung ương xây dựng không lâu đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Từ những năm 1928 đến 1933 tổng số vốn tăng gần gấp 10 lần, số dư tồn khoản tăng gần 17 lần, phát hành tiền bạc tăng gần 7 lần, tiền lãi tăng gần 60 lần, đồng thời còn lập ra trong phạm vi cả nước các phân hàng, chi hàng, văn phòng đại diện ở Niu Yooc, Bec-lin, Giơ-ne-vơ, Luân Đôn, Pa-ri. Nhưng lúc đó mấy ngân hàng thương nghiệp tư nhân có thể lực hùng hậu cũng không chịu lép vế, đứng ra tranh chấp thị trường với ngân hàng trung ương. Tống Tử Văn đã áp dụng biện pháp – vừa dựa vào độc quyền vừa tham gia cổ phần, vừa dựa vào sức ép lớn về chính trị, vừa dựa vào thủ đoạn kinh tế hòng chế ngự họ. Trước hết ông nhằm thẳng vào hai trụ cột lớn về tiền tệ của chính phủ Bắc Dương là "Ngân hàng Trung Quốc" và "Ngân hàng giao thông", dùng mệnh lệnh ép hai nhà ngân hàng này phải chuyển cơ quan đầu não của nó từ Bắc Bình về Thượng Hải, để dễ bề sai khiến xoay sở, lại buộc "Ngân hàng Trung Quốc" tham gia cổ phần 5 triệu đồng, Ngân hàng giao thông 8 triệu. Đến tháng 10, tháng 11 năm 1928 lần lượt công bố điều lệ Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng giao thông, qui định Ngân hàng Trung Quốc lấy kinh doanh quản lý và hối đoái tiền tệ quốc tế làm nghiệp vụ chính

và có quyền phát hành phiếu hối đoái và tiền mặt, kinh doanh tiền tồn khoản và phối hợp xuất nhập khẩu v.v... Ngân hàng giao thông phụ trách cho vay vốn xây dựng, vay vốn buôn bán và một số nghiệp vụ khác. Bắt đầu đưa hai Ngân hàng này vào quỹ đạo tiền tệ của chính phủ Nam Kinh.

5- Phát hành công trái. Ngày 10 tháng 7 năm 1927, Tổng Tử Văn tuyên bố "quyên góp thêm" phát hành tiếp 16 triệu phiếu kho, sau đó lại phát hành 16 triệu phiếu thuế thuốc lá, công trái quân nhu 10 triệu. Theo thống kê từ 1927 đến 1934, chính phủ Nam Kinh đã phát hành tất cả 1.461 tỷ công trái, lượng phát hành trong bảy năm bằng số thu 2 năm của nhà nước, những tờ công trái đó lưu thông trên đường phố với 7 phần giá trị in trên phiếu. Nhưng Tổng Tử Văn bán cho ngân hàng do tài phiệt Triết Giang không chế với 5 phần giá trị. Như vậy Tổng Tử Văn và những người tiêu thụ thu khoản lãi kénh sù. Chính phủ Nam Kinh lợi dụng những công trái đó, để bù đắp quân lương, mua súng đạn, mua chuộc quân đội.

6- Thực hành thâm kế dự toán. Tổng Tử Văn là con người rất sùng ngoại, ông ta cho rằng bao giờ mặt trăng nước ngoài cũng tròn hơn mặt trăng nước mình. Cho nên ông đã dùng chế độ dự toán nước ngoài, bắt chước y xì, bệ nguyên xi vào Trung Quốc. Thế nhưng tất cả những kẻ thống trị Trung Quốc từ trước đến nay đều tự do thoải mái, muốn sao được vậy quen rồi. Họ không muốn lấy dây buộc vào chân mình, để phải chịu sự gò bó hạn chế của dự toán, cho nên bao nhiêu triệu đại xưa nay, kể cả quân phiệt Bắc Dương cũng chưa hề dự toán bao giờ.

Tổng Tử Văn mang danh là người tổng quản về kinh tế, coi dự toán là sự không chế điều chỉnh ở tầm vĩ mô, là liều thần dược để cân bằng thu chi. Lúc đó việc Bắc phạt lại mới hoàn thành, số quân quá đông, các khoản chi phí quân sự quá lớn, nguồn tài chính thu không đủ chi, nên thực sự làm cho người "tay hòm chìa khóa" này lại càng đề cao dự toán.

Muốn xác lập dự toán, cân bằng thu chi, việc trước hết phải tái giảm quân số và bớt chi phí quân sự. Dự định của Tổng Tử Văn có điểm hợp với mưu lược của Tưởng Giới Thạch, là làm giảm yếu, tranh cướp binh lực của các phe nhóm địa phương, cho nên Tưởng Giới Thạch đã ủng hộ.

Tháng 8 năm 1928, hội nghị trung ương lần thứ 5 khóa 2 của Quốc dân đảng quyết định thành lập ủy ban dự toán.

Năm 1931 lại thành lập cơ cấu dự toán độc lập của nhà nước – Cục chủ kế, 24 tháng 9 năm sau, ban hành "Luật dự toán".

Lúc đầu Tưởng muốn dùng dự toán là cái cớ để ép các phe nhóm địa phương cắt giảm quân số, thế nhưng cùng với sự suy yếu của quân lực các phe nhóm ở địa

phương, hình thức độc tài cá nhân của Tưởng Giới Thạch, chế độ "không được ủy ban dự toán phê duyệt, không được chi tiền; không được viện thẩm kế đối chiếu không được thanh toán" của Tống Tử Văn, thế tất sẽ gây nên sự bất tiện cho Tưởng muốn tự do sử dụng kho bạc nhà nước. Thế là quanh vẩn đề nghiêm chỉnh chấp hành dự toán, cặp em rể anh vợ đã sinh ra sự xung đột, đưa đến chỗ không vui.

Sau khi hoàn thành Bắc phạt, chi phí quân sự của chính quyền Nam Kinh vẫn áp đảo những khoản khác. Tổng số chi năm 1929 là 619 triệu thì chi phí quân sự lại chiếm 266 triệu, chi phí hành chính 146 triệu, xây dựng kinh tế không được chi đồng nào. Tổng số chi của năm 1933 là 828 triệu, chi phí quân sự tới 416 triệu, chi phí hành chính 171 triệu, kinh tế xây dựng vẫn chẳng được chi xu nào, còn lại đều để chi lãi cho các khoản nợ. Cho dù có là một nhà kinh tế xoàng xĩnh đến đâu, trước tình hình thu chi dự toán như thế này của một đất nước, cũng phải thấy là rất không bình thường, huống chi là Tống Tử Văn chẳng gì cũng mấy năm lăn lộn ở trường đại học Ha-vớt đứng đầu trên thế giới, đối với hoạt động kinh tế tồi tệ như thế này mà lại không thấy vấn đề gì. Trước vấn đề tỷ lệ không thích hợp giữa các khoản chi trong dự toán ngân sách nhà nước, Tống Tử Văn nhiều lần có ý kiến nêu ra với em rể, yêu cầu hạn chế chi phí quân sự và tỏ ra không hài lòng trước việc em rể không tôn trọng, tùy tiện sửa đổi cả dự toán.

Ngược lại Tưởng Giới Thạch cho rằng ông anh vợ này ấu trĩ quá, nếu như thời bình "làm việc theo hiến pháp và chính sách", thì còn bảo là mọi việc nghiêm chỉnh theo dự toán, và như thế còn nghe được; nhưng đang này thời buổi "điều chỉnh chính sách", về quân sự, vừa có sự bành trướng của "Cộng phi" lại còn bọn Lý Tôn Nhân, Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn, Đường Sinh Trí làm phản, chiến tranh chỗ này xuống thì chỗ kia lên, một bước còn khó, ai mà đi "dự toán" được qui mô của chiến tranh cũng như sự tiêu hao tốn kém. Bảo đảm mọi nhu cầu cho chiến tranh, giành thắng lợi, là cái "sườn" của mọi công tác. Không nắm chắc cái "sườn" này, tất cả đều chẳng nói được gì hết, cho nên Tưởng Giới Thạch coi chiến tranh là trên hết, quan trọng hơn hết, lớn hơn hết, đối với chi phí quân sự nhất định là phải chi theo yêu cầu, thực thi thực thanh. Nhưng Tống Tử Văn lại không theo cái lý lẽ ấy, cứ húc mãi vào sừng trâu. Với ông ta thì một chính quyền nên có trách nhiệm với dân chúng, liệu gạo mà nấu cơm, nếu cứ bóc ngăn cản dài, rồi giá hàng sẽ tăng, tiền mất giá, thì có khác gì mổ gà ra moi lấy trứng, cắt thịt đắp vào vết thương không?

Chi thích hò hét ra lệnh, một mình nói ai cũng phải nghe, phải vâng vâng dạ dạ, nên đối với cái kiểu ương bướng đó của Tống Tử Văn, Tưởng Giới Thạch quả thật là không quen mắt, nhưng nghĩ rằng dù sao cũng là anh vợ mình, nên Tưởng vẫn phải ngậm bồ hòn chưa dám giở trò gì.

Trung tuần tháng 4 năm 1933, trước tình hình quân Nhật được đảng chân lân đảng đầu, ngày một áp sát, để tìm kiếm sự ủng hộ và giúp đỡ về chính trị và kinh tế của các nước Tây Âu, với tư cách là viện phó Viện hành chính kiêm bộ trưởng tài chính, Tổng Tử Văn đã đi thăm các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ v.v... Từ ngày thành lập chính phủ Nam Kinh đến lúc này, đây là một quan chức cấp cao nhất đi thăm Âu Mỹ. Thời gian ở thăm nước Mỹ, Tổng Tử Văn đã ký với Mỹ hiệp định cho vay bằng bông và lúa mì, công ty tài chính Thiên Hậu của Mỹ đồng ý cho Trung Quốc vay 50 triệu đô-la. Hình thức chi tiền là 4 phần năm cho vay sẽ cấp bằng bông Mỹ; chỗ còn lại bằng lúa mì, Trung Quốc sẽ trả bằng bạc trắng, đảm bảo bằng "thống thuế", trả hết trong vòng 3 năm. Cho vay bằng bông và lúa mì vừa có ý nghĩa nước Mỹ bán được nông sản thừa ế, chuyển được sự bất lợi về nguy cơ kinh tế cho người khác lại vừa có mặt lợi của nó, vì đây là một nước lớn phương Tây đầu tiên kể từ khi có sự biến 18-9 đến lúc này đứng ra cho Trung Quốc vay tiền, không nghi ngờ gì, nó sẽ có tác dụng ngăn cản nhất định với phương châm mở rộng sự xâm lược của Nhật Bản hòng biến Trung Quốc thành thuộc địa độc chiếm của họ.

Tháng 8 năm 1933, Tổng Tử Văn kết thúc chuyến đi Âu Mỹ kéo dài 4 tháng. Sau khi về nước, ông ta phát hiện thấy trong thời gian mình đi vắng chính phủ đã vay nóng ngân hàng tới 60 triệu. Ngân hàng trung ương cũng đứng trong hàng ngũ đi vay nóng. Việc thu chi của cả một chính phủ xuất hiện sự mất cân đối nghiêm trọng. Tổng Tử Văn vốn hết lòng giữ gìn sự cân bằng đó, thấy vậy ông rất không vui, bèn gặp ông em rể lớn hơn mình 7 tuổi để "lý sự". Tưởng đã trách anh vợ tỏ ra không tích cực với việc "tiểu Cộng" lẽ ra đã thành công từ lâu rồi! Tổng Tử Văn thì cãi lại rằng cuộc chiến tranh "tiểu Cộng" bất lợi không phải do ông ta gây nên. Mấy năm nay mỗi lần rút tiền ra, đều dốc hết cho chi phí quân sự. Trong khi "lý sự" với nhau, hai bên đều nổi nóng, sự tức giận dồn nén lâu ngày nay như thác nước dòn phá ra, hai vị thân tình cãi nhau một trận nên thân! Tổng Tử Văn lòng chưa hết tức giận, ngày 28 tháng 10 năm 1933 đã làm đơn xin từ chức: "Tổng Văn tôi kính thưa lên, từ sau sự biến 28-1, làm công tác tài chính, chống đỡ rất gian nan, lòng luôn tận tụy, nay đang giữa lúc có nhiều khó khăn lộn xộn, lại thấy mình sức yếu tài hèn, nếu cứ làm mãi, e rằng sẽ làm lỡ việc lớn cho đảng cho nước, kính xin cho tôi được từ chức bộ trưởng tài chính và các chức vụ khác, không giữ chức gì nữa và cầu xin được vậy".

Ngày hôm sau, hội nghị chính trị trung ương và hội nghị thường vụ trung ương Quốc dân đảng lần lượt "phê chuẩn" Tổng Tử Văn từ chức bộ trưởng tài chính và viện phó hành chính, đồng thời bổ nhiệm anh rể của Tổng là Không Tường Hy thay thế.

Khác với hai lần trước đây Tổng Tử Văn từ chức (lần tháng 8 năm 1928 do hội nghị thực thi về biên chế điều hành trong quân đội, lần thứ hai tháng 6 năm 1932 do chi vượt dự toán), lần này sau khi Tổng Tử Văn đưa đơn từ chức, chính phủ Quốc

dân không hề gửi điện tỏ ý giữ lại, các nhân vật tai to mặt lớn của Quốc dân đảng và chính phủ cũng chẳng ai ra mặt khuyên can. Điều đó quả thực khiến cho Tống Tử Văn vốn muốn lùi để mà tiến, diễn lại vở cũ, làm mình làm mẩy, từ chức là vờ mà nài ép thực lúc này bỗng thấy hụt hẫng và sợ hãi. Ngày 30 tháng 10, gặp nhà báo "hơi có chút cảm khái", khi trả lời nguyên nhân từ chức, càng tỏ ra ấp a ấp úng, định nói gì lại thôi, lúc đầu thì bảo rằng mình "tài sức không đủ để ứng phó với khó khăn của nhà nước, nên từ chức", nhưng như thế lại hạ thấp mình mất, tự mình lại vả vào mặt mình, như vậy thiếu công bằng quá; thế là ông ta lại chuyển sang nói rằng cái gọi là "tài sức không đủ" chỉ là một cái cớ. Khi nhà báo hỏi rằng ông từ chức phải chăng vì lý do sức khỏe, đối với cái thứ vả che mặt mà các quan chức khi bị hạ bệ thường dùng đó, Tống Tử Văn đã cười chua chát và mỉa mai: "Xưa nay quan lại từ chức, mười người đến chín là đưa ốm đau, nên để lại tiếng cười là con bệnh Đông Á, còn tôi vốn ít ốm đau, đi thăm nước ngoài về, lại càng khỏe như trâu, nói ốm đau chẳng hợp một tí nào, nên nói toạc ra là tài sức không đủ".

Vì nể mặt em rể, Tống Tử Văn – con người xưa nay vốn xung hô thẳng thắn và thoải mái, trong khi các nhà báo phỏng vấn, ông ta tránh không nói ra, chỉ trong trường hợp riêng lẻ, ông ta mới vuốt ngực mà than thở: "Làm bộ trưởng tài chính, chẳng khác gì làm con chó cho Tưởng Giới Thạch".

Tiền của – sự cảm dỗ khó ngăn.

Mất con săn sắt lại bắt được con cá sộp, đang vào tuổi "bất hoặc" lại "còn khỏe như trâu", sau khi rời khỏi trung tâm quyền lực của Quốc dân đảng, Tống Tử Văn không chịu ngồi yên. Ông quyết định bỏ nghề chính trị quay sang nghề buôn. Trong 10 năm làm chính trị ông đã xây dựng một mạng lưới quan hệ rộng lớn trong giới quan trường, giới doanh nghiệp, giới tiền tệ, đã tạo cho ông một mảnh đất và một môi trường như cá gặp nước để kinh doanh làm giàu. Đúng như lời ông Vương Nam Á đã nói:

"Thời gian dài sống ở quan trường và hoạt động chính trị, đã đem lại cho những người làm quan... thậm chí cả những người đã từ quan trường bước ra một thứ thực lợi về kinh tế, xã hội, hoặc là hàng loạt những đặc quyền tuy không thành văn quy định rõ ràng nhưng vô cùng thực tại. Những thực lợi và đặc quyền đó... về ý nghĩa tích cực mà nói, tức là đã làm tăng tài sản của họ lên. "Làm quan phát tài", hai thứ đó bao giờ chả song đôi với nhau".

Chính nhờ có mạng lưới quan hệ đó mà việc làm ăn của Tống Tử Văn không tồi tệ như hồi đầu mới về nước, mà lúc nào cũng đầy ắp những khuôn mặt cười, những bó hoa tươi và những chén rượu mừng. Công ty của ông cứ như gà đẻ trứng, trứng lại thành gà, nhanh chóng sinh sôi nảy nở thêm, mở rộng ra, việc làm ăn của ông

ngày càng phát đạt, vốn liếng của ông cứ như bàn chân dính đất, càng dính càng to. Đứng trước tình hình đó, mỗi tế bào kinh tế trên người của Tống Tử Văn đều được mang ra để hoạt động, tiền của trở thành mạng sống trước hết của ông ta, phát tài trở thành nhu cầu trước hết của ông ta. Để phát tài, ông ta không ngừng tìm cách, không trừ một thủ đoạn nào. Nói tóm lại thủ đoạn làm giàu của ông gồm có bốn loại sau đây:

Một là không chế ngân hàng, nắm lấy tiền tệ. Tống Tử Văn coi ngân hàng là cái cây hái ra tiền, là cái vũng đọng của. Năm 1934, Tống Tử Văn đã liên lạc với đồng đảo những vị đầu sỏ trong giới kinh doanh tiền tệ và những ngân hàng vốn có ảnh hưởng, tổ chức ra công ty ngân hàng kiến thiết.

Vốn lúc đầu của công ty là 10 triệu, chia thành một triệu cổ phần. Trong một triệu cổ phần đó, 60% do các ngân hàng Trung Quốc, giao thông, trung ương... nhận mua. Có 98 người lấy danh nghĩa cá nhân đứng ra nhận cổ phần, trong đó chỉ 13 người đã nhận quá nửa số cổ phiếu, họ là Vũ Thị Thanh, Lý Thụ Phấn, Tống Tử Văn, Tịch Đức Mậu, Lý Thạch Tăng, Giả Nguyệt Sâm, Tống Tử Lương, Lương Tĩnh Giang, Trần Tế Khang, Bối Tổ Di, Từ Thâm, Không Tường Hy, Diệp Trác Đường...

Trong đại hội cổ đông lần thứ nhất, Không Tường Hy được bầu làm chủ tịch hội đồng quản trị (Ông ta chỉ treo đầu dê bán thịt chó, không làm thực sự), còn người điều hành mọi công việc của công ty là ủy viên hội đồng quản trị Tống Tử Văn, tổng giám đốc công ty là Tống Tử Lương, em ruột Tống Tử Văn (khi còn nhỏ lưu học ở Mỹ, sau khi về nước làm bí thư ở bộ ngoại giao và vụ trưởng tổng vụ, ủy viên thường trực hội đồng quản trị và giám đốc phối hợp công ty than Lục Hà). Em út của Tống Tử Văn là Tống Tử An (sau khi tốt nghiệp đại học Xanh-jôn, đi du học ở Mỹ. Đã từng nhậm chức giám đốc sở quản lý nghề muối Tùng Giang) được chọn vào ban thanh tra gồm bảy người. Có thể nói, ngân hàng xây dựng trở thành mảnh trời riêng của gia đình Tống Tử Văn.

Công ty ngân hàng kiến thiết do Tống Tử Văn làm chủ trì đã lợi dụng đặc quyền và sức ảnh hưởng của ông ta, dẫn tới nhiều hạng mục lời lãi béo bở. Thí dụ công ty sửa chữa đường sắt Thượng Hải – Hàng Châu – Ninh Ba, xây dựng công ty điện khí Dương Tử (các đơn vị phụ thuộc của nó là nhà máy điện Thủ Đô, nhà máy điện Thích Thụ Yên, công ty thủy điện Hán Khẩu Ký Tế), tiếp thu mỏ Hoài Nam, không chế sở giao dịch chứng khoán, thiết lập công ty cao su Trung – Mỹ... Từ khi có ngân hàng kiến thiết Trung Quốc, nguồn vốn đến ùn ùn. Năm 1936 (năm thứ hai sau khi công ty này ra đời) đã thu lãi 19,14 triệu đồng.

Cướp đoạt Trung Quốc ngân hàng. Trung Quốc ngân hàng là một ngân hàng thương nghiệp có lịch sử lâu đời, thế lực của nó lúc bấy giờ là đứng hàng đầu, các

mặt nghiệp vụ đều trội hơn hẳn ngân hàng trung ương của Quốc dân đảng, bởi vậy, Tổng Tử Văn đã sớm có mưu đồ đặt ngân hàng Trung quốc dưới tầm khống chế của mình. Ngay từ năm 1928, khi ông ta còn làm bộ trưởng tài chính, đã ép buộc Trung Quốc ngân hàng để cho đầu tư cổ phần là 5 triệu, nhưng cũng mới chiếm 1/5 toàn bộ cổ phần của Trung quốc ngân hàng, chưa đủ để làm chúa tể ngân hàng này. Năm 1935 chính phủ Nam Kinh phát hành một trăm triệu đồng công trái tiền tệ, trong đó có 25 triệu là phía nhà nước góp cổ phần vào Trung Quốc ngân hàng, và như vậy đã vượt cổ phần tư nhân 10 triệu đồng. Đối với việc cướp đoạt khéo léo như thế của nhà cầm quyền Quốc dân đảng, những vị triệu phú kè kè túi bạc của Trung Quốc ngân hàng vô cùng ám ức, nhưng cũng chẳng biết làm thế nào. Cứ như thế, thống đốc Trung quốc ngân hàng Trương Gia Ngao vốn cứng đầu cứng cổ rồi cũng bị hạ bệ, Tổng Tử Văn hễ hả đặc chỉ thay thế vào vị trí đó.

Khi đã nắm được cánh tay không lồ về tiền tệ là Ngân hàng Trung Quốc, Tổng Tử Văn như hổ mọc thêm cánh. Ông ta dựa vào nhiều mối quan hệ đặc biệt với các nhà đương cục Quốc dân đảng, dựa vào cái ô và ngọn cờ của em vợ, của anh rể, lấn át mạnh mẽ vào ngành tiền tệ và ngành thương nghiệp của dân tộc, từ khống chế đi đến tước đoạt.

Quảng Đông ngân hàng là một ngân hàng có vốn của Hoa kiều ảnh hưởng khá rộng lớn, tháng 9 năm 1935 đã vỡ nợ và sụp tiệm. Năm sau, Tổng Tử Văn đã đầu tư và cải tổ ngân hàng này và để em trai mình là Tổng Tử An làm chủ tịch hội đồng quản trị.

Công ty thuốc lá Nam Dương là một hãng thuốc lá tư doanh lớn nhất trong nước thời bấy giờ. Năm 1937, lợi dụng khó khăn của công ty này trong kinh doanh, cũng như lực đực nội bộ trong gia đình chủ hãng, Tổng Tử Văn đã nuốt chửng cả công ty này, tự đứng ra làm chủ tịch hội đồng quản trị, hai em trai làm ủy viên của hội đồng.

Hai là lập các công ty. Dựa vào hai người em trai và những người thân tín, Tổng Tử Văn đã lập ra nhiều công ty. Trước kháng chiến, gia đình họ Tống đã lập Công ty ngành bông của Trung Quốc, Công ty gạo Hoa Nam, Công ty liên doanh quốc hóa, Công ty sản vật Trung Quốc... Trong thời kỳ kháng chiến lại thành lập các công ty như Công ty mậu dịch ngành bông Trung Quốc, Công ty quốc hóa Trung Quốc Trùng Khánh, Công ty thực nghiệp Tây Ninh, Công ty vận tải Tây Nam, Công ty thực nghiệp hữu hạn Ung Hưng, Công ty mậu dịch Hoàn Cầu, Công ty cung ứng vật tư quốc phòng Trung Quốc... Sau khi chiến tranh kết thúc lập lại các công ty như Công ty Phù Trung, Công ty mậu dịch xuất nhập khẩu Trung Quốc, công ty mậu dịch thống nhất, Công ty Lợi Thái. Ở Trung Quốc thời bấy giờ, về mặt lập công ty chỉ có người duy nhất so bì được với Tổng Tử Văn là Khổng Tường Hy anh rể của ông ta.

Các công ty của Tống Tử Văn có diện phân bố rộng, đối tượng tiếp xúc cũng đều khắp, các ngành chính như điện lực, hóa học, ngoại thương, quân dụng, xe hơi, hàng không, tiền tệ... hầu như không ngành nào không có, không ngành nào không ôm đồm. Điều chủ yếu là các công ty của Tống đều có tính lũng đoạn rất mạnh, như công ty ngành bông Trung Quốc, nắm hết thị trường bông vải sợi Trung Quốc thời ấy, công ty gạo Hoa Nam, chuyên vận tải gạo nhập khẩu, công ty mậu dịch Hoàn Cầu ở New York, Công ty cung ứng vật tư quốc phòng Trung Quốc ở Oa-xinh-ton đã bao biện hết việc vận chuyển trên bộ các vật tư của Mỹ viện trợ cho

Trung Quốc sau chiến tranh. Cái kiểu cạnh tranh không chính đáng bằng cách lũng đoạn đó, là đặc điểm nổi bật của các công ty của Tống, và đó cũng là sản vật của sự đặc quyền.

Ba là giàu lên trong tham ô. Tháng 6 năm 1940, Tống Tử Văn lại được trọng dụng, với tư cách là đại biểu riêng của Tưởng Giới Thạch sang Mỹ để tranh thủ thêm về viện trợ tài chính. Ông ta tìm mọi cách luôn lách, giao du rộng rãi với những nhân vật trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến nhà trắng, quốc hội, bộ tài chính và cả lầu năm góc, thiết lập một mạng lưới quan hệ. Đúng như lời ông ta đã nói trong một điện báo gửi về cho Tưởng Giới Thạch: "Thời gian ở Mỹ, lúc đầu cứ làm theo lối cũ, chẳng có cách gì, đến đâu cũng gặp trở ngại. Hai tháng gần đây mới bắt đầu hé ra lối đi, và đi theo con đường ấy, mới có thể giúp sức cho bề trên được". Qua việc vận động phía sau, Tống Tử Văn đã tranh thủ được vật tư, tiền bạc của Mỹ viện trợ Trung Quốc (đương nhiên chủ yếu là do sự thay đổi hình thế của phong trào chống phát xít của quốc tế, nước Mỹ mới dần dần từ bỏ chủ nghĩa cô lập).

Để tiếp nhận khoản viện trợ của Mỹ cho Trung Quốc trong và sau chiến tranh, Tống Tử Văn đã thành lập ở Mỹ công ty mậu dịch Hoàn Cầu và công ty cung ứng vật tư quốc phòng Trung Quốc, phụ trách thu mua vũ khí, quân nhu. Từ trong đó, Tống Tử Văn đã vợ lấy túi tham, biến của công thành của tư, mức độ đen tối trong thủ đoạn của ông ta, thật không ai bì được, thí dụ như khi thu mua, đã tiếp nhận những khoản biến tướng của hối lộ như chiết xuất, hoa hồng, dịch vụ phí, tiêu thu phí, đại lý phí... rồi báo khống trong sổ sách, nâng giá mua, bịa ra phí bảo quản, vừa đá bóng vừa thổi còi, đến lúc hàng về đến Trung Quốc lại do chính công ty của Tống tuồn ra bán chợ đen...

Tuy rằng những thủ đoạn ăn sống nuốt tươi các khoản viện trợ mà Tống Tử Văn áp dụng rất kín đáo, nhưng vẫn bị quan sát viên của Mỹ tại Trung Quốc là Giác-xê-uê-t phát hiện. Trong báo cáo của ông ta với cục điều tra liên bang Mỹ tháng 1 năm 1943 đã chỉ ra, gia tộc họ Tống "luôn luôn phát điên lên vì tiền, tất cả mọi hành động của họ đều do ham muốn vợ vét tiền của xui khiến", họ "đang tiến hành một âm mưu lớn lừa dối người Trung Quốc, đó là lừa gạt để lấy được những vật mà người

Trung Quốc có thể có được một cách xứng đáng qua "pháp án thuê, vay", rồi chuyển một phần lớn số tiền đó thành của riêng gia tộc họ Tống".

Vật tư của "pháp án cho thuê cho vay" đến nay đã phân phối được cho Trung Quốc khoảng 500 triệu đô-la, trong đó một phần lớn, cuối cùng đã chuyển sang thành của nhà họ Tống.

Trong một báo cáo Tống Tử Văn gửi đến Trùng Khánh nói một chiếc tàu trên chở 60 xe tăng kiểu mới của Mỹ và nhiều vật tư chiến tranh rất đắt tiền đã bị đắm, mà con tàu này chưa hề bao giờ chở theo xe tăng rồi bờ tây nước Mỹ, và nước Mỹ cũng chưa bao giờ chế tạo loại xe tăng đó. Đó là lời thuyết minh xác thực nhất đối với những gì mà nhà họ Tống đã làm; họ dùng biện pháp này để rút khoản kinh phí chế tạo 60 xe tăng trong "Pháp án cho thuê cho vay" ra, chuyển về tay mình.

Bởi thế, Tờ-ru-man mới nổi nóng lên nói:

– Chúng là những tên ăn cướp, con mẹ chúng nó, tất cả đều là cướp! Chúng nó đã rút từ trong 3,8 tỷ đô-la mà chúng ta gửi cho Tưởng ra tới 750 triệu đô-la!

Bốn là lợi dụng tình báo kinh tế để đầu cơ. Tống Tử Văn đã lợi dụng việc nắm quyền quản lý để làm mưa làm gió, tiến hành đầu cơ trên thị trường chứng khoán. Năm 1943 và năm 1946, hai lần, "phong trào hoàng kim", gia tộc họ Tống đều bị lôi cuốn vào, và kiếm được cơ man nào là tiền của.

Do Tống Tử Văn có máu tham tiền, thấy của là sáng mắt ra, vợ vét ở mọi nơi, tiếng tăm rất tồi tệ, bị nhiều người khinh rẻ, Hồ Thích gọi ông là "hạng tiểu nhân tự tư tự lợi".

Tống Tử Văn hoạt động nhiều năm ở quan trường, vừa làm quan vừa đi buôn, công tư không rành rọt, tích góp được khá nhiều tiền của, người đời không sao mà biết rõ được.

Mấy chục năm ấy, người ta nói mỗi người một khác, có người bảo "70 triệu đô-la", "bốn trăm bảy mươi triệu đô-la", có người còn đoán là "mấy tỷ đô-la", "800 triệu đô-la". Con số chuẩn xác là bao nhiêu, duy nhất chỉ có mình Tống Tử Văn biết, thế nhưng có đến chết cũng chẳng khi nào ông ta có đủ dũng khí để công bố thu nhập thực tế của mình. Điều đó chứng tỏ trong lòng ông ta có điều mờ ám.

Bất kể là ước tính thế nào, có một điểm không thể phủ nhận được Tống Tử Văn là một trong những người giàu nhất Trung Quốc, mà tiền bạc ông có được không rõ ràng, không trong sáng.

Do Tống Tử Văn có máu rất tham tiền, tác giả cuốn "vương triều họ Tống" đã

miêu tả hình tượng của ông ta khéo léo như thế này: "Tống Tử Văn có tướng ngũ đoản, một bộ mặt luôn "cổng hỷ phát tài", trong cái vẻ hòa nhã dễ gần lại hàm chứa một cái gì ráo riết ghê gớm, giống như cái đầu người trên đồng tiền, cười có vẻ gượng gạo. Ông ta có nhiều tâm sự. Vẻ ngoài tựa hồ như gần lại như xa với mọi người, lại thêm đôi kính đen tròn xoe mà ông ta đeo càng gây ấn tượng. Như thế là ông ta cũng gây cho người ta một ấn tượng không chệ vào đâu được. Có người bảo ông ta chỉ thích xem những chỗ vụn vặt trong sổ sách, thích ở sở giao dịch Chi-ca-gô giúp người ta đoán định phương hướng, làm những cuộc buôn bán có lời, để kiếm chút màu mè. Môi ông ta hình như lúc nào cũng ướt loang loáng".

Một đời sáu lần chết hụt

Đường học hành, vươn lên của Tống Tử Văn quá ư thênh thang, chưa đến tuổi trung niên đã nắm cả huyết mạch của một nền kinh tế cả nước, quản lý tài chính, tay hòm chìa khóa cho Tưởng Giới Thạch, cho nên ông ta cũng là một đối tượng mưu sát của phe chống Tưởng.

Lần đầu tiên là tháng 3 năm 1927, khi Tống Tử Văn giữ chức bộ trưởng tài chính của chính phủ Quốc dân Vũ Hán. Người nước ngoài ở tô giới Vũ Hán phản đối phong trào cách mạng quốc dân do Quốc – Cộng hợp tác lãnh đạo, đã mua chuộc và thuê mướn một số du côn để hoạt động phá hoại gây rối. Một tên Bạch Nga đã giấu vũ khí trong người, lén vào bộ tài chính, may sao đã phát hiện được, khi xét hỏi y đã tự khai là vào mưu sát Tống Tử Văn.

Lần thứ hai là vào ngày 23 tháng 7 năm 1931, nhằm mưu sát Tưởng Giới Thạch, Tống Tử Văn nên phe chống Tưởng đã tìm ra tên giết người khét tiếng số một ở Trung Quốc bấy giờ là Vương A Tiều, trả giá cho y 200.000 đồng. Vương A Tiều lợi dụng những dịp Tống Tử Văn thường xuyên đi lại giữa Nam Kinh và Thượng Hải, định lập mưu giết Tống Tử Văn ở ga Bắc Thượng Hải. Trước hết, Vương cho tay chân ẩn náu sẵn ở Nam Kinh để theo dõi hành tung của Tống Tử Văn, sau đó dùng tiếng lóng điện báo xuống Thượng Hải. Vương được tin báo, bố trí hành động ngay trong đêm. Sáng sớm ngày 23 tháng 7, đoàn tàu chở Tống Tử Văn vừa đến ga Bắc Thượng Hải, vừa xuống xe một lát, tiếng súng nổ ran. Đường Du Lu, thư ký của Tống Tử Văn, mặc áo như Tống Tử Văn và xách cặp của Tống Tử Văn đã trúng đạn gục ngay tại chỗ, thích khách tưởng làm rằng đã thành công, nhanh chóng rút khỏi hiện trường.

Tống Tử Văn được thoát chết đã tả lại cảnh tượng kinh hoàng ấy như sau: "Cách chỗ cửa ra chừng hơn chục thước, bỗng có người từ hai phía bắn về phía tôi. Tôi biết ngay mình là mục tiêu của chúng. Thế là tôi bỏ ngay cái mũ trắng đang đội trên đầu xuống, trong nhà ga còn tranh tối tranh sáng, cái mũ này tỏ ra lộ liễu quá, tôi vội

lên vào giữa đám đông, núp sau một cây cột... Qua đến năm phút sau, nhà ga mới yên ắng lại, đội vệ binh của tôi phát hiện thấy bốn thích khách ít nhất phải có tới bốn tên, nhưng cũng có thể còn có những tên chưa phát hiện thấy. Ở chỗ khói đạn vừa tan, người ta phát hiện ra người thư ký luôn đi sát bên tôi, bụng ngực cánh tay đều bị trúng đạn. Đạn từ hai phía bắn tới anh ta, mũ và cặp tài liệu anh mang đều bị thùng nhiều lỗ, rất lạ là tôi cao hơn anh ta khá nhiều mà chẳng hề xây xước".

Tổng Tử Văn vừa thoát chết lại nghĩ đến cảnh thương tâm của người thư ký vừa bị giết, tự nhiên thấy xót xa, kinh sợ. Như một con chim bị nạn thấy làn cây cong, trong lòng ông ta đầy ắp nỗi lo âu nên đã cho tăng cường lực lượng bảo vệ. Đúng vào ngày ông ta bị bắn hụt, bà Nghê Quế Trân mẹ đẻ của ông ta ốm chết ở Thanh Đảo. Tổng Tử Văn xưa nay vốn là con người hiếu thảo, thế nhưng mẹ ông ta chết lại không đúng lúc, nếu làm đám tang lớn, e rằng sẽ nguy hiểm, nếu làm xoàng xĩnh quá, lại thấy không đang tâm.

Với thói hư vinh rất nặng nề, kết quả suy đi tính lại của Tổng Tử Văn vẫn là làm đám tang thật lớn. Chính phủ Nam Kinh ban tặng cho bà mẹ vợ của Tưởng Giới Thạch một bức trướng trên đề bốn chữ "Hiếu Trung báo quốc". Thi hài của Nghê Quế Trân đưa về Thượng Hải. Từ khi Tổng đứng túc trực thi hài cho đến lúc chôn cất đều áp dụng những biện pháp an toàn rất chặt chẽ. Ngày 18 tháng 8 là ngày mai táng, những yêu nhân của Quốc dân đảng và nhà nước đến đưa tang đông chật cả đường đi. Sợ rằng có kẻ trà trộn hòng đục nước béo cò, Tổng Tử Văn đã phải hết sức cảnh giác đề phòng bất trắc.

Lần thứ ba chết hụt là ngày 28 tháng 11 năm 1931, công quán của Tổng Tử Văn ở gần Bắc Cực các ở Nam Kinh bị cháy, do cứu chữa kịp thời nên chỉ bị cháy có hai gian nhà, Tổng Tử Văn thoát được cơn hỏa hoạn này.

Lần thứ tư là vào ngày 12 tháng 12 cùng năm ấy, Bộ tài chính ở gần Thiết Dụng Trì Nam Kinh cũng bị hỏa hoạn, chưa đến một tiếng đồng hồ cháy mất năm tòa nhà. Người ta bảo mục đích của bọn gây cháy nhà là muốn đốt chết Tổng Tử Văn. Nhưng hôm ấy Tổng Tử Văn lại đang ở Thượng Hải.

Lần thứ năm là ngày 2 tháng 1 năm 1932, ngay ở nhà mình trong tô giới của Pháp tại Thượng Hải, Tổng Tử Văn đã phát hiện ra một trái lựu đạn.

Vén vén có nửa năm trời mà năm lần chết hụt, quả thật khiến Tổng Tử Văn vừa sợ vừa tức. Bởi ông ta nghĩ rằng mình vốn chỉ là một quan văn, không cần thiết phải xông pha nơi mũi tên làn đạn, tính mạng chẳng có gì nguy hiểm. Ấy thế mà lúc này bọn giết người lại khiến cho tử thần cứ bám riết lấy ông ta không chịu buông tha thì làm sao mà không tức giận và lo lắng đến mất ăn mất ngủ? Ông trông đợi Đới Lập là đầu sỏ quân thống sẽ ra tay giúp đỡ để trừ bỏ lưỡi hái của tử thần

luôn lúng lờ trên đầu ông ta. Đới Lập tổ chức lòng bắt Vương A Tiều ở khắp nơi nhưng đều chưa được.

Lần thứ 6 vào khoảng tháng 8 năm 1933, Tống Tử Văn đi thăm Mỹ về qua cảng Hoàn Tân của Nhật Bản, một phần tử phát xít định hành hung khi ông lên bờ, nhưng việc không thành. Đến năm 1936 quân của Đới Lập đã hạ sát được tên Vương A Tiều vốn có hành tung rất không ổn định, ẩn hiện như ma quỷ. Như thế cũng bằng cho Tống Tử Văn uống một liều thuốc trấn an nên Tống tổ ra vô cùng cảm kích và thế là ông ta trở nên gần gũi với con quỷ giết người này.

Bạn đồng liêu cao cấp của Tưởng Giới Thạch, tên đặc vụ cốt cán của quân thống Đường Tung, trong nhật ký của mình ngày 18 tháng 8 năm 1944 có đoạn: "Đới nhận thức về con người sâu thêm một mức. Để đối phó với Tống Tử Văn, hắn có hai bảo bối, một là uy lực của đặc vụ, một nữa là gái đẹp mê hồn. Vụ Vương A Tiều là mở đầu cho sự thay đổi về cách giao du. Tống cảm thấy rằng Đới rất có sức mạnh, ở Hong Kong, hắn đã chuẩn bị cho Tống một cô em gái, con gái bà Dung rất nổi tiếng, vừa mới 16 tuổi. Người con gái xinh đẹp này đã làm cho lòng Tống xao xuyến. Bà Dung là chỗ dựa nhân ái non vợ chồng với Đới, nếu cô Dung con gái bà mà được yêu mến, thì chẳng phải hắn lại thành một Lã Bất Vi nữa hay sao? No lung âm cất dậm dật mọi nơi, Tống Tử Văn lúc này vốn có rất nhiều của cải, phong lưu hết mực, sống chìm ngập trong bạc, vàng".

Tưởng Giới Thạch trọng dụng những hạng người này và thiên vị đối với ông anh vợ này, như vậy chỉ càng mau đến ngày diệt vong.

II. "ĐỆ NHẤT PHU NHÂN" TÔ OAI PHONG

Trung nguyên lộn xộn

Đêm ngày 7 tháng 7 năm 1937, Lư Câu Kiều xưa cũ bỗng nổi tiếng khắp nơi trong tiếng súng, cùng những cuộc chém giết đi vào sử sách và cả sách giáo khoa.

Từ đó, Trung nguyên lộn xộn, chí sĩ thức tỉnh, tiếng hét xung phong giết giặc vang dội khắp các hang cùng ngõ hẻm đất Trung Hoa. Là một vị thống soái cao nhất của Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch cũng tuyên cáo: "Đất không phân Nam Bắc, tuổi không chia trẻ già, bất kể người nào cũng đều có trách nhiệm kháng chiến giữ đất, đều phải có quyết tâm quyết chí hy sinh một phen". Tình cảm của nhân dân Trung Quốc bị dồn nén đã lâu, bùng lên như một ngọn núi lửa. Tướng sĩ ngoài tiền tuyến bằng sinh mạng và ý chí của mình, xây dựng một Trường thành mới.

Ở Thượng Hải – thành phố công nghiệp lớn nhất của Trung Quốc, 70 vạn quân của Quốc dân đảng đang phải đối đầu với 30 vạn quân giặc Nhật, tiếng đại bác long

trời, đầu rơi máu chảy, từng đoàn xe chở đạn ra tiền tuyến, từng đoàn thương binh từ mặt trận đưa về hậu phương. Tống Mỹ Linh bận tíu tít, bà ta tổ chức nhân sĩ các giới, nhất là giới phụ nữ tôn giáo đi thăm hỏi thương binh và chiến sĩ.

Ngày 22 tháng 10, Tống Mỹ Linh đi thăm hỏi các tướng sĩ ở tiền tuyến Tùng Hồ, cùng đi có Doan-na và một viên phó quan. Như hàng ngày, bà ta mặc một chiếc quần len màu đen và một chiếc áo cánh, người lạ mặt không thể biết được là ai. Xe đi đến giữa đường thì gặp máy bay bắn phá. Để tránh máy bay, xe phải chạy với tốc độ quá nhanh và bị lật quay ra đường. Tống Mỹ Linh bị văng ra khỏi xe, rơi xuống một vũng bùn, mặt mũi đầy bùn đất, chân tay tê dại, mình mẩy đau nhức.

Địch mạnh ta yếu, Thượng Hải mất vào tay giặc, thủ đô của chính phủ Quốc dân đảng là Nam Kinh cũng đang nguy kịch. Lúc ấy Tưởng Giới Thạch đang nấu mình trong một căn phòng ở tận phía sau của vườn lăng Trung Sơn, để chỉ huy chiến đấu. Máy bay của Nhật bắn phá điên cuồng, nhiều nhà cửa của dân chúng bị san bằng. Tống Ái Linh khuyên em gái mau mau rời Nam Kinh đến Vũ Hán cho an toàn hơn một chút, nhưng Mỹ Linh đã từ chối. Bà ta nói:

– Vì việc lớn của nước nhà, em nhất định sẽ ở lại với chồng em, có nhiều trường hợp em cũng giúp ông được nhiều việc, với chuyện riêng em đã an ủi và tăng lòng tin cho chồng em về mặt tinh thần; đối với việc công thì chuyện vợ chồng em ở lại thủ đô, có thể làm yên lòng dân và vững lòng quân.

Xa nhé, hồ Huyền Vũ; Xa nhé! Lăng Trung Sơn. Xa rời cố đô của sáu triều vua và nơi đã từng ở đây hơn hai chục năm trời... Nghĩ đến những nơi mà mình đã từng sống và làm việc ở đó rồi sẽ rơi vào tay giặc, Tống Mỹ Linh thấy đau xót trong lòng, rồi tự nhủ rằng chúng ta nhất định sẽ trở về với nụ cười chiến thắng.

Hoàng hạc bay đi không trở lại, chỉ còn lầu Hoàng Hạc ở lại đất này. Ở chân núi Lạc Ca Vũ Hán, Tưởng Giới Thạch đã thiết lập cơ quan chỉ huy chiến đấu, và đã ở đây 11 tháng ròng. Tuy một nửa non sông đã thay màu sắc, cờ mặt trời bay khắp đó đây, nhưng tinh thần kháng chiến của nhân dân Trung Quốc không hề bị nao núng hoặc suy xuyễn chút nào.

Tối ngày 4 tháng 5 năm 1939, theo một loạt tiếng rít chói tai, cảnh sắc ban đêm của thành phố núi bị tiêu tan trong nháy mắt. Bom nổ, bom cháy từ trên máy bay Nhật ném xuống, khiến thành phố núi lửa khói ngút trời, ngôi tan gạch nát, đường dây ông cấp điện nước bị bom phá nát, tiếng khóc tiếng kêu, tiếng gọi trộn lẫn với nhau, người người lo sợ cuống cuồng, chạy trốn lung tung bốn phía. Chính quyền Trùng Khánh lập tức tổ chức lực lượng dập lửa cứu người, đưa dân chúng đi sơ tán.

"Suốt đêm ấy, Tưởng phu nhân đi liên tục hết nơi này đến nơi khác, đôn đốc

công việc cứu nạn. Vì xe của phu nhân và ủy viên trưởng đã bị dùng vào việc chuyên chở những người bị thương nên Trưởng phu nhân cùng những người tùy tùng lên một chiếc xe tải để đi làm công việc.

"Trên đường đi bà gặp một đoàn gồm 6000 trẻ em mắc nạn đang được chuẩn bị đưa sơ tán ra ngoại thành. Trưởng phu nhân đã hạ lệnh giữ tất cả những chiếc xe chở dân chúng Trùng Khánh đi sơ tán và xe riêng đi trên đường đang chạy xe không về thành phố, phải quay trở lại chở giúp số trẻ em kia. Bà đứng ra giữa đường, tay phát còi, vẫy những chiếc xe đó dừng lại. Những người trên xe thấy nói chở đám trẻ em, liền vội vàng quay xe chạy thẳng, mà không biết người đứng vẫy xe lại chính là Trưởng phu nhân. Điều đó cũng chẳng có gì đáng trách, bởi vì lúc này mặt bà đầy bụi đất, áo quần lôi thôi lếch thếch, những người tùy tùng cũng đã phải đi mỗi người một việc không biết ở đâu, ngay cả viên sĩ quan luôn tháp tùng bên bà lúc này cũng đã được sai đi lo thức ăn cho bọn trẻ. Cuối cùng, rồi cũng trưng dụng được đủ số xe, bọn trẻ được lần lượt đến chỗ an toàn".

Tình cảm dân tộc vẫn còn trong con người của Tống Mỹ Linh, cho nên khi nhìn thấy lũ trẻ mồ côi cơ nhỡ đó – những đứa trẻ không còn cha mẹ hoặc người thân, những đứa trẻ không có gia đình, những đứa trẻ nếm đủ mùi đau khổ của chiến tranh... trong lòng bà đã dâng lên mối hận thù dân tộc và tràn đầy mối đồng cảm sâu sắc. Bà sẵn sàng chịu nhận nỗi vất vả về mình vì những đứa trẻ đang lâm nạn.

Những bài nói đầy tình cảm

Bọn phát xít Nhật đã vô cớ tàn sát những người dân vô tội không một chút nể nang, con số thật là lớn lao, thủ đoạn thật là tàn nhẫn khiến người ta ai cũng phải ghê rợn.

Cuộc thảm sát ở Nam Kinh: Ba mươi vạn dân lành bỗng chốc hóa thành oan hồn, ba mươi vạn sinh linh chết không nhắm mắt.

Máy bay ném bom: Hàng ngàn hàng vạn nóc nhà dân bị hủy hoại, gia súc bị chết theo, người còn sống cũng không biết lấy gì sống tiếp.

Vậy mà trước bạo lực, trước chính nghĩa, trước sự tàn bạo đối với người vô tội, nước Mỹ xưa nay vốn khoe khoang là dân chủ, chẳng những không ra tay can thiệp, ngược lại còn nổi giáo cho giặc, tiếp tục cung ứng cho bọn Nhật những nguyên vật liệu chiến tranh như sắt thép, xăng dầu.

Đó quả là một chuyện hết sức không công bằng.

Nước Trung Quốc lấy yếu để thắng mạnh, rất cần thiết phải có sự viện trợ của

bên ngoài, cần phải thức tỉnh những chính phủ và nhân dân vốn giàu lòng chính nghĩa, hãy ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, để họ rõ được rằng dân tộc Trung Hoa không những chỉ chiến đấu cho độc lập dân tộc mình, mà còn chiến đấu vì lợi ích nhân dân thế giới nữa. Thế là Tống Mỹ Linh đã nhiều lần viết bài và nói chuyện công khai ở Mỹ và các nước khác, lên án tội ác xâm lược của giặc Nhật, kêu gọi sự viện trợ và ủng hộ.

Những bài viết và bài nói chuyện của Tống Mỹ Linh, chịu ảnh hưởng của "khí hậu" thời đại, khí thế mạnh mẽ, tình cảm tràn trề. Bà đã sắc bén vạch ra những tội ác của giặc Nhật:

"Chúng đã dùng hàng loạt bom, đại bác và súng máy tàn sát vô số dân lành Trung Quốc. Hãy nhìn xem nhà cửa phố phường, cái thì cháy trụi trong ngọn lửa thiêu của quân xâm lược, cái thì bị bỏ bom biến thành đồng tro bụi. Hãy nhìn xem máu chảy thành sông, thây chết thành gò đồng. Hãy nhìn kia là hàng ngàn hàng vạn người dân mắc nạn đang kinh hãi kêu gào hốt hải khó tìm đường thoát, để giữ cho toàn tính mạng của mình".

Mấy hôm trước đó, khi mấy ngàn người đang chờ tàu hỏa ở ga Thượng Hải, máy bay ném bom của Nhật đột nhiên xuất hiện, chúng đã bỏ bom vào giữa đám đông, 300 người bị bom nổ tan xác, 400 người bị thương. Một ngày sau đó, một đoàn xe lửa chở mấy trăm nạn nhân chạy loạn đến Thượng Hải, tới ga Tùng Giang chỉ còn cách Thượng Hải có vài cây số, cũng bị máy bay ném bom giết hại như trên. 300 người bị chết tan xương nát thịt, mấy trăm người bị thương nặng. Trên xe không hề có lấy một người lính...

Trong những bài nói của mình, Tống Mỹ Linh chú trọng tuyên truyền về tinh thần ngoan cường cũng như thành quả kháng chiến của nhân dân Trung Quốc:

"Trung Quốc xưa nay vẫn bị coi là nước yếu hèn về quân sự cũng chẳng có sự chuẩn bị gì, vậy mà giờ đây đã từ bỏ chính sách nhẫn nhục trước đây, không cam chịu ách xâm lược, tàn sát và nhục mạ vô lý của chính sách bạo lực, cả nước đứng lên, cùng nhau kháng chiến vì sự mất còn của đất nước.

Những người dân Trung Quốc xưa nay chỉ biết cặm cụi làm việc, giờ đây đã mang hết sức mình chống chọi đến cùng. Chúng ta sẽ phấn đấu đến thắng lợi cuối cùng hay sự thảm bại cuối cùng. Mặc cho giang sơn tươi đẹp cùng lịch sử huy hoàng phải nhuốm thắm máu đào hoặc tan tành trong lửa khói, cũng không hề luyến tiếc... Do chúng ta chống lại sự xâm lược của quân phiệt Nhật Bản, đã kiềm chế được quân đội của chúng, khiến chúng bị sa lầy, không còn cựa quậy được. Chỉ cần chúng ta lấy chính nghĩa và sự đồng lòng, đến một thời gian nhất định, chắc chắn sẽ làm cho quân địch thất bại hoàn toàn. Nhật Bản cũng không thể lấy sự tăng thêm tai họa

cho loài người hủy hoại chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa nhân đạo để làm rối ren sự yên tĩnh của thế giới. Đến lúc ấy người đời sẽ ghi sâu công trạng của chúng ta rằng đối với cả nhân loại, chúng ta đã có những đóng góp lớn lao gì?"

Đối với phụ nữ, trong những bài nói chuyện của mình, Tống Mỹ Linh muốn qua đó để kêu gọi từ tâm và tình cảm đồng tình của những người mẹ: "Sự khùng bố do một cuộc chiến tranh không tuyên bố, đã làm cho hàng ngàn hàng vạn phụ nữ Trung Quốc trở thành vật hy sinh. Nếu như mọi người đều chú ý đến nỗi đau khổ, đến nước mắt của họ và những làn khói đen bay lên từ những mái nhà bị tàn phá của họ, thì tin chắc rằng trong nỗi hãi hùng, mỗi phụ nữ Mỹ cũng sẽ nhận thấy rằng cuộc chiến tranh này đã mang lại hậu quả sâu xa thế nào trong hiểm họa đe dọa văn minh".

Đối với chính sách thỏa hiệp và im lặng của phương Tây, Tống Mỹ Linh cũng đã thẳng thắn phê bình và đả kích:

"Năm 1931 khi Nhật Bản chiếm lĩnh đông bắc Trung Quốc, họ cho phép những hành động đó được xảy ra ở Trung Quốc. Năm 1932 khi máy bay của Nhật đến oanh tạc những người dân lành đang trong giấc ngủ ở Hạp Bắc, Thượng Hải, họ vẫn tiếp tục chấp nhận những hành động đó, đến nay Nhật Bản xâm lược Trung Quốc với qui mô lớn như thế, họ vẫn lặng im như ngủ say!".

"Chúng ta buộc phải hỏi rằng phải chăng văn minh đã suy đồi? Xin hãy cho tôi biết, đứng trước sự tàn sát dã man, đứng trước sự đổ nát của từng xí nghiệp cũng như mỗi căn nhà, sự im lặng đó của phương Tây phải chăng tượng trưng cho sự thắng lợi của văn minh vốn mang sẵn chủ nghĩa nhân đạo, chuẩn mực của hành vi, khí thế của kỹ sĩ và ảnh hưởng của đạo Cơ đốc? Các nước lớn trên thế giới lặng im đứng xếp hàng ra đó, hình như sợ oai của Nhật Bản mà không dám ho he một tiếng trách móc, sự lạ lùng đó phải chăng là điềm báo cho sự diệt vong của luân lý đạo đức quốc tế cũng như chuẩn mực hành vi của đạo Cơ đốc? Phải chăng đã gõ lên hồi chuông chiêu hồn cho cái gọi là sự hơn hẳn của văn minh phương Tây".

"Qua làn sóng phát thanh, hẳn các người đã nghe thấy tiếng đại bác vang rền, nhưng các người lại chẳng nghe thấy (song tôi tin rằng trái tim các người sẽ nghe thấy) tiếng kêu cứu của những người sắp chết, tiếng rên la đau đớn của hàng trăm ngàn người bị thương, tiếng rền vang của những căn nhà đổ. Các người cũng chẳng thể nào không nhìn thấy nỗi khổ sở, đói khát mà hàng ngàn hàng vạn dân lành vô tội lang thang, kinh hoàng, không nhà không cửa đang gặp phải, không nhìn thấy nước mắt của mỗi người mẹ và lửa khói bốc lên từ những căn nhà bị bắn phá của họ".

Lấy lý lẽ để thuyết phục người, lấy tình mà làm xúc động người khác, tiếng nói và

tình cảm hòa quyện vào nhau, nối tiếp nhau đến với mọi người. Nghe những lời lẽ đó của Tống Mỹ Linh, nhiều phụ nữ Mỹ đã tỏ ra bàng hoàng xúc động, họ hiểu biết về sự ngoan cường trong cuộc kháng chiến này của dân tộc Trung Hoa cũng như ý nghĩa của nó sâu sắc hơn trước nhiều.

Tướng Giới Thạch bắt gian tế

Ngày 8 tháng 12 năm 1941, căn cứ hải quân Mỹ tại Trân Châu cảng bị Nhật ném bom – máu của binh lính Mỹ nhuộm đỏ cả một vùng vịnh. Nhật Mỹ tuyên chiến. Khi được tin này, Tướng Giới Thạch vui mừng hí hửng, khoa chân múa tay. Kẻ thù của Nhật tăng lên, gánh nặng Trung Quốc sẽ nhẹ đi.

Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, địa vị chiến lược của Trung Quốc được nâng lên, mối liên hệ và phối hợp giữa Trung Quốc và Mỹ được tăng cường. Năm 1942, vùng chiến khu Trung Nhật gồm Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện ra đời. Tướng Giới Thạch được làm thống soái cao nhất của quân đồng minh chiến khu Trung Nhật. Tháng 3, Rôn Pho (Rudolph Ford) cử Sti Oen đến Trung Quốc nhận chức tham mưu trưởng chiến khu Trung Quốc kiêm tư lệnh quân đội Mỹ ở Miến Trung Ấn, đồng thời phụ trách việc phân phối sử dụng vật tư cho thuê cho mượn, có sứ mệnh huấn luyện và trang bị cho quân đội Trung Quốc.

Sti Oen tốt nghiệp trường quân sự Tây Điểm, đã phục vụ ở Trung Quốc gần 10 năm. Đầu những năm 20, khi ở tỉnh Sơn Đông, hắn là một công trình sư xây dựng. Cuối những năm 20, hắn là một tiểu đoàn trưởng trong trung đoàn Mác San. Năm 1937 – 1938 khi Nhật Bản xâm chiếm Trung Quốc, hắn ở Bắc Kinh làm võ quan quân sự. Sti Oen người gầy nhỏ, đôi mắt hắn ở sau gọng kính mạ kền lúc nào cũng lim dim. Đó là do một vụ nổ ở thời kỳ đại chiến thế giới lần thứ nhất khiến hắn gần như mù. Hắn là kẻ không theo đạo nào, tính tình nóng nảy, thân thể được rèn luyện đâu ra đấy, chỉ mỗi một tội là hắn không điều khiển được cái lưỡi. Hắn hoàn toàn không biết thế nào là sách lược ngoại giao, là loại người lúc nào cũng muốn nói một cái gì đấy nhưng lại thường hay nguyên rủa hậu quả. Đồng sự và cấp trên lẫn tất cả mọi người đều gọi hắn bằng biệt hiệu "Chơi chũa". Đương nhiên với tính cách như thế nên giữa Sti Oen và vị độc tài dễ nổi giận lại quen với cái kiểu cấp dưới chỉ biết cúi đầu nghe theo... như Tướng Giới Thạch, không thể nào hòa hợp được với nhau, nên đã nhiều lần xảy ra va chạm.

Ngài tham mưu trưởng nóng như lửa này đã nhiều lần cười khẩy, mới cạnh nói khoe khinh miệt Tướng, thế nhưng rất mê Tướng phu nhân. Trong cuốn nhật ký không định xuất bản của mình, ông ta viết:

"Hôm nay lại được gặp phu nhân Tống Mỹ Linh. Bà đẹp hơn nhiều so với những lần gặp trước: thon thả, sang trọng, mê hồn hơn, khuôn mặt trái xoan trắng như

màu hoa mộc lan, làn tóc xoắn bồng bênh từ trán chảy xuống bờ vai sau thành một mái tóc đen bóng.

Thảo luận với phu nhân một lúc về chiến thuật. Mình thấy ở phu nhân toát lên một ma lực hấp dẫn, đằng sau vẻ đẹp hiếm thấy kia đang ẩn giấu một tài năng và sức mạnh. So với bà, Tướng tướng quân và các đồng liêu của ông tỏ ra ngang ngạnh, không thật thà, chỉ vì một chút sĩ diện còn con cũng luôn luôn để bụng, quan tâm đến quyền lợi lật lật, còn chiến lược quân sự của họ lại chẳng có bài bản gì, khác xa với phương Tây. Muốn cứu vãn đội quân thối nát của Tướng Giới Thạch, chỉ còn có cách để cho Tướng phu nhân làm bộ trưởng quốc phòng".

Nhưng thời buổi ấy ở Trung Quốc, chỉ có Tướng Giới Thạch nói mới có người nghe. Để tìm hiểu thêm về Trung Quốc, Tổng thống Mỹ Rôn Pho cử đặc sứ là Uây-ót đến thăm Trung Quốc.

Ngày 3 tháng 10 năm 1942, cả kinh đô thứ hai Trùng Khánh rộn rã, đường phố được quét dọn phong quang, băng biểu ngữ chằng kín trên cao, cờ xí rợp trời. Hai bên đường đứng chật kín những người ra đón, trên tay họ phát phới những lá cờ Trung Quốc và cờ Mỹ bằng giấy cắt rất khéo. Để lấy lòng Uây-ót, chính quyền Quốc dân đảng đã "tiếp đãi rất trọng thể". Tổng Mỹ Linh cũng thi thố hết ngón đầu mày cuối mắt, để đến nỗi sau này để ra bao nhiêu câu chuyện về quan hệ mờ ám giữa Tổng Mỹ Linh và ngài đặc sứ này của tổng thống Mỹ. Vì vậy nhà văn Đài Loan Trương Ngao mới cho ra đời cuốn "Tướng Giới Thạch bắt gian ký". Xin trích ra một đoạn để người đọc thưởng thức.

"Theo sự nhớ lại của Mike Cowles, người sáng lập ra tạp chí "Triển vọng" và rất có tiếng trong giới xuất bản, cùng tháp tùng đặc sứ của tổng thống đi thăm Trung Quốc lần ấy thì mối liên kết giữa Uây-ót lúc bấy giờ với đệ nhất phu nhân Tổng Mỹ Linh thật quả là những nét mới mẻ.

Mãi tới 43 năm sau (1985) Mike Cowles mới bí mật xuất bản cuốn sách "Hồi vọng Mai-cơ", trong đó có những đoạn đã nói đến "mối quan hệ tình cảm mật thiết Trung Mỹ rất mới mẻ trong cuộc sống". "Chặng tiếp theo trong hành trình của chúng tôi là

Trung Quốc, căn biệt thự hào hoa và rộng lớn của Tổng Tử Văn ở Trùng Khánh là tổng bộ chúng tôi tạm ở đó.

Hoạt động trong sáu ngày khá xít xao, có nhiều cuộc nói chuyện dài giữa Uây-ót và ủy viên trưởng Tướng Giới Thạch – người lãnh đạo của chính phủ Quốc dân; có những cuộc thăm hỏi của các quan chức trong chính phủ; và cả những bữa tiệc tối của ủy viên trưởng và phu nhân. Trong đó, phong độ và dáng vẻ của bà đã làm cho

tôi và Oen-ton (tức Uây-ót) thấy lằng lằng trong lòng.

Có một buổi tối ở Trùng Khánh, ủy viên trưởng đã mời chúng tôi dự một bữa tiệc khá long trọng. Sau những lời chào và chúc tụng, ủy viên trưởng, phu nhân của ông và Uây-ót đã hình thành một nhóm tiếp tụ. Sau đó chừng một tiếng đồng hồ, khi tôi và các quan khách đã thực sự chan hòa với nhau, một viên phó quan người Trung Quốc báo với tôi rằng Uây-ót muốn gặp tôi.

Tôi đi tìm gặp Uây-ót, ông ta nói nhỏ với tôi, vài phút nữa, ông ta và phu nhân sẽ biến khỏi đây, tôi phải thay chân cho ông ta, cố hết sức để nguy trang che giấu cho họ. Đương nhiên, mười phút sau, họ rời khỏi đó.

Tôi cứ phải đứng bên ủy viên trưởng như một tên lính gác. Mỗi khi tôi thấy ông ta có biểu hiện chú ý, tôi lại vội vàng nêu ra với ông ta một lô những câu hỏi về tình hình Trung Quốc. Cứ như thế khoảng một tiếng đồng hồ sau, ông bỗng nhiên vỗ tay gọi những hộ vệ cùng đi, chuẩn bị rời khỏi đây. Tôi sau đó cũng được những người hộ vệ đưa trở lại nhà họ Tống.

Tôi không biết Uây-ót và phu nhân đi đâu, tôi bắt đầu thấy lo. Sau khi ăn tối, một lát sau nữa, ở nhà giữa dội lại những tiếng ồn ào, ủy viên trưởng hằm hằm giận dữ bước vào. Ba tên thị vệ luôn đi theo bên ông, tên nào cũng mang súng trường tự động. Ủy viên trưởng cố dần nổi bực dọc, lạnh lùng vái chào tôi một cái, tôi cũng vái chào lại.

– Uây-ót đâu?/

– Sau khi chào xong, ông hỏi.

– Tôi không biết, ông ta không ở nhà!

– Uây-ót đâu? Tưởng lại hỏi lại.

– Tôi đảm bảo với ông, ủy viên trưởng ạ! Ông ta không ở đây, tôi cũng chẳng biết được ông ta có thể ở đâu.

Tôi và bọn vệ sĩ đi theo đằng sau ông. Ủy viên trưởng đi một lượt trong tòa nhà. Ông kiểm tra từng gian phòng, ghé cả đầu xuống gầm giường, mở tung cả tủ. Sau khi ông tỏ ra hài lòng thấy hai người kia không ở đấy thực, chẳng thềm chào hỏi ai đi thẳng.

Tôi sợ thực sự, tôi thấy ảo ảnh của Uây-ót đứng trước những tay súng xếp thành hàng. Do không sao ngủ được, tôi vùng dậy lấy rượu uống một mình, dự đoán những gì xấu nhất có thể xảy ra. Bốn giờ sáng hôm sau, xuất hiện một Uây-ót khoải

chí, ông ta chẳng khác gì một sinh viên tự hào vì đã cùng người tình sống trọn một đêm hạnh phúc. Sau khi kể lại hết từng màn những gì xảy ra giữa ông ta và phu nhân, ông ta sung sướng bảo rằng đã mời phu nhân cùng quay về Wa-xinh-ton. Tôi không nén nổi bức tức bảo:

– Uây-ót, ông là đồ chó chết!

Tôi đã nêu ra đủ mọi lý do để phản đối ý định ngông cuồng đó của ông ta. Tôi hoàn toàn đồng ý rằng Tướng phu nhân là người đàn bà đẹp nhất, thông minh, gợi cảm nhất mà chúng tôi đã gặp. Tôi cũng hiểu rất rõ sự hấp dẫn lớn lao giữa hai người, nhưng trong cái vòng vây báo chí ở Trùng Khánh lúc này đã quá đủ những lời đồn thổi tha nhảm nhí về họ, tôi nói:

– Ông ở đây thay mặt cho tổng thống Mỹ, ông có muốn bốn năm sau lại được ghi tên tranh cử tổng thống khóa sau không?

Tôi còn nói ngày về, vợ và con ông có thể ra tận sân bay đón ông, sự xuất hiện của phu nhân sẽ tạo nên cảnh ngượng ngập. Uây-ót nghe xong giận dỗi bỏ đi. Lúc ấy tôi đã hết sức mệt mỏi, thế là vùi đầu vào ngủ luôn.

Lúc 8 giờ, khi tôi tỉnh dậy, Uây-ót đang ăn cơm, chúng tôi ngồi ăn riêng rẽ, chẳng ai nói với ai lời nào. Chín giờ, ông ta có một cuộc nói chuyện. Đang lúc ông chuẩn bị đi, ông quay lại bảo tôi:

– Mai-cơ, tôi muốn anh đi gặp phu nhân, bảo cho bà biết không thể cùng chúng ta về Oa-xinh-ton.

– Đi tìm bà ta ở đâu bây giờ?

Tôi hỏi vậy, còn ông thì bẽn lén nói:

– Ở tầng trên cùng của bệnh viện phụ nữ và trẻ em ở trung tâm thành phố, ở đây bà có một căn hộ. Đó là một cơ cấu từ thiện mà bà thường hãnh diện về nó.

Khoảng 11 giờ, tôi đến bệnh viện xin gặp phu nhân. Sau khi được dẫn vào phòng khách của bà, tôi đã ngu độn bảo với bà rằng, bà không thể đi Oa-xinh-ton với ngài Uây-ót được.

– Ai bảo không thể được? – Bà hỏi.

– Tôi bảo – Tôi nói – Tôi nói rằng ngài Uây-ót không thể mang bà cùng đi, vì về chính trị mà nói, đó là một chuyện rất không khôn ngoan!

Trước khi tôi còn không hiểu có chuyện gì vừa xảy ra, móng tay dài của bà đã cào mạnh lên mặt tôi một nhát, bà cào mạnh đến mức vết cào trên mặt tôi hằn lên cả tuần mới hết.

Tổng Mỹ Linh dám cào tay lên mặt một người Mỹ, có thể thấy sự chung đụng giữa họ, đã đến mức nào rồi...

Văn chương Lý Ngao có thể tin đến mức nào, ta hãy chưa bàn vội. Có điều Uây-ót 50 tuổi khi về đến nước Mỹ, đã viết cảm nhận nhân chuyến đi thăm Trung Quốc, chia làm 10 phần đăng trên báo. Ngày 26 tháng 10, ông ta còn cho phát thanh về chuyến đi thăm Trung Quốc này trên toàn nước Mỹ mà trọng điểm là giới thiệu về tài trí và ma lực của đệ nhất phu nhân Trung Quốc với sự sùng bái không che giấu: "Tài năng của bà xuất chúng – cho phép tôi dùng cách nói này và có mang theo một chút cảm tình cá nhân – và tinh thần hiến thân vì Trung Quốc của bà, mọi người ở nước Mỹ ai cũng biết cả. Bà đến nước Mỹ chẳng những được mọi người yêu mến, mà hiệu quả tin rằng cũng rất khả quan.

Lời nói của bà sẽ có sức mạnh hơn bất cứ của người nào khác. Bà vốn có tài trí và ma lực, và có một tấm lòng khảng khái và độ lượng. Bà có một dáng vẻ đẹp, một phong độ nền nã, một niềm tin cháy bỏng. Bà chính là nhân vật cần cho chúng ta".

Được sự tiến cử của Oen-ton, tổng thống Rôn Pho mới ngỏ lời với Tưởng Giới Thạch mời Tổng Mỹ Linh đến thăm nước Mỹ. Tưởng Giới Thạch muốn vợ mình sang Mỹ để gây quan hệ và kiếm thêm một chút tiền viện trợ. Đồng thời Tưởng Giới Thạch cũng lo ngại về tình hình sức khỏe của Tổng Mỹ Linh đang không được tốt lắm vì chứng ung thư (cha mẹ bà đều chết bởi bệnh này) nên để bà đi Mỹ khám bệnh.

Thế là dưới sự tháp tùng của Đồng Hiền Quang (một nhà báo người Trung Quốc đầu tiên được đào tạo ở Mỹ, tốt nghiệp trường đại học bang Mit-xu-ri), Khổng Lệnh Vĩ, em gái thứ hai của Khổng Tường Hy và các nhân viên y tế...Tổng Mỹ Linh đã bí mật bay sang Mỹ.

Sở trường về ngoại giao

Ngày 27 tháng 11 năm 1942, chiếc chuyên cơ của Tổng Mỹ Linh vừa dừng bánh trên đường băng New York phồn vinh, một đám đông quan chức Mỹ đã tiến đến gần. Đi đầu tiên là I-ri-na Rôn Pho – Đệ nhất phu nhân nước Mỹ. Bà ta mặc bộ đồ ngắn màu xanh lam, mái tóc vàng được uốn đồ xuôi ra phía sau càng khiến cho vẻ đẹp của bà thêm quyến rũ. Mỹ Linh đã sớm nhận biết người phụ nữ này trên họa báo.

Hai người đàn bà nổi tiếng trên thế giới về vẻ đẹp và tài hoa đã gặp nhau, họ không quen nhau nhưng dường như lại biết nhau khá lâu rồi, không cần phải ai giới thiệu và chào mời, họ đã ôm hôn nhau thân mật như chị em ruột, trò chuyện với nhau bằng tiếng Anh hết sức thoải mái.

Không lâu sau, Tống Mỹ Linh đã đến ở một trung tâm điều trị của hội bảo thọ Cô Lông-bia. Qua chẩn đoán, các thầy thuốc cho biết bà bị một chứng bệnh ngoài da rất ít người mắc. Bệnh tuy không nguy hiểm nhưng rất khó chịu cần phải kết hợp nghỉ ngơi và điều trị.

Ở một đất nước mà phương tiện truyền thông phát triển cao độ như nước Mỹ, muốn giữ kín chuyện gì cũng khó. Ba chị em họ Tống đều có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, chồng họ đều là những người nổi tiếng trên trường chính trị (hai người trong số họ đã làm tới chức tổng thống Trung Quốc), đó quả là một điều hiếm có trong lịch sử. Giới báo chí của Mỹ đã từng rất thú vị nối tiếp nhau đưa tin bài về những vấn đề này, cho nên tên tuổi họ và tình hình về họ có thể nói ở nước Mỹ từ trẻ đến già ai ai cũng biết. Bởi thế, khi nhà trắng đưa ra một tin tức xác nhận rằng đệ nhất phu nhân Trung Quốc đang ở trong bệnh viện nào đó của Cô Lông-bia thì lập tức ngay sau đó, thư từ hỏi thăm tới tấp gửi đến Tống Mỹ Linh, bình quân mỗi ngày có tới hàng ngàn bức.

Sau khi Tống Mỹ Linh ra viện, vì là khách của Tổng thống Pho nên bà được mời ở trong nhà trắng. Trước bà chưa từng có một đệ nhất phu nhân nào được hưởng diễm phúc đặc biệt này. Tiếp đó, bà lại nhận lời mời đến diễn thuyết ở Quốc hội. Bà lại là người đầu tiên không phải quan chức, hay nói cho đúng hơn là nửa quan chức, nửa không, đến diễn thuyết ở thượng viện và hạ nghị viện.

Hôm ấy, sau lời giới thiệu của phó tổng thống Hăng-ri Hay-lây, Tống Mỹ Linh 45 tuổi đời trang nghiêm bước lên bục diễn thuyết của Quốc hội Mỹ. Bà diễm đạm vững vàng đứng đó, bằng đôi mắt đen và to, cái mỉm cười đến mê hồn bày tỏ lòng biết ơn với những cử tọa đang ở trước mặt mình, bằng thứ tiếng Anh với âm điệu ngọt ngào và hấp dẫn chính cống của vùng Téch-dát, tả vờ ngọn ngành về cuộc kháng chiến bất khuất của nhân dân Trung Quốc, về tội ác của bọn xâm lược Nhật Bản, về lý tưởng của những người dân luôn chịu khổ chịu nạn đang sống trên mảnh đất cổ kính của phương Đông này, nói đến chồng bà và tinh thần hiến thân của ông, thậm chí nói đến sự thực của bản thân bà từ lâu thuộc về hai đất nước vĩ đại Trung-Mỹ. Mấy trăm ngài nghị sĩ mũi lõ mắt xanh như bị cuốn hút bởi phong độ lịch sự và cử chỉ đoan trang của vị đệ nhất phu nhân của Trung Quốc, họ cảm thấy dường như đang được thưởng thức một buổi biểu diễn nghệ thuật đặc sắc. Tống Mỹ Linh thao thao bất tuyệt nói:

"Hai dân tộc chúng ta vốn có tình hữu nghị truyền thống lâu dài tới 160 năm... Mỗi tình hữu nghị này xưa nay chưa bao giờ bị hiểu lầm mà làm suy yếu đi và nó chưa từng có trong lịch sử thế giới".

"Chúng ta quyết không được quên, bốn năm trước đây trong bốn năm trời bị bao vây xâm lăng bốn phía, Trung Quốc đã đứng dậy một mình, chẳng được ai viện trợ vẫn chống lại thảm họa tàn bạo của chiến tranh".

"Sau khi Trung Quốc đã trải qua cuộc chống chọi năm năm rưỡi trời, chúng tôi càng tin tưởng chắc chắn rằng, chẳng thà mạo hiểm một cách vẻ vang chứ không chịu khuất nhục mà nhận thất bại".

Các nghị sĩ nghe mà mê lịm đi, trong khi Tưởng phu nhân diễn thuyết, hàng loạt tiếng vỗ tay hoan hô mỗi chốc lại vang lên.

Tiếp ngay sau đó, các cơ sở thông tấn lớn của Mỹ đã đưa tin về cuộc diễn thuyết này, hình dung Tống Mỹ Linh đã "đi suốt toàn nước Mỹ" đã chinh phục đất nước này bằng ma lực của mình. Tờ "Tuần tin tức" đã ca ngợi rằng: "Hiệu quả (buổi diễn thuyết của Tưởng phu nhân) làm người ta rất cảm động, một thân hình thon thả, được bó sát bằng bộ váy áo dài đen, mở tà đến gần khoeo chân, làn tóc đen phẳng phiu hơi cong lên ở bờ vai và sau gáy; những đồ trang sức trên người đều là những thứ đá quý vô giá, mười ngón tay búp măng đều được nhuộm móng đỏ tươi, chân bà đi một đôi tất tơ cao cổ trong suốt và đôi xăng đan cao gót..."

Với sự thành công bằng bài diễn thuyết của mình, Tống Mỹ Linh thấy rất tự hào và vừa ý, thừa thắng xúc tới. Bà lại đến các thành phố lớn của nước Mỹ gồm những công viên, quảng trường ở Mai-tếch-xơn, Hô-li-út ở Lôt An-giơ-lét, những nhà thờ lớn ở Pôt-ston, ở Chi-ca-gô ở San Fran-xit-cô để phát biểu những bài diễn thuyết chan chứa tình cảm, để lại cho không biết bao nhiêu người nghe của nước Mỹ những ấn tượng sâu sắc. Xen giữa các buổi diễn thuyết, Tống Mỹ Linh đã để thì giờ gặp các thị trưởng, bang trưởng, các ngôi sao điện ảnh cũng như lãnh tụ của thương nhân và giới lao công... và trở lại thăm ngôi trường cũ của bà.

Vật còn người vắng. Sân trường vẫn đẹp như xưa, những giàn cây leo thấp lè tè đi tới phòng đọc của thư viện nhà trường cổ kính, bãi cỏ xanh phẳng lì đi đến cánh rừng nhỏ um tùm... Cảnh tượng trước mắt kéo bà trở lại với những năm tháng đại học xưa kia – Những kỷ niệm ngọt ngào của một thời con gái kiêu sa vô tư vô lự của mùa mưa năm ấy...

... 26 năm rồi!... Rời xa sân trường quen thuộc, thân thiết này thế mà đã 26 năm rồi, nhiều thầy giáo của mình, người thì đã về cõi vĩnh hằng, kẻ còn lại cũng phơ phơ đầu bạc, duy chỉ có mảnh sân trường là vẫn còn tươi trẻ như xưa, vẫn đầy ắp

tiếng cười và chan hòa sức sống. Một nỗi thương cảm với cuộc sống con người bỗng trào dâng trong tim bà...

Người có trường mà vinh hiển, trường cũng nhờ người mà trở nên tôn quý.

Với người học trò đã làm tăng thêm danh tiếng cho nhà trường này, hôm nay trở lại đây, nhà trường đã tổ chức một cuộc đón tiếp rất long trọng. Rất nhiều bạn học của Tống Mỹ Linh được tin cũng rủ nhau đến trường, cùng với bà ôn lại những năm tháng vui tươi thời sinh viên.

Lần này Tống Mỹ Linh đã ở nước Mỹ hơn 7 tháng, tạo nên một "hiệu ứng sóng động". Rôn Pho phu nhân từng đánh giá rằng: "Sự có mặt của bà, đã đánh dấu sự thừa nhận đối với một người đàn bà, người đàn bà này, bằng đức hạnh và sự đóng góp của mình đã giành được một địa vị trên thế giới". Đúng vậy, 11 tuổi đã sống ở Mỹ, tận năm 20 tuổi mới về đến đất nước mình, Tống Mỹ Linh có một hoàn cảnh sống, một sự từng trải mà người ở trong nước không thể nào có, từ đó khiến cho bà có một vốn tiếng Anh thành thục và sang trọng, và mới có khả năng nhanh chóng nắm được từng mạch đập của xã hội nước Mỹ. Và một điều như thế hỗ trợ vào đó nữa là nền giáo dục mà Mỹ Linh tiếp thu được ở trung học, đại học, khiến cho mỗi người Mỹ dù muốn hay không cũng có một cảm giác rằng đó là thành công của nền giáo dục Mỹ, đó là sự mở rộng ảnh hưởng của Mỹ ở Trung Quốc, và hiển nhiên từ đó sẽ nảy sinh tình cảm gần gũi đối với Tống Mỹ Linh. Cộng thêm với những nhân tố cá nhân của Mỹ Linh như sự trang điểm cao sang nhưng đúng mức và hài hòa cùng khí chất của vẻ đẹp nữ tính phương Đông với phong độ tuyệt vời, quả thật đã có hiệu quả như thêu thêm hoa lên gấm. Ngày 4 tháng 7 năm 1943 Tống Mỹ Linh đã kết thúc cuộc đi thăm hơn 7 tháng trên đất Mỹ, trở về Trùng Khánh. Trong vấn đề đánh đuổi Nhật Bản ra khỏi Trung Quốc và cho thêm viện trợ của Mỹ để bổ cứu cho tình hình hàng hóa trượt giá ngày càng gia tăng của Trung Quốc, thì sự đảm bảo cụ thể rằng bà được nước Mỹ viện trợ và phối hợp nhiều hơn cũng rất có hạn.

4 tháng sau, tức ngày 18 tháng 11 Tống Mỹ Linh lại tháp tùng chồng rời Trùng Khánh đi Lơ-ke tham dự hội nghị thượng đỉnh ba nước Trung, Mỹ, Anhe. Đây là hội nghị quan trọng trong đại chiến thế giới lần thứ hai, thành phần tham gia bao gồm những người lãnh đạo của các nước chống phát xít trên thế giới trừ Liên Xô: Tổng thống Mỹ Rôn Pho, bộ trưởng ngoại giao Hốp-kinh, tham mưu trưởng lục quân Mác-xay, tư lệnh lục quân hàng không An-rót, tư lệnh đội hàng không số 14 Trần Nạp Đức; Thủ tướng Anh, bộ trưởng ngoại giao, Thứ trưởng thường trực bộ ngoại giao, Tham mưu trưởng không quân, tổng tư lệnh liên quân Bắc Mỹ Ai-xân-hao-ơ, tổng tư lệnh quân đội đồng minh ở Đông Nam Á Mông-pa-ton. Đoàn đại biểu Trung Quốc do Tưởng Giới Thạch dẫn đầu, tùy viên gồm Tống Mỹ Linh, tổng thư ký của ủy ban quốc phòng Vương Sung Huệ, chủ nhiệm văn phòng quân ủy Thương

Chấn; Chủ nhiệm ủy ban hàng không Chu Chí Nhu, thứ trưởng bộ tuyên truyền Trung ương Đồng Hiền Quang, chủ nhiệm phòng cảnh vệ tùy tùng của ủy viên trưởng Lâm Ủy, cảnh vệ Du Tế Thời, thư ký Du Quốc Hoa...

Nghĩ tới việc cùng ngồi bằng đầu bằng vai với những người đứng đầu Anh, Mỹ, chẳng những thể hiện sự nâng cao của bản thân mình mà còn thể hiện sự nâng cao địa vị của Trung Quốc trên thế giới, Tưởng Giới Thạch ngồi trong máy bay hết sức vui mừng. Tuy là nguyên thủ của một nước nhưng ông ta rất ít giao thiệp với nước ngoài – chỉ có một lần duy nhất là từ ngày 4 đến ngày 21 tháng 2 năm 1942, ông và phu nhân đi thăm Ấn Độ (Ấn Độ ngày ấy còn bao gồm cả Pa-kít-tan và Băng-la-đét). Đất nước và phong tục tập quán của Ấn Độ, sự sùng bái vô cùng tận với loài bò, lăng Thái Cơ đằng hoàng to đẹp và thói quen ca hát của dân tộc

Ấn Độ đã để lại cho ông ấn tượng rất sâu sắc. Chuyến đi Ấn độ là cuộc đi thăm nước ngoài đầu tiên của họ với danh nghĩa "nguyên thủ" và "đệ nhất phu nhân", mà cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một nguyên thủ Trung Quốc đi thăm nước ngoài. Nước yếu không có ngoại giao. Trước chiến tranh Nha phiến, các vua chúa phong kiến Trung Quốc ai cũng tự cho mình là to. Ở Trung Quốc căn bản không tồn tại công tác ngoại giao, nên cũng chẳng có bộ ngoại giao, có chăng chỉ là các nước triều cống. Sau chiến tranh nha phiến, Trung Quốc thất bại liên tục, bị người ta chia cắt, ăn hiếp, trở nên càng nghèo càng hèn, không có một chút địa vị gì trên thế giới, nên chẳng có gì gọi là ngoại giao. Chỉ có sau cuộc chiến đẫm máu của hàng triệu chiến sĩ, Trung Quốc mới có tiếng nói trong các vụ việc trên quốc tế, làm cho các nước lớn mạnh như Anh, Mỹ phải nhìn nhận địa vị của họ.

Thế nhưng trong chiến dịch Miến Điện, quân Anh không hợp tác, làm cho quân đội Trung Quốc hao binh tổn tướng, thương vong rất nặng nề. Nhớ lại chuyện đó, Tưởng Giới Thạch không thể không bất giác nghĩ đến việc trong hội nghị Lơ-ke thế nào cũng phải cọ xát với Churchill.

– Phu nhân, người có hiểu biết gì về con người này không?

Tưởng Giới Thạch hiểu rất rõ, với những công việc trong nước thì ông giỏi giang hơn vợ, nhưng những sự việc trên quốc tế, ông không hiểu biết nhiều bằng vợ.

– Đắc-linh Churchill không dễ gì đối phó nổi. Con người này vừa kiêu kỳ lại vừa khiêm tốn, hấn lịch sự nhã nhặn đấy, nhưng lại thô bạo lỗ mãng được ngay, hấn khôn ngoan nhiều mưu mẹo nhưng cũng tỏ ra độc đoán hơn người, hấn có sở trường về khơi gợi, phát huy và có thiên tài về cách nắm những tình tiết nhỏ. Cách diễn thuyết của hấn nặng về cổ động, xúi giục. Hấn là một phần tử quý tộc, đề quốc chủ nghĩa và bảo hoàng nhưng đồng thời lại cũng tin tưởng ở dân chúng. Hấn thường mặc áo ngắn màu đen và quần sọc xám. Hấn có thân hình béo chắc, có rất

nhieu mũ mốt và nơ các kiểu, miệng ngậm xì gà chống ba toong tạo với tay thành hình chữ V, làm nên những điểm độc đáo của hân.

Tổng Mỹ Linh hàng ngày có đề ý và đọc được ở con người này những điều như vậy.

Ngày 21 tháng 11, đoàn đại biểu của Tưởng Giới Thạch, Tổng Mỹ Linh... đã đến Lơ-ke. Lơ-ke giữa mùa thu vàng, gió biển mang theo hơi nước mơn man thổi vào da thịt khiến con người ta cảm thấy êm ả và thư giãn.

Ba nhân vật đầu sỏ gặp nhau; năm ấy Tưởng Giới Thạch 56 tuổi, Rôn Pho 61 tuổi và Đac-linh Churchill 69 tuổi. Trong thời gian hội nghị, Tổng Mỹ Linh đóng vai trò cố vấn, giúp việc và phiên dịch cho Tưởng Giới Thạch, luôn luôn tháp tùng bên cánh chông và bày mưu hiến kế cho chông.

Ngoại giao là sự vạch định lại mọi lợi ích, cần phải thỏa hiệp, đương nhiên cũng cần lấy lý lẽ ra mà tranh giành. Trong hội nghị Lơ-ke, đối với những vấn đề có dính dáng đến lợi ích của Trung Quốc, giữa Trung Quốc và nước Anh, thường xảy ra xung đột và tranh chấp. Vì thế, giữa Tổng Mỹ Linh và Đac-linh Churchill già dơ, tính toán chi li đã có một cuộc trao đổi ngắn.

– Thừa phu nhân! Bà cho tôi là một người đã già lắm rồi sao?

– Đâu có! Một nhà chính trị như ngài quả là càng già càng dẻo càng dai! Nhìn về mặt tinh thần, ngài còn mạnh hơn cả thanh niên.

– Thừa phu nhân! Bà có biết tôi tin cái gì không?

– Nghe nói ngài tin chủ nghĩa đế quốc, song tôi lại không tin rằng ngài sẽ...

– Thừa phu nhân! Bà nhìn nhận như thế nào về tôi?

– Tôi cho rằng ngài nói dữ dội hơn ngài làm.

Nghe những câu trả lời khôn ngoan ấy, Churchill rất khâm phục. Ngài thủ tướng nước Anh vốn kiêu kỳ không coi ai là gì bao giờ, đã từng nhiều lần tỏ rõ rằng Tổng Mỹ Linh là một trong số rất ít những người đàn bà mà ông ta vì nể nhất trên thế giới, nét kiêu sa nhưng lại dịu dàng của bà khiến người ta ai cũng phải rung động.

Ngày 26, hội nghị Lơ-ke kết thúc và đi đến bản "Tuyên bố Lơ-ke", nghiêm chỉnh thông báo với toàn thế giới rằng:

"Tôn chỉ mục đích của ba nước là tước đoạt lại tất cả những hòn đảo mà Nhật Bản

đã tước đoạt chiếm lĩnh được từ sau khi bắt đầu cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất. Và bắt Nhật Bản phải hoàn lại cho phía Trung Quốc những phần đất mà họ đã cướp đoạt như Đài Loan, Bành Hồ... một cách vô điều kiện.

"Tuyên bố Lơ-ke" là cái mốc quan trọng trên đoạn đường dài của lịch sử tranh giành độc lập dân tộc của Trung Quốc từ sau cuộc chiến tranh nha phiến đến lúc này.

Trong hội nghị Lơ-ke, Tưởng Giới Thạch non kém về ngoại giao đã thua xa ấn tượng sâu sắc mà vợ ông ta để lại cho người khác, đến nỗi Rôn Pho sau khi về Mỹ rồi, còn nói với các nhà báo:

– Ở Lơ-ke, những điều tôi biết được đều do Tưởng phu nhân nói với tôi rằng chồng bà thế này thế nọ và bà thì nghĩ như thế nào. Bà luôn luôn ở đây để trả lời tất cả mọi câu hỏi. Tôi có thể hiểu được bà chứ chưa hề nhìn ông Tưởng được thấu đáo!

Năm ngày hội họp căng thẳng đã kết thúc. Buổi sáng ngày 27, trước khi rời Lơ-ke về nước, Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh... đã đi thăm Kim tự tháp nổi tiếng gần xa. Họ cứ quanh quẩn ngắm nghía mãi khu mộ cổ Ai Cập huyền bí, ngưỡng vọng những hình con nhân sư oai vệ và kim tự tháp biểu tượng của quyền lực. Họ thực sự cảm động trước nền văn minh cổ kính của loài người.

III. CHẲNG MONG MUỐN NỔI TIẾNG KHẮP CHƯ HẬU, CHỈ MUỐN GIÀU SANG NHẤT THIÊN HẠ

Người đàn bà thép làm chính trị sau màn

Thế giới này, muôn lớp chúng sinh đủ hình đủ vẻ, trăm ngàn màu sắc khác nhau. Có người sinh ra đậm bạc, chẳng hề kèn cựa với đời; có kẻ thấy tiền thì lóa mắt, giết người đốt nhà; có người coi danh lợi như rác rưởi; có kẻ tranh quyền chiếm lợi không từ một thủ đoạn nào; có người xả thân vì nghĩa, hết lòng phụng sự việc công; có kẻ thì lấy của công làm của tư, chỉ biết vơ vét cho đầy túi tham; có người cao thượng, có kẻ ti tiện, có người trong sạch, có kẻ nhơ nhuốc vô liêm sỉ...

Ba chị em họ Tống cùng một mẹ sinh ra, nhưng về chí hướng và sự theo đuổi thì chẳng ai giống ai – Ái Linh yêu tiền, Khánh Linh yêu nước, Mỹ Linh yêu quyền.

Yêu tiền cũng chẳng có gì là quá đáng, miễn sao堂堂 hoàng mà có được. Nhưng Tống Ái Linh lại khác, suốt đời bà chỉ tích cóp được một gia tài kèch sù, trở thành người đàn bà giàu có nhất Trung Quốc. Song những tiền của đó không phải bà có được qua một con đường "trong sáng堂堂 hoàng", mà là qua con đường ngang tắt gian tà, lợi dụng quyền lực nhà nước mà chồng mình nắm trong tay, có được bằng

những cách tự tư xấu xa, tham lam vor vét bất chấp cả luật pháp.

Đường đường là bộ trưởng tài chính, thống đốc ngân hàng Trung ương, phó chủ tịch hội đồng quản trị của bốn ngân hàng khác, chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng nông nghiệp, phó viện trưởng viện hành chính quốc gia... Không Tường Hy nắm quyền về tài chính của Nhà nước, giữ những chức vụ trên hàng chục năm trời, nhưng vẫn chưa làm sao cho tiền tệ của Nhà nước đi vào quỹ đạo đúng đắn của nó, để cho đời sống nhân dân được cải thiện. Tống Ái Linh nhờ vào điều kiện thuận lợi của chồng và những mối lợi của những hoàng thân quốc thích khác, phát tài trong sự khó khăn của nhà nước, tích góp những khoản tiền lớn để làm giàu.

Suốt đời chưa hề làm việc ở Công ty hay xí nghiệp nào cũng như chưa hề có chút chức quyền gì trong Quốc dân đảng, tất cả mọi việc, Tống Ái Linh đều dựa vào sự thao túng của chồng mình. Trung Quốc xưa thường vẫn có câu: Phu xướng phụ tùy. Thế nhưng ở nhà họ Không lúc này, câu nói đó trở thành "phụ xướng phụ tùy". Sở dĩ "Không thánh nhân" coi trọng và để cho bà vợ yêu kiều nhỏ hơn mình đến 10 tuổi bảo sao nghe vậy, không then phải cúi mình, bởi vì ông thấy vợ ông là một người khác thường. Bà đẹp dễ kín đáo, tinh ranh, giỏi giang, đầu óc của bà gấp trăm ngàn lần người khác, điều đó đã được chứng minh bằng kinh nghiệm thành công khá nhiều lần.

Để tiện cho việc tiếp nhận những cao kiến của vợ, Không Tường Hy thường làm việc tại nhà. Hà Liêm lúc bấy giờ làm trưởng phòng chính vụ của viện hành chính đã viết trong hồi ký của mình như sau:

"Không không đến làm việc ở bộ bao giờ, phần lớn công việc của bộ, đều được làm ở nhà. Tôi có nhiều lần muốn tìm gặp ông ta ở nhà, nhưng chẳng gặp được lần nào. Không rất quan trọng trong Chính phủ. Buổi sáng sớm tôi đi gặp ông, tôi đã thấy trong phòng khách của ông có tới mấy chục người khách ngồi chật ở đấy để chờ gặp ông. Một số năm sau, tôi mới biết rằng muốn gặp ông ta để bàn vấn đề gì thì lúc thích hợp nhất là vào 11 giờ đêm, nhưng vì trước đây không biết như vậy nên không thể trực tiếp gặp ông được".

Không Tường Hy một mặt coi lời lẽ của vợ như một thứ "thánh chỉ", mặt khác cũng tự hiểu rằng mình là một "nhân vật công cộng", trong việc giải quyết khá nhiều công việc, trong trường hợp con gái còn chưa trưởng thành, thì ông cứ để cho vợ đứng ra là nhanh gọn nhất. Tống Ái Linh hiểu rõ những ẩn tình bên trong. Bà ém người thân tín ở khắp nơi, để gây bè gây cánh. Trong số những viên chức của Bộ tài chính và các cơ quan ngân hàng do Không Tường Hy chủ quản, rất ít người lại không có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tống Ái Linh, thí dụ người con nuôi của bà cũng những dạng thân thuộc như bạn của con gái hoặc con trai bà, những

người hầu hạ, phu xe vệ sĩ... bất kể là lý lịch, đời tư của họ ra sao, tư cách nhân phẩm như thế nào, chỉ cần có mối quan hệ đó, là thế nào cũng sẽ được giao cho những chức vụ như chủ nhiệm, trưởng phòng... trong bộ tài chính hay ở các ngân hàng.

Vì có một mạng lưới quan hệ chặt chẽ như vậy, cho nên trong bộ tài chính hay ở các ngân hàng, bất kể là mọi công việc lớn nhỏ như thế nào, thậm chí đến mức không cần thông qua Khổng Tường Hy, chỉ cần có một cái lệnh miệng của Tống Ái Linh thôi, là tất cả đều thông đồng bèn giọt, việc xong ngay trong nháy mắt. Bởi vậy, ở cái bộ "béo bở" này, chỉ riêng khoản giới thiệu và dàn xếp cho các nhân viên, Tống Ái Linh cũng thu được những khoản "phí" rất khả quan.

Làm phu nhân của bộ trưởng tài chính, trong việc làm giàu, Tống Ái Linh cũng chiếm được địa vị "thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Bà ta có đặc quyền nên rất dễ dàng vớ được những món hàng cần tiêu thụ gấp, có thể trao tay nâng giá mà bán đi. Tiền của đến với bà ta ừn ừn, trong đó phần lớn là được giao kèo với nhau ở những khách sạn chén bát ngồn ngang, ở những vũ trường nhập nhòa bóng người, ở những chiếu bạc mịt mờ khói thuốc, thật dễ dàng và mau lẹ (người dân cùng khổ làm lưng suốt ngày bán mặt cho đất bán lưng cho trời, mồ hôi ướt đầm thì lại không duy trì nổi cuộc sống).

Làm vợ của một người tổng quản về kinh tế, Tống Ái Linh có cả một mạng lưới tình báo. Bà thao túng thị trường rất chặt chẽ, nâng giá giảm giá, gây sóng gây gió, để đầu cơ mà hốt của. Nhất là nghề "buôn nước bọt" có tính đầu cơ dữ dội như cổ phiếu, chứng khoán, ngoại hối, bất động sản... Tống Ái Linh càng tỏ ra thành thạo.

Cơ quan tình báo của Mỹ từng vạch ra diễn biến của một vụ áp phe bất động sản ở Hong Kong: "Trước khi bàn bạc thỏa thuận về vụ làm ăn này, hai người thanh niên Trung Quốc là Đại Vệ (Khổng Lệnh Khản) và em trai của Tống Tử Văn (Tống Tử An) đến Hong Kong thuê một tòa nhà, rồi đặt một chiếc điện đài sóng ngắn ở trong một căn phòng kín, liên hệ hàng ngày với Khổng phu nhân thao túng việc làm ăn buôn bán, từ đó kiếm được năm mươi triệu đồng". Trong việc này, đại diện của bộ tài chính Mỹ đóng tại Trung Quốc cũng cho rằng chính Tống Ái Linh đã phá hoại nền kinh tế và tiền tệ của Trung Quốc.

Mùa hè năm 1939, ủy ban điều hành quỹ bình chuẩn ngoại hối của ngân hàng Trung ương theo chỉ thị của Chính phủ Mỹ là muốn hạn chế sự di chuyển nguồn vốn của Trung Quốc ở nước ngoài nên chủ trương tồn đọng lại mọi số dư tại nước Mỹ đối với các tài khoản tư nhân người Trung Quốc. Quyết định này được Phốc-cơ là đại biểu của Mỹ tại Trùng Khánh bí mật truyền đạt với Khổng Tường Hy. Khổng Tường Hy tỉnh khô, lấy cớ là còn phải hỏi lại Tưởng Giới Thạch, lập tức dùng điện

thoại riêng báo cho Tống Ái Linh đang ở Hồng Kông. Tống lập tức cho gọi nhân viên thu chi riêng của mình là Triệu Quý Ngôn cục phó cục tín thác tới báo ông này hôm sau bay ngay sang Mỹ đổi tên di chuyển toàn bộ số tiền gửi của gia đình họ Khổng đi. Kết quả là khi công bố quyết định, thị trường tiền ngoại hối xao động, các quan chức đều không đề phòng gì nên trở tay không kịp, ngay đến như Trần Quang Phổ là ủy viên chủ nhiệm của ủy ban điều hành quỹ bình chuẩn cũng không được báo trước. Cũng do đó mà tài phiệt của Giang Tây, Triết Giang, hệ chính học đều điêu đứng vì thủ đoạn đó của họ Khổng.

Đúng như tác giả của "Vương triều họ Tống" đã viết: "Trường Hy tổ chức ra các ủy ban, bọn nhân viên thu chi tại các khu nhà ở của Tống Ái Linh nắm giữ tài sản của nhà họ Khổng. Bà ta thường bắt văn thư của mình làm việc suốt ngày đêm. Bà ta lợi dụng địa vị của chồng, moi được những điều cơ mật về tài chính, làm giàu dưng dưng, kết quả làm cho danh vọng của bà ở Trung Quốc ngày càng tồi tệ".

Đâu chỉ có thế thôi, tiếng xấu tham lam tiền tài của Tống Ái Linh đã lan sang tận bên kia bờ Thái Bình Dương. Đến nỗi năm 1932 khi lần đầu tiên bà tháp tùng đức ông chồng đi thăm Âu, Mỹ sợ rằng bạn học cũ và những người quen biết ngày xưa đến hỏi chuyện làm giàu của nhà họ Khổng, cho nên không dám trở về thăm trường cũ của mình tại Mỹ nữa.

Hưởng hết vinh hoa trên cõi đời

Tống Ái Linh là một người đàn bà tháo vát, rất có chủ kiến, lại giỏi cơ mưu quyền biến. Nhìn bề ngoài, bà là người ít danh tiếng nhất trong ba chị em nhà họ Tống, nhưng thực chất, bà đáo để hơn, ranh mãnh hơn hai người em gái kia nhiều. Chẳng thế mà bà mới chính là người giữ tay hòm chìa khóa cho họ Tống. Về mặt nào đó mà nói, chính nhà họ Tống đã nhờ bà mà duy trì được lâu đến thế, không đến nỗi suy thoái. Rồi chuyện hôn nhân của Tưởng Giới Thạch với Tống Mỹ Linh cũng do một tay bà sắp đặt. Tính tháo vát và hiếu thắng của Tống Ái Linh được thể hiện ngay từ khi bà còn nhỏ. Khi 15 tuổi, bà còn như một nụ tầm xuân đang phong nhụy, ấy vậy mà đã một mình vượt biển trèo non đến nước Mỹ xa xôi không một người ruột thịt, chính điều đó đã rèn dũa cho bà khả năng xử thế và quyết đoán.

Tống Ái Linh xưa nay nói sao là làm vậy, dám làm dám chịu, không phục uy quyền. Mùa thu năm 1944, nước Mỹ đã nhận thấy quân đội Tưởng Giới Thạch đã thối nát bất lực, bèn đưa ra chủ trương để cho tham mưu trưởng chiến khu Trung Quốc là tướng Sti Oen chỉ huy bộ đội tác chiến của vùng chiến khu Trung Quốc. Tưởng không muốn tiếp nhận đề nghị đó của Mỹ, nhưng lại e rằng làm mình làm mẩy với ông chủ, bởi thế chính vì việc này mà trở nên tiến thoái lưỡng nan, phải trái đều khó xử. Sau khi Tống Ái Linh biết được việc này, đã lựa dịp mời được Sti

Oen khinh người như rác đến cung điện của mình ở Phạm Trang, trách hấn rằng: – Nghe nói ngài muốn làm "ông tướng Ta Đảng"...

Nếu như lời đồn đại ấy là có thật, thì tôi lấy làm tiếc thay cho ngài, bởi vì địa vị của ngài hôm nay đã vượt xa ông tướng Ta Đảng thời Thái Bình Thiên quốc rồi; cứ như tính chất của cuộc chiến tranh mà nói, công việc của tướng Ta Đảng chỉ là giúp cho cuộc nội chiến của Trung Quốc, hoặc là đứng vào địa vị quan trọng nô dịch cuộc đấu tranh của loài người. Còn ngài thì sao? Ngài đã giúp cho Trung Quốc gánh vác lấy nhiệm vụ chống xâm lược và tranh giành tự do cho tất cả các nhân sĩ trên thế giới này, giữa hai việc có sự khác biệt rất xa nhau. Nếu như ngài có ý nghĩ muốn làm như tướng Ta Đảng, thì chẳng hóa ra ngài muốn đẩy cỗ xe lịch sử ở đây chạy ngược lại? Tôi quả thật thấy thay cho ngài rằng chẳng đáng nên chút nào! – Tiếp đó Tống Ái Linh nói – Nếu như ngài có nói như vừa mới rồi, thì quân đội Trung Quốc xưa nay vốn dựa vào lịch sử, muốn giữ quan hệ, trong tình cảm... tôi xin hỏi ngài, một quân đội như thế giao vào tay ngài, nếu như họ không tuân theo sự chỉ huy của ngài thì làm sao? Tôi nghĩ việc đó chẳng những sẽ sứt mẻ đến tiếng tăm của ngài, mà e rằng ngay cả đến tiền đồ hợp tác Viễn Đông của các nước đồng minh cũng sẽ bị ảnh hưởng lớn đấy... Với chức vị hiện nay ngài... Ngài là tham mưu trưởng, đạo lý của Trung Quốc hay ở đâu cũng thế, công việc chức vụ của tham mưu trưởng là phò tá thông soái, để hoàn thành nhiệm vụ, chắc chắn rằng không có lý lẽ gì khác. Tôi không hiểu cảm nghĩ của ngài thế nào về chuyện này? Ngoài ra, nhìn về mặt chính trị, nếu như quân đội Trung Quốc hoàn toàn giao cho ngài chỉ huy; giả sử như kẻ thù chung của chúng ta là Nhật Bản, nắm lấy cái cớ này tuyên truyền rằng Trung Quốc là thuộc địa của Mỹ, sách lược của Mỹ là dùng người châu Á đánh người châu Á; để dần dần thực hiện dã tâm xâm lược châu Á. Thậm chí còn cho nguy quyền của Trung Quốc lên tiếng chỉ trích sách lược đó của Mỹ, nói các ngài đã tước đoạt chủ quyền của Trung Quốc còn Nhật Bản mới thực sự là giúp đỡ người châu Á, tôi quả thực không thể nghĩ ra lý do gì để có thể phản bác họ cho có hiệu quả hơn".

Ngẫm nghĩ thật kỹ những lời lẽ đó của Tống Ái Linh, không ai lại không khâm phục ba tác lười của người đàn bà thép này với những lời lẽ sắc bén, ngọt nhạt. Sti Oen xưa nay vốn chẳng chịu ai, cũng đã chịu nghe lời, bằng lòng tiếp nhận những "lời lẽ tốt đẹp" ấy của phu nhân, thế nhưng sau lại cảm thấy ân hận. Thu nhặt tiền của là sở thích số một của Tống Ái Linh. Ngay từ lúc bà mới yêu Không Tường Hy, thì đôi tình nhân này đã thường lấy tiền bạc làm đầu đề câu chuyện. Một lần Không Tường Hy nói:

– Rất muốn nắm một tài sản lớn, để sau đó có thể quyền góp cho cách mạng được bất kể lúc nào.

Tống Ái Linh nghe thế xong, rất cảm động trước "nguyện vọng cao cả" đó của

Tường Hy, vội mở to mắt âu yếm nhìn xoáy vào đức ông chồng, rần rỏi đáp:

– Em không khao khát được nắm một tài sản lớn. Em rất tin rằng em có thể qua việc đó mà đem hạnh phúc cho muôn người!

Hành động thực tế mấy chục năm sau khi cưới nhau của đôi tình nhân này đã chứng tỏ hết sức rõ ràng nửa phần trước của nguyện vọng tha thiết của họ, còn nửa sau hoàn toàn là lời nói suông.

Bằng những thủ đoạn bất hợp pháp, họ kiếm được những món lời kếch sù rồi tự mình hưởng thụ, họ sống một cuộc sống xa xỉ chìm ngập trong tiền của: đi lại một bước cũng lên xe, đến đâu cũng ở những biệt thự sang trọng, xà chạm cột son, bên mình luôn luôn có hàng tá người phục dịch. Theo ông Mật Hy trước đây làm cảnh vệ cho họ kể lại:

"Tống Ái Linh sáng sớm dậy húp một bát xúp tổ yến nấu với bột trân châu, cho rằng dùng thứ này có thể làm cho da dẻ mịn màng. Dáng vẻ của Tống Ái Linh tuy không đẹp lắm nhưng lại rất thích trang điểm, những quần áo mặc hàng ngày cho đến giày dép và đồ nữ trang đều là hàng ngoại, mẫu mã cũng đều là những thứ mới mẻ, hợp thời trang nhất, bước đi đến đâu, thơm nhức mũi lên đến đấy. Thứ bột tắm mà bà ta dùng, là thứ mà nữ hoàng Anh vẫn dùng, tắm xong thoa lên một chút thấy hết sức sảng khoái, mùi thơm ngọt ngào tỏa ra, ruồi muỗi phải tự tránh xa thứ bột này, giá cả của nó đắt đến mức người ta phải trở mắt ngạc nhiên, đến nổi cả Thượng Hải chỉ có một nhà buôn dám buôn thứ hàng này.

Quần áo mới, giày dép mới của Tống Ái Linh dùng không hết, mỗi bộ quần áo chỉ thay một lần là vứt. Đương nhiên bà ta vốn vụng về chân tay thế cho nên phải có một "Bộ trưởng hậu cần" luôn luôn đi sát bên mình. Mỗi lần Khổng Tường Hy ra nước ngoài, lại tha về hàng loạt món quà quý – chỉ riêng tất dài bằng tơ dùng cho các bà các cô cũng phải có đến mấy trăm đôi. Đương nhiên tiền mua sắm những thứ này hoàn toàn có thể đem ra thanh toán với kho bạc của nhà nước".

Tống Ái Linh có lượng của cải quá nhiều nên tiêu pha xưa nay vẫn quen thói vung tay mặc sức, chỉ thương cho hàng ngàn vạn dân lành sau khi bị bóc lột đè nén, còn phải sống cuộc đời ăn chẳng đủ no. Thật rõ là:

Trong nhà họ Tống thật rượu thối

Bên đường người chết cóng nằm tro xương.

Thế cho nên cái chính quyền mà vợ chồng họ Khổng hằng tận hiếu tận trung ấy, bị lịch sử, bị dân chúng vứt bỏ, đó cũng là điều tất nhiên.

CHƯƠNG VII CON TRAI CON GÁI NHÀ HỌ TỔNG MỖI NGƯỜI ĐI MỘT ĐƯỜNG

I. TUẦN TRĂNG MẬT NGĂN NGỦ

Gửi tình trong "một bát cơm"

Hong Kong – hòn ngọc quý ở biển nam Trung Quốc do vị trí đặc biệt của nó dần dần trở nên điểm hội tụ của hai nền văn hóa Đông Tây, cũng lại có tự do hơn cả ở những vùng Quốc dân đảng chiếm đóng. Hong Kong thời ấy giống như một cái thắt lưng, nó đã thắt chặt những người Hoa kiều sinh sống rải rác khắp nơi đất khách quê người lòng vẫn hướng về quê cũ lại với Tổ quốc. Cuộc đời cách mạng của Tôn Trung Sơn cũng không thể tách rời sự ủng hộ của Hoa kiều. Có người thì ủng hộ bằng kinh phí, vật chất, cũng có người ủng hộ bằng cả sinh mạng mình như 72 liệt sĩ ở Hoàng Hoa Cương, phần lớn là Hoa kiều.

Còn Tôn Trung Sơn vốn có uy tín rất cao trong đông đảo Hoa kiều, không phải chỉ vì "yêu nhau yêu cả đường đi" đâu, mà điều quan trọng là lòng trung thành hết mực với chồng cũng như thái độ bền vững với lý tưởng của Tống Khánh Linh đã khiến cho Tôn phu nhân cũng được đông đảo Hoa kiều kính trọng tự đáy lòng như thế. Cân nhắc đến cuộc kháng chiến của Trung Quốc sẽ cần đến sự ủng hộ mạnh mẽ của Hoa kiều và quốc tế; cân nhắc đến Hong Kong là nơi thuận tiện nhất để có sự ủng hộ đó, cho nên ngay sau khi cuộc kháng chiến Tùng Hồ bùng nổ, Tống Khánh Linh bèn rời Thượng Hải xuống Phúc Nam và đi Hong Kong. Từ đó bà để lại dấu chân cuộc sống của mình trong mấy năm trời ở Hong Kong. Từ năm 1937 đến 1941, những vịnh nước sâu, vịnh nước nông, nhà trọ trời, đại lộ bờ biển... đã hòa vào trong cuộc sống của bà.

Thượng Hải bị chìm đắm, rồi Nam Kinh chìm đắm, Quảng Châu, Vũ Hán mất vào tay địch... một nửa giang sơn của Tổ quốc đã sang tay người khác. Một số người tỏ ra run sợ trước không khí huênh hoang đắc thắng của bọn xâm lược Nhật Bản nên tỏ ra bi quan thất vọng. Để cho vững thêm lòng tin của nhân dân cả nước vào sự tất thắng, Tống Khánh Linh đã viết rất nhiều bài báo, bà lạc quan và tin chắc viết rằng:

"Trung Quốc là đất nước không thể chinh phục được. Tôi tin chắc rằng, Trung Quốc chẳng những có thể chống lại bất kể sự xâm lược nào của Nhật Bản, mà còn có thể hay hơn thế nữa cần thiết phải thu hồi lại những phần đất đã mất. Xin hãy tin ở tương lai".

Chính vì ôm ấp niềm tin tất thắng của chính nghĩa, ngay trong những lúc đen tối tưởng như có thể sụp đổ tất cả, Tống Khánh Linh vẫn không hề bi quan, không run sợ, vẫn nhìn ra hy vọng, bởi ngọn lửa hy vọng vẫn luôn luôn cháy trong tim bà.

Tháng 6 năm 1938 "Quốc minh bảo vệ Trung Quốc" (sau này gọi tắt là "Bảo minh" được thành lập ở Hong Kong, Tống Khánh Linh đã làm chủ tịch, em trai bà là Tống Tử Văn làm hội trưởng. Xin-ta San Uân-cơ-lác phụ nhân làm thư ký. Rô-phây-phờ-răng của trường đại học Hong Kong làm phó chủ tịch, Ai-phát-sơ phụ trách tuyên truyền. "Bảo minh" là một tổ chức cứu trợ có tính quốc tế.

Lợi dụng ảnh hưởng của mình, Tống Khánh Linh cũng tranh thủ được rất nhiều viện trợ (gồm xe ca, đệm, thiết bị y tế, thuốc men, nhà bạt...) những món viện trợ đó qua tay Tống Khánh Linh, đưa về căn cứ địa địch hậu do đảng Cộng sản lãnh đạo không thiếu một xu nào, đã có tác dụng kịp thời như buồn ngủ gặp chiếu manh.

Ngoài ra, Tống Khánh Linh còn tích cực giới thiệu và đưa nhiều thầy thuốc nước ngoài vào làm việc ở vùng căn cứ địa chống Nhật, trong đó có Bi-ti-un của Ca-na-đa, Kha Độ Hoa, Ba Tô Hoa, Hòa Khắc Hoa của Ấn Độ, Ma Hai-đơ của Mỹ.

Đến tháng 8, Tống Khánh Linh lại cùng với Lu-ít Ai Li, Et-ca-si-lốp, Ni-mô-den-xơ... sáng lập nên Trung Quốc Công nghiệp hợp tác xã, với tôn chỉ là "tiếp nhận viện trợ từ bên ngoài, phát triển sản xuất, tự sản tự cứu, chống Nhật cứu nước". Với sự giúp đỡ của "hợp tác xã" này, đã xây dựng được một số nhà máy, nông trường, hợp tác xã cung tiêu... ở trong vùng Quốc dân đảng chiếm giữ cũng như ở cả căn cứ địa, chi viện mạnh mẽ được cho cuộc kháng chiến.

Để cho "hợp tác xã" này tranh thủ được nhiều nguồn vốn, Tống Khánh Linh đã hết lòng hết sức và phong trào "một bát cơm" là một cố gắng rất thành công.

Đầu tháng 5 năm 1941, phong trào "một bát cơm" được thành lập, Tống Khánh Linh làm chủ tịch danh dự, luật sư La Văn Cẩm là nghị sĩ người Hoa khóa đầu tiên làm chủ tịch, các ủy viên khác gồm các bậc danh lưu và lãnh tụ các đoàn thể của khu vực Hong Kong, Cửu Long.

Phương thức của phong trào "một bát cơm" là bán ra một vạn tám phiếu cơm, mỗi tám hai đồng, người mua phiếu đến địa điểm được chỉ định ăn một bát cơm rang. Số thu nhập do bán phiếu ăn, sẽ tặng hết cho "hợp tác xã".

Tối ngày 1 tháng 7, lễ khai mạc "phong trào một bát cơm" được tổ chức tại khách sạn Anh Kinh số nhà 179 đường Trang Sĩ Tấn, vịnh Hong Kong, Tống Khánh Linh đã chủ tọa buổi lễ và phát biểu bài nói chuyện:

"Mục đích của phong trào "một bát cơm" là dùng số kinh phí quyên góp được, cứu trợ cho những người gặp khó khăn, và cũng là cách bớt ăn bớt uống, để bày tỏ sự hy sinh của mình, đó là nét đẹp làm người của chúng ta, bất kể là trong nước hay nước ngoài, đời xưa hay đời nay đều đáng ca ngợi".

Phong trào "một bát cơm" do Tổng Khánh Linh lãnh đạo, được sự hưởng ứng tích cực của nhân sĩ giới văn nghệ, họ đã rầm rộ viết bài, nói chuyện ở khắp nơi.

Trong bài "Đề cho lương tâm được yên", Hạ Diễm viết rằng:

"Chiến tranh bốn năm trời, chiến sĩ và nhân dân ta chết mất bao nhiêu người, bị thương bao nhiêu người? Bao nhiêu người phải lang thang không cửa không nhà? Chiến tranh chẳng những là vì họ, mà cũng còn là vì bạn, vì họ hàng của bạn, đau khổ là họ, đau khổ cũng là các bạn nữa. Phong trào hợp tác công nghiệp do Tôn phu nhân lãnh đạo, là con đường nhanh gọn và dễ dàng đi đến giải quyết mọi vấn đề, đây không phải là công việc của một số ít người làm cuộc vận động này, mà đây là công việc của tất cả nhân dân Trung Quốc... Làm cho phong trào một bát cơm ở Hong Kong được thắng lợi, là trách nhiệm tối thiểu của bạn đối với Tổ quốc, để làm cho lương tâm của bạn được yên, và bạn cũng góp phần trách nhiệm nhỏ nhoi".

Nhà viết kịch Vũ Linh Tác nói một cách hài hước rằng:

"Mong sao có biết bao người mang tấm phiếu cơm của phong trào một bát cơm, đến nơi chỉ định để ăn cơm sớ không thấy, giành không được, ăn không nổi, mà vẫn cười ha hả nói rằng: ăn hay không ăn được bát cơm rang là chuyện vặt, ý nghĩa phong trào một bát cơm mới là lớn lao".

Với tinh thần có tiền thì bỏ tiền, không có tiền thì bỏ sức, các hàng cơm khách sạn, phòng trà rầm rộ quyên tặng cơm rang. Đến cuối tháng 7 đã được cả thảy 14.700 bát.

Ngày 1 tháng 8 phong trào "một bát cơm" chính thức tiến hành. Nhà ga bến tàu, sân bay, công sở... thậm chí bến xe hơi, xe điện, ở đâu cũng có thể thấy áp phích, ở đâu cũng thấy biểu ngữ, khẩu hiệu viết rằng: "Mua thêm một bát cơm tức là cứu thêm được một người hoạn nạn", "Xin hãy chìa đôi bàn tay nhiệt tình của bạn ra!".

Đến trưa, người ta từ ba bề bốn bên ùn ùn kéo đến các cửa hàng ăn gần đó, đưa phiếu ra để ăn cơm, họ đã ăn những xuất "cơm yêu nước", "cơm cứu nước" đó, lòng rất thoải mái và hả hê, cảm thấy mình cũng có công vào việc cứu nước. Một người lái buôn đã nói:

– Bình thường, mỗi khoản chi tiêu đều phải tính toán, ngay tiền mua một cây

diêm cũng phải tiết kiệm, nhưng mua phiếu ăn cho phong trào một bát cơm thì không thể hà tiện được. Tôi đã mua năm bát; vợ và các con tôi đều đi ăn, tuy rằng tiêu mất chục đồng bạc mà tôi vất vả lắm mới kiếm được, nhưng trong lòng lại thấy muôn phần sung sướng, bởi chúng ta đã hết lòng với trách nhiệm của một người Trung Quốc cần có, trong lương tâm không còn bị cắn rứt nữa".

Ngày 1 tháng 9 phong trào "một bát cơm" sơ kết đợt một. Trừ các khoản chi phí cần thiết, còn được một khoản thu là 250.000 HKD, 615 đồng tiền trong nước. Khoản tiền trên đã phát hết cho người nghèo và người gặp nạn, để họ tăng gia sản xuất tự cứu mình.

Trong 8 năm kháng chiến từ nước ngoài, từ trong số những Hoa kiều, Tống Khánh Linh rót cuộc quyên góp được bao nhiêu tiền của, chẳng ai biết rõ, có điều những khoản tiền của đó đều qua tay Tống Khánh Linh rồi gửi hết ra tiền tuyến. Còn bà thì vẫn sống như một nhà sư khổ hạnh. Nhà báo Cấn-xơ viết với tấm lòng thành kính như sau:

"Chỉ với cái miệng của mình, bà lập tức có thể có được chức quan cao với bổng lộc hậu hĩnh, nhưng bà chẳng cần gì hết; ngược lại trong những lúc cực kỳ khó khăn gian khổ, bà vẫn sống để thực hiện điều nguyện ước xưa kia của chồng mình. Bà đã từ bỏ gia đình của cải và đặc quyền. Những phụ nữ có thể từ bỏ nhiều thứ như thế hơn bà chắc hẳn là hiếm thấy. Bạn bè của bà nhiều lần muốn mua giúp cho bà một chiếc xe hơi, để bà sống được thuận tiện hơn một chút, nhưng bà đều cảm ơn và từ chối, từng xu nhỏ một, bà đều sung vào quỹ cứu trợ".

"Tôn phu nhân trong tưởng tượng của tôi hơi giống với nữ hoàng Vích-to-ria, với trang phục một bà góa và trái tim xám lạnh, khiến người ta những nhìn mà sợ... Nhưng Tống phu nhân mà tôi gặp, ngay như về tuổi tác, vẫn thấy bà như một thiếu phụ 27, 28 tuổi. Tuy trông bà có vẻ gầy yếu, nhưng vẫn ung dung sang trọng, lạnh lợi hoạt bát, dáng vóc bà như một pho tượng hoàn mỹ không có chút gì tỳ ố. Ấn tượng bà để lại cho người ta không giống như một nhân vật cách mạng có tính lịch sử, mà như một thiếu nữ sôi nổi vừa bước qua ngưỡng cửa của sự nghiệp".

Tình máu mủ chân tay

Cùng với sự nghiệp hợp tác trở lại của hai đảng phái không đội trời chung với nhau là đảng Cộng sản và Quốc dân đảng, cùng với việc thành lập và ngày càng được củng cố mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật, giữa các anh chị em trong gia đình họ Tống cũng tháo gỡ đi hàng rào ngăn cách, họ dần dần trở lại với tình máu mủ chân tay ngày nào của những đứa con cùng một mẹ.

Sau khi cuộc kháng chiến toàn diện nổ ra, hai chị em họ Tống ở trên những

cương vị khác nhau đã hết lòng vì dân tộc. Người chị cả Tống Ái Linh dựa vào nguồn tiền hùng hậu của mình, bỏ ra xây dựng nhà thương, chữa trị cho thương binh, bảo đảm để mỗi người lính trước khi ra viện, đều có thể được cấp một bộ quân phục, một túi đồ ăn và một ít tiền tiêu vặt. Bà còn tự bỏ tiền ra mua cho những phi công đầu tiên của Trung Quốc 500 chiếc áo giắc cốt da. Tống Mỹ Linh thì khi kháng chiến vừa bùng nổ, đã bận với việc "chỉ đạo phụ nữ và nhận nuôi những trẻ em mất nạn". Với "Hợp tác xã" mà Tống Khánh Linh lãnh đạo, họ cũng hết lòng ủng hộ mặc dù động cơ có khác nhau. Tống Khánh Linh rất nhiệt tình với "hợp tác xã", bởi vì nó như một sự cứu trợ cho nông dân, như một biện pháp để nông dân có thể tự lập được. Tống Mỹ Linh tán thưởng tiền đồ phát triển của kế hoạch này, cuối cùng nó sẽ làm cho dân chúng thôi không còn ỷ lại vào sự viện trợ của chính phủ nữa. Còn Tống Ái Linh, nhà nữ doanh nghiệp này, từ lâu đã muốn tìm ra một con đường hợp tác giữa tiền vốn và ngày công.

Tháng 2 năm 1940 Tống Mỹ Linh từ Trùng Khánh đến Hong Kong chữa bệnh. Sáu tuần sau đó, căn nhà của Tống Ái Linh ở đường Sa Tùng đã rất nhanh chóng vui nhộn hẳn lên. Tôn phu nhân cũng dọn đến cùng ở. Trong mấy chục năm đó, ba chị em họ hầu như đã trút bỏ hết những vai trò vốn có của họ, vui sướng cùng nhau sống những tháng ngày êm đẹp. Nhiều năm cho đến lúc này, đây là lần đầu tiên ba chị em gái nhà họ Tống vứt bỏ những bất đồng trong lập trường chính trị, thực lòng chung sống với nhau. Họ kể với nhau những chuyện đời thường, cùng xuống bếp nấu ăn, nói những câu chuyện vui ngày xưa mà người khác ít ai hiểu được, mặc thử quần áo của nhau. Mỹ Linh còn mua cho Khổng phu nhân một đôi quần và đôi sau này đến Trùng Khánh, Khổng phu nhân nhất định phải mặc. Tưởng phu nhân cũng có ý định mời cả chị thứ hai về Trùng Khánh với mình.

Một buổi tối, ba chị em rủ nhau đến dùng cơm ở một khách sạn lớn tại Hong Kong, công khai với mọi người. Những người có mặt vô cùng kinh ngạc. Bởi từ sau năm 1927, mười mấy năm trời, người ta chưa hề thấy ba chị em họ cùng có mặt một chỗ với nhau – Ba chị em thân mật tiếp thức ăn cho nhau, khí chất trầm lặng và ăn mặc diêm dúa của Khổng phu nhân, Tưởng phu nhân sức khỏe mới hồi phục tỏ ra phấn chấn và tươi tỉnh, còn Tôn phu nhân với bộ đồ đen, đầu tóc đen mượt, hai mắt lộ ra vẻ sung sướng hả hê.

Ngày 1 tháng 4 năm 1940, ba chị em cùng từ sân bay Khải Đức ở Hong Kong bay đến kinh đô thứ hai, đất sở tại của chính phủ quốc dân là Trùng Khánh. Ngay hôm đó, thành phố này sôi động hẳn lên. Ngày 7 Tưởng Giới Thạch đã tổ chức buổi tiệc trà đón tiếp Tống Ái Linh và Tống Khánh Linh.

Trong bữa tiệc, Tống Mỹ Linh vui sướng khác thường, hết sức mừng rỡ đọc lời chào mừng.

"Hôm nay, mọi người không phải đến đây nghe tôi diễn thuyết nữa, mà đến đây để đón mừng hai người chị ruột của tôi, với tư cách là cô em út ra đây làm người giới thiệu, trong lòng vô cùng xúc động, từ nét cười trên mặt tôi, các bạn có thể thấy được tôi sung sướng đến mức nào. Tôn phu nhân từ sau khi kháng chiến đã làm rất nhiều công việc quan trọng, bà viết bài để tuyên truyền với nước ngoài, để bạn bè biết tin tức về cuộc kháng chiến của chúng ta mà chìa tay ra viện trợ cho ta. Không phu nhân ở Thượng Hải, thời gian kháng chiến cũng làm rất nhiều việc về công tác thương binh, bà đã từng quyên tặng 40 chiếc xe chuyên chở thương binh, và hiện nay bà còn là hội trưởng của hội "Bạn thương binh". Hai bà có mặt ở Trùng Khánh lần này, tất sẽ có tác dụng đẩy mạnh cho công tác kháng chiến".

Tiếp theo, Tống Khánh Linh đã nói chuyện với mọi người, bà nói:

– Sau khi Không phu nhân và tôi đến Trùng Khánh, đã thị sát những nơi máy bay địch đánh phá và những chiếc hầm hố phòng không sơ sài mà lòng thấy rất buồn. Thế nhưng nhìn thấy việc xây dựng đang được triển khai từng bước lòng lại thấy vui lên gấp bội. Chị em phụ nữ chúng ta nên tham gia các hoạt động xã hội, góp chút sức lực của mình để thực hiện lòng mong mỏi xưa kia của thủ tướng".

Người lên nói chuyện sau cùng là Tống Ái Linh, bà nói:

"... Tới Trùng Khánh, gặp được bạn cũ, lại quen thêm nhiều người mới, đương nhiên là rất vui. Tinh thần và trái tim trước sau vẫn luôn ở bên nhau, tức là cùng dốc lòng phấn đấu cho việc xây dựng một Trung Quốc giàu mạnh...Chúng ta phải hợp tác, bởi vì hợp tác thì mới đoàn kết được, có đoàn kết mới khiến cho công tác tiến hành thuận lợi được...".

Trong thời gian ở Trùng Khánh, ba chị em họ đã cùng đi thăm bệnh viện thương binh, khu nạn nhân, viện nuôi dạy nhi đồng, trường học... Còn tham dự các buổi mít tinh của giới phụ nữ. Ngày 18 tháng 4, cả ba chị em họ lại cùng nhau phát biểu trên đài phát thanh của Mỹ. Hoạt động của họ trở thành tin tức hàng đầu của báo chí toàn Trung Quốc thời bấy giờ.

Đầu tháng 5, Tống Khánh Linh rời Trùng Khánh trở về Hong Kong, tiếp tục lãnh đạo "Bảo minh". Thế là mùa xuân năm 1940 trở thành "tuần trăng mật" cuối cùng trong đời của ba chị em – giữa những ngày tháng với thời tiết tràn ngập ánh mặt trời, chim hót hoa nở, họ hòa thuận chan hòa với nhau, ý tình chan chứa. Không lâu sau, sự chia rẽ về chính trị, khiến họ lại có những mặc mớ cần cá trong lòng, rồi mỗi ngày một xa nhau.

Có thể sau này khi về già, họ cũng thích nhớ lại chuyện cũ thì mùa xuân đầu tiên thập kỷ 40 ấy sẽ là một điểm nhớ vĩnh hằng trong cả một quãng hồi ức dài với

bao nhiêu điều thắc thỏm khó quên.

II. ĐƯỜNG CÁI QUAN VÀ CẦU ĐỘC MỘC

Cuộc chia tay giữa chị và em trai

Với người em trai nhỏ hơn mình hai tuổi là Tử Văn, khi còn trẻ, Khánh Linh đã từng giành cho cậu em này nhiều sự quan tâm và che chở. Sau khi Tử Văn trưởng thành, lại cũng chính Khánh Linh đã tiến cử Tử Văn với Tôn Trung Sơn để cho Tử Văn phụ trách kinh tế tài chính của chính phủ Quảng Đông, từ đó đã tạo cho Tử Văn có đất dụng võ. Bởi vậy, đối với người chị thứ hai này, Tử Văn luôn giành cho một niềm cảm kích và yêu kính.

Nhưng sự chia rẽ chính trị lớn lao năm 1927 đã đẩy hai chị em họ sang hai dinh lũy khác nhau, và khiến cho tình chân tay ruột thịt giữa họ từ chỗ sâu sắc nồng nàn đi đến chỗ nhạt nhẽo hời hợt. Vì thế Tử Văn cảm thấy đau lòng, nhưng cũng không biết làm thế nào – để đến cuối cùng, đức tin của họ xung khắc với nhau như nước với lửa.

Quân giặc vào xâm lược, đã làm dấy bớt sự đối lập của chủ nghĩa dân tộc ở Trung Hoa "anh em cùng chung lưng, chống mỗi nhục bên ngoài", thế là Tử Văn lại nói lại tình cảm chị em với người chị thứ hai của mình như mười năm trước.

Họ đã liên kết với Tôn Khoa Phùng, Ngọc Tường... cùng lập nên tổ chức "Bảo minh", Tử Văn làm hội trưởng và đã gom góp được khoản kinh phí đầu tiên cho tổ chức này trong những ngày đầu thành lập. Trong thời gian này, Tử Văn và người chị thứ hai của mình thường xuyên gặp mặt nhau, nghiên cứu công việc, tham gia các hoạt động. Năm 1940 khi ba chị em gái tươi cười hơn hờ chụm đầu với nhau ở Trùng Khánh; Tử Văn biết tin này, lòng cũng dâng lên một niềm vui không nói nên lời.

Nhưng ngày vui ngắn chẳng tày gang, cùng với mức độ ngày càng tăng lên của những va chạm giữa những Quốc- Cộng, quan hệ của họ từ chỗ xa nhau đến đối lập nhau.

Đầu năm 1941, Tưởng Giới Thạch đã khởi động nên "Sự biến Hoãn Nam" ⁽¹⁾ làm xôn xao trong ngoài nước, hơn 9000 chiến sĩ của Tân Tứ quân bị lún vào vòng nguy nan, chính ủy Hạng Anh gặp nạn, quân trưởng Diệp Đình bị bắt. Sau khi xảy ra sự biến này, rất nhiều nhân sĩ lo lắng bội phần, e rằng quốc cộng lại chém giết lẫn nữa, cuộc kháng chiến của cả nước trở thành công toi. Tống Khánh Linh đứng trên lập trường chính nghĩa, đã lần lượt cho đăng trên tờ báo "Bảo minh thông tấn" nhiều bức điện và bài viết chống phát xít, chỉ trích hành vi xấu xa bỉ ổi của Tưởng Giới

Thạch khi gây ra sự biến lần này. Yêu cầu từ nay về sau quyết không được để xảy ra những việc phá hoại đoàn kết và công cuộc kháng chiến như thế này. Trong tình hình Quốc dân đang ra sức phong tỏa tin tức, bóp méo sự thực, đông đảo người đọc ở trong và ngoài nước có thể qua tờ báo khách quan và ảnh hưởng sâu rộng này tìm hiểu được sự thực của sự việc đó.

Cử chỉ chính nghĩa đó của Tống Khánh Linh làm cho oai phong của Tưởng Giới Thạch giảm đi tệ hại, bởi vậy Tưởng rất không hài lòng. Đúng lúc đó Tống Tử Văn đang ở Mỹ để lấy "kinh phí kháng chiến" và vũ khí, không những không hiểu và thông cảm với bà chị thứ hai, ngược lại còn cho rằng "Bảo minh" đã đứng về phía Cộng sản, đối lập với Chính phủ. Đối với mình, là một "đại thần" trong cái chính phủ này, nếu không tháo gỡ được ra khỏi cái chức vụ hội trưởng của "Bảo minh", tất sẽ bị người khác hiềm nghi là "thông đồng với giặc", mỗi hiềm nghi đó, có nhảy xuống Hoàng Hà cũng không rửa sạch, đồng thời còn hình thành kẻ hở để bọn kinh địch về chính trị lợi dụng, ảnh hưởng đến tiền đồ vẻ vang của mình.

Vì nghĩ đến con đường thẳng tiến sau này, nghĩ đến bổng lộc cho mình, Tống Tử Văn liền dứt khoát không nghĩ đến tình máu mủ ruột thịt. Ngày 30 tháng 5 ông ta đã gửi điện từ Oa-xinh-ton về cho "Bảo minh" tuyên bố ra khỏi tổ chức này, và tất nhiên là từ luôn cả chức hội trưởng. Điện báo nói:

"Khi tôi nhận chức hội trưởng Đồng minh bảo vệ Trung Quốc, là đứng trên một nhận thức rằng Đồng minh sẽ mang hết sức qua quyền hiến vật tư của bạn bè ở trong và ngoài nước, để viện trợ cho lực lượng đề kháng của Trung Quốc và giúp đỡ cho những dân thường bị bọn xâm lược Nhật Bản giày xéo chà đạp. Tôi cho rằng Đồng minh không nên biến mình thành công cụ của một chính đảng nào trong nước. Vậy mà khi còn chưa hỏi ý kiến tôi, đã cho đăng lên tạp chí của mình, những bài viết như thế, tôi rất lấy làm tiếc rằng tôi sẽ phải ra khỏi tổ chức này và xin các bạn hãy cho đăng toàn văn bức điện này".

Xem xong bức điện báo của Tống Tử Văn, Tống Khánh Linh rất buồn. Bà thấy rõ ràng cái hố ngăn cách về chính trị giữa bà và người em trai lớn của mình mãi mãi không bao giờ san lấp nổi. Và như thế là hai chị em mới vừa bắt tay hợp tác chẳng bao lâu lại phải chia tay và thôi chẳng còn bao giờ làm thân với nhau nữa. Cuối năm 1941, Hong Kong lại sa vào tay giặc, Tống Khánh Linh quay về Trùng Khánh. Tuy cùng về một thành phố nhưng giữa ba chị em họ trong lòng ai cũng có một niềm căn cá, một nỗi cộm trong tình cảm, và chính nó đã ảnh hưởng rất lớn đến sự qua lại tình cảm giữa họ với nhau.

Giữa lúc tình thế của phong trào chống phát xít trên thế giới có những chuyển biến tốt, Tưởng Giới Thạch ngược lại càng ngày trở nên bảo thủ và phản động. Một

mặt ông ta cho đồn chứa vũ khí đạn dược vào một chỗ, để chuẩn bị sau này đánh nhau với cộng sản, mặt khác tăng cường phong tỏa vùng căn cứ địa. Với những hành động đó của Tưởng, Tống Khánh Linh phê phán thẳng thắn không chút kiêng nể. Ngày 8 tháng 9 năm 1943, trong "Thư công khai gửi các bạn bè Trung Quốc ở nước ngoài", Tống Khánh Linh vô cùng tức giận, nói rằng:

"Sự phong tỏa về chính trị ở trong nước khiến cho họ thiếu thầy thiếu thuốc, thậm chí bạn bè nước ngoài có gửi tới, họ cũng không hề nhận được. Chúng tôi chẳng đòi hỏi phải đối xử ưu ái với họ. Chúng tôi chỉ đòi hỏi phải đối xử sao cho công bằng, yêu cầu bỏ ngay sự bao vây chính trị, và kêu gọi mọi người đừng nên giữ thái độ im lặng trước sự bao vây này. Sự bao vây này đã vạch ra một giới tuyến vô hình ở Trung Quốc, một bên thì chiến sĩ chống Nhật bị thương có quyền được hưởng sự chữa trị, còn một bên lại tước đoạt quyền lợi ấy.

Quốc dân đảng lúc này như dãi ngựa không ai dám mớ. Đúng như lời của viên đại sứ Mỹ ở Trung Quốc Sê-vân nói: "Ngoài Tôn phu nhân ra, không thể có bất kỳ một người Trung Quốc nào dám công khai vạch trần cái chính sách o ép về chính trị này, dù chỉ là nói bóng nói gió".

Bức thư công khai gửi ra nước ngoài của Tống Khánh Linh làm cho chính quyền Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch dùng dùng lửa giận. Ba yếu nhân của Quốc dân đảng đã công khai tố giác "đó là những lời nhảm nhí không hề có căn cứ" là "lấy lòng người nước ngoài", là "vạch áo cho giới báo chí xem lưng". Với những lời chú thích đó, Tống Khánh Linh chỉ bỏ ngoài tai. Như thế là ở Trùng Khánh, Tống Khánh Linh bị coi là "phần tử đỏ", là "nhân vật nguy hiểm", yêu cầu đi thăm nước ngoài của bà cũng không được đáp ứng, nhà ở luôn luôn có mật vụ mặc áo dân sự theo dõi dày đặc để giám sát kẻ ra người vào.

Quan hệ giữa các chị em nhà họ Tống như chiếc hàn thử biểu của quan hệ Quốc – Cộng với nhau đoàn kết, thì họ cũng đoàn kết được với nhau, khi đoàn kết Quốc cộng bị phá vỡ, họ cũng bị chia rẽ theo.

"Cửa hàng họ Khổng" bị khám xét

Quyền lực, có nghĩa là địa vị, có nghĩa là đứng trên nhìn xuống, có nghĩa là kẻ khác phải phục tùng, phải khom lưng với mình, có nghĩa là tiền tài...

Quyền lực như một thứ ma túy, hễ nghiện vào, phải dứt bỏ đi thì vô cùng đau khổ.

Chính vì thế mà Khổng Tường Hy không muốn rời ghế, không muốn rời quyền lực đang nắm trong tay ra một chút nào, vậy nhưng ông em đồng hao của ông ta lại

cứ muốn ông thành quân tốt, thí đi để giữ tướng. Ông trở nên bực dọc, ông bất mãn, ông âm ức, ông oán thán.

Thấy chồng mình buồn bã đau khổ thế, Tống Ái Linh như bốc lửa lên đầu, bà nhất định phải giải phóng nỗi bất bình này cho chồng – chồng bà chăm chỉ làm việc, mười năm trời không có công lao thì cũng có nỗi vất vả. Bà liền cho mời em gái mình tới, nói lên nỗi khổ cho chồng và cũng cho cả chính mình, Tống Mỹ Linh rất đồng tình với chị gái và anh rể. Có ngày nay phải nhớ đến ngày xưa mình được trở thành "đệ nhất phu nhân", anh rể, chị gái cũng mất nhiều công sức chứ, ngày nay được sung sướng thế này, sao lại nỡ qua cầu rút ván? Huống chi lại là chỗ người nhà thế này, còn quan hệ đến thể diện gia đình nữa chứ? Chính vì thế, bà sẽ đòi hỏi ở chồng mình "cái lý", "cái lẽ" của sự việc.

Trước sự áp đảo mạnh mẽ của vợ, Tưởng Giới Thạch bươu đầu sút trán. Lập trường "bệnh Khổng" của vợ không hề thay đổi chút nào, thế nhưng lực lượng "lật Khổng" ở bên ngoài lại không thể coi thường.

Thứ nhất, từ đầu đường xó chợ, lời bàn tán xôn xao, nói bộ trưởng bộ tài chính Khổng Tường Hy ý quyền mưu tư lợi, vợ vét tiền của trong cảnh đất nước khó khăn, Khổng đã bị ngàn người chỉ mặt chỉ tên, muôn người chửi bới phỉ nhổ. Nếu tiếp tục giữ chức vụ cho ông ta, thì sẽ ảnh hưởng đến Tưởng Giới Thạch, đến hình ảnh Đảng và Nhà nước, đến việc chấn hưng phong cách của Đảng, kỷ cương của Đảng... sẽ không biết đến đâu mà kể? Không để cho Khổng về vườn, không thể dẹp yên nỗi bất bình của dân chúng rồi danh tiếng của bản thân cũng như của Đảng và Nhà nước này cũng bị liên lụy.

Thứ hai, trong nội bộ Quốc dân đảng cũng có nhiều lời oán trách về những hành vi tham ô của Khổng Tường Hy, nhóm CC, nhóm chính học, nhóm Hoàng Phố đều cực lực tẩy chay Khổng, họ coi Khổng là "Con sâu làm rầu nồi canh. Một người làm ấi xấu danh đàn bà", không hề Khổng đi không được. Đồng thời họ cũng muốn qua việc tẩy chay Khổng để mở rộng thêm thanh thế của mình.

Thứ ba, nước Mỹ dùng viện trợ để tăng sức ép với Tưởng Giới Thạch, yêu cầu phải thay ngựa giữa đường đối với Khổng Tường Hy lấy quyền mưu lợi, hình tượng thiếu đẹp để đi, để bảo đảm cho viện trợ của Mỹ phát huy được tác dụng thực sự vốn có của nó.

Không cách chức đi thì không được, mà cách chức thì người đầu tiên không thông chính lại là vợ mình. Tưởng Giới Thạch lúc này, như chuột chạy cùng sào, không biết nên làm thế nào. Một đồng liêu cao cấp luôn đi sát bên Tưởng là Đường Tung, trong nhật ký của mình đã ghi lại hình ảnh tồi tệ của Tưởng Giới Thạch lúc bấy giờ như sau:

Ngày 3 tháng 10 năm 1943.

Gần đây, ủy viên trưởng có điều gì bất hòa với phu nhân, phu nhân về ở Không công quán tại chợ mới mở, không về nhà đã mấy tuần. Buổi chiều, phu nhân trở lại cung đệ ăn cơm với ủy viên xong, cả hai người về khu chợ mới mở, ở đó một đêm. Bên ngoài có nhiều tin đồn, nói ủy viên trưởng làm chủ tịch, viện hành chính không cho Không làm, để đến nỗi Không phu nhân trách mắng phu nhân, phu nhân không vừa ý với ủy viên trưởng. Hỏi Du thị vệ trưởng (tức Du Thế Thời), Du cũng không phủ nhận và nói cũng có quan hệ với Vĩ Quốc.

Ủy viên trưởng ngồi một mình trong phòng riêng, thở dài mệt mỏi. Cuộc sống của ông cũng khổ thật.

Ngày 1 tháng 11.

Trung Quốc làm lễ kỷ niệm 10 năm Không làm bộ trưởng tài chính, Bộ Tài chính tổ chức lễ chúc mừng ở đại lầu phát thanh. Ủy viên trưởng đến dự thì e rằng dân chúng sẽ bất mãn, không đến dự lại sợ vợ thương tổn đến quan hệ thân thích, cho nên ông đã không đến chỗ làm lễ, mà đến thẳng bộ Tài Chính. Hoàn cảnh của ông cũng khổ thật".

"Cuộc sống của ông cũng khổ thật", rồi lại "hoàn cảnh của ông cũng khổ thật", mang tiếng là người đứng đầu Trung Quốc, là Ủy viên trưởng Tưởng Giới Thạch uy phong hiên hách mà cũng vẫn có những điều bất hạnh đến như thế thật là ngoài sự tưởng tượng của người đời.

Làm quan thanh liêm thì không lo nỗi việc nhà.

Tưởng Giới Thạch xưa nay chỉ đầu được đầy, quả đoán một mức, thế mà trong việc cách chức ông anh đồng hao này, đứng trước sự chống đối của vợ nên cứ loay hoay mãi trở đi trở lại, luôn luôn nhăn nhó. Đường Tung lại viết trong nhật ký:

Ngày 21 tháng 5 năm 1944.

Vì các nhân sĩ xã hội khiển trách nhiều, Không phó viện trưởng xin chủ tịch cho từ chức. Chủ tịch dặn Bô Lô đưa trả lại đơn an ủi và giữ lại. Chủ tịch còn hỏi ông Bô Lô, rốt cuộc thì dư luận ở bên ngoài về ông Không ra sao? Bô Lô nói: "Phổ biến là phê bình Không buôn bán. Thời chính phủ Bắc Kinh thì buôn bán kết hợp với quan liêu; đến thời chính phủ Nam Kinh buôn bán vẫn kết hợp với quan liêu nhưng còn có khoảng cách Bắc Kinh – Thiên Tân, Nam Kinh – Thượng Hải, chứ ngày nay thì quan liêu, nhà tư bản và nhà buôn cả ba đều là một mà ở ngay Trùng Khánh. Trong Đảng thì phê bình Không không hiểu chính sách của Đảng, làm việc trái ngược với

chính sách của Đảng và Nhà nước quốc dân". Ủy viên trưởng nói: "Hiện nay còn chưa có người thích hợp để thay thế"... Bồ Lô nói ủy viên trưởng thiếu quyết tâm cải cách triệt để".

Trần Bồ Lô cho rằng quyết tâm cải cách của Tưởng Giới Thạch chưa triệt để, thật đúng là luận điệu của thư sinh. Đại nghĩa diệt thân tình đâu phải dễ. Chứ lại không ư, Tống Mỹ Linh khẳng khẳng nói mãi cũng không được, nhà mẹ đẻ cũng chẳng còn nữa đẻ mà về bèn ra phất ngay nước ngoài dưỡng bệnh, đến Rio de Janeiro (Brazil), sang với chị đẻ giết thời gian, cũng có một chút ra vẻ ương ngạnh cho rằng ở đây không chứa được ta, ta cũng có chỗ khác chứa được, làm xôn xao cả thành phố, bên ngoài người ta đồn nhau rằng Tống Mỹ Linh sẽ mãi mãi bỏ chồng.

Để tránh những vấn đề người ta có thể nhạy bén cảm nhận thấy, cho nên trước hôm bà vợ lên đường, Tưởng Giới Thạch đã tổ chức một buổi tiệc trà long trọng mời các nhân sĩ trong và ngoài nước tham gia. Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh đã nói chuyện với khách đến dự tiệc, tìm hết lời lẽ để giải thích rằng họ vẫn luôn yêu nhau, sống như cuộc đời của những đôi tân hôn theo Cơ đốc giáo.

Thật rõ ràng chẳng ai khảo mà xưng.

Chính trị là một màn kịch, Tưởng Giới Thạch lại càng thâm thía lẽ đó.

Tháng 6 năm 1944 Khổng Tường Hy sang Mỹ họp hội nghị ngân hàng thế giới của tổ chức Quỹ tiền tệ quốc tế, đồng thời Tống Ái Linh và Tống Mỹ Linh lần đầu tiên cùng bay sang Nam Mỹ.

Ngày 7 tháng 9 năm 1944, trong hội nghị lần thứ ba của tham chính quốc hội quốc dân, hội viên Phó Tư Niên đã chất vấn Khổng Tường Hy về một loạt vấn đề như làm quan còn đi buôn, dùng người thì toàn người thân, mua bán vàng bạc, biến thủ đô la gửi ở Ngân hàng v.v... Bài chất vấn đó đã phơi bày vô số việc không tròn chức trách, tự tư làm rối loạn kỷ cương... của Khổng Tường Hy.

1- Quan lại không được buôn bán, đã từng có luật pháp qui định, tức là quan lại không được trực tiếp đứng ra làm nghề buôn, bởi vì quan lại đứng ra buôn bán, có thể lợi dụng những quyền lợi chính trị đặc biệt để làm những việc mà người thường không thể làm được, đồng thời đi lại với Ngân hàng nhà nước lại rất thuận tiện. Ngày nay đối với tệ tham ô, báo chí có thể công bố được nhưng chỉ làm nhỏ chứ không được làm lớn. Luật pháp không chấp hành, tự do mà xâm phạm. Rồi còn có câu "sở dĩ đất nước lui bại, bởi vì quan gian tà. Làm quan mà mất đức tin, là do ăn hối lộ". Bấy giờ lấy một việc thực tế, là Khổng làm bộ trưởng song vẫn lập công ty Tường Ký. Tuy cái công ty này được lập ra khá lâu, nhưng gần đây vẫn tiếp tục lập thêm hiệu buôn Quảng Mậu, do nhà họ Khổng kinh doanh... Chúng ta biết rằng,

quan lại mà buôn bán thế nào cũng không tránh khỏi việc lợi dụng lực lượng chính trị, bây giờ nên chăng mời Chính phủ hãy kiểm tra công ty Tường Ký và cửa hiệu buôn Quảng Mậu và mọi chỗ xem có việc tích trữ đầu cơ không, xem có vi phạm pháp lệnh của hội nghị tổng động viên của nhà nước không, và cũng xin nhà nước cho kiểm tra sổ sách quan hệ giữa ngân hàng Dụ Hoa và ngân hàng nhà nước xem sao...Quan lại cao cấp ỷ vào thế lực đặc biệt của mình và tư thông đặc biệt về tiền tệ với ngân hàng Nhà nước. Nếu việc này không được chấn chỉnh và trừng trị đích đáng thì những chuyện vặt vãnh đưa ra giải quyết phỏng có tác dụng gì?

2- Ngân hàng Trung ương có thể nói là một cái bung xung, bởi vì có rất nhiều chuyện chúng ta không hề biết, có điều trong đó có rất nhiều đồng hương Sơn Tây. Nếu họ là nhân tài, đương nhiên là rất tốt thôi, nhưng e rằng không hẳn như thế. Trưởng phòng nhân sự và cả phó phòng là người Sơn Tây, phó phòng tổng vụ Lương Tử Anh cũng là người Sơn Tây. Trong Ngân hàng Trung ương có riêng một phòng y tế, trưởng phòng này cũng là người Sơn Tây. Hay như trưởng sở doanh nghiệp Quách Cảnh Côn tức là kẻ 10 năm trước mua bán quân nhu đòi chiết khấu, Quốc hội Mỹ từng cho kiểm tra và gây ồn ào lên một dạo, và là con nuôi của Khổng phu nhân, hiện cũng là trưởng phòng nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương. Tóm lại, tình hình Ngân hàng trung ương ra sao xin Chính phủ xác minh và báo cáo cho Ủy viên của hội tại Trùng Khánh. Cái ngân hàng này rốt cuộc là một cơ quan nhà nước, hay là sự kết hợp của những cá nhân. Là tổ chức của nhà nước, hà tất cứ phải dùng người Sơn Tây. Chúng ta mong mỗi Ngân hàng trung ương quốc gia hóa, cơ quan hóa. Lại còn cả sổ sách, cũng cần phải kiểm tra đối chiếu.

3- Vấn đề vàng. Chúng ta biết năm ngoái vàng phải bán ra. Ngân hàng Dụ Hoa mua một số lượng lớn. Họ bán ra với giá cao, mua vào giá thấp, chuyện đó ngoài xã hội, cả Trùng Khánh ai ai cũng biết. Hai tuần lễ trước, vàng dùng bán ra, mà chợ đen lại cao hơn 10.000. Đó là vàng mà Mỹ cho nước ta vay; theo báo cáo của Khổng phó viện trưởng, thì số vàng này sẽ dùng máy bay chở tới sau đó để điều hòa tiền tệ. Xin ông bộ trưởng tài chính hãy cho biết vàng của Mỹ được chở sang là bao nhiêu, số cần bán ra là bao nhiêu cũng như tình hình bán ra hàng tuần và sau đó còn bán nữa không? Còn chờ nữa không? Chúng tôi cảm thấy rằng, với số vàng của Mỹ cho vay, nên dùng vào những nơi cần thiết nhất, không nên để từng ly từng tý một đều để làm giàu cho cá nhân.

4- Phiếu gửi đô la, năm ngoái mọi người đều biết, trên thị trường cố nhiên là có những thứ này. Theo Khổng phó viện trưởng nói, trước đây rất ít người mua. Thế nhưng có người trước đây đã mua mà không mua được, thế mà các viên chức cục ký gửi và ngân hàng Trung ương lại được Khổng phó viện trưởng trước lúc ra nước ngoài thời gian gần đây chia cho một số lớn phiếu gửi, sau khi họp một hội nghị quan trọng, họ đã có cuộc họp kín, rồi đưa cho mọi người ngay tại chỗ, người ta

không nhận, Không liền bảo: "Ta tạm thời nể tình cho mọi người, đổi xong rồi ta lại cho các người". Nếu những cái phiếu đó là của nhà nước, thì không được lấy để chia nhau như thế, nếu là của cá nhân thì cần gì phải hợp hành, tình hình này, có phải là cách đưa hối lộ cho các quan to nhà nước? Những điều tôi vừa hỏi, tôi chịu trách nhiệm với Hội, đối với người ngoài hội cũng xin chịu trách nhiệm pháp luật.

Dùng người thì dùng người thân, tham ô đưa hối lộ, làm quan còn đi buôn... "Cơ quan dân ý" đã chất vấn và chống Không, làm cho Tưởng Giới Thạch không thể không nghiêng răng mà quyết tâm "chịu đau mà cắt thịt". Tháng 11 năm 1944 đến tháng 10 năm sau, phía Trùng Khánh bốn lần tuyên bố: Không Tường Hy đã lần lượt từ chức với các chức vụ phó viện trưởng viện hành chính, bộ trưởng bộ tài chính, thống đốc ngân hàng trung ương, phó chủ tịch 4 ngân hàng, chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng nông nghiệp v.v..., đơn xin từ chức mỗi lần đều được chính phủ quốc dân và các cơ quan chức năng phê chuẩn.

Không Tường Hy với 11 năm giữ chức viện trưởng và phó viện trưởng Viện hành chính, 11 năm làm bộ trưởng bộ Tài chính, 12 năm làm thống đốc Ngân hàng Trung ương, 10 năm chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông dân Trung Quốc và 64 tuổi đầu từ đó hết mọi quyền hành và hoàn toàn ra khỏi vòng quyết sách cấp cao của Quốc dân đảng.

Chồng danh giá vợ được thom lây, chồng hèn kém, vợ cũng chịu nhục. Tống Ái Linh đã 54 tuổi đời cũng vì thế mà buồn bã âu sầu, hốt hoảng như mất của, bất bình kêu oan, rầu rĩ âm thầm, rồi bà bỗng quát lên: – Chồng tôi không liêm khiết, vậy thử hỏi các ngài quan cao chức trọng trong Đảng, các ngài hãy sờ dít mình xem có sạch không?

Tức giận thì cứ tức giận, sự thực cứ là sự thực. Thế là "Cửa hàng họ Không" quyền thế lẫy lừng mười mấy năm trong lịch sử hiện đại Trung Quốc cuối cùng đã phải đóng cửa.

Từ đó cửa Không phủ bóng thừa vắng bóng ngựa xe. Cảnh đông vui như chợ ở trước cửa, cũng như cảnh khách khứa chật ních trong nhà ngày nào giờ đây tiêu điều như hoa tàn cuối vụ.

Người ta bảo: Không làm quan thì nhẹ bên mình. Thế nhưng Không Tường Hy từ giã chốn quan trường lại thấy

Anh không hát nữa em liền lên sân khấu

Khi Không Tường Hy mất hết quyền hành, tro troi băng khuâng, thì ở nhà họ Tống lại ngựa xe như nêm, khách khứa đầy nhà. Đúng là cảnh "biết ai loạn lạc, biết

ai sâu?".

Hoạn lộ của Tống Tử Văn đã lên đến đỉnh cao, tháng 12 năm 1940 đến tháng 5 năm 1945, ông ta làm Quyền viện trưởng hành chính. Tháng 6 năm 1945 Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm ông vào làm viện trưởng Hành Chính, trở thành quan "thừa tướng" ở dưới có một người, ở trên muôn người, đứng hàng quan đầu hàm của các bộ.

Lịch sử lại một phen đảo lộn.

11 năm trước, Tống Tử Văn khăng khăng đòi từ chức bộ trưởng tài chính, ý muốn làm mình làm mẩy, ép Tưởng Giới Thạch phải rút bớt khoản chi phí quân sự, định lùi để rồi tiến, ai ngờ Tưởng Giới Thạch lại thấy thuận nước thì đẩy thuyền, để Khổng Tường Hy tiếp quản bộ Tài chính, vì thế, Tống Tử Văn hết sức âm ức, cho rằng ông anh rẻ hắt cẳng mình, thừa gió bẻ măng, từ đó mà cặp anh rẻ em vợ thân mật này bắt đầu có sự rạn nứt trong tình cảm. Vết rạn đó, cứ tăng dần lên theo ngày tháng.

Sau khi kháng chiến bùng nổ, để tranh quyền đoạt lợi, họ đã có lúc ngấm ngầm lúc công khai ra mặt đá đầu đá nhau, biểu hiện đầu tiên là sự đối kháng giữa hai cậu cháu: Tống Tử Văn và Khổng Lệnh Khản. Năm 1938, với tư cách ủy viên trưởng Ủy ban kinh tế toàn quốc và chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Trung quốc, Tống Tử Văn thường trú ở Hong Kong. Lúc ấy cục tín thác Trung ương cũng dời ra Hong Kong, Khổng Tường Hy đã cử Khổng Lệnh Khản với tư cách là thường vụ ban điều hành chủ trì mọi việc. Lúc ấy, khoản cho vay của Mỹ bằng bông và lúa mì, đều do một mình Tống Tử Văn bao biện hết. Ông ta thông qua ủy ban điều chỉnh mậu dịch do bọn Trần Quang Phủ ép giá thấp xuống để thu mua các loại vật tư xuất khẩu như tơ, trà, dầu trẩu, lông lợn, quặng wolfram, quặng mangan, để đặt cọc vay tiền. Trong những loại vật tư đó, tất cả đều là vật tư mà chính phủ dân quốc đã công bố công khai là những vật tư thống nhất thu mua để xuất khẩu. Khổng Lệnh Khản sau này ở dưới trướng nên không hề kiểm được nguồn hàng xuất khẩu, cục tín thác không thể duy trì mãi được, đành lấy cớ làm công việc Tưởng Giới Thạch giao cho là "chuyên án dự trữ nguyên liệu, binh công xưởng năm hai tám", vạch giới hạn quyền lực trong việc thu mua lông lợn để cục tín thác Trung ương thống nhất giải quyết. Khổng Lệnh cho phòng thu mua trao đổi hàng lập nên các trạm thu mua ở Quế Lâm, Hành Dương, Liễu Châu, Thường Đức, Tây An, Lan Châu v.v... Các trạm thu mua của hai bên đều dùng quyền lực để tranh giành nhau, chẳng ai nhường ai. Đơn kiện từ Hong Kong chuyển về Trùng Khánh, nhưng cuối cùng Tống Tử Văn đưa ra cái vương bài "gán nợ để đảm bảo vay được tiền của Mỹ", nên đã chiếm được ưu thế. Qua việc này, Khổng Lệnh Khản thấy mình mất thế và bề mặt quá, luôn âm ức trong lòng với ông cậu ruột này.

Tay chân của Tống Tử Văn ở Hong Kong công khai chỉ trích Khổng Tường Hy, vạch những chuyện xấu xa của gia đình Khổng ra, Khổng Lệnh Khản cũng ăn miếng trả miếng, khi làm việc, phê chuyên công văn, đều gọi tên Tống Tử Văn ra mà rửa, khiến cho Tống không biết làm thế nào.

Khổng Tường Hy với Tống Tử Văn tuy không cạn tài ráo máng như Khổng Lệnh Khản, nhưng đấu đá ngầm ngấm nhau thì đã có rồi. Sổ sách mà Tống Tử Văn vay tiền của Mỹ, chưa hề cho Khổng Tường Hy biết bao giờ, có một số việc thì giao thẳng cho cục trưởng nghiệp vụ ngân hàng Trung ương trực tiếp giải quyết, nhưng cũng không báo cáo với Khổng, như thế, Khổng cho rằng Tống đã coi khinh mình. Với những đơn vị béo bở ở bên dưới bộ tài chính, Tống vẫn giữ rịt lấy không chịu buông ra, ngoài ra còn trực tiếp nhúng tay vào ngành muối, quan vụ v.v... điều đó cũng khiến Khổng Tường Hy luôn thấy ám ức.

Khổng với Tống tuy là anh rể em vợ, nhưng quan hệ với nhau lại như oan gia.

11 năm sau, Tống Tử Văn đánh một trận vu hồi, quay trở lại nắm quyền hành của ngành tài chính, rốt cuộc cũng hả được mối hận ngày xưa.

Ngày 25 tháng 6 năm 1945, Tống Tử Văn tuyên thệ nhận chức tại Trùng Khánh. Ngày thứ ba sau khi tân viện trưởng nhận chức, bèn bay đi Mat-sco-va để đàm phán về điều ước hữu nghị Trung – Xô. Duyên do của điều ước Trung Xô là tự mật ước Zan-ta – trong mật ước này, Rôn Pho đã qua mặt Trung Quốc, lấy việc hy sinh lợi ích của Trung Quốc ở vùng đông bắc làm điều kiện, đòi Liên Xô đem quân đánh vào Đông Bắc Trung Quốc tiêu diệt đội quân Quan Đông.

Đáng thương cho Tưởng ủy viên, không hề có một chút gì là tin tức tình báo. Vương Đới Lập vốn được gọi là con ma xuất quỷ nhập thần hóa ra trong lĩnh vực tình báo quốc tế, cũng chẳng nên trò trống gì.

Mãi bốn tháng lẻ bốn ngày sau, "mật ước Zan-ta" mới được thông báo đến Trùng Khánh, Tưởng Giới Thạch vô cùng tức giận, thế nhưng cũng chẳng biết làm gì hơn và cũng chẳng làm sao mà thay đổi được. Đành sở cậy vào đàm phán, để vớt vát lấy chút chủ quyền cho đất nước. Viện trưởng hành chính kiêm bộ trưởng ngoại giao thừa biết chuyện đi này lành ít dữ nhiều, nhưng vẫn phải cứ dẫn đầu ra trận, làm đại biểu hàng đầu. Cùng đi còn có Tưởng Kinh Quốc 35 tuổi.

Nguyên nhân Tưởng Giới Thạch đưa quân chủ bài Tưởng Kinh Quốc ra là nhằm gây thiện cảm với Sta-lin bằng cách đưa con trai của mình sang; lẽ thứ hai là Tưởng Kinh Quốc vốn thạo tiếng Nga, từng ở Liên Xô tới 12 năm, rất hiểu biết và thông thạo về tâm lý người Liên Xô, biết được ý nghĩ và mong muốn của họ, từ đó quan sát và phân tích, bù đắp lại những khiếm khuyết của trưởng đoàn Tống Tử Văn.

Sta-lin ý vào chữ ký của Rôn Pho, thấy rõ tình cảnh của Trùng Khánh cũng như thế yếu của Trung Quốc trong cuộc đàm phán này. Vai trò của Tổng Tư Văn lần này cũng chẳng khác gì bậc tiền bối của ông ta là Lý Hồng Chương.

Sta-lin rút tờ giấy ra trước mặt Tổng Tư Văn: – Ông đã xem cái này chưa – Sta-lin nói – Ông muốn nói gì đó cũng được, nhưng chỉ có thể lấy cái này làm căn cứ.

Tổng Tư Văn hết tranh cãi lại đến nài nỉ, nhưng đều không ăn thua gì. Sta-lin không cho phép để lại một chỗ nào để có thể mà cãi với nhau.

Ngày 8 tháng 8, Liên Xô đã tuyên chiến với Nhật, ngày 14 Nhật tuyên bố đầu hàng, quân Quan Đông chưa kịp bắn phát súng nào, đã bị quân đội Liên Xô chinh phục. Chính trong giờ phút nhân dân Trung Quốc khắp khởi hoan hô chào mừng thắng lợi đó, "điều ước đồng minh hữu nghị Xô Trung" đã thể hiện trên giấy trắng mực đen. Tưởng Giới Thạch rất hiểu nỗi khổ của Tổng Tư Văn, Tưởng Kinh Quốc bởi vì chẳng ai có thể bẻ nạng chống trời, ai đi Liên Xô thì kết quả cũng giống nhau cả. Để khen ngợi dũng khí nhận lệnh trong lúc nguy nan của Tổng Tư Văn, liền một lúc Tưởng Giới Thạch đã tặng cho Tổng ba huân chương: Huân chương thắng lợi, huân chương trung cần, huân chương đại đồng và đến ngày 10 tháng 6 năm 1946 lại bổ nhiệm cho Tổng Tư Văn làm Ủy viên trưởng ủy ban kinh tế tối cao, ủy viên chủ nhiệm Ủy ban chính vụ khu vực đã bình định của Viện hành chính.

Vừa mới qua tuổi tri thiên mệnh, Tổng Tư Văn đã gặp vận đỏ. Nhưng tất cả chuyện trên đời bao giờ cũng sướng lắm rồi lại khổ nhiều.

Quốc cữu xuống ngựa

Về ngoại giao, Tổng Tư Văn đã kiềm chế đối phương, nhưng đáng thương thay, vẫn phải công toi mà về. Trong công cuộc nội chính, Tổng Tư Văn mới được cất nhắc nên tỏ ra hết sức hăng hái, muốn rằng làm quan một thời, được lưu danh trên sử sách, hãy nghe ông ta diễn thuyết:

– Tôi dám nói rằng, vũ khí để kiềm chế giá hàng đã nắm trong tay, với phương án giải quyết kinh tế hiện nay, đã nắm được đầu mối, và tin rằng sẽ dần dần thực hiện...Từ sau đó về kinh tế đã không còn có tính nguy cơ nữa, chỉ cần tìm cách gì để thành công sớm hơn nhằm giảm bớt được nỗi khổ nói chung cho dân chúng, lực lượng của chiến sĩ ở tiền phương có thể được tăng cường, đời sống của nhân viên công chức giáo viên ở hậu phương có thể tương đối ổn định.

Thế nhưng chẳng bao lâu sau, những lời thề thốt đó của Tổng Tư Văn chỉ còn là một đồng "lời thề tốt đẹp" không hơn không kém.

Thực tiễn của 20 năm trời, đã chứng minh rằng sự thất bại triệt để của chính sách kinh tế của Tổng Tử Văn, chẳng những giá hàng tăng lên hàng mấy lần mà vàng dự trữ trong kho cũng như ngoại tệ dự trữ đều bị ông ta "trị" sạch sành sanh.

Tổng Tử Văn là con người vốn không xa lạ gì với ngành tài chính, tại sao mà lại bị chìm đắm nhanh đến thế? Sự lầm lẫn, sự mù quáng trong chính sách của ông là ở chỗ nào? Sự phân tích của Hà Liêm sau đây quả là thực tế:

Tôi cho rằng thất bại của ông là bởi: Một là nhiều nhận thức lấy làm chỗ dựa cho chính sách kinh tế của ông là sai lầm, hai là trong khi chấp hành chính sách của mình, ông đã quản lý không thỏa đáng.

Tổng Tử Văn đã lầm khi cho rằng, cho nhập khẩu thật nhiều hàng hóa nước ngoài vào là có thể giải quyết được vấn đề thiếu thốn hàng hóa, cũng như là việc đem bán vàng đi để hấp thu qua nhiều tiền tệ trôi nổi, có thể ngăn chặn được nạn lạm phát... Tôi cho rằng không phải ông ta coi nhẹ yếu tố tài chính. Tổng không có cách nào không chế được chi phí quân sự trong chính phủ (con số tuyệt đối trong chi phí quân sự của năm 1946 về sau và những tỷ lệ tương đối đều lớn hơn con số chi ra của năm 1944 đến 1945). Ông đã đánh giá thấp nhân tố cơ bản của việc lạm phát do mở rộng việc phát hành tiền mặt, bởi thế đã đánh giá cao biện pháp giải quyết bằng việc uốn nắn lại thị trường. Tổng Tử Văn cứ tưởng rằng sau chiến tranh, cứ nhập nhiều hàng nước ngoài vào là có thể chấm dứt được nạn tăng giá hàng.

Sai lầm thứ hai là về giá cả vàng và ngoại tệ. Tổng Tử Văn cho rằng giá chỉ đạo về vàng và ngoại tệ là cái hàn thử biểu nhạy nhất của tình hình lạm phát. Tổng đã bắt chấp việc mở rộng phát hành giấy bạc và sự mất giá của đồng quốc tệ, cứ cố tìm cách để giữ giá chỉ đạo. Ông ta cho rằng điều chỉnh giá chỉ đạo là có thể làm cho công chúng thêm mất tín nhiệm ở đồng quốc tệ, và do vậy mà gia tăng sự phát triển của nạn lạm phát.

Ba là nhận thức sai lầm trong chỗ dựa của chính sách kinh tế của Tổng Tử Văn là sự so sánh lực lượng giữa Quốc dân đảng và đảng Cộng sản. Sau khi kháng chiến thắng lợi, Tổng Tử Văn và cả chính phủ đều quá tin tưởng ở bản thân Chính phủ mà đánh giá sai lầm lực lượng của Cộng sản, ông ta cho rằng bất kể dưới hình thức nào, đàm phán cũng thế mà chiến tranh cũng vậy, đánh bại đảng Cộng sản chỉ là việc làm xong trong vài tháng là cùng. Kết quả là các nhà đương cục về tài chính và Tổng Tử Văn đều lầm tin rằng sau khi chiến tranh kết thúc sự giảm sút nhanh chóng của lượng ngoại tệ dự trữ do nhập hàng nước ngoài, chỉ là kế sách quyền nghi trong thời kỳ quá độ, rồi sẽ rất nhanh đi vào ổn định và phồn vinh.

Trên cơ sở những cách nhìn sai lầm đó, Tổng Tử Văn đã áp dụng vào chính sách kinh tế của mình. Chính sách kinh tế của ông ta là gì? Nói một cách dễ hiểu và giản

dị nhất, tức là ông ta đã dùng ngoại tệ dự trữ của chúng ta để ngăn chặn lạm phát. Do Tổng Tử Văn và phái cầm quyền tài chính của ông ta, nâng cao giá chỉ đạo của ngoại hối sẽ làm tăng nhanh tốc độ phát triển của lạm phát, họ do dự không dám quyết với chính sách nâng cao giá chỉ đạo của ngoại hối theo hối suất của thị trường. Cho nên lúc mới đầu đã đánh giá quá cao giá trị của đồng quốc tệ. Từ cuối năm 1937 đến tháng 2 năm 1942, giá ngoại hối chỉ đạo duy trì ở mức khoảng 1 đô la bằng ba pháp tệ, đến tháng 2 năm 1942 thì giá hối suất của đồng đô la đã là $1 = 20$. Mãi đến năm 1946, ông ta mới cho nâng giá hối suất lên là $1 = 2040$, gần sát với hối suất của thị trường. Hối suất thị trường đã ở mức trôi nổi, nó lại tiếp tục nâng lên và tăng lên không ngừng, cho đến tháng 8 năm 1946 đã tăng tới một đô la ăn 3000 đồng pháp tệ. Ông ta lại sửa hối suất lên thành $1 = 3000$. Thế nhưng, giá thị trường cứ tiếp tục lên, đến tháng 2 năm 1947, khi ông sắp phải từ chức, giá thị trường là 1:12000. Kết quả của chính sách kinh tế của ông, đã lãng phí nghiêm trọng nguồn dự trữ ngoại hối của ta.

Mặt khác của chính sách kinh tế của ông là tiếp tục bán vàng ra có thể thu hút được đồng pháp tệ đang lưu thông, từ đó mà ngăn chặn được lạm phát. Công chúng sẽ dùng pháp tệ mua vàng mà không mua hàng nữa. Lúc đầu, ông bán vàng thoi ra với giá thấp hơn giá thị trường rất nhiều, năm 1945, ông chiết khấu 60% với vàng bán ra cho công chúng. Sự chiết khấu này đã ảnh hưởng nặng nề tới những người không có tiền nội mà chỉ có thể mua được số vàng ít ỏi, làm gia tăng tốc độ tan vỡ tín dụng của Trung Quốc. Đồng thời việc tiếp tục chính sách bán vàng ra đã tiêu hao lượng vàng bằng hàng trăm triệu đô la, mà nạn lạm phát định kiềm chế lại lúc đầu, lại cứ tiếp tục tăng lên.

Thứ ba là, do ông cho rằng nạn lạm phát có thể kiềm chế được bằng cách nhập thật nhiều hàng hóa nước ngoài. Việc hạn chế nhập khẩu thực hiện sau thắng lợi của cuộc chiến tranh chống Nhật đến lúc này đã được nói rộng ra nhiều. Rất nhiều mặt hàng không cần thiết, cũng dùng ngoại tệ để nhập khẩu, nhập khẩu xa xỉ phẩm phải chịu thuế tới gần 50% nhưng những gì thu được qua thu đổi ngoại tệ cũng thừa để nộp thuế nên những nhà buôn nhập xa xỉ phẩm vẫn được mỗi lời lớn. Kết quả là từ 1947 đến 1949, hàng ngoại nhập tràn ngập thị trường, gồm hàng không phải là nhu yếu phẩm và xa xỉ phẩm. Ví dụ tôi còn nhớ năm 1947 tôi đi Mỹ, ở đó khó thể mua được một chiếc xe hơi loại nhỏ. Song ở Thượng Hải lại có vô số xe hơi như thế bày bán. Điều khiến người ta kinh ngạc là còn nhập cả cam quít Sân-kít-stơ của Ca-li-foóc-ni-a về để thỏa mãn những người thích ăn cam quít.

Chính sách nói lỏng xuất khẩu, nhất là đồng thời đánh giá cao hối suất của đồng tiền làm cho lượng dự trữ ngoại hối của nhà nước hụt đi rất nhanh. Tôi dự tính khi chiến tranh thắng lợi, chúng ta có một khoản dự trữ ngoại tệ chừng một tỷ đô la, đến mùa xuân năm 1947 thì con số này hầu như hao hụt hết. Chính phủ bắt đầu kêu

khô ràng không còn bao nhiêu ngoại tệ nữa. Ngoại tệ của chúng ta lẽ ra phải tính toán chi li để mua sắm những vật tư chủ yếu cần cho sự xây dựng lại sau chiến tranh, nhưng đã bị tiêu phí đi chẳng có ý nghĩa gì, mất quá nhiều ngoại tệ vào việc nhập những thứ hàng không cần thiết và xa xỉ phẩm. Như vậy thì ảnh hưởng cuối cùng trong việc ổn định vật giá sẽ là cái gì? Là một thứ ảnh hưởng tiêu cực! Giá hàng tiếp tục lên, lên rồi còn lên nữa!

Chính sách kinh tế xây dựng trên hết nhận thức sai lầm này đến sai lầm khác của Tổng Tử Văn dứt khoát là chỉ có thất bại mà thôi, những bệnh tật trong quá trình chấp hành chính sách càng làm cho tình hình xấu đi nhanh hơn. Nhiều ngành công nghiệp rất bức xúc cần có ngoại tệ để mua nguyên liệu và thiết bị của nước ngoài mà xuất khẩu thì ít đến thăm hại; số ngoại tệ các nhà doanh nghiệp tích góp được trong thời kỳ chiến tranh, do cần mua một khối lượng hàng hóa, thiết bị vật tư lớn như thế của nước ngoài, nên đã hao hụt đi rất nhanh đến mức gần hết. Ngoại tệ ngoại hối thực tế là được không chế trong tay chính phủ, nếu không có sự giúp đỡ của Chính phủ, không có cơ hội mua được ngoại tệ từ trong tay Chính phủ, thì lúc này bất kể một doanh nghiệp nào khẳng định đều bị thất bại. Thế nhưng chỉ trong hai năm từ 1945 đến 1947, dưới sự không chế của Tổng Tử Văn, khi Chính phủ bán ngoại tệ ra lại có sự phân biệt đối xử. Những doanh nghiệp không có quan hệ với Tổng Tử Văn, hầu như không có cơ hội để mua được ngoại tệ từ trong tay của chính phủ, nhưng các doanh nghiệp có quan hệ tốt với Tổng Tử Văn mà xin mua ngoại tệ là chiếu cố ngay. Tổng Tử Văn có sự nghiệp kinh tế và kinh doanh tiền tệ riêng của mình, các em ông ta như Tổng Tử Lương, Tổng Tử An cũng thế. Gia tộc nhà họ Khổng cũng có lợi ích của nó do Khổng Lệnh Khản làm đại biểu. Đóng vai trò quan trọng và sống động trong quan hệ gia tộc Trung Quốc, những người này được chiếu cố đặc biệt, là điều không thể nào tránh khỏi. Tổng Tử Văn cũng có những sự chiếu cố đặc biệt đối với những doanh nghiệp do Chính phủ tiếp quản và kinh doanh sau chiến tranh. Ví dụ hãng dệt Trung Quốc có chừng hai triệu cọc sợi, cần nhập một lượng bông khá lớn của nước ngoài mà ngoại tệ dùng để nhập số bông này lại đều phải mua vào theo giá chỉ đạo. Do giá này chênh lệch so với giá thị trường ít nhất là 100%, ngay từ trong chênh lệch giá ngoại tệ này đã kiếm được lời, bởi vậy tình hình tốt đẹp hết mức như thế của ngành dệt là không lấy gì làm lạ trong kinh doanh. Tôi được biết, ở đó, tiền thưởng phát cho công nhân nhiều gấp ba lần tiền lương. Trong khi đó những doanh nghiệp không có được ngoại tệ từ tay chính phủ thì do không có ngoại tệ để nhập nguyên liệu để sản xuất gia công hoặc do thiếu ngoại tệ mua phụ tùng máy móc thay thế sửa chữa nên lâm vào cảnh khôn khó.

Chính sách kinh tế của Tổng Tử Văn đã xây dựng trên nền tảng của nhận thức sai lầm, mà trong khi thực hiện những chính sách đó lại là không công bằng và có sự phân biệt đối xử, cho nên không đạt được mục đích như ông dự tính lúc đầu, ngược

lại những doanh nghiệp ở ngoài vòng quan hệ của ông càng ngày càng xa lánh.

Một kết quả khác của chính sách kinh tế của Tống Tử Văn là nạn đầu cơ đã trở thành một trong những hoạt động nổi bật lúc bấy giờ. Ở Thượng Hải, khi thành phố này một lần nữa trở thành trung tâm kinh tế tiền tệ của Trung Quốc, trong ngành thương nghiệp, trong chính phủ và quân đội, đâu cũng đầy rẫy "trùm" lớn, "trùm" nhỏ, hầu như người nào cũng đầu cơ. Trên thực tế, hoạt động đầu cơ đã hình thành một trong những nhân tố chủ yếu làm tăng nhanh lạm phát.

Ông Vương là người hàng xóm của tôi, là đại biểu của Chiến khu đệ tam thường trú ở Thượng Hải, qua tiếp xúc với ông, tôi lại thấy ra một khía cạnh khác của nạn đầu cơ này. Phần lớn các vị tư lệnh đều có người đại diện hoặc văn phòng đại diện của mình ở Thượng Hải. Họ tiếp nhận tiền lương hàng tháng của quân lính vùng đóng quân của mình, nhưng họ thường không mang về phát lương ngay ở các vùng chiến khu, mà giam lại Thượng Hải vài ngày đến một tuần, dùng khoản tiền này để đầu cơ, mua vàng, ngoại tệ hoặc hàng hóa tại Thượng Hải, đến lúc kiếm được tiền rồi, họ mới chở tiền lương về chiến khu.

Bởi thế, trong thời gian này, các doanh nghiệp chẳng những chịu thiệt thòi do sự phân biệt đối xử khi mua ngoại tệ với nhà nước, mà còn chịu một lần mất mát nữa do đồng vốn bị cuốn hút vào các hoạt động đầu cơ và chống đầu cơ. Và đó cũng chưa phải là tất cả những gì tồi tệ mà các doanh nghiệp ở vùng ven biển do chiến tranh và sự xâm chiếm của Nhật, phải di chuyển vào sâu trong đất liền, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nhật, một phần lớn đã lần lượt bị phá sản, phải đóng cửa. Lẽ ra Chính phủ phải tìm cách giữ những doanh nghiệp này ở nguyên chỗ cũ để làm nền móng sẵn cho việc phát triển những trung tâm công nghiệp trong đất liền sau này... Thế nhưng, do Chính phủ đã thi hành những chính sách tự sát, cho nên mọi cái đều chấm hết!

Sự thất bại về kinh tế làm cho uy tín của Tống sa sút đến trầm trọng. Đúng như lời của Hồ Thu Nguyên: "Lúc đầu ai cũng trông cậy rất nhiều ở Tống viện trưởng, về sau càng ngày càng thất bại cho đến lúc này, hầu như đã tuyệt vọng".

Tiếp theo đó là sự tấn công như hàng loạt đạn pháo của Hội tham chính quốc dân, viện lập pháp và giới báo chí đều nhằm bắn vào Tống, trong đó có uy lực mạnh mẽ nhất là đạn pháo của Phó Tư Niên – vị học giả từng làm cho anh rể của Tống phải điêu đứng tồi tệ.

Phó Tư Niên – một dũng tướng của phong trào ngũ tứ, từng xuất dương nhiều năm, hiện đang là bình nghị viên của viện Nghiên cứu Trung ương quốc lập, và là giám đốc sở nghiên cứu lịch sử, ngôn ngữ v.v... Tháng 2 năm 1947, ông ta đã tung ra một bài hịch "Một Tống Tử Văn như thế, không đi khỏi không xong", đã từ 6 mặt

công kích vào "điểm sai lầm viển vông nhất" của Tống: Một là chính sách về vàng, hai là chính sách công nghiệp, ba là sự không rạch ròi giữa làm quan và đi buôn: "riêng chung không rạch ròi", "bản thân mình" (bao gồm một đám người của họ) vừa là người cầm quyền, lại vừa là người dân". Phó đề nghị viện lập pháp, tham chính viện v.v... kiểm tra nội tình của các "hào môn" trong các xí nghiệp của họ ở trong nước và nước ngoài, bao gồm phạm vi kinh doanh và nguồn gốc ngoại tệ, bốn là trong khi làm việc, Tống chỉ dựa vào mấy người thư ký "thân tín", "bọn khôn ngoan", coi các bộ trưởng khác là "nô lệ hoặc kẻ thù", "hộp vắng mặt, viện lập pháp, viện tham chính mời cũng không đến, còn như nhân dân có cầu khẩn muốn gặp lại càng không phải nói, thấy người thì kiêu ngạo, làm lý".

Phó cho rằng, phương thức "hành chính" của Tống Tử Văn "dân lập, dân quốc đâu có cho phép được như thế, ngay cả chuyên chế đế quốc cũng chẳng được phép như thế". Năm là "người nắm chính quyền, ít ra cũng phải có chút ít văn hóa, văn hóa Trung Quốc của Tống, có mời nhà hóa học đến phân tích cũng chẳng tìm thấy bóng dáng nó trong con người Tống. Còn như văn hóa nước ngoài của Tống, dù rằng nói tiếng Anh có thạo, thì những người Mỹ mà Tống giao du (có người Mỹ khác từng nói: Cứ xem ông ta giao tiếp với hạng người Mỹ nào, thì biết ông ta là người như thế nào) quyết không phải là hạng người tử tế. Sáu là về thái độ của Tống lấy hai ví dụ sau đây đủ rõ: Ông ta hoàn toàn không cần thiết mời khách, cũng mời, điều đó chẳng nói làm gì, cách tiếp đãi khách khí nhất là gấp thức ăn vào trước mặt bạn, gọi là tiếp khách, như thế không phải là mời khách". Lại nữa: "Sau thắng lợi, lần đầu tiên đến Bắc Bình, thường ngủ ở một nhà nào đó, một hôm có tiệc lớn, lại có cả diễn kịch nữa, các đồng僚 văn võ, thân sĩ trong vùng đều tới dự đông đủ, ông ta đã đến trễ thì chớ, lúc đến còn mang theo cả người nào đó ở chỗ chủ nhà, tất cả mọi người có mặt đều ngạc nhiên".

Cuối cùng, Phó đã kêu gọi trong bài hịch của mình: Vì "vận mệnh tương lai của Trung Quốc", "việc đầu tiên cần làm là mời được Tống Tử Văn đi khỏi, đồng thời quét hết những thế lực đã ăn mòn Trung Quốc trong hai nhà Không, Tống", "nếu không Chính phủ tất sẽ đổ".

Bài văn trên của Phó, được đăng trên tờ "Thế Kỷ bình luận". Chưa đầy nửa ngày, toàn bộ số báo này của "Thế Kỷ bình luận" ở Thượng Hải không còn sót lấy một tờ – Tống Tử Văn đã cho tay chân gặp những người phát hành mua gọn hết số báo hiện có của họ. Nhưng đến hôm sau, tờ "Đại Công báo" với số lượng phát hành lớn hơn nhiều đã cho đăng lại bài báo này của Phó Tư Niên, Tống đành chịu bó tay.

Tiếp theo bài "Một Tống Tử Văn như thế, không đi khỏi không xong", Phó còn nói chưa đã, lại cho đăng thêm bài về "Thất bại của Tống Tử Văn", "Bàn về việc cần thiết phải trừ bỏ tư bản cường hào". Ông đã gay gắt chỉ ra rằng: "Nguyên nhân thất

bại đầu tiên của Khổng, Tống, là do mức độ "trong sạch liêm khiết" của họ... Kẽ thì lòng tham lớn hơn ý muốn chi phối, kẽ thì ý muốn chi phối lớn hơn lòng tham". "Cách làm theo thói quen như vậy của Khổng, Tống, có khác chi đã triệt để phá hoại nền kinh tế của Trung Quốc, triệt để quét sạch nền công nghiệp Trung Quốc, triệt để khiến cho mọi người đều thất nghiệp, triệt để làm cho tiền của của đất nước vào tay một người, chảy ra nước ngoài. "Yêu cầu Chính phủ phải trưng dụng tài sản của hai nhà Khổng, Tống". Sau khi những bài văn đó của Phó được công bố, trong triều chính Nam Kinh từ trên xuống dưới đã mạnh mẽ dâng lên một làn sóng "lật đổ Tống". Không còn nghi ngờ gì nữa, sự về vườn của Tống Tử Văn – vị quốc cữu hai triều này, đối với gia tộc họ Tống mà nói, là một đòn nặng nề nữa tiếp sau sự đóng cửa của "Gian hàng họ Khổng". Để giữ lấy địa vị của anh mình, Tống Mỹ Linh đã mang hết sức mình ra giải cứu, nhưng núi cao không chắn nổi, nước vẫn đổ ra biển đông. Tưởng Giới Thạch đứng trước mối hiểm họa như lửa cháy trên mi, đã phải dùng sách lược thí xe giữ tướng.

Đương nhiên là việc Tống phải về vườn còn có liên quan cả đến hướng đi mới về chính trị của Quốc dân đảng nữa. Một là đứng trước sự chỉ trích của các bên đối với sách lược một đảng chuyên chế, độc tài của Quốc dân đảng, đứng trước sự hô hào của dân chúng là hãy kết thúc huân chính để thực hành cứu chính, Tưởng Giới Thạch đành phải thay đổi hình tượng đi, "mở rộng nền tảng của Chính phủ". Ông ta lôi kéo đảng Thanh niên, đảng Dân chủ xã hội tách rời Trung ương với liên minh dân tộc. Ngày 18 tháng 4 năm 1947 chính thức thành lập một chính phủ quá độ sang Chính phủ đa đảng. Để chuẩn bị cho "dân chọn đại biểu hội quốc dân, triệu tập đại hội quốc dân (quốc hội) tuyển cử bầu ra tổng thống". Tống Tử Văn nếu còn tiếp tục làm viện trưởng Hành Chính, thì màu sắc gia tộc của Chính quyền Nam Kinh quá đậm đà, quan hệ "dãi yếm" quá ư lộ liễu, không lợi cho việc xây dựng một hình tượng mới cho Tưởng Giới Thạch.

Hai là thái độ của người Mỹ đối với Tống Tử Văn, đã có sự thay đổi đến 180 độ. Những tiếng xấu xa về Tống vừa đá bóng vừa thổi còi, hành động thiếu đảng hoàng v.v... đã đến tai người Mỹ dần dần khiến cho chính phủ Hoa Kỳ rất không hài lòng, nêu ra đòi hỏi "cách chức, thay đổi Tống Tử Văn". Để đảm bảo nguồn viện trợ Mỹ cho cuộc nội chiến, Tưởng Giới Thạch đành làm theo chỉ thị của chủ.

Thế là Tống Tử Văn 53 tuổi bỗng trở thành vật hy sinh, thành con dê làm mồi của người em rể 60 tuổi, không thể không đi theo vết chân của anh rể, thương xót mà than khóc để từ biệt ngôi thừa tướng.

Ngày 1 tháng 3 năm 1947, họ Tống đã "từ chức viện trưởng hành chính". Tới ngày 4 tháng 3, thôi giữ chức "ủy viên trưởng Ủy ban kinh tế tối cao". Ngày 8 thôi chức "ủy viên chủ nhiệm ủy ban chính vụ khu bình định của Viện hành chính", ngày

11 tháng 5 thôi giữ chức "phó chủ tịch ban điều hành của Văn phòng đại diện 4 ngân hàng Trung ương, Trung Quốc, Giao thông, Nông dân".

Như thế là Tổng Tử Văn đã hết một thời mũ cao áo dài, ấy vậy mà vẫn có người đánh bồi cho một đòn nữa.

Ngày 26 tháng 7 năm 1947, tuần báo "Quan sát" đã cho đăng một bài viết của Chữ An Bình nhan đề "Chính phủ nên áp dụng từng bước, tỏ thái độ với sự công kích của báo "New York buổi chiều", trong đó đã dẫn ra một đoạn dài của bài báo mà tờ "New York buổi chiều" đã đăng trong số ra ngày 1 tháng 7, trong đó nói: "Anh em đảng vợ của Tưởng chủ tịch có thể có được chúng ta 5000 đô la để rót vào mua đồ mỹ phẩm, mà đồ mỹ phẩm là thứ hàng nghiêm cấm nhập khẩu nằm trong những biện pháp kinh tế khẩn cấp mà Chính phủ Trung Quốc đã công bố... Cơ quan mua vật liệu của Chính phủ đã từng bỏ ra khoản tiền lớn mua những thứ xa xỉ phẩm nêu trong lệnh cấm như xe hơi, máy thu thanh, tủ lạnh và vật liệu nghề ảnh... để phân phối ngầm với nhau...Nhà hào phú số một của Trung Quốc tức là hãng buôn do người anh của Tưởng phu nhân và họ hàng gần xa đã lập nên, lại có thể dựa vào mối quan hệ với Chính phủ mà có được đặc quyền, vơ vét của những nhà buôn của các hãng của Mỹ vốn có lịch sử lâu đời ở Trung Quốc. Sự điều động chi phái lợi ích của hào phú không biết đâu mà kể. Như công ty Phù Trung do em của Tổng Tử Văn là Tổng Tử Lương và Khổng Tường Hy lập nên, anh em họ Tổng đều là chỗ chân tay của Tưởng phu nhân, còn họ Khổng lại là anh rể của bọn họ. Công ty thuốc lá sợi Nam Dương của Tổng Tử Văn, công ty bạc kiến thiết Trung Quốc của một người em khác của ông ta là Tổng Tử An, công ty Kim Sơn của anh em chị em Tưởng phu nhân cùng lập ra, công ty cao su Trung Mỹ của Tổng Tử Văn và Tổng Tử Lương lập ra, công ty điện tử Dương Tử do Tổng Tử Văn không chế, công ty Trung Gia của Tổng Tử Văn, công ty xây dựng Dương Tử do cháu ngoại của Tưởng phu nhân là Khổng Lệnh Khản kinh doanh, và các công ty khác của họ hàng gần lập nên, cũng không sao kể hết".

Sau khi bài viết của Chữ được đăng báo, ngày 29 tháng 7, tờ "Trung ương nhật báo" – cơ quan ngôn luận cao nhất của Quốc dân đảng – đã cho đăng lên màn kịch đen tối của hai dòng họ Tống, Khổng đã lợi dụng đặc quyền, hùn vốn với nhau để mua xe hơi của nước ngoài: Trong vòng 8 tháng trời, từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1946, công ty Phù Trung đã hùn được số ngoại tệ là 153.778.723 đô la Mỹ, ngoài số công ty này tự có và số bán ra, số dùng để mua là 11.330.731 đô la, cùng một lúc mua về 2 xe nhãn hiệu Ca-đi-lắc, 101 xe du lịch, 780 xe jep, thiết bị vô tuyến điện 108 thùng trong số đó có 40 cái radio. Công ty Dương Tử hùn ngoại tệ được 180.691.069 đô la, ngoài số bán đi, riêng dùng để mua hàng là 1.074.200 đô la, mua về 50 chiếc xe hơi kiểu "Ốt-đinh", 180 thùng hóa mỹ phẩm. Hai công ty Phù Trung và Dương Tử cùng hùn ngoại tệ được 334.469.792 đô la, chiếm 80% số ngoại tệ

Ngân hàng nhập về như xe hơi và các thứ khác, một số tương đối lớn là tìm mọi cách để xin được giấy phép nhập khẩu sau khi Chính phủ quốc dân ban hành điều lệ cấm nhập khẩu hàng xa xỉ phẩm. Ngoài ra Công ty bạc kiến thiết Trung Quốc cũng hùn được 87.762 đô la mua được 56 chiếc xe hơi.

Sở dĩ tờ "Trung ương nhật báo" do hệ CC không chế lại phơi bày những con số này ra giữa thanh thiên bạch nhật, hiển nhiên là muốn đổ trách nhiệm thất bại trong nội chiến cũng như sự bất mãn của dân chúng v.v... lên đầu họ Tống, họ Khổng, để gán cho nguy cơ chính quyền Quốc dân đảng. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch không tán thành như vậy, thế là hai hôm sau "Trung ương nhật báo" lại đăng thông báo đính chính lại những con số đã công bố – "Những số liệu của công ty này hùn lại mua ngoại tệ đã bỏ sót dấu của số lẻ", "Công ty Phù Trung hùn ngoại tệ là 1.537.787,23 đô la, Công ty Dương Tử hùn ngoại tệ là 1.806.910,69 đô la, Công ty bạc kiến thiết Trung Quốc hùn ngoại tệ là 877,62 đô la". Dấu số lẻ được thêm vào, số ngoại tệ của công ty do Tống, Khổng lợi dụng đặc quyền để hùn lại lập tức bớt đi hơn ba trăm triệu đô la Mỹ, giảm đi 99% con số đã công bố, trận bão táp chính trị đã bị "dấu số lẻ" dẹp tan đi.

Từ cái trò hề này, thật quá dễ dàng để cảm nhận được sự giả dối, nhơ bẩn, ti tiện, đen tối của quan trường thời Quốc dân đảng.

Trong khung cảnh tồi tệ như chuột chạy ra đường, Tống Tử Văn đành dứt khoát dùng kế "ve sầu lột xác" để thoát cảnh bị động và chịu đòn. Trong hội nghị toàn thể ban chấp hành trung ương lần thứ 4 khóa 6 tháng 9 năm 1947, sau khi Tống Tử Văn đã báo cáo tỉ mỉ tình hình kinh doanh của

Công ty bạc kiến thiết Trung Quốc và tự xin rút lui chức viện trưởng hành chính, "tức là giải trừ hết mọi quan hệ buôn bán trước đây, rút lui khỏi chức vụ trong hội đồng quản trị của công ty bạc trước đây và các công ty có quan hệ khác, bản thân tôi yêu cầu được trả lại cho Chính phủ mọi quyền lợi hợp ước đường sắt có được thời trước chiến tranh đồng thời xin những người cùng làm việc khi bản thân tôi làm viện trưởng hành chính, không được kinh doanh bất cứ ngành gì có liên quan tới chính phủ, nguyện vọng của tôi với công ty bạc là vẫn được thi hành thiết thực." Đồng thời, Tống còn tuyên bố quyền hiến ra cho trung ương Quốc dân đảng cổ phần của mình trong công ty bạc kiến thiết Trung Quốc là 500 tỷ pháp tệ.

Sau khi Tống "hiến gia tài", Tưởng Giới Thạch lập tức biểu dương tinh thần "vì nước quên nhà" của ông cậu và kêu gọi mọi người học tập. Tưởng nói: "Gần đây ở bên ngoài có nhiều điều nói xấu Tống Tử Văn, nay bản thân ông Tống đã hiến toàn bộ cổ phần của mình có trong công ty bạc kiến thiết Trung Quốc, để làm quỹ cứu trợ cho những gia đình có người đã bỏ mình trong khi tiểu phi thời kháng chiến, mong

rằng mọi người hãy làm theo ông". Hai ngày sau, tức 20 tháng 9 năm 1947, Tống Tử Văn được em rể bổ nhiệm cho làm chủ tịch tỉnh Quảng Đông. Đúng là thân nhau thì cát nhắc cho nhau.

Đáng thương cho nhà học giả Phó Tư Niên, sau khi phát đạn của mình "mất hiệu lực" đã buồn bã nói với bạn thân của mình là Hồ Thích rằng: "Ngày nay, một chủ thành tâm tối thiểu của cải cách chính trị, là tịch thu tài sản của hai nhà Khổng, Tống, vậy mà khi chửi mắng trong hội nghị, ông Tưởng lại bảo rằng Khổng, Tống không tham ô. Không làm gì Khổng, Tống được, CC không thể không dựa vào đó, quân nhân không thể vào quỹ đạo. Nhờ vả đến ông, hoàn toàn là việc cấm bông hoa lên một bãi phân".

Tống Tử Văn hiến tiền ra để mua quan, chẳng qua là bước đường quanh co để bắt đầu lại những ngày cuối cùng của cuộc đời chính trị.

Ngày 30 tháng 6 năm 1947, đại quân của Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình từ ngàn dặm tiến vào Đại Biệt Sơn, mở màn cho cuộc chuyển biến của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc từ phòng ngự chiến lược sang tiến công chiến lược.

So sánh lực lượng giữa Quốc dân đảng và đảng Cộng sản đã có sự thay đổi về căn bản.

Đứng trước thế tấn công dữ dội của đảng Cộng sản, Tưởng Giới Thạch lúng túng, che được đầu thì hở chân, bươu đầu sút trán. Tống Mỹ Linh cũng như lửa đốt trong lòng, mất ăn mất ngủ.

Tất cả mọi thế lực phản động đều không bao giờ tự mình bước xuống khỏi vũ đài lịch sử, thế nào chúng cũng giở trò giãy chết.

Cùng với những lần thất bại nối tiếp nhau, vùng "Quốc dân đảng thống trị" cứ ngày một thu hẹp, tấn bi kịch về tài chính ngày càng thêm gay gắt; lạm phát trầm trọng, giá hàng tăng vọt, những loại giấy bạc 10.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng được tung ra lưu thông, trong cả nước ai ai cũng bỗng chốc trở thành "triệu phú". Ở Thẩm Dương, một quả trứng gà giá 200.000 đồng, ở Thượng Hải, một gáo nước sôi 2.000 đồng, bánh trôi ở Bắc Kinh đắt ngang hòn ngọc, mỗi cái 10.000 đồng; bánh quẩy ở Nam Kinh chẳng khác chỉ giá một thoi vàng, bởi ít nhất mỗi cái cũng tới năm sáu ngàn đồng, ngay đến ăn mày cũng chẳng thèm lấy đồng tiền 1000 pháp tệ, chẳng thế mà có nhiều người dùng tiền pháp tệ làm giấy đi đồng. Đi mua hàng, người ta phải mang cả bó tiền lớn. Một trăm đồng pháp tệ, năm 1937 có thể tậu được hai con trâu, đến năm 1948 chỉ có thể mua được 1/5 lạng gạo tẻ. Lạm phát quá trầm trọng là một sự cướp bóc thậm tệ đối với người dân thường, người ta vất vả hai sương một nắng kiếm được đồng tiền, vậy mà chốc lát bỗng biến thành giấy lộn,

những người tiếc của đã đâm đầu xuống sông. Đang khi sắp đến bước đường cùng, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đành nhắm mắt làm liều, ảo tưởng rằng có thể thông qua cải cách tệ chế để khắc phục được nguy cơ, ngày 19 tháng 8, Tưởng Giới Thạch đã công bố "lệnh xử lý khẩn cấp về tài chính kinh tế", tuyên bố sẽ thi hành "cải cách tệ chế", nội dung chủ yếu của nó gồm: Một là phiếu kim nguyên mệnh giá hai tỷ đồng để qui định thời hạn đổi đồng pháp tệ với tỉ lệ 1/13 triệu. Hai là quy định thời hạn thu đổi vàng, bạc, và ngoại tệ của tư nhân, cấm không được ai giữ lại. Ba là hạn chế vật giá các vùng để cho nó ngưng lại ở mức của ngày 19 tháng 8 năm 1948. Muốn cho cuộc cải cách tiền tệ này thành công, Viện hành chính đã lập riêng ra một "Ủy ban quản chế kinh tế" và cử Du Hồng Quân, Trương Lệ Sinh, Tống Tử Văn lần lượt làm "đốc đạo quản chế kinh tế" ba khu kinh tế lớn trong cả nước là Thượng Hải, Thiên Tân, Quảng Châu; Tưởng Kinh Quốc, Vương Phủ Châu, Hốt Bảo Thụ làm "trợ lý đốc đạo".

Tưởng Giới Thạch lấy Thượng Hải trung tâm sản xuất lớn nhất làm đầu mối của cuộc cải cách, cử công tử Tưởng Kinh Quốc đến Thượng Hải để thực hành cải cách tệ chế. Tưởng Kinh Quốc 39 tuổi tràn đầy hăng hái, muốn cứu vớt lại những gì sắp sụp đổ. Ông ta nêu ra những khẩu hiệu rất kêu: "Chỉ đánh hổ không đánh ruồi", "Đánh bọn thối nát hại nước", "Cứu đồng bào đau khổ". Ông ta còn nói ra những lời khiến người ta phải ngạc nhiên: "Một con người bất kể làm gì, miễn rằng anh ta gắn bó chặt chẽ với quần chúng, anh ta sẽ mãi mãi đứng ở thế không thua". "Trên cả thế giới này, không có bất kỳ một lực lượng nào lại có thể lớn mạnh hơn lực lượng của nhân dân". Ông ta coi những kẻ có tiền có của ở Thượng Hải là một lũ ác ôn lừa bịp, là nguồn gốc mọi họa khiến nhân dân chịu khổ chịu nạn. Ông ta chĩa mũi nhọn đấu tranh vào bọn gian thương lắm tiền của và hơi sức, bởi vậy, những thanh niên tiên tiến, dân chúng khổ cực... đều có một ấn tượng tốt đối với Kinh Quốc khác với những quan lại khác.

Ở Thượng Hải, Tưởng Kinh Quốc đã lần lượt bắt giữ rồi giải quyết tử hình một số quan tham lấy quyền hành mưu lợi ích riêng, những gian thương đầu cơ tích trữ. Một thời gian các nhà báo nước ngoài hình dung ông ta là "Sa hoàng của nền kinh tế Trung Quốc", còn người Trung Quốc thì gọi ông là "vua Ung Chính".

"Vô quýt dày thì có móng tay nhọn", nhiều biện pháp của Tưởng Kinh Quốc đã vấp phải sự chống trả mạnh mẽ của bọn gian thương đầu cơ và bọn tư sản phi pháp. Nhất là "vụ án Dương Tử" làm cho uy danh của Tưởng Kinh Quốc xấu đi tệ hại. Công ty Dương Tử do Khổng Lệnh Khản lập ra, tích trữ "hàng trăm xe hơi kiểu mới, năm trăm thùng len dạ Anh Mỹ, hai trăm thùng thuốc Tây". Sau khi được tin báo, Tưởng Kinh Quốc đã cho khám xét công ty Dương Tử, và ra lệnh bắt giữ thủ phạm, là người anh em con bá con dì 33 tuổi Khổng Lệnh Khản. Tưởng Kinh Quốc từ lâu vốn đã có thành kiến với những kẻ vừa làm quan vừa đi buôn, lấy nhà nước làm của

riêng nhà mình như Không, Tống. Tướng Kinh Quốc lập chí lớn đội trời đạp đất, sớm đã nảy sinh ý định sẽ trừng trị, nhưng khổ một nỗi là chưa gặp dịp, nay nắm được hành vi chống đối lại sự quản chế kinh tế trắng trợn như thế này của đại công tử họ Không nên đang định giết gà răn khỉ, diễn một màn kịch bi tráng vì nghĩa dút tình thân.

Không Lệnh Khản không hề lo sợ, vội vàng cầu cứu Tống Mỹ Linh là mẹ kế của Tướng Kinh Quốc và là dì ruột của mình. Một bên là công tử con chồng, một bên là hòn ngọc trên tay người chị ruột của mình. Việc này, đúng lý ra là làm cho người ta khó xử, thế nhưng Tống Mỹ Linh chẳng hề do dự đã để cho đòn cân nghiêng hẳn về phía Không Lệnh Khản là người có quan hệ gần gũi hơn với mình.

Rốt cuộc thì cảm tình của Tướng Kinh Quốc với bà mẹ kế của mình cũng còn nhạt nhẽo chưa đủ độ sâu. Một là mẹ kế chen chân vào nên mẹ dễ bị ruồng rẫy. Con trai trong trường hợp ấy đương nhiên là sẽ ghét bỏ mẹ kế. Thứ hai là mẹ kế Tống Mỹ Linh khi tiếp xúc lần đầu tiên với Tướng Kinh Quốc, Tướng đã 27 tuổi, đã qua cái tuổi bồi dưỡng cảm tình.

Trong khi đó Không Lệnh Khản có quan hệ vô cùng thân thiết với dì ruột của mình. Trước hết, Tống Mỹ Linh chẳng sinh được người con nào với Tướng nên Tống đã săn sóc Không Lệnh Khản y như con đẻ của mình để mong giúp mình một tay sau này. Thứ hai là ngay từ nhỏ Không Lệnh Khản đã gần gũi dì ruột, ngày tháng lâu dần, mối tình cảm ấy càng sâu nặng.

Bởi vậy, với Tống Mỹ Linh, con người xưa nay làm việc theo cảm tính, chưa hề để mắt tới pháp luật, qui định, một mặt đã mách với chồng, một mặt trực tiếp từ Nam Kinh đến thẳng Thượng Hải trách mắng thẳng vào mặt Tướng Kinh Quốc và đón ngay người cháu chuyên làm cho bà phải gây chuyện rắc rối này là Không Lệnh Khản ra máy bay đi Mỹ.

Làm chính trị kiểu gia đình, kẻ hống hách vẫn có đường thoát, đông đảo mọi người xôn xao, dân Thượng Hải liền xuyên tạc ngay câu khẩu hiệu chính trị của Tướng Kinh Quốc lúc trước ra thành: "Chỉ sợ ruồi, không đánh hổ". Danh tiếng của Tướng Kinh Quốc bị chôn vùi xuống tận đất đen, nhơ nhuốc cả mặt thái tử. Cục quản chế kinh tế ở Thượng Hải cầm cự được 70 ngày đến đây coi như tuyên bố cuốn cờ thất bại, cũng có nghĩa là một vụ đẻ non xảy ra với cuộc cải cách tệ chế. Làn sóng dân ùn ùn kéo đi tranh nhau mua hàng lan tràn khắp vùng Quốc dân đảng thống trị.

Không Lệnh Khản trẻ tuổi, xông xáo lại dựa vào quyền thế của bố mẹ và dì ruột nên tỏ ra cứng cổ, còn Tống Tử Văn vốn mưu sâu tính kỹ với kinh nghiệm bao nhiêu năm lăn lộn chốn quan trường và vòng kinh tế nên tỏ ra mềm mỏng. Với

cương vị lớn lao là đốc đạo quản chế kinh tế của một trong ba vùng kinh tế lớn trong cả nước là Quảng Châu, đối với chính sách hạn chế giá cả nằm trong cuộc cải cách tệ chế, Tống Tử Văn theo ngoài mặt mà chống trong bụng, chỉ nói mà không làm. Đến cuối tháng chín, trong phạm vi cai quản của mình Tống Tử Văn đã để cho giá cả tăng thêm lên gần hai lần so với ngày 19 tháng 8. Hàng hóa và vật tư xã hội đều trôi nổi về nơi có giá cao hơn. Tưởng Kinh Quốc ở Thượng Hải ổn định được giá hàng, song chỉ có giá mà không có hàng. Hàng hóa đều chảy về nơi có giá cao như Quảng Châu chẳng hạn, khiến cho cuộc quản chế kinh tế của Tưởng Kinh Quốc ở Thượng Hải chỉ là hình thức, thuần túy là một trận võ miện.

"Đánh hổ" ở Thượng Hải, Tưởng Kinh Quốc đã được ném mùi lợi hại của bác rể, của ông cậu, mẹ kế, em họ... như thế nào. Tưởng Kinh Quốc, con người lúc đầu định vuốt râu hùm để thể hiện sự táo tợn gan dạ, không ngờ đâu bị nhọ mũi lăm lừng ngay trước mặt người mẹ kế. Cuộc vấp vấp này khiến cho vị thái tử mới nhú lông cánh này cảm thấy đầy đủ rằng cần mau mau cầm lấy con dao mổ, cắt ngang cái mẩu ruột thừa Quốc dân đảng trong người mình đi, kéo mà chết không có chỗ chôn.

Trong danh sách phạm nhân chiến tranh có tên chồng, anh rể, anh ruột và cả tên mình.

Mùa đông năm 1948, đối với chính quyền Nam Kinh xây dựng đã 27 năm mà nói là những giờ phút đau thương không dám ngoái đầu nhìn lại. Ngày 2 tháng 11, chiến dịch Liêu – Thẩm chấm dứt, 47 vạn quân lính thiệt mạng. Ngày 6, chiến dịch Hoài Hải lại mở ra, 80 vạn quân Quốc dân đảng và 60 vạn quân của đảng Cộng sản quyết chiến với nhau ở vùng Từ Châu. Ngày 20, Tống Tử Văn tuyên bố ở Quảng Châu: Đối với cục diện chiến tranh "tôi sẵn có sự tin tưởng lớn lao, đại thắng ở Từ Châu lần này quân đội Quốc dân đã chuyển từ thủ sang công, nhất là sĩ quan và binh lính của Hoàng Bách Thao đa số đều là con em của Quảng Đông, trận đại chiến này chuyển nguy thành yên, đồng bào Quảng Đông ta thực sự cảm thấy vinh hạnh". Nhưng chỉ hai ngày sau, binh đoàn số 7 của Hoàng Thao đã tan vỡ hoàn toàn ở Nhiễm Trang, 5 quân đoàn với 12 vạn quân của cánh này hoàn toàn tan tác hết, bản thân Hoàng Bách Thao cũng bỏ xác trong khi phá vây, sự dự đoán lạc quan của Tống Tử Văn với cuộc chiến hoàn toàn phá sản.

Ngày 13 tháng 11, ông "thợ văn" và là chân tay đắc lực nhất của Tưởng Giới Thạch là Trần Bó Lôi không chịu nổi trước tình cảnh lòng tin bị sụp đổ đã tự kết liễu đời mình. Ngày 26, nội các non yếu của ông Văn Hạo cũng cuốn cờ không trống không kèn.

Những tin tức tồi tệ cứ theo nhau dội tới trùm lấp lên chính quyền Nam Kinh.

Chuông chiêu hồn cho vương triều họ Tưởng đã nổi lên vang dậy khắp bầu trời.

Giống như mọi thế lực phản động khác, Tưởng Giới Thạch không chịu cam tâm ngồi nhìn thất bại. Ông ta cố xin viện trợ nước ngoài làm liều thuốc an thần để giữ lấy chính quyền Nam Kinh phút nào hay phút ấy, để ổn định nền kinh tế và cục diện quân sự đang suy sụp; như vậy mỗi năm phải cần một tỷ đô-la, khốn nhưng Oa-xinh-ton, vốn lúc nào cũng chỉ biết nhấn mạnh "hiệu quả" thì lại nói rằng họ không muốn lại bỏ ra một tỷ đô la cho một chính phủ mà họ thừa biết rằng bất kể thế nào cũng đi đến tan rã.

Tưởng Giới Thạch không tin rằng nước Mỹ lại nỡ ngoảnh mặt làm ngơ đối với "người bạn cũ" của họ rồi thấy chết mà không cứu, đứng nhìn Trung Quốc rơi vào tay bọn đỏ. Có người đề nghị ông ta thân chinh sang Mỹ mà kêu gọi. Tự biết mình không có sở trường về ngoại giao nên Tưởng Giới Thạch đã từ chối chủ trương đó, nhưng cũng thừa nhận rằng Trung Quốc nên có một người đi, đó là bà vợ ông ta, Tống Mỹ Linh.

Lúc đầu Tống Mỹ Linh không muốn đến Oa-xinh-ton, cho rằng bắt bà đi làm cái việc không thể làm được, nhưng cuối cùng rồi bà cũng đồng ý. Chuyến đi này trực trực từ đầu tới cuối. Còn chưa thành đoàn đã bị ngay một chậu nước lạnh trước khi bà đi Mỹ bốn hôm, phía Mỹ đã bắn tin qua quốc vụ khanh Mác-xay-ơ nói rằng: Tống Mỹ Linh chỉ có thể đến thăm nước Mỹ với tư cách cá nhân. Điều này đối với Tống nữ sĩ với tư cách "phu nhân tổng thống" đi thăm nước Mỹ mà nói, quả là mất giá quá chừng.

Tháng 12 năm 1958, sự lạnh nhạt của người Mỹ trong khi đón tiếp Mỹ Linh so với sự nhiệt tình nồng ấm lần năm năm về trước quả là khác nhau một trời một vực. Không còn nghỉ đêm lại tại nhà trắng, không còn diễn thuyết trước quốc hội, cũng chẳng còn dịp chu du khắp nước, một nóng một lạnh ấy quả thật khiến Tống Mỹ Linh hết sức khó chịu và khó xử. Năm năm trước, bà là đệ nhất phu nhân, thì năm năm sau bà vẫn là đệ nhất phu nhân. Vậy mà thái độ của Oa-xinh-ton đối với bà lại quay ngoắt 180 độ. Đến lúc này, Tống Mỹ Linh mới thấm thía và xót xa cho thế thái nhân tình lạnh nhạt. Và chẳng mọi điều đều bởi tại nay đã khác xưa. Năm năm trước, chính quyền của Tưởng Giới Thạch là vai trò chính của mặt trận thống nhất chống Phát xít trên thế giới, trong tám lòng dân chúng còn có sức kêu gọi nhất định. Năm năm sau, làn sóng của đảng Cộng sản dâng lên dạt dào. Tưởng Giới Thạch trở thành kẻ tội phạm gây nên nội chiến, sắp bị nhân dân chôn vùi.

Ngày 8 tháng 12, khi Tống Mỹ Linh hội đàm với tổng thống Mỹ Tơ-ru-man, đã nêu ra ba điểm cầu xin – Nước Mỹ chính thức tuyên bố ủng hộ Chính phủ Nam Kinh chống Cộng cứu nước, cử phái đoàn quân sự cao cấp trực tiếp chỉ huy quân đội

Quốc dân đảng, cấp cho khoản viện trợ quân sự ba tỉ đô la. Nhưng đề nghị ấy đều bị từ chối hết. Tơ-ru-man nói: "Tình hữu nghị Trung Mỹ đã để lại một trang quan trọng trong lịch sử, nhưng ông cảm thấy rất lầy lăm có lỗi, bởi vì người Mỹ chỉ có thể đồng ý với bốn mươi triệu trong "kế hoạch viện trợ Trung Hoa" như đã hứa. Khoản viện trợ này có thể tiếp tục, cho đến hết thì thôi. Nước Mỹ không thể đảm bảo ủng hộ vô thời hạn một Trung Quốc không còn cách gì chống đỡ". Xin viện trợ không được, Tống Mỹ Linh vô cùng thất vọng. Nhưng mà đáng bực mình hơn nữa là Oa-xinh-ton đã tỏ ra chán nản hết mức đối với Tưởng Giới Thạch, đang ráo riết chuẩn bị lăm le đưa Lý Tôn Nhân lên thay Tưởng Giới Thạch, thực hiện kế hoạch thay ngựa giữa dòng. Sau khi Tống Mỹ Linh đi Mỹ hơn một tháng, Tưởng Giới Thạch về vườn, phó tổng thống Lý Tôn Nhân thay chức quyền tổng thống của Tưởng. Đệ nhất phu nhân của Trung Quốc cũng bị đổi tên gọi. Mất đi "cảnh nguyệt quế" trên đầu, Tống Mỹ Linh vô cùng buồn nản, chỉ một đêm mà bỗng già đi rất nhiều.

Cuộc đời bể dâu, tháng năm như nước chảy qua cầu, mới thoáng một cái, lúc này Tống Mỹ Linh đã từ một thiếu nữ đoan trang dong dạc, trở thành một thiếu phụ đang bước vào tuổi nọ dòng. Ngày 12 tháng 2 âm lịch năm 1949, Tống Mỹ Linh đã làm sinh nhật lần thứ 52 tại Mỹ. Tình hình liên tục đi xuống của thời cuộc mấy tháng gần đây, chỉ thấy thua không gượng lại được, quả thực đã gây nên sự kích thích quá mạnh trong thần kinh của Tống Mỹ Linh. Rồi trận quyết chiến 142 ngày, quân đội Quốc dân đảng hao binh tổn tướng tới một triệu năm mươi tư vạn quân, cứ một ngày tiêu hao hết đúng một vạn người, sự thất bại của nó đã thảm hại đến mức ấy thì thắng lợi đã nằm trong tầm tay của Mao Trạch Đông – giờ chết của chính quyền Nam Kinh đã tới mức tính ngược theo kim đồng hồ. Ngày 25 tháng 12 năm 1948, người có quyền uy trong đảng Cộng sản Trung Quốc đã tuyên bố danh sách 43 tội phạm chiến tranh, Tống Mỹ Linh thấy những người "có tên trong bảng vàng" không những chỉ có tên chồng mình là Tưởng Giới Thạch (đứng ở hàng đầu), còn thấy cả tên anh rể mình là Khổng Tường Hy, anh ruột là Tống Tử Văn, rồi cả tên mình nữa, hơn nữa còn là bậc nữ lưu duy nhất trong 43 kẻ tội phạm. Ngày 21 tháng 1 năm 1949, chồng của Tống Mỹ Linh chính thức về vườn, trở về với nơi có hương yên tĩnh. Ở đó, ông ta cởi bỏ bộ quân phục ra, khoác lên mình chiếc áo dài xúng xính và thoải mái, đứng im lặng trước mồ của mẹ mình mà nghĩ ngợi trầm ngâm. Rồi hồi hận, nhục nhã, bất lực tuyệt vọng tràn ngập trong lòng, khiến tâm tư ông ta chưa xót đến tột độ.

Những hình ảnh thất bại cứ diễn ra từng màn một, Tống Mỹ Linh cố xua đuổi mà không được, niềm đau khổ đó cứ quán lấy bà ta, vừa còn trên khóe mắt, đã ngấm sâu vào tận trong tim. 52 tuổi đời, lần đầu tiên bà cảm nhận sâu sắc cái gánh nặng của cuộc đời. Bà nhớ lại khi còn thơ dại, đọc đến câu thơ: "Hát trước chén rượu, đời người phỏng được bao nhiêu", lòng chẳng thấy làm sao. Giờ đây nhớ lại,

bà mới thấy hết sức nặng của từng chữ trong câu thơ ấy. Một nỗi xót xa bỗng dâng lên trong lòng bà.

Mặt trời lên, hoa đỏ hồng như lửa, xuân đến trên sông, nước thấm tựa màu lam. Vào giữa tiết, dương liễu mới nhú mầm của năm 1949, quân giải phóng nhân dân thế mạnh, như đề lên cành mục, như cuốn bay rác rưởi, hàng vạn cánh bướm ào ào băng qua thiên hiem của Trường Giang. Một trang sử cũ được gấp lại để mở ra một trang mới huy hoàng.

Ngày 7 tháng 12 năm 1949, chính phủ trung ương của Quốc dân đảng tuyên bố bắt đầu làm việc tại Đài Loan. Ngày 10 tháng 12 từ Thành Đô, Tưởng Giới Thạch nay đi vĩnh viễn rời khỏi đại lục. Cuộc rút lui của Quốc dân đảng thật nghiệt ngã đối với Tống Mỹ Linh, đến nỗi ngay cả chuyện từ biệt quê hương Hải Nam, Thượng Hải và quê chồng ở Khê Khẩu cũng không kịp. Ngày 30 tháng 1 năm 1950, khi Tống Mỹ Linh từ bên kia bờ Thái Bình Dương bay trở lại, phát hiện ra rằng ở đại lục long trời lở đất không còn chỗ nào có thể hạ cánh được, đành phải đáp xuống sân bay Tùng Sơn của Đài Bắc – Đài Loan.

Trước sau khi trời sáng

Cuộc kháng chiến như một đêm dài lê thê, người dân Trung Quốc mệt mỏi đến rã rời cầu khẩn sao cho thắng lợi sớm đến gần.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, bọn qui Nhật đầu hàng, tin mừng nhanh chóng lan ra đất nước Trung Hoa cổ kính bỗng như chan hòa trong một biển vui. Sau những phút người ta tung bừng rộn rã chúc mừng, bỗng bóng ma nội chiến dòn động lại rồi lại như loang dần ra.

Quân phiệt hỗn chiến, Bắc Dương có chiến tranh, Quốc – Cộng ra mặt đối địch nhau, rồi giặc Nhật lại nhảy vào xâm chiếm... Niềm trông đợi thiết tha của Trung Quốc mà nửa đầu thế kỷ 20 chưa được hưởng một ngày thái bình là: "Dĩ hòa vi quý, mong sao hai đảng Quốc – Cộng đừng đối chọi với nhau bằng gươm giáo".

Những người Cộng sản thuận theo tiếng gọi của nhân dân. Lãnh tụ của họ là Mao Trạch Đông đã xả thân quên chết, thân chinh vào hang hùm, cùng gập gờ đàm phán với Tưởng ủy viên trưởng.

Ở thủ đô sương mù, Tống Khánh Linh và Mao Trạch Đông gặp lại nhau sau bao ngày xa cách, hai người đồng sự ngày xưa cùng sát vai chiến đấu ở Quảng Châu, Vũ Hán, lúc này đây tâm tình đều vô cùng xúc động. 18 năm rồi!

Trong thời gian ấy, Mao Trạch Đông lãnh đạo đảng Cộng sản Trung Quốc vượt

qua bao nhiêu ghềnh thác bao nhiêu vấp vấp, họ đã chịu đựng đủ mùi gian khổ, vượt mọi chông gai, cuối cùng đã từ yếu trở nên mạnh để biến thành lực lượng chủ yếu chống lại Quốc dân đảng.

Tướng Giới Thạch đã tự đánh giá mình quá cao, lường sức đối thủ quá thấp cho nên trong khi hiệp định đình chiến vừa ký còn chưa ráo mực, bèn vội dấy quân tấn công vào đảng Cộng sản, dân tộc Trung Hoa lại bị cuốn vào một cuộc chém giết lẫn nhau đẫm máu. Tổng Khánh Linh đã cùng với bà con và phần tử trí thức lúc bấy giờ, đi khắp nơi kêu gọi, chống lại chiến tranh. Tướng Giới Thạch vẫn giữ thói cũ chúng nào tạt ấy làm theo ý mình. Tổng Khánh Linh vô cùng căm giận. Bà hiểu rất rõ, tổ chức Quốc dân đảng dưới ách thống trị độc tài của Tướng Giới Thạch thối nát đến cùng cực, coi ngựa chết thành ngựa sống mà cố chữa là không thể được, biện pháp duy nhất là mỗi người một bếp, thay hình đổi dạng đi. Như thế là Tết dương lịch năm 1948 khi ủy ban cách mạng của Quốc dân đảng Trung Quốc được thành lập ở Hong Kong, Tổng Khánh Linh đã nhận lời đến dự và nhận chức chủ tịch danh dự.

Chỉ có quân đội của đảng Cộng sản với kê đồ và súng trường, đứng trước quân đội Quốc dân đảng với máy bay và đại bác không hề run sợ, họ đã từng bị động trở thành chủ động, từ phòng thủ chuyển sang tấn công.

Tướng Giới Thạch vô kế khả thi vào năm thứ hai khi cuộc nội chiến toàn diện nổ ra, tháng 7 năm 1947 đã phát "lệnh tổng động viên trong toàn quốc" kêu gọi "quân dân cả nước tập trung ý chí... đẩy mạnh chống loạn" và với "tội danh" "chia cắt đất đai tổ quốc, dấy binh gây loạn", "truy nã" Mao Trạch Đông.

Ba mươi năm trước thế nào, ba mươi năm sau ngược lại, cuối năm 1948, cũng với kiểu cách như thế, đảng Cộng sản lại truy nã 43 tên tội phạm chiến tranh do Tướng Giới Thạch đứng đầu. Lệnh "truy nã" của Tướng Giới Thạch với Mao Trạch Đông chỉ như một tờ giấy lộn, còn lệnh truy nã của Mao Trạch Đông với bọn tội phạm chiến tranh thì không phải chuyện đùa.

Ba lần quyết chiến đấu, cục diện thắng lợi đã rõ ràng, Tướng Giới Thạch thì quân thua như núi đổ, đầu năm 1949 bắt buộc phải tuyên bố "rút lui dần", giao chức vụ Tổng thống hết ra lửa cho Lý Tôn Nhân, Lý vừa nhậm chức liền kéo cờ hoãn chiến.

Lý Tôn Nhân thấy tình hình trong nước quá nghiêm trọng, thừa biết rằng không tiến hành hợp tác Quốc-Cộng thì không ra khỏi cục diện căng thẳng này. Chính vì thế mà ông nhiều lần hẹn Trương Trị Trung nghiên cứu việc cải tổ nội các. Trương đề nghị thả Trương Học Lương ra và mời Tổng Khánh Linh làm viện trưởng hành chính. Lý chấp nhận đề nghị ấy, chính thức tuyên bố thả Trương Học Lương ra, nhưng Tướng Giới Thạch căn bản không chịu lép vế nhận thua.

Mệnh lệnh của Lý Tôn Nhân chỉ thành những lời đăi bôi mà không thực hiện được. Còn đến việc thương lượng mời Tôn phu nhân về nhận chức viện trưởng hành chính, Lý đã cung kính gửi thư giao cho người tâm phúc là Cam Giới Hầu đưa tận tay Tôn phu nhân – Bức thư viết:

"Tôn phu nhân kính mến! Tưởng tiên sinh khăng khăng rút lui, Tôn Nhân tôi đứng trên trách nhiệm của mình với đất nước, đành phải ra để cố giữ lấy cục diện ngày nay. Nội chiến đã nhiều năm, nhân dân khổ cực trăm bề, chán ghét đánh nhau mà chỉ muốn hòa đã thành tiếng gọi chung của nhân dân cả nước. Tôn Nhân tôi tuân theo ý dân, cố gắng đến mức cao nhất. Duy có điều đây là việc lớn, không dựa vào phu nhân ra mặt lãnh đạo, cùng bàn cách tiến hành để hòa bình sớm có ngày thực hiện, đất nước, nhân dân vô cùng trông đợi. Nay cử người thay mặt để trình bày những điều thô thiển nói trên, rất mong được có lời chỉ thị, để làm theo. Đồng thời cũng mời phu nhân sớm lệnh cho về kinh, để được sẵn sàng xin những lời chỉ giáo... trước khi về xin báo cho biết trước để tiện việc đón rước thì thật lấy làm vinh hạnh".

Lý Tôn Nhân chiếm cứ một nửa giang sơn phía đông nam, chẳng có chút công lao gì với giải phóng nhân dân, lại hòng dựa vào uy tín của Tống Khánh Linh chẳng những không hám gì cái chức viện trưởng hành chính, lại càng không muốn giúp sức cho chính quyền Nam Kinh đang ở trong cảnh khốn cùng, cho nên bà đã cương quyết từ chối lời mời của Lý Tôn Nhân.

Một thời đại đi qua, cho một thời đại mới bắt đầu. Những người Cộng sản theo tiếng trống trận đi về hướng Nam, cũng đang gấp rút để xây dựng chính quyền mới, họ mong mỏi Tống Khánh Linh đang ở Thượng Hải lúc này có thể bước ra cùng gánh vác công việc. Vì thế ngày 19 tháng 1 năm 1949 Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai cùng ký tên gửi một bức điện văn tới Tống Khánh Linh. Mới đầu Tống Khánh Linh chưa nhận lời mời. Khánh Linh là một người đàn bà rất nặng tình cảm gia đình, vì sự tín ngưỡng chính trị của mình, bà đã chịu sự hy sinh rất lớn, cái cảnh cứ phải thường xuyên kịch liệt đấu tranh với gia đình thế này thực sự khiến cho bà vô cùng khó nghĩ, mặc dầu bà xưa nay chưa từng để lộ ra điều này, hãy thử nghĩ coi, khi thấy họ Tống bị liệt vào một trong "bốn đại gia tộc" mang đầy tiếng xấu, khi thấy em gái, em trai, anh rể, em rể của mình bị Đảng Cộng sản coi là phạm nhân chiến tranh, muốn nói gì thì nói cũng là điều vô cùng đau khổ. Mà điều đau khổ hơn là sự công kích của gia tộc bà, nhất là em rể bà, đối với bà và bè bạn của bà.

Tháng 5 năm 1949, quân giải phóng nhân dân tiến vào Thượng Hải, Tống Khánh Linh ở lại đấy, mà lúc ấy tất cả những người trong nhà bà đã rời khỏi hoặc trốn khỏi Trung Quốc. Em trai bà, chị và em gái bà ở nước Mỹ, người con chồng bà là Tôn Khoa thì sang Pháp. Chỉ còn tro mình bà ở lại.

Tháng 6, ủy viên dự khuyết trung ương Đặng Dĩnh Siêu được Trung ương cử xuống phía Nam và đến Thượng Hải.

Bà mang theo bức thư do chính tay Mao Trạch Đông viết gửi Tổng Khánh Linh:

"Thưa bà Khánh Linh.

Xa nhau ở Trùng Khánh, mới đây mà đã bốn năm, lòng thành ngưỡng vọng mỗi ngày một tăng, nay trong lúc cách mạng toàn quốc sắp thắng lợi, kế lớn xây dựng đất nước đang chờ phải bàn gấp, đặc phái đồng chí Đặng Dĩnh Siêu trước là gửi lời thăm, sau nữa là thành tâm mong bà hãy lên Bắc. Kính mong hãy lệnh giá về Kinh, để được gần gũi và xin chỉ dạy, rất mong không nên từ chối. Kính chúc vạn sự bình an.

Mao Trạch Đông

19 tháng 6 năm 1949

Bắc Bình sắp trở thành thủ đô của nước Trung Quốc mới, là trái tim của nước cộng hòa, thành một nơi mà nhân dân trong cả nước đều trông về. Thế nhưng đối với Tổng Khánh Linh, Bắc Bình lại khơi dậy niềm thương xót. Năm 1925, chính ở nơi đây, người bạn đời thân thiết 10 năm trời sớm tối cùng chung sống với bà – Tôn Trung Sơn – đã vĩnh biệt bà, để lại cho bà niềm nhớ tiếc khôn nguôi. Từ 1929 đến nay đã 20 năm trời Tổng Khánh Linh đều không trở lại Bắc Bình một lần nào nữa, bà rất sợ rằng thấy cảnh rồi nhớ người, rồi lại phải khơi dậy một nỗi đau xé lòng.

Đặng Dĩnh Siêu đã thuyết phục được Tổng Khánh Linh, bà đồng ý về Kinh. Chiều ngày 1 tháng 9, chuyến tàu đặc biệt chở Tổng Khánh Linh về tới Bắc Kinh. Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức... đã ra tận ga Tiền Môn để đón bà. Ngay sau đó, trong hội nghị chính trị hiệp thương khóa I, Tổng Khánh Linh đã gánh vác nhiệm vụ phó chủ tịch ủy ban chính phủ nhân dân Trung ương (chủ tịch là Mao Trạch Đông, các phó chủ tịch là Lưu Thiếu Kỳ, Tổng Khánh Linh, Chu Đức, Lý Tề Thâm, Cao Cương). Ngày 1 tháng 10, Tổng Khánh Linh cùng Mao Trạch Đông và những người lãnh đạo của nhà nước, đứng trên thành lầu Thiên An Môn trang nghiêm tham dự lễ ra đời nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Súng chào nổ rầm rầm, người đông như biển. Tổng Khánh Linh chan chứa nhiệt tình kể lại giờ phút lịch sử đó như sau:

"Đó là quang cảnh xúc động lòng người biết bao! Một biển màu đỏ rần rần vang dội tiếng hoan hô, dân chúng toàn thành phố đã đổ về đây dự lễ, đủ các loại người đều có mặt ở đó. Đội ngũ điều hành hầu như đi mãi không hết, đi mãi tới đêm

khuya. Ánh đuốc đã soi cho trời đêm sáng thành ban ngày. Trên quảng trường vang lên tiếng hát tưởng không bao giờ dứt, đó là những nét lớn của quang cảnh hôm ấy, đó là bản hợp xướng của muôn vàn giọng hát, khiến người ta sẽ mãi mãi không quên".

Từ đó, Tổng Khánh Linh đã thực sự hiểu rõ thêm thế nào gọi là "giải phóng vườn mình", thế nào gọi là "mở mày mở mặt", bà đã rất xúc động nói rằng:

– Chuyến đi lên Bắc lần này của tôi đúng là một linh cảm. Nó đã khiến cho tôi hiểu được rằng thế nào là sức mạnh của nhân dân. Tôi đã nhìn thấy nhờ sức mạnh của nhân dân mà chính phủ vốn có tính lịch sử của chúng ta đã được ra đời. Tôi đã tận mắt nhìn thấy những thành tựu lớn lao giành được nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của vị lãnh tụ vĩ đại đảng Cộng sản và của nhân dân cũng như tinh thần cách mạng chân chính.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, đó là một ngày đáng ghi nhớ, một ngày đầy ý nghĩa lịch sử, một ngày vui bất tận, nó đánh dấu rằng nhân dân đã được giải phóng và nước Trung Quốc mới bắt đầu. Từ ngày này, chúng ta đã bước qua ngưỡng cửa của một thế kỷ mới để bước tới tương lai, bước vào thời đại của nhân dân!

Cũng như hàng ngàn vạn người dân, đối với việc hồi sinh của dân tộc Trung Hoa, từ đáy lòng Tổng Khánh Linh dâng lên niềm tự hào và hạnh phúc vô bờ.

Trong nước Cộng hòa nhân dân, bà Tổng Khánh Linh 57 tuổi đời cuối cùng đã tìm thấy tổ ấm của mình để quay về tận mắt thấy lý tưởng mà chồng mình chưa hoàn thành, đến lúc này đã được thực hiện.

III. TRANH GIÀNH ĐÃ HẢ HAY CHƯA? HẬN NÀY BIẾT ĐẾN BAO GIỜ MỚI NGUÔI?

Cháy nhà mới ra mặt chuột

Năm 1949, bị tẩy chay từ bốn phía, Khổng Tường Hy đành ngậm ngùi luyến tiếc rời chốn quan trường đã lặn lội mấy mươi năm. Bởi thế nên có một thứ cảm giác hụt hẫng, buồn bã bao trùm lên đầu vợ chồng ông ta.

Làm sao cho khuây nổi sầu, không gì hơn là tìm đến với non nước.

Tổng Ái Linh là loại người ra nước ngoài dễ như người vào toa-lét cho nên bà ta đã quyết định ra nước ngoài rong chơi và nghỉ ngơi. Thế là tháng 6 năm 1943, Khổng Tường Hy đi dự hội nghị ngân hàng thế giới của Quỹ tiền tệ quốc tế ở khu rừng Pu-lây-thơ bang Hăm-bót-xơn, cùng Tổng Ái Linh và Tổng Mỹ Linh lần đầu cùng nhau đi Brazil.

Ở Nam Mỹ, rừng nhiệt đới bao phủ khắp nơi, đủ mọi thứ chim hiếm thú lạ với những chỗ ở hào hoa xa xỉ... đã dần dần dập tắt cơn lửa nóng trong lòng Tống Ái Linh, bà ta bỗng nhiên thấy rằng mình cần phải thay đổi cách sống...

Từ chỗ trước đây chủ yếu là ki cóp tiền của, hưởng thụ là phụ, giờ này dần biến thành hưởng thụ là chính, ki cóp là phụ. Đồng thời bà cũng ý thức ra rằng, con trai con gái khôn lớn cả rồi, chúng đã thừa kế được toàn bộ gia sản của cha mẹ rồi thì mình có thể lui về tuyền sau.

Không lâu sau, Tống Ái Linh thấy trong người không được khỏe nên đã đi Mỹ tìm thầy chữa bệnh. Mùa thu năm 1947, bệnh tình của bà mỗi ngày một nặng thêm, Khổng Tường Hy cũng bay sang Mỹ để thăm vợ. Lúc này đại quân của Lưu Bá Thừa – Đặng Tiểu Bình đã đánh tới Đại Biệt sơn, quân giải phóng nhân dân đã chuyển sang thế tấn công trong phạm vi cả nước, "đó là thời điểm bản lề của lịch sử (lời Mao Trạch Đông). Vốn là con người có "tâm mắt chiến lược" nên so với các quan chức khác của Quốc dân đảng, Khổng Tường Hy đã hiểu được sâu hơn những gì ẩn chứa trong lời nói đó của Mao Trạch Đông, trước khi rời Trung Quốc, ông ta đã về quê cũ ở Thái Cốc, tỉnh Sơn Tây để giải quyết gia sản ông cha để lại. Đó là lần cuối cùng ông ta về quê cũ thăm "nhà". Vợ chồng họ Khổng sang Mỹ sớm như thế, nếu không phải là sự ngẫu nhiên của lịch sử, thì chính là chỗ ông ta tinh ranh sáng suốt hơn người!

Khi những đám quan to nhỏ nường nược trong chính phủ Nam Kinh cũng như các nhà phú thương cỡ bự cho rằng ngày vương triều họ Tưởng phải nhận án tử hình còn ở đâu xa xôi lắm, thì Khổng Tường Hy đã đi trước một bước, cho con trai con gái ở Thượng Hải dần dần thu gom vốn liếng để chuyển sang New York. Như vậy khi đại lục có sang tay người khác thì tài sản của nhà họ Khổng đã chuyển hết ra nước ngoài không mất một xu nào, mà phần lớn là chuyển sang Mỹ, một phần nhỏ ở Hong Kong, Nhật Bản và Âu châu. Ở nước ngoài, vợ chồng Khổng dựa vào nguồn vốn hùng hậu đó, lúc đầu là kinh doanh nhà đất, cổ phiếu, sau đầu tư sang lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, du lịch...

Ở Mỹ, Tống Ái Linh luôn luôn hần học về nỗi Tống Tử Văn đã làm hại chồng mình, nên tình chị em mà bỗng như những kẻ qua đường, chẳng ai đến với ai, ngay cả đến lễ tang của Khổng cũng chẳng ai thấy bóng dáng Tống ở đó.

Quan hệ của vợ chồng Khổng Tường Hy với Đài Loan lại khá mặn mà, những nhân vật quan trọng của Quốc dân đảng lai vãng tới New York đều ghé thăm nhà Khổng. Năm 1956 Tống Ái Linh về Đài Loan, em gái, em rể đều ra sân bay đón. Ngày 23 tháng 10 năm 1962, với danh nghĩa là "mừng thọ Tưởng Giới Thạch 75 tuổi", Khổng Tường Hy 82 tuổi đã bay về Đài Bắc.

Xa nhau biệt biệt chục năm trời, nhìn hình ảnh già nua chậm chạp bước đi cũng khó khăn của người bạn chiến đấu cùng với mình đứng trong chiến hào, Tưởng Giới Thạch không thể không thốt lên rằng: Quy luật của cuộc đời không ai chống lại được!

Năm 1966, bệnh cũ của Không Tường Hy tái phát, ông ta lại phải rời Đài Loan là nơi đã sống 4 năm liền, bay sang Mỹ một lần nữa để chữa bệnh. Mặc dù ông đã dùng những thứ thuốc đắt tiền nhất và chữa trị trong điều kiện tốt nhất, được bồi bổ nhiều nhất... song cuối cùng ông cũng không trốn khỏi được tiếng gọi của thượng đế. Ngày 16 tháng 8 năm 1967, đôi mắt của Không Tường Hy thôi không còn mở ra được nữa để mà nhìn lại một lần cuối người vợ của ông đang đứng trước giường bệnh. Tống Ái Linh nhẹ nhàng mân mân bàn tay lên khuôn mặt già nua rệu rã của chồng, hồi tưởng lại 53 vòng đời mà họ từng chung sống, mới giàu sang làm sao, vinh dự làm sao, hiển hách làm sao. Suốt đời họ sống một cuộc sống ở mức cao nhất mà bao nhiêu người thèm khát – trong nhà người hầu hạ hàng đàn, tất cả mọi thứ muốn gì được nấy, nghĩ gì có nấy, một đời không tai không họa, luôn may mắn suôn sẻ.

Tống Ái Linh mất chồng thương xót nước mắt ướt đầm vạt áo, em gái luôn luôn khuyên bà nên bớt buồn thương – người chết rồi không thể sống lại được nữa, trước cái chết, mọi người đều bình đẳng.

Một thời gian sau, tâm tư của Tống Ái Linh thôi không nặng nề thương xót nữa, nhưng bà thường sinh ra hoảng hốt, nghĩ vẩn nghĩ vơ, bà thích kể lể với người khác những niềm vinh quang của ngày xưa, nhưng những người nghe ở quanh bà đã phát chán những chuyện con cà con kê cũ rích tám mươi đời.

Ngày tháng qua mau. Những nếp nhăn trên mặt Tống Ái Linh ngày ngày một sâu, nỗi buồn tủi cô đơn của người già luôn bám riết bà. Điều quan trọng hơn là cùng với việc bè bạn, người thân thì cứ thay nhau là đời, những khuôn mặt thân quen mà bà gặp được ngày một ít đi. Cảm xúc của bà đối với cuộc đời cũng ngày một nhiều lên. Rốt cuộc đời một con người cũng như cây cỏ vào thu.

Năm 1969 người em trai út của bà là Tống Tử An ở Hong Kong bị xuất huyết não ngã chết, bà cũng không đi dự lễ tang được.

Năm 1971 người em trai lớn của bà là Tống Tử Văn cũng qua đời ở Mỹ, bà cũng không đi đưa tang được.

Năm 1973, bà vừa 83 tuổi ở New York, rồi cũng theo chân chồng và em trai ra đi. Những ai rồi sẽ đến đám tang của bà, quả thực là bà không thể biết nổi.

Trong mộng đâu hay mình là khách

Đối với những người ít nhiều có chút công lao với vương triều họ Tưởng thì năm 1949 là những giờ phút mà họ luôn luôn nơm nớp trong lòng. Định quay súng đầu hàng, lập công chuộc tội, hay là trốn về một xó quê nào đó ẩn dật qua ngày? Họ không thể không cân nhắc kỹ lưỡng và làm một cuộc chọn lựa rất khó khăn.

Tổng Tử Văn rõ mười mười rằng thắng lợi của đảng Cộng sản sẽ có ý nghĩa gì đối với ông ta? Ngay từ trong "Tuyên ngôn của quân giải phóng nhân dân Trung Quốc" tháng 10 năm 1947 đảng Cộng sản đã tuyên bố rõ ràng với thiên hạ rằng "sẽ tịch thu tài sản của bọn người trong bốn gia tộc lớn là Tưởng Giới Thạch, Tổng Tử Văn, Khổng Tường Hy và Trần Bồi Văn và anh em họ cũng như bọn tội phạm chiến tranh chủ yếu". Trong danh sách 43 tội phạm chiến tranh mà đảng Cộng sản Trung Quốc công bố hồi cuối năm 1948, thì Tổng Tử Văn có tên ở đầu bảng. Ông đã từng nói giáo cho giặc coi nhân dân là kẻ thù, thế thì đảng Cộng sản cũng chẳng dễ gì mà tha cho ông. Đến như vậy thì việc trốn ra khỏi đại lục là điều chọn lựa duy nhất đối với Tổng Tử Văn, chỉ có điều là chạy đi đâu, ra Đài Loan, hay sang Mỹ? Đó là điều mà Tổng Tử Văn phải đắn đo.

Ra Đài Loan, ở đó vẫn trong sự khống chế của em rể, mà thành kiến giữa Tổng Tử Văn với em rể thì đã rõ ràng rành rành như bánh canh nấu hẹ. Hơn nữa chính quyền Quốc dân đảng thế nào rồi cũng sẽ truy cứu trách nhiệm về thất bại ở đại lục, nếu có mặt ở đó, mình cũng khó tránh khỏi, mà còn biến thành vật hy sinh. Rõ ràng là ra Đài Loan lành ít dữ nhiều...

Thế là nước Mỹ bỗng trở thành chốn nương thân lúc tuổi già của Tổng Tử Văn. Cuối tháng 1 năm 1949, sau khi vừa nắm quyền ở Quảng Đông được 15 tháng, Tổng Tử Văn đã phải từ chức, rời Quảng Châu, ngồi tàu thủy ra Hong Kong. Mấy người bạn ra đón, thấy trước ngực Tổng Tử Văn đeo đủ các loại huân chương mà chính phủ dân quốc từng ban tặng cho ông từ trước tới giờ, hỏi ông tại sao phải làm cái chuyện khoe khoang như thế, Tổng cười chua chát nói: "Có lẽ đây là lần cuối cùng trong đời mình được trưng ra với mọi người những huân chương của nhà nước".

Trước khi xa đại lục, Tổng Tử Văn đã có ý vạch kế hoạch di chuyển tài sản của mình sang Mỹ, Ca-na-đa, Nam Mỹ v.v... để đề phòng bị chính quyền nhân dân tiếp quản mất.

Tháng 4 năm 1949, quân giải phóng nhân dân đánh chiếm được Nam Kinh. Ngày 16 tháng 5, Tổng Tử Văn cùng vợ là Trương Lạc Di và ba cô con gái bay sang Pháp, rồi sang định cư ở Mỹ tại tòa nhà hào hoa ở Man-khát-ton – New York.

Khi Tưởng Giới Thạch đi Đài Loan, tuy có mang theo số vàng bạc gửi tại Ngân

hàng trung ương là 50 vạn au-so⁽²⁾, nhưng vẫn cảm thấy có khó khăn về mặt tài chính và cố nhiên là lại ngửa tay xin Mỹ. Với việc này, dư luận Mỹ không hề tỏ ra khách khí. Ngày 1 tháng 5 năm 1950, nhà văn Mỹ Bơ-lăng, trong một bài báo trên chuyên mục của tờ "Ngôi sao buổi chiều Oa-xinh-ton" đã chỉ ra rằng: "Chính phủ Trung Quốc ở Đài Loan đã xin quốc hội Mỹ viện trợ cho họ, chẳng thà huy động ngay số vốn của tư nhân Trung Quốc gửi tại Mỹ. Khoản tiền mà hiện nay tổng thống Tưởng cần có ngay để ổn định tiền tệ và chi dùng cho xây dựng, kinh tế... khoảng chừng 300 triệu đô-la, thực ra có thể vay khoản vốn riêng của Không Tường Hy và Tống Tử Văn, không cần phải vay của nhân dân nước Mỹ đang phải nộp thuế, bởi vì theo thống kê chính xác của cơ quan nhà nước Mỹ, khoản tiền gửi tại ngân hàng Mỹ của hai gia đình Không, Tống đạt tới hơn 500 triệu đô la, nếu từ trong số tiền này, có bỏ ra cho vay 300 triệu, cũng hoàn toàn chưa đến nỗi làm cho hai người này "nghèo khó" ngay được. Huống hồ với quan hệ thân thích giữa họ và Tưởng tổng thống trước đây lại đã từng giữ quyền cao chức trọng như Bộ trưởng tài chính kiêm viện trưởng hành chính, vinh nhục có nhau, gian nan yên vui cùng hưởng... thì cả hai bề công, tư, hành động đó đều có ý nghĩa cống hiến, viện trợ. Như thế cũng đỡ cho chính phủ của Tưởng tổng thống phải mất bao nhiêu công sức xin xỏ chính phủ và quốc hội Mỹ, phải hoạt động nhiều mặt lại luôn luôn bị hiểu lầm, bị công kích... chỉ để xin một khoản viện trợ rất có hạn. Cho nên, việc những nhà cự phú như Tống, Không đứng ra "viện trợ" cho chính phủ của Trung Quốc và người họ hàng thân cận nhất của họ là Tưởng tổng thống, quả thật là hợp đạo hợp đời không gì bằng".

Rút dây động rừng, giới báo chí Đài Loan, Hong Kong bỗng theo nhau xôn xao bàn tán quanh vấn đề số lượng tài sản của hai nhà cự phú Không, Tống, về việc có nên "quyên góp gia sản" cho nhà cầm quyền Đài Loan không? Góp thì góp bao nhiêu... Nhưng Không, Tống đều giả câm giả điếc, không hề tỏ ra phản ứng gì, thế là giới báo chí tỏ ra "bực mình", đòi tố cáo Tống, Không "về nước". Thời kỳ đầu khi chính quyền Quốc dân đảng mới chạy ra Đài Loan, đã nhiều lần lên tiếng kêu gọi ủy viên lập pháp, ủy viên giám sát, đại biểu quốc hội và ủy viên chấp hành giám sát trung ương... đang ở nước ngoài về Đài Loan để cùng lo toan "chống nạn nước" nhưng chỉ lác đác không mấy người về. Ban chấp hành trung ương đảng cũng nhiều lần điện cho Tống Tử Văn ở Mỹ mời về Đài Loan, Tống đều coi như không biết. Tháng 10 năm 1952 trong "đề án chỉnh đốn" ủy viên chấp hành khóa 6 thông qua tại "đại hội 7" của Quốc dân đảng họp tại Đài Loan, đã nêu ra rằng từ sau đại hội này trở đi, ban chấp hành trung ương sẽ tiến hành tổng đăng ký đảng viên, "biện pháp rõ ràng, khảo sát nghiêm ngặt chọn lựa lần lượt" nhưng Tống Tử Văn, Không Tường Hy vẫn cứ làm ngơ, không đưa động gì tới họ. Năm sau trong danh sách khai trừ đảng viên Quốc dân đảng đưa lên cho Tưởng Giới Thạch phê chuẩn, Tống Tử Văn đứng hàng thứ hai, sau ông anh rể Không Tường Hy.

Nói Tống Tử Văn tham tiền hám của cũng không quá lời. Ông ta hám của lại rất sợ trong việc đi ngang về tắt để kiếm tiền. Sau khi định cư ở Mỹ, với số vốn khá đầy đủ, Tống Tử Văn đã kinh doanh cổ phiếu dầu mỏ và các nghiệp vụ buôn bán. Nhưng thời cuộc đã xoay vần, lòng người cũng khác hẳn. Tống Tử Văn lúc này đã mất hết quyền uy, không còn như trước đây, lấy quyền uy làm gây chống rồi "biến đá ra vàng", một vốn bốn lời được nữa. Trong cái thương trường của Mỹ vốn chỉ biết chạy theo quy luật giá trị thì điều mà Tống Tử Văn gặp phải trong việc làm ăn buôn bán lúc này là nguy hiểm và vấp vấp.

Trên mảnh đất bên kia bờ Thái Bình Dương, vòng giao thiệp của một Tống Tử Văn bị lịch sử vứt bỏ đã co hẹp lại rất nhiều. Lúc mới đầu, Tống tỏ ra không quen với sự lạnh nhạt đó, nhưng qua một thời gian, rồi cuộc sống cũng dần dần thích nghi trở lại. Trong thời gian sống lặng im, Tống Tử Văn suốt ngày ru rú một nơi, đôi khi họp mặt với mấy người bạn cũ cùng thời khi xưa ở đại lục, đánh tu-lơ-khơ ăn tiền lẻ để tiêu khiển và giết thời gian, chỉ có điều những người bạn đánh bài với ông ta ngày nay không còn như xưa, có ý giả vờ thua để đổi lấy sự vui mừng của Tống. Có lần, Từ Kham vốn từng là thứ trưởng thường trực của Bộ tài chính đánh bài ở nhà Tống, đã thắng Tống Tử Văn một ván rất lớn. Tống Tử Văn vốn muốn giữ Từ lại tiếp tục đánh để gỡ món tiền gốc lại, Từ liền đứng dậy rũ áo ra đi. Sau chuyện ấy có người bảo Từ: TV (tiếng gọi tên tắt của Tống bằng Anh văn) trước đây từng cất nhắc anh, sao lại chẳng nghĩ đến chút tình nghĩa ấy?" Từ liền ngạo mạn nói: "Tôi đã vào quốc tịch Bồ Đào Nha, mặc kệ họ, tôi chẳng biết TV, T việc gì hết". Tuy nhiên, Tống Tử Văn không phải đã quên hết những bạn bè xưa cũ. Tháng 8 năm 1951, Đỗ Nguyệt Sinh chết ở Hong Kong, Tống Tử Văn không đến Hong Kong để làm lễ tang được, nhưng ông ta cũng đã bày tỏ được lòng mình, ngoài việc gửi điện chia buồn và gửi câu đối phúng, còn điện dặn ngân hàng Quảng Đông sửa cho mình một mâm cỗ lễ đưa tới trước linh đường và nhờ người thư ký của ông ở Hong Kong lễ thay. Năm 1958 Tống Tử Văn về Hong Kong. Trong bữa tiệc ấy, Tống Tử Văn đã lảng tránh không trả lời câu hỏi "bao giờ đi Đài Loan" và những vấn đề tế nhị khác, mà chỉ nói rằng: Tôi giờ đã là người vọng thất, đã từ lâu xa lánh mọi hoạt động chính trị, không có ý định lại làm chính trị một phen nữa!" Tống Tử Văn lúc ấy "trông có vẻ gầy yếu già nua, tóc đã bạc gần nửa đầu", gây cho người ta một ấn tượng là không hào hứng với bất kể thứ gì, không muốn tranh giành bất kể thứ gì ở trên đời, so với TV Tống hằng hái năng nổ và khí thế mạnh mẽ ngày xưa, đã là một con người thứ hai khác hẳn.

Tháng 2 năm 1963, Tống Tử Văn rốt cuộc đã nhận lời mời của Tưởng Giới Thạch bay đến Đài Bắc ở ít ngày. Đây là chuyến đi Đài Loan duy nhất của Tống Tử Văn kể từ ngày trốn khỏi đại lục. Lúc này, Tưởng Giới Thạch 76 tuổi, Tống Tử Văn 69 tuổi, Tống Mỹ Linh 66 tuổi. Đối với người già ở những lớp tuổi như vậy, những gì là ân oán ngày xưa đều đã đi qua, sám hối, nhận lỗi, hòa giải... đã trở nên thừa.

Trong thời gian ở Đài Loan, Tổng Tử Văn đã sum họp với em gái, em rể từng xa cách nhau 14 năm trời, nhìn những mái tóc pha sương của nhau, họ đều thấy sự vô tình của năm tháng. Là những nhân vật từng khét tiếng chốn quan trường ở Nam Kinh, họ muốn lánh tránh những gì vinh quang kiêu hãnh ngày xưa, lánh tránh những trang sử nặng nề ở đại học... để tránh khơi dậy trong lòng họ những kỷ niệm không vui. Họ ngồi lại với nhau, chỉ kể cho nhau những chuyện đời thường. Lúc sắp chia tay, Tưởng Giới Thạch có nhờ Tổng nghe ngóng xem thái độ của Chính phủ Mỹ với việc ủng hộ Tưởng "chống Cộng" ở đại lục thế nào, và một lần nữa ra tay giúp Tưởng Giới Thạch tranh thủ viện trợ của Mỹ. Nhưng sau khi trở lại Mỹ, Tổng Tử Văn chỉ kể lại qua loa với Tư-ru-man những tính toán của Tưởng, chứ không hề diễn lại những trò như hồi thập kỷ 40 là du thuyết khắp nơi ở nước Mỹ để cầu xin viện trợ.

Ngày 25 tháng 2 năm 1969, Tổng Tử Văn đang là chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng Quảng Đông đã chết do bị xuất huyết não. Đêm khuya ngày 5 tháng 3, Tổng Tử Văn từ Mỹ bay về Hong Kong, tháng 6 gia lễ cầu nguyện cho em trai ở nhà thờ Cơ đốc giáo ở cửa đường ngầm Ken-ni Hong Kong. Đây là lần cuối cùng trong đời, Tổng Tử Văn đặt chân lên đất Trung Quốc.

Tối ngày 25 tháng 4 năm 1971, trong khi ăn cơm tối tại nhà một người bạn cũ, trước đây đã từng làm việc tại ngân hàng Quảng Đông ở San Fran-xit-cô, Tổng Tử Văn bị sặc thức ăn và dẫn đến truy tim mạch rồi chết đột ngột, hưởng thọ 71 tuổi.

Ngày 25 tháng 4 linh cữu của Tổng Tử Văn được đưa từ San Fran-xit-cô về New York.

Sau khi Tổng Tử Văn chết, tổng thống Mỹ Nich-xon muốn thông qua việc ba chị em họ Tống sang dự lễ tang để đẩy mạnh việc lập quan hệ ngoại giao Trung-Mỹ, ông ta tìm được một nhà chính trị gốc Hoa rất nhiệt thành chạy chọt đó đây để xây dựng mối bang giao Trung – Mỹ, đưa ra lời mời phó chủ tịch của đại lục Tống Khánh Linh, phu nhân Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan, Tống Mỹ Linh và Khổng Tường Hy phu nhân Tống Ái Linh hiện đang ở Mỹ tới dự lễ tang Tổng Tử Văn.

Ngay hôm ấy, nước Mỹ đã nhận được tin của phía Trung Quốc: "Phó chủ tịch Tống Khánh Linh sang Mỹ tham gia tang lễ của Tổng Tử Văn, song do hai nước Trung Mỹ chưa xây dựng quan hệ ngoại giao, nên không có chuyến bay trực tiếp, hiện nay phải qua hãng hàng không của Mỹ, liên hệ chuyên cơ bay qua nước Anh để đến Mỹ". Đồng thời tổng thống Nich-xon cũng được báo cáo cho biết Tống Ái Linh cũng đến để dự lễ tang của em ruột mình; Tống Mỹ Linh cũng ngồi trên một chuyên cơ từ Đài Loan bay sang Mỹ, tối hôm nay đang nghỉ ở Ha-wai, hôm sau sẽ bay tiếp sang Mỹ.

Buổi sáng ngày 27 tháng 4, tổng thống Nich-xon đã nhận được bản chiếu thư,

ông ta vội vàng cử ngay quốc vụ khanh Kit-xinh-giơ chuẩn bị bí mật đi thăm Trung Quốc. Đang lúc hai người bàn bạc làm thế nào lợi dụng dịp lễ tang của Tổng Tử Văn để đẩy mạnh tiến trình ngoại giao của hai nước Trung Mỹ, thì họ nhận được một tin tình báo bất ngờ, Tổng Mỹ Linh nghỉ đêm tại Ha-wai được Tưởng Giới Thạch báo cho biết đừng có mắc vào trong mặt trận thống nhất của Trung Cộng, ngừng chuyến bay đi Mỹ tham gia tang lễ. Đến trưa, thân nhân của người chết lại nhận được điện thoại của nhà họ Khổng cho biết Tổng Ái Linh tạm thời không đến tham gia tang lễ của em ruột nữa. Tổng Thống Mỹ Nich-xon nhìn thấy mà trố mắt, không biết nói sao cho được. Cuối cùng, ông đã thông báo cho các bộ môn có liên quan lập tức điện báo cho Tưởng Giới Thạch, nói rõ rằng đám tang của Tổng Tử Văn là việc riêng của gia đình họ Tổng, không liên quan gì đến Trung cộng ở đại lục, mong rằng bà Tổng Mỹ Linh hãy nhận lời mời đến Mỹ tham gia đám tang của anh mình.

Một ngày hai ngày qua đi, Tổng Mỹ Linh vẫn ở Ha-wai nhưng cũng không thấy có tin máy bay nào cất cánh. Trước ngày làm lễ tang cho Tổng Tử Văn một hôm, lại đột nhiên được thông báo của chính phủ Trung Quốc cho biết, do không thuê được chuyên cơ, phó chủ tịch Tổng Khánh Linh không thể nhận lời sang Mỹ tham gia đám tang của em mình được. Vì thế, Nich-xon lại thở dài rồi đưa ra một quyết định: Bảo cho hai gia đình Tưởng và Khổng biết rằng Tổng Khánh Linh không đến đám tang được. Chị cả Tổng Ái Linh và em gái Tổng Mỹ Linh có thể tới lễ tang được thì bất kể là đối với người sống hay người chết đều là một niềm an ủi.

Kết quả lại càng làm cho Nich-xon thất vọng. Tổng Mỹ Linh thì sợ mắc vào bẫy chính trị, cho chuyên cơ quay phát trở lại Đài Loan, ngay cả Tổng Ái Linh đang ở trên đất Mỹ cũng dè dặt do dự. Để chờ đợi sự có mặt của bà, đám tang của Tổng Tử Văn đáng lẽ làm vào buổi sáng đành phải hoãn đến chiều. Tổng thống Mỹ Nich-xon chỉ nói một câu rằng: "Tôi thật không thể hiểu được người Trung Quốc các người".

Và như thế, lần gặp gỡ duy nhất của ba chị em họ Tổng vào lúc cuối đời đành bị "vỡ kế hoạch". Hơn hai mươi năm đó, mỗi người họ nắm giữ một phương: một người ở Trung Quốc đại lục, một người ở Đài Loan, người thứ ba ở Mỹ, tin tức không thông được với nhau. Những ân oán ngày xưa chưa hề bị dòng chảy của thời gian làm cho mờ nhạt. Chính trị vẫn len lỏi vào trong mối giao lưu tình cảm của họ. Tuy là những năm cuối đời, cuộc hành trình của số mệnh đi vào thời điểm cuối cùng, trước lúc chết họ đều không bước qua được cái rãnh chính trị để tìm lại tình cảm chị em đã bị mất đi.

Hoặc là trong mơ họ đã từng gần nhau, hoặc nhìn thấy người khác cùng hưởng niềm vui sướng của dòng đời, từ chỗ sâu lắng trong tâm linh họ cũng bị khơi dậy niềm xúc động, để từ đó mà ước ao ngày tháng trôi ngược chiều, để họ được sống lại

với niềm ấp áp của thời thơ ấu, để họ có thể sum họp được với nhau một lần nữa trong một gia đình đầy ắp hy vọng của cha mẹ, trong tiếng cười và niềm vui...

Khắp trời cây cối đổ tơi bời

Nam Kinh giải phóng, Vũ Hán giải phóng, rồi Trùng Khánh giải phóng... những người Cộng sản đã mang cờ đỏ năm sao cắm xuống tận biên thùy phía Tây Nam, cắm cả ở quê hương của Tống Mỹ Linh – Đảo Hải Nam.

Đứng trước thế tấn công mạnh mẽ rung chuyển giang sơn của đoàn quân nam tiến của đảng Cộng sản, trên đảo Đài Loan lòng người cũng hoang mang ngủ không yên giấc.

Đài Loan lúc này như một chiếc thuyền con trên biển cả mênh mông, đêm mang mang, trời cũng mang mang, gió thì giạt, sóng thì cao... Tháng 1 năm 1950, tất cả mọi hy vọng trong việc cầu xin viện trợ của Tống Mỹ Linh ở Mỹ đều bị phá vỡ, đành đi không về rồi im lặng quay trở lại. Trước khi rời nước Mỹ, bà ta diễn thuyết nói rằng: "Trung Quốc rồi sẽ giành được tự do, miễn là tôi còn hơi thở, tôi vẫn có lòng tin vào chúa tể toàn năng, quyết không ngừng phấn đấu, Nga Xô quyết không thể mãi mãi chiếm giữ Trung Quốc. Chúng tôi thề tất cả sẽ phản công lại đại lục, xây dựng lại một đất nước tự do lành mạnh vui tươi". Những lời diễn thuyết đó đều là thứ văn chương của nhà quan, hình thức nhiều hơn nội dung. Nhưng đúng như nhà sử học Đài Loan là Giang Nam đã nói: "Tưởng phu nhân trở về trong lúc khó khăn, cũng giúp cho sự khích lệ lòng dân, nêu một tấm gương phản chiếu cho các bậc quan cao, các bậc phú thương vốn có tấm lòng lạc quan quá mức".

Sau khi Tống Mỹ Linh đặt chân về tới Đài Loan, còn chân ướt chân ráo, đã vội đi làm công việc thăm hỏi quân lính. Ngoài việc vòng quanh đảo đi thăm quân đội, bà ta còn ra trận phía trước ở đảo Kim Môn và thăm dân chúng đảo Bành Hồ, khích lệ sĩ khí, rồi đến ngày 17 tháng 4 đã tuyên bố ở Đài Bắc thành lập "Tổng hội liên hiệp phụ nữ Trung Hoa phản Cộng, chống Nga" (gọi tắt là Hội liên hiệp phụ nữ), tự mình đi đầu, gánh vác vai trò ủy viên chủ nhiệm. Tổ chức này có tới 48 phân hội, 148 chi hội, 70 đội công tác rộng khắp các nơi trên toàn đảo, họ may quần áo cho binh lính, thăm hỏi gia đình binh lính... Các báo chí của Đài Bắc với cột mục đầu đề đặc biệt tuyên truyền rùm beng về những hoạt động này của họ. Theo thống kê, số quần áo, giày vải qua tay hội phụ nữ may vá gửi cho binh lính ở khắp nơi có tới hàng chục triệu bộ.

Đòn đau thì nhớ dai, cha con Tưởng Giới Thạch nhớ lại bài học thất bại sâu cay ở đại lục, đã có thêm những nhận thức và suy nghĩ mới. Đầu năm 1950, Tưởng Giới Thạch đã nhiều lần nói chuyện ở "Viện nghiên cứu thực tiễn cách mạng", tổng kết ra đủ loại "nguyên nhân dẫn đến thất bại của Quốc dân đảng ở đại lục".

Tưởng cho rằng Quốc dân đảng có hai thiếu sót lớn: "một là công tác đảng chỉ làm trong đảng mà không phát triển rộng rãi vào trong dân chúng. Công tác của đảng xa rời dân chúng, tức là chỉ có hình thức mà không có nội dung, chỉ có xác mà không có hồn". "Thứ hai là chỉ tính đến bề phái mà không tính đến chính sách, chỉ bàn đến quan hệ khu vực mà không bàn đến nhu cầu của công việc. Tưởng còn nói rằng: "Thất bại của chúng ta lần này không phải là bị "Cộng phi" đánh đổ mà thực ra là tự mình đánh đổ mình". Ông bảo mọi người một là khiêm tốn tiếp nhận bài học thất bại ở đại lục Trung Quốc; hai là không ngại hy sinh cảm tình và sĩ diện, cải tạo triệt để; ba là tự ông ta sẽ tận tụy hơn, để giành thắng lợi cuối cùng.

Nhận thức được "nâng cao", Tưởng Giới Thạch đang yên phận một bề lại định mất bò mới lo làm chuồng. Với đao to búa lớn, ông ta định thực hành cải cách cơ cấu, nhường con đường của lão tướng ra, đề bạt lớp người mới, dọn đường để cho thái tử lên cầm quyền. Thế là từ sau hội nghị ban chấp hành trung ương khóa sáu, ủy ban thanh tra trung ương, ủy ban thường vụ trung ương... trở đi, tất cả các tổ chức các cấp của Đảng đều bị xóa bỏ, lột bằng hết mọi quyền lực của lớp người thề quyết chí với "đảng" ở trong hệ thống, để họ yên vị trong "ủy ban bình nghị". Cái cơ cấu có vấn đề này giống như "viện nguyên lão" ở phương Tây. Người đứng đầu của ủy ban bình nghị chính là bà Tống Mỹ Linh.

Thành viên của "ủy viên bình nghị" do mấy người chớp bu trong đảng quyết định chứ không hề phải bầu qua hội nghị đại biểu toàn quốc của "đảng". Nếu như một nguyên lão nào đó mất tín nhiệm hay mất cảm tình với Tưởng Giới Thạch, thì ủy viên bình nghị của khóa sau sẽ không có tên người đó nữa. Với lại Tưởng Giới Thạch đã đưa Tống Mỹ Linh đứng đầu trong danh sách các ủy viên này, chính là để bịt miệng các nguyên lão lại: "Các ông xem, ngay bà ta cũng là một ủy viên bình nghị kia mà!" Cho nên Quốc dân đảng trốn ra Đài Loan mấy chục năm, các nguyên lão chỉ có biết ngoan ngoãn ăn "cơm chúa" của nhà họ Tưởng, lĩnh bổng lộc lâu dài của nhà họ Tưởng.

Tuy là người đứng đầu các "ủy viên bình nghị", ở trong đảng của họ, Tống Mỹ Linh cũng chẳng có một chút quyền phát ngôn nào. Trong khi đó, cục diện chính trị Đài Loan lại không ngừng từ chỗ lấy Tưởng Giới Thạch làm trung tâm di chuyển sang Tưởng Giới Thạch, Tưởng Kinh Quốc làm cốt lõi, Tống Mỹ Linh càng thấy bòn chòn và hụt hẫng. Bà ý thức được rõ ràng rằng sức ảnh hưởng của phương châm đại chính của bà đang giảm sút một cách rõ rệt và ở thế liên tục trượt xuống.

Để khuây khỏa nỗi hụt hẫng không vui trong lòng, từ năm 1950 sau khi ra Đài Loan, Tống Mỹ Linh lại mượn có làm bạn với hội họa và thư pháp, bà nói: "Những đêm không ngủ được, tôi dậy vẽ tranh". Kiên trì như thế nhiều năm nên trong lĩnh vực này, bà cũng đạt trình độ trên trung bình. Ở mấy năm đầu thập kỷ 70 bà lần

lượt xuất bản bốn xê-ri tranh về lan, trúc, sơn thủy và "hoa lá". Trong lời tựa của tập "sơn thủy", Tưởng Giới Thạch đã ca ngợi vợ mình là: "Tuy chỉ thỉnh thoảng vẽ trong những khi nhàn tản, thế nhưng cũng đầy sức sống động; những chỗ có bề dày thì nét bút đậm hơn nên khí thế càng trở nên trầm hùng". Trong lời tựa của tập "hoa lá" Tưởng lại ca ngợi: "Nét bút sâu và ngọt nhưng màu sắc lại đẹp cổ kính, khí chất mộc mạc tự nhiên, qua sự chắt lọc bòn đãi, hàm chứa được tinh hoa, tự toát lên sự cao nhã thân tình, không bỏ nhiều công sức học hỏi làm sao có được". Qua nghiên cứu kỹ, Tống Mỹ Linh dần dần bị chinh phục bởi môi trường khung cảnh đẹp không thể tả được của quốc họa. Bà nói: "Trong nền nghệ thuật của toàn thế giới, tranh quốc họa của Trung Quốc quả thực là có một không hai, bởi ở đó thơ và họa hòa quyện vào nhau cả hai đều làm phong phú thêm cho văn hóa Trung Quốc. Những người có hiểu biết và được rèn luyện về tranh quốc họa của Trung Quốc đều có thể đắm mình vào trong tranh, vào trong vẻ đẹp lặng thầm, một âm điệu trầm tĩnh, và một trí tuệ vô cùng đang ẩn chứa do tranh đem lại. Đặc tính của tranh quốc họa là do ý thơ và sự linh cảm sâu xa, nó lại càng có tính văn học và có tính giai điệu hài hòa nên lại có thể cảm thụ được một lực hút bình tĩnh, đó chính là một đặc tính mà tranh quốc họa của Trung Quốc có thể vươn ra khỏi đất nước mình".

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng, Tưởng Giới Thạch vốn chẳng có một tế bào nghệ thuật nào cũng đã bắt đầu có chút lòng yêu đối với quốc họa. Có lúc Tống Mỹ Linh vẽ tranh, Tưởng Giới Thạch từ phòng làm việc của mình bước tới, đứng bên cạnh lặng im quan sát, Tống Mỹ Linh cũng chẳng nói gì, trong không khí im lặng đó hai người ngắm nghía và cảm nhận sự trôi động của thời gian. Những lúc như thế, ngoài những việc hết sức khẩn cấp, các thị tòng không bao giờ phá rối sự yên lặng và dòng tình cảm đó.

Sự chinh đồn và cải tạo của Tưởng Giới Thạch khiến cho bốn dòng họ mà trong suốt một thời gian dài đan xen nhau nắm mọi quyền hành trong chính phủ Nam Kinh đến lúc này chỉ còn một mình họ Tưởng. Ba anh em họ Tống với vợ chồng Khổng Tường Hy không chịu hưởng hơi hướng của Tưởng Giới Thạch nên đang sang Mỹ ở, Trần Quả Phu ốm liệt giường, chẳng bao lâu sau thì qua đời. Trần Lập Phu – kẻ đứng đầu chính của hệ CC dần dần cũng sang Mỹ mở doanh nghiệp nuôi gà. Tưởng Giới Thạch gửi cho ông này 5 vạn đô la. Trước khi đi Trần đã đến chào Tưởng phu nhân, phu nhân tặng cho ông này một quyển thánh kinh và nói: "Về chính trị, ông từng gánh vác một trách nhiệm nặng nề như thế, nay bỗng chốc lạnh nhạt hẳn đi, sẽ cảm thấy khó thích nghi, đây có một quyển "Thánh kinh" ông hãy mang sang Mỹ mà đọc, trong lòng ông lúc ấy sẽ được an ủi rất nhiều". Sự phản ứng của Lập Phu quá bất ngờ và ngoài ý nghĩ của phu nhân, ông này đã chỉ vào hình của Tưởng Giới Thạch treo trên tường, trầm giọng xuống nói rằng: – Thừa phu nhân! Vị thượng đế đang còn sống kia (tay chỉ lên ảnh) còn không tin tôi, tôi lại đi hi vọng được Giê-su tin tưởng hay sao?

Do cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, chính quyền Đài Loan bị ung thư tái phát đang hấp hối thì bất ngờ được một tờ bảo hiểm tuổi già, từ đó mà được cứu sống. Cha con họ Tưởng thừa dịp này rút ra bài học "Tự lực vươn lên", khiến Đài Loan thoát ra khỏi nguy cơ, trở thành một trong bốn con rồng châu Á nhưng về chính trị lại nhờ sự bảo hộ của Mỹ.

Tưởng Giới Thạch vẫn không sửa được bản tính độc tài, bất chấp cả hiến pháp, hết lần này đến lần khác, "trúng cử" là "Tổng thống của Trung Hoa dân quốc", thế là nước lên thì thuyền lên, Tống Mỹ Linh cũng là "đệ nhất phu nhân" hàng nửa thế kỷ. Trong thời gian này, bà ta cũng nổi giáo cho giặc, bày mưu hiến kế cho Tưởng Giới Thạch, một mặt khác thì cáo mượn oai hỏ, tác oai tác quái, xây dựng phạm vi quyền lực của mình cũng như lập mối dây, một đội ngũ những người thân thuộc – "ê kíp của phu nhân" đồng thời còn nhiều lần sang Mỹ, làm con thoi giữa chính phủ Hoa Kỳ với Đài Bắc, bám riết lấy sự che chở của nước Mỹ. Ở Mỹ, bà ta nhiều lần viết bài và diễn thuyết, nói xấu bài xích đảng Cộng sản, đề cao chồng mình. Ngày 19 tháng 5 năm 1966, trong hội nghị liên tịch thân quyến của các nghị sĩ quốc hội Mỹ, bà ta trơ trẽn nói rằng: "Chúng ta với một tâm địa công bằng như nhau, một sự quan sát siêu nhiên, một trái tim không bệnh vực biện hộ cho ai và một tình cảm không ngần ngại chán chường, mà là chú ý đến những phần tử nói xấu, nhục mạ của phía Cộng sản và những kẻ thay mặt cho họ trước kia và hiện nay nói Tưởng tổng thống thế này thế nọ, chúng ta có thể nói rằng, bất kể ông có những gì vết gì thì lịch sử và những người có lương tri đều ghi lại hoặc nói ra miệng rằng Tưởng tổng thống chẳng những là nhà yêu nước vĩ đại không biết mệt mỏi vì mục tiêu thống nhất, mà còn là một con người có tầm mắt nhìn xa trời phú.

Tầm hiểu biết sâu rộng của ông đã vượt ra khỏi chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, việc này có thể chứng minh qua một sự việc: Ngay từ lâu ông đã có nhận thức rất sâu về hai con người là Sta-lin và Mao Trạch Đông cùng chủ nghĩa Mác-Lê-nin mà Đảng của họ theo đuổi, đồng thời cũng đưa ra lời cảnh cáo với nhân dân thế giới. Khi chủ nghĩa cộng sản mới chỉ còn là nội dung học thuật có tính phê phán, là một đầu đề câu chuyện phiếm cho những tri thức giả hiệu lại có đầu óc giai cấp nói chuyện phiếm trong nhà hay ở các phòng khác, khi họ không phân biệt được hòa trộn giữa vẻ cuồng nhiệt và thâm hiểm của chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa vô chính phủ, ông sớm đã vạch ra cho thế giới thấy bộ mặt thật của chủ nghĩa cộng sản. Trước khi chủ nghĩa cộng sản biến thành một thứ độc hại và lưu hành phổ biến đồng thời gây nên sự đau khổ, bất hạnh, rối loạn và thất vọng như hiện nay, ông sớm đã nhận rõ tính chất của chủ nghĩa cộng sản. Nó là một vấn đề trung tâm trong thế giới hiện nay, cũng là một thứ lừa bịp cho những kẻ chưa thành thực trong nhận thức chính trị: Trong cuộc chiến đấu với mọi thế lực tà ác, Tưởng tổng thống đã thể hiện đầy đủ một nghị lực kiên định vững vàng và nhất quán từ đầu đến cuối của ông".

Lời diễn thuyết của Tổng Mỹ Linh xem ra có vẻ trơn tru, nó chẳng những muốn thể hiện rõ chồng bà là bậc tiên tri, tiên phong chống Cộng sản mà còn phản chiếu lên sự ngoan cố, hẹp hòi và ngu hết chỗ nói trong tín ngưỡng chính trị của bà ta.

Tuy rằng tết dương lịch hàng năm Tưởng Giới Thạch đều có phát biểu lời chúc đầu năm, nói với mọi người: "Dân chúng ở đại lục đang trong cơn "nước sôi lửa bỏng không được quên chống Cộng sản ở đại lục", thế nhưng những luận điệu rỗng tuếch nhằm chán áy đã chỉ trở thành hình thức.

11 giờ 50 phút đêm ngày 5 tháng 4 năm 1975, một Tưởng Giới Thạch 88 tuổi đã buông tay từ giã cõi đời, trước lúc ra đi, bầu trời Đài Bắc sấm chớp vang rền, mưa như trút nước. Tổng Mỹ Linh và Tưởng Kinh Quốc liên tục săn sóc bên giường bệnh cho đến lúc ướp lệ chia tay. Chính quyền Đài Bắc đã tổ chức "quốc tang" với qui mô chưa từng có. Để tỏ lòng thương nhớ "nhà quân sự chính trị" từng là chúa tể Quốc dân đảng 50 năm trời, một nhân vật quan trọng trong lịch sử hiện đại của Trung Quốc, thi thể của Tưởng được người ta ướp và đặt trong quan tài pha lê, trong quan tài có hai cuốn sách "Thánh kinh" và "Ba trăm bài thơ Đường".

Trong lễ tang, Tổng Mỹ Linh 78 tuổi mặc toàn đồ đen, được thị nữ dìu hai bên, đặt một bó hoa hồng trước linh cữu đức ông chồng đã gắn bó với bà 48 năm trời.

Sau khi Tưởng chết, Nghiêm Gia Kiềm vốn là "phó tổng thống" lên nối ngôi "tổng thống". Ngày 28, "hội nghị toàn thể trung ương lâm thời" tiến cử Tưởng Kinh Quốc là "chủ tịch Quốc dân đảng". Tổng Mỹ Linh cảm thấy rằng thời đại của chồng mình chỉ còn là hình bóng, mà thời đại của Tưởng Kinh Quốc đã bắt đầu, bản thân mình chỉ có thể ảnh hưởng đến thời đại của Tưởng Giới Thạch chứ không có cách gì ảnh hưởng được thời đại của Tưởng Kinh Quốc. Phái nguyên lão trong đó có bà càng ngày đối lập với lớp người mới, càng trở nên "lợn béo thì người ta mừng chứ người già chỉ tỏ người ta chán". Để thoát khỏi áp lực tinh thần, cũng chẳng nghĩ đến việc phải túc trực bên "linh cữu" chồng, ngày 7 tháng 9, bà đã bay sang Mỹ, về "nhà mẹ đẻ" cho khuây khỏa. Trước lúc ra đi bà đã cho đăng một bài viết nhan đề là: "Bài nói chuyện trên giấy trước khi lên đường đi Mỹ chữa bệnh", trong đó đã nhắc tới những ngón đòn mà bà phải gánh chịu gần đây:

"Mấy năm gần đây, tôi liên tục bị mất người thân, trước hết là em rể Dung Chi qua đời, rồi em Tử An, anh Tử Văn lần lượt qua đời. Năm trước chị Ái Linh lại ốm nặng ở Mỹ, lúc này Tổng thống không được khỏe nên lần nữa không đi được, đợi đến lúc tới nơi thì chị đã hấp hối, không nói được lời nào chia tay, tình cảm ruột thịt, thật không sao bù đắp được, để lại niềm tiếc nuối sâu xa. Rồi nạn nước họa nhà cứ theo nhau mà tới. Hai năm trước, tôi cũng dần dần ủ bệnh, nhưng cũng chẳng được rảnh rang mà nghĩ đến mình, bởi vì sức khỏe tổng thống có vẻ không bình thường,

việc chữa chạy thuốc thang hơi chậm trễ là trong lòng thấy không yên. Con người tổng thống là sự yên nguy của cả một quốc gia, sự nổi dỗi của chủ nghĩa tam dân, tiền đồ của Trung Hoa dân quốc... đều đè nặng trên vai ông, tôi ngày đêm săn sóc, cầu mong sao cho tổng thống sớm bình phục, để nắm lấy công việc lớn. Ông lãnh đạo đất nước thêm được năm nào, nền tảng đất nước vững vàng thêm năm đó, thế nhưng cứ thế gần ba năm nay, cuối cùng ông đã bỏ tôi mà đi. Còn tôi do một thời gian dài gắng gượng, cố chịu nỗi đau của bệnh tật của riêng mình, đến nay có lúc thấy người mệt mỏi và giật mình thấy ra bệnh mình đã nặng, cần được chữa trị ngay".

Sau khi Tống Mỹ Linh sang Mỹ ở trong một biệt thự tại thị trấn La-tinh của New York. Khu nhà cổ kính này chiếm đất chừng 15 héc ta, nhà cửa nguyên là do Khổng Tường Hy xây, nay thuộc sở hữu của Khổng Lệnh Khản, và được lấy làm nhà khách của Tướng phu nhân.

Ngoài những dịp giỗ chồng hàng năm Tống Mỹ Linh về Đài Bắc ít ngày, bà đã ở luôn bên Mỹ 11 năm trời. Năm 1978, Tưởng Kinh Quốc nhậm chức "tổng thống" khóa 6 của Đài Loan, người ta cứ tưởng rằng thế nào Tống Mỹ Linh cũng quay về Đài Bắc để dự lễ đăng quang của con trai và tế lễ cho chồng, thế nhưng Tống Mỹ Linh đã từ chối khéo. Ngày 1 tháng 4 bà gửi điện cho Tưởng Kinh Quốc:

"Gửi Kinh Quốc!

Đã nhận được điện ngày 27 và 29 tháng 3. Kỷ niệm lần thứ ba ngày mất của cha sắp tới, trong ba năm nay cứ chợt nghĩ đến mẹ lại thấy buồn, năm ngoái về lại Sĩ Lâm, mọi thứ bày biện vẫn nguyên như cũ, khiến mẹ như người mới đó mà giờ cảnh vắng lầu không, người đi đâu? Giọng nói bước đi thường ngày vẫn còn như in, lòng không khỏi nghẹn ngào. Ta với cha con, ngoài những lúc có việc phải đi Mỹ, còn lại từng sống với nhau đến gần trăm tuổi. Có những vấn đề dù to dù nhỏ cũng đều bàn luận với nhau. Về mặt tinh thần cả hai đều dựa vào nhau, động viên khích lệ nhau, niềm an ủi không bút nào tả hết. Tự nghĩ lại ta với cha ta ngày trước, được chung sống với nhau vẹn vẹn có hơn 9 năm ngắn ngủi, vì khi 8 tuổi, ta đã phải xa nhà sang Mỹ học. Sau khi về nước, cha ta lại để mẹ ta nuôi cũng chỉ chung sống với mẹ có 17 năm trời. Khi lấy cha con, có thể nói từ đó mới mở đầu làm người bạn lâu nhất và thân nhất và cũng là nương tựa vào nhau, chính là với cha con..."

Thời gian ở Mỹ, bên cạnh Tống Mỹ Linh còn người hầu hạ và thư ký từ Đài Loan đưa sang để sắp xếp cuộc sống, lo ăn, lo mặc, xe cộ, sắp xếp giấy tờ... cho bà. Bình thường bà rất ít ra ngoài, thỉnh thoảng mới gặp mặt khách khứa từ Đài Loan sang thăm hoặc nhân sĩ chính giới Mỹ. Lúc nhàn rỗi, bà vẽ tranh, chăm hoa, vận động,

hàng tuần đều đi lễ nhà thờ. Bà rất thích một đoạn kinh cầu như sau:

"Ôi lạy chúa! Xin hãy nhận cho con tất cả sự tự do của con, trí nhớ của con, sự hiểu biết và tất cả ý chí của con. Tất cả những gì tồn tại của con, tất cả mọi thứ thuộc về con đều do Người ban cho. Nay con xin trả lại Người hết thảy, để Người sắp đặt theo ý muốn của Người, chỉ mong Người hãy ban cho con lòng yêu và đức nhân từ của Người, có những thứ đó, con sẽ trở nên giàu có đầy đủ, con không còn mong mọi gì khác".

Tháng 10 năm 1986, Tổng Mỹ Linh trở lại Đài Loan dự lễ kỷ niệm một trăm năm ngày sinh Tưởng Giới Thạch, phát biểu bài văn "Tôi sẽ lại dậy", do hàm ý của đầu đề không rõ ràng, nên đã một dạo khiến cho nhiều người Đài Loan phải đoán mò. Sau khi kết thúc buổi lễ ồn ào và sôi động, Tổng Mỹ Linh ở lại Đài Bắc, Tưởng Kinh Quốc muốn lợi dụng uy tín của mẹ kế để khắc phục những chướng ngại do những thế lực chống "đổi mới" trong đảng gây nên, quan hệ giữa hai người được cải thiện rất nhiều. Tưởng Kinh Quốc bỏ ra khoản tiền lớn tu sửa Sĩ Lâm Quan đệ – nơi trước đây Tổng Mỹ Linh và Tưởng Giới Thạch từng ở đó, để lấy chỗ cho Tổng Mỹ Linh di dưỡng tuổi già. Mọi tiện nghi và đội ngũ nhân viên ở đây đều có từ hồi Tưởng Giới Thạch còn sống. Nhưng một điều bất ngờ đối với Tổng Mỹ Linh là sau khi bà về nước một năm, Tưởng Kinh Quốc trẻ hơn bà 13 tuổi đột ngột ốm chết. Đối với Tổng Mỹ Linh vô đôn này còn đau đớn nặng nề hơn hậu quả do cái chết của Tưởng Giới Thạch đem lại. Tưởng Giới Thạch chết đi, vương triều họ Tưởng vẫn còn, cha truyền cho con, thì thiên hạ còn. Nhưng Tưởng Kinh Quốc ra đi, theo chân con người này còn cả một nền thống trị kiểu gia đình cha con họ Tưởng bám giữ 60 năm trong Quốc dân đảng và 40 năm với Đài Loan. Điều này Tổng Mỹ Linh khó có thể chấp nhận, dù đã từng bỏ ra bao nhiêu công sức vào đó mà chưa nhìn thấy thành công.

Hồi 3 giờ 50 phút chiều ngày 13 tháng 11 năm 1988 trái tim của Tưởng Kinh Quốc tuổi vừa 78 đã vĩnh viễn ngừng đập. Cái lỗ hổng chính trị do ông ta để lại sẽ lấy ai bù đắp vào? Đó là điều mọi người đoán già đoán non, mọi phía đều trông đợi. Nội bộ giới cầm quyền Đài Loan đã nổi lên một cuộc tranh giành. "Phó tổng thống" Lý Đăng Huy tuy nói ngôi "Tổng thống" nhưng trong thể chế chính trị của Đài Loan, "Tổng thống" không phải là nơi tập trung quyền lực. Quốc dân đảng thực hành chuyên chính một đảng, kẻ đứng đầu Quốc dân đảng, mới là vai trò trung tâm trên vũ đài chính trị. Xoay quanh kẻ đứng đầu Quốc dân đảng, thượng tầng của Quốc dân đảng chia làm hai phía. Những nhân vật nắm thực quyền ở tuyến một như chánh văn phòng trung ương đảng Lý Hoán... là một phía; muốn ủng hộ Lý Đăng Huy. Một phái nữa gồm Tổng Mỹ Linh cùng những nhân vật đồng liêu cùng làm việc bên cạnh Tưởng Giới Thạch và Tổng Mỹ Linh trước đây thì lại muốn tẩy chay Lý Đăng Huy, lập người khác lên thay. Bởi vì họ lo rằng Lý Đăng Huy là người sinh ra và lớn lên ở Đài Loan, một khi nắm hết chức vụ cao nhất cả trong đảng và

chính quyền, thì sẽ khó không chế. Chính quyền Quốc dân đảng vô hình trung bị biến chất. Họ mong muốn đưa một nhân vật quan trọng người gốc đại lục lên làm chủ tịch đảng để kiềm chế Lý Đăng Huy. Thế nhưng tìm đi tìm lại cũng chẳng kiếm đâu ra người đồng cân đồng lượng, đối địch với Lý Đăng Huy. Lúc bí bách quá thậm chí có người còn đưa ra chủ trương để Tống Mỹ Linh 91 tuổi lần nữa khoác chiến bào ra trận để đương đầu với Lý Đăng Huy. Tìm không ra ai, họ đành phải nêu ra ý kiến là tạm không để quyền chủ tịch, để mấy tháng sau nữa sẽ định đoạt.

Để cho Lý Đăng Huy sớm được "leo cấp nữa", những người cốt cán trong đám ủng hộ Lý như Lý Hoán, Tống Sở Du chạy vạy đi vận động các nơi, khiến cho ba mươi người trong thường vụ Trung ương, trừ bản thân Lý Đăng Huy ra, hầu hết đã ký tên vào bản đề án, tiến cử Lý Đăng Huy lên làm quyền chủ tịch của Quốc dân đảng. Đối với việc Lý Hoán chưa hỏi qua ý kiến mình đã vội vứt bỏ mọi thứ của nhà họ Tưởng, Tống Mỹ Linh hết sức không bằng lòng, đã tự tay viết thư gửi Lý Hoán. Đại ý bức thư là việc tiến cử chủ tịch Đảng, theo điều lệ đảng, phải do đại hội đại biểu của toàn thể đảng viên bầu ra, cho nên lẽ ra phải tiến hành vào dịp đại hội "lần thứ 13" họp vào tháng 7 năm đó, trước mắt, trung ương có thể áp dụng biện pháp thời kỳ cuối của Tưởng Kinh Quốc, do các ủy viên thường vụ trung ương thay nhau chủ trì hội nghị. Như vậy, tương đối hợp với qui định trong điều lệ đảng, cũng phù hợp với tinh thần dân chủ trong Đảng. Trong thư không hề nói đến bản đề án liên danh của thường vụ trung ương lại cũng chẳng nói đến tên của Lý Đăng Huy, nhưng mũi nhọn chỉ vào đâu thì đã quá rõ.

Thư của Tống Mỹ Linh do Tưởng Hiếu Dững đưa và dặn Lý Hoán:

– Bà tôi mong Lý chánh văn phòng hãy truyền đạt ý này đến các vị trong thường vụ.

Đứng trước sự bất bẻ câu chuyện đi của Tống Mỹ Linh và uy quyền còn rơi rớt lại của bà, các vị thường vụ Trung ương đều ngẩn mặt ra, mù tịt chẳng hiểu sao, cuối cùng lại nhờ đến Tống Sở Du, mới làm cho đề án từ đó biến từ ngay thành yên, không đến nỗi trở thành cái thai chết từ trong bụng mẹ.

Ngày 23 tháng 1, việc đầu tiên trong buổi làm việc của quyền chủ tịch trung ương Lý Đăng Huy là đánh xe đến Sĩ Lâm cung để chào Tống Mỹ Linh. Sau khi hàn huyên và thăm hỏi sức khỏe, Lý Đăng Huy nói đến ơn huệ của cha con họ Tưởng đã cất nhắc ông ta, không khí trò chuyện hết sức chan hòa, hoàn toàn không giống những chuyện không vui đã từng xảy ra.

Cùng với "thời đại sau Tưởng Kinh Quốc", ảnh hưởng của gia đình họ Tưởng ở Đài Loan ngày một suy giảm. Tống Mỹ Linh tuy chẳng cam tâm thế nhưng thế cùng lực cạn, và điều khiến cho bà rất bức mình là sau ngày cha con họ Tưởng qua đời,

áp lực chính trị giảm đi, ngôn luận cũng không chế một cách lỏng lẻo, dân gian và cũng không ít những nhân sĩ cấp tiến trong hàng quan lại nhao nhao lên viết bài bình Tường, nói xấu Tường, chửi Tường, gây nên làn sóng đòi xem xét lại sự việc, gây làn gió đánh đổ Tường, lật bỏ đi sự thiêng liêng trên con người của cha con Tường, phơi bày hết những gì đen tối như nhớp và mục ruỗng ra ánh sáng. Là một người còn sống, là người từng trải trong cuộc, trước tất cả những chuyện đó, Tống Mỹ Linh thấy áy náy trong lòng, hổ thẹn và cảm giận không sao ngăn nổi.

Nhà đột lại gặp đêm mưa, thuyền nát không ngờ gặp cơn gió xoáy. Trên trường chính trị, Tống Mỹ Linh liên tục bị thất thủ, trong cuộc sống gia đình cũng chẳng được yên thân. Theo chân chồng, người con lớn qua đời, ngày 14 tháng 4 năm 1989, cháu cả Tường Hiếu Văn ốm chết, ngày 1 tháng 7 năm 1991 cháu thứ hai là Tường Hiếu Võ (con thứ Tường Kinh Quốc, trước là đại biểu thường trú ở Nhật Bản) cũng ốm chết đột ngột. Lá vàng thì ở trên cây, lá xanh rụng xuống trời hay chẳng trời, đối với một bà già 95 tuổi, quả là điều tàn khốc quá!

Ngày tháng vô tình, sức khỏe của bà Tống Khánh Linh ở trên tuổi cửu tuần cũng chẳng có gì lạ quan. Sau khi cắt khối u lành tính ở buồng trứng hồi tháng 1 năm 1989, thị lực, thính lực và trí nhớ đều suy thoái nghiêm trọng, ăn uống cũng khó khăn, không khí chính trị ở Đài Loan cũng không thích hợp để bà chữa bệnh, cho nên ngày 26 tháng 9 năm 1991 bà lại đi Mỹ một lần nữa. Về việc này, báo chí Đài Loan đã bình luận như sau: "Bà chào từ biệt mảnh đất này, mang theo "đám mây cuối cùng của vương triều họ Tưởng, và đã mang đi "những năm tháng càng đi càng xa", hạ một dấu chấm cho ảnh hưởng của dòng họ Tưởng trên trường chính trị.

Con xa nhớ quê, lá rụng về cội, bà Tống Mỹ Linh sống nơi đất khách quê người trong giây phút đèn đã cạn dầu, lửa nén hắt hiu trước gió trong lòng lẽ nào lại không chợt nhớ tới mảnh đất cố hương nơi in dấu chân của tuổi ấu thơ?

Lẽ nào lại không khao khát được về cúi đầu đứng lặng trước nấm mồ cha mẹ? Lẽ nào chẳng nghĩ đến một chuyến đi đến Thượng Hải, Nam Kinh, Trùng Khánh, Hải Nam... để nhắc lại những kỷ niệm đã từng rơi vãi và vỡ vụn. Vượt qua sóng nạn thấy anh em, gặp mặt tiếng cười quên oán hận. Mong sao cho bà Tống Mỹ Linh trong khoảng thời gian còn lại của cuộc đời này, vượt qua được sự chia rẽ tín ngưỡng, sự thành kiến của lịch sử, đóng góp một chút gì cho sự nghiệp thống nhất giữa hai bờ biển hẹp.

Nắng quái chiều rực rỡ

Nước cộng hòa mới ra đời mang lại cho người ta hết tin vui này đến tin vui khác.

Hàng ngàn hàng vạn những người con lưu lạc quê người đã bỏ cả lương cao bổng

hậu để về góp sức cho đất nước.

Những hiện tượng xấu xa trong xã hội mà qua nhiều chính phủ không đối phó nổi như nghiện hút, mại dâm, chém giết cướp bóc, đánh bạc... Đảng Cộng Sản đã nhanh chóng dẹp đi bằng hết!

Bộ mặt tinh thần của mọi người đã hoàn toàn đổi mới; nhiệt tình như lửa, chân thành như vàng.

Đối với đội quân được vũ trang đến tận răng của Mỹ, những người Cộng sản chẳng những không hề khiếp sợ, mà đã để cho họ thất bại liên tiếp, làm cho cả thế giới phải kinh ngạc.

Những người dân từ một nước Trung Quốc tăm tối bước ra, đứng trước nguồn ánh sáng đó làm sao mà không kinh ngạc, mà không khâm phục. Tống Khánh Linh không nén được niềm vui trong lòng, bà đã nhiều lần viết bài và diễn thuyết dùng những lời lẽ như thơ nhiệt liệt ca ngợi nước

Trung Quốc mới, bà phấn nộ lên án Mỹ xâm lược Triều Tiên.

Cuối năm 1952, bà lại dẫn đầu đoàn đại biểu phụ nữ Trung Quốc đến Viên tham gia đại hội hòa bình thế giới tham gia phong trào hòa bình quốc tế.

Nhân dân Trung Quốc đã thoát ra khỏi xiềng xích, lòng hăng hái như cơn nước lũ trào xối, dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Trung Quốc, chỉ trong mấy năm ngắn ngủi, từ trên đống đổ nát của chiến tranh, họ đã lập nên nhiều kỳ tích. Lúc này ảnh hưởng của đảng Cộng sản như mặt trời giữa trưa, có nhiều nhân sĩ và phần tử trí thức nổi tiếng đã vào đảng Cộng sản. Đầu năm 1957, Tống Khánh Linh đã nói với Lưu Thiếu Kỳ là người phụ trách công tác Đảng rằng bà muốn vào đảng Cộng sản. Những người lãnh đạo của đảng Cộng sản rất vui mừng, thế nhưng họ không đồng ý với yêu cầu của Tống Khánh Linh bởi vì bà ở ngoài đảng, tiếng kêu gọi phát huy nhiệt tình ủng hộ sẽ có lợi và mạnh hơn.

Thành tựu lớn lao đã cổ vũ động viên đảng Cộng sản rất nhiều, họ cho rằng nắm vững việc nêu ra ý kiến phê bình để đạt tới sự dân chủ ở một mức độ nào đó, để tránh những việc tương tự như Ba Lan, như Hung ga ri xảy ra ở Trung Quốc. Nhưng họ không lường trước được rằng có những loại phê bình thách thức lại nguyên tắc cơ bản của Đảng, vội vàng phát động phong trào "chống phái hữu", để ngăn chặn và trấn áp tất cả những ai đã nêu ra ý kiến phê bình mà phần lớn trong đó là trí thức. Mà một điều hài hước nữa là lúc đó chỉ có một số rất ít người thực sự chống đảng. Phần lớn những người đứng ra phê bình đảng sự thực lại kiên quyết ủng hộ đảng. Trong 55 vạn người phái hữu lại có Vương Tạo Thời, Sa Thiên Lý, Chương Nại Khí...

là những người trong "thất quân tử" nổi tiếng, cốt cán của "cứu quốc hội" do Tống Khánh Linh lãnh đạo những năm 30.

Tống Khánh Linh phụ họa với cuộc vận động này, bà đã viết một bài nhan đề là "Phủ nhận sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, tức là muốn làm cho nhân dân cả nước lại rơi vào địa vị nô lệ". Năm 1957, trong đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ ba, trong bài nói chuyện của mình, bà đã kêu gọi chị em phụ nữ "khắc phục chủ nghĩa ôn hòa, đập tan phái hữu tư sản chủ nghĩa".

Đối với lời nói và việc làm trong khi chống phái hữu của bà Tống Khánh Linh thì nên hiểu như thế nào, trong tác phẩm "Tôn Dật Tiên phu nhân" của mình, tác giả Ha-ri-tai đã phân tích khá sâu sắc:

"Bà (tức Tống Khánh Linh) đã từng đập lại chuyên chính một đảng của Tưởng Giới Thạch. Bà từng đề xướng dân chủ, cho rằng đây là một phần quan trọng trong lời di huấn của Tôn Trung Sơn. Bà biết chắc chắn người vì dám nói mà bị Quốc dân Đảng bắt bỏ tù như Vương Tạo Thời, đối với nước cộng hòa, họ chỉ biết có một tấm lòng tốt, không hề có ý gì khác. Ngày nay, trong không khí gọi là tự do, họ được gọi ra xin ý kiến, mới đưa ra một vài đề nghị có tính phê bình, đã bị trừng phạt. Bà làm sao có thể nói được rằng như thế là hợp lý. Xem ra Khánh Linh dưới sự thống trị của Quốc dân đảng làm một cách, dưới sự thống trị của đảng Cộng sản lại làm một cách khác, hiện tượng tự mâu thuẫn lại mình như thế này trong xã hội mà đảng Cộng sản lãnh đạo hầu như là một hiện tượng chung thường thấy. Một phần nguyên nhân có thể là: chủ nghĩa Cộng sản thường thường xuất hiện ở những xã hội không thể tránh khỏi sự vật lộn một mất một còn, trong hoàn cảnh xã hội đó, nhân dân không đứng ở bên này, thì đứng bên kia, không còn chỗ nào khác để lựa chọn. Trung Quốc là một xã hội như thế. Khánh Linh đã chọn lập trường đứng chung với đảng Cộng sản, bởi bà tin rằng họ là những người thừa kế cách mạng của Tôn Trung Sơn. Năm 1956 bà đã từng nói, đảng Cộng sản "chẳng những biến lý tưởng Tôn Trung Sơn phấn đấu suốt cuộc đời thành hiện thực mà còn vượt xa hơn nhiều lý tưởng của ông".

Sau khi đã từng trải qua đau khổ nặng nề và hy sinh đổ máu, mọi người phải vứt bỏ lý tưởng hoặc lập trường của mình là điều không phải dễ. Khi sai lầm và tội ác xuất hiện với danh nghĩa của lý tưởng đó, những người ấy không phải nhìn mà không thấy, thì tức là tìm cớ cho sai lầm và tội ác. Ngoài ra trong một luận điểm thường thấy là không thể cho "kẻ thù" bất kể một sự giúp đỡ nào, về một ý nghĩa nào đó, những người đấu tranh cho lý tưởng, cuối cùng lại trở thành tù binh cho lý tưởng của mình. Năm 1958 Mao Trạch Đông muốn vót thì vót cho tròn, thực hiện nguyện vọng tốt đẹp của mình là cải tạo Trung Quốc một lần nữa, thế là "đại nhảy vọt" và "công xã nhân dân" bắt đầu, nhận chân một sự quá nhiệt tình nên xa rời

thực tế. Trong cao trào luyện thép theo lối cổ, Tống Khánh Linh đã khích lệ thư ký của mình và thợ làm vườn, đầu bếp nhân viên quản lý cùng các nhân viên khác xây ngay trong vườn hoa của khu nhà ở của bà một cái lò bằng gạch để nấu thép lối cổ, hơn nữa dù đã 66 tuổi bà vẫn ra trước lò tham gia lao động. Trong hồi ký của mình, Khơ-rút-sốp đã viết: "Tôi nghi ngờ không hiểu bà đã nấu gang bao giờ chưa. Bà luôn luôn khoe với những người đến thăm về cái lò của mình". Rất đúng! Cách làm của Tống Khánh Linh tuy không khoa học, nhưng nhiệt tình của bà thì rất chân thành, bà khao khát mong cho đất nước sớm mạnh giàu. "Một vạn năm lâu quá, chỉ tranh một sớm một chiều".

Chính vì con cuồng nhiệt ấu trĩ đã lan tranh khắp đất nước, bộ trưởng quốc phòng Bành Đức Hoài và các chiến hữu của mình đã hiên ngang đứng ra phê bình Mao Trạch Đông, Tháng 7 năm 1959, họ bị liệt vào "tập đoàn chống Đảng", những người ủng hộ Bành bị coi là "bọn cơ hội hữu khuynh". Tống Khánh Linh không công khai ra mặt ủng hộ họ, đối với hiện thực khốc liệt ở thời kỳ đó, bà cũng không hề hé răng. Bà chỉ biết ủng hộ đường lối của đảng Cộng sản, hát mãi khúc lạc quan chủ nghĩa.

"Khánh Linh mặc dù toàn tâm toàn ý dốc lòng cho sự nghiệp, nhưng không tham gia những quyết sách thực chất". Chức vị của bà chủ yếu là có tính danh dự và tượng trưng. Cùng sát cánh đấu tranh lâu dài với Cộng sản khiến bà giành được một uy tín cao cả. Chỉ một sự thực là bà ở lại đại lục cũng đã khiến cho đảng Cộng sản trở thành người kế thừa hợp pháp lý tưởng của Tôn Trung Sơn. Về mặt ý nghĩa mà nói, bà tự nhiên là người có quyền lực. Tuy nhiên bà vẫn có quyền lực để không chế tình thế và quyết định phương hướng... Khánh Linh chưa bao giờ mưu cầu quyền lực cho riêng mình.

Đúng như Y Rơ-xen-lăng nói: "Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến trong đời bà đứng trước cuộc đấu tranh chính trị phức tạp mà rốt cuộc không hề bị trở thành vật hy sinh trong đấu tranh chính trị".

Đối với việc sống trong hoàn cảnh luôn phải gánh những chức vụ danh nghĩa tầng lớp lãnh đạo cao cấp, Tống Khánh Linh luôn tỏ ra an phận, có thể còn có một nguyên nhân gì khác nữa. Bà rất rõ những hạn chế trong năng lực của mình – Người quý ở chỗ sáng suốt tự biết mình. Trong lời bình luận về bà, Hai-lơn-xi-nốp nói đến hai điểm có tính đại biểu: Tuy bà không phải là kiểu người trí thức mà chỉ là người làm việc theo tình cảm và cảm giác, nhưng Tôn phu nhân cần có sẵn và quả thực đã có sẵn một đầu óc của mình.

Tôn phu nhân là người đàn bà vĩ đại, không phải là bà đã làm được điều gì ghê gớm mà lại chính bởi vì bà không làm gì. Bà được mọi người tôn kính bởi nhân

cách của bà, chứ không phải vì bà lập nên công to việc lớn (Trương Nhung – "Tôn Dật Tiên phu nhân").

Sau năm 1949, tiếp tục bằng uy vọng của mình, bà đã mang lại cho nhân dân Trung Quốc nhiều bạn bè và tình cảm hữu nghị. Không chỉ một người khách nước ngoài đã bình luận về bà: "Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thu hút được một người như bà, thì hẳn là họ đã có một lý lẽ gì đó".

Trong tầng lớp lãnh đạo Trung Quốc, bà bỗng trở thành một thứ quyền uy, đối với phương Tây, nhất là trong những năm Trung Quốc "bế quan tỏa cảng", bà đã khiến cho mọi người mới có một chút thể hội và hiểu biết thêm một chút về điều phương Tây rất khó thấy ở Trung Quốc. Trên bàn ăn của bà, có thể thưởng thức thứ mì ống có kèm sữa kiểu Mỹ. Sau bữa ăn uống cà phê chứ không phải chè xanh. Có lúc cùng với cà phê còn cho thêm rượu để thành thứ uống bà rất thích dùng sau bữa ăn. Buổi tối khi làm việc mệt mỏi, bà cũng hút vài điếu thuốc thơm.

Sau giải phóng Tổng Khánh Linh ở nhà số 46 Hậu Hải Bắc Diên ở Bắc Kinh. Đây là một vương phủ vắng vẻ, xinh đẹp kiểu vườn hoa, nó nguyên là vườn hoa trong phủ đệ của Vương Tài Phong, cha của Phổ Nghi là ông vua cuối cùng của nhà Thanh. Tổng Khánh Linh đã ở đây tiếp khách nước ngoài và tổ chức các buổi vũ hội. Chu Ân Lai nhiều lúc cũng đến đây cùng nhảy với Tổng Khánh Linh.

Tổng Khánh Linh năm nào cũng gửi thiệp chúc tết tới Mao Trạch Đông. Năm 1956 Mao Trạch Đông nhận được thiệp chúc Tết của bà, vô cùng mừng rỡ cầm bút viết thư trả lời ngay. Mao Trạch Đông gọi Tổng Khánh Linh lớn hơn mình một tuổi bằng "chị cả thân mến" và dí dỏm viết rằng:

"Chị khỏe không? Chị ngủ có ngon giấc không? Tôi vẫn như cũ, ăn rất khỏe, ngủ rất ngon. mấy năm gần đây đại khái còn chưa đến nỗi phải đi châu Thượng đế, tuy nhiên thấy mình suy sụp quá mất rồi! Mong chị hãy chú ý giữ gìn sức khỏe".

Nửa cuối năm 1966, con tàu của nước Cộng hòa đã đi vào luồng lạch của "Cách mạng văn hóa". "Thiên hạ đại loạn, tạo phản có lý". Sấy tóc quăn, bôi nước hoa, xoa kem mặt, chơi cờ vây, đi giày cao gót... đều là mục tiêu cách mạng của Hồng vệ binh.

Tôn Trung Sơn bị vu cho là lãnh đạo "cách mạng tư sản", tượng đồng của ông ở Nam Kinh bị hồng vệ binh chuyển đi, đang chuẩn bị phá hủy. Ở Thượng Hải, lăng mộ của cha mẹ Tổng Khánh Linh bị hồng vệ binh ở ngoại ô đào bới; hồng vệ binh ở Bắc Kinh coi Tổng Khánh Linh "xuất thân từ giai cấp bóc lột", "em gái Tổng Mỹ Linh là vợ Tưởng Giới Thạch", định xông vào đập phá nhà ở của Tổng Khánh Linh, dán báo chữ lớn vào nhà bà...

Được tin lăng mộ của bố mẹ bị đào bới, tên tuổi trên bia bị dấu X bằng sơn đỏ, Tống Khánh Linh rất buồn. Ai cũng biết rằng lăng mộ đối với người Trung Quốc là một thứ thiêng liêng không thể xâm phạm được. Hủy hoại lăng mộ chẳng những là sự lăng nhục người sống mà cả đối với người đã chết. Bà đã nhờ Liêu Mộng Tinh (con gái của Liêu Trọng Khải, thư ký của Tống Khánh Linh) thông qua Đặng Dĩnh Siêu nói chuyện này với Chu Ân Lai. Thủ tướng Chu Ân Lai lập tức ra lệnh, yêu cầu sửa chữa lại lăng mộ cho họ Tống, lập lại bia mộ – Nhưng trên bia mới dựng, chỉ để có tên một mình Tống Khánh Linh là người lập bia. Đối với việc áp đặt và cách làm hoang đường này, giữa không khí chính trị hồi ấy; trong lòng Tống Khánh Linh luôn luôn canh cánh một nỗi buồn khó nói ra lời (chỉ sau khi đập tan "bốn bốn người", lúc lập bia trùng tu lại lăng mộ họ Tống mới khắc đủ tên của con trai con gái vợ chồng ông bà Tống Diệu Như: Con gái Ái Linh, Khánh Linh, Mỹ Linh. Trai: Tử Văn, Tử Lương, Tử An).

Chu Ân Lai hết lòng bảo vệ Tống Khánh Linh, ông đã thân chinh hết lời hết lễ khuyên hồng vệ binh nên tôn trọng Tống Khánh Linh, đồng thời cử thêm người đến canh phòng khu nhà ở của bà. Mặc dù vậy, Tống Khánh Linh vẫn hết sức cẩn thận, bà đã bảo thư ký tháo gỡ hết những tranh ảnh quý giá treo trên tường cũng như đồ mỹ nghệ, thậm chí cả tượng, ảnh Tôn Trung Sơn vẫn bày, thay vào đấy là những câu trích lời "luôn nhớ không quên", ngoài ra bà còn tự mình chọn và đốt hết những thư từ và tài liệu, để phòng không may.

Trong "Cách mạng văn hóa" hoạt động xã hội của Tống Khánh Linh giảm đi rõ rệt, chỉ thỉnh thoảng với tư cách phó chủ tịch nước (chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ đã bị đánh đổ) để nhận quốc thư, tiếp khách ngoại giao, tham gia các buổi lễ truy điệu... Ngoài giờ làm việc, bà bỏ thời gian vào công việc mà mình yêu thích, thí dụ chơi đàn piano, có khi chơi liên một lúc mấy tiếng đồng hồ; nghe nhạc, bà thích nghe nhất là bản giao hưởng số 9 của Beethoven. Có lúc vừa cúi xuống bàn vẽ tranh hoặc hện bà bạn cùng con cháu đến bơi ở bể bơi trong khu nhà ở, còn bà thì ngồi dưới bóng cây xem họ.

Năm 1976, "bốn hại" được quét sạch, trận cướp bóc cũng kết thúc. Trong lòng mình cũng như cả thể xác, Tống Khánh Linh bỗng nhiên thoải mái nhẹ nhàng hơn. Tuy đã ở tuổi cập kê miệng lỗ, nhưng vẫn muốn có đóng góp chút hơi tàn cho sự nghiệp phát triển của Trung Quốc.

Thế nhưng trời chẳng chiều người. Tối ngày 14 tháng 5 năm 1981, bệnh của Khánh Linh bỗng trở nên nguy kịch, qua cấp cứu mấy ngày đã khá hơn nhiều, cuối cùng bà đã nêu ra yêu cầu với Đặng Dĩnh Siêu đến thăm bà là muốn được vào Đảng. Ngày 15 yêu cầu của bà được chấp thuận. Ngày 16 bà được phong làm chủ tịch danh dự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đó là "niềm vinh dự cuối cùng" của

bà. Bà nhận chức đó không có gì phải hổ thẹn, bởi một đời bà đều là hợp tác thực sự với đảng Cộng sản. Bà đã hiến dâng tất cả đời mình cho mảnh đất sinh ra và lớn lên.

Ngày 29 tháng 5 là ngày cuối cùng của bà trên cõi đời này. Trước lúc chết, Tống Khánh Linh còn quan tâm đến em trai em gái, họ hàng bè bạn đang ở bên Mỹ. Ngày 22 tháng 5 từ New York, em bà là Tống Tử Lương đã điện về thăm hỏi bà: "Được biết chị ốm nặng, em rất buồn. Cầu chúc chị mạnh khỏe".

Sau khi bà qua đời, đảng Cộng sản từng mời Tống Ái Linh, Tống Tử Lương về nước để dự lễ tang của chị mình, nhưng họ vẫn không về.

Tống Khánh Linh ra đi, có để lại lời di chúc, xin sau khi chết được chôn ở gần mộ tổ tiên ở Thượng Hải, để được mãi mãi yên nghỉ với cha mẹ bà cùng những người thân sống bên bà suốt đời. Bà không muốn chôn ở Lăng Trung Sơn, những đồng sự thân mật của bà nói đó là vì bà không muốn phải tổ chức tang lễ cho bà. Cũng có người nhớ lại rằng bà rất không thích Lăng Trung Sơn, cho rằng đó là một tác phẩm do Tưởng Giới Thạch đặt tên tuổi cho. Bất kể là lý do gì, lần ra đi này, bà tuyên bố với toàn thế giới: Tống Khánh Linh không phải là một "Bà góa tâm thường" mà là một chiến sĩ độc lập. Mặc dù là trong cả quá trình gian khổ lâu dài, lý tưởng lớn lao của bà thường thường mang danh nghĩa Tôn Trung Sơn, tuy nhiên những lý tưởng đó rõ ràng thực sự là của chính bà. Tống Khánh Linh ra đi, bà đã trải qua 88 mùa xuân trong cuộc đời, bà đã để lại cho đời sau một di sản quý báu – Tinh thần hiến thân trung thành mà nguyên tắc lòng tin trước sau không thay đổi. Sự phụng hiến của bà không chỉ là một sự tự hy sinh, mà đó là ban cho đời sự ấm áp, tình yêu thương và hy vọng.

Lần giở những cuốn sử Trung Quốc dày theo năm tháng, hai chữ "ngoại thích" nhiều lần hiện ra trước mắt chúng ta, mới hay ngoại thích – bên họ ngoại – cũng giữ những vai trò cực kỳ quan trọng. Nhà viết sử lỗi lạc, không biết người xưa cũng chẳng rõ người nay, Tư Mã Thiên, trong 130 quyển "sử ký" của mình đã đề "ngoại thích thế gia", "Kinh, Yên thế gia", "Tề Huy Huệ vương thế gia", "tiểu tướng quốc thế gia", "Lưu hầu thế gia"... mới đủ thấy địa vị và sức nặng của "họ ngoại" trong lịch sử ghê gớm như thế nào.

Ngay phần đầu của "ngoại thích thế gia", Tư Mã Thiên đã nói ra rất rõ những quan hệ thân tộc hình thành qua hôn nhân thường có ảnh hưởng rất lớn trong việc hưng thịnh hay suy đồi do phế lập trong lịch sử.

Cái gọi là "ngoại thích" đại để có thể hiểu đó là những gì thuộc về bên mẹ đẻ, nên cũng còn gọi là "đảng mẹ"; họ hàng mẹ đẻ bên vợ, tức là "thê đảng", thông gia của con trai con gái, gọi là "đảng dâu", "đảng rể"...

Ngoại thích mà làm chính trị, kẻ giàu hống hách mà nói lý lẽ, cái màn kịch tự đi đến diệt vong tự tái diễn vào khi nước cộng hòa mới ra đời (năm 1912).

Từ năm 1927 – 1947 Tưởng Giới Thạch không chế Trung Quốc, đã dẫm theo vết chân của những kẻ chuyên chế phong kiến, đi ngược dòng lịch sử, dùng người thì ưa người thân, trọng dụng ngoại thích, nhằm mục đích yên tâm khi dùng người, thuận tay cất nhắc, nhưng kết quả là tự bê đá đập chân mình. Những kẻ hám lợi như Tống Tử Văn với Khổng Tường Hy, họ chẳng làm gì có đạo đức, trình tháo, mà chỉ quen tham lam, chỉ ham bòn vét, chỉ thích tích góp, bóp nặn mồ hôi nước mắt của dân lành. Thế là chuốc lấy sự oán ghét sục sôi, rồi Tưởng Giới Thạch phải hốt hải trốn khỏi đại lục.

Tưởng Giới Thạch cô độc lẻ loi sống nốt những ngày tháng cuối đời, từ xa xăm ngó nhìn về nơi đại lục đã mất đi, trong lòng nhất định rằng cũng chứa đầy những niềm chua chát chẳng biết nói cùng ai mà đêm ngày lo lắng. Ông ta không thể không nghĩ đến một điều chính nhờ tay ông vun vén nên gia tộc họ Tống mới có thể thăng quan tiến chức vùn vụt để mà làm mưa làm gió.

Những tao nhân mặc khách thích tâng bốc vợ chồng Tưởng Giới Thạch, ngồi ôn lại lịch sử ngày xưa cũng chẳng sao xóa được sự xấu xa bản thủ của Tống Mỹ Linh và gia đình họ Tống.

Những hành động bòn vét trong thời kỳ kháng chiến của tập đoàn tài phiệt Khổng – Tống cũng như sau khi anh rể Khổng Tường Hy với em ruột là Tống Tử Văn đã có chức quan cao, những biểu hiện trong thi hành chính sách khiến quốc dân không thể tha thứ được, tuy chẳng có quan hệ gì trực tiếp đến Tưởng phu nhân nhưng cũng thường khiến bà lâm vào cảnh khó xử và hổ thẹn. Thế nhưng vì quan hệ ruột thịt họ hàng, bà cũng không thể không có ý bênh che, thậm chí vì thế mà đã từng có lúc xảy ra ý kiến này nọ với Tưởng Giới Thạch. Đối với một nhân vật chính trị mà nói, đó là điểm bất lợi nhất cho Tưởng Giới Thạch. Cũng may mà sau khi chính phủ này dời ra Đài Loan, hai người Khổng, Tống đều lui ra khỏi sân khấu chính trị, Tưởng phu nhân cũng thôi không còn phải liên lụy với họ. Từ những năm 50 đến năm 1975, trong hơn hai mươi năm đó, với hình tượng đệ nhất phu nhân ung dung của mình, Tống Mỹ Linh đã ca ngợi cho chính sách tái tạo, đổi mới của chồng mình. Quá xa rồi!

Vẻ huy hoàng và niềm kiêu hãnh ngày xưa của gia đình họ Tống đã bị mòn mỏi hết trong sự trôi chảy của năm tháng trong dòng đời, để lại cho người sau chỉ là những lời than và những phút suy tư.

Ba chị em cùng một mẹ sinh ra tại sao lại có chí hướng khác nhau trong cuộc đời làm vậy?

Chính họ làm chúa tể cho vận mệnh Trung Quốc? Hay là vận mệnh của họ bị Trung Quốc làm chúa tể?

Non xanh còn mãi hỏi mấy lần còn đỏ ánh tà dương?

Đọc đến tên tuổi ba người anh em đồng hao tiếng la như sấm bên tai, quả thật khiến ta không cầm lòng nổi mà phải ngâm lên mấy câu cho sượng miệng.

Anh chị em đều liệt sĩ, tiếc thay vẻ vang cũng tùy cửa.

Ngày nay các bậc cha mẹ trong thiên hạ, không trọng sinh trai lại trọng sinh gái.

Dịch xong những ngày đầu thu 1996

NGUYỄN BÁ THÍNH